



NGƯỜI
CUỐI CÙNG
CỦA RỘ TỘC

MOHICAN

JAMES
FENIMORE
COOPER

NGƯỜI CUỐI CÙNG CỦA BỘ TỘC MOHICAN

Nguyên tác: The last of the Mohicans

—★—

Tác giả: James Fenimore Cooper

Người dịch: Trương Đắc Vy

Nhã Nam phát hành

NXB Văn Học - 12/2015

epub©vctvegroup

31-12-2017

CHƯƠNG I

Chớ ghét tôi vì màu da của tôi,
Bộ chế phục đen bóng ánh mặt trời.^[1]
Tai ta mở to và tim ta đã sẵn sàng;
Tin dữ nhất người mang đến cũng chỉ là tổn thất nhỏ nhất.
Nói đi, phải chăng vương quốc ta đã mất?^[2]
• SHAKESPEARE

Một đặc điểm của những cuộc chiến tranh thuộc địa ở Bắc Mỹ là các bên đối phương, trước khi giáp mặt, phải đương đầu với những gian lao nguy hiểm của một vùng hoang dã. Một dải rừng biên giới bao la, bề ngoài như thể bất khả xâm phạm, ngăn cách các thuộc địa của hai nước thù địch Pháp và Anh.

Những người khẩn hoang^[3] gan dạ cùng những lính Âu thiện chiến sát cánh bên họ, thường phải mất hàng tháng trời vật lộn với những thác nước hoặc vượt qua những đèo hiểm trở để tìm cơ hội phô bày lòng can đảm trong một cuộc chiến đấu có tính võ dũng hơn. Nhưng, noi gương kiên nhẫn và hy sinh của các chiến binh thổ dân lão luyện, họ đã học được cách vượt qua mọi khó khăn; và dường như cùng với thời gian, không một nơi thâm sơn cùng cốc nào có thể tự cho là thoát khỏi sự xâm nhập của những người đã nguyện đem xương máu để rửa thù hoặc để duy trì chính sách tàn nhẫn và ích kỷ của các bậc vua chúa bên trời Âu xa xôi.

Trên khắp dải biên giới bao la ấy, có lẽ không nơi nào có thể cung cấp một bức tranh sinh động về sự tàn ác khốc liệt của cuộc chiến tranh man rợ thời đó hơn khu vực nằm giữa thượng nguồn sông Hudson và những hồ nước lân cận.

Nơi đây, thiên nhiên đã tạo cho việc hành quân của các chiến binh những thuận lợi quá rõ rệt khiến họ không thể bỏ qua. Hồ Champlain^[4] trải dài từ biên giới Canada và ăn sâu vào địa phận bang New York kế cận, hình thành một lối đi thiên tạo trên một nửa quãng đường quân Pháp bắt buộc phải chiếm được để đánh kẻ địch. Gần cuối phía Nam hồ Champlain có một hồ khác chảy vào: nước hồ này trong đến nỗi đã được các nhà truyền giáo dòng Tên đặc biệt chọn để làm lễ rửa tội và xin đặt tên cho nó là hồ “Thánh Lễ”. Những người Anh kém mạo hiểm hơn nghĩ rằng họ đã làm vinh dự cho dòng nước trong vắt khi lấy tên hoàng tử đương vị, ông hoàng thứ hai dòng họ Hanover để đặt tên cho hồ này. Các nhà truyền giáo và người Anh đã liên kết lại để tước đoạt của những chủ nhân ngờ nghệch vùng rừng rú này cái quyền tự nhiên được duy trì tên gốc của hồ là “Horican”^[5].

Lượn khúc giữa vô vàn hòn đảo, núi non bao bọc xung quanh, “hồ thiêng liêng” chạy dài thêm mười hai dặm về phía Nam. Tới đây có một cao nguyên chặn đứng dòng nước lại. Bắt đầu một cuộc chuyên chở đường bộ cũng trên chũng ấy dặm đưa nhà thám hiểm tới bờ sông Hudson; từ quãng này, thuyền bè đi lại được theo nước triều, trừ những khúc có thác nước ngăn cản - gọi theo danh từ địa phương là kẽ nứt.

Để thực hiện những kế hoạch quấy rối táo bạo, với một tinh thần gan dạ không mệt mỏi, người Pháp dám vượt cả những đèo xa xôi và hiểm trở của rặng núi Alleghany^[6]; cho nên ta có thể dễ dàng hình dung được rằng sự sắc sảo nổi tiếng xưa nay

của họ sẽ không bỏ qua những thuận lợi thiên nhiên của miền đất mà chúng tôi vừa tả ở trên. Nơi đây thật sự đã trở thành một võ trường đẫm máu diễn ra hầu hết những cuộc giao tranh giành quyền bá chủ các thuộc địa. Đồn lũy được dựng lên tại những điểm trấn ngự mạch máu giao thông, bị chiếm đi chiếm lại, bị phá trụi rồi lại được dựng lên mỗi khi chiến thắng ngời sáng trên lá cờ đối phương. Trong khi người nông phu phải chùn bước trước những đèo hiểm trở và rút vào các phần đất an toàn hơn của những vùng định cư cũ thì những đạo quân lớn hơn cả những đạo quân đã từng lật đổ ngai vàng ở mẫu quốc, dẫn mình trong rừng sâu để hân hỷ có trở về thì chỉ còn cái khung, quân tướng phờ phạc vì lo âu, chán nản vì bại trận.

Tuy miền đất oan nghiệt này không hề biết tới nghệ thuật hòa bình, các khu rừng vẫn nhộn nhịp bóng người; đường đi lồi lạo và các thung lũng vang lên khúc quân nhạc, núi non vọng về tiếng cười hoặc tiếng hò reo nghịch ngợm của các chàng trai dũng cảm, táo bạo khi họ băng mình lao qua với niềm hưng phấn tràn đầy để rồi thiếp ngủ trong đêm dài của quên lãng.

Chính trong khung cảnh giao tranh đổ máu ấy đã diễn ra những sự kiện mà chúng tôi muốn kể lại sau đây. Khi ấy đã là năm thứ ba cuộc chiến tranh giữa Anh và Pháp nhằm chiếm một xứ sở mà không bên nào giữ được.

Sự ngu xuẩn của những người chỉ huy quân sự ở ngoài nước cộng với sự thiếu kiên quyết của các hội đồng trong nước đã hạ thấp thanh danh của nước Anh, một nước từng giữ một địa vị cao nhờ tài năng và trí can trường của các tướng lĩnh và chính khách trước đây. Không còn được kẻ thù khiếp sợ, chẳng bao lâu những người phụng sự cho nước đó mất cả lòng tự tin và tự

trọng. Tuy bản thân không chịu trách nhiệm về sự ngu xuẩn này, và lại quá thấp hèn để có thể gây nên những sai lầm cho nước Anh, những người khấn hoang đương nhiên đã phải chịu đựng lây sự suy sụp nhục nhã đó. Mới gần đây, họ chứng kiến một đạo quân tinh nhuệ của nước Anh mà họ sùng kính như mẹ đẻ và tin một cách mù quáng là vô địch, một đạo quân đứng đầu là một vị tướng^[7] đã được lựa chọn trong đám những nhà cầm quân lão luyện vì thiên tài quân sự hiếm có của ông - bị một dúm người Pháp và người da đỏ đánh cho thất điên bát đảo. Và đạo quân đó chỉ thoát khỏi sự tiêu diệt nhờ tinh thần bình tĩnh và quả cảm của một thanh niên xứ Virginia. Từ đó, uy danh của chàng trai này ngày một lẫy lừng và được truyền tụng với ảnh hưởng mạnh mẽ của sự thật tinh thần, tới những biên giới tận cùng của các nước theo đạo Thiên Chúa^[8].

Sau cuộc thua trận bất ngờ này, một dải biên giới bao la bị bỏ trống và trước những tai họa lớn hơn sẽ đến, người ta tưởng tượng ra hàng ngàn hiểm nguy quái dị. Những người khấn hoang hốt hoảng tưởng như đã nghe thấy tiếng gào thét của giống người dã man lẫn trong từng cơn gió từ những khoảng rừng vô tận phía Tây thổi về. Tính chất khủng khiếp của kẻ thù tàn bạo của họ làm tăng vô hạn độ những sự việc rừng rợn thường xảy ra trong chiến tranh. Những cuộc tàn sát nhiều vô kể mới gần đây hãy còn in sâu trong ký ức họ; khắp trong vùng, người nào nặng tai đến đâu cũng phải chăm chú lắng nghe kể một vài chuyện hãi hùng về những vụ giết chóc giữa đêm khuya mà những người thổ dân là vai chính dã man. Trong khi người khách du hành cả tin sôi nổi kể lại những chuyện may rủi ở nơi rừng rú hoang vu, máu của những kẻ nhát gan đông cứng vì khiếp sợ, và tuy đang sống giữa những thành phố an toàn, các bà mẹ cũng phải đưa cặp mắt lo âu nhìn

con mình đang ngủ. Nói tóm lại, ảnh hưởng ngày một tăng của sự sợ hãi bắt đầu làm lu mờ những toan tính của lý trí và biến những con người lẽ ra phải giữ nhân cách của mình thành nô lệ của những dục vọng thấp hèn nhất. Ngay cả những người can đảm và tự tin nhất cũng đâm ra hoài nghi kết quả cuộc chiến đấu; đám người hèn hạ này ngày một tăng, và theo họ nghĩ thì rồi ra tất cả những thuộc địa của Anh hoàng tại châu Mỹ sẽ bị những kẻ thù theo đạo Cơ Đốc chiếm đoạt hoặc bị những đồng minh tàn bạo của những kẻ đó kéo đến tàn phá.

Bởi vậy khi pháo đài bảo vệ phần cực Nam con đường bộ chuyên chở từ sông Hudson tới vùng hồ nhận được tin báo là tướng Montcalm^[9] đang đi ngược hồ Champlain với một đạo quân “đông như lá trên cây”, mọi người đều nghĩ là thật, nhưng với một sự miễn cưỡng hãi hùng của kẻ hèn nhất hơn là với niềm vui thích khắc khổ mà một chiến binh cảm nhận khi thấy quân thù đã trong tầm bắn của mình. Tin đó do một liên lạc viên da đỏ mang tới vào lúc xế chiều một ngày hè, cùng với một yêu cầu khẩn cấp của Munro, chỉ huy một pháo đài ở bên bờ “hồ thiêng liêng”, xin gửi cấp tốc một lực lượng tiếp viện hùng hậu. Ở trên đã nói hai vị trí này cách xa nhau không tới năm dặm. Con đường thô sơ trước kia dùng liên lạc giữa hai vị trí đã được mở rộng cho xe cộ đi lại; cho nên, quãng đường mà người con của núi rừng vừa vượt qua trong hai tiếng đồng hồ, một đơn vị đủ quân trang quân dụng cần thiết có thể dễ dàng đi qua trong khoảng thời gian mặt trời mọc và lặn của một ngày hè. Những bày tôi trung thành của vua nước Anh đã lấy tên hai ông hoàng được triều đình đương vị sủng ái để đặt tên cho hai pháo đài nằm giữa chốn rừng sâu này là William Henry và Edward. Người quân nhân kỳ cựu xứ Scotland vừa nói ở trên chỉ huy pháo đài thứ nhất cùng với một trung đoàn quân

chính quy và một số ít quân địa phương, một lực lượng quả là nhỏ bé để chống lại quân lực khủng khiếp mà tướng Montcalm dẫn tới chân những chiến lũy đất. Nhưng tại pháo đài Edward có tướng Webb, chỉ huy quân đội nhà vua tại các tỉnh phía Bắc, với một đạo quân trên năm ngàn người. Nếu tập trung lại tất cả những đơn vị thuộc quyền chỉ huy của mình, tướng Webb có thể tung ra một số quân gần gấp đôi để đối chọi với viên tướng Pháp táo bạo dám đi quá xa những căn cứ tiếp viện với số quân sĩ chỉ đông hơn chút ít.

Nhưng do ảnh hưởng của những sự việc không may, cả quân lẫn lính tỏ ra chỉ muốn nằm lì trong công sự chờ đối thủ lợi hại của họ tới chứ không chịu xông ra chặn bước tiến của kẻ địch để giáng một đòn ngay trên đường tiến quân của chúng, nơi gương tốt đẹp của quân Pháp tại pháo đài Quesne.

Khi những phút kinh hoàng ban đầu đã dịu đi đôi chút, trong khắp các đồn lũy trải dài trên bờ sông Hudson, tạo thành một dãy công sự phụ bảo vệ pháo đài chính, có tin truyền đi là một cánh quân gồm một ngàn rưỡi người đã được tuyển lựa để sáng sớm hôm sau đi tăng viện cho pháo đài William Henry, vị trí nằm ở phía cực Bắc con đường chuyên chở. Thoạt tiên còn là tin đồn, nhưng khi có lệnh từ bản doanh của tổng chỉ huy gửi cho các đơn vị đã được chỉ định đi làm nhiệm vụ phải chuẩn bị cấp tốc lên đường thì tin đó đã thành sự thật. Mọi nghi ngờ về ý đồ của tướng Webb đã tiêu tan. Trong khoảng một hai tiếng đồng hồ, binh lính chạy hồi hả, nét mặt lo âu. Những anh lính mới chạy loảng quảng, sốt sắng quá mức, cuống quýt, khiến cho công việc chuẩn bị của chính họ bị chậm lại; đám kỳ cựu thành thạo hơn thu xếp hành trang một cách từ tốn, không biểu lộ một cử chỉ vội vàng nào; tuy nhiên, nét mặt trầm tư và cặp mắt lo lắng của họ cũng đủ nói lên rằng họ

không cảm thấy một thích thú nghề nghiệp gì lớn đối với một cuộc chiến tranh khùng khiếp trong rừng mà họ chưa được thử thách. Mặt trời lặn trong một vùng hào quang chói lọi sau những ngọn núi xa xa phía Tây; màn đêm bao phủ chốn cô tịch, và tiếng người sửa soạn hành lý thưa dần; ánh đèn cuối cùng trong căn lều gỗ của viên sĩ quan nào đó cũng đã tắt, bóng cây in thẫm lên các chiến lũy và trên dòng sông gợn sóng; doanh trại im ắng như tờ, im ắng như cánh rừng bao la vây bọc lấy nó.

Theo lệnh đêm trước, khi bình minh in hình những cây thông cao vút và xù xì trên nền trời phía Đông rực sáng, êm ả và không gợn áng mây, tiếng trống hiệu nổi lên dồn vang khắp các nẻo rừng, trong không khí ẩm ướt ban mai, khiến binh lính bừng tỉnh khỏi giấc ngủ nặng nề. Lát sau, cả doanh trại trở nên nhộn nhịp; anh lính kém cỏi nhất cũng đã rời nơi trú ẩn để chứng kiến đồng đội lên đường, chia sẻ không khí sôi động và tham gia vào những sự kiện của buổi xuất quân. Chẳng bao lâu, hàng ngũ của đoàn quân được phái đi đã tề chỉnh. Trong khi những người lính chính quy do nhà vua tuyển mộ kiêu hãnh bước sang bên phải hàng quân, những người khấn hoang khiêm tốn hơn đứng vào vị trí hèn kém của mình ở phía trái với một vẻ phục tùng do được rèn luyện lâu ngày. Trinh sát viên lên đường trước, kế tiếp là một lực lượng hùng hậu đi bảo vệ phía trước và phía sau đoàn xe ịch chở đồ quân dụng; và trước khi những tia nắng mặt trời làm dịu ánh sáng mờ xám ban mai, bộ phận binh mã chủ chốt trùng trùng kéo đi, rời khỏi doanh trại với một tư thế hùng dũng, dẹp tan những lo lắng thầm kín của một số lính mới lần đầu xuất trận. Chừng nào đồng đội còn đứng nhìn đầy thán phục, họ giữ vẻ hiên ngang, hàng ngũ tề chỉnh, cho tới khi tiếng sáo xa dần.

Rồi rùng rú hiện ra nuốt chừng khối người đang chậm chạp tiến vào.

Đoàn quân đã khuất xa và, trong hơi gió thoảng về, người ta không còn nghe thấy tiếng chuyển động nặng nề của nó; anh lính chậm chân nhất cũng đã mất hút trong khi đuổi theo đơn vị; nhưng trước một căn nhà gỗ to và khang trang hơn các nhà khác, trước cửa có lính gác đi đi lại lại để bảo vệ viên tướng Anh, thấy có dấu hiệu một cuộc xuất phát khác. Tại đây tập trung sáu con ngựa; những bộ yên cương cho thấy ít nhất cũng có hai con dành riêng để mang những phụ nữ quý phái thường ít gặp trong chốn thâm sơn này. Con thứ ba đeo yên cương và vũ khí của một sĩ quan tham mưu; ba con còn lại, với những tấm vải mộc trên lưng và hành lý chất đầy, rõ ràng để cho ba người theo hầu đã túc trực tại đó chờ lệnh của chủ nhân. Cách nơi diễn ra cảnh tượng khác thường này chừng một quãng vừa phải có mấy tốp người vô công rồi nghề tụ tập; người thì trầm trồ khen con chiến mã đầy sinh khí là giống ngựa nòi, kẻ đứng xem cuộc chuẩn bị với vẻ ngạc nhiên dần dần của thói tò mò thô lỗ. Tuy nhiên có một người có nét mặt và cử chỉ khác hẳn loại khán giả kia, không nhàn rỗi và lại có vẻ như biết ít nhiều về cuộc xuất phát này.

Con người anh ta nom vụng về đến tột bậc tuy không đui què mẽ sút chút nào. Cũng đủ đầu mình chân tay như ai, nhưng thiếu hẳn cân đối. Khi đứng, thân hình anh cao vượt hẳn mọi người, lúc ngồi lại chỉ bằng người bình thường. Sự thiếu cân đối này còn thể hiện trên toàn thân. Đầu thì to, hai vai hẹp, cánh tay dài lòng thông, bàn tay nhỏ nếu không phải là mềm mại. Chân và đùi gầy guộc khảng khiu nhưng lại dài quá khổ; đầu gối có thể nói là to một cách khủng khiếp nếu như không có đôi bàn chân còn to hơn phải mang vác một kiến

trúc thượng tầng dị dạng gồm những bộ phận con người được ghép lại một cách cầu thả. Cách ăn mặc nhố nhăng và luộm thuộm càng làm nổi bật sự vụng về của anh ta: áo vest xanh da trời, vạt ngắn rộng, cùng chiếc áo choàng chật ních để lộ một cái cổ dài ngẩng và đôi cẳng còn dài ngẩng hơn, trở thành mục tiêu cho những kẻ ác khẩu hết lời chê bai. Quần bằng trúc bầu màu vàng bó chặt lấy người, ở đầu gối tét những nút to tướng bằng ruy băng trắng nhờ nhờ vì dùng lâu ngày. Đôi bít tất sợi và đôi giày (một chiếc còn dính thúc ngựa bằng sắt mạ) bổ sung cho bộ y phục hết sức nghèo nàn của nhân vật này. Không biết do tính khoe khoang hay giản dị, anh ta không che giấu một đường cong góc cạnh nào trên người mà còn cố tình phơi bày ra. Có một vật gì thò đầu ra khỏi miệng túi to tướng của tấm áo lấm láp bằng lụa nổi viền nhiều đăng ten bằng bạc xỉn màu; trong khung cảnh vô biên này, người ta dễ nhầm đó là một thứ vũ khí lợi hại và mới lạ nào. Tuy nhỏ bé, cái vật khác thường ấy cũng đã gợi trí tò mò hầu hết những người Âu trong doanh trại mặc dù người ta đã thấy nhiều dân địa phương sử dụng nó một cách rất quen thuộc không chút sợ hãi. Một chiếc mũ ba góc không vành, giống loại mũ các giáo sĩ vẫn đội trong ba chục năm trở lại đây, chụp lên toàn thân khiến cho gương mặt hiện hậu và có phần ngơ ngác của anh đượm một vẻ trang nghiêm; hiển nhiên chiếc mũ là một hỗ trợ nhân tạo cần thiết đối với trọng trách cao cả và phi thường mà anh ta phải gánh vác.

Trong khi đám đông đứng cách xa để tỏ lòng kính trọng hành dinh của tướng Webb, nhân vật vừa tả trên đây hiên ngang đi đi lại lại giữa những bọn người hầu và tự do khen chê những đặc tính của mấy con ngựa mà anh nhận xét là hay hay dở. Tiếng nói của anh có một âm thanh đặc biệt êm ái dịu

dàng, cũng đặc biệt như những kích thước hiếm có của thân hình anh vậy, anh nói:

“Này anh bạn, tôi dám kết luận rằng con vật này không phải nuôi ở đây mà từ nước ngoài đưa vào, có lẽ ngay từ hòn đảo nhỏ bé ở bên kia biển xanh. Tôi có thể phát ngôn về những vấn đề này mà không sợ mang tiếng khoác lác vì tôi đã từng tới cả hai hải cảng, một ở cửa sông Thames và được đặt theo tên của thủ đô nước Anh cổ, và một nơi nữa gọi là Haven có gắn thêm chữ “Tân”; và mắt tôi đã trông thấy những thuyền buồm và tàu biển chất đầy súc vật - như chất lên con thuyền của Noah^[10] - nhỏ neo đi tới đảo Jamaica để buôn bán trao đổi loài vật bốn chân; nhưng tôi chưa hề thấy có con vật nào phù hợp với lời miêu tả con chiến mã trong Thánh kinh như con này: ‘Nó đập vó xuống thung lũng và tự hào về sức mạnh của mình; nó lao tới các chiến binh. Nó hí vang giữa tiếng kèn vang dội và nó đã đánh hơi thấy chiến trận, tiếng thét như sấm của quân tướng và những tiếng hò reo.’ Tưởng đâu giống ngựa của Israel được truyền tới tận thời đại của chúng ta, phải không, anh bạn?”

Không thấy ai đáp lại bài diễn văn hùng hồn của mình (quả thật nó đã được diễn tả với tất cả khí lực của một giọng nói to khỏe đáng được chú ý), nhân vật vừa sử dụng ngôn ngữ của Thánh kinh bèn quay về phía con người câm lặng mà anh không chủ tâm đối thoại thì lại thấy một cảnh tượng khác còn đáng ngạc nhiên hơn cả con ngựa đã thu hút sự chú ý của anh. Đôi mắt anh bắt gặp bóng hình lẫm lũi, thẳng tắp và khắc khổ của “người liên lạc Anh điêng” đã mang những tin chẳng lành tới doanh trại chiều hôm trước. Tuy đang trong trạng thái hoàn toàn nghỉ ngơi, và bề ngoài có một vẻ nghiêm nghị khác thường như không quan tâm tới cảnh nhộn nhịp xung quanh, nét mặt dữ tợn làm lì xen lẫn vẻ bình tĩnh của con người man

dã ấy đáng để cho một người dày kinh nghiệm chú ý tới hơn là anh chàng đang chăm chú nhìn y bằng đôi mắt biểu lộ một sự kinh ngạc rõ rệt. Người thổ dân này đeo cả rìu trận và dao của bộ lạc, nhưng nhìn chung, không ra dáng một chiến binh. Trái lại, người y phờ phạc như vừa phải làm một việc gì nặng nhọc, sức lực chưa hồi phục. Màu sơn của những nét chiến họa hòa lẫn vẻ dữ dằn khiến cho khuôn mặt ngăm đen của y có một vẻ man rợ gớm ghiếc, tưởng đâu do tình cờ mà nghệ thuật tạo ra được một ấn tượng như vậy. Riêng đôi mắt sáng như những vì sao rực lửa giữa đám mây đen, biểu lộ tính chất man rợ của con người. Trong giây lát, cặp mắt soi mói nhưng kín đáo của y bắt gặp đôi mắt kinh ngạc của nhân vật đang ngăm y. Rồi, phần vì xảo quyết phần vì khinh miệt, y quay mặt sang phía khác nhìn chăm chăm lên trời như muốn xuyên thủng không trung.

Thật khó có thể nói cuộc giao tiếp ngắn ngủi và lặng lẽ giữa hai nhân vật kỳ lạ như vậy sẽ làm cho người da trắng có nhận xét gì nếu như giữa lúc đó không có những sự việc khác thu hút tính hiếu kỳ của anh ta. Sự hoạt động của đám gia nhân và âm thanh nhở nhẹ của những tiếng nói dịu dàng báo hiệu rằng những nhân vật người ta đang chờ xem khởi hành đã tới. Anh chàng lúc này khen con chiến mã giờ đây đi lại chỗ con ngựa cái nhỏ bé, gầy còm, đuôi ve vẩy, đang điềm nhiên gặm cỏ úa gần đó; anh ta tì một khuỷu tay lên tấm chắn dạ thay thế cho yên ngựa và đứng xem cuộc khởi hành trong khi ở phía sườn bên kia con ngựa cái có một chú ngựa con đang thản nhiên điềm tam bữa sáng.

Một thanh niên mặc quân phục sĩ quan dẫn hai thiếu nữ đến chỗ mấy con ngựa của họ; trông cách ăn mặc của hai cô cũng đủ biết họ đã được chuẩn bị đối phó với những khó nhọc của

một chuyến đi rừng. Cả hai đều trẻ; cô nhỏ tuổi hơn đeo một tấm mạng màu xanh rủ từ trên mũ xuống; gió ban mai thổi tạt tấm mạng sang một bên, thoáng để lộ nước da trắng ngần, mớ tóc vàng óng và đôi mắt xanh long lanh. Sắc hồng còn vương trên những cây thông phía trời Tây cũng không rực rỡ và mịn màng hơn đôi má hồng tươi của nàng, và ánh bình minh cũng không tươi sáng hơn nụ cười rạng rỡ nàng tặng cho người sĩ quan trẻ khi anh đỡ nàng lên yên. Thiếu nữ thứ hai cũng được viên sĩ quan chăm sóc như cô em; nàng khéo léo che mạng không để cho quân lính ngắm nhìn dung nhan, tỏ ra là một người từng trải hơn em bốn, năm tuổi. Thân hình nàng cũng rất cân đối và không bị trang phục đường trường làm mất một nét duyên dáng nào, song, so với cô em, trông nàng già dặn và chín chắn hơn.

Hai thiếu nữ vừa ngồi lên ngựa xong thì chàng sĩ quan cùng đi nhẹ nhàng nhảy lên lưng con chiến mã; cả ba người cúi chào tướng Webb lịch sự đứng tiễn họ trên thềm nhà, rồi quay ngựa lại cho phi nước kiệu về phía cổng Bắc của doanh trại, theo sau là đám tùy tùng. Trên đoạn đường ngắn đó, không ai nói câu nào, chỉ có thiếu nữ trẻ tuổi hơn bỗng thốt lên một tiếng kêu khẽ khi người liên lạc da đỏ thành linh lướt bên nàng, vượt lên để dẫn đầu trên đường hành quân. Hành động đột ngột của người da đỏ không làm cô chị thốt lên tiếng kêu nào nhưng, trong cơn kinh ngạc, nàng đã vén tấm mạng lên để lộ một vẻ vừa thương hại vừa kinh tởm thật khó tả, trong khi đôi mắt đen láy của nàng nhìn theo những động tác nhanh nhẹn của con người man rợ nọ. Tóc nàng óng mượt và đen nhánh. Nước da nàng không nâu mà mang đầy màu sắc một dòng máu dồi dào, tràn ngập sức sống. Tuy nhiên trên khuôn mặt cân đối, trang nghiêm và kiêu diễm lạ thường, không tìm ra một nét

thô thiển, kém thanh tú. Nàng nhếch miệng cười như tự trách mình đã thiếu ý tứ để lộ hàm răng trắng muốt khiến cho những miếng ngà đẹp nhất cũng phải hổ thẹn; rồi nàng che lại tấm mạng, cúi mặt lặng lẽ cười ngửa như một người không quan tâm tới cảnh vật xung quanh.

CHƯƠNG 2

Hề Launcelot: “Ai ơi, ai ơi! Ối, ời! Ai ơi, ai ơi!”^[1]

• SHAKESPEARE

Giữa lúc một trong hai nhân vật yêu kiều mà chúng tôi vừa giới thiệu đôi nét với độc giả đang chìm đắm trong suy tư thì cô em, hồi nãy hoảng hốt thốt ra tiếng kêu, đã trở lại bình thường. Nàng tự cười về thái độ yếu hèn của mình và hỏi chàng thanh niên cưỡi ngựa bên cạnh:

“Những bóng ma như vậy có thường thấy trong rừng không, anh Heyward? Hay đó là một trò giải trí đặc sắc dành riêng cho chúng em? Nếu đúng thế thì lòng biết ơn không cho phép chúng em có ý kiến; còn nếu là trường hợp trên thì cả chị Cora và em sẽ phải đem hết lòng can đảm gia truyền mà chúng em rất tự hào, trước khi phải chạm trán tướng Montcalm lợi hại.”

“Người Anh điêng này là một liên lạc viên của quân đội,” viên sĩ quan đáp, “và theo tập tục của dân tộc, anh ta có thể được coi như một anh hùng. Anh ấy tự nguyện đưa chúng ta đến vùng hồ bằng một con đường ít người biết, nhanh hơn đi theo bước chân chậm chạp của đoàn quân, do đó thú vị hơn.”

Thiếu nữ rừng mình, có phần giả cách song nhiều phần do khiếp sợ thực sự, nàng bảo:

“Em không ưa tên này. Anh Duncan, chắc hẳn anh biết rõ hẳn ta, bằng không anh đã chẳng dễ dàng tự giao phó cho hẳn.”

“Alice, hãy nói là bằng không anh đã chẳng giao phó các cô cho anh ta. Chính vì biết rất rõ nên anh mới tin cậy như vậy, nhất là lúc này. Người ta đồn anh ta cũng là dân xứ Canada, song đã từng chiến đấu cùng với các người bạn của ta là dân Mohawk, một trong sáu bộ lạc đồng minh như em đã biết. Nghe đâu anh ấy đến với chúng ta trong một trường hợp lạ lùng có liên quan tới cha em và trong vụ này, con người man sơ đã bị đối xử nghiêm khắc... nhưng anh cũng quên cái chuyện vật vãnh đó rồi; miễn bây giờ anh ta là bạn của chúng mình.”

Lúc này Alice lo lắng thực sự và kêu lên:

“Nếu hẳn là kẻ thù của cha em thì em càng không ưa. Thiếu tá Heyward, anh có thể nói chuyện với hẳn để em nghe giọng nói của hẳn được không? Mặc dù việc làm này có thể ngớ ngẩn, anh thường thấy em căn cứ vào giọng nói của một người mà đặt tin tưởng.”

“Vô ích thôi, chắc hẳn anh ta chỉ đáp lại bằng một tiếng cộc lốc. Cũng như hầu hết những người đồng chủng, dù nghe hiểu anh ta cũng làm như không biết tiếng Anh; lúc này hơn bao giờ hết, anh ta càng không chịu sử dụng thứ tiếng đó vì chiến tranh đòi hỏi anh phải giữ vẻ nghiêm trang trịnh trọng. Nhưng kìa, anh chàng dừng ngựa; chắc hẳn đã tới con đường tắt chúng ta sắp đi.”

Thiếu tá Heyward đoán đúng. Khi họ tới chỗ người Anh điêng đang đứng chỉ tay vào một đám cây rậm rạp nằm ven con đường quân sự thì thấy một lối nhỏ hẹp tối om, một người đi còn khó khăn.

“Đây là con đường của chúng ta.” viên sĩ quan trẻ khẽ nói, “Xin hai cô chớ tỏ thái độ ngờ vực kéo lại chuốc lấy những nguy hiểm mà các cô e ngại.”

“Cora, chị nghĩ sao?” cô gái tóc vàng vẻ miễn cưỡng, hỏi chị, “Đi cùng với đoàn quân tuy không thích thú cho lắm, nhưng phải chăng chúng ta cảm thấy an toàn hơn?”

“Alice, em ít am hiểu những tập quán của thổ dân nên không thấy rõ đâu là nguy hiểm thực sự.” Heyward nói, “Nếu kẻ địch đã tới vùng chuyên chở đường bộ, một điều hoàn toàn không thể xảy ra vì trinh sát của ta đã được tung đi khắp nơi, nhất định người ta đã thấy chúng đánh thọc sườn đoàn quân và đã có vô số những mảng da đầu^[12]. Kẻ địch đã biết con đường quân sự, còn con đường của chúng ta có lẽ chưa bị lộ vì mới được quyết định sử dụng trong vòng một tiếng đồng hồ đây thôi.”

“Phải chăng chúng ta nghi ngờ con người này vì phong cách của hắn không giống chúng ta và nước da của hắn tối màu?” Cora lạnh lùng hỏi.

Không ngần ngại gì nữa, Alice nhanh nhẹn quất roi vào con ngựa giống Narrangansett, theo sát người liên lạc vào con đường tối và um tùm, vừa đi vừa gạt những cành cây con sang hai bên. Viên sĩ quan nhìn thiếu nữ vừa nói với một vẻ khâm phục rõ rệt, rồi cứ để cho người bạn đồng hành tóc vàng và không kém phần xinh đẹp phóng ngựa lên trước, anh chăm chút mở lối cho cô gái có tên gọi là Cora. Dường như đám người hầu đã được lệnh từ trước nên họ không rẽ vào lối mòn rậm rạp mà lại đi theo con đường đoàn quân vừa qua. Theo lời Heyward thì người dẫn đường khôn ngoan đã đề ra biện pháp đó nhằm mục đích giảm bớt những dấu vết trên đường đi, đề

phòng bọn người da đỏ Canada vượt lên trước quá xa đạo quân Pháp. Trong hồi lâu, không ai chuyện trò với ai vì đường khó đi; sau đó họ vượt ra khỏi đám bụi rậm trải rộng ven con đường lớn rồi luồn vào dưới vòm cây cao vút và tối om của rừng rú. Tới đây, đường dễ đi hơn. Thấy hai cô gái có thể điều khiển được ngựa của họ, người dẫn đường bèn cho ngựa chạy lon ton, với một tốc độ để cho những con vật có bước chân chắc nịch và thuộc giống đặc biệt có thể đi nước kiệu một cách thoải mái. Chàng thanh niên đang quay sang nói chuyện với nàng Cora mắt đen, bỗng có tiếng vó ngựa xa xa phía sau đập vào rễ cây trên con đường khúc khuỷu khiến anh phải dừng bước; cùng một lúc, hai thiếu nữ cũng ghìm cương, và cả đoàn đứng lại để xem có chuyện gì bất ngờ xảy ra.

Lát sau, họ thấy một con ngựa to giống như con hươu đang băng mình giữa những cây thông thẳng tắp; tiếp đó là nhân vật có dáng điệu vụng về mà chúng tôi đã nói ở chương trên, đang ra sức thúc một con vật gầy gò phi hết tốc độ nó có thể đạt tới.

Trước đó, đoàn du hành không hay biết có con người này đuổi theo. Nếu khi đi bộ, thân hình cao kều của anh đập vào mắt mọi người thì dáng điệu lúc cưỡi ngựa lại càng khiến ta phải chú ý hơn. Mặc dù chiếc đỉnh thúc ngựa độc nhất của anh luôn luôn thọc vào mạng sườn con ngựa cái, anh cũng chỉ đạt được một nước đại chậm chạp bằng hai vó sau của con vật trong khi hai vó trước của nó hỗ trợ một cách thất thường bằng một thứ nước kiệu vừa chạy vừa nhảy. Sự chuyển tiếp nhanh từ nước đại sang nước kiệu tạo nên một ảo thị, tưởng đâu nó có một sức mạnh ghê gớm. Một điều rõ ràng là Heyward, vốn có con mắt đánh giá sành sỏi những ưu điểm của một con ngựa, đã vận dụng hết tài năng mà cũng không

kết luận được rằng kỵ sĩ đang tới phi ngựa kiểu gì trên con đường ngoằn ngoèo một cách gan dạ như vậy.

Những động tác linh hoạt của kỵ sĩ cũng đáng chú ý không kém gì của con ngựa. Mỗi khi con vật chuyển đổi tư thế, anh ta lại nhổm cả thân hình cao lêu đêu trên hai bàn đạp; do đôi cẳng dài quá khổ, người anh lúc vươn dài lúc co ngắn, không đoán nổi kích thước ra sao. Để kết thúc bức tranh người ngựa, xin nói thêm là do bị định thúc một chiều cho nên tưởng chừng như một bên sườn con vật chạy nhanh hơn bên kia; còn cái đuôi rậm rì cứ luôn luôn quật vào phía bên sườn bị thúc.

Trong lúc nhìn người khách lạ, đôi mày thanh tú, nở nang và răn rỏi của Heyward mới đầu chau lại, rồi dần dần dần ra, và trên môi anh nở một nụ cười mỉm; Alice chẳng giữ gìn ý tứ gì cả, lộ vẻ vui mừng ra mặt, và ngay trong đôi mắt đen tuyền của Cora cũng thấy ánh lên một tia vui mà, dường như do thói quen hơn là do bản tính, nàng ghì lại được.

“Ông tìm ai ở đây chẳng?” Heyward hỏi khi người kia tới gần và cho ngựa đi chậm lại, “Mong rằng ông không phải là sứ giả mang tin chẳng lành tới.”

“Cứ cho là như vậy,” người khách lạ vừa đáp vừa sử dụng chiếc mũ ba cạnh để tạo ra một sự lưu thông trong không khí khiến chẳng ai hiểu anh ta trả lời vào câu hỏi nào của viên sĩ quan trẻ. Sau khi đã quạt mát và hồi lại sức, anh ta nói tiếp: “Tôi nghe nói các vị đến pháo đài William Henry. Tôi cũng đi về phía ấy, và tôi thiết nghĩ cả hai bên chúng ta đều mong muốn có những người bạn đồng hành tốt.”

“Dường như ông có ưu tiên nắm lá phiếu quyết định,” Heyward đáp, “chúng tôi gồm ba người, còn ông chỉ mới hỏi ý kiến của riêng mình.”

“Cứ cho là như vậy. Điều đầu tiên cần có là phải biết mình muốn gì. Khi đã biết chắc, việc này không dễ dàng một khi dính dáng tới phụ nữ, thì điều tiếp theo là thi hành quyết định. Tôi cố gắng thực hiện cả hai điều đó và đã tới đây.”

“Nếu ông định đi tới miền hồ thì ông nhầm đường rồi.” Heyward kiêu kỳ nói, “Con đường lớn tới đó cách phía sau lưng ông nửa dặm.”

“Cứ cho là như vậy.” Người khách lạ đáp, không hề thoái chí trước sự tiếp đón lạnh nhạt của Heyward, “Tôi đã lưu lại một tuần lễ ở Edward, và họa chăng tôi cảm khẩu mới không hỏi thăm con đường tôi sắp đi; vả lại, nếu tôi cảm khẩu thì chẳng thà giải nghệ quách cho xong.”

Anh ta cười làm duyên một cách kín đáo như một kẻ vì nhũn nhặn không dám lộ liễu tán thưởng câu nói ý nhị của mình; còn những người nghe chẳng hiểu gì cả; anh lại tiếp:

“Làm nghề nghiệp của tôi mà quá thân mật với những người mình dạy dỗ thì quả là thiếu thận trọng; bởi thế, tôi không đi theo con đường của đoàn quân. Vả chăng, tôi nghĩ rằng một người có bản lĩnh như ông tất giàu kinh nghiệm đi đường. Cho nên tôi đã quyết định nhập bọn để cuộc hành trình trở nên thú vị và cũng để chia bùi sẻ ngọt với ông.”

Heyward không biết nên biểu lộ sự tức giận đang sôi sục trong lòng hay cười vào mũi người đối thoại, anh kêu lên:

“Thật là một quyết định độc đoán nếu không phải là hấp tấp! Nhưng ông vừa nói tới dạy dỗ và nghề nghiệp. Phải chăng ông làm trợ lý trong đội dân vệ và giảng dạy khoa học cao quý về thể thủ và thể công? Hoặc giả ông kẻ vẽ những đường góc làm ra vẽ chứng minh các bài toán?”

Người khách lạ ngạc nhiên nhìn Heyward một lát. Vẻ dương dương tự đắc biến mất, nhường chỗ cho một thái độ khiêm nhường, anh đáp:

“Mong rằng không có thể công gì cả giữa đôi ta; còn về thể thủ thì, nhờ ơn Chúa, tôi chưa phạm một tội lỗi gì cụ thể từ lần cuối cùng tôi cầu xin Người ban phước lành. Tôi không hiểu được những lời ám chỉ của ông về những đường góc, và tôi xin nhường việc chứng minh các bài toán cho những người được chỉ định riêng để làm nhiệm vụ thiêng liêng đó. Tôi không dám đòi hỏi một ân huệ nào lớn hơn là thấu hiểu được đôi chút nghệ thuật vinh quang nguyện cầu và tạ ơn Chúa bằng những bài thánh ca.”

“Rõ ràng ông khách là một đệ tử của thần Apollo^[13],” Alice vui thích reo lên, “và em xin đứng ra bảo trợ cho ông ta. Thôi, anh Heyward đừng chau mày nữa, và hãy vì đôi tai đang khao khát của em mà để ông đi cùng.”

Đoạn nàng hạ thấp giọng nói nhanh, mắt liếc nhìn Cora đang thông thả đi theo người dẫn đường lầm lì cau có:

“Vả lại khi cần, ông ta có thể là người bạn trợ sức cho chúng mình.”

“Alice, em tưởng anh dẫn những người thân yêu của mình vào con đường bí mật này một khi thấy cần có sự giúp đỡ đó sao?”

“Không đâu; bây giờ em không nghĩ như vậy nữa; nhưng ông khách lạ này quả là ngộ nghĩnh, và nếu như ông ta “mang âm nhạc trong tâm hồn,” nữ nào chúng mình từ chối không cho nhập bọn.”

Nói rồi, nàng giơ roi chỉ vào con đường phía trước với một vẻ đầy thuyết phục, và đôi mắt nàng bắt gặp đôi mắt của

Heyward, người thanh niên chân chừ một lát như để kéo dài thời gian đó ra; rồi, khuất phục trước uy lực dịu dàng của cô gái, anh thúc giầy vào sườn con chiến mã thoát tới bên Cora.

“Anh bạn, tôi lấy làm vui thích được gặp anh,” Alice nói tiếp, vừa vẫy tay ra hiệu cho người khách lạ đi theo vừa thúc con Narrangansett đi nước kiệu, “Bà con họ hàng quá khen bảo tôi hát cũng không đến nỗi tồi trong một tiết mục song ca; vậy để cho cuộc hành trình được vui vẻ, chúng ta hãy làm công việc thú vị này. Một kẻ kém cỏi như tôi lại được một bậc thầy của nghệ thuật nà nhận xét dạy bảo thì quả là một điều rất bổ ích.”

Không do dự, thầy quản hát làm theo lời cô gái, vừa đi vừa nói:

“Hát những bài thánh ca đúng lúc đúng nơi khiến cho cả tâm hồn lẫn thể xác được sáng khoái, và không gì giúp cho tâm trí thanh thoi hơn một sự cảm thông an ủi. Nhưng phải có bốn bè mới hát thật hay được. Rõ ràng cô có giọng cao êm và khỏe; nhờ có sự phù hợp đặc biệt, tôi có thể đi giọng cao tới cung cao nhất; nhưng chúng ta thiếu giọng nữ trầm và nam trầm. Ông sĩ quan nhà vua lúc nãy ngần ngại không cho tôi nhập bọn, có thể hát được giọng trầm, căn cứ vào âm điệu giọng nói của ông ta trong lúc trò chuyện bình thường.”

“Chớ nên quá vội vã nhận xét qua vẻ bên ngoài lừa dối,” Alice mỉm cười nói, “mặc dù khi cần thiếu tá Heyward có thể phát ra những âm trầm, nhưng hãy tin tôi là giọng tự nhiên của anh ấy là nam cao êm chứ không trầm như anh tưởng đâu.”

Người bạn đồng hành ngây thơ của cô gái hỏi:

“Thế anh ta có hay hát những bài thánh ca không?”

Alice suýt bật lên cười, nàng kìm lại được và đáp:

“Tôi e rằng anh ấy chỉ thích những bài hát không nghiêm trang. Những may rủi của đời lính không mấy khi làm nảy nở những thú vui lành mạnh hơn.”

“Chúa ban cho con người ta tiếng nói cũng như các năng khiếu khác để sử dụng chứ không để lạm dụng. Không ai có thể nói là đã thấy tôi xem thường những gì Chúa ban cho. Tuy có thể nói được rằng, cũng như tuổi trẻ của vua David^[14], cả quãng đời niên thiếu của tôi dành riêng cho âm nhạc, nhưng nhờ ơn Chúa, không một lời thơ ca tục tĩu nào làm nhơ bẩn đôi môi tôi.”

“Vậy ra anh dồn hết tâm lực cho những bài hát đạo ư?”

“Cứ coi là như vậy. Cũng như những lời ca của David hay hơn tất cả những ngôn ngữ khác, những bài thánh ca của các tu sĩ hiền nhân vượt hẳn thơ ca rồng tuếch. May thay tôi có thể nói được rằng tôi chỉ phát biểu những ý nghĩ và ước vọng của chính vua Israel mà thôi; mặc dù thời gian có làm thay đổi chút ít, bản dịch của chúng tôi sử dụng tại các thuộc địa của nước Anh Mới phong phú, chính xác giản dị hơn tất cả các bản dịch khác, rất sát nguyên tác vĩ đại đầy cảm hứng của tác giả. Dù ở đâu, ngủ hay thức, tôi cũng có một bản của tác phẩm tuyệt vời này. Đây là cuốn xuất bản lần thứ hai sáu tại Boston, năm Thánh 1744, nhan đề là: Những bài thánh thi, ca vịnh và hát lễ của Cựu ước và Tân ước, được dịch một cách trung thành sang tiếng Anh, để các đáng thánh sử dụng, bồi bổ và di dưỡng trong đời công và đời riêng, đặc biệt ở nước Anh Mới.”

Trong lúc tán dương sản phẩm hiếm có này của các nhà thơ trong nước, người khách rút cuốn sách trong túi ra, đeo đôi mực kính gọng sắt vào và mở sách với một vẻ nâng niu kính

cần phù hợp với tính chất thiêng liêng của cuốn sách. Rồi chẳng cần giải thích dài dòng, anh ta mở đầu bằng câu: “Thánh ca Standish,” đưa lên mồm cái dụng cụ kỳ lạ đã được miêu tả, làm phát ra một âm thanh lạnh lạnh, cất tiếng lấy giọng ở một bát độ thấp hơn và bắt đầu hát. Tiếng hát cao vút, êm nhẹ, du dương, như thách thức nhạc điệu, ý thơ và cả những bước đi khó nhọc của con vật thiếu luyện tập:

Kìa anh em ăn ở hòa thuận nhau

Thật tốt đẹp thay!

Ấy khác nào dầu quý giá đổ ra trên dầu,

Chảy xuống râu, tức râu của Aaron,

Chảy đến cả áo người. ^[15]

Vừa ca những vần thơ tuyệt diệu, người khách lạ vừa lấy tay phải nhịp nhàng giơ lên hạ xuống; khi hạ thấp, những ngón tay dừng lại một lát trên những trang cuốn sách nhỏ, lúc giơ cao, cả bàn tay xò ra, không ai có thể bắt chước nổi trừ người nào đã được huấn luyện. Dường như do một thói quen sẵn có, việc đánh nhịp bằng tay đối với anh trở nên cần thiết, và tay anh chỉ dừng lại khi giới từ mà thi gia dùng để chấm câu đã được xướng lên với đầy đủ hai âm tiết.

Những âm thanh mới lạ như vậy giữa cảnh cô tịch của chốn sơn lâm không thể không lọt vào tai những người đi trước không xa. Người da đỏ thì thầm mấy câu tiếng Anh bập bồm với Heyward, anh này nói lại với người khách làm ngắt quãng và chấm dứt luôn thể những cố gắng hát ca của anh.

“Mặc dù không có gì nguy hiểm, sự thận trọng thông thường bảo chúng ta phải giữ hết sức yên lặng trên quãng đường rừng này. Alice sẽ thứ lỗi cho nếu như anh làm giảm

hứng thú của em vì phải yêu cầu ông bạn đây hoãn việc ca hát tới một dịp khác an toàn hơn.”

“Quả là anh sắp làm giảm hứng thú của em,” cô gái tinh nghịch đáp, “vì em chưa từng thấy có một sự phối hợp nào kém cỏi hơn giữa cách biểu diễn và ngôn ngữ bài ca như vừa được nghe; và em đang mãi tìm nguyên nhân của sự thiếu sót như vậy giữa tiếng hát và ý thơ thì giọng trầm của anh đã cắt đứt những suy tưởng thú vị của em, anh Duncan ạ.”

Nhận xét của cô gái làm cho Heyward tự ái, anh nói:

“Anh thật không biết em gọi giọng trầm của anh là cái gì, chỉ biết rằng đối với anh, sự an toàn của em và chị Cora còn quý giá hơn bất cứ bản nhạc nào của Handel.” Bỗng Heyward ngừng bật, đưa nhanh mắt về phía một lùm cây rậm rạp rồi ném một cái nhìn ngờ vực vào người dẫn đường vẫn đang đều bước với vẻ bình thản trang nghiêm. Anh cười thầm, nghĩ là mình đã nhầm trái cây rừng bóng nhẫy với con người long lanh của một kẻ man rợ đang lẩn quất đâu đây; anh phóng ngựa lên phía trước, tiếp tục câu chuyện bị gián đoạn bởi ý nghĩ vừa thoáng qua đầu.

Thiếu tá Heyward chỉ nhầm là đã để cho tính kiêu căng tự phụ của tuổi trẻ làm mờ tinh thần cảnh giác cao của mình. Đoàn người vừa đi khỏi thì trong bụi rậm, những cành cây nhẹ nhàng rẽ sang hai bên để lộ một bộ mặt hung dữ với những nét sơn man rợ và hằn lên những đục vọng không kiềm chế, đang dõi theo bước đi của đoàn du hành. Một vẻ đặc chí thoáng hiện trên khuôn mặt vẽ sơn sẫm màu của con người chốn núi rừng khi y biết được hướng đi của những người y định ám hại. Đoàn người vẫn vô tình tiến bước; bóng hai thiếu nữ thanh mảnh và duyên dáng thấp thoáng giữa rừng cây, trên con đường uốn khúc, theo sau là dáng hình rắn rỏi của Heyward; cuối cùng,

hình thù xấu xí của thầy quản hát khuất sau những rặng cây tối om sừng sững giữa rừng sâu.

CHƯƠNG 3

Thuở ấy những cánh đồng này chưa cày vỡ
Các con sông đầy ắp cuộn trôi,
Giai điệu sóng nước ngập tràn
Rừng cây xanh tươi bát ngát;
Những dòng lũ đổ dồn, những con suối reo vui,
Và nước nguồn trào tuôn trong bóng mát.^[16]

• BRYANT

Tạm biệt chàng Heyward tự tin và các bạn đồng hành cả tin của anh đang dẫn mình vào chốn rừng sâu ở đó có những con người quỷ quyết, chúng tôi muốn sử dụng quyền hạn của tác giả để chuyển sang một cảnh khác ở cách nơi chúng ta vừa gặp họ vài dặm về phía Tây.

Ngày hôm đó, có hai người quanh quẩn bên bờ một con sông nhỏ, nước chảy xiết, cách doanh trại của tướng Webb chừng một tiếng đồng hồ đi đường. Trông họ có vẻ đang chờ đợi một người nào sắp tới hoặc một sự kiện nào sắp xảy ra. Vòm cây bao la của núi rừng bao phủ đôi bờ dòng sông nhỏ, nghiêng mình trên mặt nước, tỏa bóng nhuốm đậm thêm dòng nước thẳm. Những tia nắng mặt trời trở nên bớt gay gắt, và cái nóng nung nấu ban ngày cũng dịu dần khi hơi mát từ lòng các dòng sông con suối đầy lá cây bốc lên và đọng lại trong không trung. Bầu không khí ăng lạng đặc biệt của tháng Bảy oi ả tại một miền nước Mỹ trù lên khu rừng hẻo lánh; chỉ nghe thấy

tiếng thì thầm của hai người, tiếng gõ thừa thớt và uể oải của con chim gõ kiến, tiếng kêu lạc điệu của con giẻ cùi sặc sỡ, hoặc tiếng thác đổ ì ầm nơi xa.

Tuy nhiên, những âm thanh yếu ớt và ngắt quãng đó đã quá quen tai những người của núi rừng nên không làm cho họ phải chú ý mà bỏ dở câu chuyện lý thú của họ. Một trong hai nhân vật kể trên có màu da đỏ và trang phục man sơ của thổ dân trong rừng; nhân vật thứ hai, áo quần đơn sơ và thô lậu có nước da sáng hơn tuy sạm nắng và bangles bạc chứng tỏ thuộc dòng giống Âu châu. Người thứ nhất ngồi ở đầu một thân cây rêu mốc, với một tư thế khiến cho có thể làm tăng hiệu lực những lời nói sôi nổi của mình bằng những cử chỉ khoan thai nhưng đầy diễn cảm mà người da đỏ thường có trong khi tranh luận. Thân người đó hầu như để trần, có hình vẽ khảm khiếp của thần Chết, bằng hai màu trắng và đen. Đầu cạo nhẵn thín chỉ còn giữ lại chòm tóc nổi tiếng nom rất hùng dũng, không trang điểm gì khác ngoài chiếc lông chim đại bàng độc nhất xuyên vào chòm tóc, rủ xuống vai bên trái. Thắt lưng đeo một chiếc rìu trận và một con dao chế tạo tại Anh quốc dùng để lột da đầu kẻ thù; một khẩu súng trận ngắn nòng, loại súng những người da đỏ đồng minh được trang bị do chính sách của người da trắng, hững hờ nằm ngang đầu gối trần trụi và gân guốc của con người này. Ngực rộng, tay chân nở nang và dáng điệu trầm tĩnh, tất cả nói lên rằng người chiến binh đang độ sung sức, không một nét nào chứng tỏ sinh lực đã sút kém.

Thân hình người da trắng, nhìn qua những bộ phận không bị che lấp, là thân hình của một người đã gặp nhiều gian truân thời niên thiếu. Thân hình anh ta tuy có bắp thịt nhưng dong dỏng chứ không đậm, mỗi đường gân thớ thịt đều có vẻ rắn chắc do luôn luôn phải chịu đựng nguy hiểm nhọc nhằn. Anh

ta mặc một chiếc áo đi săn màu xanh lá cây đính tua vàng bạc phéch, đầu đội một chiếc mũ mùa hè bằng da đã trơ cả lông. Thắt lưng bằng chuỗi vỏ sò - giống như chiếc thắt lưng bó lấy bộ quần áo chên của người da đỏ - cũng giắt một con dao nhưng không có rìu trận. Đôi giày được trang trí sắc sỡ như của người da đỏ; về y phục nửa thân dưới, chỉ thấy lộ ra dưới chiếc áo khoác đi săn một đôi xà cạp bằng da hoẵng có dây thắt hai bên và được bó chặt vào đầu gối bằng sợi gân hươu. Trang phục của anh ta còn gồm một túi đạn và một cái sừng đựng thuốc súng, một khẩu súng nòng dài, mà lý thuyết đã dạy cho những người da trắng khôn ngoan là lợi hại nhất trong tất cả các loại súng, tựa vào một thân cây nhỏ gần đây. Mắt của người thợ săn hoặc trinh sát này nhỏ, lạnh sắc và luôn luôn hoạt động, trong lúc nói chuyện, cặp mắt vẫn đảo quanh như lòng thú săn hoặc nghi ngờ sự xuất hiện đột ngột của kẻ thù lẫn quất đầu đây. Mặc dù có những biểu hiện của tính đa nghi, diện mạo của anh không gian xảo và trong lúc chúng tôi tả ra đây, con người đó chứa đầy vẻ trung thực và cương nghị.

Anh ta nói tiếng của những thổ dân trước kia sống trên miền đất nằm giữa sông Hudson và sông Potomack; chúng tôi xin phỏng dịch ra đây, cố gắng lột tả những đặc điểm của con người và của ngôn ngữ anh ta dùng; anh nói:

“Bác Chingachgook này, ngay những truyền thuyết của bộ tộc bác cũng ủng hộ ý kiến của tôi. Tổ tiên bác từ phía mặt trời lặn tới; họ vượt qua con sông lớn^[17] giao chiến với những người da đỏ và chiếm đất. Còn ông cha tôi từ phía mặt trời đỏ rực lúc buổi sáng vượt qua hồ mận^[18], và cũng làm ăn theo cách tổ tiên bác đã đặt ra. Hãy để Chúa xét xử việc đó; giữa anh em chúng ta, xin miễn bàn tới.”

Người Anh điêng nghiêm nghị đáp lại cũng bằng thứ tiếng đó:

“Tổ tiên của tôi đánh nhau với những người da đỏ vũ khí thô sơ. Bác Mắt Chim Ưng, giữa mũi tên đầu bịt đá của người thổ dân và viên đạn chì mà các bác dùng để giết người, không có gì khác nhau sao?”

“Người Anh điêng cũng có lý của họ tuy tạo hóa đã phú cho họ nước da đỏ!” người da trắng đáp, đầu lắc lư như không muốn gạt bỏ một câu hỏi yêu cầu sự công bằng của mình. Trong giây lát anh có vẻ như cảm thấy mình đuối lý; rồi trấn tĩnh lại, anh cố đem những hiểu biết hạn chế để trả lời những ý kiến đối lập của người đối thoại, anh nói tiếp: “Tôi không phải là một nhà thông thái, và tôi không sợ ai biết điều đó; nhưng căn cứ vào những điều mắt tôi đã trông thấy trong các cuộc săn hươu và sóc, tôi thiết nghĩ một khẩu súng trong tay người da trắng không nguy hiểm bằng chiếc nỏ làm bằng gỗ cây hồ đào và mũi tên gắn đá được cái đầu và con mắt của một người da đỏ ngắm bắn.”

“Ông cha bác đã kể với bác chuyện đó.” Chingachgook lạnh lùng xua tay đáp, “Những người già cả của bác nói gì? Họ có kể lại với các chiến binh trẻ của họ rằng những người mặt tái^[19] đã gặp những người da đỏ trên mình sơn những nét chiến họa và trong tay có rìu đá hoặc súng gỗ không?”

“Tôi không phải là một người có định kiến và cũng không hợm hĩnh gì về những đặc quyền tạo hóa dành cho mình, mặc dù kẻ thù xấu xa nhất của tôi trên mặt đất này là bọn Iroquois cũng không dám phủ nhận rằng tôi là một người da trắng chính cống,” người trinh sát nhìn màu da trắng nhờ ở đôi bàn tay xương xẩu và gân guốc của mình với một vẻ khoái trá kín

đáo, nói, “Là một người trung thực, tôi sẵn sàng thừa nhận rằng dân tộc tôi có nhiều việc làm mà tôi không thể tán thành. Một trong những lễ thói của họ là viết thành sách những điều họ đã làm và trông thấy; lẽ ra họ phải trở về làng kể lại những điều đó, nhưng làm như vậy thì những kẻ khoác lác hèn nhát sẽ bị vạch mặt nói láo, còn anh lính dũng cảm có thể viện bẻ bạn ra làm chứng cho những lời nói thật của mình. Do cách làm không hay này, một người có ý thức không phí hoài thời gian ngồi với đám đàn bà để nghe về những khuyết tật của người này người khác, không bao giờ được biết tới những chiến công của cha ông mình hoặc cảm thấy kiêu hãnh khi cố gắng làm được tốt hơn. Riêng tôi tự kết luận rằng tất cả những người Buppos đều biết bắn; tôi cũng có khiếu về môn bắn súng, một năng khiếu truyền từ đời này sang đời kia, vì những điều răn của Chúa đã dạy chúng ta rằng mọi cái hay cái dở đều được truyền lại cho đời sau. Tuy nhiên tôi không thích trả lời hộ người khác về vấn đề này. Vả lại mọi việc đều có hai mặt của nó; bởi thế, bác Chingachgook, tôi muốn hỏi một câu: theo truyền thuyết của người da đỏ, chuyện gì đã xảy ra khi cha ông chúng ta gặp nhau lần đầu?”

Trong một phút đồng hồ, người da đỏ lặng yên; rồi, với một vẻ đầy trang nghiêm đối với việc sắp làm, bác bắt đầu kể lại vắn tắt câu chuyện, vẻ mặt trịnh trọng khiến cho lời nói của bác tăng thêm phần chân thực:

“Mắt Chim Ưng hãy nghe tôi nói, và tai bác sẽ không uống một lời dối trá nào. Đây là những điều ông cha tôi đã nói và những việc người Mohican đã làm.” Bác ngập ngừng một lát, thận trọng liếc nhìn bạn, rồi tiếp tục bằng một giọng nửa chất vấn nửa khẳng định: “Phải chăng con sông ở dưới chân chúng

ta chảy về phương có mùa hè^[20] cho tới khi nước của nó trở nên mặn và dòng nước chảy ngược lại?”

“Không thể phủ nhận được rằng truyền thuyết của bác đã nói đúng cả hai điều đó,” người da trắng đáp, “chính tôi cũng đã ở đây và đã nhìn thấy; tuy nhiên, vì sao khi nước ở trong bóng mát thì dịu ngọt mà khi ra ánh sáng lại mặn chát, tôi chưa bao giờ giải thích nổi sự thay đổi này.”

“Thế còn dòng nước?” người Anh điêng hỏi với vẻ chờ đợi một câu trả lời công nhận một hiện tượng mà bác thấy lạ lùng nhưng vẫn tin là có thật, “ông cha Chingachgook không nói dối đâu.”

“Thánh kinh cũng không thể nói đúng hơn, và hiện tượng này quả có thật trong thiên nhiên. Người ta gọi dòng nước chảy ngược đó là nước triều, một hiện tượng dễ giải thích và khá rõ ràng. Trong sáu tiếng đồng hồ nước chảy vào và, trong sáu tiếng, nước lại rút ra, nguyên nhân như sau: khi nước biển cao hơn mặt sông thì nước chảy vào cho đến khi mặt sông cao hơn thì nước lại chảy ra.”

“Nước ở trong rừng và các hồ lớn chảy xuôi cho tới khi dòng nước nằm ngang như bàn tay này,” người Anh điêng vừa nói vừa dang cánh tay ngang mặt, “rồi nước không chảy nữa.”

Người trinh sát hơi phật lòng vì thấy câu nói của bạn ngụ ý không tin vào những lời mình giải thích về bí mật của nước triều, bác nói:

“Không một người trung thực nào phủ nhận điều đó. Và tôi đồng ý là chuyện này có thật trên quy mô nhỏ và ở nơi đất bằng. Nhưng mọi việc đều tùy thuộc vào quy mô của vấn đề ta xem xét, cho nên trên quy mô nhỏ thì mặt đất bằng phẳng, nhưng trên quy mô lớn thì nó lại tròn. Bởi vậy, nước ở các đầm

ao và ngay cả các hồ lớn nước ngọt là nước tù như bác và tôi đều biết vì đã nhìn thấy; nhưng một khi bác vãi nước trên một khoảng rộng lớn như biển chẳng hạn, mà quả đất lại tròn, thì có lý nào nước có thể đứng yên được! Dù bác muốn cho là nước đứng yên dưới chân những tảng đá đen ngòm cách chúng ta một dặm về phía thượng lưu kia, chính lỗi tai bác lại bảo bác rằng ngay lúc này, nước đang xô qua những tảng đá ấy.”

Tuy không thỏa mãn với lý luận của bạn, người Anh điêng không lộ vẻ hoài nghi vì quá giàu lòng tự tôn. Bác làm như thể tin vào những lời đó, rồi lại tiếp tục kể chuyện với tư thế nghiêm trang như lúc trước:

“Chúng tôi đi từ chỗ mặt trời bị che khuất ban đêm, vượt qua những cánh đồng bao la có nhiều trâu, đến tận con sông lớn. Tại đây, chúng tôi đánh nhau với người Alligewi cho tới khi máu của chúng đổ lòm mặt đất. Từ bờ con sông lớn tới bờ hồ nước mặn, không gặp một ai. Bọn người Maqua đi theo sau đằng xa. Chúng tôi cho rằng miền đất phải thuộc về chúng tôi bắt đầu từ chỗ nước con sông này không chảy ngược nữa tới một con sông khác cách đây hai mươi ngày đường về phía có mùa hè. Chúng tôi đã chiến đấu để giành lấy đất đai và chúng tôi sống để giữ gìn nó. Chúng tôi xua bọn Maqua vào rừng ở với lũ gấu. Chúng chỉ được liếm muối ở các bãi đất mặn, chúng không kiếm được cá ở các hồ lớn, và chúng tôi ném xương cho chúng.”

“Tất cả những điều đó, tôi đã được nghe và tôi tin,” người da trắng nói khi thấy người Anh điêng ngừng lời, “nhưng việc đó xảy ra từ lâu trước khi người Anh đặt chân lên đất này.”

“Trước kia có một cây thông mọc lên ở chỗ cây hạt dẻ đây. Những người mặt tái đầu tiên đến với chúng tôi không nói tiếng Anh. Họ tới trên một chiếc thuyền lớn khi ông cha tôi

cùng với những người da đỏ trong vùng đã chôn những chiếc rìu trận xuống đất. Thuở ấy, bác Mắt Chim Ưng ạ,” người da đỏ kể tiếp, để lộ niềm xúc động mạnh qua giọng nói trầm hẳn và đục khiến cho ngôn ngữ bác dùng trở nên thánh thót, “thuở ấy, Mắt Chim Ưng ạ, chúng tôi cùng chung một dân tộc và sống sung sướng. Hồ mận cho chúng tôi cá, rừng cho chúng tôi hươu, bầu trời cho chúng tôi chim. Chúng tôi lấy vợ và họ cho chúng tôi con cái; chúng tôi thờ phụng đấng Đại Linh^[21] và chúng tôi đồn bọn Maqua ra mãi xa, không nghe được tiếng ca chiến thắng của chúng tôi.”

“Thế bác có biết gì về gia đình bác lúc đó không?” người da trắng hỏi, “Một người Anh điêng như bác là một con người chính trực. Tôi nghĩ rằng bác đã thừa hưởng những đức tính của cha ông, bởi vậy tổ tiên bác phải là những chiến binh dũng cảm và những người khôn ngoan trước ngọn lửa của hội đồng bộ tộc.”

“Bộ tộc tôi là thủy tổ của các dân tộc, nhưng tôi là một người có dòng máu không pha tạp. Dòng máu của các thủ lĩnh chảy và mãi mãi còn trong huyết quản của tôi. Người Hà Lan đặt chân lên đất này và phát cho dân tôi nước-lửa^[22]; dân chúng uống vào cho tới khi trời và đất tưởng chừng như chấp vào nhau, và họ nghĩ một cách đại dột là đã tìm thấy đấng Đại Linh. Thế rồi họ phải bỏ đất đai mà đi. Lần lần, họ bị đuổi ra xa bờ nước, đến nỗi tôi đây, một thủ lĩnh, một người tù trưởng, chỉ mới nhìn thấy mặt trời chiếu sáng qua những cành cây và chưa bao giờ được thăm viếng mồ mả của tổ tiên mình.”

“Những ngôi mộ mang lại cho trí óc những ý nghĩ nghiêm túc,” người da trắng đáp, vô cùng xúc động trước vẻ đau khổ bình tĩnh của bạn, “và chúng giúp thêm cho ta làm điều thiện. Riêng tôi lại muốn cho năm xương tàn của mình phơi ra giữa

rừng, không nơi chôn cất, hoặc làm mồ cho bày sói gặm xé. Tìm đâu thấy những người của giống nòi bác bao mùa hạ trước đây vẫn về với bà con thân thích ở miền Delaware^[23].”

“Còn đâu những bông hoa của mùa hè năm xưa!... Rụng hết rồi, từng bông từng bông; giống nòi của tôi cũng ra đi như vậy, lần lượt về thế giới của linh hồn. Tôi đang ở trên đỉnh đồi và sẽ phải xuống thung lũng, và cho đến khi Uncas theo gót tôi thì sẽ không còn ai mang dòng máu của người tù trưởng, vì con trai tôi là người cuối cùng của bộ tộc Mohican.”

“Uncas đây!” có tiếng nói cũng nhẹ và đục mé sau lưng Chingachgook, “Ai bảo gì Uncas?”

Bất thành linh bị ngắt quãng người da trắng sờ vào con dao găm cắm trong bao da và vô tình giơ tay với khẩu súng; trái lại người da đỏ vẫn ngồi yên, không quay đầu về phía có tiếng nói phát ra.

Liền đó, một chiến binh trẻ măng lướt qua mặt hai người, không một tiếng động và ngồi xuống bên bờ con sông chảy xiết. Trong hồi lâu, người cha không thốt ra một tiếng kêu kinh ngạc nào và cũng không hỏi han gì; cả hai đều có vẻ chờ đợi thời gian thuận tiện mới nói để khỏi tỏ ra rằng mình tò mò như đàn bà hay sốt ruột như con trẻ. Dường như thông hiểu tập quán của họ, người da trắng buông súng ngồi yên với một thái độ dè dặt. Cuối cùng Chingachgook từ từ quay mặt về phía con trai của mình và hỏi:

“Bọn Maqua có dám để lại dấu giày của chúng trong khu rừng này không?”

“Con đã dò được vết tích của chúng” người da đỏ trẻ tuổi đáp, “và biết là bọn chúng đông bằng số ngón tay của con; nhưng chúng lẫn lút như một lũ nhát gan.”

Người da trắng mà chúng ta sẽ gọi là Mắt Chim Ưng theo cách xưng hô của những bạn đồng hành của bác, lên tiếng:

“Quân trộm mò ra để lột da đầu và cướp bóc chẳng? Hay là viên tướng Pháp Montcalm hung hăng kia tung do thám đến tận doanh trại của ta để dò đường chúng ta đi!”

“Thôi được,” Chingachgook đáp, mắt nhìn về phía mặt trời đang lặn, “chúng sẽ bị xua đuổi như ta đuổi hươu nai ra khỏi bụi rậm. Mắt Chim Ưng, tối nay ta hãy ăn đã, ngày mai sẽ cho bọn Maqua biết tay.”

“Tôi sẵn sàng làm cả hai việc đó; nhưng muốn đánh bọn Maqua thì phải biết chúng lẩn trốn ở đâu đã; còn như muốn ăn thì phải có thú săn... Nhưng kìa, vừa nhắc thì nó đã dẫn xác tới! Ở dưới chân núi kia, trong bụi rậm thập thò một cặp sừng to nhất mà tôi trông thấy trong mùa này. Uncas.” Bác nói tiếp gần như thì thào, cố nén tiếng cười khỏi bật ra như một người có thói quen thận trọng, “Bác đánh cuộc ba mũi thuốc súng đây lấy ba tác thất lưng vỏ sò rằng bác sẽ bắn trúng giữa hai mắt con vật và gần mắt phải hơn mắt trái.”

“Không thể trúng được,” người Anh diêng trẻ đứng phất dậy với tất cả sự sôi nổi của tuổi thanh niên, “con vật chỉ thò ra cái chóp sừng.”

“Thằng bé ngây thơ thật,” người da trắng lắc đầu nói với Chingachgook, “Nó tưởng rằng khi người đi săn chỉ thấy một bộ phận của con vật thì không thể biết được những bộ phận khác của nó ở đâu sao!”

Nói rồi, bác tì súng vào vai chuẩn bị trở tài thiện xạ mà bác rất tự hào thì người chiến binh da đỏ có tuổi lấy tay hất khẩu súng, nói:

“Mắt Chim Ưng, bác có muốn đánh nhau với bọn Maqua không?”

Người trinh sát hạ súng quay mặt đi như biết mình đã phạm sai lầm, rồi đáp:

“Bọn Anh điêng này thông thuộc núi rừng như thể đó là bản năng của chúng vậy. Uncas, bác đành phải nhường con nai cho mũi tên của cháu, nếu không chúng ta sẽ giết con vật để rồi lũ kẻ cắp Iroquois xơi mất thôi.”

Vừa thấy cha khoát tay ra hiệu tán thành ý kiến đó. Uncas liền nằm rạp xuống đất, thận trọng bò lại gần con vật. Khi chỉ còn cách nơi ẩn nấp của nó vài thước, chàng hết sức nhẹ tay lấp tên vào nỏ; đôi sừng động dậy như thể con vật đánh hơi thấy kẻ thù và cảm thấy bất an; rồi có tiếng bật dậy, một vệt trắng bay vút vào trong bụi, và con vật bị thương lao thẳng từ trong bụi tới ngay chân kẻ thù đang núp kín. Tránh khỏi đôi sừng của con vật nổi điên, Uncas lao tới bên nó và xuyên một nhát dao vào cổ; con nai chồm lên rồi ngã vật bên bờ sông, máu nhuộm đỏ dòng nước.

“Thế là công việc đã hoàn thành nhờ tài khéo léo của người Anh điêng.” Người trinh sát cười khe khẽ rất khoái trá, “Thật là một cảnh tượng đẹp mắt! Tuy nhiên cung tên chỉ bắn được tầm ngắn và cần phải dùng dao để kết thúc công việc.”

Bỗng Chingachgook kêu lên một tiếng và quay phắt như một con chó săn đánh hơi thấy mồi. Người trinh sát reo lên, long lanh cặp mắt của một người đi săn chuyên nghiệp:

“Lạy Chúa có cả một đàn hươu! Nếu chúng đến vừa tầm súng, nhất định tôi sẽ hạ một con dù cho cả sáu bộ lạc nghe thấy tiếng nổ. Chingachgook, bác có nghe thấy gì không? Đối với đôi tai tôi, núi rừng đều yên lặng.”

Người Anh diêng cúi rạp xuống cho tới khi tai gần chạm đất, nói:

“Chỉ có một con nai và nó đã chết rồi. Tôi nghe có tiếng chân đi.”

“Có lẽ lũ chó sói đã buộc con nai này phải chạy trốn tới đây, và bây giờ chúng đang dõi theo vết chân con vật.”

“Không phải. Ngựa của những người da trắng đang đi tới!” người da đỏ vươn thẳng người lên với một vẻ trang nghiêm và ngồi lại ngay ngắn trên cây gỗ, “Mắt Chim Ưng, họ là những người anh em của bác đây, hãy đến nói chuyện với họ đi.”

“Tôi sẽ làm việc đó với một thứ tiếng Anh mà ngay đức vua cũng sẽ không hổ thẹn khi phải trả lời,” người đi săn đáp bằng ngôn ngữ mà bác rất tự hào, “nhưng tôi không nhìn thấy gì và cũng chẳng nghe thấy tiếng người hoặc tiếng con vật nào. Có điều lạ lùng là một người da đỏ lại phân biệt được tiếng người da trắng giỏi hơn một người mà ngay kẻ thù cũng phải công nhận là có dòng máu không bị pha tạp cho dù có nghĩ rằng người đó đã sống với những người da đỏ khá lâu.Ồ, có cái gì như tiếng cành khô gãy... bây giờ lại thấy tiếng bụi cây động đậy... phải, phải, có tiếng chân bước mà tôi đã tưởng nhầm là tiếng thác reo... và... nhưng kìa, họ đã tới. Cầu Chúa cho họ không rơi vào tay bọn Iroquoist!”

CHƯƠNG 4

Vậy thì hãy xéo đi, nhưng mi sẽ không ra khỏi khu rừng nhỏ này chừng nào ta chưa làm cho khôn khổ để rửa mối nhục này.

[24]

• SHAKESPEARE

Người trinh sát chưa dứt lời đã thấy xuất hiện người dẫn đầu mà tiếng chân bước lại gần đã khiến đôi tai thính của Chingachgook phải chú ý. Một con đường mòn giống đường hươu nai thường qua lại, lượn khúc qua một thung lũng hẹp gần đó và gặp con sông ở quãng người da trắng cùng hai bạn da đỏ của bác đang nghỉ chân. Đoàn du hành hiện ra bất ngờ giữa rừng sâu, lần theo con đường mòn, từ từ tiến lại gần người đi săn đang đứng chờ đón họ, sau lưng là hai người bạn da đỏ.

Vắt khẩu súng hờ hững ngang cánh tay trái, ngón trỏ tay phải đặt vào cò, bác tránh không tỏ vẻ dọa nạt và lên tiếng hỏi:

“Ai đó? Ai tới chốn hoang vu đầy thú dữ và nguy hiểm này?”

“Đó là những tín đồ ngoan đạo, bạn của luật pháp và nhà vua.” Người cưỡi ngựa đi đầu trả lời, “Những người đã rong ruổi trong rừng cây này từ lúc mặt trời mọc, chưa ăn uống gì và mệt lử vì đi đường.”

“Vậy ra các ông bị lạc,” người đi săn ngắt lời, “và cảm thấy bơ vơ dường nào vì không biết rẽ sang phải hay trái.”

“Đúng thế. Trẻ con còn bú cũng không phụ thuộc vào người nuôi chúng hơn chúng tôi là những người lớn tuổi và có thể nói là có lớn mà chẳng có khôn. Ông có biết từ đây tới một vị trí quân sự của nhà vua gọi là William Henry còn bao xa không?”

Người trinh sát kêu to rồi cười phá lên, nhưng cảm thấy làm như vậy nguy hiểm, bác vội ghìm lại và cười khẽ hơn, tránh không cho kẻ thù ẩn nấp đâu đó nghe thấy, bác đáp:

“Ồ! Quả là ông bị lạc hướng như một con chó săn đánh hơi đi lòng một con hươu ở tận bên kia hồ Horican! William Henry ư! Nếu các ông là bạn của nhà vua và có việc phải gặp quân đội, tốt hơn hết hãy đi xuôi con sông này tới pháo đài Edward và trình bày với tướng Webb đang ngồi lì ở đó. Đáng lẽ ông ta phải thúc quân vào các hẻm núi để đẩy lui viên tướng Pháp láo xược sang bên kia hồ Champlain, tới tận hang ổ của hắn.”

Người mới đến chưa kịp trả lời vào nhận xét bất ngờ này thì lại có một kỵ sĩ khác từ bụi cây gần đấy phi ngựa ra mặt đường, phía trước người bạn đồng hành của mình.

“Thế pháo đài Edward cách đây bao xa? Từ nơi ông khuyên chúng tôi tới, chúng tôi ra đi sáng hôm nay để đến miền đầu hồ.”

“Chắc hẳn các ông đã mất khả năng quan sát trước khi mất hướng vì con đường chuyên chở rộng bằng hai con sào và, xem nào, to bằng bất cứ con đường nào của thành phố London, kể cả con đường trước cung điện nhà vua.”

“Chúng ta không bàn về ưu điểm của con đường,” Heyward mỉm cười đáp lại vì, như độc giả đã đoán ra, chính là anh, “lúc này chỉ xin nói rằng chúng tôi đã nhờ cậy một người dẫn đường da đỏ đưa chúng tôi đi bằng một con đường ngắn hơn

nhưng khó hơn, và chúng tôi đã phải thất vọng về sự hiểu biết của anh ta. Tóm lại, chúng tôi không biết hiện nay đang ở đâu.”

“Một người Anh điêng mà bị lạc trong rừng,” người trinh sát lắc đầu hoài nghi, nói, “giữa lúc mặt trời còn đang thiêu sém các ngọn cây và các con suối còn đang đầy nước, giữa lúc những đám rêu trên các bờ cát chỉ cho hắc biết chỗ ngôi sao Bắc Đẩu lấp lánh ban đêm! Rừng núi chẳng chịt những con đường mòn do hươu nai đi qua dẫn tới những dòng nước và những bãi đất mặ^[25] mà ai cũng biết, và những con ngỗng trời cũng chưa bay hết về miền sông nước ở Canada. Lạ thật! Một người Anh điêng lại có thể bị lạc đường khoảng giữa hồ Horican và khuỷu sông. Hắc có phải dân Mohawk không?”

“Hắc không thuộc dòng giống Mohawk nhưng được bộ lạc này đem về nuôi; tôi cho rằng sinh quán của hắc ở xa hơn nữa trên phía Bắc, và hắc là một trong những người các ông gọi là Huron.”

Hai bạn đồng hành của người trinh sát, từ nãy vẫn ngồi yên bất động như không để ý đến cuộc đối thoại của những người da trắng, bỗng thốt ra một tiếng kêu và đứng phắt lên chăm chú nghe; sự kinh ngạc làm họ quên cả dè dặt.

“Huron!” người trinh sát trắng kiện nhắc lại, đầu lắc lắc tỏ vẻ ngờ vực rõ rệt, “Đó là một giống kẻ cắp, bất kể chúng được ai nuôi; dù có dạy dỗ đến mấy, chúng cũng chỉ là những tên xảo trá, du đang. Nếu như ông đã nhờ cậy vào một người thân thuộc dân tộc này thì tôi chỉ lấy làm lạ tại sao ông chưa rơi vào tay bọn chúng.”

“Điều đó không có gì nguy hiểm lắm vì pháo đài William Henry còn ở cách phía trước chúng ta bao nhiêu dặm đường kia mà. Ông quên là tôi đã nói rằng người dẫn đường của

chúng tôi giờ đây là người Mohawk, và anh ấy phục vụ trong quân đội chúng ta như một người bạn.”

“Còn tôi xin nói với ông rằng một tên Mingo đến chết vẫn là Mingo!” người trinh sát đáp lại dứt khoát, “Người Mohawk ư! Không, về mặt trung thực thì phải kể tới người Delaware hoặc người Mohican; và khi họ ra trận (một điều không phải tất cả làm được vì kẻ thù xảo quyệt của họ là bọn Maqua đã biến họ thành đàn bà). Một khi họ bước vào chiến trận, hãy xem người Delaware hay người Mohican là những chiến binh thực sự.”

“Thôi thôi,” Heyward sốt ruột nói, “tôi không định điều tra về tính nết của một người tôi đã biết rõ còn ông thì lại không quen. Ông vẫn chưa trả lời vào câu hỏi của tôi. Chúng tôi cách đạo quân chủ chốt ở pháo đài Edward bao xa?”

“Hình như điều đó còn phải tùy xem người dẫn đường của ông là ai. Một con ngựa như con này tưởng đâu phải vượt được một chặng đường dài giữa khoảng mặt trời mọc và lặn chứ.”

“Tôi không định đấu khẩu suông với ông bạn.” Heyward nén cơn bực, đầu dụi, “Nếu ông nói cho biết khoảng cách giữa nơi này và pháo đài Edward và dẫn tôi tới đó, công lao của ông sẽ được đền bù.”

“Nhưng làm như vậy, biết đâu tôi lại chẳng dẫn một kẻ thù, một tên do thám của tướng Montcalm tới những công sự của quân đội ta. Không phải người nào nói được tiếng Anh cũng là bầy tôi trung thành cả đâu.”

“Nếu ông phục vụ trong quân đội, mà tôi đoán ông là trinh sát, hẳn ông phải biết tới trung đoàn sáu mươi của nhà vua?”

“Trung đoàn sáu mươi ư! Tuy tôi mặc bộ đồ săn chứ không khoác áo đỏ^[26] tôi cũng chẳng lạ gì đơn vị Bắc Mỹ này của Anh hoàng.”

“Vậy ông biết tên viên thiếu tá của trung đoàn chứ?”

“Thiếu tá của trung đoàn à!” người đi săn ngắt lời, toàn thân rướn thẳng như hãnh diện về sự tin cậy của người đối thoại, “Nếu trong vùng có người nào biết thiếu tá Effingham thì người đó đang đứng trước mặt ông.”

“Đơn vị này có nhiều thiếu tá, người ông vừa nhắc tới thuộc lớp kỳ cựu; nhưng tôi muốn nói tới thiếu tá trẻ nhất trong số đó; anh ta chỉ huy các đại đội đóng ở pháo đài William Henry.”

“Có, có; tôi nghe nói có một người còn trẻ và rất giàu, quê tại một tỉnh miền Nam, được giao nhiệm vụ đó. Anh ta còn quá trẻ để giữ một chức vụ như vậy và để chỉ huy những người tóc đã bắt đầu bạc; vậy mà nghe đồn anh ta am hiểu về quân sự và là một con người can trường.”

“Dù anh ta là ai và được đánh giá ra sao trong chức trách của mình, anh ta đang nói chuyện với ông lúc này và tất nhiên không thể là một kẻ thù đáng sợ.”

Người trinh sát ngạc nhiên nhìn Heyward rồi ngả mũ và nói bằng một giọng từ tốn hơn tuy vẫn đượm vẻ ngờ vực:

“Tôi nghe nói có một bộ phận đã rời doanh trại sáng nay để tới miền ven hồ.”

“Đúng thế, nhưng tôi chọn một con đường ngắn hơn, ỷ vào sự hiểu biết của người Anh điêng nói trên.”

“Và hắn đã lừa dối ông rồi bỏ chạy?”

“Theo tôi nghĩ thì không phải như vậy; có điều chắc chắn là hắn không bỏ chạy vì còn thấy hắn ở phía sau kia.”

“Tôi muốn nhìn con người này; nếu đúng là một tên Iroquois, tôi có thể nhận ra qua bộ điệu gian xảo và những nét vẽ sơn của hắn.”

Nói xong, người trinh sát bước qua mặt con chiến mã của Heyward và đi vào đường mòn phía sau lưng con ngựa cái của thầy quản hát; lợi dụng lúc nghỉ chân, chú ngựa con đã rúc vào vú mẹ để bú. Sau khi gạt bụi cây sang hai bên và đi được vài bước, bác gặp hai cô thiếu nữ đang chờ kết quả cuộc hội đàm với vẻ bồn khoăn và có đôi phần lo lắng; sau lưng họ là người liên lạc da đỏ đang đứng tựa vào một thân cây, thản nhiên để cho Mắt Chim Ưng quan sát; tuy nhiên, vẻ lăm lăm dữ tợn của y khiến cho người ta phải khiếp sợ. Sau khi nhận xét kỹ lưỡng, người đi săn quay ra ngay. Khi đi qua mặt hai cô gái, bác dừng lại một lát để chiêm ngưỡng nhan sắc của họ, đáp lại nụ cười và cái gật đầu của Alice với một vẻ sung sướng lộ ra mặt. Rồi bác đến bên con ngựa cái, đứng lại một phút để cố tìm hiểu tính tình của chủ nhân nó; bác lắc đầu thất vọng và trở về chỗ cũ với Heyward; tới nơi, bác nói:

“Một tên Mingo vẫn là một tên Mingo. Thượng đế đã sinh ra nó như vậy, dù người Mohawk hay bất cứ bộ tộc nào khác cũng không làm cho nó đổi tính đổi nết được. Ví như chỉ có hai chúng ta, và ông lại vui lòng thí con ngựa quý này cho bày sói đêm nay, tôi có thể trong vòng một tiếng đồng hồ đưa ông tới pháo đài Edward vì từ đây tới đó chỉ mất một tiếng đi đường; nhưng đi cùng với hai vị tiểu thư kia thì xin chịu.”

“Tại sao vậy? Họ có bị mệt nhưng còn đủ sức cưỡi ngựa được vài dặm nữa.”

“Việc đó thực tế không thể làm được,” người trinh sát nhắc lại, “tôi chẳng muốn đi một dặm nào ban đêm trong khu rừng này cùng với tên liên lạc ấy, dù tôi là tay súng số một trên miền đất thuộc địa. Quanh ta đây rầy lũ người Iroquois, và tên Mohawk lai tạp của ông lại biết quá rõ chỗ chúng ở, cho nên hẳn không thể là bạn đồng hành của tôi được.”

“Ông nghĩ vậy ư?” Heyward ngả người về phía trước, hạ thấp giọng gần như thì thầm, “Thú thật, không phải tôi không nghi hấn, tuy vậy tôi đã cố không để lộ mà còn làm như vẫn tin tưởng vào hấn để cho hai cô bạn đồng hành của tôi yên tâm. Chính vì nghi ngờ nên tôi đã không theo hấn nữa mà bắt hấn đi theo tôi như ông đã thấy.”

“Thoạt nhìn tôi đã biết ngay là một kẻ tráo trở.” Người trinh sát vừa đáp vừa để ngón tay lên mũi ra hiệu phải đề phòng, “Tên kẻ cắp đó tựa lưng vào một cây con mà ông có thể nhìn thấy ở trên đám bụi rậm kia; chân phải của nó song song với thân cây,” và tay người trinh sát vỗ vào khẩu súng, “từ chỗ tôi đứng đây, tôi có thể chỉ một phát bắn trúng giữa mắt cá chân và đầu gối của nó khiến nó không còn nhảy nhót trong rừng được, ít nhất trong một tháng. Nếu tôi quay trở lại chỗ nó, loài sâu bọ quỷ quyết này đâm nghi và sẽ lao vào trong rừng như một con hươu hoảng hốt.”

“Chớ làm thế! Cũng có thể hấn vô tội, và tôi không tán thành cách làm đó. Tuy nhiên, nếu tôi chắc chắn là hấn phản bội thì...”

“Tính lừa đảo của một tên Iroquois là điều chắc chắn rồi,” người trinh sát vừa nói vừa đưa khẩu súng về phía trước bằng một động tác làm theo bản năng.

“Dừng lại!” Heyward ngăn, “Chớ làm như vậy. Chúng ta phải nghĩ cách nào khác mặc dù tôi có nhiều lý do để tin rằng tên vô lại này đã lừa mình.”

Người đi săn cũng đã từ bỏ ý định bắn què tên liên lạc và đứng suy nghĩ. Lát sau, bác làm hiệu và lập tức hai người bạn da đỏ tiến lại gần. Họ thì thầm bàn bạc sôi nổi bằng tiếng Delaware. Cứ nhìn người da trắng vừa nói vừa luôn tay chỉ trở

về phía ngọn cây con cũng rõ ràng bác đang nói về vị trí khuất kín của kẻ địch. Nắm ngay được ý đồ của Mắt Chim Ưng, hai người da đỏ bỏ súng lại, mỗi người từ một phía con đường mòn lườn vào trong bụi, nhẹ nhàng không nghe thấy tiếng bước chân.

“Bây giờ ông hãy quay về chỗ cũ,” người đi săn nói với Heyward, “và hãy bắt chuyện với tên tiểu yêu đó để giữ chân nó lại; hai người Mohican vừa rồi sẽ tóm lấy nó mà không hề làm sây sát những nét sơn của nó.”

“Không!” Heyward cứng cỏi đáp, “Tôi sẽ tự tay bắt nó.”

“Thôi đi! Ngồi trên lưng ngựa thì làm thế nào đối phó được với một người Anh điêng ở trong bụi rậm!”

“Nhưng tôi sẽ xuống ngựa.”

“Thế ông tưởng rằng khi thấy ông đã rút một chân ra khỏi bàn đạp, nó chờ cho ông rút nốt chân kia hay sao? Bất kỳ ai vào rừng tiếp xúc với thổ dân cũng phải làm theo cách của người Anh điêng nếu muốn công việc của mình trôi chảy. Thôi, ông cứ lại chuyện trò cỏi mở với tên khốn kiếp đó và làm như thể tin nó là người bạn chân chính nhất đời của mình.”

Heyward chuẩn bị làm theo tuy rất ghê tởm tính chất công việc mà anh buộc lòng phải thi hành. Nhưng mỗi phút trôi qua lại càng làm cho anh nhận thấy rõ chỉ vì mình cả tin mà đã để cho hai thiếu nữ càn vàng lá ngọc lâm vào tình thế hiểm nghèo. Mặt trời đã khuất; khu rừng thiếu ánh sáng bỗng tối sầm như nhắc nhở Heyward là đã sắp tới giờ bọn người dã man thường hành động để trả thù và sát hại một cách vô cùng tàn bạo, không chùn tay. Sự lo sợ thúc đẩy chàng đến gặp tên liên lạc; trong khi đó, Mắt Chim Ưng quay sang trò chuyện sôi nổi với ông khách lạ hồi sáng đã tự tiện gia nhập đoàn du hành.

Khi đi qua mặt hai người bạn đồng hành yêu kiều, Heyward nói mấy câu khích lệ, và anh lấy làm mừng thấy hai nàng, tuy đi đường mệt nhọc, vẫn tưởng rằng những chuyện rắc rối hiện tại chỉ do ngẫu nhiên mà thôi. Sau khi nói cho họ tin là mình đang hỏi đường, anh thúc ngựa tiến lên rồi ghìm cương lại khi còn cách người liên lạc vài sải trong lúc tên này vẫn lăm lè tựa người vào thân cây.

“Magua này,” Heyward cô lấy vẻ tự nhiên và tin cậy, “anh thấy đây, trời tối rồi; thế mà chúng ta cũng chưa đến gần pháo đài William Henry hơn lúc chúng ta rời pháo đài của tướng Webb khi mặt trời mọc. Anh nhầm đường rồi và tôi cũng chẳng may mắn hơn. May sao chúng ta gặp được một người đi săn, người đang nói chuyện với thầy quản hát kia kia. Ông ta thông thuộc đường ngang lối tắt trong rừng và hứa đưa chúng ta đến nghỉ ở một nơi an toàn cho tới sáng mai.”

Người Anh điêng dán đôi mắt sáng quắc vào Heyward và hỏi bằng thứ tiếng Anh sai lỗi:

“Nó đi một mình à?”

“Một mình!” Heyward ngập ngừng đáp, không khỏi lúng túng vì xưa nay không quen dối trá, “Ồ, không phải một mình, tất nhiên rồi, Magua ạ, vì còn có chúng ta nữa kia mà.”

“Nếu vậy Cáo Tinh Khôn^[27] sẽ đi,” người liên lạc lạnh lùng xách chiếc túi nhỏ ở dưới chân, “và những người mặt tái sẽ không gặp ai khác ngoài những người cùng màu da với họ.”

“Đi ư! Anh gọi ai là Cáo Tinh Khôn?”

“Đó là tên do các cha Canada đặt cho Magua.” Người liên lạc đáp với một vẻ tự hào về biệt danh đó, “Một khi Munro đang chờ thì đêm hay ngày đối với Cáo Tinh Khôn cũng vậy thôi.”

“Thế Cáo Tinh Khôn sẽ ăn nói ra sao với viên chỉ huy pháo đài William Henry về hai cô con gái của ông ta? Liệu có dám nói với ông già nóng tính xứ Scotland rằng hai con ông đã bị bỏ rơi, không người hướng dẫn, tuy Magua đã hứa đưa họ đi không?”

“Mặc dù ông già Đầu Bạc có tiếng nói to và cánh tay dài, một khi ở trong rừng thì Cáo Tinh Khôn cũng chẳng nghe và cũng chẳng thấy gì.”

“Nhưng còn những người Mohawk sẽ nói gì? Họ sẽ may váy cho Cáo Tinh Khôn và bắt phải ở trong lều cùng với đám đàn bà vì không thể giao những công việc của đàn ông cho Cáo Tinh Khôn được nữa.”

“Cáo Tinh Khôn biết đường đi tới những hồ lớn và tìm được xương cốt của ông cha mình,” người liên lạc đáp, không hề lay chuyển.

“Thôi đi, Magua,” Heyward bảo, “chúng ta không phải là bạn ư? Cớ sao nói với nhau những lời chua chát thế? Đại tá Munro hứa sẽ thưởng sau khi làm xong công việc, và tôi cũng sẽ có một món quà riêng. Hãy nghỉ ngơi cho đỡ mệt và mở túi lấy lương ăn ra đây. Chúng ta có chút ít thời gian để nghỉ, đừng phí hoài vào việc cãi vã nhau như những mục đàn bà lắm điều. Khi nào hai cô gái lại sức, chúng ta sẽ lại lên đường.”

“Bọn mặt tái tự xem mình như những con chó bên cạnh đàn bà,” người Anh điên cuồng gầm gừ bằng tiếng mẹ đẻ, “và khi chúng muốn ăn thì những chiến binh của chúng phải bỏ rìu trận để hầu hạ bọn người lười biếng đó.”

“Cáo Tinh Khôn nói gì vậy?”

“Cáo nói: được thôi.”

Người Anh diêng đưa cặp mắt sắc lẹm nhìn chòng chọc khuôn mặt cởi mở của Heyward; nhưng bất gặp cái nhìn của người sĩ quan trẻ, y vội quay sang phía khác, thông thả ngồi xuống đất, lấy ở trong túi thức ăn còn lại từ bữa trước và bắt đầu ăn sau khi đã từ từ đưa mắt thận trọng nhìn xung quanh.

“Thế là tốt.” Heyward nói tiếp, “Cáo Tinh Khôn sẽ có sức khỏe và đôi mắt tinh tường để sáng mai còn tìm đường đi.” Heyward bỗng ngừng bật vì trong bụi rậm gần đấy có tiếng như cành khô gãy và lá sột soạt; chợt trấn tĩnh lại, anh tiếp tục: “Chúng ta phải khởi hành trước khi mặt trời mọc kéo tướng Pháp Montcalm chiếm mất con đường của ta và ngăn chúng ta đi tới pháo đài.”

Bỗng Magua đưa tay từ trên mồm xuống bên sườn; mắt y nhìn chăm chăm xuống đất, đầu nghiêng về một bên, lỗ mũi phập phồng và tai dường như vểnh lên khác thường, hệt như một pho tượng biểu hiện sự chăm chú tột bậc.

Heyward vẫn cảnh giác theo dõi những động tác của người liên lạc; anh hững hờ rút một chân ra khỏi bàn đạp, đưa tay về phía miếng da gấu che túi đựng súng. Không thể đoán được người liên lạc đang chú ý nhìn vào một điểm nào vì đôi mắt đảo đưa của y dường như không dừng lại ở một vật nhất định, đồng thời cũng khó nói rằng đôi mắt đó động đậy. Trong lúc Heyward còn do dự chưa biết xử trí ra sao, Cáo Tinh Khôn thận trọng đứng dậy bằng một động tác rất thông thả và ý tứ, đến nỗi không nghe thấy một tiếng động nhỏ. Nghĩ rằng đã đến lúc phải hành động, Heyward vòng một chân qua yên và xuống ngựa, quyết bước lên tóm cổ tên đồng hành phản bội, tin tưởng vào lòng can đảm của mình. Tuy nhiên, để tránh một sự hoảng hốt không cần thiết, anh vẫn giữ thái độ bình thản và thân thiện, nói:

“Cáo Tinh Khôn không ăn nữa à?” Anh gọi y bằng biệt danh, nghĩ rằng đó là cách tốt nhất để thỏa mãn tính kiêu căng của y, “Bắp ngô của Cáo rang không kỹ và có vẻ khô. Đưa đây xem nào; may ra trong túi lương thực của tôi còn chút thức ăn nào có thể làm cho Cáo ăn ngon miệng chẳng.”

Magua chìa túi ra; tay y chạm cả vào tay Heyward; tuy vậy y không mảy may lộ vẻ xúc động và vẫn chăm chú nhìn xung quanh. Nhưng khi cảm thấy những ngón tay của Heyward đang nhè nhẹ vuốt ngược cánh tay trần của mình, y gạt tay người sĩ quan, cất lên một tiếng hét chói tai, luồn qua cánh tay anh và nhảy vọt vào bụi rậm. Liên đó Chingachgook từ trong bụi xuất hiện, mình mẩy vẽ sơn như một bóng ma, lao qua đường rượt theo. Tiếng Uncas kêu lên đồng thời khu rừng bỗng nhiên lòe sáng, tiếp theo là tiếng súng nổ vang của người đi săn.

CHƯƠNG 5

Một đêm như đêm nay, nàng Thisbe rón rén ước trên sương
cỏ, chợt thấy bóng một con sư tử trước khi con thú hiện ra...^[28]

• SHAKESPEARE

Việc tên dẫn đường đột nhiên tẩu thoát và những tiếng kêu dữ tợn của những người đuổi theo khiến cho Heyward bàng hoàng sờ sững. Rồi chợt nhận ra tầm quan trọng của việc lòng bất kể chạy trốn, anh lướt mình bên đám bụi cây, lao lên phía trước, góp sức vào việc săn đuổi; nhưng mới chạy được gần trăm thước đã thấy ba người dân sơn cước trở về tay không.

“Sao vội nản lòng thế!” anh kêu lên, “Chắc tên khốn kiếp ấy núp sau một thân cây nào đó thôi, và chúng ta có cơ bắt được. Để nó chạy thoát thì chúng ta không yên thân được đâu.”

“Ông định bắt mây đuổi gió ư?” người trinh sát thất vọng đáp, “Tôi nghe thấy tên tiểu yêu đó lướt nhẹ trên lá khô như một con rắn đen và thoáng nhìn thấy nó ở chỗ cây thông to đằng kia, tôi đành phải bắn theo hướng đó, thế mà không trúng! Tuy nhiên, nếu có ai bắn phỏm chừng mà bóp cò được như vậy, tôi cho là nhanh mắt đấy. Tôi cũng có kinh nghiệm về những vấn đề này mà tôi phải biết. Kìa, hãy nhìn cây sơn kia, sao lá của nó lại đỏ tuy ai cũng biết rằng vào tháng Bảy này, nó đang ra hoa vàng!”

“Máu của Cáo Tinh Khôn chảy; nó bị thương rồi và có lẽ ngã gục đâu đây.”

“Không, không,” người trinh sát cực lực phản đối, “có thể tôi đã bắn xước da nó, và điều đó chỉ càng làm cho nó nhảy dài hơn. Một viên đạn làm sây da một con vật đang chạy, tác động như chiếc đinh giày thúc vào con ngựa, có nghĩa là kích thích nó chạy nhanh hơn và làm tăng chứ không làm mất sinh lực của nó. Nhưng khi viên đạn cắm sâu vào thịt, thông thường thì nó chỉ chồm lên một hai bước rồi dừng lại, không nhảy tiếp được nữa, dù là tên Anh điên nọ hay một con hươu.”

“Chúng ta gồm bốn người khỏe mạnh chọi với một kẻ bị thương kia mà!”

“Cuộc đời làm ông đau khổ lắm sao?” người trinh sát ngắt lời Heyward, “Thằng quỷ da đỏ sẽ dụ ông đến dưới tầm lưỡi rìu trận của bè bạn nó trước khi ông cảm thấy có hào hứng săn đuổi. Đối với một người đã từng luôn luôn phải nằm yên giữa những tiếng hò reo chém giết vang dội, việc nổ phát súng vừa rồi giữa một nơi có mai phục là một hành động thiếu suy nghĩ. Nhưng lúc đó, không tự kiểm chế được; thật là một việc rất tự nhiên! Thôi, các bạn, ta hãy rời khỏi nơi đây, và phải làm sao đánh lạc hướng bọn Mingo kéo chỉ giờ này ngày mai, da đầu của chúng ta đã đang nong gió trước lều của tướng Montcalm.”

Những lời nói khủng khiếp mà người trinh sát vừa thốt ra với vẻ thản nhiên của một kẻ thấy rõ nguy hiểm nhưng không sợ nhìn thẳng vào, làm cho Heyward sức nhớ tới nhiệm vụ quan trọng anh được giao phó. Anh đưa mắt nhìn xung quanh, cố gắng một cách vô vọng xuyên thủng bóng tối ngày càng dày đặc dưới vòm cây rừng, tưởng như thiếu sự che chở, hai người bạn đồng hành chân yếu tay mềm kia trong khoảnh khắc sẽ rơi

vào tay kẻ thù cuồng bạo, chúng như những con thú rình mồi chỉ chờ màn đêm buông xuống để giáng những đòn ác hiểm và chính xác hơn. Óc tưởng tượng quá mạnh của anh, bị ánh sáng chập chờn huyền hoặc, đã biến những đám bụi rậm rung rinh hoặc một khúc cây đổ thành những bóng người; nhiều lúc, anh tưởng như phân biệt được các bộ mặt ghê tởm của kẻ thù ẩn nấp đâu đây đang không ngừng theo dõi những hành động của đoàn anh. Ngược mắt nhìn lên, Heyward thấy những đám mây xấp nhẹ mà hoàng hôn in hình lên nền trời xanh, đã phai nhạt ánh hồng, và dòng nước dưới chân anh chảy lờ mờ giữa đôi bờ cây cối um tùm.

“Phải làm gì bây giờ?” trước tình hình cấp bách như vậy, Heyward cảm thấy nghi ngờ lúc này cũng chẳng ích gì, “Xin đừng bỏ rơi tôi; hãy vì Chúa mà ở lại đây bảo vệ những người do tôi hộ tống, và muốn lấy thưởng bao nhiêu thì cứ cho biết.”

Người trinh sát và hai người da đỏ đang bàn bạc với nhau bằng tiếng địa phương, không chú ý tới lời khẩn cầu đột ngột của Heyward. Họ thận trọng nói khẽ, gần như thì thầm. Khi Heyward tới gần thì thấy người chiến binh trẻ phát biểu sôi nổi, còn hai người lớn tuổi nói năng điềm đạm hơn. Rõ ràng họ đang bàn cách giúp đỡ những người đi đường. Nóng lòng muốn biết kết quả và e rằng mỗi phút trôi qua có thể làm tăng nguy hiểm, Heyward tiến lại gần nữa để nói cụ thể hơn về món tiền thưởng. Vừa lúc đó, người da trắng dùng tay ra hiệu chấp thuận điểm tranh luận, quay mặt đi như nói một mình bằng tiếng Anh:

“Uncas nói đúng! Thật không phải hành động của nam nhi nếu ta phó mặc hai thiếu nữ vô tội kia cho số phận của họ, dù ta có phải rời bỏ nơi trú ngụ này... Còn như các ông muốn cứu

những bông hoa dịu dàng kia thoát khỏi miệng hùm nọc rắn thì không được để mất thời gian và thay đổi ý kiến.”

“Làm sao có thể nghi ngờ điều mong muốn đó được! Chính tôi cũng đã định dành cho các ông...”

“Ông hãy dành những lời cầu nguyện cho Thượng đế.” Người trinh sát bình tĩnh ngắt lời, “Người sẽ làm cho chúng ta minh mẫn để có thể đánh lừa được bọn quỷ xảo trá đầy rẫy khắp núi rừng này; còn vấn đề tiền thưởng thì xin miễn bàn vì chắc gì ông còn sống để làm việc đó và tôi còn tồn tại để mà hưởng. Hai người Mohican này và tôi sẽ làm tất cả những gì bộ óc con người có thể nghĩ ra được để cứu những bông hoa kia thoát cơn nguy biến (những bông hoa dịu dàng đó sinh ra không phải để sống ở chốn hoang vu này), và chúng tôi không chờ mong một phần thưởng nào khác ngoài phần thưởng Chúa vẫn thường ban cho những người làm điều thiện. Trước hết, ông phải hứa hai điều, nhân danh cá nhân và hai cô bạn của ông; nếu không, chẳng những tôi không giúp được gì cho ông mà còn tự làm hại mình nữa.”

“Xin cứ nói.”

“Điều thứ nhất là phải im hơi lặng tiếng như rừng cây yên tĩnh này, dù có chuyện gì xảy ra; điều thứ hai là không bao giờ nói cho một người nào biết nơi chúng tôi sẽ dẫn các ông tới.”

“Tôi sẽ hết sức thực hiện cả hai điều đó.”

“Vậy hãy đi theo tôi kéo chúng ta đã mất khá nhiều thời giờ, mà thời giờ lúc này quý như máu trong tim đối với một con hươu bị thương.”

Trong bóng chiều xuống dần, Heyward nhận thấy dáng điệu hối hả của người trinh sát; anh rảo bước theo Mắt Chim Ưng tới chỗ các bạn đồng hành đang chờ. Khi tới chỗ hai thiếu nữ

đang bồn chồn ngóng đợi, anh nói vắn tắt cho họ biết yêu cầu của người dẫn đường mới và sự cần thiết phải hết sức kiềm chế nỗi lo sợ. Lời báo động của Heyward gieo vào lòng hai cô gái sự khùng khiếp, nhưng thái độ nghiêm trang và sự rắn rỏi của anh, cộng với mối nguy hiểm đang đe dọa, đã khiến họ trấn tĩnh được tinh thần để vượt qua thử thách bất ngờ và bất thường này. Không một phút chậm trễ, hai nàng lặng lẽ xuống ngựa với sự giúp đỡ của Heyward, rồi cả mấy người đi nhanh xuống bờ sông; tới đây, người trinh sát tập hợp cả đoàn lại bằng cách ra hiệu, tránh không dùng lời.

“Giải quyết ra sao những con vật không biết nói này đây!” người trinh sát có nhiệm vụ hướng dẫn đoàn, lẩm bẩm, “Cắt cổ rồi vát xác xuống sông sẽ mất nhiều thời gian; còn như bỏ chúng lại có khác gì bảo với bọn Mingo rằng chúng không cần phải đi xa lắm để tìm ra chủ nhân của những con ngựa này.”

“Hay là thả cho chúng chạy rông trong rừng” Heyward đánh bạo góp ý.

“Không, tốt hơn cả là hãy đánh lạc hướng bọn khốn kiếp và làm cho chúng tưởng rằng phải chạy nhanh như ngựa để đuổi bắt chúng ta. Ờ, ờ, phải đánh lừa những con người rục rủa của chúng chứ! Chingach... Suyt! Cái gì làm bụi cây lay động thế?”

“Con ngựa tơ đây.”

“Ít ra con ngựa tơ này cũng phải chết,” người trinh sát lẩm bẩm tóm lấy bờm con vật nhưng, nhanh hơn, nó trườn khỏi tay bác và chạy mất, “Uncas, tên nó đâu!”

“Chớ!” chủ nhân con vật sắp bị giết kêu thốt lên, quên mất rằng mọi người đều nói khế, “Hãy tha chết cho con của con Miriam. Mẹ nó có nghĩa và nó là đứa con ngoan; nó không làm hại ai đâu.”

“Khi con người chiến đấu để giành lấy cuộc sống mà Chúa đã ban cho,” người trinh sát nghiêm mặt đáp, “ngay cuộc sống của những người khác cũng không hơn gì của những con thú rừng. Nếu ông còn nói nữa, tôi sẽ bỏ mặc ông cho bọn Maqua. Uncas, kéo đây nỏ cho thật căng, chúng ta không có thời giờ bắn phát thứ hai đâu.”

Tiếng nói se se và đầy đe dọa của người trinh sát chưa dứt, con vật đã bị trúng tên, chồm lên bằng hai chân sau, lao về phía trước, đầu gối khụy xuống. Nhanh như chớp, Chingachgook phóng một nhát dao vào cổ con vật khiến nó càng gãy mạnh, rồi hẩy nó xuống sông; con ngựa tơ bị dòng nước cuốn trôi, thu hết tàn lực thở hồng hộc. Cảnh tượng dã man nhưng thật cần thiết này đập vào óc những người da trắng, như báo cho họ thấy rõ tình thế hiểm nghèo của mình; hành động bình tĩnh nhưng quyết liệt của những người làm việc đó càng ăn sâu vào tâm trí họ. Cả hai chị em rùng mình nép vào nhau; bất giác Heyward để tay lên một trong hai khẩu súng lục mà anh đã rút ra khỏi bao, đứng lên phía trước hai nàng, nhìn thẳng vào bóng tối dày đặc như một bức màn kiên cố bao phủ núi rừng.

Không một phút chần chừ, hai người Anh điêng nắm dây cương và kéo những con ngựa xuống sông, mặc cho chúng hoảng sợ lồng lên.

Đi khỏi bờ được một quãng, họ rẽ và khuất sau một mô đất nhô ra sông, men theo bờ cao đi ngược dòng nước. Trong khi đó người trinh sát kéo ra một chiếc xuồng làm bằng vỏ cây giầu dưới một lùm cây thấp, cành lá đu đưa theo sóng nước, lặng lẽ ra hiệu cho hai cô gái bước lên. Không do dự, chị em Cora làm theo ngay, nhưng mắt vẫn ngoái nhìn về khu rừng dày đặc sừng sững như một lá chắn đen ngòm dọc bờ sông.

Cora và Alice vừa ngồi yên chỗ, người trinh sát chẳng kịp nhìn xung quanh, liền bảo Heyward đỡ một bên cái xuống mỏng mảnh, còn mình sang phía bên kia, rồi cả hai ra sức đẩy ngược dòng nước, theo sau là chủ nhân con ngựa tơ vừa bị giết, nét mặt rầu rĩ. Cứ như thế, họ tiến được một quãng dài trong yên lặng, chỉ có tiếng nước xoáy rì rào hoặc tiếng chân lội nhẹ nhàng. Heyward nhất nhất làm theo sự hướng dẫn của người trinh sát lúc này đang điều khiển một cách chính xác chiếc xuống khi bơi sát bờ, lúc lùi ra xa để tránh những mỏm đá hoặc chỗ sâu, chứng tỏ bác rất thuộc đường. Thỉnh thoảng bác dừng lại; trong không khí ắng lặng, chỉ có tiếng thác đổ ì ầm mỗi lúc một gần làm cho cảnh vật càng thêm âm u, bác lắng tai nghe xem có tiếng động phát ra từ rừng cây im lìm không. Khi chắc chắn tình hình vẫn yên tĩnh và những giác quan nhạy bén của bác không phát hiện ra một dấu hiệu nào rằng kẻ thù lẫn khuất xung quanh, bác lại thận trọng thông thả tiến lên. Tới một khúc sông, đôi mắt tỉnh táo của Heyward bỗng nhìn chăm chăm vào một khối hình thù đen sì chụm lại ở một chỗ bị bờ cao của con sông tỏa bóng tối om xuống mặt nước. Ngần ngừ không biết có nên đi tiếp không, anh chỉ vào chỗ đó để lưu ý người bạn đồng hành.

“Phải rồi,” người trinh sát điềm tĩnh đáp, “hai người Anh điêng đã giấu ngựa vào đây theo cách suy nghĩ của những thổ dân. Nước không để lại dấu vết và mắt loài cú vọ cũng chẳng nhìn thấy gì trong cái hốc tối mờ ấy.”

Cả đoàn tập trung tại đây; người trinh sát và hai người da đỏ lại bàn bạc với nhau. Trong khi đó, mấy người mà số phận tùy thuộc vào lòng tốt và tài trí của những dân sơn cước không quen biết này, có chút thời giờ để nhận định kỹ lưỡng hơn tình thế của họ.

Con sông nằm gọn giữa những tảng đá cao vút thẳng đứng có một tảng treo lơ lửng ngay trên đầu chiếc xuống. Trên những tảng đá lại có những cây to mọc chồm ra bờ vực khiến ta có cảm tưởng là dòng nước chảy giữa một thung lũng sâu và hẹp. Cả khoảng không gian dưới những tảng đá hình thù kỳ dị và những mầm cây sum suê in hình lên nền trời đầy sao, chìm trong bóng tối. Sau lưng họ, bờ sông uốn cong, chỉ thấy một khối đen ngòm và rậm rạp như bưng lầy mắt, phía trước không xa, dòng nước như thể dâng lên sát nền trời rồi đổ ụp xuống vực sâu tạo ra những âm thanh rền rĩ khiến cho cảnh chiều càng tăng vẻ thê lương. Quả là một nơi ẩn náu kín đáo. Hai chị em Cora trong lúc ngắm cảnh đẹp hữu tình nhưng hoang dã, cảm thấy yên tâm. Lúc này những người dẫn đường rục rịch sửa soạn, và Heyward cùng các bạn anh đành phải dứt bỏ thú ngắm cảnh đẹp của rừng đêm để quay về với thực tế hiểm nghèo.

Mấy con ngựa đã bị cột vào những cây con mọc rải rác trong khe đá và sẽ phải đứng cả đêm dưới nước. Người trinh sát ra hiệu cho Heyward và các bạn đồng hành âu sầu của anh ngồi ở đằng mũi xuống, còn bác thì ngồi đằng lái, ngay ngắn và vững chãi như ở trên một chiếc thuyền lớn làm bằng những vật liệu bền chắc vậy. Khi hai người Anh điêng thận trọng trở lại chỗ cũ, người trinh sát chống con sào vào một tảng đá, đẩy mạnh, lao thẳng chiếc xuống mỏng mảnh vào giữa dòng nước xiết. Trong hồi lâu, cuộc vật lộn giữa chiếc xuống con chở mấy người và dòng nước cuộn cuộn diễn ra gay go đáng ngại. Những người ở đằng mũi đã có lệnh không được nhúc nhích, dù là một bàn tay, họ hầu như nín thở để giữ cho xuống thẳng băng trước dòng nước hung dữ, lòng đầy lo âu hồi hộp nhìn mặt nước loang loáng cuốn trôi. Bao lần họ tưởng như bị

những xoáy nước chìm sâu xuống đáy sông, thế nhưng tài nghệ của người lái đã điều khiển mũi xuồng vượt qua thác ghềnh. Cuộc chiến đấu kết thúc sau những cố gắng liên tục, phi thường và hầu như tuyệt vọng đối với hai cô gái. Đúng lúc Alice khiếp đảm che mắt tưởng rằng tất cả sắp bị xoáy nước nhấn chìm ở chân thác thì chiếc xuồng bập bênh dừng lại bên một tảng đá phẳng lì nằm ngang mặt nước.

“Chúng ta đang ở đâu và còn phải làm gì nữa?” Heyward hỏi khi thấy công việc khó nhọc của người trinh sát đã kết thúc.

“Các vị đang ở chân thác Glen,” người trinh sát nói to, chẳng sợ nguy hiểm vì tiếng thác đổ che lấp, “và sau đây phải nhẹ nhàng lên bờ, đừng để lật xuồng vì còn phải quay lại chặng đường gay go mà ta vừa vượt qua, tuy lượt này sẽ nhanh hơn khi bơi ngược. Khi nước sông dâng cao, bơi xuồng ngược dòng là một công việc khó nhọc; trong tình hình gay go như vậy, nằm mạng trên một chiếc xuồng con làm bằng vỏ và nhựa cây bulô quả là quá nhiều, khó giữ cho nó khỏi ụp. Nào, các vị hãy leo lên phiến đá để tôi đi đón hai người Mohican và đem xác con nai về đây. Thà ngủ không có mảng da đầu còn hơn chịu chết đói trên đồng thịt.”

Cả bốn người vui vẻ làm theo lời Mắt Chim Ưng. Người cuối cùng vừa đặt chân lên phiến đá, xuồng đã quay ngay mũi ra, vóc dáng cao lớn của người trinh sát lướt trên mặt nước rồi chìm trong bóng tối dày đặc bao phủ lòng sông. Người dẫn đường đi rồi, mấy người loay hoay không biết làm gì, không dám nhúc nhích sợ hụt chân lẫn xuống những vực sâu đang gầm réo, tưởng đâu nước từ bốn phía đổ vào. Nhưng thời gian chờ đợi không lâu. Trong lúc họ nghĩ rằng người trinh sát chỉ mới có đủ thời giờ để đi gặp các bạn của mình thì chiếc xuồng,

được sự hỗ trợ của hai người thổ dân thành thạo, lướt qua xoáy nước và trở về đập bên cạnh tảng đá phẳng lì.

“Thế là chúng ta có cả công sự kiên cố, lực lượng bảo vệ và lương thực,” Heyward vui vẻ nói, “và chúng ta dám thách thức tướng Montcalm cùng các đồng minh của ông ta. Nhưng này, người lính cảnh giới sáng suốt của tôi ơi! Bác có thấy được hoạt động của bọn người mà bác gọi là Iroquois ở trên bờ không?”

“Tôi gọi bọn chúng là Iroquois vì tôi coi tất cả những thổ dân nói tiếng ngoại quốc là kẻ thù, dù chúng tự nhận là phụng sự đức vua. Nếu tướng Webb muốn có trong tay những người da đỏ tin cẩn, chân thiện thì phải tìm đến những bộ tộc của người Delaware và phải tổng cổ bọn Mohawk, Oneidas tham lam dối trá cùng sáu dân tộc đồn hèn của chúng về với bọn Pháp vì bản chất của chúng ở đây hợp hơn.”

“Làm như vậy có khác gì đánh đổi một người bạn thiện chiến lấy một người bạn vô dụng! Tôi nghe nói người Delaware đã gác bỏ riu trận và chịu chấp nhận người ta gọi là đàn bà.”

“Phải, nhục nhã thay cho bọn Hà Lan và bọn Iroquois đã dùng âm mưu quỷ quyệt bắt họ phải chấp nhận một điều ước quái gở như vậy. Nhưng tôi biết họ đã hai chục năm nay, và kẻ nào bảo rằng dòng máu chảy trong huyết quản của người Delaware là dòng máu của kẻ hèn nhát, kẻ đó nói láo. Các ngài đã đuổi bộ tộc của họ xa bờ biển rồi lại tin vào lời nói của kẻ thù người Delaware để đêm đêm có thể ngủ yên giấc. Không, không, đối với tôi, tất cả những người Anh điêng nói tiếng ngoại quốc đều là Iroquois dù làng mạc của chúng ở Canada hay ở New York.”

Thấy người trinh sát cứ khẳng khẳng bênh vực những người bạn Delaware và Mohican vốn là hai chi của một dân tộc

đồng người, và có tranh luận cũng chỉ kéo dài vô ích, Heyward chuyển sang vấn đề khác.

“Điều ước hay không điều ước cũng mặc, chỉ biết rằng hai người bạn của bác là những chiến binh dũng cảm và thận trọng. Chẳng hay họ có nghe hoặc nhìn thấy kẻ thù của chúng ta hoạt động gì không?”

“Ta cảm thấy người Anh điêng tới gần trước khi nhìn thấy họ.” Người trinh sát vừa nói vừa bước lên phiến đá, vứt phịch con nai chết xuống, “Cho nên, khi muốn tìm dấu vết bọn Mingo, tôi không căn cứ vào những điều mắt thấy mà vào những dấu hiệu khác.”

“Vậy đôi tai bác có bảo bác rằng chúng đã dò được chỗ ẩn náu của chúng ta chưa?”

“Tôi sẽ phiền lòng khi nghĩ rằng chúng đã dò được tuy ở đây, với lòng dũng cảm, ta có thể chặn được những cuộc tấn công ác liệt. Nhưng có điều phải nói là ban này, khi đi qua chỗ buộc ngựa, tôi thấy chúng nép vào nhau như thể chúng đánh hơi thấy lũ sói; loài sói thường lảng vảng ở những nơi người Anh điêng mai phục hòng kiếm những đầu thừa đuôi thẹo của con nai họ giết được.”

“Thế bác quên con nai ở dưới chân rồi sao? Hay là bầy sói mò tới thăm xác con ngựa tơ. Nhưng kìa, có tiếng gì vậy?”

“Tội nghiệp con Miriam,” thầy quản hát khê than thở, “số kiếp của con mi là phải làm môi cho bầy thú dữ!”

Rồi bỗng nhiên anh cất cao giọng hát vang giữa tiếng nước đổ ào ào không ngớt:

“Ngài đánh giết hết thấy con đầu lòng xứ Ai Cập

Từ loài người đến loài súc vật

Tại giữa Ai Cập làm các dấu kỳ phép lạ

Giáng xuống đầu Pharaon và cả tôi tớ ngài.”^[29]

“Cái chết của con ngựa tơ làm chủ nhân nó đau lòng,” người trinh sát nói, “nhưng một người quan tâm tới những bạn không biết nói của mình là một biểu hiện tốt lành. Anh ta là người tốt đạo và tin rằng việc gì phải đến sẽ đến; với một niềm an ủi như vậy anh ta sẽ sớm hiểu ra rằng giết một con vật bốn chân để cứu bao mạng người là việc làm hợp lý.” Người trinh sát quay trở lại nhận xét lúc này của Heyward nói tiếp: “Cũng có thể như anh vừa nói đây, cho nên lại càng cần xả thịt con nai này ngay và vứt xác nó xuống sông kéo lũ sói sẽ kéo đến bên những vách đá này hú vang và tranh giành từng miếng ăn của chúng ta. Và dù cho cái lưỡi của người Delaware giống như một cuốn sách đối với bọn người Iroquois, lũ ma ranh quỷ quyệt này cũng sẽ hiểu ngay vì sao có tiếng sói hú.”

Vừa nói, người trinh sát vừa thu nhặt một vài dụng cụ cần thiết; dứt lời, bác lẳng lặng đi qua mặt Heyward và các bạn anh; hai người da đỏ dường như hiểu ý, liền đi theo; rồi cả ba lần lượt biến mất, tưởng như họ hòa vào bề mặt tối om của vách đá thẳng đứng cao chừng vài thước, sừng sững cách bờ sông dăm ba bước.

CHƯƠNG 6

Những thánh ca từng vang lên êm dịu ở Zion
Anh kỹ càng chọn ra một vài bài
Rồi nói, vẻ trịnh trọng: “Chúng ta hãy kính Chúa”.^[30]

• BURNS

Thấy ba người bỏ đi một cách bí mật, Heyward và hai cô bạn đồng hành trong lòng không khỏi lo âu; tuy cho tới với cách cư xử của người da trắng không có gì đáng chê trách nhưng trang phục thô lậu, lời nói lỗ mãng và thái độ ác cảm ra mặt của bác đối với kẻ thù, thêm vào đó là tính tình lầm lì của hai người Mohican, đều là những lý do khiến những người vừa bị choáng váng vì những sự phản bội của tên Anh điêng cảm thấy nghi ngại. Riêng thầy quản hát không hề quan tâm đến những việc xảy ra. Anh ngồi thần thờ trên một mỏm đá, thở dài thườn thượt chứng tỏ đang có một cuộc đấu tranh gay gắt trong đầu. Bỗng có tiếng nói nhỏ nhẹ gần đó, nghe như tiếng người gọi nhau trong lòng trái đất; rồi một ánh sáng rọi vào những người đang đứng bên ngoài, để lộ nơi trú ẩn rất kín đáo.

Ở tận cuối một hang đá vừa hẹp vừa sâu, người trinh sát đang ngồi, tay cầm một cành thông cháy rực; dưới ánh đuốc thông bập bùng, hang đá như dài thêm ra. Ánh sáng chói lòa của ngọn lửa tỏa xuống khuôn mặt phong trần và bộ áo quần sơn dã của bác khiến con người bác đượm một vẻ giang hồ

phiêu lãng. Nếu nhìn dưới ánh sáng tự nhiên ban ngày, ta sẽ thấy nổi lên những đặc điểm của bộ y phục lạ mắt, một thân hình rắn chắc, sự pha trộn kỳ lạ giữa tính sắc sảo nhanh nhạy và vẻ mộc mạc hồn nhiên làm biến mất những nét gân guốc trên mặt bác. Uncas đứng cách người trinh sát vài bước về phía trước, toàn thân hiện rõ dưới ánh đuốc. Trong lòng bắn khoăn, những người đứng ngoài cửa hang ngấm nhìn thân hình thẳng tắp và mềm mại của người Mohican trẻ có những cử chỉ điệu bộ vừa đẹp mắt vừa thoải mái tự nhiên. Khác mọi ngày, Uncas khoác một tấm áo đi săn màu xanh có tua, giống như của người da trắng; mắt anh đen láy, sáng quắc và ngoan cường, vừa dữ lại vừa hiền; gương mặt quả cảm, hiền ngang và ngạo ngễ đượm một màu đỏ trong sáng; trán vát và cao, rất chừng chạc đường hoàng; đầu tròn và cân đối, cạo trọc nhẵn, chỉ để lại một chòm tóc dày. Lần đầu tiên, Heyward và các bạn anh có dịp ngấm kỹ người trợ thủ Anh điêng trẻ của họ. Khuôn mặt man sơn nhưng kiêu hãnh và cương nghị của người chiến binh khiến họ trút được hết mối nghi ngại. Họ hiểu rằng một con người như vậy có thể bị giam hãm trong tối tăm dốt nát nhưng không thể là một kẻ manh tâm đem những năng khiếu thiên bẩm ra lừa thầy phản bạn. Cặp mắt tinh đời của Alice nhìn không chớp đáng vẻ phóng khoáng và đầy tự trọng của Uncas như ngấm một di vật quý của nền điêu khắc Hy Lạp; còn Heyward tuy đã từng thấy nhiều thân hình đẹp đẽ của những người thổ dân chất phác, cũng không giấu được vẻ thán phục trước một hình mẫu hoàn mỹ nhất của con người.

“Em có thể ngủ yên” Alice khẽ nói, “vì có một thanh niên dũng cảm và hào hiệp như vậy canh gác cho. Anh Duncan, chắc chắn những chuyện giết chóc tàn bạo, những cuộc tra khảo khốc liệt mà chúng ta thường đọc trong sách và nghe

kể sẽ không bao giờ diễn ra được trước mắt một con người như vậy.”

“Nghe nói đây là một dân tộc có nhiều đức tính tự nhiên,” Duncan đáp, “và người da đỏ này hẳn là một tấm gương sáng và hiếm của dân tộc đó. Anh đồng ý với em là vàng trán và cặp mắt kia sinh ra để áp đảo kẻ thù chứ không phải để phản bội; nhưng chúng ta cũng không nên tự lừa dối mình, chờ mong ở con người đó những hành động cao đẹp hơn những người Anh điêng khác. Những gương sáng về đức độ quá hiếm hoi ở những người theo đạo Cơ Đốc, và ở những người da đỏ cũng hãn hữu vậy thôi. Tuy nhiên, vì vinh dự chung cho loài người chúng ta, mong rằng tất cả đều có được những đức tính tốt đẹp. Bởi vậy ta hãy hy vọng rằng người Mohican này không làm cho ta phải thất vọng và tỏ ra là một người bạn dũng cảm và trung thành như diện mạo bên ngoài của anh ta.”

“Quả là những lời nói xứng đáng với thiếu tá Heyward!” Cora lên tiếng, “Nhìn người con của núi rừng này, còn ai nghĩ tới màu da tối sẫm của anh ta nữa.”

Mọi người còn lặng yên, lúng túng trước nhận xét của Cora thì đã thấy người trinh sát oang oang gọi họ vào; trong lúc bốn người chui vào hang, bác ta nói:

“Ngọn lửa này bắt đầu cháy quá to và sẽ soi đường cho bọn Mingo tới làm hại ta. Uncas, hạ cái chắn xuống để lũ bắt lương chỉ nhìn thấy mặt đen thôi. Bữa ăn tối nay thật không xứng với một vị thiếu tá Trung đoàn Hoàng gia ở Bắc Mỹ; nhưng mắt tôi đã thấy có nhiều phân đội của đơn vị này ăn cả thịt thú rừng sống mà chẳng cần muối. Anh xem đây, chúng tôi có rất nhiều muối và có thể làm xong ngay món thịt nướng. Những cành cây dẻ vàng còn tươi này dành cho hai cô ngồi; tuy nó không chắc chắn bằng những chiếc ghế gỗ đào hoa tâm nhưng có mùi

thơm dịu hơn cả mùi da lợn ở Guinea hay ở bất cứ nơi nào khác. Còn anh bạn kia, chớ buồn phiền vì con ngựa tơ. Đó là một con vật vô tội chưa gặp nhiều gian khổ. Cái chết giải thoát cho nó khỏi bị còng lưng mỗi gỏi!”

Uncas đã hạ chân xuống và khi người trinh sát nói xong, tiếng thác đổ nghe như sấm rền ì ầm xa xa.

“Trong hang này có thật sự an toàn không?” Heyward hỏi, “Liệu có nguy cơ bị đánh úp không? Chỉ cần một kẻ có vũ khí chặn cửa hang là chúng ta chịu chết.”

Một bộ mặt quái đản từ trong bóng tối, phía sau lưng người trinh sát, lộ ra lấy một cành cây đang cháy và giơ lên soi vào tận cuối hang. Khi hình thù gớm ghiếc này tiến lại gần ánh lửa, Alice khẽ kêu lên, và cả Cora cũng phải đứng phắt dậy. Nhưng rồi họ bình tĩnh lại khi Heyward cho biết đó là Chingachgook; người trợ thủ của họ. Người da đỏ vén tấm chăn ở cuối hang để lộ ra một cửa hang khác. Tay cầm cành cây cháy dở, bác luồn qua một đá sâu và hẹp tạo thành góc vuông với lòng hang, chỉ khác là lộ thiên, rồi chui vào một cái hang khác như nơi mấy người đang trú.

“Những con cáo già như tôi và Chingachgook mấy khi chịu bị tóm cổ trong một cái hang chỉ có một cửa.” Mắt Chim Ưng cười nói, “Các bạn có thể dễ dàng thấy rằng tạo hóa đã khéo xếp đặt nơi này; đá ở đây là loại đá vôi đen và mềm như chúng ta đều biết; dùng nó làm gỏi khá tiện trong lúc cây cỏ và gỗ thông khan hiếm. Ngày trước, mé dưới chúng ta vài thước là một dòng thác và tôi dám nói rằng thời ấy nước chảy điều hòa và ngoạn mục như bất cứ ngọn thác nào trên sông Hudson. Nhưng thời gian đã hủy hoại những vẻ đẹp, mà điều ấy thì hai cô thiếu nữ trẻ trung dịu dàng này chưa biết được. Đáng buồn là nơi đây đã trải qua nhiều đổi thay. Những tảng đá mang đầy

vết nứt nẻ; có những chỗ đá mềm, nước xói vào khoét thành những hố sâu hoắm. Cứ như thế, dòng nước húc vỡ chỗ này, bào mòn chỗ kia, rồi lùi về phía sau hang vài chục thước đến nỗi dòng thác chẳng còn ra hình thù gì nữa.”

“Chúng ta đang đứng ở quãng nào?” Heyward hỏi.

“Chúng ta đang ở gần nơi mà trước kia tạo hóa xếp đặt dòng thác; nhưng hình như nước bướng bỉnh không chịu nằm yên một chỗ. Đá ở hai bên đây là loại đá mềm, nước bèn khoét thành hai cái hang con cho chúng ta trú ẩn, làm cho giữa lòng sông bị khô cạn.”

“Vậy ra chúng ta đang ở trên một hòn đảo ư?”

“Phải; với hai thác nước hai bên và sông ở phía trên và dưới. Ban ngày leo lên mỏm tảng đá này nhìn dòng nước tai ác thì cũng bõ công. Nước chảy không theo một quy luật nào, chồm lên, ụp xuống, lao qua, vọt tới, có chỗ trắng xóa như tuyết, chỗ xanh rì như cỏ; phía này nước đổ dồn vào những vũng sâu, âm ầm rung chuyển mặt đất, phía kia nước rì rào reo vui như con suối, tạo ra những xoáy nước xói vào đá mềm như thể xói vào đất sét. Toàn bộ kế hoạch của con sông dường như bị đảo lộn. Lúc đầu dòng nước chảy chậm về xuôi như theo một trật tự đã định; rồi nó ngoặt về một bên và đâm thẳng vào bờ, có những quãng nó quay hẳn đầu lại như lưu luyến cảnh rừng rú hoang vu, không muốn hòa mình vào nước mặn. Này cô gái, tôi có thể chỉ cho cô thấy rằng chiếc khăn quàng cổ đẹp dễ giống như tơ nhện kia nom thô kệch chẳng khác tấm lưới đánh cá bên cạnh những hình nét muôn màu muôn vẻ mà dòng sông dường như phá vỡ trật tự sẵn có, đã tạo nên. Thế nhưng kết quả ra sao? Sau một thời gian tung hoành như một kẻ cứng đầu, nước bị tạo hóa tập trung lại ở mé xuôi chúng ta mấy con sào kia, rồi chạy thẳng ra biển như đã định từ lúc khai thiên lập địa.”

Những lời lẽ vụng về tả cảnh thác Glen khiến cho những người nghe cảm thấy yên tâm về sự an toàn của nơi trú ẩn tuy họ không có những nhận xét giống như Mắt Chim Ưng về phong cảnh hoang dã nơi đây. Nhưng tình thế hiện tại không cho phép họ để tâm trí vào những cảnh đẹp của thiên nhiên. Người trinh sát vừa nói vừa không ngừng chuẩn bị thức ăn, trừ đôi lúc bác giơ chiếc đĩa sứ chỉ vào những khúc đặc biệt đáng chú ý của con sông hung dữ. Còn mấy người khách lúc này chỉ quan tâm tới một điều tuy tầm thường nhưng cần thiết đối với họ là được ăn cho đỡ đói lòng.

Bữa ăn có cả một ít đồ ngọt do Heyward mang theo khi phải bỏ ngựa lại, khiến mọi người hồi sức. Uncas quanh quẩn bên hai thiếu nữ, giúp họ tất cả những việc vặt có thể làm được, với một vẻ vừa đĩnh đạc vừa ân cần ý tứ khiến cho Heyward lấy làm thích thú. Người sĩ quan biết rõ rằng đó là một điều mới lạ vì phong tục của người Anh kiêng không cho phép các chiến binh của họ tự hạ mình làm những việc lặt vặt, đặc biệt để phục vụ phụ nữ. Tuy nhiên, những luật lệ về lòng mến khách lại thiêng liêng đối với người da đỏ, cho nên hành động của Uncas tuy có phần nào phạm vào phẩm giá con người nhưng không ai có ý kiến gì. Ví thử lúc ấy có người nào vô tư quan sát kỹ thì sẽ thấy rằng sự giúp đỡ của người thủ lĩnh trẻ không phải hoàn toàn không thiên vị. Nếu khi đưa cho Alice bầu nước và món thịt rừng đựng trong một cái da chạm trổ làm bằng mẩu cây, Uncas tỏ ra có đủ lịch thiệp thì khi mang đến cho Cora, đôi mắt đen của anh dừng lại hồi lâu trên khuôn mặt xinh tươi của nàng.

Một đôi lần, Uncas buộc phải sử dụng tiếng nói để nhắc nhở một điều gì cho hai cô gái. Những lúc đó người chiến binh da đỏ dùng tiếng Anh; chàng nói áp úng và sai mọo luật nhưng đủ

hiếu được. Âm thanh từ trong cổ họng phát êm nhẹ và thánh thót, không thể không làm cho hai thiếu nữ phải ngạc nhiên khen thầm. Trong những lúc tiếp xúc, họ nói với nhau rất ít, nhưng những lời ngắn ngủi cũng đã tạo ra một không khí thân mật giữa đôi bên.

Trong khi đó, Chingachgook luôn luôn giữ một vẻ nghiêm trang. Bác ngồi trong vùng ngọn đuốc tỏa sáng khiến cho những cặp mắt lo âu của những người khách da trắng có thể phân biệt được diện mạo thật của bác với những nét sơn dữ dội. Họ nhận thấy hai cha con giống nhau như đúc tuy có sự chênh lệch về tuổi tác cũng như về những gian khổ mà mỗi người đã gặp phải. Vẻ dữ dằn trên khuôn mặt của Chingachgook lúc này dường như dịu đi, nhường chỗ cho một thái độ bình thản thanh thoi, một đặc điểm của người chiến binh Anh điêng một khi không có việc gì hệ trọng đòi hỏi phải dốc hết trí lực ra. Tuy nhiên, qua những nét thoáng hiện trên khuôn mặt ngăm đen, ta có thể dễ dàng nhận thấy rằng chỉ cần khuấy động những tình cảm của con người đó, những nét sơn gớm ghiếc dùng để áp đảo kẻ thù sẽ phát huy hết tác dụng. Trong khi đó, đôi mắt sắc sảo và tinh nhanh của người trinh sát luôn luôn hoạt động. Bác vừa ăn vừa uống một cách ngon lành như không cảm thấy nguy hiểm đang đe dọa, nhưng rõ ràng vẫn thường xuyên cảnh giác. Rất nhiều lần, vừa đưa bầu nước hay miếng thịt ngang mồm, bác chợt dừng tay, đầu nghiêng ngó như nghe ngóng những tiếng động khả nghi xa xa; cử chỉ đó nhắc nhở mấy người khách nhớ tới hoàn cảnh hiện tại của họ và những nguyên nhân hải hung đã dẫn họ tới hoàn cảnh đó. Sau những lần nghe ngóng, không thấy bác có ý kiến gì, và rồi nỗi lo âu của mọi người cũng lắng xuống và qua đi.

Gần cuối bữa ăn, Mắt Chim Ưng rút ở dưới đồng lá ra một cái hũ con và nói với ông khách ngồi kề bên đang thưởng thức rất công bằng tài nấu nướng của bác:

“Này anh bạn, hãy thử nhắp tí tửu làm bằng nụ thông. Nó sẽ xua tan nỗi nhớ thương con ngựa tơ và làm tăng sức sống cho anh. Tôi uống mừng tình hữu nghị của chúng ta thêm thắm thiết hy vọng rằng con ngựa bé nhỏ kia không gây oán cừu giữa đôi ta. Chẳng hay tên anh bạn là gì?”

“Gamut, David Gamut,” thầy quản hát đáp, sẵn sàng tu một hơi chất nước thơm phức và nồng đậm của người bạn sơn cước để nén cơn buồn phiền.

“Tên nghe hay làm sao? Tôi dám chắc bạn thừa hưởng cái tên đó của một gia đình nề nếp. Tôi là một kẻ hâm mộ những tên kêu tuy rằng cách đặt tên của người Cơ Đốc giáo khác xa người da đỏ. Anh chàng nhát gan nhất đời lại có tên là Sư Tử, còn mụ vợ Nhấn Nại thì luôn mồm chửi bới điếc tai hàng xóm. Đối với người da đỏ, đây là một vấn đề của lương tâm, tên gọi phải xứng với người. Nói như vậy không phải bảo rằng Chingachgook có nghĩa là Rắn Lớn, - phải thực sự là một con rắn lớn hoặc nhỏ. Bác mang tên đó vì nhìn thấu những nỗi uẩn khúc của con người, vì bác kín đáo và đánh kẻ địch vào lúc chúng không ngờ tới nhất... Thế anh bạn làm nghề gì?”

“Nghề mọn của tôi là dạy hát những bài thánh thi.”

“À ra vậy!”

“Tôi dạy hát cho đám thanh niên được tuyển mộ ở Connecticut.”

“Lẽ ra anh bạn phải làm những việc có ích hơn. Bọn nhãi ranh ấy đã cười đùa hát hò quá nhiều trong rừng trong lúc

chúng phải im hơi lặng tiếng như một con cáo rình mồi. Anh có biết bắn súng nòng trơn hoặc nòng xẻ rãnh không?”

“Nhờ ơn Chúa, tôi chưa có dịp nào mò tay vào những vật giết người ấy.”

“Có lẽ anh biết sử dụng la bàn và vẽ lên giấy những con sông quả núi ở những miền hoang vu để cho người sau có thể căn cứ vào tên đặt mà tìm ra.”

“Tôi cũng không làm một việc như vậy.”

“Với bộ giò của anh, đường dài cũng thành ngắn. Chẳng hay có khi nào anh chạy liên lạc cho tướng quân không?”

“Chưa bao giờ tôi chỉ làm theo năng khiếu cao quý của mình là dạy hát những bài ca ngợi Chúa!”

“Thật là một nghề lạ lùng!” Mắt Chim Ưng nói trong bụng cười thầm, “chẳng khác một con sáo cả đời nhại lại những tiếng bồng tiếng trầm phát ra từ cổ họng người khác. Thôi được, cứ coi đó là năng khiếu của bạn và nó cũng phải được công nhận như tài bắn súng hay một năng khiếu nào khác. Chúng ta hãy nghe anh bạn làm ăn ra sao; đó cũng là một cách thân thiện chúc cho nhau ngủ ngon giấc vì đã tới lúc hai cô thiếu nữ đây đi nghỉ lấy sức kéo đường đi còn dài và vất vả; ta sẽ lên đường sáng sớm mai trước khi bọn Maqua dậy.”

“Tôi xin vui lòng làm ngay.” David vừa nói vừa đeo đôi mục kính gọng sắt, rút cuốn sách nhỏ quý báu và đưa ngay cho Alice, “Còn gì hợp cảnh và khuây khỏa hơn là đọc kinh chiều cầu nguyện Chúa sau một ngày gian nan vất vả.”

Alice mỉm cười nhưng chột nhìn Heyward cô đỏ mặt ngán ngừ.

“Xin cứ tự nhiên,” người sĩ quan khề nói, “lời gợi ý của con người đáng kính mang tên Nhà soạn thánh ca^[31] chẳng đáng

được coi trọng trong lúc này sao?”

Được lời, theo sự thôi thúc của lòng thành kính và sở thích, Alice cất lên ngay những âm thanh êm dịu của mình. Nàng mở sách ra đúng vào trang có một bài ca khá phù hợp với hoàn cảnh của mọi người. Dịch giả bài ca, trung thành với nguyên tác đầy cảm hứng của vua xứ Israel, đã tìm được những lời thơ trong sáng và trang trọng. Cora ngỏ ý muốn tham gia cùng với em gái, và thế là bài thánh ca vang lên sau khi thầy quản hát đã theo đúng phương pháp làm một việc không thể thiếu được là lấy cái thanh mẫu để cho giọng thật đúng.

Điệu ca nghiêm trang và chậm chậm. Nghiêng mình trên cuốn sách nhỏ, hai cô gái hát say sưa sùng kính. Giọng của họ khỏe, lúc ngân cao vút, lúc hạ thật trầm khiến cho tiếng thác đổ hòa vào giai điệu như những tiếng nhạc đệm êm nhẹ. Bằng khiếu thẩm mỹ sẵn có và đôi tai chính xác, David điều khiển tiếng hát khi bổng khi trầm cho thích hợp với cái hang chật hẹp, và các khe ngách tràn ngập những âm thanh réo rắt làm rung động lòng người. Hai cha con người Anh điêng nhìn chăm chăm vào vách hang lắng tai nghe chăm chú, như biến thành tượng đá. Còn người trinh sát lúc đầu tì tay vào cằm với một vẻ thờ ơ lãnh đạm cũng dần dần dịu hẳn nét mặt khắc khổ; tiếng hát cứ ngân vang làm cho tâm hồn sắt đá của bác cũng phải trở nên mềm yếu. Bác nhớ lại thời niên thiếu cũng đã từng nghe những bài ca cầu nguyện tương tự trong các vùng đất mới ở thuộc địa. Đôi mắt linh hoạt của bác rớm ướt và trước khi bài ca kết thúc, từng giọt lệ nóng hổi trào ra từ đôi mắt tưởng như đã từ lâu khô cạn và lăn trên gò má quen chịu đựng những trận phong ba bão táp hơn là tỏ ra yếu mềm. Những hợp âm còn đang ngân nhẹ và tắt dần, và mọi người còn đang say sưa tận hưởng như ý thức rằng mình sắp chịu

một sự mất mát, bỗng đâu mé ngoài hang nổi lên một tiếng kêu không giống tiếng người, cũng không giống một tiếng nào khác trên thế gian, một tiếng kêu không chỉ thấm sâu vào các hốc đá mà vào tận từng người nghe. Tiếng kêu vừa dứt, không khí lạnh như tờ, tưởng chừng thác nước đang đổ ầm ầm cũng bị tiếng kêu khủng khiếp và đột ngột nọ chặn đứng lại. Alice lạnh người vì khiếp đảm; lát sau nàng khẽ hỏi:

“Có chuyện gì vậy?”

“Có chuyện gì vậy?” Heyward nhắc to.

Cả Mắt Chim Ưng và hai người Anh điêng đều không đáp. Họ kinh ngạc lắng nghe như chờ tiếng kêu nổi lên một lần nữa. Cuối cùng, họ thảo luận sôi nổi bằng tiếng Delaware, rồi Uncas thận trọng ra khỏi hang bằng cửa sau kín đáo hơn. Uncas đi rồi, người trinh sát mới trả lời bằng tiếng Anh:

“Có chuyện gì hay không có chuyện gì, không ai ở đây có thể nói được tuy rằng hai chúng tôi đây đã lăn lộn trong rừng trên ba chục năm trời. Tôi cứ tưởng rằng không có tiếng người Anh điêng hoặc tiếng thú dữ nào kêu mà tai tôi chưa nghe thấy; nhưng tiếng kêu này chứng tỏ tôi chỉ là một kẻ tự phụ hão.”

“Phải chăng đó là tiếng kêu của những chiến binh khi họ muốn áp đảo kẻ thù?” Cora quần tằm khăn choàng quanh người, đứng hỏi với một vẻ trầm tĩnh khác hẳn thái độ hốt hoảng của em gái.

“Không phải,” người trinh sát đáp, “tiếng kêu này nghe hãi hùng không chịu nổi và có một cái gì không giống người; còn một khi đã nghe tiếng hú trận, không bao giờ người ta có thể nhầm với bất cứ tiếng nào khác,” bác quay sang nói bằng tiếng Delaware với người thủ lĩnh trẻ vừa trở về: “Thế nào, Uncas! Có thấy gì không? Ánh lửa trong hang có chiếu qua những tấm

chắn không? Uncas cũng đáp lại bằng tiếng Delaware, lời lẽ ngắn gọn và dứt khoát.”

“Đứng bên ngoài hang không trông thấy gì,” Mắt Chim Ưng nói tiếp, đầu lắc lắc tỏ vẻ không hài lòng, “và nơi trú ẩn của chúng ta vẫn kín đáo. Các vị cần qua hang bên kiếm chỗ nghỉ ngơi. Chúng ta phải trở dậy trước khi mặt trời mọc và tranh thủ tới được pháo đài Edward trong lúc bọn Mingo còn đang ngủ.”

“Cora điềm tỉnh bước đi trước khiến cho cô em gái nhút nhát cũng phải noi gương. Tuy nhiên, trước khi rời khỏi hang, nàng khẽ yêu cầu Duncan đi cùng.”

Uncas vén chắn cho họ ra; khi hai chị em Cora quay lại cảm ơn về sự chu đáo của anh, họ thấy người trinh sát đã trở về ngồi trước đồng lửa tàn, hai tay bưng lấy mặt, đang trầm ngâm suy nghĩ về tiếng kêu kỳ quặc đã làm gián đoạn những tình cảm thành kính của họ lúc ban chiều.

Heyward cầm theo một cành cây cháy dở; ngọn lửa tỏa ánh sáng yếu ớt vào trong lòng chật hẹp của nơi trú ẩn mới. Anh đặt cây đuốc vào một nơi thuận tiện rồi đến gần chị em Cora. Lần đầu tiên từ khi rời những thành lũy thân thuộc của pháo đài Edward, hai cô mới lại được trò chuyện riêng với anh.

“Đừng bỏ chúng em ở đây một mình, anh Duncan nhé,” Alice nói, “chúng em không thể ngủ được ở một nơi như thế này khi tiếng kêu khủng khiếp vừa rồi vẫn còn vang vọng bên tai.”

“Trước hết ta hãy xem pháo đài này của chúng ta có an toàn không đã,” Heyward đáp, “sau đó sẽ bàn tới chuyện nghỉ ngơi.”

Nói xong, Heyward đi về phía cửa cuối hang cũng có chắn che; anh vén tấm chắn dày, hít thở không khí mát rượi trong

lành từ thác nước tỏa ra. Ngay dưới chân anh có một nhánh sông chảy qua một cái khe sâu và hẹp do nước xói vào đá mềm tạo thành; theo anh đây là một địa điểm phòng ngự vững chắc, chặn được mọi cuộc tấn công vào hướng này; cách vài sào ở phía thượng lưu, nước lao xuống loang loáng và xiết.

“Thiên nhiên đã tạo ra một bức chắn kiên cố ở đây,” Heyward chỉ vào thành đá dựng đứng trên mặt nước đen ngòm rồi hạ chần xuống, “và như hai cô thấy đây, phía trước chúng ta có những con người dũng cảm và trung thành canh gác; bởi vậy tôi thấy không có lý do gì để không nghe lời khuyên của ông chủ nhà lương thiện. Tôi chắc chắn Cora sẽ đồng ý với tôi rằng giấc ngủ là cần thiết cho cả hai cô lúc này.”

“Cora có thể công nhận ý kiến của anh là đúng song không thể thực hiện được.” Cô chị đang ngồi trên đống cành de vàng bên cạnh Alice, đáp, “Cho dù tiếng kêu bí ẩn hồi nãy không làm cho choáng váng, chúng tôi cũng đã mất ngủ vì những nguyên nhân khác rồi. Anh Heyward thử nghĩ xem, làm sao chúng tôi có thể quên được rằng cha mình đang phải lo lắng, không biết hai con gái phiêu bạt nơi nào, sống chết ra sao giữa nơi rừng thiêng nước độc với bao nguy hiểm này.”

“Ngài là một quân nhân và hiểu biết những điều may rủi trong rừng.”

“Dù sao người cũng là một người cha và không từ bỏ bản chất được.”

“Người tốt biết bao trước mọi hành động điên rồ của em!” Alice thốt thức, “Người hiền từ và rộng lượng biết bao trước những ước vọng của em! Chị ơi, chúng mình quả là ích kỷ, cứ nằng nặc đòi đi thăm cha trong tình hình bất trắc như thế này!”

“Có thể chị đã nôn nóng thúc bách cha phải chấp thuận trong lúc người đang bận rộn, nhưng chị muốn tỏ cho cha thấy rằng trong lúc có những kẻ thờ ơ trước những khó khăn của cha, các con của người vẫn luôn luôn thương nhớ.”

“Khi được tin hai cô tới pháo đài Edward,” người sĩ quan nói với một vẻ triu mến, “ngài bị giằng co giữa lo sợ và tình cha con; nhưng rồi tình cha con đã thắng vì ngài xa cách các cô đã lâu ngày. Ngài nói: ‘Anh Duncan, chính tâm hồn cao thượng của Cora dẫn đường cho chị em nó, và tôi không muốn ngăn cản. Cầu trời cho kẻ nào bảo vệ danh dự đức vua có được một nửa lòng dũng cảm của con bé.’”

“Thế cha không nói gì về em ư, anh Heyward” Alice ganh tị hỏi, “Chắc chắn cha không quên bé Elsie này.”

“Không thể quên được,” người sĩ quan trẻ đáp, “ngài đã nhắc tới em bằng cả ngàn hình dung từ mà anh không dám dùng từ mà anh nhận thấy rất đúng. Thật vậy, có lần ngài nói là...”

Bỗng Duncan ngừng lời. Giữa lúc anh nhìn chăm chăm vào đôi mắt Alice, và cô gái cũng đang hướng về phía anh bằng vẻ hăm hở và tình cảm kính mến tha thiết để nắm bắt những lời anh kể, tiếng kêu khủng khiếp lại vang lên trong không trung, làm anh im bật.

Trong hồi lâu, ba người nín thở, im lặng nhìn nhau, hãi hùng chờ tiếng kêu nổi lên lần nữa. Cuối cùng, tấm chắn từ từ vén lên và người trinh sát xuất hiện ở cửa hang, nét mặt có phần nao núng trước một bí ẩn dường như báo hiệu một nguy hiểm mà tài trí và kinh nghiệm của bác không vượt qua nổi.

CHƯƠNG 7

Lũ người gớm ghiếc ấy không ngủ;
Trên những vách đá xa xa,
Ta thấy chúng ngồi đó.^[32]

• GRAY

“Những tiếng kêu như vậy ở trong rừng là một báo hiệu có ích cho chúng ta,” Mắt Chim Ưng nói, “bởi vậy, ta không nên coi thường, nằm lì mãi trong hang. Hai tiểu thư cứ ở yên trong này, còn hai người Mohican và tôi sẽ ra ngoài kia canh gác, và tôi nghĩ rằng vị thiếu tá của trung đoàn 60 cũng sẽ cùng đi.”

“Tình thế của chúng ta nguy ngập lắm sao?” Cora hỏi.

“Chỉ có ai đã phát ra những tiếng kêu kỳ quặc này để báo hiệu cho con người mới biết được nguy hiểm đang đe dọa chúng ta.” Người trinh sát đáp, “Tôi sẽ cảm thấy có tội cưỡng lại ý muốn đó nếu cứ nằm trong hang mà nghe những tín hiệu vang lên trong không trung. Ngay cả anh chàng yếu đuối kia, suốt ngày chỉ hát với hò, cũng bị tiếng kêu kích thích và, như anh ta nói, “sẵn sàng tiến ra trận tiền”. Nếu chỉ là chuyện đánh nhau thì tất cả chúng tôi đây đều biết và làm được không khó khăn gì; nhưng tôi nghe nói một khi có những tiếng kêu như vậy trong cõi trời đất này, điều đó báo trước một kiểu chiến tranh khác.”

“Nếu như tất cả những điều lo sợ của chúng ta chỉ xuất phát từ những nguyên nhân siêu nhiên thì chúng ta không có nhiều lý do để hốt hoảng, ông bạn ạ.” Cora điềm tĩnh nói tiếp, “Ông có chắc chắn kẻ thù của chúng ta không tìm ra một cách nào mới mẻ và khôn khéo để làm cho ta khiếp đảm và đánh bại dễ dàng hơn không?”

“Thưa tiểu thư,” người trinh sát nghiêm trang đáp, “ba chục năm trời nay, tôi đã nghe tất cả những thứ tiếng ở trong rừng như một người cần phải biết một khi sự sống và cái chết tùy thuộc vào đôi tai thính nhạy của mình. Không một tiếng gầm thét nào của loài báo, không một tiếng hót nào của con chim sáo hoặc tiếng kêu nào của bọn Mingo quỷ quái có thể đánh lừa nổi tôi! Tôi đã từng nghe tiếng rừng cây than thở như người trong cơn đau buồn; tôi đã luôn luôn lắng nghe tiếng gió rung nhạc trên cành cây và tôi cũng đã nghe thấy tiếng sấm chớp xé không trung, giống như tiếng nổ của cành cây bốc cháy, và khắc ra những tia lửa và những đám lửa vùn vèo nhưng chưa bao giờ tôi nghĩ rằng mình đã nghe thấy tiếng gì ngoài ý muốn của Thượng đế, người điều khiển muôn sự trong tay. Vậy mà cả hai người Mohican và tôi đây, một người da trắng mang dòng máu thuần khiết, đều không giải thích nổi tiếng kêu ta vừa nghe thấy. Tuy nhiên, chúng tôi nghĩ rằng tiếng kêu đó giúp ích cho chúng ta.”

“Thật kỳ lạ!” Heyward vừa nói vừa lấy hai khẩu súng lục mà anh để ở một chỗ khi vào hang, “Dù đó là dấu hiệu của hòa bình hay chiến tranh, ta cũng phải quan tâm. Ông bạn hãy dẫn đường tôi xin theo.”

Ra khỏi nơi trú ẩn, họ bỗng thấy đầu óc sáng khoái vì được thở khí trời mát mẻ trong lành, khác hẳn không khí ngột ngạt trong hang. Một làn gió đêm lướt trên mặt sông như cuốn theo

tiếng thác gầm vào những khe ngách của hai vòm hang; từ trong hang, tiếng thác đổ lại vọng ra nặng nề và đều đặn như tiếng sấm rền ở bên kia rặng núi xa xa. Trăng đã lên, lấp loáng trên mặt nước phía thượng nguồn; nhưng chỗ mấy người đang đứng, ở đầu mỏm một tảng đá, còn chìm trong bóng tối. Ngoài tiếng nước chảy xiết và đôi lúc những con gió rì rào thoảng qua, cảnh vật vẫn yên tĩnh trong đêm tối dịu hiu. Họ đưa mắt nhìn dọc phía bờ đối diện xem có hiện tượng gì có thể giải thích được tiếng kêu mà họ đã nghe thấy, nhưng vô hiệu. Dưới ánh trăng mờ ảo, cặp mắt lo âu và soi mói của họ chỉ bắt gặp những tảng đá nhẵn lì và những thân cây thẳng tắp im lìm.

“Chẳng thấy gì cả ngoài bóng tối và sự tĩnh mịch của một đêm trăng đẹp.” Duncan thì thào, “Giá như vào lúc khác, cảnh đêm trăng đẹp Cora nhỉ! Nhưng thôi cứ tưởng tượng là ta đang sống an toàn; có lẽ cái điều đang làm cho cô khiếp sợ có thể thành một thích thú.”

“Nghe kìa!” Alice ngắt lời.

Một lần nữa, tiếng kêu lại nổi dậy, như từ lòng sông vọng lên, vượt ra khỏi những vách đá, luôn vào khu rừng rồi xa dần và tắt ngấm.

“Có ai ở đây biết tiếng kêu đó là tiếng gì không?” Mắt Chim Ưng hỏi khi tiếng vọng cuối cùng đã chìm trong rừng cây, “Nếu có, xin cứ nói; riêng tôi nghĩ rằng tiếng kêu đó không thuộc về thế gian này.”

“Thế thì ở đây có một người có thể làm cho bác rõ.” Duncan đáp, “Tôi biết rõ tiếng kêu này vì đã nhiều lần nghe thấy ở chiến trường, trong những trường hợp thường hay xảy đến với người lính. Đó là tiếng kêu hãi hùng của một con ngựa hấp hối, thông thường khi nó bị đau đớn, nhưng cũng đôi khi vì khiếp

sợ. Hoặc là con chiến mã của của tôi đang làm mối cho thú rừng, hoặc nó nhìn thấy nguy hiểm mà không có cách nào tránh được: Trong hang, tôi không nhận ra, nhưng ở ngoài trời nghe rõ lắm, không thể nhầm được.”

Người trinh sát và hai người bạn của bác nghe câu giải đáp đơn giản của của Heyward với một vẻ thích thú, chứng tỏ họ có những nhận định mới và gạt được những ý nghĩ bi quan đã làm cho họ hoang mang. Hai người Mohican thốt lên tiếng kêu quen thuộc, ra vẻ đắc chí vì sự thật đã lóe sáng trong đầu họ; sau một vài phút trầm ngâm suy nghĩ, người trinh sát lên tiếng:

“Tôi không dám phủ nhận những điều anh vừa nói vì tôi ít am hiểu về ngựa, tuy sinh trưởng ở nơi nhiều ngựa. Chắc là bầy sói kéo tới bờ sông hò hú ngay trên đầu chúng, và lũ ngựa hoảng sợ đã cố sức gọi người đến cứu.” Rồi người trinh sát nói bằng tiếng Delaware: “Uncas, cháu hãy bơi xuống tới và quăng cả loài sói lang và làm cho chúng ta sáng mai không còn một con ngựa nào trong lúc ta rất cần để đi được nhanh.”

Người thổ dân trẻ tuổi vừa xuống tới bến nước, bỗng một tiếng hú dài nổi lên, lúc đầu ở phía bờ sông bên kia, sau vang lên trong rừng sâu, như thể lũ sói chột hoảng sợ, rủ nhau bỏ mối tháo chạy. Theo bản năng, Uncas quay vội trở về, rồi ba người lại thì thầm bàn bạc sôi nổi. Cuối cùng, Mắt Chim Ưng quay về phía những người da trắng nói:

“Chúng ta như những kẻ đi săn mất phương hướng, đã bao ngày không nhìn thấy mặt trời, nhưng giờ đây chúng ta đã bắt đầu thấy những dấu hiệu chỉ lối cho ta, và đường đi đã sạch chông gai. Các bạn hãy lại đằng kia ngồi dưới bóng cây sồi mà ánh trăng in hình xuống mặt đất, bóng nó còn dày hơn bóng thông đây, và hãy chờ xem Chúa ban phát những gì cho ta. Xin

nói chuyện khẽ thôi, và có lẽ tốt hơn và khôn hơn là ai này chỉ nên suy nghĩ riêng mình.”

Người trinh sát nói với một giọng rất hồ hởi, không còn vẻ bồn khoăn lo lắng. Rõ ràng câu trả lời của Heyward về tiếng kêu kỳ quặc mà kinh nghiệm của bác không giải thích nổi, đã làm tiêu tan nỗi lo sợ chốc lát của bác. Và tuy nhìn rõ thực tế hiểm nghèo hiện tại, bác sẵn sàng đem cả nghị lực và lòng dũng cảm của mình ra để đối phó. Dường như hai người thổ dân cũng cùng chung ý nghĩ; họ đứng vào những vị trí có thể bao quát được cả hai bên bờ mà không bị phát hiện. Hành động của họ như nhắc nhở Heyward và các bạn anh phải thận trọng làm theo. Người sĩ quan trẻ vác ở trong hang ra một bó cành de vàng và xếp vào khe rãnh nằm giữa hai cái hang cho chị em Cora ngồi, ở đó họ được các thành đá che chắn, không sợ đạn bắn phải; và để hai nàng yên lòng, anh cam đoan nếu có chuyện gì nguy hiểm, họ sẽ được báo trước. Bản thân Heyward cũng đứng gác ngay gần đấy để có thể trao đổi khẽ, đề phòng nói to sẽ nguy hiểm. Anh chàng David cũng bắt chước những người dân sơn cước, nép mình trong ngách đá, cố giấu cho đôi chân tay lêu nghêu của mình không đập vào mắt kẻ địch.

Thời gian trôi qua, êm ả. Trăng lên đỉnh đầu, trải ánh sáng dịu lên hai cô gái yêu kiều đang ôm lấy nhau trong giấc ngủ êm đềm. Heyward choàng tấm khăn rộng của Cora lên hai người tuy anh rất muốn ngắm nhìn cảnh tượng đẹp mắt như vậy, rồi anh cũng gối đầu lên một hòn đá. Còn chàng David đã bắt đầu phát ra những âm thanh mà, lúc tỉnh táo hơn, đôi tai tinh tế của anh ắt phải thấy chói. Tóm lại, cả bốn người thiếp đi mê mết, không cưỡng nổi cơn buồn ngủ. Riêng Mắt Chim Ưng và hai cha con người Mohican vẫn tỉnh táo, không mệt mỏi bảo vệ cho họ. Thân hình ba người bất động, như thể hòa

lăn vào đá mắt vẫn không ngừng dũi theo hàng cây đen ngòm bao phủ đôi bờ con sông nhỏ. Không ai nói câu nào, và cố hết sức chú ý cũng không nghe thấy tiếng thở của họ. Kinh nghiệm dạy cho họ phải thận trọng quá mức như vậy, cho nên kẻ thù dù tinh khôn đến mấy cũng không thể đánh lừa được họ. Cứ như thế, họ canh gác suốt đêm mà không thấy động tĩnh gì. Trăng đã lặn, một vệt sáng yếu ớt chiếu xuống ngọn cây, ngay chỗ dòng sông uốn khúc ở mé hạ lưu, báo hiệu trời sắp sáng.

Lúc này mới thấy Mắt Chim Ưng động dậy. Bác trườn mình trên những tảng đá và đến gọi Duncan đang say sưa ngủ.

“Đã đến giờ lên đường,” bác khẽ gọi, “đánh thức hai cô gái dậy và chuẩn bị xuống thuyền khi nào tôi chở tới bến.”

“Đêm qua có yên tĩnh không?” Heyward hỏi, “Cơn buồn ngủ làm cho tôi mất cả tỉnh táo.”

“Tất cả vẫn yên tĩnh như lúc nửa đêm. Khẽ thôi, và nhanh tay lên.”

Duncan đã tỉnh hẳn; anh vội nhắc tấm khăn quàng che hai cô gái đang ngủ. Nửa tỉnh nửa mê, Cora vung tay lên như xua đuổi anh, còn Alice lẩm bẩm nói nhỏ nhẹ: “Không đâu, cha thân yêu chúng con không bị bỏ rơi, có anh Duncan ở bên chúng con mà.”

“Phải, cô bé ngây thơ dịu dàng ạ,” chàng thanh niên khe khẽ nói, “Duncan có đây, và chừng nào Duncan này còn sống và nguy hiểm còn đe dọa, anh không rời bỏ em đâu. Cora! Alice! Dậy đi thôi, đã đến giờ khởi hành rồi!”

Đáp lại câu nói của Heyward cô em bỗng hét lên một tiếng còn cô chị đứng phắt dậy trước mặt chàng, nét mặt bối rối kinh hoàng. Số là Heyward chưa dứt lời, bỗng đâu những tiếng gào thét nổi lên làm cho máu trong người anh đổ dồn về tim.

Trong khoảng một phút đồng hồ, tưởng như bảy quỷ sứ dưới địa ngục chiếm cả không gian và đang biểu lộ bản chất tàn bạo của chúng bằng những âm thanh man rợ. Những tiếng hò hét, không biết từ phía nào tới, tràn ngập khu rừng, và trong cơn hốt hoảng, mọi người tưởng tượng nghe thấy cả ở trong hang, trên những tảng đá, dưới lòng sông, trên không trung. Giữa cảnh náo động inh tai nhức óc, David vùng dậy, thân hình cao lêu đêu, hai tay để lên tai kêu to:

“Ở đâu có những tiếng chối tai đến thế! Quỷ sứ sống hay sao mà con người lại có thể thốt ra những tiếng kêu như vậy!”

David phớt cả người ra là một điều bất cần. Liền đó, phía bờ sông bên kia lóe lên những tia lửa và hàng chục phát bùng nổ vang; thầy quản hát xầu số quay lơ bất tỉnh ngay trên phiến đá mà anh vừa đánh một giấc dài. Thấy chàng Gamut ngã, bọn địch hét lên những tiếng kêu đặc thủng. Hai người Mohican cũng hiên ngang đáp lại sự áp đảo của đối phương. Lúc này tiếng súng nổ mau và gần hơn, nhưng cả đôi bên đều khéo léo không để hở người cho phía bên kia nhằm vào. Trong lòng lo âu Duncan lắng tai nghe xem có tiếng mái chèo không, nghĩ rằng chỉ có cách chạy trốn để thoát thân. Con sông vẫn chảy xiết, nhưng trên dòng nước đen ngòm vẫn không thấy chiếc xuồng xuất hiện. Trong óc anh vừa nảy ra ý nghĩ rằng người trinh sát đã độc ác bỏ rơi mọi người, chợt đâu từ tảng đá bên cạnh vút ra một luồng lửa; một tiếng rú dữ dội, tiếp theo là tiếng kêu hấp hối, báo cho anh biết tử thần, từ cây súng lợi hại của Mắt Chim Ưng phóng ra, đã hạ thủ một tên địch. Tuy mới thiệt hại nhẹ, những kẻ tấn công đã vội rút lui, và khu rừng lại yên tĩnh như trước khi xảy ra vụ náo động bất ngờ. Lợi dụng thời cơ Heyward lao đến bên chàng Gamut và khiêng anh vào

trong khe trú ẩn của hai chị em Cora; một lát sau, cả đoàn cùng tụ tập tại nơi tương đối an toàn này.

“Anh chàng khốn khổ này còn giữ được chỏm tóc đấy.” Mắt Chim Ưng vừa nói vừa thản nhiên xoa đầu David, “nhưng anh ta đã chứng minh rằng có người sinh ra với một cái lưỡi quá dài. Thật điên rồ phô bày cả thân hình cao lêu đêu trước bọn người man rợ hung tợn. Tôi chỉ lấy làm lạ rằng anh ta đã thoát chết.”

“Anh ấy không chết ư?” Cora cất tiếng hỏi, giọng khàn khàn chứng tỏ sự sợ hãi trong con người nàng đang tấn công mãnh liệt vào vẻ bình tĩnh bề ngoài, “Liệu chúng ta có thể làm gì để cứu con người bất hạnh đó không?”

“Tim anh chàng vẫn đập, và sau khi ngủ được một giấc, anh ta sẽ tỉnh lại, và sẽ khôn ngoan hơn cho tới ngày tận số.” Mắt Chim Ưng vừa liếc nhìn David nằm bất động vừa nạp đạn rất chính xác, “Uncas, hãy khiêng anh ta vào hang và đặt lên đống cỏ vàng. Càng ngủ được lâu càng tốt vì với một thân hình dài như vậy, ta e rằng anh ấy không tìm đâu được một nơi ẩn nấp trên những tảng đá này; còn như hát hò thì chẳng có tác dụng gì đối với bọn Iroquois đâu.”

“Bác cho rằng bọn chúng sẽ tấn công nữa sao?” Heyward hỏi.

“Tôi không nghĩ rằng một con sói đói đang thèm ăn lại chịu đớp mỗi một miếng. Chúng mất một người, và theo lệ của chúng, khi thua thiệt và đánh úp không thành công, chúng thường rút lui. Nhưng chúng sẽ trở lại với những mưu chước mới để bao vây và chiếm lấy mảnh da đầu của ta. Nguồn hy vọng độc nhất của chúng ta,” Mắt Chim Ưng ngẩng mặt lên và trên khuôn mặt khắc khổ, một vẻ lo âu thoáng qua như bóng

mây đen, “là giữ vững vị trí cho tới khi đại tá Munro phái quân tới ứng cứu. Cầu trời cho việc đó sớm được thực hiện, và phải có một người chỉ huy am hiểu tục lệ của dân da đỏ.”

“Hẳn Cora thấy rõ số phận may rủi của chúng ta,” Heyward nói, “Bây giờ, chỉ còn hy vọng vào sự quan tâm và kinh nghiệm của cha cô. Thôi, cô và Alice hãy vào trong hang; ít ra trong đó còn tránh được những hòn đạn giết người của kẻ địch và còn làm được một việc hợp với bản chất dịu dàng của mình là săn sóc người bạn đồng hành bất hạnh của chúng ta.”

Hai chị em đi theo Heyward vào hang ngoài thì thấy David đã bắt đầu rên, báo hiệu anh đang hồi tỉnh. Heyward dặn dò hai người chăm sóc kẻ bị thương rồi vội vã quay gót.

“Anh Duncan!” tiếng Cora run run gọi khi Heyward ra tới cửa hang. Anh quay lại. Gương mặt Cora nhợt nhạt như mặt người chết đôi môi mấp máy, mắt nhìn theo với một vẻ cầu khẩn khiến phải trở lại bên nàng, “Anh Duncan hãy nhớ là sự an toàn của anh cần thiết như thế nào cho sự an toàn của chúng tôi, rằng anh được cha tôi giao phó một trách nhiệm thiêng liêng, rằng mọi việc đều tùy thuộc vào sự khôn ngoan và thận trọng của anh, tóm lại...” Mặt nàng hồng lên vì bẽn lẽn, hai thái dương đỏ ửng, nàng nói tiếp: “Anh thật xứng đáng với lòng quý mến của những người trong gia đình Munro.”

“Nếu có cái gì thúc đẩy lòng ham sống tầm thường của tôi, đó chính là những lời nói tốt đẹp này.” Heyward đáp, đôi mắt vô tình quay sang nhìn cô gái Alice trẻ trung đang đứng yên. “Người trinh sát kia sẽ cho cô hay là với tư cách một thiếu tá trung đoàn 60, tôi có nhiệm vụ tham gia chiến đấu; nhưng công việc không khó khăn gì, vấn đề chỉ là giữ chân lũ chó săn kia trong một vài giờ thôi.”

Rồi không chờ câu trả lời, Heyward rời hai chị em và đi tới chỗ người trinh sát cùng hai người da đỏ vẫn đang núp trong khe đá nằm giữa hai cái hang, tới nơi, thấy Mắt Chim Ưng đang nói:

“Uncas, bác đã bảo rồi, cháu phí phạm thuốc đấy, súng sẽ giật làm chệch đường ngắm. Ít thuốc ít chì thôi, và phải có một cây súng dài, thế là đủ để bắt một tên Mingo thét lên tiếng kêu ngắc ngoải. Ít ra, đó cũng là kinh nghiệm của bác khi phải đối phó với bọn chúng. Nào, ta hãy trở về nơi ẩn nấp vì không ai có thể nói trước bọn Maqua sẽ tấn công lúc nào và từ hướng nào.”

Hai cha con người da đỏ lặng lẽ về vị trí của mình trong những ngách đá ở đó họ có thể không chế kẻ địch nếu chúng tiến lại gần chân thác nước. Ở giữa hòn đảo nhỏ có một bụi cây thông con cằn cỗi; nhanh như một con hươu, Mắt Chim Ưng lao tới, bám sát sau lưng là Duncan. Họ nấp vào đó, dựa vào địa hình, giữa những đám cây và những phiến đá rải rác. Bên trên hai người có một tảng đá nhẵn tròn, nước đùa giỡn xung quanh rồi lao xuống những vực thẳm. Lúc này, trời đã sáng bạch; bờ bên kia hiện rõ nét, nhìn quá vào trong rừng có thể thấy rõ mọi vật dưới vòm thông tối màu.

Phút chờ đợi dài dằng dặc và đầy lo âu, nhưng vẫn không thấy dấu hiệu một cuộc tấn công mới, Duncan đã vội mừng thầm là đợt phản công vừa rồi đạt hiệu quả vượt dự kiến, và kẻ địch đã phải rút lui. Anh ngập ngừng nói ý kiến của mình với Mắt Chim Ưng.

“Anh không hiểu rõ bản chất của bọn Maqua,” người trinh sát lắc đầu hoài nghi nói, “nếu cho rằng chúng dễ dàng bỏ cuộc một khi chưa lột được da đầu của đối thủ. Bọn khốn kiếp gào thét hồi sáng có tới bốn chục tên; chúng biết quá rõ quân số và

lực lượng của ta nên sẽ không bỏ mỗi ngay đâu. Suyt, hãy nhìn con sông về phía thượng lưu, ở ngay chỗ nước húc vào những tảng đá kia kia. Tôi không là người nữa nếu không phải lũ quỷ sứ liều mạng kia đang bơi ở ngay chân thác nước và, rủi thay, chúng đã tới đầu mồm hòn đảo. Khẽ chứ, anh bạn, hãy nấp cho kín kéo chỉ một vòng lưỡi đao là tóc sẽ lìa khỏi đầu đấy.”

Heyward nhô đầu ra khỏi chỗ nấp thì thấy kẻ thù tiến lại gần cực kỳ táo bạo và khôn khéo. Nước ở đây bào mòn đá mềm khiến cho ngọn thác không lao thẳng xuống như ở những nơi khác. Một số tên địch khát máu liều mạng nhảy xuống nước để làn sóng cuốn chúng tới đầu mồm hòn đảo; chúng hiểu rằng nếu bơi được tới đó thì sẽ áp sát những người chúng định hãm hại. Mắt Chim Ưng nói vừa dứt, đã thấy có bốn cái đầu lấp ló sau mấy khúc gỗ đang trôi lênh bênh; có thể những khúc gỗ nằm lặn lóc trên các phiến đá gợi ý cho bọn chúng thực hiện một việc làm liều lĩnh như vậy. Một lát sau, bóng một tên thứ năm bập bênh trên dòng thác, cách hòn đảo không xa. Tên da đỏ vùng vẫy để bơi vào nơi an toàn; nhờ dòng nước chảy xiết, hắn đã giơ được một cánh tay lên cho đồng bọn bắt lấy, nhưng rồi lại bị nước xoáy cuốn ra xa; hắn như bị hất lên trời, hai cánh tay giơ thẳng, con người lòi ra, rồi toàn thân lao xuống vực sâu rộng hoác và chìm ngấm. Chỉ nghe thấy một tiếng kêu dữ dội và tuyệt vọng nổi lên từ đáy vực, rồi cảnh vật lại im lìm như một nấm mồ.

Sự thôi thúc đầu tiên của Duncan, xuất phát từ lòng thương người, là xông ra cứu kẻ bị nạn, nhưng anh cảm thấy bị chôn chân tại chỗ bởi cánh tay sắt của người trinh sát cứng rắn.

“Anh muốn chúng ta mất mạng cả hay sao?” Mắt Chim Ưng nghiêm mặt nói, “Thế là đỡ được một mối thuốc súng trong lúc đạn dược quý như hơi thở đối với một con hươu đang bị săn

lòng. Hãy nhồi thuốc mới vào hai khẩu súng lục vì hơi sương từ thác nước tỏa ra có thể làm ẩm chất lưu huỳnh, và chuẩn bị đánh giáp lá cà trong lúc tôi nổ súng vào bọn địch khi chúng lao tới.”

Nói xong, bác đưa một ngón tay lên miệng, thổi lên một tiếng dài và gắt, từ phía những tảng đá do hai người Mohican canh gác, có tiếng đáp lại. Giữa lúc tiếng sáo hiệu vang lên, Heyward thấy mấy cái đầu thập thò sau những khúc gỗ nổi rải rác trên mặt nước rồi vụt biến mất. Có tiếng sột soạt nhẹ sau lưng làm anh quay đầu lại. Cách vài bước, Uncas đang bò tới, Mắt Chim Ưng nói bằng tiếng Delaware, và người thủ lĩnh da đỏ trẻ chiếm lĩnh vị trí một cách rất thận trọng và bình tĩnh. Những phút chờ đợi khiến Heyward sốt ruột, bồn chồn; còn người trinh sát lại coi đây là một dịp tốt để giảng cho hai người bạn trẻ về nghệ thuật sử dụng một cách khéo léo các loại súng.

“Trong tất cả các thứ vũ khí,” bác mở đầu, “loại súng nòng dài có đường rãnh và bằng kim loại nguyên chất, là nguy hiểm nhất một khi trong tay người bắn giỏi; tuy vậy, nó đòi hỏi phải khỏe tay, nhanh mắt và nạp đạn chính xác, có như thế mới phát huy hết tính năng của nó. Các nhà làm súng có lẽ ít chịu đi sâu vào nghề nghiệp khi họ sản xuất súng bắn chim và súng ngắn dùng cho kỵ sĩ...”

Uncas bỗng thốt lên một tiếng kêu nhỏ, ngắt lời Mắt Chim Ưng.

“Ta thấy rồi, cháu ạ; ta thấy bọn chúng rồi!” Người trinh sát nói tiếp, “Chúng tập hợp lại để xông tới đây, nếu không chúng đã giấu những cái lưng bắn thủ dưới những khúc gỗ rồi. Được, cứ mặc chúng,” vừa nói Mắt Chim Ưng vừa kiểm tra lại hòn đá lửa, “tên đi đầu sẽ phải chết, dù là tướng Montcalm chăng nữa!”

Vừa lúc đó, khu rừng lại tràn ngập tiếng gào thét; theo hiệu lệnh, bốn tên da đỏ lao ra khỏi đồng gỗ nổi. Tình thế căng thẳng và hãi hùng, Heyward nóng lòng muốn xông ngay lên đối mặt với quân thù, nhưng thái độ bình tĩnh của Mắt Chim Ưng và Uncas đã ghìm anh lại. Khi bọn địch vọt qua những tảng đá đen ngăn cách hai bên đối phương, mồm gào lên những tiếng hò hét man rợ nhất và chỉ còn cách ba người vài sào, nòng súng của Mắt Chim Ưng từ từ nhô khỏi đám bụi rậm và nhả đạn. Thật là đòn chí tử, tên Anh điêng đi đầu chồm lên như một con hươu bị thương, rồi gục xuống, đầu đâm vào kẽ đá.

“Nào Uncas!” người trinh sát rút con dao dài, đôi mắt tinh nhanh sáng long lanh, “Trong số ba tên tiểu yêu đang hò hét, hãy thịt thằng chạy sau cùng; hai tên kia thì ăn chắc rồi!”

Uncas chấp hành; thế là chỉ còn phải đương đầu với hai tên. Heyward trao cho Mắt Chim Ưng một khẩu súng ngắn rồi cả hai lao xuống cái dốc nhỏ hướng về kẻ địch. Họ cùng nổ súng nhưng đều không trúng.

“Đã biết mà! Đã bảo mà!” người trinh sát càu nhàu, khinh bỉ quẳng khẩu súng nhỏ bé vô dụng xuống nước, “Lại đây lũ chó ngao khát máu kia! Chúng mày sẽ phải chạm trán với một người có dòng máu không pha tạp.”

Vừa dứt lời đã thấy một tên da đỏ khổng lồ, nét mặt đầy sát khí xông tới; đồng thời Duncan cũng phải đánh giáp lá cà với một tên khác. Mắt Chim Ưng và tên địch đều trở hết tài để ghìm cánh tay của đối phương đang giơ lưỡi dao nguy hiểm. Trong gần một phút đồng hồ, họ nhìn nhau trừng trừng, vận dụng hết gân cốt để làm chủ tình thế. Cuối cùng, những bắp thịt rắn chắc của người da trắng đã thắng đôi cánh tay kém tập

luyện của tên da đỏ; người trinh sát càng đánh càng hăng làm cho tay của y từ từ nhả ra; thế là bác rút được cánh tay đang cầm con dao nhọn và phóng luôn một nhát trúng tim nó. Heyward bị dồn vào một tình thế quyết liệt hơn. Lưỡi gươm mỏng mảnh của anh gây đôi ngay phút giao tranh đầu tiên. Tay không vũ khí anh chỉ còn trông mong vào sức lực và lòng quyết tâm của mình để bảo vệ tính mạng. Sức lực và quyết tâm đều không thiếu, song anh đã gặp phải một đối thủ ngang tài. May sao anh đã làm cho tên địch đánh rơi dao xuống đất. Cuộc vật lộn diễn ra ác liệt, cả hai đều cố sức đẩy địch thủ của mình từ trên mỏm đá cao vút xuống vực thẳm. Mỗi phút trôi qua càng đưa dần hai người tới bên bờ vực sâu, và Duncan thấy đã đến lúc phải dốc hết sức lực ra để đánh bại kẻ địch. Hai bên đều mang hết sức bình sinh và kết quả là cả hai đều mấp mé trên miệng vực. Heyward cảm thấy tay tên địch bóp chặt cổ mình và nhìn thấy hắc cười độc ác, nhưng anh hy vọng rằng có chết cũng sẽ trả thù và bắt hắc phải chịu chung số phận; lúc này người sĩ quan trẻ cảm thấy lực đuối dần trước một sức mạnh không gì cản nổi, và anh đã phải trải qua những phút ngắc ngoải khủng khiếp nhất. Giữa lúc muôn phần nguy ngập, một bàn tay đen sạm và một lưỡi dao sáng loáng vung lên trước mặt anh; tên Anh điên cuồng rời tay ra, máu chảy ròng ròng từ cổ tay bị tiện đứt; khi bàn tay cứu mạng của Uncas kéo anh lùi xa miệng vực, Duncan còn nhìn thấy nét mặt dữ tợn và tuyệt vọng của tên địch trong lúc y lăn xuống vực một cách bi thảm và vô vọng.

Mắt Chim Ưng cũng vừa giải quyết xong địch thủ của mình, bác vội kêu lên: “Nấp ngay! Nấp ngay đi! Mất mạng bây giờ! Công việc mới xong một nửa!”

Người thanh niên Mohican thét vang một tiếng kêu đặc
thắng, leo lên tảng đá mà hồi nãy cả bọn đã lao xuống để chiến
đấu trở về vị trí ẩn nấp cũ bên những phiến đá và lùm cây, theo
sau là Duncan.

CHƯƠNG 8

Họ còn dùng dăng,
Những người đi rửa hận quê hương.^[33]

• GRAY

Không phải vô cớ người trinh sát lên tiếng báo cho mọi người đề phòng.

Trong lúc cuộc giao tranh ác liệt vừa tả ở trên đang diễn ra, tuyệt nhiên không có một tiếng gào thét làm át tiếng thác đổ. Dường như lũ địch ở bờ bên kia nín thở chờ xem kết quả; vả lại, những người xung trận tiến thoái, thay đổi vị trí luôn luôn khiến chúng không dám nổ súng vì hòn đạn có thể nguy hiểm cho cả đôi phương và người của chúng. Nhưng cuộc độ sức vừa kết thúc, tiếng gào thét lại vang dậy trong không trung, dữ dội và man rợ, đầy ý muốn phục thù tàn bạo. Liên sau đó, từ nòng súng của chúng vút ra những tia chớp và những viên chì xối xả vọt qua các tảng đá, như thể bọn người tấn công muốn trút hết cơn thịnh nộ bất lực lên cảnh vật thiên nhiên đang vô tình chứng kiến cuộc chiến đấu một mất một còn này.

Chingachgook bình tĩnh thận trọng bắn trả. Suốt trong cuộc đụng độ vừa qua, bác vẫn vững vàng ở vị trí. Chỉ khi nghe tiếng hò đắc thắng của Uncas, người cha mới đáp gọn bằng một tiếng kêu tỏ sự hài lòng; riêng khẩu súng của bác vẫn nổ đều đặn chứng tỏ bác canh giữ không mệt mỏi vị trí của mình. Giờ

phút trôi nhanh. Tiếng súng của đôi phương lúc dồn dập, khi thưa thớt. Xung quanh những người bị vây hãm, đá, cây cối, bụi rậm bị cày xới hàng trăm chỗ, song nơi ẩn núp của họ vẫn kín và vững chắc, và trong bọn họ mới chỉ có một người bị thương là David.

“Cứ cho chúng nó đốt hết thuốc đi,” người trinh sát khề nói trong lúc đạn vẫn réo quanh chỗ ẩn chắc chắn của bác, “sau đây, tha hồ cho chúng ta nhặt chì, và tôi đoán là bọn khốn kiếp sẽ chán cái trò chơi đó trước khi những phiến đá già cối này kêu van chúng ngừng tay. Uncas, cháu nhồi phỉ chì quá. Súng giật làm cho viên đạn không bao giờ trúng đích. Bác đã bảo cháu ngấm vào dưới cái vạch sơn trắng ở tên tà giáo đang nhảy nhót kia kìa, còn nếu viên đạn của cháu chệch đi một li thì nó sẽ vọt lên trên vạch sơn hai tấc. Bọn Mingo này sống dai lắm, và nhân loại dạy chúng ta giết rắn phải nhanh tay.”

Một nụ cười lạnh lẽo thoáng trên khuôn mặt hiên ngang của người Mohican, chứng tỏ anh hiểu tiếng Anh và hiểu cả ý của Mất Chim Ưng; tuy vậy anh lặng thinh, không thanh minh cũng chẳng tranh cãi.

“Tôi không thể để bác kết tội Uncas là thiếu suy xét hoặc vụng về,” Duncan nói, “anh ta đã cứu sống tôi rất dũng cảm và kịp thời; và anh đã có một người bạn luôn nhớ tới ơn cứu mạng, không để ai phải nhắc.”

Uncas vươn người đưa tay cho Heyward bắt. Trong cử chỉ thân thiện, hai thanh niên nhìn nhau thông cảm khiến Heyward không hề nghĩ tới bản chất và màu da của người bạn nơi sơn cước. Mất Chim Ưng nhìn hai chàng trai bộc lộ tình cảm bằng con mắt坦然 nhiên nhưng thực ra trù mến, bác nói:

“Giữa nơi hoang vu, bạn bè thường nhờ vào nhau mà thoát chết. Tôi có thể nói là trước đây, tôi cũng đã vài lần cứu Uncas như vậy; và tôi cũng nhớ rất rõ cậu ta đã năm lần ngăn không cho tử thần bắt tôi; ba lần trong các cuộc chạm trán với bọn Mingo; một lần khi bơi qua hồ Horican và...”

“Viên đạn này bắn trúng hơn những viên trước!” Duncan kêu lên; hòn đạn, mà anh vô tình tránh được, va vào tảng đá bên cạnh rồi nảy ra.

Mắt Chim Ưng nấn hòn chì méo mó, ngắm nghía rồi lắc đầu nói:

“Chì rơi xuống đất không bao giờ bẹp! Họa chẳng nó rơi từ trên mây xuống thì mới thế này.”

Nhưng khẩu súng của Uncas đã chĩa lên trời nhằm vào một điểm; mọi người nhìn theo và điều bí ẩn được giải đáp tức khắc. Ở hữu ngạn con sông, gần đối diện chỗ nấp của họ có một cây sồi cành lá xác xơ, thân cây ngả hẳn về phía trước để tìm một nơi rộng thoáng hơn, và những cành ở trên ngọn rủ xuống một nhánh của dòng nước chảy sát bờ. Tít trên cao, giữa đám lá rả rích không kín những cành cỗi và đầy màu, có một tên da đỏ đang nấp; một nửa người hẩn ẩn sau thân cây, còn nửa kia nhô ra như để nhòm xuống xem kết quả của phát đạn ác hiểm vừa bắn ra.

“Lũ quỷ sứ này leo cả lên trời để hãm hại chúng ta,” Mắt Chim Ưng nói, “Uncas, hãy tìm cách quấy rối nó để bác còn chĩa khẩu Sát Hươu lên; ta sẽ cùng bắn một lúc vào cả hai mặt của thân cây.”

Uncas ngừng bắn chờ hiệu lệnh của người trinh sát. Rồi hai khẩu súng cùng tóe lửa. Lá cây vỏ cây bắn tung, lá tả trước gió. Tên Anh điênng đáp lại đợt tấn công bằng một tiếng cười ngạo

nghe và bắn trả một phát làm chiếc mũ trên đầu Mắt Chim Ưng rơi xuống đất. Bọn địch lại gào thét vang rừng và bắn như mưa qua đầu những người đang bị vây hãm như muốn ghìm chân họ để tên da đỏ trên cây dễ hạ thủ.

“Phải giải quyết chuyện này mới được,” người trinh sát lo lắng nhìn quanh, “Uncas gọi bố cháu lại đây. Cần tập trung tất cả vũ khí để đánh bật loài sâu bọ quỷ quyết ra khỏi nơi trú ẩn của nó.”

Uncas lập tức làm hiệu gọi cha; Mắt Chim Ưng còn đang nấp lại đạn thì đã thấy Chingachgook tới. Nghe con trình bày về tên địch nguy hiểm, người chiến binh giàu kinh nghiệm thốt lên một tiếng kêu quen thuộc, không hề tỏ ra kinh ngạc hay hốt hoảng. Mắt Chim Ưng và hai người Mohican trao đổi chớp nhoáng với nhau bằng tiếng Delaware, rồi mỗi người bình tĩnh nấp vào một chỗ để thực hiện kế hoạch mà họ vừa nhanh chóng phác ra.

Từ lúc bị phát hiện, tên chiến binh nấp trên cây sồi bắn xuống liên tục nhưng đều trượt. Đối phương của hắn vẫn tỉnh táo nên đạn không trúng đích; đã vậy, mỗi khi hắn thò người ra, các khẩu súng lập tức bắn lên. Tuy nhiên, đạn của hắn đều rơi quanh nơi ẩn nấp của bọn Mắt Chim Ưng. Bộ quân phục của Heyward rất lộ nên bị bắn rách nhiều chỗ; cánh tay anh cũng bị thương nhẹ chảy máu.

Cuối cùng, thấy đôi phương giữ mãi thế thủ, tên Huron trở nên liều lĩnh, rắp tâm bắn một phát thật trúng. Cặp mắt tinh nhanh của hai người Mohican đã thấy bóng đôi cẳng của hắn qua đám lá thưa thớt, cách thân cây vài tấc. Hai khẩu súng của họ cùng vang lên. Tên địch khom người xem vết thương ở chân để hờ một phần thân thể. Nhanh như chớp, Mắt Chim Ưng thừa cơ nổ ngay một phát quyết định lên ngọn cây sồi. Lá

trên cây rung lên khác thường, khẩu súng lợi hại của tên địch từ trên cao rơi xuống và, sau vài phút găng gượng vô ích, người hấn lơ lửng trong không trung, tay vẫn cố níu một cành xơ xác và cần cỗi một cách tuyệt vọng.

“Hãy cho hấn phát nữa! Làm phúc cho hấn phát nữa!” Duncan kêu lên và quay mặt đi, khùng khiếp trước cảnh một người gặp tai nạn hãi hùng như vậy.

“Một viên chì cũng không,” Mắt Chim Ưng khẳng khẳng đáp, “đằng nào nó cũng chết. Chúng ta không có nhiều thuốc súng để phí phạm như vậy. Phải biết rằng những cuộc chiến đấu với người da đỏ có khi kéo dài cả mấy ngày liền. Một là chúng bị lột da đầu, hai là chính chúng ta! Thượng đế sinh ra ta là muốn chúng ta bảo vệ mạng da đầu của mình!”

Trước lý lẽ cứng rắn và không khoan nhượng cũng như cách giải quyết thực tế của Mắt Chim Ưng, Heyward đành chịu. Lúc này, trong rừng, những tiếng gào thét lại ngừng, tiếng súng cũng im bật, và tất cả những cặp mắt của hai bên đối phương đều đổ dồn vào kẻ khốn nạn đang đu đưa giữa trời đất trong một tình thế vô vọng. Người hấn bị gió chao đi chao lại, hấn không thốt lên một lời rên rỉ, kêu than nhưng đôi lúc, cặp mắt dữ tợn của hấn nhìn thẳng vào kẻ thù và, từ dưới nhìn lên, khuôn mặt r ám đen của hấn hấn lên những nét kinh hoàng thất vọng. Ba lần người trinh sát động lòng thương giương súng lên rồi lại lặng lẽ hạ xuống, sự thận trọng bảo bác không được làm như vậy. Cuối cùng, quá mỏi, một bàn tay của tên Huron rời ra và thông xuống. Hấn còn cố vươn lên để với lấy cành cây nhưng vô hiệu và trong khoảnh khắc cánh tay của hấn quờ quạng không khí. Một vệt lửa vọt ra khỏi nòng súng của Mắt Chim Ưng, một tia chớp lóe lên đồng thời. Tay chân kẻ khốn nạn run rẩy co quắp, đầu ngoẹo xuống ngực, rồi toàn

thân nặng nề lao xuống dòng nước ngầu bọt. Mặt nước rẽ ra rồi khép lại, vẫn chảy xiết, và mãi mãi không bao giờ thấy vết tích của tên Huron xấu số ấy nữa.

Tuy thắng to nhưng không có một tiếng hò reo; hai cha con người Mohican nhìn nhau lặng lẽ, bàng hoàng. Một tiếng thét từ cánh rừng bên kia sông nổi lên, rồi cảnh vật lại trở nên yên tĩnh. Riêng Mắt Chim Ưng có vẻ tư lự, bác lắc đầu, lớn tiếng tự trách mình đã có một lúc yếu mềm, nói:

“Đó là mối cuối cùng trong sừng thuốc súng và là viên cuối cùng trong bao đạn của tôi. Thật là hành động của một đứa trẻ con! Nó rơi xuống sông hay chết thì đã sao vì nó không phải chịu đau đớn lâu. Uncas, cháu xuống xuống lấy cái sừng lớn lên đây; đó là tất cả thuốc súng còn lại, và chúng ta sẽ phải cần đến hạt thuốc cuối cùng vì bác chẳng lạ gì bản chất bọn Mingo đâu.”

Người thanh niên Mohican chấp hành ngay. Trong khi đó người trinh sát bực tức lộn cái bao không ra và lắc lắc cái sừng rỗng. Bác còn đang xem xét hai vật đó với một vẻ không vui, bỗng đâu một tiếng kêu xé tai của Uncas vang lên khiến cho đôi tai không thành thạo của Duncan cũng cảm thấy tiếng kêu báo hiệu một tai họa mới bất ngờ. Chợt nghĩ tới những vật báu mà anh đang cất giấu trong hang, người sĩ quan trẻ lo lắng đứng phắt lên, phớt cả người ra bất chấp nguy hiểm. Như bị hút theo, các bạn của anh cũng vùng dậy và tất cả đổ xô vào trong khe đá quen thuộc, nhanh đến nỗi đạn địch bắn sang tuyệt nhiên không chạm phải ai. Tiếng kêu bất thường của Uncas làm cho hai chị em Cora và cả anh chàng David bị thương chạy ra khỏi nơi ẩn nấp. Thoạt nhìn, mọi người hiểu ngay tầm quan trọng của tai họa đã khiến chàng thanh niên da đỏ vốn bình tĩnh phải thốt lên tiếng kêu hốt hoảng.

Cách tảng đá không xa, chiếc xuồng con của họ đang bập bênh trên xoáy nước, hướng về phía dòng sông chảy xiết, chứng tỏ có kẻ bí mật điều khiển. Chợt thấy sự việc chẳng lành, người trinh sát bắt giặc giơ súng ngắm, nhưng viên đá xòe lửa mà không có tiếng nổ.

“Quá chậm rồi, quá chậm rồi!” Mắt Chim Ưng thốt lên và buông khẩu súng vô dụng, vẻ tuyệt vọng. Tên tà giáo đã ra tới giữa dòng, và giá như còn thuốc cũng khó bắn kịp. Lúc ấy, tên Huron táo tợn nhô hẳn đầu ra khỏi chỗ núp, và trong lúc chiếc xuồng trôi nhanh theo dòng, y giơ tay vẫy và hú một tiếng to báo hiệu công việc đã trôi chảy. Từ cánh rừng bên kia sông tiếng hò hét và tiếng cười chế nhạo đáp lại, như thể có hàng chục con quỷ đang hò reo báng bổ trước linh hồn một người có đạo bị sa ngã.

“Cho chúng bay cười thỏa thích, hồi lữ tiểu yêu kia,” người trinh sát ngồi trên một mỏm đá, khẩu súng nằm chổng chơ dưới chân, “vì ba tay súng nhanh và chính xác nhất trong khu rừng này chỉ còn là những cành cây mục hoặc những cặp sừng hươu bỏ đi từ năm ngoái.”

“Phải làm gì bây giờ,” Duncan hỏi; những phút lo âu thất vọng đã qua, lúc này anh sẵn sàng hành động, “Điều gì sắp đến với chúng ta?”

Chẳng nói chẳng rằng, Mắt Chim Ưng đưa ngón tay lên đầu khoanh một vòng tròn, một cử chỉ đầy ý nghĩa khiến tất cả những người có mặt đều không hiểu nhầm được.

“Nhất định tình thế của chúng ta không đến nỗi tuyệt vọng như vậy,” Duncan kêu lên. “Bọn Huron chưa sang tới đây chúng ta có thể sử dụng hai cái hang và chặn không cho chúng...”

“Bằng cái gì?” người trinh sát lạnh lùng vặn lại. “Bằng những mũi tên của Uncas hay những giọt nước mắt của hai cô gái! Không, không, anh còn trẻ, nhiều tiền và nhiều bè bạn; và ở tuổi đó, tôi biết, phải chết là điều đau khổ. Nhưng,” Mắt Chim Ưng liếc nhìn hai người Mohican, “nên nhớ rằng chúng ta là những người có dòng máu thuần khiết, hãy tỏ cho những người thổ dân của núi rừng kia thấy rằng người da trắng cũng ra đi dễ dàng như người da đỏ khi giờ đã điểm.”

Duncan đưa mắt về phía người trinh sát đang nhìn và qua thái độ của hai người Anh diêng, anh thấy nỗi lo sợ của Mắt Chim Ưng là có căn cứ. Chingachgook ngồi trên một mô đá, tư thế đường hoàng, dao và rìu đã để sẵn bên cạnh; bác rút chiếc lông đại bàng ở trên đầu, vuốt mượt chỏm tóc duy nhất, sẵn sàng đón nhận nghi thức ghê tởm cuối cùng. Vẻ mặt bác bình thản và trầm tư, đôi mắt đen sáng quắc mắt dần về dữ tợn khi ra trận và đượm một màu sắc thích ứng với thử thách sắp tới mà bác đang chờ để vượt qua.

“Tình thế của chúng ta không đến nỗi và không thể vô vọng như vậy được.” Duncan nói, “Có thể ngay bây giờ viện quân tới. Có thấy bóng quân thù nào đâu! Chúng đã ngán đánh nhau vì thua nhiều mà hy vọng thắng thì ít.”

“Có thể trong một phút hoặc một giờ nữa, bày răn độc ấy sẽ lần mò tới; ngay lúc này, chúng đang lẫn quần đâu đây, trong tầm tai nghe, bản chất của chúng như vậy; nhưng chúng sẽ đến và bằng một cách khiến chúng ta hết đường hy vọng! Chingachgook, người anh em của tôi,” Mắt Chim Ưng nói bằng tiếng Delaware, “chúng ta đã sát cánh bên nhau trong trận chiến đấu cuối cùng, và bọn Maqua sẽ là kẻ chiến thắng một khi đã hạ thủ được người quân tử của bộ tộc Mohican và người

da trắng có đôi mắt nhìn đêm cũng như ngày, nhìn mây mù cũng như làn sương mỏng trên mặt suối.”

“Cứ để cho lũ đàn bà Mingo khóc chồng chúng nó,” Chingachgook đáp, kiêu hãnh và danh thép, “Rin Lớn của bộ tộc Mohican đã cuộn khúc trong lều của chúng và chiến thắng của chúng đã bị vắn đục bởi tiếng trẻ khóc cha không trở về. Từ khi tuyết tan tới giờ, mười một tên Mingo đã ngã xuống, xa nơi mồ mả tổ tiên, và sẽ không ai biết được nơi chúng nằm một khi cái lưỡi của Chingachgook im lặng. Chúng có thể rút con dao thật sắc, chúng có thể vung thật nhanh lưỡi rìu trận vì kẻ thù lợi hại nhất đã rơi vào tay chúng. Uncas, càn cao nhất trên một thân cây cao quý, hãy kêu bọn hèn nhất kia nhanh tay lên kéo tim chúng sẽ mềm nhũn và chúng sẽ biến thành đàn bà.”

“Chúng còn đang tìm xác đồng bọn giữa bầy cá!” người thủ lĩnh da đỏ trẻ tuổi nhỏ nhẹ đáp, “Bọn Huron đang bơi lội cùng với loài lươn chạch lầy nhầy! Chúng từ trên những cây sồi rơi xuống như trái quả chín mồm, và người Delaware cười chúng!”

“Đấy, đấy,” người trinh sát lăm bắm khi thấy cha con Chingachgook bộc lộ tình cảm một cách khác thường, “hai người da đỏ này đã bị kích động tinh thần; họ chọc tức bọn Maqua sớm kết liễu đời họ. Về phần ta, mang đầy dòng máu người da trắng, tốt hơn hết là hãy chết cho xứng đáng với màu da của mình, không một lời nguyên rủa trên môi và không chút ân hận trong lòng.”

“Sao lại chết?” Cora từ nãy như bị hút chặt vào một tảng đá vì khiếp sợ bước lên nói, “Tứ phía đều có đường thoát; các ông hãy chạy trốn vào rừng và cầu Chúa cứu giúp chúng tôi. Hãy đi đi, hỡi những con người dũng cảm, chúng tôi đã hàm ơn quá

nhieu rồi và không muốn các ông phải chịu chung số phận hẩm hiu của chúng tôi nữa!”

“Tiểu thư biết quá ít những mưu mô của bọn Iroquois nếu nghĩ rằng chúng để cho ta có đường rút vào rừng,” Mắt Chim Ưng đáp, vốn tính thật thà, bác nói thêm: “Có điều chắc chắn là dòng nước xuôi kia có thể nhanh chóng đưa chúng ta ra khỏi tầm súng địch, không nghe thấy tiếng chúng hò hét nữa.”

“Nếu vậy thì hãy thử rút bằng đường sông đi. Tại sao còn chần chừ? Chẳng lẽ để kẻ địch tàn bạo sát hại thêm một số người nữa sao!”

“Tại sao ư!” người trinh sát nhắc lại, cặp mắt đầy kiêu hãnh nhìn quanh, “Thà chết thanh thản còn hơn sống bị lương tâm giày vò. Chúng tôi sẽ ăn nói ra sao một khi đại tá Munro hỏi chúng tôi đã bỏ rơi hai con của ông ở đâu và trong hoàn cảnh nào?”

“Hãy đi gặp cha tôi và thưa rằng ông đã phải rời bỏ chúng tôi để đến cầu người gấp phái quân cứu viện tới,” Cora tiến lại gần người trinh sát hơn, giọng sôi nổi, “hãy nói rằng bọn Huron đưa chúng tôi lên miền Bắc hoang vu, nhưng nếu biết hành động khôn khéo và khẩn trương thì vẫn có cơ cứu vãn; và cuối cùng, nếu ý Chúa muốn cho viện quân tới quá chậm.” Giọng nàng trầm xuống, gần như nghẹn ngào, “hãy chuyển đến cha tôi tình thương, những điều chúc phúc và những lời cầu nguyện cuối cùng của hai con gái người. Hãy khuyên nhủ người đừng khóc thương những đứa con bạc mệnh này và, với tấm lòng sùng kính của một tín đồ Cơ Đốc, hãy gắng chờ ngày gặp lại các con ở thế giới bên kia.”

Khuôn mặt rắn rỏi và phong sương của người trinh sát biến sắc và khi Cora dứt lời, bác gục mặt, tay chống cằm, trầm

ngâm suy nghĩ về những lời đề nghị của nàng. Cuối cùng, bác nói, đôi môi mím chặt, run run:

“Những lời cô ta nói có lý và chứa đựng tinh thần Cơ Đốc giáo. Có những điều mà người da đỏ cho là đúng và phải nhưng lại là sai trái đối với một người không có chút pha tạp trong máu để có thể bào chữa cho sự ngu xuẩn của mình. Chingachgook! Uncas! Hai người có nghe thấy cô gái mắt đen nói gì không?”

Mắt Chim Ưng thuật lại với hai người bạn da đỏ bằng tiếng Delaware bình tĩnh và từ tốn nhưng có vẻ đã có chủ định. Người Mohican đứng tuổi nghe với một thái độ nghiêm túc, dường như suy ngẫm từng lời mà bác thấy rõ tầm quan trọng. Sau giây lát lưỡng lự, bác phẩy tay tỏ vẻ tán thành và buông gọn bằng tiếng Anh: “Được” bằng một giọng trịnh trọng đặc biệt của dân tộc bác. Rồi người chiến binh gài dao và rìu trần vào thắt lưng, lẳng lặng tiến tới rìa một tảng đá khá khuất nẻo. Tới nơi, bác dừng lại, chỉ tay vào rừng nói vài lời bằng tiếng dân tộc như cho mọi người biết con đường mình sắp đi, nhảy xuống nước rồi mất tăm.

Người trinh sát còn nán lại nói thêm với cô gái hào hiệp lúc này đang cảm thấy lòng nhẹ nhõm vì lời nói của mình đã có hiệu quả, bác bảo:

“Đôi khi người trẻ cũng khôn ngoan chẳng kém người già. Những điều cô vừa nói thật chí lý, nếu không muốn dùng một danh từ khác hay hơn. Nếu kẻ địch dẫn bọn cô vào rừng, nghĩa là nếu chúng chưa giết ngay, hãy bẻ những cành cây con ở dọc đường và cố để lại dấu vết thật rõ. Nếu mắt người có thể nhìn thấy được, hãy tin là có một người bạn sẽ tới tận chân trời góc biển để tìm cô.”

Nói rồi, người trinh sát siết chặt tay Cora, giơ khẩu súng lên nhìn bằng đôi mắt buồn bã và trù mến, nhẹ nhàng đặt sang một bên rồi lao xuống nước, ngay chỗ Chingachgook vừa nhảy. Trong hồi lâu, bác búa lấy tảng đá, nhìn xung quanh với một vẻ đau xót, chua chát nói: “Ví thử còn thuốc súng thì đâu sự nhục nhã này!” Rồi bác buông tay, mặt nước khép lại và người trinh sát cũng biến mất.

Tất cả mọi con mắt dồn về phía Uncas. Người chiến binh trẻ vẫn bình thản đứng tựa vào một phiến đá xù xì. Sau một phút chờ đợi. Cora chỉ xuống dòng sông và nói:

“Các chiến hữu của anh đã đi rồi và lúc này, rất có thể họ đã được an toàn; anh còn chờ gì không đi theo họ?”

“Uncas ở lại đây,” người thanh niên Mohican điềm nhiên đáp lại bằng tiếng Anh.

“Để làm cho cuộc vây bắt chúng tôi thêm khủng khiếp và để làm giảm bớt hy vọng giải thoát cho chúng tôi ư! Đi đi, hỡi chàng trai khảng khái,” Cora cúi nhìn xuống đất trước đôi mắt đăm đăm của người da đỏ; rồi, như cảm thấy uy lực của mình, nàng tiếp: “Hãy đến chỗ cha tôi và hãy tỏ ra là sứ giả tin cẩn nhất của tôi. Hãy thừa với cha tôi trao cho anh các phương tiện để chuộc lại tự do cho hai con gái của người. Đi đi! Đó là điều mong muốn, là lời thỉnh cầu của tôi!”

Nét mặt cương nghị và bình tĩnh của người thủ lĩnh trẻ sầm xuống, nhưng anh không do dự nữa, nhẹ nhàng leo qua phiến đá rồi lao mình xuống dòng nước ngầu bọt. Mọi người nín thở nhìn theo; xa xa, phía hạ lưu, đầu người da đỏ thoáng nhô lên, rồi toàn thân ngụp xuống nước và biến mất.

Việc người trinh sát và hai người Mohican thoát thân một cách dễ dàng đã diễn ra trong vài phút, giữa lúc thời giờ quý

như vàng. Sau khi nhìn Uncas lần cuối cùng, Cora quay lại nói với Heyward giọng run run:

“Anh Duncan, tôi vẫn thường nghe anh khoe tài bơi lội; vậy hãy làm theo những con người chất phác và trung thành kia.”

Người sĩ quan trẻ cười buồn bã chua chát:

“Phải chăng Cora Munro đòi hỏi ở người bảo vệ mình một sự trung thành theo kiểu đó?”

“Bây giờ không phải lúc bàn cãi những chuyện tế nhị dông dài và những ý kiến sai lầm,” Cora đáp, “mà phải xem xét nhiệm vụ của mỗi người một cách công bằng. Ở đây anh không giúp được gì cho chúng tôi nữa; anh cần gìn giữ cuộc sống quý báu của mình cho những người bạn thân thiết khác.”

Heyward không đáp; đôi mắt anh đắm chiêu nhìn cô gái Alice xinh tươi đang níu cánh tay anh như một đứa trẻ thơ cầu cứu. Ngừng một lát như để nén nỗi đau còn nhức nhối hơn cả những lo âu đã trải qua, Cora nói tiếp:

“Anh nên nghĩ rằng tai họa lớn nhất đến với chúng tôi cũng chỉ là cái chết; đó là một món nợ mà ai cũng phải trả khi tới giờ Chúa gọi.”

“Có những tai họa còn khủng khiếp hơn cả cái chết,” giọng Duncan lạc đi, như bức bối trước thái độ ương ngạnh của Cora, “mà sự có mặt của một người sẵn sàng đem tính mạng ra để bảo vệ hai cô có thể ngăn ngừa được.”

Cora không nói gì nữa, nàng kéo tấm khăn lên mặt, dìu em gái lúc này gần như vô tri vô giác vào tận cuối hang trong.

CHƯƠNG 9

Hãy yên tâm mà vui đi,
Cười lên, người đẹp, cho tan đám mây sâu
Vương trên vầng trán thanh tú.
• **Cái chết của Agrippina**

Sự thay đổi đột ngột và hầu như diệu kỳ, từ cảnh giao tranh náo động trở lại yên tĩnh, đập vào trí tưởng tượng nóng bỏng của Heyward như một giấc mơ dữ dội. Tuy rằng những hình ảnh và sự việc anh vừa chứng kiến còn in sâu trong trí nhớ, anh cảm thấy khó tin đó là sự thật. Không biết số phận của ba người vừa phó thác cho dòng nước xiết ra sao, anh lắng tai nghe xem có thấy một dấu hiệu hoặc một tiếng kêu cứu nào chứng tỏ cuộc ra đi mạo hiểm của họ đã gặp may mắn hoặc rủi ro không, nhưng nghe mãi chẳng thấy gì. Từ lúc Uncas đi khỏi, không thấy tăm hơi ba người đâu nữa, và Heyward tuyệt nhiên không biết số phận họ ra sao.

Trong lòng bồn chồn lo lắng, anh đứng phắt lên quan sát xung quanh, quên rằng những tảng đá kia mới vừa qua đã che chở cho anh được an toàn. Nhưng mọi cố gắng của anh để phát hiện một dấu hiệu nhỏ nào chứng tỏ kẻ thù tới gần đều vô ích, cũng vô ích như khi anh theo dõi cuộc rút lui của ba người bạn đồng hành. Hai bên bờ sông, cây cối um tùm, dường như không có một bóng sinh vật. Những tiếng kêu hò vừa đây còn

vang vọng dưới vòm cây rừng nay đã bật, chỉ còn tiếng nước đổ dồn vang trong không trung, giữa một cảnh vật thanh bình. Một con chim ưng săn cá náu trên cành chót vót của một cây thông khô héo, từ xa chứng kiến cuộc giao tranh, lúc này từ trên cao sà xuống lượn vòng kiếm mồi; một con giẻ cùi đã phải ngừng kêu hót vì tiếng gào thét của lũ người man rợ, giờ đây lại cất giọng lạc điệu, như thấy mình đã trở lại làm chủ khu rừng hoang vắng. Những hiện tượng thiên nhiên giữa cảnh vật đìu hiu này khiến cho Heyward thấy hé ra tia hy vọng. Anh chuẩn bị vận dụng hết sức lực để hành động, cảm thấy tin tưởng ở thành công.

“Chẳng thấy bọn Huron đâu cả,” anh nói với David còn đang choáng váng vì vết thương, “ta hãy vào trú trong hang và phò thác số phận cho Thượng đế.”

“Tôi nhớ là đang cùng hai thiếu nữ xinh đẹp cất cao giọng ngợi ca cầu nguyện Chúa,” thầy quản hát ngơ ngác đáp, “rồi từ lúc đó tôi đã phải nhận một sự trừng phạt nặng nề vì những tội lỗi của mình. Tôi thấy như mình ngủ thiếp đi trong những âm thanh hỗn loạn xé tai, tưởng đâu ngày tận thế đã tới và tạo hóa đã quên cả những quy luật hòa âm.”

“Tội nghiệp cho anh! Thực ra, ngay cuộc đời anh cũng sắp kết thúc rồi đó. Nhưng thôi, hãy đứng dậy đi theo tôi; tôi sẽ dẫn đến một nơi không có âm thanh nào khác ngoài tiếng ca những bài hát đạo của anh.”

“Tiếng thác đổ thánh thót và tiếng nước chảy êm tai.” David nói, tay quờ quạng bóp trán, “Phải chẳng không trung không còn vang tiếng gào thét như thể linh hồn của những kẻ bị dày xuống địa ngục...”

“Hết rồi, hết rồi,” Heyward sốt ruột ngắt lời, “tiếng gào thét đã ngừng và những kẻ thốt lên những tiếng đó, ờn nhờ Thượng đế cũng đã đi rồi. Mọi vật đều yên tĩnh, êm ả, trừ tiếng nước chảy, hãy vào trong này mà hát những bài anh ưa thích.”

David gượng cười, nhưng trên gương mặt thoáng hiện một vẻ thích thú khi thấy nhắc tới sở trường của mình. Không chậm trễ, anh theo gót Heyward, hy vọng các giác quan mỗi một của mình sẽ nhận được một phần thưởng đích đáng. Vịn vào cánh tay người sĩ quan, anh bước qua cửa hang chật hẹp. Duncan vác một bó cành de vàng lấp ló vào hang, bên trong hàng rào mỏng mảnh này, anh chẳng lên mấy tấm chắn của bọn Chingachgook để lại khiến cho một đầu hang tối om, đầu đằng kia, một làn ánh sáng yếu ớt từ khe đá hẹp lòng hắt vào, một nhánh sông chảy qua khe đá và bắt gặp sông cái ở cách đó vài sải về xuôi.

Vừa làm Heyward vừa nói với Cora:

“Tôi không tán thành cách giải quyết của những người thổ dân cam chịu bó tay trong những trường hợp dường như vô vọng. Câu châm ngôn của chúng ta “Còn sống còn hy vọng” an ủi ta hơn và cũng thích hợp hơn với tính cách người lính. Với cô, Cora, tôi chẳng phải dùng lời khích lệ dài dòng; lòng dũng cảm và lý trí vững vàng sẽ chỉ cho cô trong lúc này một người phụ nữ phải xử sự ra sao; nhưng lẽ nào ta không thể làm khô những giọt nước mắt của đứa em gái đang nép vào ngực chị run rẩy thút thít!”

“Anh Duncan, em đã trấn tĩnh lại rồi,” Alice vừa nói vừa rời khỏi vòng tay của chị, cố làm ra bình tĩnh mà nước mắt vẫn vòng quanh, “lúc này em đã bình tĩnh hơn nhiều. Chắc chắn là ở nơi trú ẩn này, chúng ta an toàn, không bị lộ và tránh được

tai họa; chúng ta hãy đặt hết hy vọng vào những con người hào hiệp đã vì ta mà chịu bao nguy khốn.”

“Em Alice dịu hiền của chúng ta nói năng đúng khẩu khí con gái đại tá Munro!” Heyward dừng lại siết chặt tay nàng trong lúc anh đi về phía cửa ở cuối hang, “Trước hai tấm gương dưng cảm này, người nào không tỏ ra anh hùng sẽ phải hổ thẹn.”

Anh ngồi xuống giữa hang, tay hơi run run nắm chặt khẩu súng ngắn, đôi mày nhíu lại như đang nghĩ tới hành động tuyệt vọng cuối cùng, mồm lẩm bẩm:

“Nếu bọn Huron tới đây, chúng sẽ không chiếm được vị trí dễ dàng như chúng tưởng đâu.”

Rồi anh ngả đầu vào vách đá, bình thần chờ đợi sự việc diễn biến, mắt vẫn luôn luôn hướng về phía cửa hang bỏ ngỏ. Tiếp theo câu nói của Heyward là một sự yên lặng triền miên. Khí trời trong mát ban mai lùa vào hang làm cho đầu óc mọi người tỉnh táo hơn. Giờ phút trôi qua tình hình vẫn yên ổn làm nhen lên trong lòng họ chút hy vọng; tuy nhiên không ai dám nói ra, e rằng điều mong ước của mình phút chốc sẽ tiêu tan.

Riêng anh chàng David vẫn bình chân như vại. Một tia sáng từ ngoài cửa hang chiếu lên khuôn mặt xanh xao của anh và lên những trang sách nhỏ. Anh đang mải lật hết trang nọ đến trang kia như để tìm kiếm trong số những bài hát một bài nào phù hợp với cảnh ngộ của mọi người. Có lẽ anh làm việc này vì nhớ mang máng tới lời hứa hẹn của Heyward. Cuối cùng sự kiên nhẫn của anh đã được đền bù. Chẳng cần giải thích dài dòng, anh xướng to: “Đảo Wight”, dùng chiếc thanh mẫu thổi lên một tiếng dài và nhẹ rồi cất giọng thánh thót dạo thử điệu hát mà anh vừa giới thiệu.

“Hát như vậy liệu có nguy hiểm không, anh?” Cora đưa cặp mắt đen láy về phía thiếu tá Heyward, hỏi.

“Tội nghiệp anh chàng! Giọng anh ta quá yếu mà tiếng thác đổ ầm ầm nên chẳng ai nghe thấy gì đâu,” Heyward đáp, “vả lại đã có cái hang này che chở. Cứ để anh ta làm theo sở thích, chẳng có gì đáng ngại cả.”

““Đảo Wight”!” David nhắc lại, mắt nhìn quanh, nghiêm trang như mỗi khi anh muốn dẹp những tiếng ồn trong lớp, “Nhạc đã hay, lời lại chính, hãy hát lên với tất cả tấm lòng thành kính.”

Sau một lát yên lặng, để mọi người phải chú ý, David cất tiếng ca. Những âm thanh phát ra nghe nhỏ nhẹ, run rẩy do sức khỏe của anh chưa bình phục, rung lên càng tha thiết bên tai mọi người, dưới vòm hang chật hẹp. Mặc dù giọng ca yếu ớt, giai điệu cứ lắng dần vào lòng người nghe. Trùng lên lời lẽ vụng về của bài ca chọn trong một cuốn có nhiều bài tương tự, khiến cho họ chìm đắm trong những âm thanh du dương êm dịu mà quên cả nội dung. Alice nín khóc lúc nào không biết, nàng dịu dàng nhìn bộ mặt xanh xao của chàng Gamut với một vẻ thích thú hồn nhiên, không chút màu mè giả tạo. Cora mỉm cười tán thưởng những cố gắng của con người mộ đạo mang tên ông hoàng Do Thái đôi mắt kiên nghị của Heyward cũng phải rời khỏi cửa hang để dừng lại tròng trành trên khuôn mặt của David hoặc để bắt gặp ánh mắt say sưa còn ướm lệ của Alice. Thấy mọi người đều chú ý, anh chàng mê âm nhạc càng cao hứng; giọng hát của anh lại vang lên mạnh mẽ và vẫn giữ được vẻ êm ái du dương. David còn đang ra sức trở tòi và lòng hang còn tràn ngập những âm thanh ngân dài và khỏe khoắn của anh thì bỗng đâu một tiếng gào vang động không trung phía

ngoài hang làm anh cụt hứng ngừng bật, như thể quả tim trong lồng ngực bật lên chẹn lấy cổ.

“Nguy rồi!” Alice kêu lên và lao mình vào trong vòng tay Cora.

“Chưa, chưa đâu!” Heyward có phần bối rối nhưng vẫn cứng cỏi đáp, “Tiếng kêu từ giữa đảo vọng lại, do kẻ địch nhìn thấy xác chết của đồng bọn. Chúng ta chưa bị lộ và vẫn còn hy vọng.”

Tuy khả năng thoát thân mong manh, hầu như đã hết, những lời của Duncan cũng có tác dụng làm cho hai chị em Cora trấn tĩnh lại và yên lặng chờ đợi. Lại một tiếng gào nữa, rồi tiếng người râm ran từ đầu đến cuối đảo, tới tận quả núi trọc nằm ngay trên hai cái hang. Một tiếng kêu đặc thủng nổi lên, rồi không trung lại âm vang những tiếng la hét ghê rợn mà chỉ những kẻ ở trong một trạng thái hung bạo nhất mới có thể thốt ra.

Tiếng ồn ào vang vang tứ phía xung quanh nơi ẩn nấp. Tiếng gọi nhau dưới bờ sông, tiếng trả lời từ trên cao đáp lại. Những tiếng kêu hò sát ngay khe đá nằm giữa hai hang hòa lẫn những tiếng gào the thé từ dưới vực thẳm vọng lên. Tóm lại, những tiếng kêu man rợ râm ran khắp mọi nơi, trên đỉnh đầu, xung quanh mình, khiến Heyward và các bạn anh tưởng như có thể đã bị lộ.

Giữa lúc nhốn nháo như vậy, một tiếng kêu đặc thủng nổi lên mé ngoài, chỉ cách cửa hang đã được nguy trang vài thước. Heyward mất hết hy vọng, nghĩ rằng đã bị phát hiện. Nhưng ý nghĩ đó tiêu tan ngay vì anh thấy tiếng nói tập trung ở chỗ người trinh sát đã buộc lòng phải để lại khẩu súng. Anh nghe rất rõ tiếng bọn chúng; xen lẫn thổ ngữ của người Anh điêng

có cả những câu chữ tiếng Pháp, rồi thấy chúng đồng thanh kêu to: “Súng Dài”. Rừng núi trước mặt vọng lại tiếng kêu, và Heyward sức nhớ đó là biệt hiệu mà kẻ địch đã đặt cho một nhà thiện xạ làm trinh sát trong quân đội Anh; lúc này anh mới chợt hiểu rằng đó chính là tên người bạn mà anh vừa quen biết.

Hai tiếng “Súng Dài! Súng Dài!” được truyền từ cửa miệng người này sang người khác, rồi thấy cả bọn tụ tập quanh chiến lợi phẩm; khẩu súng đây thì chủ nhân nó chắc hẳn đã chết. Sau một hơi bàn tán xôn xao, xen vào là những tiếng hò reo man rợ, bọn địch tản ra khắp nơi, vừa đi vừa reo vang trời tên người địch thủ của chúng. Nghe chúng bàn bạc, Heyward đoán rằng chúng hy vọng tìm thấy xác người trinh sát trong một góc ngách nào trên đảo; anh khẽ nói với hai chị em Cora đang run rẩy:

“Đây là lúc may hay rủi. Nếu chúng không phát hiện ra nơi ta ẩn nấp thì thoát nạn. Dù sao cứ như bọn địch vừa nói, chắc chắn là các bạn của ta đã đi lọt và chỉ trong hai tiếng đồng hồ tướng Webb sẽ phái quân cứu viện tới.”

Mấy phút trôi qua, yên lặng hãi hùng. Heyward nhận thấy bọn địch tìm kiếm rất kỹ và có kế hoạch; nhiều lần anh nghe thấy tiếng chân chúng lướt trên những cành de vàng làm cho lá khô sột soạt và cành cây răng rắc. Cuối cùng bó cành cây che cửa hang oằn lại, một vạt chắn tụt xuống và một làn ánh sáng yếu ớt lùa vào hang. Trong cơn hãi hùng, Cora ôm chặt Alice vào lòng, còn Duncan đứng phất dậy. Rồi lại thấy một tiếng kêu như từ trong ruột quả núi phát ra, báo hiệu bọn địch đã kéo vào hang bên. Phút sau, có nhiều tiếng nói ồn ào chứng tỏ bọn chúng đã tề tựu đông đủ trong đó, sát ngay nơi ẩn nấp của bọn Heyward, vì hai cái hang chỉ cách nhau một khe ngắn.

Nghĩ rằng đã hết lối thoát, Duncan đi qua mặt David và hai chị em Cora, chờ đợi cuộc tấn công khủng khiếp. Đã tới bước đường cùng, anh tiến sát cửa hang được nguy trang sơ sài, cách bọn người lòng sục vài thước, ghé mắt nhìn qua lỗ hở xem xét tình hình với vẻ thản nhiên của một người đã mất hết hy vọng.

Ngay trong tầm tay anh trông thấy đôi vai nở nang của một tên da đỏ cao lớn đang cất giọng đánh thép như ra lệnh cho thủ hạ hành động. Xa chút nữa có rất nhiều tên đang lục lọi mớ hành trang ít ỏi của người trinh sát. Máu vết thương của David nhuộm đỏ những lá cây de vàng, mà bọn địch lại biết chưa tới mùa lá đỏ. Đắc chí, chúng đồng thanh hú lên một tiếng như khi bày chố săn tìm lại được dấu vết con mồi. Sau tiếng kêu đắc thắng chúng lật tung chiếc giường và mang những cành cây trải giường thơm ngát ra ngoài khe rû tới như thể chúng nghi trong đó giấu xác con người mà bấy lâu chúng vừa ghét vừa sợ. Một chiến binh mặt mày hung ác vác tới trước mặt tên thủ lĩnh một bó cành cây, hớn hờ chỉ vào những vết sầm lóm đốm, mồm la hét huyền thuyên. Heyward chẳng hiểu gì nhưng thấy hấn luôn mồm nhắc “Súng Dài”. Khi đã dẹp cơn vui, hấn quẳng tất cả lên đồng cành cây thừa thớt mà Duncan đã xếp trước cửa hang thứ hai khiến anh không trông thấy gì nữa. Những tên khác làm theo; chúng vác những cành cây ở hang của người trinh sát rồi chất tiếp lên thành một đống to, vô tình làm cho nơi ẩn nấp của những người đang bị truy lùng thêm an toàn. Bức che chắn cửa hang của Heyward tuy mỏng manh nhưng đã có tác dụng vì chẳng ai nghĩ đến việc bới ra, và trong lúc vội vàng hỗn độn, tên nọ lại tưởng tên kia chất cành cây ở đó.

Nhìn những tấm chắn bị xô vào trong và đồng cành cây tơ lấp kín cửa hang, Duncan thở phào. Trong lòng nhẹ nhõm, anh rón rén trở về chỗ cũ ở giữa hang để có thể quan sát cửa

hang trông ra sông. Trong khi đó, như thể nhất trí từ bỏ ý định tìm kiếm, bọn Huron rút ra khỏi khe đá, rồi nghe chúng đi về phía mỏm hòn đảo là nơi chúng đã đổ bộ lên. Tại đây có những tiếng kêu la rền rĩ chứng tỏ chúng đang xúm quanh những xác chết của đồng bọn.

Tới lúc này, Duncan mới quay mặt về phía hai chị em Cora. Trong những phút gay go vừa qua, anh không dám nhìn họ, e rằng vẻ mặt lo âu của mình có thể làm cho những cô gái vốn dĩ yếu đuối kia thêm hốt hoảng.

“Chúng đi rồi, Cora ạ!” anh khẽ nói, “Alice, chúng đã quay về chỗ cũ, thế là ta thoát nạn! Em hãy ca ngợi Thượng đế đã cứu chúng ta khỏi nanh vuốt của kẻ thù tàn bạo.”

“Vậy em sẽ cầu nguyện cảm tạ Người!” cô gái reo lên, vùng ra khỏi vòng tay của Cora và quỳ xuống nền đá với một vẻ nồng nhiệt biết ơn, “Em sẽ cảm tạ Thượng đế đã tránh cho người cha đầu hoa râu những giọt nước mắt và đã cứu sống những người thân yêu nhất của em.”

Heyward và cô gái Cora tính tình điềm đạm hơn, trù mến nhìn Alice bộc lộ những tình cảm bùng bột. Viên sĩ quan trẻ thầm nghĩ chưa hề thấy một cảnh tượng kính Chúa nào đẹp như lúc này, khi nàng Alice trẻ trung cầu nguyện. Mắt nàng ánh lên lòng biết ơn, gò má trở lại hồng hào tươi tắn, và những nét nổi bật trên khuôn mặt chứng tỏ nàng mang hết tâm hồn để làm công việc đó. Nhưng đôi môi nàng mấp máy mà lời nghẹn lại như đột nhiên bị mất hứng. Mặt nàng chuyển từ hồng hào sang tái nhợt như thấy người chết; cặp mắt vốn dịu hiền như đại đi vì khiếp đảm; đôi bàn tay vừa chắp vào nhau và giơ lên trời để cầu nguyện, lúc này đang run bần bật chỉ về phía trước mặt. Sinh nghi, Heyward quay theo hướng tay thì thấy

hiện ra trong khung cửa hang trông ra sông bộ mặt nham hiểm, dữ tợn man rợ của Cáo Tinh Khôn.

Trước sự việc bất ngờ, Heyward vẫn giữ được vẻ bình tĩnh để quan sát. Vẻ mặt tên Anh điêng ngờ ngác; đôi mắt quen nhìn ngoài trời của hắn chưa xuyên được ánh sáng lờ mờ bao phủ lòng hang. Heyward chưa kịp kéo các bạn của mình lùi vào ẩn sau một ngách đá thì đã thấy khuôn mặt của tên da đỏ sáng lên.

Anh biết là đã quá muộn và bị lộ rồi.

Sự thật khủng khiếp đó, biểu hiện trên vẻ mặt hân hoan và đắc thắng tàn bạo của tên da đỏ, khiến Heyward không tìm được tức giận. Quên cả nguy hiểm, máu trong người sôi lên, anh giơ súng bóp cò. Tiếng nổ làm lòng hang vang lên như hỏa diệm sơn phụt lửa. Khi khói thuốc đã bị gió từ khe núi tỏa ra xua tan, nhìn ra cửa hang không thấy khuôn mặt phản trắc của tên liên lạc viên đâu nữa. Heyward lao ra cửa hang, thoáng nhìn thấy thân hình đen đũi của tên Huron men theo rìa núi thấp và hẹp rồi mất hút.

Sau khi nghe tiếng nói từ trong lòng núi vọng ra, một sự yên lặng hãi hùng bao trùm lên bọn người man rợ. Nhưng khi Cáo Tinh Khôn hú lên một hồi dài làm hiệu, cả lũ nhất tề kêu vang đáp lại. Những tiếng hò hét mỗi lúc một gần; Duncan chưa kịp định thần, tám chấn yếu ớt bằng cành cây đã bị hất tung trước gió và bọn địch từ hai đầu hang ủa vào. Heyward và các bạn đồng hành của anh bị lôi ra khỏi hang và bị bọn Huron đắc thắng vây xung quanh.

CHƯƠNG 10

“Ta e rằng sáng mai chúng ta sẽ ngủ quá muộn cũng như đêm nay chúng ta đã thức quá khuya.”^[34]

• SHAKESPEARE

Sau những phút giây choáng váng vì tai họa bất ngờ, Duncan đã có thể quan sát thái độ và hành vi của kẻ địch. Trái lệ thường của người thổ dân trong lúc say sưa với thắng lợi, bọn này không những không động chạm tới hai chị em Cora đang run rẩy mà ngay cả tới anh nữa. Thực ra cũng có nhiều tên mớ máy những vật trang trí đắt tiền trên bộ quân phục của anh với đôi mắt dữ tợn thèm thuồng, nhưng chúng chưa kịp giở vũ lực thì tên chiến binh cao lớn đã nghiêm khắc bắt chúng phải dừng tay; Heyward hiểu rằng sở dĩ chúng còn để cho yên vì chúng có một mục đích đặc biệt nào đó.

Trong lúc những tên trẻ người non dạ có những biểu hiện yếu đuối như vậy những chiến binh lão luyện hơn vẫn tiếp tục lục soát hai cái hang với một vẻ chưa thỏa mãn về những kết quả đã thu được. Cuối cùng, không tìm thêm được ai nữa, những con người đầy hận thù tiến lại gần Heyward và David, hét to: “Súng Dài”, vẻ hưng tợn lộ ra nét mặt. Duncan làm ra bộ không hiểu nghĩa những câu chát vắn đôn dập của bọn địch, còn David cứ đứng ngẩn ra vì không biết tiếng Pháp. Cuối cùng, khó chịu vì bị chúng quấy nhiễu, và e rằng chúng nổi

khùng nếu cứ lặng yên không trả lời những câu hỏi ngày càng bức bách và đe dọa, Heyward đưa mắt nhìn quanh tìm Magua để nhờ thông ngôn họ.

Thái độ của tên này khác hẳn đồng bọn. Trong lúc những tên kia mãi mê lục lợi đồng hành trang nghèo nàn của người trình sát mong chiếm được một vài đồ quý giá để thỏa mãn lòng ham muốn tầm thường của mình, hoặc tìm kiếm chủ nhân của nó với ý muốn trả thù tàn bạo thì Cáo đứng không xa những tù nhân của y, bình tĩnh và đặc chí, như muốn tỏ ra rằng mình đã thực hiện được mưu đồ phản phúc. Chợt bắt gặp đôi mắt nham hiểm của con người mới đây còn là liên lạc viên của mình, Heyward ghê tởm quay mặt đi. Cố nén kinh tởm, anh nói với kẻ thắng cuộc, mắt vẫn nhìn về chỗ khác:

“Cáo Tinh Khôn là một chiến binh chân chính, lẽ nào không bảo cho một kẻ tay không vũ khí biết những người chiến thắng kia nói gì.”

“Chúng hỏi về con người đi săn thông thuộc đường lối trong rừng.” Magua đáp bằng một thứ tiếng Anh sai mọo luật, tay đặt lên nắm lá cây rịt vết thương trên vai mình, miệng cười dữ tợn, “Súng Dài! Súng nó tốt và mắt nó không bao giờ nhắm; nhưng cũng như khẩu súng ngắn của viên chỉ huy da trắng, nó chẳng làm gì được Cáo Tinh Khôn đâu.”

“Cáo là người rộng lượng, lẽ nào để bụng những thua thiệt trong chiến trận hoặc trả thù những kẻ gây thua thiệt cho mình. Đâu phải là chiến trận khi người Anh đâm mỗi một tưa vào thân một cây con nhai ngô! Ai đã để kẻ thù luôn lở trong bụi rậm? Ai đã rút dao? Ai miệng nói hòa bình nhưng bụng lại muốn đổ máu? Magua có nói rằng nó đã đào và lôi cây rìu trận lên khỏi mặt đất đâu!”

Duncan lặng yên; anh không dám vặn lại kẻ buộc tội và nhắc tới sự phản bội có tính toán của y, cũng chẳng buồn thanh minh cho y nguôi giận. Dường như Magua cũng muốn chấm dứt cuộc tranh luận; sau khi đã đứng lên nói ngắn gọn và gay gắt, y trở lại tư thế cũ, ngả người vào tảng đá. Thấy cuộc đối thoại ngắn ngủi giữa hai người đã kết thúc, bọn Huron sốt ruột lại gào to: “Súng Dài đâu?”

“Ông nghe thấy đấy,” Magua lạnh lùng nói, “người da đỏ Huron đòi lấy đầu Súng Dài nếu không, họ sẽ giết những kẻ giấu giếm nó.”

“Ông ta trốn rồi, trốn xa rồi, họ không bắt được đâu.”

Cáo cười nhạt, khinh bỉ:

“Bọn da trắng cứ tưởng rằng chết là yên thân, nhưng người da đỏ biết cách tra khảo cả linh hồn của kẻ thù. Hãy đem xác nó ra đây cho người Huron lột da đầu.”

“Ông ấy không chết mà đã chạy thoát rồi.”

Magua lắc đầu không tin:

“Họ chẳng nó có là con chim tung cánh hay con cá bơi lội không cần không khí. Người chỉ huy da trắng đọc trong sách, tưởng dân Huron ngu ngốc cả sao!”

“Tuy không là cá nhưng Súng Dài biết bơi. Ông ta bơi theo dòng nước sau khi đã đốt hết thuốc súng và trong lúc con mắt của người Huron bị đám mây che lấp.”

“Thế tại sao người chỉ huy da trắng lại ở đây?” Magua vẫn nghi ngờ hỏi tiếp, “Phải chăng nó là hòn đá chìm xuống đáy sông, hay là mảnh da trên đầu làm nó ngứa ngáy?”

“Nếu đứa bạn xấu số của anh bị rơi xuống vực mà còn sống, hẳn sẽ trả lời rằng ta không phải là hòn đá.” bị khiêu khích,

người sĩ quan trẻ nổi nóng đáp lại bằng một giọng thách thức khiến một người da đỏ nghe cũng phải khâm phục, “Người da trắng nghĩ rằng chỉ những kẻ hèn nhát mới bỏ rơi phụ nữ trong cơn hiểm nghèo.”

Magua nói lí nhí mấy câu rồi lại lớn tiếng hỏi:

“Những người Delaware có biết bơi như chúng bò trong bụi rậm không? Rắn Lớn đâu?”

Qua cách gọi tên của Magua, Duncan thấy rằng kẻ địch hiểu biết về những người bạn mới của anh hơn cả chính anh, anh miễn cưỡng đáp:

“Ông ấy cũng bơi theo dòng nước rồi.”

“Thế còn Hươu Nhanh Nhẹn?”

“Tôi không hiểu anh gọi ai là Hươu Nhanh Nhẹn.” Duncan cố tìm mọi cách kéo dài thời gian.

“Uncas,” Magua đáp; y phát âm cái tên đó còn khó khăn hơn cả khi nói tiếng Anh, “Người da trắng gọi thằng Mohican trẻ tuổi đó là Nai Nhảy Nhót.”

“Giữa hai chúng ta có sự lẫn lộn trong cách gọi tên đấy, Cáo ạ!” Duncan muốn nêu thành vấn đề tranh luận, “Gọi anh ta là Hươu không đúng mà phải gọi là Nai.”

“Phải,” tên Anh điêng lẩm bẩm bằng tiếng mẹ đẻ, “bọn mặt tái là những mục đàn bà lẩm điều. Cũng là một vật mà chúng có hai ba cách gọi, còn người da đỏ lại dùng âm thanh tiếng nói để diễn tả.”

Rồi Magua chuyển sang tiếng Anh, ý kiến vẫn bênh vực cách đặt tên không chính xác của các ông thầy ở địa phương: “Con hươu nhanh nhưng yếu, con nai vừa nhanh vừa khỏe và con trai của Rắn Lớn là Hươu Nhanh Nhẹn. Có phải nó đã vượt sông chạy vào rừng không?”

“Nếu anh định hỏi về người Mohican trẻ tuổi thì anh ta cũng đã bơi theo dòng nước rồi.”

Đối với người Anh điêng, mọi cách thoát thân đều có thể thực hiện được, cho nên Magua tin Heyward nói thật; việc hấn tin một cách dễ dàng như vậy cũng chứng tỏ rằng hấn ít quan tâm tới việc lòng bắt ba người. Tuy nhiên thái độ của những tên Huron kia lại khác hấn. Từ này, bọn này vẫn yên lặng chờ đợi kết quả cuộc đối thoại ngắn ngủi với một sự kiên nhẫn đặc biệt. Khi Heyward ngừng lời, cả bọn cùng đưa mắt nhìn Magua như muốn hỏi xem người sĩ quan đã nói gì. Bằng động tác nhiều hơn lời nói, tên thông ngôn chỉ xuống sông và cho chúng biết kết quả. Khi đã rõ sự việc, tất cả thốt lên những tiếng gào khủng khiếp đầy thất vọng. Một vài tên lông lộn chạy ra bờ sông vung tay lên trời như điên như dại; một số khác nhổ nước bọt nguyên rửa dòng nước phản bội quyền lợi chính đáng của những người chiến thắng; một số nhỏ, vào loại lực lượng và dữ tợn, gườm gườm nhìn những tù nhân đã nằm gọn trong tay chúng bằng cặp mắt đầy những ham muốn tàn bạo mà chúng kiềm chế được nhờ tính tự chủ vốn có; một hai tên bộc lộ rõ đã tâm bằng những cử chỉ dọa nạt. Trước tình hình đó, sắc đẹp của hai cô gái không che chở nổi cho họ.

Bằng một cố gắng tuyệt vọng, người sĩ quan trẻ lao mình về phía Alice khi thấy bàn tay đen đũi của một tên da đỏ xoắn mớ tóc óng mượt xoa trên vai cô gái, tay kia của y vung lưỡi dao quanh đầu nàng như muốn bảo rằng mớ tóc đẹp sắp phải lìa khỏi đầu một cách khủng khiếp. Nhưng hai tay anh đã bị trói, và anh vừa nhúc nhích thì cánh tay chắc nịch của tên thủ lĩnh đã vít chặt vai anh xuống. Biết có chốn được cũng vô ích trước một sức mạnh không gì cưỡng nổi, anh đành cúi đầu trước số

phận, khê lấy lời dịu dàng an ủi hai cô bạn yêu kiều rằng lũ thổ dân này ít khi thực hiện những điều chúng hăm dọa.

Tuy miệng nói cho hai chị em Cora dẹp nỗi lo sợ, Duncan không thể tự dối mình được. Anh hiểu rất rõ rằng uy quyền của người thủ lĩnh Anh đêng dựa trên một ước lệ mong manh và thường được duy trì bằng sức mạnh vật chất hơn là ưu thế tinh thần; và con số những tên da đỏ vây quanh càng đông thì nguy hiểm càng tăng. Một mệnh lệnh tích cực nhất của người chỉ huy rất dễ bị vi phạm bất cứ lúc nào một khi có những bàn tay liều lĩnh muốn sát hại một người để tể vong linh bè bạn, họ hàng. Cho nên tuy bề ngoài Duncan giữ vẻ bình tĩnh cứng cỏi nhưng tim anh tưởng như bật ra khỏi lồng ngực mỗi khi có những tên Anh đêng dữ tợn tiến lại quá gần hai cô gái, hoặc khi chúng dán những cặp mắt lăm lè vào hai thân hình mảnh mai không chống đỡ nổi một cuộc tấn công nhỏ nhất.

Nhưng nỗi lo sợ của anh vơi hẳn đi khi tên thủ lĩnh da đỏ tập hợp các chiến binh lại để bàn bạc. Cuộc thảo luận diễn ra không lâu; hầu hết không ai nói gì, và dường như tất cả nhất trí đi đến một quyết định. Mấy tên có ý kiến thì vừa nói vừa luôn tay chỉ về phía doanh trại của tướng Webb. Rõ ràng chúng sợ một cuộc tấn công từ hướng đó; rất có thể vì vậy mà chúng phải quyết định và hành động mau lẹ.

Trong thời gian ngắn ngủi bọn địch bàn luận, Heyward đã lấy lại bình tĩnh và có đủ thời giờ quan sát để thấy được rằng bọn chúng đã đổ bộ lên đảo một cách thận trọng ngay cả sau khi cuộc giao tranh kết thúc.

Ở trên đã nói rằng nửa đầu hòn đảo là đá trọc, chỉ có một vài khúc gỗ nổi lênh bênh án ngữ. Bọn Huron đã chọn nơi đó để lên bờ sau khi khiêng thuyền qua rừng vòng quanh thác nước. Thuyền do hai tên trong số những chiến binh thành thạo nhất

điều khiển, vũ khí được xếp bên trong và mười hai tên bám ngoài, vừa bơi vừa quan sát được quãng đường nguy hiểm. Bằng cách đó và với số quân vừa đông hơn vừa có súng ống, chúng đã đổ bộ lên đầu mỏm hòn đảo, ngay ở chỗ mấy tên bỏ mạng lúc trước. Nhận xét của Duncan về cách thức đổ bộ của kẻ địch càng được chứng minh là đúng vì lúc này bọn chúng không chiếc thuyền mỏng mảnh từ mé đầu mỏm hòn đảo lại và hạ xuống nước ngay gần cửa hang ngoài. Liên sau đó, tên thủ lĩnh da đỏ làm hiệu cho bọn Heyward xuống thuyền.

Thấy không thể chống cự được, và có phản ứng cũng vô ích Heyward đành phải phục tùng xuống trước cho mọi người làm theo anh ngồi vào thuyền; riêng David vẫn ngơ ngơ ngác ngác. Mặc dù không thông thuộc những xoáy và thác nước ở đây bọn Huron đều là những tay lái thành thạo có thể điều khiển con thuyền một cách chính xác. Một tên được chỉ định để lái con thuyền; khi tên này đã ngồi yên chỗ, cả bọn lại nhảy xuống sông bơi. Thuyền trôi xuôi dòng, lát sau đã đưa nhóm tù nhân sang bờ Nam, gần đối diện chỗ họ xuống thuyền tối hôm trước.

Tại đây, chúng lại họp bàn. Cuộc họp ngắn gọn nhưng sôi nổi. Trong khi đó, một vài tên dắt lũ ngựa giấu ở trong rừng ra; chính vì những con vật này đêm trước quá sợ hãi nên đã gây ra tai họa tày trời cho chủ nhân của chúng. Bọn địch chia làm hai toán; số đông đi theo tên thủ lĩnh cười trên con ngựa của Heyward, lội qua sông và khuất sau rừng cây, trao lại đám tù nhân cho sáu tên da đỏ do Cáo Tinh Khôn dẫn đầu. Duncan không bỏ sót một hành động nào của chúng, và nổi lo âu lại đến với anh.

Từ lúc mới bị bắt, thấy cách đối xử khác thường của bọn người da đỏ, anh định ninh chúng định giữ anh lại để trao cho tướng Pháp Montcalm. Con người ta trong cơn hoạn nạn

thường hay suy nghĩ miên man và trí tưởng tượng hoạt động hơn bao giờ hết một khi còn hy vọng, dù là mỏng manh. Và Duncan đoán rằng tướng Montcalm muốn lợi dụng tình cha con của Munro để buộc ông từ bỏ nghĩa vụ đối với Anh hoàng. Tuy viên tướng Pháp là con người rất dũng cảm và gan dạ, ông ta cũng nổi tiếng là một kẻ có nhiều thủ đoạn chính trị, lắm khi không từ cả những biện pháp vô luân thường đạo lý, một điều hổ thẹn cho nền ngoại giao châu Âu thời bấy giờ.

Nhưng giờ đây, hành động của bọn địch đã làm sụp đổ những tính toán tỉ mỉ tinh vi của Duncan. Toán Huron theo tên chỉ huy cao lớn đã đi về miền hồ Horican, còn anh và các bạn đồng hành đang nằm trong tay những kẻ chiến thắng man rợ, hết đường hy vọng. Nóng lòng muốn biết số phận ra sao, và định dùng thế lực đồng tiền, Duncan cố nén ghê tởm, bắt chuyện với Magua. Anh cố lấy giọng thân thiện và thành thực nói với người dẫn đường cũ của mình lúc này đang nắm toàn quyền chỉ huy:

“Tôi muốn nói một điều mà chỉ một thủ lĩnh tài ba như Magua mới đáng nghe thôi.”

Tên Anh điêng quay lại nhìn người sĩ quan trẻ, khinh khỉnh đáp:

“Cứ nói, cây rừng không có tai đâu.”

“Nhưng những người da đỏ Huron kia không điếc; và lời nói hợp tai con người vĩ đại của một bộ tộc có thể làm cho những chiến binh trẻ mất bình tĩnh. Nếu Magua không muốn nghe thì người sĩ quan nhà vua chẳng nói nữa.”

Tên da đỏ lấy vẻ tự nhiên nói với bọn thủ hạ đang lúng túng chuẩn bị ngựa cho hai chị em Cora; rồi y lánh ra xa một chút và kín đáo làm hiệu cho Heyward theo.

“Nào nói đi xem có thuận tai Magua không.”

“Cáo Tinh Khôn quả là xứng đáng với biệt hiệu vẻ vang mà các cha Canada đã tặng cho.” Heyward mở đầu, “Tôi biết Cáo là người khôn ngoan, và tôi thấy hết những việc Cáo đã làm cho chúng tôi. Đến khi tính công cho Cáo, tôi sẽ không quên. Thật vậy Cáo đã tỏ ra không những là một thủ lĩnh vĩ đại trong hội đồng bộ tộc mà còn là người biết đánh lạc hướng kẻ địch.”

“Thế Cáo đã làm những việc gì?” Tên Anh điếng lạnh lùng hỏi.

“Còn việc gì nữa! Chẳng phải Cáo đã nhìn thấy quân địch mai phục khắp rừng, một con rắn bò qua cũng không lọt mắt chúng đó ư? Cho nên Cáo đã đi đường khác để che mắt bọn Huron. Chẳng phải Cáo đã giả tảng quay trở về với bộ tộc mình, với những người đã ngược đãi và xua đuổi Cáo ra khỏi lều như một con chó ư? Và khi biết được ý đồ của Cáo, chúng tôi đã giúp đỡ Cáo, làm ra bộ đánh đuổi Cáo, khiến bọn Huron tưởng người da trắng coi Cáo là kẻ thù. Và khi Cáo khôn khéo bịt mắt bưng tai những người trong bộ tộc mình, chẳng phải chúng quên rằng đã có lần chúng ngược đãi và buộc Cáo phải chạy trốn đến với người Mohawk đó ư? Chúng đã để Cáo ở lại bờ Nam con sông cùng với những người chúng bắt được, còn chúng đã ngu ngốc đi lên phương Bắc. Chẳng phải Cáo định quay trở lại trao trả hai cô gái cho người quân nhân tóc hoa râm và lắm tiền bạc ở xứ Scotland đó ư? Phải, Magua ạ, tôi biết tất cả những điều đó, và tôi nghĩ phải làm sao để đền đáp một con người khôn ngoan và tốt bụng như vậy. Trước tiên, người chỉ huy pháo đài William Henry sẽ trọng thưởng cho Magua. Mề đay của Magua sẽ không phải bằng thiếc mà bằng vàng đúc, sừng đựng thuốc súng của Magua sẽ đầy ắp; những đồng đôla sẽ chật ních túi Magua như sỏi trên bờ hồ Horican; và hươu nai

sẽ phải đến liếm tay Magua vì biết rằng chạy đâu cho thoát mũi súng của Magua. Riêng tôi không biết làm thế nào để vượt được lòng biết ơn của lão quân nhân xứ Scotland, nhưng tôi... phải, tôi sẽ...”

“Người chỉ huy trẻ từ phía mặt trời mọc tới đây sẽ thưởng cái gì?” tên Huron hỏi khi Heyward ngập ngừng. Sở dĩ Heyward dừng lại vì anh muốn kết thúc danh sách những tặng vật bằng một thứ gì mà người Anh điêng ưa thích nhất.

“Người chỉ huy trẻ sẽ đem nước-lửa từ những hòn đảo ở hồ nước mặn tới đổ tràn trên trước lều của Magua, cho tới khi tâm hồn người Anh điêng lâng lâng nhẹ hơn cả lông con chim ruồi và hơi thở thơm dịu hơn cả hương cây dã kim ngân.”

Cáo Tinh Khôn chăm chú nghe những lời nói thông thả và ngọt ngào. Khi viên sĩ quan trẻ bày ra câu chuyện Magua dùng mưu đánh lừa cả bộ tộc, nét mặt tên này trở nên nghiêm nghị và dè dặt. Khi anh làm ra bộ tin rằng Magua đã bị xua đuổi khỏi bản làng, mắt nó lóe lên một vẻ dữ tợn không gì chế ngự nơi khiến Heyward nghĩ mình đã gài đúng chỗ ngứa của tên Huron. Tới đoạn anh khéo léo kích thích khát vọng phục thù và lòng tham lam của nó, ít nhất anh cũng đã thu hút được sự chú ý của nó. Cáo Tinh Khôn đặt câu hỏi một cách điềm đạm và đầy tự tôn, nhưng qua vẻ mặt suy tư của nó thì thấy rõ ràng những câu trả lời của Heyward được xếp đặt tinh vi. Tên Huron trầm ngâm một lát rồi đặt tay lên đám lá rịt vết thương ở vai, nói bằng một giọng có phần gay gắt:

“Bạn bè có để lại những dấu vết như thế này không?”

“Có khi nào Súng Dài bắn kẻ thù nhẹ nhàng như vậy không?”

“Bọn Delaware có bò như những con rắn lại gần người thân rồi cuộn khúc để tấn công không?”

“Khi Rắn Lớn muốn cho tai một người bị điếc thì làm sao còn nghe được nữa!”

“Thế người chỉ huy da trắng có nổ súng vào mặt những người anh em của mình không?”

“Một khi người chỉ huy da trắng chủ tâm giết, có bao giờ anh ta bắn trượt đâu?” Duncan cười đáp, giả bộ thành thật rất khéo.

Tiếp theo những câu hỏi gay gắt và những câu trả lời lưu loát là một khoảng yên lặng suy nghĩ kéo dài. Thấy tên Huron tỏ ra đắn đo, và để nắm chắc phần thắng, Duncan nhắc lại những món thưởng, nhưng anh vừa cất tiếng thì Magua đã làm hiệu gạt phắt và nói:

“Thôi đủ rồi, Cáo Tinh Khôn là một thủ lĩnh khôn ngoan, rồi sẽ biết ý định của nó. Bây giờ hãy tránh ra và ngậm miệng lại; khi nào Magua hỏi mới được trả lời.”

Thấy Magua đưa mắt thận trọng nhìn mấy tên da đỏ, Heyward vội rút lui, tránh không để bọn này nghi ngờ anh đang bàn mưu tính kế gì với thủ lĩnh của chúng. Magua lại gần lũ ngựa, làm ra vẻ hài lòng thấy đồng bọn làm ăn nhanh nhẹn khéo léo rồi ra hiệu cho Heyward đỡ hai chị em Cora lên ngựa (tên này hóa hoàn mới dùng tiếng Anh, trong những trường hợp bất thường).

Không còn lý do trì hoãn, Heyward buộc phải chấp hành. Trong khi đó chị em Cora lên ngựa anh khẽ bảo với họ rằng anh vẫn có hy vọng; hai cô gái thì run lẩy bẩy, mặt cúi gằm xuống đất, sợ đụng phải những bộ mặt man rợ của những người đang bắt giữ mình. Vì con ngựa cái của David bị toán

người của tên thủ lĩnh da đỏ cao lớn lấy mắt nên chủ nhân của nó cũng như Duncan đành phải đi bộ. Tuy thế, Duncan không lấy làm phiền lòng cho lắm vì anh có dịp để kéo dài thời gian cuộc hành trình; vừa đi anh vừa ngoái đầu nhìn về phía pháo đài Edward, hy vọng nghe thấy một tiếng gì từ hướng đó vọng lại báo hiệu quân cứu viện sắp tới.

Khi mọi việc chuẩn bị đã xong, Magua ra lệnh khởi hành, tự mình đi đầu dẫn đường. David tiếp ngay sau; vết thương của anh chàng đã dịu đau, và dần dần anh thấy rõ hoàn cảnh thực tế của mình. Rồi đến hai chị em Cora cưỡi ngựa và Heyward đi bên cạnh. Bọn Anh điêng đi kèm hai bên và phía sau, canh giữ cẩn mật.

Cứ như vậy đoàn người lặng lẽ tiến bước, thỉnh thoảng mới thấy Heyward lên tiếng an ủi hai cô gái, hoặc David thốt lên những lời than thân thảm thiết cam chịu số phận hẩm hiu. Họ đi về phương Nam, gần đối diện với con đường dẫn đến pháo đài William Henry. Mặc dù thấy Magua vẫn nhằm theo hướng bọn chúng đã định từ trước, Heyward không tin rằng y có thể sớm quên những món thưởng hậu hĩnh mà anh đã hứa hẹn. Anh nghĩ rằng tên Anh điêng cần phải bày ra cách đi vòng vèo này để đạt tới mục đích cuối cùng. Tuy nhiên cả đoàn đã khó nhọc vượt qua một chặng đường dài, qua những cánh rừng mênh mông, mà vẫn không thấy chuyển đi kết thúc. Heyward ngược nhìn mặt trời đang chiếu thẳng xuống những cành cây, chờ đợi giờ phút Magua đổi hướng đi như anh mong mỏi. Có lúc anh nghĩ rằng tên da đỏ mưu mẹo này sợ rơi vào tay quân đội của tướng Pháp Montcalm nên đi về một đồn biên giới ở đó có một vùng rộng lớn thuộc quyền cai quản của một sĩ quan hoàng gia nổi tiếng, người bạn quý của sáu bộ lạc đồng minh của Anh quốc. Thà rơi vào tay ngài William Johnson này còn

hơn bị đưa tới những miền rừng hoang vu ở Canada; nhưng tới được nơi đó cũng còn phải vất vả vượt qua những quãng đường rừng dài dằng dặc, mà mỗi bước đi càng làm anh xa cách nơi chiến trận, xa cách một vị trí đối với anh không chỉ là vinh dự mà còn là bổn phận.

Riêng Cora vẫn nhớ lời dặn của người trinh sát lúc chia tay, chỉ chờ có dịp để giơ tay ra bẻ những cành cây nằm ngang tầm. Nhưng tính cảnh giác của lũ người Anh điên cuồng khiến cho việc thực hiện vừa khó khăn vừa nguy hiểm. Nhiều lần Cora vừa định hành động thì bắt gặp những cặp mắt đang nhìn chăm chăm, nàng đành giả tảng như có điều gì hoảng hốt và lấy tay làm ra vẻ sợ hãi. Có một lần, chỉ một lần thôi, nàng bẻ gập được một cành cây muối to, đồng thời một ý kiến chợt nảy ra, nàng bèn đánh rơi một chiếc bao tay xuống đất để chỉ đường cho những người đi ứng cứu. Nhưng một tên Huron đi áp giải đã trông thấy, hắn nhặt chiếc bao tay trả lại cho Cora, bẻ hết những cành cây còn sót trong bụi, làm như thể chỗ đó bị thú dữ giẫm lên; rồi hắn đặt tay lên chiếc rìu trận, nhìn dữ tợn khiến Cora không dám lén lút đánh dấu đường đi nữa.

Tuy còn vết chân ngựa in trên đường nhưng cả hai toán Huron đều có ngựa, thành thử nếu không bẻ được cành cây để làm hiệu thì không còn hy vọng vào cứu viện nữa.

Heyward định lên tiếng can thiệp nhưng thái độ dè dặt làm lì của Magua khiến anh không muốn nói nữa. Dọc đường, họa hoằn tên này mới quay đầu lại nhìn mọi người, không nói nửa lời. Nhìn mặt trời để định hướng, hoặc dựa vào những dấu hiệu riêng mà chỉ con mắt tinh tường của người da đỏ mới nhận ra, hắn cứ theo bản năng tiến thẳng lên phía trước một cách rất chính xác, trên những dải đất trũng thông cần cỗi, những thung lũng hẹp màu mỡ, qua suối và sông, vượt đồi núi

trập trùng. Dường như không lúc nào hấn phải do dự. Dù cho đường đi khó nhận hoặc không nhận ra, hay là lối mòn bằng phẳng, hấn vẫn giữ vững tốc độ, hầu như không biết mệt. Trong khi đó, những người khác mệt rã rời nhưng vẫn cầm cổ đập lên lá úa mà đi, và mỗi khi họ ngược mắt lên, thân hình đen đũi của Magua lại hiện ra giữa những thân cây phía trước, đầu hấn không động đậy và ngửng cao nhìn thẳng trước mặt, bước đi thoăn thoắt tạo ra một luồng gió làm lay động chiếc lông chim cắm trên đầu.

Magua đi gấp như vậy không phải không có mục đích. Sau khi vượt qua một thung lũng nhỏ có con suối đầy nước lượn khúc, hấn leo lên một quả đồi; sườn đồi rất dốc và khó leo, hai chị em Cora phải xuống ngựa. Lên tới đỉnh thấy có một khoảnh đất bằng, cây cối thưa thớt; Magua gieo mình xuống một góc cây như muốn tìm một chỗ nghỉ mà mọi người lúc này đều thấy rất cần thiết.

CHƯƠNG II

Nòi giống của ta thật đáng bị nguyên rửa nếu ta tha thứ cho
Hắn!^[35]

• SHAKESPEARE

Địa điểm tên Anh điêng chọn để làm công việc cần thiết này là một quả đồi cheo leo hình tháp, thường gặp trong các thung lũng ở Bắc Mỹ, giống hệt những trái núi, đắp nó vừa cao vừa dốc, đỉnh bằng phẳng, đặc biệt một sườn có độ nghiêng quá lớn. Chọn nơi đây để nghỉ ngơi xem ra chỉ có lợi thể là dễ phòng thủ và hầu như không thể bị tấn công bất ngờ nhờ vào độ cao và hình thể quả đồi. Thấy thời gian trôi qua đã lâu và đường đi đã xa, Heyward hết hy vọng vào quân cứu viện; anh chẳng buồn quan sát địa thế xung quanh mà chỉ lo an ủi vỗ về hai cô bạn gái yếu ớt. Lũ ngựa được tự do gặm những cành lá và bụi cây thừa thốt trên mỏm đồi; phần lương ăn còn lại của chúng được vãi ra đất, dưới gốc một cây sồi cành lá chìa ngang như một cái tán lớn.

Tuy cuộc rút lui cấp tốc, một tên Anh điêng cũng đã tìm cách bắn chết một chú nai lạc mẹ bằng một phát tên, và y đã chịu khó vác trên vai những miếng thịt ngon nhất tới chỗ nghỉ.

Chẳng cần phải nấu nướng cầu kỳ, tên này cùng cả bọn nhai ngấu nghiền những miếng thịt sống. Riêng Magua không tham

dự bữa ăn ghê tởm, hẳn ngồi riêng một chỗ, có vẻ trầm ngâm suy nghĩ.

Một người Anh điêng không ăn trong lúc có điều kiện để giải quyết cơn đói là một chuyện không bình thường khiến Heyward phải chú ý. Chàng thanh niên vội nghĩ rằng tên Huron đang tìm cách nào ổn nhất để đánh lạc tính cảnh giác của đồng bọn. Anh bèn lấy vẻ tự nhiên mon men đi từ cây sồi tới chỗ Magua đang ngồi để tham gia ý kiến với hắn và tiếp tục kêu gọi lòng tham của hắn.

“Phải chăng Magua đã đi khá lâu theo hướng mặt trời để tránh mọi nguy hiểm do quân Pháp gây ra?” Heyward làm như thể giữa hai người đã có một sự thông cảm sâu sắc, “Phải chăng người chỉ huy pháo đài William Henry sẽ hài lòng hơn nếu sớm được gặp hai con gái của mình? Một đêm chờ mong nữa có thể làm ông phật ý, khiến ông kém rộng rãi trong việc ban thưởng.”

“Những người mặt tái yếu quý con cái mình vào ban đêm hơn ban ngày sao?” Tên Anh điêng lạnh lùng hỏi.

“Đâu phải thế,” Heyward lo lắng nhớ lại xem mình có nói hớ điều gì không, “người da trắng có thể và thường xuyên quên nơi chôn cất cha ông mình; đôi khi họ không nhớ tới người mà họ đã hứa thương yêu trọn đời; nhưng tình thương của cha đối với con không bao giờ có thể cạn.”

“Thế quả tim của người chỉ huy đầu bạc có mềm không và ông ta có thương những đứa con do các người vợ của ông ta đẻ ra không? Ông ta ác với các chiến binh, mất ông ta bằng đá!”

“Ông ta nghiêm khắc với kẻ lười biếng xấu xa, còn đối với những ai đứng đắn chăm chỉ, ông là một người chỉ huy công bằng và nhân đạo. Tôi có biết nhiều ông bố thương yêu con cái,

nhưng chưa hề thấy có người nào âu yếm con như thế. Magua, anh chỉ mới nhìn thấy ông già tóc hoa râm đứng trước hàng quân; nhưng tôi đã thấy đôi mắt ông ta đắm lệ mỗi khi nhắc tới những người con gái mà số phận đang nằm trong tay anh.”

Heyward dừng lại; anh không cắt nghĩa nổi những nét đặc biệt ánh lên trên khuôn mặt rám đen và chăm chú của tên Anh điêng. Thoạt tiên, khi nghe Heyward miêu tả tình thương của người cha, dường như tên này nhớ lại những lời hứa hẹn và tin tưởng đã cầm chắc món thưởng trong tay; rồi dần dần vẻ mừng rỡ chuyển thành dữ tợn độc ác đến nỗi không thể không e ngại rằng trong đầu hắn đang nảy ra những ham muốn còn đen tối hơn cả lòng tham.

Vội nén nổi xúc động bột phát, tên Huron lấy lại vẻ mặt lạnh như tiền, nói:

“Hãy đến bảo người con gái tóc đen rằng Magua muốn nói chuyện. Người cha sẽ phải nhớ những điều con gái mình đã hứa.”

Nghe tên Huron nói, Duncan nghĩ rằng hắn muốn có một sự cam kết chắc chắn hơn về món thưởng mà anh đã hứa. Miễn cưỡng trong lòng, anh chậm chạp trở về chỗ hai người thiếu nữ đang nghỉ ngơi để thông báo tình hình cho Cora.

“Cô biết sở thích của người Anh điêng đấy,” Heyward vừa nói vừa dẫn Cora tới chỗ tên Huron đang chờ, “hãy hứa cho nó nhiều thuốc súng và chăn đắp; hơn nữa, tên này rất thích rượu mạnh. Bằng tài thuyết khách sẵn có, cứ hứa thêm một vài đặc ân khác cũng chẳng sao đâu. Cora, nên nhớ rằng tính mệnh của cô cũng như của Alice trong một chừng mực nào phụ thuộc vào sự nhanh trí và khôn ngoan của cô đó.”

“Anh Heyward, thế còn tính mệnh của anh?”

“Tính mệnh của tôi không đáng kể; tôi đã hiến dâng cuộc đời cho đức vua, và kẻ thù chỉ mong sao bắt được tôi. Cha tôi không còn trên đời này để trông ngóng con, và tôi chỉ có một vài người bạn để khóc thương một số phận mà tôi đã tự chọn trên bước đường chạy theo danh vọng của tuổi thanh niên. Nhưng thôi, chúng ta đã tới gần tên Anh điêng. Magua, đây là người con gái anh muốn gặp.”

Tên da đỏ từ từ đứng dậy, ngây như tượng trong gần một phút đồng hồ, rồi lạnh lùng lấy tay ra hiệu cho Heyward lui ra:

“Khi người Huron nói chuyện với đàn bà, cả bộ tộc của nó phải bưng tai lại.”

Thấy Duncan còn trù trừ như không chịu đi, Cora mỉm cười ung dung nói:

“Anh Heyward nghe thấy rồi chứ? Ít ra, theo phép lịch sự, anh cũng phải tránh ra chỗ khác. Hãy tới động viên Alice rằng chúng ta vẫn còn hy vọng.”

Chờ cho Heyward đi khỏi, nàng quay về phía tên da đỏ, giọng nói và thái độ đĩnh đạc:

“Cáo muốn nói gì với người con gái của Munro?”

Tên Anh điêng nắm chặt cánh tay Cora như bắt nàng để hết tâm trí vào lời hắn nói; cương quyết nhưng vẫn bình tĩnh, Cora gỡ cánh tay mình ra. Tên Huron bắt đầu:

“Hãy nghe đây. Magua vốn là một thủ lĩnh và một chiến binh của dân da đỏ Huron miền hồ. Trước khi gặp những người mặt tái, nó đã nhìn thấy mặt trời của hai mươi mùa hè làm cho tuyết của hai mươi mùa đông chảy vào sông; thời ấy, nó sống sung sướng! Nhưng rồi các cha Canada kéo vào trong rừng dạy cho nó uống nước-lửa, và nó trở thành kẻ hư hỏng. Những người Huron xưa đuổi nó khỏi nơi chôn cất ông cha nó,

như thể săn đuổi con trâu rừng. Nó men theo bờ hồ xuôi tới “thành phố của những khẩu đại bác”^[36] Tại đây, nó sống bằng săn bắn và đánh cá cho tới khi người ta lại đuổi nó vào rừng sống cùng với kẻ thù. Thế là viên thủ lĩnh gốc Huron cuối cùng trở thành một chiến binh của người Mohawk!”

“Tôi đã được nghe một chuyện na ná như thế này, Cora nói nàng thấy y ngừng lại để nén nổi uất hận đang trào lên trong lúc nhắc tới những điều mà y cho là xúc phạm.”

“Đâu phải lỗi tại Cáo một khi cái đầu nó không bằng đá? Ai đã cho nó nước-lửa? Ai đã biến nó thành kẻ xấu xa? Chính bọn mặt tái, những người cùng màu da với cô.”

“Đâu phải lỗi tại tôi nếu có những người cùng màu da với tôi tỏ ra thiếu suy nghĩ và vô đạo đức,” Cora ôn tồn vắn lại trước thái độ giận dữ của tên da đỏ.

“Không, Magua là người chứ không phải là một thằng điên; những người như cô không bao giờ uống dòng nước cháy bỏng; đáng Đại Linh đã ban cho các người sự khôn ngoan.”

“Vậy tôi phải làm gì nói gì trước những bất hạnh nếu không nói là những sai lầm của Cáo?”

“Nghe đây,” tên Anh điêng lấy lại vẻ nghiêm trang, “khi các cha Anh và Pháp đào rìu trận^[37], Cáo đi theo người Mohawk chống lại bộ tộc của nó. Bọn mặt tái đã đánh đuổi người da đỏ ra khỏi những vùng đất săn bắn của họ và bây giờ, khi ra trận, người da đỏ lại ở dưới quyền người da trắng. Cha cô, người tướng già ở Horican, là người chỉ huy tối cao của bọn chiến binh da đỏ chúng tôi. Ông ta bảo người Mohawk làm gì là họ phải tuân theo. Ông ta đặt ra một luật lệ; người Anh điêng nào uống nước - lửa mà bước chân vào những cái lều vải dành cho các chiến binh của ông ta thì sẽ bị trị tội. Magua đã đại dột nốc

đầy mồm, và thứ nước bỏng đó đã dẫn nó tới trước lều của Munro. Ông già tóc hoa râm đã làm gì? Con gái ông ta nói đi.”

“Ông ta đã không quên những điều quy định và đã làm theo công lý, trừng phạt kẻ phạm tội.” Cora cứng cỏi đáp.

“Công lý!” Magua nhắc lại, mắt liếc nhìn rất dữ tợn khuôn mặt biến sắc của Cora, “Gây ra tội lỗi để rồi trị tội, đâu phải là công lý. Lúc ấy Magua không còn là Magua nữa; nước - lửa nói và làm thay cho nó. Nhưng Munro không tin. Người thủ lĩnh Huron bị trói gô trước mặt những chiến binh mặt tái và bị roi vọt như một con chó.”

Cora lặng yên; nàng không biết làm cách nào để biện minh cho hành động nghiêm khắc sơ suất của cha mình để một người Anh điêng có thể thông cảm được.

“Nhìn đây!” Magua vạch chiếc áo vải mỏng che kín bộ ngực vẽ sơn của y. “Đây là những vết sẹo do lưỡi dao hòn đạn gây ra; một chiến binh có thể hãnh diện về những cái này trước bộ tộc mình; nhưng ông già tóc bạc đã để lại trên lưng người thủ lĩnh Huron những vết tích mà nó phải che giấu như đàn bà dưới lớp vải hoa của người da trắng.”

“Tôi cứ tưởng người chiến binh Anh điêng xưa nay gan góc,” Cora nói, “tâm trí anh ta không cảm thấy và không biết tới những đau đớn thể xác.”

“Khi bọn Chippewas trói Magua vào cột và chém vào đây.” Magua chỉ tay vào một vết sẹo sâu hoắm, “người thủ lĩnh Huron cười vào mặt chúng và nói: ‘Bọn đàn bà chém nhẹ quá!’ Tâm trí Magua khi đó ở tận trên mây! Nhưng khi bị Munro đánh tâm trí nó ở dưới ngọn roi. Tâm trí của người Huron luôn tỉnh táo và không bao giờ quên!”

“Nhưng cũng có thể dụ được chứ! Nếu như cha tôi đã đổi xử bất công với anh, hãy tỏ ra rằng một người da đỏ có thể quên mối hận, và hãy trả chúng tôi về với cha. Thiếu tá Heyward đã hứa với anh là...”

Magua lắc đầu không cho Cora nhắc tới những món thưởng mà y không thêm.

“Vậy thì muốn gì?” Cora lặng người khi nhận ra rằng chàng Duncan quá nhẹ dạ cả tin đã bị tên quỷ quyết này lừa dối.

“Người Huron muốn lấy tốt trả tốt, lấy xấu trả xấu!”

“Vậy ra anh muốn trả mối hận do Munro gây nên bằng cách hãm hại những người con gái yếu đuối của ông. Sao không đến trước mặt ông ta mà trả thù có phải là anh hùng hơn không?”

“Cánh tay người mặt tái dài và con dao của nó sắc!” tên da đỏ cười hiểm độc, “Đại gì Cáo dẫn thân tới trước mũi sừng của chúng trong lúc nó nắm trong tay hòn phách của ông già tóc hoa râm!”

“Magua, hãy cho biết ý định của anh đi.” Cora cố đấu tranh bản thân để vẫn giữ giọng bình tĩnh, “Phải chăng định giam giữ chúng tôi trong rừng, hay còn suy tính một trò nào ghê gớm hơn nữa? Chẳng lẽ không một phần thưởng nào hoặc một biện pháp nào có thể làm dịu mối oán cừu và làm nguôi lòng anh! Ít nhất cũng thả đứa em gái nhỏ của tôi và hãy trút hết căm thù vào tôi. Thả em tôi ra mà kiếm món thưởng to, và hãy làm tôi một người thôi để thỏa mãn lòng căm thù. Nếu mất cả hai đứa con gái này thì ông già sẽ không sống nổi, và như vậy Cáo được lợi lộc gì?”

“Nghe đây,” tên Anh điêng tiếp, “người con gái mắt sáng sẽ được trở về miền hồ Horican để kể lại với viên chỉ huy già

những điều đã xảy ra nếu như người con gái tóc đen thề trước đấng Đại Linh là sẽ không nói dối.”

“Tôi phải hứa hẹn gì?” thái độ điềm đạm và đường hoàng của Cora khiến nàng giữ ưu thế tinh thần đối với tên da đỏ hung ác.

“Khi Magua phải bỏ làng bản ra đi, người ta trao vợ nó cho một thủ lĩnh khác; bây giờ nó đã làm lành với người Huron và sẽ trở về với mồ mả ông cha nó bên bờ hồ lớn. Con gái viên chỉ huy người Anh hãy theo nó về sống suốt đời trong cái lều của nó.”

Tuy phần nộ trước đề nghị này và mặc dù trong bụng vô cùng ghê tởm, Cora vẫn có đủ sức tự chủ, không hề tỏ ra nản lòng, nàng đáp:

“Magua sẽ thích thú gì khi phải chung sống với một người vợ mà mình không yêu, một người khác cả nòi giống lẫn màu da? Tốt hơn hết là hãy nhận vàng của Munro để mua lấy trái tim một cô gái Huron.”

Trong khoảng một phút đồng hồ, tên Anh điếng lặng thình; y nhìn Cora bằng cặp mắt long lanh dữ tợn khiến nàng phải thẹn thùng gằm mặt xuống, lần đầu tiên bắt gặp một cái nhìn mà không người phụ nữ trong trắng nào chịu nổi. Trong lúc nàng phấp phỏng chờ đợi sẽ phải nghe những lời chối tai hơn nữa thì Magua đã cất giọng nói vô cùng thâm hiểm:

“Khi những ngọn roi quất cháy lưng người Huron, nó đã nghĩ tới việc tìm một người đàn bà để làm dịu nỗi đau. Con gái Munro sẽ kéo nước, trồng ngô và nấu thịt thú rừng cho nó. Thẻ xác của ông già đầu bạc nằm giữa những khẩu đại bác, nhưng quả tim ông ta lại ở trong tầm lưỡi dao của Cáo Tinh Khôn.”

“Quái vật! Mi thật xứng đáng với biệt danh quỷ quái của mình!” lòng thương cha khiến Cora nổi nóng, không tự kiềm chế được nữa, “Chỉ quỷ sứ mới nghĩ ra được một cách báo thù như vậy! Nhưng mi đã đánh giá quá cao quyền lực của mình! Đúng là trái tim của Munro nằm trong tay mi, nhưng rồi mi sẽ thấy trái tim đó bất chấp những mưu mô hiểm độc nhất của mi!”

Đáp lại lời thách thức hiên ngang của Cora, tên Anh điên cười ghê rợn, tỏ ra không thay đổi ý định; rồi y ra hiệu cho nàng rút lui như để kết thúc cuộc nói chuyện. Cora nói xong mới cho là mình đã hấp tấp, nhưng đành phải quay gót vì Magua đã đến với bọn lâu la phàm ăn. Heyward chạy tới bên cô gái còn đang bối rối để hỏi kết quả cuộc đối thoại mà từ xa anh vẫn quan tâm theo dõi. Không muốn để Alice phải hoảng sợ, Cora tránh không trả lời thẳng vào câu hỏi. Nhưng vẻ mặt nàng nói lên rằng cuộc gặp gỡ đã hoàn toàn thất bại, và đôi mắt lo âu của nàng không ngừng theo dõi từng động tác của bọn da đỏ. Bị Alice hỏi dồn dập về số phận của bốn người, nàng không trả lời, chỉ lấy tay trở vào kẻ địch với một vẻ bối rối không kìm nổi, rồi nàng ôm Alice vào lòng, nói không thành tiếng:

“Kia kìa, muốn biết số phận của chúng ta thì cứ nhìn mặt chúng, khắc biết! Khắc biết!”

Cử chỉ và giọng nói ghen ngào của Cora còn có ý nghĩa hơn cả những lời nói khiến mọi người quay cả về phía nàng đang nhìn (chỉ tình thế nghiêm trọng lúc bấy giờ mới khiến nàng phải nhìn chăm chăm như vậy).

Khi Magua tới chỗ lũ người da đỏ đang nằm ngổn ngang ra đất sau khi đã nhét đầy bụng những miếng thịt ghê tởm, y lên giọng uy nghiêm của một thủ lĩnh. Mới nói mấy câu các thính

giả đã nhồm cả dậy kính cẩn lắng nghe. Tuy đứng gần đó (bọn Huron đã cẩn thận bắt các tù nhân của chúng phải ở trong tầm hoạt động của rìu trận) nhưng vì tên này nói tiếng địa phương nên Heyward chỉ có thể đoán nội dung bài diễn thuyết của y qua những cử chỉ đầy ý nghĩa mà người Anh điêng thường dùng để minh họa cho bài nói.

Thoạt đầu, lời nói và điệu bộ của Magua có vẻ điềm đạm từ tốn. Khi đã thu hút được sự chú ý của người nghe, y luôn tay chỉ trở về phía miền hồ lớn, và Heyward đoán chừng y đang nhắc tới quê cha đất tổ và bộ tộc của chúng ở phương xa. Trong khi đó, các thánh giả không ngại thốt ra những tiếng kêu đầy thán phục và nhìn nhau tỏ vẻ tán thưởng diễn giả ra mặt. Vốn là một tay khôn ngoan, Cáo không bỏ lỡ cơ hội. Y nói tới con đường dài và gian khổ mà bọn chúng đã qua sau khi phải rời bỏ những miền đất bao la đầy thú săn và những làng mạc yên vui để đi đánh nhau với kẻ thù của các cha Canada. Y nêu tên các chiến binh, những thành tích và công lao của họ, những thương tích của họ và những mảng da đầu đã chiếm được. Mỗi khi nhắc tới kẻ nào trong bọn đang ngồi nghe (tên Anh điêng tinh quái không bỏ sót một ai), khuôn mặt r ám đen của kẻ được biểu dương rạng lên, và kẻ đó không ngần ngại hoan hô công nhận những lời khen của Magua là chính xác.

Sau khi ôn lại bằng một giọng hào hùng những chiến công và thắng lợi của bọn chúng, tiếng nói diễn giả trầm hẳn khi tả cảnh thác Glen, trí kiên cố của hòn đảo, những cái hang trên đảo những thác và dòng nước chảy cuộn cuộn vừa nhắc tới tên “Súng Dài” thì những tiếng gào thét căm hờn nổi lên khiến y phải ngừng lời cho tới khi núi rừng vọng lại những tiếng vang cuối cùng. Rồi y trở tay về phía người sĩ quan trẻ và thuật lại cái chết của người chiến binh da đỏ đã bị Heyward đẩy xuống

vực thẳm. Y kể về số phận con người bị treo lơ lửng giữa khoảng không, một cảnh tượng rùng rợn mà cả bọn đã được chứng kiến; không những vậy, y còn leo lên một cây con và diễn lại cảnh đó, nổi kinh hoàng, lòng quyết tâm và cả những phút cuối cùng của người chiến binh. Sau đó y nhắc sơ qua tới những người bạn đã bị giết chết, không quên nêu lòng dũng cảm và những đức tính nổi bật của họ. Kể xong những sự kiện trên, y lại chuyển giọng; tiếng nói nhẹ nhàng và từ trong cổ họng phát ra, trở nên rền rĩ, thánh thót. Y nói tới vợ con những người đã khuất, những thiếu thốn đau khổ của họ về thể xác và tinh thần, những cảnh xa lìa và cuối cùng, những mối hận không trả được. Đột nhiên, y thu hết sức lực, cất cao giọng kết luận:

“Người Huron có là con chó đầu mà phải chịu như vậy? Ai sẽ nói lại với vợ của Menowgua rằng da đầu của nó đã bị cá rửa, thế mà các bạn của nó không báo thù được? Ai dám đến gặp mẹ của Wassawattimie, mụ đàn bà khinh người, với đôi bàn tay không nhuộm máu kẻ thù? Chúng ta sẽ ăn nói ra sao với các người già khi họ đòi xem da đầu kẻ thù trong lúc chúng ta không có một sợi tóc của người da trắng? Đàn bà họ sẽ vạch mặt chúng ta. Tên của người Huron sẽ bị bôi nhọ, và phải lấy máu để rửa sạch.”

Những tiếng thét căm hờn vang lên trong không trung át cả tiếng Magua, như thể trong rừng không phải chỉ có một toán nhỏ mà cả một bộ tộc đang hò hét. Trong lúc diễn giả nói, bọn Heyward chăm chú quan sát và, qua nét mặt của các thánh giả, họ thấy rõ Magua đã đạt kết quả mong muốn. Khi tên này làm bộ nhớ nhung thương tiếc, người nghe tỏ vẻ cảm thông đau buồn; khi y kết luận một vấn đề, bọn chúng công nhận; khi y tán dương, cả bọn đặc chí, khi y gợi lòng can đảm, chúng tỏ vẻ

kiên quyết sẵn sàng; khi y gợi những đau khổ, mắt chúng bùng cảm hờn; khi y kể ra những lời trách móc của các người mẹ người vợ, cả bọn xấu hổ gục mặt, và khi y bày ra cách trả thù thì quả thật y đã gài đúng chỗ ngứa của người Anh diêng. Y vừa gợi ý rằng kẻ thù ở ngay bên cạnh, tất cả nhất tề đứng phắt dậy, biểu lộ cảm hờn bằng những tiếng kêu gào điên cuồng nhất, rồi rút dao vung rìu xông tới những tù nhân của chúng, Heyward lao lên phía trước hai chị em Cora, đón tên đi đầu; anh ra sức ôm ghì tên này khiến hắn không trở tay được. Nhờ có sự kháng cự bất ngờ đó, Magua có thời giờ để can thiệp. Lời lẽ ngắn gọn và điệu bộ sinh động của y khiến cả bọn phải chú ý nghe. Với tài ăn nói sẵn có, y yêu cầu không giết các tù nhân vội để kéo dài sự đau đớn của họ. Tất cả hò reo tán thưởng và chấp hành ngay.

Hai chiến binh lực lưỡng xông tới Heyward trong lúc một tên khác túm lấy thầy quản hát nhu mì. Tuy nhiên, cả Heyward lẫn David đều chống cự kịch liệt, và riêng David đã xô được địch thủ của mình xuống đất. Sau khi hạ được anh chàng này, bọn địch xúm vào bắt Heyward, và lúc đó anh mới chịu thua. Anh bị trói gô vào gốc cây con mà hồi nãy Magua đã dùng để diễn lại cảnh tên Huron rơi từ trên cây xuống nước. Sau khi định thần lại, người sĩ quan trẻ đau đớn nhận thấy rằng cả bọn anh đều chung một số phận. Bên phải, Cora cũng đã bị trói vào một thân cây, mặt nhợt nhạt hoảng hốt nhưng mắt vẫn luôn luôn theo dõi hành động của kẻ địch. Bên trái là Alice, tay chân run lẩy bẩy; sở dĩ thân hình mảnh dẻ của nàng còn đứng được là nhờ những sợi dây cột chặt vào cây thông; hai tay nàng chấp lại để cầu nguyện, nhưng lẽ ra phải ngược mắt lên trời để cầu cứu Chúa, nguồn hy vọng độc nhất, vô tình nàng hướng về

phía Duncan như một đứa trẻ tìm kiếm sự che chở. David thúc thủ đứng yên suy ngẫm về tình huống mới xảy ra.

Lúc này bọn Huron tìm được một cách thức mới để trả thù, và chúng chuẩn bị thực hiện với tất cả sự tinh vi tàn bạo do kinh nghiệm bao đời để lại. Vài tên đi kiếm củi gỗ để dựng giàn thiêu; một tên khác chẻ nhỏ những mảnh gỗ thông để châm vào lửa rồi xiên vào da thịt các tù nhân; những tên khác vít hai cây con xuống và cột hai cánh tay của Heyward vào khiến người anh bị treo lơ lửng. Nhưng Magua còn nghĩ ra một trò trả thù thâm độc hơn.

Trong lúc những con quỷ dần dần chuẩn bị những hình thức tra tấn quá quen thuộc và tầm thường ngay trước mặt những đối tượng của chúng, Magua tiến lại gần Cora; với vẻ mặt vô cùng dan ác, y chỉ cho nàng thấy số phận trước mắt và nói thêm:

“Hà, con gái của Munro bảo sao? Cái đầu nó quý giá lắm, chẳng thềm đặt lên cái gối trong lều của Cáo đầu; liệu nó có muốn cái đầu nó lăn lông lốc trên quả đồi này làm đồ chơi cho bầy sói không? Hai cái vú nó không muốn cho con cái của một người Huron bú, nhưng rồi xem, người Anh điêng sẽ nhổ toẹt vào.”

“Con quỷ đó nói gì vậy?” Heyward ngạc nhiên hỏi.

“Không có gì cả!” Cora cứng cỏi đáp, “Nó là một kẻ man rợ, một kẻ man rợ tàn bạo và ngu xuẩn, không biết phải trái là gì. Chúng ta hãy thanh thản mang hơi thở cuối cùng cầu Chúa giúp cho hấn biết hối lỗi và tha thứ cho hấn.”

“Tha thứ à!” trong cơn giận dữ, tên Huron hung ác hiểu lầm câu nói của Cora, “Trí nhớ của người Anh điêng dài hơn cánh tay của người mặt tái và lòng nhân từ của nó ngắn hơn công lý

của người da trắng! Nói đi! Có muốn ta trả đứa con gái tóc vàng cho cha nó không, và có theo Magua về miền hồ lớn để khiêng nước và rang ngô cho nó ăn không?”

Không giấu nổi kinh tởm, Cora làm hiệu xua đuổi tên Huron, nàng nói:

“Hãy để ta yên,” vẻ trang nghiêm của nàng trong giây lát đẩy lui sự tàn bạo của tên da đỏ, “mi làm vắn đục những lời cầu nguyện của ta và đừng che mắt Chúa của ta.”

Vẻ mặt tên da đỏ hơi chuyển, nhưng liền sau đó y lại chỉ tay vào Alice, nói bằng một giọng mỉa mai cay độc:

“Trông kìa, con bé khóc! Nó còn trẻ thế kia mà phải chết! Hãy cho nó về để chải bộ tóc hoa râm của Munro và giữ được lửa sống trong tim lão già.”

Không cảm lòng được. Cora đưa mắt nhìn về phía em gái thì thấy Alice đang nhìn mình bằng cặp mắt khẩn cầu, luyến tiếc cuộc đời.

“Nó nói gì vậy, chị Cora thân yêu?” Alice run run hỏi, “Có phải nó bảo là sẽ cho em về với cha chúng ta không?”

Trong hồi lâu, dù nhìn em, rồi bởi vì những xúc cảm mãnh liệt đang đấu tranh trong lòng. Cuối cùng nàng nói, giọng không còn rần rỏ mà trở nên dẹt dẹt như mẹ nhủ con:

“Em Alice, tên Huron để cho cả hai chị em ta sống; hơn thế nữa, hắn hứa trả anh Duncan quý báu của chúng ta và cả em nữa về với bạn bè chúng ta, về với cha chúng ta, người cha đang đau khổ vì vắng con, nếu như chị chịu hạ mình đồng ý...”

Giọng nàng nghẹn ngào, nàng chấp tay lại và, trong cơn đau khổ tột độ, ngược mắt lên trời như muốn cầu Chúa vô cùng sáng suốt bảo ban cho.

“Chị nói tiếp đi,” Alice kêu lên, “đồng ý sao cơ, Cora thân yêu? Ôi giá như tên Huron kia yêu cầu em làm việc đó! Để cứu chị, để an ủi người cha già của chúng ta, để trả anh Duncan về với bè bạn, em vui lòng chết biết bao!”

“Chết!” Cora nhắc lại giọng bình tĩnh và cứng cỏi hơn, “Chết thì còn dễ. Cách giải quyết đó có lẽ không khó. Hẳn muốn chị nói tới đó, giọng nàng hạ thấp vì phải nhắc lại một điều làm nhục phẩm giá - chị phải theo hấn về miền rừng rú hoang vu về nơi trú ngụ của bọn Huron và sống tại đó, tóm lại là trở thành vợ hấn! Nói đi, Alice, em bé thân thương, em gái yêu dấu của chị! Và anh nữa, thiếu tá Heyward, hãy góp một lời khuyên cho lý trí yếu đuối của tôi. Có cần phải hy sinh như vậy để đổi lấy mạng sống không? Alice, em có muốn chị phải trả giá đó để mang lại cuộc sống cho em không? Còn anh Duncan, hãy chỉ giáo cho tôi; hai người này cho biết tôi phải làm gì vì tôi hoàn toàn thuộc về các người.”

“Không đời nào!” Heyward vừa bực bội vừa ngạc nhiên đáp, “Cora! Cora! Chớ đùa giỡn với đau khổ của chúng tôi. Đừng nhắc lại điều kiện khủng khiếp ấy nữa vì chỉ nghĩ tới chúng đã thấy ghê sợ hơn cả ngàn lần cái chết!”

“Tôi biết thế nào anh cũng sẽ trả lời như vậy!” Cora reo lên, má nàng ửng hồng và đôi mắt đen long lanh vì cảm động, “Nhưng còn em Alice? Vì em, chị vui lòng chấp nhận, không một lời oán thán.”

Trong lòng hồi hộp xót xa, Heyward và Cora chăm chú chờ đợi, nhưng không thấy tiếng trả lời. Dường như thân hình xinh xắn và yếu đuối của Alice thu lại, hai cánh tay buông thõng trước mặt, ngón hơi run run, đầu gục xuống ngực, toàn thân như treo lơ lửng trên cây; trông nàng giống như hiện

thân của sắc đẹp bị vùi dập, toàn thân không cử động nhưng trí óc vẫn tỉnh táo. Lát sau, đầu nàng đưa đi đưa lại tỏ vẻ phản đối quyết liệt:

“Không, không, không! Chúng ta thà cùng chết như đã cùng sống với nhau!”

“Nếu vậy thì chết đi!” Magua nghiêng răng rít lên, không kìm được tức giận trước thái độ cứng rắn bất ngờ của người con gái mà y coi là yếu đuối nhất, thẳng tay phóng chiếc rìu trện vào nàng. Lưỡi rìu xé không khí, vút qua mặt Heyward, tiện đứt một mảng tóc của Alice rồi cắm phập vào thân cây, mấp mé đỉnh đầu cô. Trước cảnh tượng đó, Heyward giận điên người. Thu hết sức lực, anh rút từng dây trói, lao về phía một tên da đỏ khác đang hò hét âm ỉ, mắt nhắm vào mục tiêu, sắp sửa phóng tiếp một lưỡi rìu. Hai bên xông vào nhau vật lộn và cùng lăn xuống đất. Địch thủ của Heyward để mình trần nên anh không thể nào tóm được nó; tên da đỏ trườn qua tay anh, vùng dậy dùng đầu gối chẹn lên ngực anh, cả thân hình hộ pháp dẫn anh xuống. Duncan đã nhìn thấy lưỡi dao lấp loáng trước mắt; vừa lúc đó, một tiếng réo thoáng qua tai anh, đồng thời một tiếng súng nổ đanh. Anh cảm thấy trút được gánh nặng đè lên ngực; vẻ mặt dữ tợn của tên địch bỗng dừng đờ đẫn, rồi y ngã gục trên đồng lá khô kè bên.

CHƯƠNG 12

Hề: Tôi đi đây, thưa ngài,
Rồi sẽ trở lại tức thì
Với ngài.^[38]

• SHAKESPEARE

Bọn Huron sững sờ trước cái chết của đồng bọn. Nhưng khi nhìn đường đạn vô cùng chính xác nhằm đúng kẻ thù, sẩy tay một chút là vào bạn, chúng đồng thanh kêu: “Súng Dài”, tiếp theo là một tiếng hú man rợ, rền rĩ. Từ trong một bụi cây, nơi bọn Huron đã bắt cản tập trung vũ khí, một tiếng thét to đáp lại đồng thời Mắt Chim Ưng xông tới, không kịp nạp đạn khẩu súng vừa thu hồi được, bác nắm đầu nòng vung lên múa tít. Nhưng lại thấy bóng một người khác dũng mãnh và nhanh nhẹn hơn, vượt lên trước và, với một sự mau lẹ gan dạ tuyệt vời nhảy vào giữa đám Huron, ngay trước mặt Cora, tay múa rìu trần tay vung lưỡi dao sáng loáng, trông thật dữ tợn. Trước những hành động táo bạo bất ngờ, bọn địch chưa kịp xử trí thì lại một bóng người thứ ba, trên mình vẽ biểu tượng thần Chết, vọt qua mặt chúng, tới ngay bên cạnh người vừa nói trên, dáng điệu cũng rất dữ tợn. Trước khí thế hùng dũng của ba người mới tới, lũ đao phủ man rợ lùi lại, buông ra những tiếng kêu kinh ngạc rồi hú lên những cái tên quen thuộc và khủng khiếp: “Hươu Nhanh Nhẹn! Rắn Lớn!”

Nhưng tên thủ lĩnh quý quyết của chúng không hề bối rối. Đảo quanh cặp mắt sắc sảo, hắn nắm ngay được tính chất cuộc tấn công, bèn động viên lũ lâu la bằng lời nói và hành động thực tế, rút con dao dài lợi hại, hét to một tiếng rồi lao tới chỗ Chingachgook đang đứng chờ. Cuộc giao tranh bắt đầu. Cả hai đều không có súng và phải thi thố những đòn hiểm độc nhất để quyết định thắng bại, không sử dụng vũ khí phòng ngự.

Uncas hét trả lại rồi nhảy bổ tới một tên địch, thẳng tay phang cho một nhát rìu trúng sọ, vỡ toác. Heyward giật chiếc rìu của Magua cắm trên thân cây nhảy phắt vào vòng chiến. Quân số hai bên lúc này ngang nhau, mỗi người tự chọn một địch thủ. Những miếng đòn qua lại mạnh như vũ bão, nhanh tựa chớp giật. Mắt Chim Ưng lừa cho đối phương tới vừa tầm tay và, trước sự chống đỡ yếu ớt vụng về của tên địch, giáng mạnh một báng súng làm hắn ngã quay lơ dưới đất. Heyward nôn nóng không chờ địch thủ tới gần, phóng một cây rìu trận vừa chiếm được, tên Anh điêng bị rìu va trúng trán, khựng lại một chút. Phấn khởi trước thắng lợi nhỏ ban đầu, người sĩ quan hăm hở xông lên với hai bàn tay không. Lập tức anh tự thấy đã làm một việc liều lĩnh, và anh phải vận dụng hết sức lực cũng như lòng can đảm để tránh những nhát dao thực mạng của tên Huron. Biết không thể chống đỡ mãi trước một địch thủ vừa nhanh nhẹn vừa tinh táo, anh ôm lấy nó, ghì chặt hai tay nó vào sát người mình; vì phải dốc sức quá nhiều, anh không thể cầm cự lâu hơn nữa. Giữa giờ phút quyết liệt, anh nghe có tiếng hét bên tai:

“Diệt cho hết lũ súc sinh! Quyết không tha một tên Mingo khốn kiếp nào!”

Liên sau đó, báng súng của Mắt Chim Ưng bổ xuống cái đầu trọc lóc của tên Huron đang quần với Heyward làm hắn tuột

khỏi tay người sĩ quan gân cốt rã rời, người mềm nhũn bất động.

Sau khi đã bổ vỡ sọ một tên, Uncas quay đi lòng đối thủ khác, hết như một con sư tử đói. Trong lúc bốn cặp độ sức, tên Huron thứ năm đứng ngoài cuộc; nhìn xung quanh thấy mọi người đang mải mê chém giết nhau, tên này nghĩ cách hoàn thành công việc bỏ dở với tất cả lòng hận thù xấu xa. Cất lên một tiếng đặc thẳng, y xông tới trước mặt nàng Cora yếu ớt, thẳng tay phóng cây rìu sắc bén như muốn báo trước cho nàng biết số phận khủng khiếp đang chờ. Lưỡi rìu sạt qua vai, tiện đứt một sợi dây cột Cora vào thân cây và cởi trói cho nàng. Né mình tránh khỏi tay tên da đỏ, không quản nguy hiểm, nàng chạy tới chỗ Alice, ngón tay run rẩy luống cuống cố rút tung những sợi dây đang quấn chặt đứa em gái. Trừ loài quỷ sứ, không ai không mủi lòng trước sự tận tâm cao cả và tình thương trong sáng như vậy; nhưng trái tim của tên Huron không biết rung động. Hắn nắm mở tóc dài buông xõa, giằng đôi tay đang ôm chặt Alice, phũ phàng dúi Cora xuống đất. Tên đã man vuốt mở tóc giờ ngược lên, tay kia đưa lưỡi dao vòng quanh cái đầu tròn trịa, cất lên tiếng cười mai mỉa đặc chí. Nhưng để trả giá những phút khoái trá man rợ, nó đã lỡ mất thời cơ hành động. Vừa hay, Uncas nhìn thấy; anh co chân nhảy vọt như một quả cầu lao thẳng vào ngực tên địch, đẩy hắn bắn ra xa, đầu chúi xuống đất. Vì dùng sức quá mạnh nên người thanh niên Mohican cũng ngã theo. Cả hai vùng dậy quần nhau, máu me bê bết. Nhưng cuộc vật lộn đã kết thúc nhanh chóng; cây rìu của Heyward và khẩu súng của Mắt Chim Ưng cùng bổ xuống sọ tên Huron giữa lúc lưỡi dao của Uncas cắm trúng tim nó.

Lúc này, cuộc giao tranh nói chung đã kết thúc, riêng cuộc đọ sức giữa Cáo Tinh Khôn và Rắn Lớn vẫn tiếp diễn. Hai chiến binh dữ tợn này quả xứng đáng với danh hiệu được tặng do chiến công họ đã lập được trong những cuộc chiến đấu trước đây. Trong những phút đầu, hai bên đều tìm cách né tránh những miếng đòn chí tử của đối phương. Rồi đột nhiên họ xông vào đánh giáp lá cà, ngã lăn xuống đất, quăn chặt lấy nhau như hai con rắn. Diệt xong kẻ địch, Mắt Chim Ưng, Heyward và Uncas nhìn sang chỗ hai người da đỏ lão luyện đang đánh nhau dữ dội thì chỉ thấy bụi cát lá cây bay tung từ giữa bãi đất bằng ra tứ phía như thể bị một cơn lốc bốc lên. Thôi thúc bởi những nguyên nhân khác nhau, - tình cha con, tình bạn, lòng biết ơn - cả ba người cùng tới vây quanh đám bụi bao bọc hai chiến binh. Uncas chạy qua chạy lại mà không sao phóng được lưỡi dao vào tim địch thủ của cha mình; khẩu súng lợi hại của Mắt Chim Ưng giơ lên lơ lửng; Heyward cố tóm lấy chân tay tên Huron nhưng đôi bàn tay anh tỏ ra bất lực. Mình mẩy bụi bặm máu me, hai chiến binh tiến thoái thoăn thoắt, thân thể như quện vào nhau. Dáng vẻ đầy sát khí của người Mohican và thân hình đen trũi của tên Huron loang loáng trước mặt ba người khiến họ không biết nên đánh vào chỗ nào và lúc nào để tiếp viện cho bạn và cha họ. Có đôi lúc thoáng qua, cặp mắt nẩy lửa của Magua long lên dữ tợn như một con rắn thần giữa đám bụi mịt mù; bắt gặp những ánh mắt sắc gọn và đầy căm thù vây quanh, y hiểu rõ số phận đang chờ đợi mình. Tuy nhiên, mọi người xung quanh không dám ra tay, e rằng miếng đòn nhằm vào đầu Magua lại trúng mặt Chingachgook. Cuộc chiến đấu chuyển dần từ trung tâm ra mép bãi đất bằng. Thừa lúc kẻ địch sơ hở, Chingachgook phóng mạnh một nhát dao; đột nhiên Magua buông tay ngã vật

về phía sau, không động đậy, như chết rồi. Chingachgook đứng phắt dậy thốt lên những tiếng kêu đặc thảng vang cả khu rừng.

“Hoan hô những người Delaware! Thắng lợi thuộc về người Mohican!” Mắt Chim Ưng giờ cao khẩu Súng Dài lợi hại, reo to, “Miếng đòn kết liễu này của một người có dòng máu không pha tạp sẽ không xúc phạm tới vinh dự và cũng không tước mất của bạn ta quyền lột da đầu.”

Nhưng giữa lúc cái bóng súng nguy hiểm của Mắt Chim Ưng giáng xuống, tên Huron quỷ quyết nhanh như cắt lặn mình xuống chân đồi rồi đứng phắt dậy nhảy vọt vào một bụi cây rậm rạp gần đấy. Hai người Delaware thốt lên những tiếng kêu kinh ngạc vì tưởng kẻ địch chết rồi; họ liền lao theo, mồm hò hét âm ỉ như bày chó săn nhìn thấy bóng con hươu. Nhưng tiếng gọi xé tai của người trinh sát đã khiến họ thay đổi ý định và quay trở lại đỉnh đồi.

“Thế mới đúng là con người nó, một kẻ dối trá tráo trở!” người trinh sát lão luyện cao giọng, sẵn có thành kiến, bác không giữ được tính công bằng đối với bọn Mingo, “Một người Delaware trung thực, một khi thua trận, sẽ nằm yên cho địch thủ đánh xuống đầu mình, còn bọn Maqua quỷ quyết này bám lấy cuộc sống như những con mèo rừng. Thôi, mặc cho nó chạy, nó chỉ có một thân một mình, tay không súng không nổ, xa các bạn Pháp của nó. Như con rắn độc bị bẻ nanh, nó không thể gây hại được chừng nào cả nó lẫn chúng ta chưa in được dấu chân lên dải cát dài bằng phẳng,” bác nói tiếp bằng tiếng Delaware: “Uncas trông kìa, cha cháu đang lột da đầu. Ta nên đi một vòng soát lại những tên khốn kiếp nằm đây kéo lại có tên nào khác chạy vào rừng, mồm kêu vang như con giẻ cùi bị đạn trúng cánh chằng.”

Nói xong, người trinh sát lương thiện nhưng cứng rắn đi kiểm tra một lượt, không chút động tâm, bác dùng con dao dài thản nhiên chọc vào tim các xác chết như thể đó là xác những con vật vậy. Tuy nhiên Chingachgook đã đi trước bác bằng cách lột da đầu các xác chết làm chiến lợi phẩm.

Trái với tập quán, có thể nói là trái cả bản chất, Uncas kín đáo lảng tránh không làm theo Mắt Chim Ưng. Cùng với Heyward, anh đi tới chỗ hai cô gái, nhanh nhẹn cởi trói cho Alice và đặt nàng vào tay Cora. Không sao tả xiết lòng biết ơn của hai chị em đối với đấng Tối cao đã làm cho họ sống lại bên nhau một cách bất ngờ như vậy. Trang nghiêm và trầm lặng, họ cầu nguyện tạ ơn Thượng đế, dâng lên Người những tình cảm thành kính và trong sáng nhất xuất phát từ đáy lòng, rồi họ vỗ về nhau hỏi lâu, không nói lên lời. Lát sau, Alice đứng dậy, ngã vào lòng chị, thổn thức gọi tên người cha già, đôi mắt bồ câu dịu dàng ngời lên những tia hy vọng.

“Chúng ta thoát rồi! Chúng ta thoát rồi!” nàng thì thào, “Chúng ta sẽ trở về với cha xiết bao thân yêu, và trái tim của người sẽ không bị giầy vò vì đau khổ. Cả chị của em nữa, Cora, mà em coi hơn cả một người mẹ, chị cũng thoát nạn, và anh Duncan,” nàng đưa mắt nhìn chàng sĩ quan trẻ, nở một nụ cười ngây thơ khó tả,” ngay cả anh Duncan dũng cảm và cao quý của chúng ta cũng hoàn toàn thoát nạn!”

Nghe những lời nói thấm thiết và hầu như không mạch lạc. Cora lặng lặng ghì chặt em vào lòng, dịu dàng và triu mến. Trước tình thương yêu dào dạt của hai chị em, chàng Heyward cứng rắn cũng không cảm thấy xấu hổ vì đã không cầm được nước mắt. Mình mấy còn bê bết máu me sau trận giao chiến, Uncas tuy có vẻ thản nhiên như một người ngoài cuộc, nhưng đôi mắt anh đã mất vẻ dữ tợn và đang bùng lên một niềm cảm

thông sâu sắc; điều này chứng tỏ anh vượt xa những người đồng chủng về mặt trí tuệ, và có lẽ đi trước họ hàng thế kỷ về mặt hành động.

Trong lúc mọi người đang biểu lộ sự xúc động bột phát của mình, và sau khi đã chắc chắn rằng lũ Huron không còn phá rối được cảnh vật thanh bình này nữa, Mắt Chim Ưng lại gần David và giải phóng anh chàng khỏi những sợi dây trói mà cho tới lúc này anh vẫn chịu đựng với một sự kiên trì vô cùng mẫu mực. Quảng ra phía sau sợi dây liễu cuối cùng, người trinh sát nói:

“Thế là anh lại làm chủ chân tay mình tuy rằng hình như anh chưa sử dụng một cách thông minh những khả năng mà Thượng đế đã ban cho chúng. Nếu những lời khuyên của một người, tuy không lớn tuổi hơn, nhưng vì sống lâu năm trong rừng nên có thể nói là có được nhiều kinh nghiệm trước tuổi, không làm bạn méch lòng, xin hãy nghe tôi nói; bạn bán quách cái còi xinh xinh trong túi áo cho gã điên rồ đầu tiên đến với bạn, và hãy dùng tiền đó mua sắm một vũ khí nào có ích, dù là khẩu súng ngắn của kỵ binh. Bằng khôn khéo và nỗ lực, bạn có thể tìm được một con đường tiến thủ vì tôi nghĩ rằng lúc này đây, chính đôi mắt bạn chỉ cho bạn rõ rằng một con quạ xấu xí có ích hơn con chim nhại tiếng. Ít ra con quạ còn dọn dẹp những xác chết thối tha cho khuất mắt con người, chứ con kia chỉ đánh lừa lỗ tai người nghe, làm náo động cả khu rừng.”

“Vũ khí và kèn đồng dùng cho chiến trận, còn những bài hát tạ ơn Thượng đế thì dùng khi chiến thắng.” David đáp sau khi đã được cởi trói; anh chìa bàn tay gầy gò nhỏ nhắn cho Mắt Chim Ưng với một vẻ đầy thiện cảm, đôi mắt long lanh rớm lệ, “Anh bạn, nhờ anh mà tóc trên đầu tôi vẫn tiếp tục mọc ở nơi mà Thượng đế đã sắp đặt. Tuy rằng tóc của người khác có thể

ong mượt hơn và lượn sóng, tôi vẫn nghĩ rằng bộ tóc che chở cho cái đầu của tôi rất là thích hợp. Vừa rồi tôi không tham dự cuộc chiến đấu, không phải vì không muốn mà vì bị bọn tà giáo trói chặt. Bạn đã tỏ ra dũng cảm và khôn khéo trong lúc giao tranh, và trước khi bắt tay vào những công việc khác quan trọng hơn, tôi xin có lời cảm ơn vì bạn đã tỏ ra xứng đáng với lời ngợi khen của một tín đồ Cơ Đốc.”

“Đó chỉ là chuyện thường tình mà anh sẽ luôn luôn chứng kiến nếu còn đi lâu với chúng tôi.” Người trinh sát đáp, xúc động trước lòng biết ơn của thầy quản hát; bác vỗ vào báng súng, nói thêm: “Tôi đã lấy lại khẩu Sát Hươu, người bạn cố cựu của tôi; riêng việc đó đã là một thắng lợi. Bọn Iroquois này vốn quỷ quyệt nhưng chúng đã lú lẫn ruột gan để súng ống ngoài tầm tay; giá như hai bố con Uncas giữ được thái độ kiên nhẫn của người da đỏ thì chúng tôi đã tặng cho lũ khốn kiếp ba phát đạn chứ không phải chỉ có một, và thế là giải quyết gọn cả lũ chúng nó, kể cả tên dê tiện vừa chạy trốn. Nhưng mọi sự đều được định trước, như vậy cũng tốt.”

“Anh bạn nói phải và nắm được tinh thần của Cơ Đốc giáo.” David đáp, “Kẻ nào đáng được cứu vớt sẽ được cứu vớt, còn kẻ nào Chúa bắt tội sẽ phải tội. Đó là nguyên lý của sự thật, khiến cho một tín đồ ngoan đạo thanh thản và thoải mái.”

Người trinh sát ngồi xem xét khẩu súng như một ông bố săn sóc con mình; nghe tới đó, bác ngược mắt nhìn người đang nói với một thái độ khó chịu ra mặt, xẵng giọng ngắt lời:

“Nguyên lý gì? Chỉ những kẻ bất lương mới tin vào nguyên lý còn người lương thiện nguyên rửa nó. Tôi tin rằng tên Huron nọ đáng lý phải chết bởi tay tôi vì tôi đã nhìn thấy tận mắt; ngoài ra, không có gì khiến tôi nghĩ rằng nó được Chúa ban cho một phần thưởng nào - trừ phi tôi được chứng kiến,

hoặc nghĩ rằng bác Chingachgook kia tới ngày tận số sẽ bị trừng phạt.”

“Anh không có gì bảo đảm cho một lý thuyết táo bạo như vậy và cũng không có cơ sở để bênh vực nó.” David lớn tiếng; cũng như những người cùng thời đại và nhất là cùng xứ sở, trong khi cố gắng tìm hiểu những điều huyền bí của tạo hóa, David có những phân tích quá tinh tế trước những phát hiện giản đơn và cụ thể, thay thế đức tin bằng tính tự kiêu tự phụ; điều này khiến cho những ai lập luận giáo điều bị rơi vào sự ngớ ngẩn hoài nghi, “Đền đài của anh xây trên cát, và chỉ một cơn bão là đổ sụp. Xin hỏi, anh căn cứ vào đâu mà có một nhận định bất nhân như vậy (cũng như những người khác khi biện hộ cho một học thuyết, không phải lúc nào David cũng dùng danh từ một cách chính xác)? Hãy cho biết anh dựa vào chương nào, câu nào, sách thánh nào để bênh vực cho lý thuyết của mình.”

“Sách à!” Mắt Chim Ưng nhắc lại với một vẻ khinh miệt lộ ra nét mặt, “Anh coi tôi là đứa trẻ ranh chỉ quen khóc nhè và bám gấu váy mấy ả gái già sao! Và anh coi khẩu súng lợi hại ở trên đùi tôi đây là cái lông ngỗng, súng đựng thuốc này là lọ mực, và cái túi đi săn bằng da này là chiếc khăn tay kẻ sọc để đựng thức ăn sao! Sách ư! Một người như tôi, một chiến binh sống ở nơi hoang vu, tuy dòng máu không pha tạp, cần gì đến sách! Cả đời tôi chỉ đọc có một cuốn trong đó câu chữ thật giản dị rõ ràng, chẳng cần phải học hành gì thêm. Tuy nhiên tôi có thể tự hào là đã dày công nghiên cứu cuốn sách đó suốt bốn chục năm trời.”

“Tên cuốn sách ấy là gì?” David không hiểu ý của Mắt Chim Ưng, hỏi.

“Cuốn sách đó hiện đang mở ngay trước mắt anh,” người trinh sát đáp, “và chủ nhân của nó không giữ riêng để dùng đâu. Tôi nghe nói có những người phải đọc sách mới tin rằng có Thượng đế. Không hiểu sao người ta có thể xuyên tạc đến như vậy những công trình của Người tại những vùng đất mới, biến một sự việc thật hiển nhiên ở nơi hoang dã thành một điều nghi vấn đối với các nhà buôn và nhà tu hành. Nếu có kẻ nào như vậy, xin hãy đi theo tôi ngày này qua ngày khác vào sâu trong rừng. Những điều trông thấy sẽ đủ để chỉ cho kẻ đó thấy rằng mình là một thằng điên, và sự điên rồ lớn nhất là muốn leo lên ngang hàng với một bậc mà y không bao giờ sánh nổi cả về lòng nhân từ lẫn quyền lực.”

Nhận ra mình đang tranh luận với một người xây dựng lòng tin không phải bằng những lý thuyết quá tinh tế mà thông qua những điều mắt thấy tai nghe trong thiên nhiên. David bèn bỏ cuộc vì thấy chẳng lợi lộc gì. Mặc cho người trinh sát cứ nói, anh ngồi xuống, rút quyển sách nhỏ luôn ở bên mình và đổi mục kính gọng sắt, chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ mà đáng lẽ anh đã làm rồi nếu không có cuộc tấn công bất ngờ vào những ý kiến chính thống của anh. Thực ra, David là một người hát rong của châu Mỹ, một người hát rong gần gũi mang tính chất thời đại và địa phương, khác với những người xưa kia ca tụng hư danh của các ông hoàng bà chúa. Và giờ đây, anh sắp sửa thi thố tài nghệ để chào mừng thắng lợi vừa qua hay đúng hơn, để tạ ơn Thượng đế. Anh kiên nhẫn chờ cho Mắt Chim Ưng ngừng lời, ngược mắt cất cao giọng:

“Mời các bạn hãy cùng tôi cầu chúc Thượng đế đã cứu chúng ta thoát khỏi tay quân man rợ vô đạo, và hãy hát lên bài thánh ca trang trọng theo điệu Northampton cho sáng khoái tinh thần.”

Rồi anh nói số trang và tiết của bài hát vừa chọn, trình trọng đưa chiếc thanh mẫu lên môi như mỗi khi anh cầu nguyện ở nơi giáo đường. Nhưng lần này chẳng thấy ai hưởng ứng vì hai chị em Cora còn đang bực lộ tình cảm dạt dào. Không hề thối chí trước sự thờ ơ của các thánh giả (thực ra chỉ có người trình sát nghe một cách miễn cưỡng), David cất giọng hát một mạch bài thánh ca từ đầu đến cuối.

Mắt Chim Ưng vừa nghe vừa thản nhiên lấp viên đá và nạp lại đạn; thiếu sự hỗ trợ của ngoại cảnh, bài ca không gợi lại cho người trình sát những cảm xúc lắng đọng trong lòng. Chưa bao giờ có một người hát rong, hoặc gọi David bằng cái tên nào khác thích hợp hơn cũng được, biểu diễn tài nghệ trước những thánh giả vô tình như vậy tuy rằng nhìn vào động cơ duy nhất và chính đáng của anh, chắc hẳn không một người hát rong nào khác có thể tạo ra những âm thanh tuyệt vời như vậy để ngợi ca Thượng đế. Lát sau, thấy người trình sát lắc đầu, mồm lẩm bẩm không rõ, chỉ nghe thấy mấy tiếng “cổ họng” và “Iroquois”; rồi bác đi thu thập xem xét số vũ khí của bọn Huron bỏ lại. Chingachgook cũng làm theo và đã tìm thấy khẩu súng của mình và của Uncas. Heyward và David cũng được mỗi người một khẩu; đạn dược thì không thiếu.

Sau khi lựa chọn và phân phát vũ khí, người trình sát bảo là đã tới giờ lên đường. Lúc này David đã ngừng hát và hai chị em Cora cũng đã dẹp cơn xúc động. Được Duncan và người thanh niên Mohican giúp đỡ, hai nàng đi xuống dốc quả đồi chênh vênh mà mới vừa đây họ phải leo lên bên cạnh những con người hung bạo; cũng trên đỉnh quả đồi này suýt nữa đã xảy ra một cuộc tàn sát. Dưới chân đồi, lũ ngựa đang gặm cỏ bên thung lũng bụi cây. Hai nàng leo lên ngựa và theo chân người dẫn đường đã luôn luôn bảo vệ họ trong những giờ phút hiểm

nghèo nhất. Họ không phải đi lâu. Mất Chim Ưng không đi con đường của bọn Huron; bác quặt sang phải, luồn vào cánh rừng rậm, lội qua con suối róc rách và dừng lại trong một thung lũng hẹp lòng, dưới bóng mấy cây du. Nơi đây chỉ cách ngọn đồi khốc liệt vài sào, và lũ ngựa chỉ mới giúp ích cho chị em Cora khi qua con suối nhỏ. Người trinh sát và hai người Anh điêng có vẻ thông thuộc nơi nghỉ chân này. Họ dựa súng vào cây, gạt đồng lá khô sang một bên rồi khoét lớp đất sét màu xám; một tia nước trong vắt lóng lánh vọt lên. Mất Chim Ưng nhìn quanh quẩn như tìm một vật gì quen thuộc; tìm mãi chẳng thấy, bác lẩm bẩm:

“Lũ Mohawk khôn kiếp cũng như anh em chúng là bọn Tuscarora và bọn Onondaga đã đến đây uống nước, và bọn lười biếng này đã quẳng đâu cái bầu đựng nước rồi! Làm ơn cho lũ chó bắt nạt để rồi chúng trả nghĩa thế này đây! Chúa đã vươn bàn tay đến tận vùng khỉ ho cò gáy này cho chúng và bắt nước suối chảy ra từ lòng trái đất, nước suối này dám thách thức cửa hàng dược phẩm lớn nhất ở khắp thuộc địa. Vậy mà trông kìa, lũ quỷ quái đã giẫm bừa lên đất sét, nom thật bẩn mắt, như thế chúng là bầy thú vật chứ không phải là người nữa.”

Chẳng nói chẳng rằng, Uncas chìa cái bầu tìm thấy trên một cành cây du cho người trinh sát mà, trong cơn bức tức, bác không nom thấy. Bác bèn hứng đầy nước, đi lại chỗ đất rắn và khô hơn ở gần đó, thản nhiên ngồi xuống tu một hơi dài, có vẻ khoái trá lắm. Rồi bác chăm chú quan sát những miếng thức ăn còn lại của bọn Huron, cất trong cái túi đeo bên vai.

“Cảm ơn cháu.” Vừa nói bác vừa đưa trả Uncas cái bầu không, “Nào, thử xem lũ Huron hung bạo này ăn uống ra sao khi chúng đi đánh nhau. Trông này! Lũ ma ranh cũng biết những miếng ngon trên mình con hươu; tưởng đâu chúng có

thể xả và nướng thịt giỏi như người đầu bếp lành nghề nhất trên trái đất này! Nhưng các miếng thịt đều sống nguyên vì bọn Iroquois chỉ là những tên man rợ. Uncas, lấy cái bật lửa của bác và nhóm lửa lên; một miếng thịt nướng thơm phức sẽ giúp ta hồi sức sau chuyến đi dài.”

Thấy những người dẫn đường đang mài chuẩn bị bữa ăn, Heyward đỡ hai cô gái xuống ngựa, không hề tính chuyện nghỉ ngơi một vài phút sau cuộc huyết chiến vừa qua. Trong lúc thức ăn sắp chín, anh tò mò muốn biết nguyên nhân nào đã dẫn đến cuộc giải nguy kịp thời và bất ngờ như vậy, bèn lại gần người trinh sát, hỏi:

“Ông bạn nghĩa hiệp của tôi, làm sao có thể gặp lại bác sớm thế này tuy không có sự hỗ trợ của quân đội ở pháo đài Edward?”

“Nếu chúng tôi tới tận khuỷu sông thì chỉ kịp trở lại đây cào lá cây trên thi hài bọn anh thôi, đâu còn thời giờ để cứu mạng da đầu của các anh nữa,” người trinh sát thản nhiên đáp, “Không, chúng tôi chẳng chạy bộ tới pháo đài cho phí sức và lỡ cơ hội mà nấp ngay bên bờ sông Hudson chờ xem bọn Huron động tĩnh ra sao.”

“Vậy là các bác đã chứng kiến tất cả những sự việc xảy ra?”

“Đâu có con mắt người Anh điêng tinh lắm, không dễ lừa được đâu; cho nên chúng tôi phải nấp thật kín. Nhưng cái khó là làm sao giữ được chân thẳng bé Mohican này trong chỗ nấp. Ôi, Uncas! Trông cháu lúc đó giống người đàn bà tò mò hơn là một chiến binh đang rình kẻ địch.”

Uncas đưa đôi mắt sắc sảo nhìn khuôn mặt rắn rỏi của Mát Chim Ưng hồi lâu; anh không nói, cũng không tỏ vẻ hối hận. Heyward nhận thấy thái độ của người thanh niên Mohican có

nét kiêu kỳ, nếu không phải là giận dữ, mà anh ta đã nén lại, phần vì nể những người khách mới phần vì xưa nay vẫn kính trọng người cộng sự da trắng.

“Thế các bác trông thấy bọn Huron bắt chúng tôi à?” Heyward hỏi tiếp.

“Chúng tôi nghe thấy,” người trinh sát đáp một cách có ý nghĩa, “Tiếng kêu thét của người Anh diêng là một ngôn ngữ đối với những ai sống quanh năm trong rừng. Nhưng khi các anh lên bờ thì chúng tôi phải bò như rắn dưới những đám lá cây; sau đó thì mất hút cho tới khi nhìn thấy bọn anh đang bị trói vào thân cây, sắp sửa bị lũ da đỏ sát hại.”

“Việc giải thoát cho chúng tôi có bàn tay an bài của Thượng đế. Một điều gần như thần kỳ là các bác đã không đi nhầm đường, vì bọn Huron chia làm hai toán, mà toán nào cũng có ngựa.”

“Quả là khi ấy chúng tôi không biết đi hướng nào và nếu không có Uncas thì chắc đã mất dấu. Chúng tôi cứ tiến theo con đường vào rừng vì đoán chắc bọn dã man dẫn các bạn đi lối đó. Mà đúng như vậy. Nhưng sau khi đi được mấy dặm đường vẫn không thấy cành cây nào bị bẻ gãy như tôi đã dặn làm, tôi bắt đầu nao núng, đặc biệt khi thấy những vết trên đường đều là những vết giày moccasin^[39].”

“Bọn Huron đã cẩn thận bắt chúng tôi đi giày như của chúng.” Duncan giơ bàn chân mang giày của người da đỏ lên.

“Thật là một hành động ranh ma đúng với bản chất của chúng; nhưng chúng tôi thừa khôn ngoan để không bị đánh lạc hướng bởi một trò tầm thường như vậy.”

“Vậy nhờ đâu mà chúng tôi sống sót?”

“Là một người da trắng không lẫn chút máu Anh điêng trong huyết quản, tôi lấy làm xấu hổ thú nhận rằng đó là nhờ vào óc nhận xét của người thanh niên Mohican về những điều mà đáng lý tôi phải biết rõ hơn. Tới lúc này, tôi vẫn chưa tin hẳn là những điều đó có thật tuy rằng chính mắt tôi đã nhìn thấy.”

“Thật là phi thường! Bác có thể cho biết lý do không?”

Mắt Chim Ưng đưa mắt về phía hai con ngựa của chị em Cora, nhìn chăm chú tò mò, nói tiếp:

“Uncas dám quả quyết rằng những con ngựa do hai cô gái cưỡi đặt hai chân ở một bên mình xuống đất cùng một lúc, khác hẳn cách đi nước kiệu của những con vật bốn chân khác mà tôi biết, trừ con gấu. Đây chính là những con ngựa đi theo kiểu đó như mắt tôi đã thấy, cũng như những vết chân của chúng trên hai mươi dặm đường đã chỉ rõ.”

“Đó là đặc điểm của giống ngựa này. Chúng sinh ra bên bờ vịnh Narrangansett, thuộc một tỉnh nhỏ có tên là “Những vườn cây của Thượng đế”. Chúng nổi tiếng là giống ngựa dũng mãnh và có nước kiệu đặc biệt tuy rằng có những giống ngựa khác cũng được huấn luyện kiểu đi này.”

“Có thể lắm.” Mắt Chim Ưng đáp; bác đặc biệt chăm chú nghe Heyward giảng giải, “Tôi là một người có dòng máu da trắng thuần khiết nhưng lại hiểu biết về các loài hươu và hải ly nhiều hơn loài vật thô. Thiếu tá Effingham có nhiều con ngựa rất hay, nhưng tôi chưa hề thấy con nào đi xiên về một bên như thế này.”

“Đúng vậy; ông ấy muốn ngựa của mình có những đặc tính khác. Còn giống ngựa Narrangansett này rất quý và như anh thấy đây, thường dùng vào những việc chuyên chở đặc biệt.”

Hai cha con người Mohican ngừng cả nấu nướng để nghe; khi Duncan nói xong, họ đưa mắt nhìn nhau ra vẻ hiểu ý, rồi người cha thốt lên tiếng kêu kinh ngạc quen thuộc. Người trinh sát thì đang trầm ngâm như thể nhập tâm những điều mới học được và một lần nữa, lại liếc mắt tò mò nhìn hai con ngựa. Cuối cùng bác lên tiếng:

“Tôi dám nói rằng còn nhiều điều kỳ lạ hơn nữa trong vùng đất mới này. Con người lạm dụng thiên nhiên một khi họ đã làm chủ. Nhưng dù ngựa đi xiên xẹo hay đi thẳng tắp thì Uncas cũng đã nhận ra, và vết chân ngựa đã dẫn chúng tôi đến đám bụi cây gãy nát. Một cành cây sát bên đường, gần chỗ có vết chân ngựa, bị bẻ gãy mé trên, như thể một người phụ nữ ngắt bông hoa khỏi cành, còn cả đám bụi cây thì giập nát tơi bời như bị một bàn tay cứng rắn của đàn ông phá phách. Nhờ đó, tôi kết luận là lũ dòi bọ quỷ quyết đã nhìn thấy cành bị gãy và đã vặt tất cả đám bụi cây còn lại để làm cho chúng tôi tưởng lầm rằng có một con hươu húc sừng vào.”

“Quả là bác đã sáng suốt nên không bị lừa; sự việc diễn ra đúng như vậy.”

“Điều đó dễ nhận thấy,” người trinh sát không hề nghĩ rằng mình đã tỏ ra sáng suốt phi thường còn dễ thấy hơn cách đi của một con ngựa. “Tôi bỗng nảy ra ý nghĩ là bọn Mingo sẽ tới con suối này vì bọn quỷ quái biết rất rõ đặc tính của nước ở đây.”

“Nước ở đây có tiếng vậy sao?” lúc này Heyward mới quan sát tỉ mỉ hơn cái thung lũng hẻo lánh có con suối sủi bọt đất nâu bám bẩn xung quanh.

“Chẳng mấy người da đỏ đi từ Nam tới Bắc vùng hồ lớn mà không nghe nói tới những đặc tính của suối nước này. Anh

muốn uống thử không?”

Heyward cầm bầu nước và sau khi đã tợp một ngụm nhỏ, anh quăng bầu, nhăn mặt vì khó chịu. Người trinh sát cười thoải mái, đầu lắc lắc có vẻ khoái chí lắm.

“Hà hà! Anh thích thứ nước vẫn quen uống kia. Trước đây tôi cũng vậy, chẳng ưa gì nước này; nhưng rồi tôi thấy hợp khẩu vị, và bây giờ ao ước được uống, khác nào hươu nai thích liếm đất mặn. Những loại rượu ngon nhất của anh cũng không làm cho người da đỏ thích thú bằng nước suối ở đây, nhất là khi họ khó ở. Nhưng kìa, Uncas nhóm được lửa rồi, và đã đến lúc phải nghỉ tới bữa ăn vì con đường trước mắt của chúng ta còn dài.”

Chuyển vấn đề một cách đột ngột, người trinh sát chấm dứt cuộc đàm thoại, cầm lấy những miếng thịt mà bọn Huron phàm ăn đã để lại. Bữa ăn đạm bạc cũng đơn giản như lúc chuẩn bị. Mắt Chim Ưng và hai người Mohican ăn lặng lẽ và nhanh chóng, cốt sao có sức chịu đựng những gian khổ nhọc nhằn. Sau khi làm xong một công việc cần thiết mà thú vị, ba người khom mình bên suối nước đơn độc im lìm làm một hơi dài trước khi ra đi. Trong khoảng năm mươi năm trời, con suối này và các con suối khác trong vùng đã là nơi gặp gỡ của những khách giàu sang, của trai tài gái sắc trên một bán cầu, tới đây bồi bổ sức khỏe và vui chơi. Mắt Chim Ưng báo là đã tới giờ khởi hành. Hai chị em Cora lên ngựa, Duncan và David cầm súng theo sau; người trinh sát dẫn đầu, còn hai người Mohican đi cuối cùng. Cả đoàn người rảo bước trên con đường nhỏ hẹp, hướng về phương Bắc, mặc cho dòng nước có dục chất lạnh lẽo đổ vào con sông gần đó, mặc cho những xác chết thối rữa trên ngọn đồi cao, không ai chôn cất. Mà đó cũng là số phận chung

của những chiến binh miền rừng núi, không có gì phải xót thương bình luận.

CHƯƠNG 13

Ta sẽ tìm một con đường ngắn hơn.^[40]

• PARNELL

Lộ trình của Mắt Chim Ưng trải dài trên những dải cát bằng có điểm những thung lũng và gò đất nổi mà hồi sáng tên Magua bại trận đã dẫn các bạn của bác đi qua. Lúc bấy giờ mặt trời đã chéch bóng xuống những rặng núi xa xa, đoàn người lại đi trong rừng sâu nên cái nóng không còn gay gắt nữa. Nhờ đó, họ giữ được nhịp đi đều đặn và trước lúc mặt trời lặn khá lâu, họ đã vượt qua một chặng đường dài đầy gian khổ.

Thay chân Magua làm nhiệm vụ dẫn đường, dường như người trinh sát, bằng bản năng, dựa vào những dấu hiệu riêng mà đi, hân hỷ mới chậm bước và không hề phải dừng lại để bàn bạc. Bác chỉ cần liếc nhìn đám rêu mọc trên cây, đôi khi ngược mắt về phía mặt trời sắp lặn, hoặc thoáng nhìn dòng nước của những con suối chảy dưới chân để định hướng và giải quyết những trắc trở dọc đường. Rừng núi bắt đầu đổi sắc; màu xanh rực rỡ trên những vòm cây đã chuyển sẫm, báo hiệu một ngày sắp qua.

Trong lúc hai chị em Cora còn mãi ngắm nhìn qua đám cây vàng hào quang chói lọi bao quanh mặt trời đang tỏa những tia đỏ rực hoặc vẽ thành một đường viền vàng chói quanh đám

mây dày lơ lửng trên những ngọn núi phía Tây, Mắt Chim Ưng bỗng quay lại, chỉ trên bầu trời lộng lẫy nói:

“Đó là dấu hiệu báo cho con người phải tìm nơi ăn chốn nghỉ. Con người khôn ngoan phải hiểu những dấu hiệu của tạo hóa và biết nhìn những con chim trên trời và những con vật dưới đất để rút ra những bài học. Tuy nhiên đêm nay chúng ta không nghỉ lâu vì trăng lên sẽ phải dậy đi tiếp. Tôi nhớ đã từng đánh nhau với bọn Maqua ở quanh đây. Đó cũng là trận chiến đầu đầu tiên tôi đã làm cho con người phải đổ máu. Chúng tôi đã xây tại đây một công sự để ngăn không cho lũ khốn kiếp khát máu lột da đầu. Nếu tôi không nhầm, nơi đó cách đây không xa, ở bên trái chúng ta.”

Rồi chẳng cần chờ ai có ý kiến, người thợ săn hăm hở chui vào một lùm cây hạt dẻ non, gạt sang hai bên những cành cây sum suê che gần kín mặt đất, như một người hy vọng sắp tìm thấy một vật gì quen thuộc. Trí nhớ của bác quả không nhầm. Sau khi đi được vài trăm bước trong đám bụi rậm gai góc, bác tới một bãi trống thoáng đang ở giữa nổi lên một gò đất lè tè cỏ mọc xanh um, bên trên có một chiếc lô cốt đổ nát. Công sự thô sơ hoang tàn này là trong những công trình được dựng lên để đối phó với một tình huống nhất thời; nó bị người ta bỏ lại đây một khi nguy biến đã qua, và bây giờ nó nằm xiêu vẹo giữa cảnh núi rừng cô tịch, không ai ngó ngang và hầu như bị lãng quên, cũng như người ta đã quên cả trường hợp đã dựng nó lên. Suốt dải đất hoang vu bao la nằm giữa những vùng do hai bên chiếm đóng, thường có những công sự như vậy đánh dấu sự có mặt và những cuộc xung đột giữa con người; những công sự đổ nát gắn liền với những sự kiện của lịch sử thuộc địa và rất phù hợp với cảnh vật âm u xung quanh. Mái bằng vỏ cây đã sụp từ lâu và hòa lẫn vào đất bụi, nhưng những cây thông kék

xù, được ghép vội vã vào nhau, vẫn giữ nguyên vị trí cũ; tuy nhiên một góc đã bị lún, và cả khối hình thô sơ còn lại chỉ lăm le muốn đổ. Trong lúc Heyward và các bạn anh còn do dự không dám lại gần một công trình kiến trúc ọp ẹp như vậy thì Mắt Chim Ưng và hai người Anh điêng đã đi thẳng vào trong, không những không chút sợ hãi mà còn có vẻ thích thú lắm. Mắt Chim Ưng chăm chú quan sát cả trong lẫn ngoài, và những kỷ niệm xưa lần lần hiện lên trong ký ức. Trong khi đó, với niềm kiêu hãnh của kẻ chiến thắng, Chingachgook kể lại vắn tắt bằng tiếng Delaware cho con trai mình cuộc giao tranh mà chính bác đã dự thuở trẻ tại địa điểm hẻo lánh này. Giọng nói buồn buồn xen lẫn vẻ đắc thắng trở nên êm dịu thánh thót.

Hai chị em Cora đã xuống ngựa, sửa soạn hưởng những phút nghỉ ngơi trong không khí mát mẻ ban chiều và sự yên tĩnh, nghĩ rằng không còn ai xâm phạm nơi này, họa chăng có bầy thú rừng. Duncan cảnh giác hơn, thấy người trinh sát đã kết thúc cuộc kiểm tra ngắn ngủi, anh hỏi:

“Này ông bạn quý! Sao ta không kiếm một nơi nghỉ chân nào kín đáo hơn, ít người biết và lui tới hơn nơi đây?”

“Không mấy ai biết ở đây có xây cái lô cốt này đâu,” người trinh sát chậm rãi đáp, vẻ mặt trầm ngâm, “chả mấy khi người ta viết sách kể lại cuộc giao chiến đã xảy ra giữa những người Mohican và Mohawk. Khi đó tôi còn ít tuổi, và tôi đi với người Delaware vì thấy họ là giống người bị đối xử tệ bạc và bất công. Ròng rã bốn mươi ngày đêm, lũ quỷ sứ vây hãm công sự bằng gỗ này, chỉ mong sao uống máu chúng tôi. Chính tôi đã có ý kiến và tham gia dựng nó lên vì anh biết đấy, tôi không phải là người dân Anh điêng mà là người da trắng chính cống. Những người Delaware cùng làm và nhờ nó, chúng tôi có mười người mà chống cự được với hai chục tên địch. Khi quân số bên tôi

xấp xỉ ngang bằng, chúng tôi lao ra khỏi lô cốt, xông tới lũ chó, và không một tên nào về được làng bản để kể lại số phận của bọn chúng. Phải phải, khi đó tôi còn trẻ và chưa hề thấy cảnh máu chảy đầu rơi; và tôi không thể quan niệm được rằng những người cũng biết suy nghĩ như tôi phải phơi thây ra đất cho thú dữ xâu xé hoặc bị gió mưa vùi dập. Cho nên tự tay tôi đã chôn cất những xác chết ngay dưới cái gò mà các bạn đang ngồi. Kể ra chỗ nghỉ đó cũng tốt chán, tuy rằng nó do xương cốt của người ta tạo nên.”

Đang ngồi trên nấm đất xanh rờn, Heyward và hai cô gái đứng phắt dậy. Mặc dù đã nếm trải những giờ phút khủng khiếp vừa qua, hai chị em Cora cũng không kiềm chế nổi cảm giác ghê tởm khi thấy mình đang ở ngay trên mộ chôn lũ người Mohawk. Ánh sáng mờ ảo ban chiều, mảng bụi rậm tối om, những cây thông vươn thẳng lên nền trời mây và cảnh vật vắng lặng như tờ của rừng thẳm, tất cả tôn thêm cảm giác rùng rợn.

“Chúng đi xa rồi và không làm hại ai nữa đâu.” Mắt Chim Ưng khoát tay ra hiệu, mỉm cười buồn bã trước vẻ hốt hoảng của chị em Cora, “Chúng sẽ không bao giờ thốt ra tiếng hò xung trận hoặc vung lưỡi rìu lên được nữa. Và trong những người đã giúp chúng nằm xuống đây, chỉ còn lại bác Chingachgook và tôi. Những anh em bà con của người Mohican này cũng đã khuất cả rồi, và trước mắt các bạn là tất cả những gì còn lại của giống nòi bác ta.”

Vô tình, Heyward và các bạn đưa mắt về phía hai người Anh diêng, lòng đầy thương cảm cho số phận hẩm hiu của họ. Thân hình rám đen của hai cha con nổi lên trong bóng tối của lô cốt, người con trai say sưa nghe cha kể về những chiến công đã

mang lại nhiều vinh dự cho những người mà lòng can đảm và đức tính đã khiến anh phải khâm phục.

“Tôi vẫn tưởng rằng người Delaware là một dân tộc chuộng hòa bình,” Duncan nói, “và không bao giờ tự ý gây ra chuyện binh đao, phó thác việc bảo vệ đất đai cho những người Mohawk mà các bác đã chém giết.”

“Cái đó đúng một phần; tuy nhiên, xét đến cùng thì đó là một điều dối trá thâm độc. Ngày trước bọn Hà Lan quỷ quyết nặn ra một hiệp ước như vậy; chúng mưu mô tước vũ khí của những người thổ dân có quyền chính đáng nhất trên những đất đai, ở đó họ đã xây dựng cơ nghiệp. Tuy những người Mohican là một bộ phận của dân tộc này nhưng trong khi thương lượng với người Anh, họ không bao giờ chấp nhận một thỏa thuận ngu xuẩn mà, trái lại, vẫn giữ được bản lĩnh riêng; người Delaware cũng làm như vậy khi đã nhận ra sự đại dột của mình. Trước mắt anh là viên thủ lĩnh của dòng giống tù trưởng Mohican vĩ đại. Thuở trước, tổ tiên bác ta có thể săn hươu nai trên những dải đất rộng hơn cả lãnh thổ của chúa đất xứ Anbani mà không phải bước qua sông núi thuộc địa phận của người khác. Nhưng nay, kẻ nổi nghiệp của họ có còn gì đâu! Nhờ Chúa, may ra bác ta kiếm được dăm ba tấc đất, và khi chết được mồ yên mả đẹp nếu có người bạn nào chịu khó đào sâu chôn chặt cho lưỡi cày khỏi va phải đầu.”

“Thôi!” Heyward ngắt lời, e rằng vấn đề có thể dẫn tới một cuộc tranh luận tổn thương đến sự đoàn kết rất cần thiết trong lúc này để bảo toàn tính mạng của hai người bạn đồng hành xinh đẹp, “Chúng ta vừa đi một chặng đường dài, và ít người có được một thể lực như bác, một người hầu như không biết mệt mỏi là gì.”

“Chính nhờ có gân cốt vững chắc mà tôi vượt qua được mọi khó khăn,” người thợ săn vừa nói vừa nhìn những bắp thịt rắn chắc ở chân tay mình, thích thú trước những lời khen ngợi, “Ở miền thuộc địa này có những người to lớn hơn tôi, nhưng anh phải đi khắp phố phường bao ngày ròng mới tìm thấy một người có đủ sức đi suốt năm chục dặm không cần nghỉ, hoặc chạy theo bầy chó mấy giờ liền trong một cuộc săn đuổi. Tuy nhiên, thịt da con người ta không ai giống ai, và cần thấy rằng hai cô gái dịu dàng đây muốn nghỉ ngơi sau những chuyện đã gặp phải trong ngày hôm nay. Uncas hãy quét đồng lá che lấp suối nước trong lúc cha cháu và bác lấy cành de lộp mái che và lấy cỏ lá làm giường cho hai cô.”

Cuộc đàm thoại kết thúc; người thợ săn và hai người bạn da đỏ sửa soạn cho đám khách của họ một chỗ nghỉ ngơi vừa thoải mái vừa an toàn. Lá đã được dọn sạch để lộ ra một suối nước; vì có con suối này mà bao nhiêu năm trước, những người thổ dân đã chọn nơi đây để xây công sự. Một tia nước trong như pha lê vọt lên rồi tràn ra gò đất xanh rì. Ba người lộp lại một góc lô cốt để che sương đêm, bên dưới xếp cây con và lá khô thành đồng cho chị em Cora nằm.

Trong lúc mấy người chuẩn bị chỗ nghỉ, Cora và Alice ăn qua loa một vài miếng, chẳng phải muốn ăn mà là bắt buộc phải ăn, rồi vào trong lô cốt. Việc đầu tiên của họ là tạ ơn Chúa đã rủ lòng thương, cầu xin người tiếp tục ban cho phúc lành trong đêm nay; rồi họ ngả thân hình mềm mại lên nệm cỏ thơm ngát. Mặc dù những sự việc vừa qua còn in đậm trong ký ức và mặc cho linh tính báo trước những chuyện chẳng lành, hai người ngủ thiếp vì mệt mỏi và trong giấc điệp, những hy vọng mới lại đến với họ. Duncan sửa soạn canh gác cả đêm cho

hai chị em ở ngay mé ngoài lô cốt; biết ý, người trinh sát chỉ tay về phía Chingachgook, từ từ ngả mình trên đám cỏ nói:

“Con mắt người da trắng không đủ tinh nhanh để canh gác trong trường hợp này đâu. Người Mohican kia sẽ làm việc đó cho chúng ta. Cứ ngủ đi thôi.”

“Đêm qua tôi đã tỏ ra lười biếng trong khi làm nhiệm vụ, và tôi không cần phải nghỉ ngơi bằng bác vì bác đã làm những việc vẻ vang cho thanh danh người lính. Tất cả hãy ngủ đi, để tôi canh gác.”

“Nếu chúng ta đang ở trong những lều trắng của trung đoàn 60 và nếu kẻ thù trước mặt là quân Pháp, tôi sẽ không thể đòi hỏi có người lính canh nào khác tốt hơn. Nhưng trong đêm tối và trước những dấu hiệu riêng biệt của núi rừng, óc nhận xét của anh chỉ bằng của đứa con nít ngờ nghệch, và tính cảnh giác của anh cũng tê liệt. Thôi, hãy làm theo Uncas và tôi; ngủ đi và cứ yên tâm mà ngủ.”

Thật vậy, trong lúc Heyward và Mắt Chim Ưng trò chuyện, người thanh niên da đỏ đặt mình ngay bên gò, như muốn tận dụng những giờ phút thanh thoi. David cũng đã ngủ nốt, tiếng nói của anh chàng đúng là đã “dính chặt vào hai hàm”; sau chuyển đi vất vả, vết thương của anh lại tấy lên. Không muốn kéo dài tranh luận vô ích, người sĩ quan trẻ làm ra vẻ thuận tình. Anh tựa lưng vào những khúc gỗ bao bọc lô cốt, trong tư thế nửa nằm nửa ngồi, bụng bảo dạ sẽ kiên quyết không ngủ chừng nào chưa trao tận tay Munro hai người con gái yêu quý của ông. Tưởng đã thuyết phục được Heyward, Mắt Chim Ưng ngủ liền. Không gian tịch mịch, một bầu yên lặng bao trùm cảnh vật đìu hiu.

Hồi lâu, Duncan vẫn giữ được tinh thần tỉnh táo và vẫn nghe rõ từng âm thanh rên rĩ từ trong rừng vọng lại. Đôi mắt anh càng trở nên sắc sảo khi bóng đêm đổ xuống; và cả đến lúc những ngôi sao đã lấp lánh trên đỉnh đầu, anh vẫn còn phân biệt được thân hình hai cô bạn đồng hành ngã trên nệm cỏ và nhìn thấy Chingachgook đang ngồi thẳng không động đậy như một trong cả ngàn cây rừng kết thành một bức rào đen ngòm bao quanh. Anh vẫn còn nghe thấy hơi thở nhẹ nhàng của hai chị em Cora nằm cách chỗ anh vài bước và tiếng rì rào của từng chiếc lá trong hơi gió thổi. Nhưng rồi cuối cùng anh không phân biệt nổi những tiếng kêu buồn thảm của con chim tấp muỗm với những tiếng cú rên rĩ. Đôi mắt nặng nề của anh đôi lúc cố tìm kiếm những ánh sao mà anh tưởng như đã nhìn thấy qua đôi hàng mi đã khép. Đôi lúc chợt tỉnh, anh nhìn bụi cây lại ngỡ là người bạn gác đêm; rồi đầu anh ngã xuống vai, vai ngã xuống đất kiếm chỗ tựa; cuối cùng toàn thân anh thư giãn, và người sĩ quan trẻ chìm trong giấc ngủ say sưa, mơ thấy mình là một hiệp sĩ thời cổ, trong đêm khuya canh gác trước lều của nàng công chúa đã được mình cứu thoát, hy vọng sẽ được nàng đền đáp sự tận tâm chăm sóc của mình.

Chàng Duncan mệt mỏi không biết mình đã ngủ như vậy được bao lâu, và anh đã quên hết những điều mơ thấy trong giấc ngủ thì bỗng có ai đập nhẹ vào vai anh làm anh tỉnh giấc. Anh đứng phắt lên, trong đầu còn phảng phất nhiệm vụ mà anh đã tự đặt cho mình lúc chập tối.

“Ai?” anh hỏi, tay lần vào chỗ đeo kiếm, “Nói ngay, bạn hay thù?”

“Bạn.” Chingachgook thì thào, tay chỉ lên vầng trăng đang rọi ánh sáng dịu qua lá cành, thẳng vào nơi mọi người đang nghỉ; bác nói tiếp bập bẹ bằng tiếng Anh: “Trăng lên rồi, và cái

thành của người da trắng còn xa; đã tới giờ phải đi trong lúc con mắt của người Pháp còn ngủ.”

“Đúng đây! Hãy gọi các bạn của bác dậy và đóng yên cương, còn tôi đi chuẩn bị cho các bạn đồng hành của tôi lên đường.”

“Anh Duncan, chúng em dậy cả rồi,” tiếng nói êm dịu và trong trẻo của Alice từ trong lô cốt vọng ra, “và chúng em sẵn sàng đi thật nhanh sau giấc ngủ khoan khoái. Nhưng vì chúng em mà anh đã phải thức thâu đêm sau cả một ngày khó nhọc. Nói đúng ra là anh có nhiệm vụ canh gác, nhưng đôi mắt tráo trở của anh đã phản lại; đây là lần thứ hai anh đã tỏ ra không làm tròn trách nhiệm được giao phó.”

“Anh Duncan, xin chớ phủ nhận công lao.” Alice tươi cười từ trong lô cốt tối om bước ra; dưới ánh trăng, trông nàng vô cùng kiều diễm sau giấc ngủ ngon lành, “Em biết anh ít chú ý tới bản thân nhưng lại chu đáo với người khác. Chúng ta có thể nán lại đây để anh nghỉ ngơi ít phút được chẳng? Chị Cora và em sẽ rất vui lòng nhận nhiệm vụ canh gác để anh và những con người hào hiệp này chợp mắt một lát.”

“Nếu sự hổ thẹn có thể trị được bệnh ngủ của anh thì suốt đời anh sẽ không bao giờ nhắm mắt nữa.” Người sĩ quan trẻ ngượng nghịu đáp; ngỡ Alice trêu mình, anh liếc nhìn nàng nhưng trên khuôn mặt ngây thơ chỉ thấy một vẻ ân cần triu mến. Một điều quá rõ ràng là sau khi đã dẫn các cô vào vòng nguy hiểm do sự bất cẩn của mình, anh lại không làm tròn việc canh gác giấc ngủ của các cô như một người quân nhân phải làm.

“Chỉ anh Duncan mới có thể tự buộc tội như vậy. Thôi, anh đi nghỉ đi, và cứ tin rằng cả hai chúng em, tuy chân yếu tay mềm, sẽ làm tròn nhiệm vụ canh gác.”

Người sĩ quan trẻ còn lúng túng chưa biết nói sao cho rõ khuyết điểm của mình, chợt đâu thấy Chingachgook thốt lên một tiếng kêu, còn Uncas ngậy người tỏ vẻ rất chăm chú.

“Những người Mohican này nghe thấy kẻ thù!” Mắt Chim Ưng thì thâm; cũng như mọi người, bác đã dậy rồi, “Trong hơi gió, họ ngửi thấy nguy hiểm.”

“Nhờ Chúa cứu giữ!” Heyward kêu lên, “Quả thật máu đã đổ khá nhiều rồi!”

Miệng nói vậy nhưng người quân nhân trẻ đã nắm chắc khẩu súng bước lên phía trước, sẵn sàng chuộc lỗi nhỏ, tự nguyện đem cả tính mạng để bảo vệ những người anh có nhiệm vụ chăm sóc.

“Chắc là có một vài con thú lớn vờn quanh ta kiếm mồi đây thôi,” anh khẽ nói sau khi nghe thấy những tiếng động nhỏ ở phía xa, những tiếng trước đó đã khiến cha con người Mohican phải giật mình.

“Khẽ chứ!” Người trinh sát vừa nói vừa chăm chú nghe ngóng. “Đó là người; ngay tôi bây giờ cũng có thể nói rằng đó là tiếng người tuy các giác quan của tôi không nhanh nhạy bằng của người Anh điêng. Tên Huron bỏ trốn đã gặp một bộ phận tiền tiêu của tướng Montcalm và chúng đã sục theo dấu vết của chúng ta. Bản thân tôi cũng chẳng muốn làm đổ thêm máu ở chốn này,” nói tới đó, bác lo lắng nhìn những vật đen đen xung quanh mình, “nhưng điều gì phải đến sẽ đến! Uncas dắt ngựa vào trong lô cốt; tất cả các bạn cũng hãy vào trong đó. Trông nó tồi tàn cũ kỹ nhưng dùng làm nơi trú ẩn còn tốt chán, vả lại nó đã quen với tiếng súng nổ trước đây rồi.”

Mọi người chấp hành ngay, hai người Mohican dắt ngựa vào trong ngôi nhà đổ, cả đoàn theo sau, hết sức giữ yên lặng.

Lúc này, tiếng chân bước lại gần đã quá rõ, không còn gì phải nghi ngờ về tính chất của cuộc viếng thăm. Tiếp đó, có tiếng gọi nhau bằng một thổ ngữ của người Anh diêng. Mắt Chim Ưng bảo khê với Heyward rằng đó chính là tiếng của bọn Huron. Khi tới đám cây rậm rạp bao quanh lô cốt mà lúc trước lũ ngựa chui vào, đám người dừng lại ngơ ngác vì những dấu vết đã dẫn họ tới đây không còn nữa.

Nghe tiếng nói, ước chừng có hai chục tên tụ tập ở đó, mỗi người một ý, bàn tán xôn xao.

“Lũ quỷ quái này biết thế yếu của ta,” Mắt Chim Ưng thì thào; bác đứng trong bóng tối, bên cạnh Heyward, nhìn qua khe những khúc gỗ, “nếu không chúng đã chẳng phí thời giờ đi theo chúng ta như những mụ đàn bà lảm nhảm. Kia, hãy nghe lũ rắn độc nói! Tưởng như mỗi đứa có tới hai lưỡi và độc một chân.”

Tuy dửng dưng trong chiến đấu, trong những phút hồi hộp ghê sợ này, Duncan cũng không thể đáp lại lời nhận xét bình tĩnh đặc biệt của người trinh sát. Anh chỉ nắm chặt khẩu súng hơn nữa, dán mắt qua kẽ hở nhìn cảnh sáng trắng bên ngoài với nỗi lo âu mỗi lúc một tăng. Một giọng nói oai nghiêm nổi lên, như tiếng của người có uy quyền nhất. Tất cả đều im lặng, chứng tỏ bọn chúng đang nghe lệnh, hay nói đúng hơn là nghe ý kiến của người đó một cách kính cẩn. Sau đấy có tiếng lá sột soạt và tiếng càn khô rảng rắc. Rõ ràng lũ man rợ đang chia nhau đi tìm dấu vết bị mất. May thay cho những người đang bị truy lùng, ánh trăng soi tỏ bãi đất hẹp xung quanh lô cốt nhưng không đủ sáng để xuyên qua vòm cây rừng dày đặc ở dưới đó những mục tiêu của bọn Huron vẫn nấp kín trong bóng đêm lừa dối. Cuộc tìm kiếm không đem lại kết quả vì khoảng cách mà đoàn của Mắt Chim Ưng đi qua từ con đường

mòn tới đám bụi rậm quá ngấn ngủi và khó phát hiện khiến cho mọi dấu chân của họ nhòa đi trong rừng đêm.

Tuy nhiên, chỉ một lát sau đã nghe thấy lũ man rợ sục sạo đám bụi rậm và tiến dần tới phía trong hàng rào cây non dày đặc bao quanh bãi đất trống.

“Chúng tới đây,” Heyward thì thầm, tay lựa cho lòng súng lọt qua giữa khe hai khúc gỗ, “hãy nổ súng khi chúng lại gần!”

“Tất cả nằm yên trong bóng tối,” người trinh sát đáp lại, “một viên đá xòe lửa hoặc chỉ là mùi lưu hoàng của viên đạn sẽ khiến lũ quỷ quái đói khát này nhất tề vô lý chúng ta. Nếu Chúa muốn chúng ta phải chiến đấu để bảo vệ mạng da đầu của mình, anh hãy tin vào kinh nghiệm của những người thông hiểu thói quen của lũ man rợ và ít khi chịu lùi lại đằng sau khi tiếng hú trận đã nổi lên.”

Duncan quay mặt lại thì thấy hai chị em Cora đang run rẩy ôm chặt lấy nhau ở một góc cuối lô cốt; hai người Mohican đứng yên trong bóng tối như hai cây cọc cắm thẳng, sẵn sàng chiến đấu khi cần thiết.

Cổ nén cơn bồn chồn, anh lại nhìn ra bên ngoài, lặng lẽ chờ xem sự việc diễn biến ra sao. Vừa lúc đó đám bụi rậm tách ra, một tên Huron cao lớn, có vũ khí, tiến vài bước vào bãi đất trống. Trong lúc y ngấm nghĩa cái lô cốt im lặng, ánh trăng chiếu thẳng vào khuôn mặt rám đen để lộ một vẻ ngạc nhiên tò mò. Y thốt lên một tiếng kêu thường thấy ở người Anh diêng mỗi khi họ gặp chuyện gì đáng kinh ngạc, cất tiếng gọi khẽ, lập tức có một tên khác tiến lại gần.

Hai người con đẻ của núi rừng đứng lại hồi lâu, chỉ vào ngôi nhà đổ nát, trao đổi với nhau bằng một thổ ngữ mà không ai hiểu nổi. Rồi chúng dò dẫm thận trọng tiến lên, một lát lại

dừng để quan sát, giống như những con hươu hoảng hốt tụy trong bụng sợ sệt nhưng trí tò mò bị kích thích mạnh mẽ. Bỗng một tên đạp phải cái gò đất và đứng lại xem xét. Lúc này Heyward thấy người trinh sát nối sợi dây buộc con dao vào vỏ và hạ thấp nòng súng. Người sĩ quan trẻ cũng làm theo, chuẩn bị cho cuộc chiến đấu dường như không tránh khỏi.

Lũ người man rợ tiến gần đến nỗi chỉ một cử động nhỏ của hai con ngựa hoặc chỉ một hơi thở mạnh hơn một chút, sẽ làm lộ nơi ẩn nấp. Nhưng khi nhận ra cái gò là nấm mồ, mối quan tâm của hai tên Huron hướng vào mục tiêu khác. Chúng bàn bạc với nhau, tiếng nói trầm trầm và trang nghiêm có một cái gì vừa thành kính vừa sợ sệt. Rồi chúng thận trọng quay bước, mắt vẫn ngoái nhìn cái lô cốt đồ nát, như thể chúng chờ đợi trông thấy những người đã khuất từ trong lô cốt im lìm hiện ra, mãi cho tới khi đã đi qua bãi đất trống, rồi chúng nhẹ nhàng lủi vào đám bụi rậm và mất hút.

Mắt Chim Ưng thì bóng súng xuống đất, thở phào một hơi dài, khẽ reo:

“Phải, chúng tôn trọng người chết, vì thế mà lần này tính mạng của chúng, và có lẽ cả những tính mạng quý giá hơn, đã được bảo toàn.”

Heyward đưa mắt nhìn bạn mình một lát, nhưng anh không đáp mà lại quay ra tiếp tục theo dõi những đối tượng đang làm cho anh phải quan tâm hơn. Anh nghe thấy hai tên Huron ra khỏi đám bụi rậm, rồi rõ ràng cả bọn xúm quanh nghe chúng báo cáo. Sau vài phút bàn bạc nghiêm túc, khác hẳn không khí ồn ào khi chúng mới tới, tiếng nói nhỏ và xa dần, cuối cùng tắt ngấm trong rừng thẳm.

Chingachgook vẫn nghe ngóng; mãi tới khi bác ra hiệu là kẻ địch đã đi xa, không thấy tiếng nữa, bấy giờ Mắt Chim Ưng mới bảo Heyward dắt ngựa và đỡ hai cô gái lên yên. Rồi cả đoàn bước qua khung cửa đổ nát, lặng lẽ đi vào rừng theo hướng đối diện với lối đi vào lúc ban chiều. Hai chị em Cora liếc nhìn nấm mồ im lặng và cái lô cốt hoang tàn trong lúc mọi người rời khỏi bãi đất trống đang tắm ánh trăng sáng dịu và dẫn mình vào bóng đêm của rừng rú.

CHƯƠNG 14

Lính canh: “Ai đó?”

Cô gái Giano: “Dân cày, những kẻ khôn khổ của nước
Pháp.”^[41]

• SHAKESPEARE

Trong lúc rút nhanh khỏi lô cốt và cho tới khi cả đoàn đã vào sâu trong rừng, không ai nói năng gì, dù là nói thầm, vì còn lo thoát thân. Lúc này khoảng cách giữa họ với quân thù đã xa; người trinh sát vẫn dẫn đầu, nhưng chân bước ngập ngừng hơn chuyển đi đêm trước vì bác hoàn toàn không nắm được địa hình của khu rừng này. Hơn một lần, bác phải dừng lại để hội ý với hai người Mohican, khi nhìn mặt trăng, lúc chăm chú quan sát vỏ cây. Trong những phút dừng chân ngắn ngủi ấy, tinh thần căng thẳng gấp bội do nguy hiểm luôn luôn đe dọa, Heyward và hai chị em Cora lắng tai nghe ngóng xem có triệu chứng gì báo hiệu kẻ thù ở gần không. Vào lúc này, cánh rừng mênh mông như chìm đắm trong giấc ngủ triền miên; không một tiếng động nhỏ, trừ tiếng nước của một con suối âm ì róc rách nơi xa. Chim chóc, thú rừng và con người (nếu quả có người nào sống trong chốn rừng núi hoang vu này) dường như ngủ yên. Nhưng tiếng suối chảy, tuy rì rào yếu ớt đã cất được nỗi thắc mắc của những người dẫn đường, khiến họ lập tức quay về hướng đó.

Khi đoàn người tới bên bờ con suối nhỏ, Mắt Chim Ưng dừng bước; bác rút giày moccasin, bảo Heyward và David làm theo, rồi lội xuống nước. Trong gần một tiếng đồng hồ, cả đoàn đi trong lòng suối, không để lại một dấu vết nào. Mặt trăng đã khuất sau đám mây đen dày đặc lơ lửng phía chân trời Tây. Lúc này họ ra khỏi lòng suối nông và bước lên bãi đất cát bằng phẳng có nhiều cây. Tới đây, người trinh sát dường như lại trở về nơi quen thuộc; bác dẫn đường với sự chắc chắn và khẩn trương của một người hiểu biết tường tận. Đường đi trở nên hiểm trở hơn; núi non sát lại gần, và đoàn khách bộ hành sắp đi vào một cái đèo. Đột nhiên Mắt Chim Ưng dừng lại, chờ cho mọi người tới mới lên tiếng; giữa đêm khuya tĩnh mịch, giọng bác hạ thấp một cách thận trọng càng làm tăng vẻ nghiêm trang của câu nói:

“Biết đường đi và tìm những bãi đất mận cùng những con suối trong chốn rừng xanh không phải chuyện khó, nhưng có ai tới đây dám nói rằng bên kia những hàng cây im lìm và những rặng núi khô cằn có một đạo quân hùng mạnh đang hạ trại không?”

“Vậy ra chúng ta cách pháo đài William Henry không xa ư?” Heyward tiến lại gần người trinh sát, hỏi.

“Đường đi còn dài và gian nan; khó khăn lớn nhất hiện nay của ta là đến đó vào lúc nào và bằng lối nào cho thuận lợi. Anh hãy trông kìa,” người trinh sát chỉ tay về phía một vùng nước nhỏ ẩn sau những rặng cây, mặt nước phẳng lặng phản chiếu ánh sáng sao, “đó là “đầm máu”. Trên mảnh đất này, không những tôi đã qua lại nhiều lần mà còn đánh nhau với quân thù từ lúc mặt trời mọc đến lúc mặt trời lặn.”

“Vậy ra chính lớp nước lờ đờ lặng lẽ này là mồ chôn những con người anh dũng đã ngã xuống trong chiến đấu. Tôi có nghe nói về cái đầm này nhưng chưa hề tới đây.”

“Chúng tôi đã quần nhau ba trận trong một ngày với viên chỉ huy liên quân Hà Lan - Pháp.” Không trả lời vào câu của Heyward, Mắt Chim Ưng nói tiếp dòng suy nghĩ của mình. “Hắn bắt gặp chúng tôi giữa lúc bọn tôi đi phục kích chặn đường tiến của hắn và đã đánh chúng tôi tan tác như những con hươu bị săn đuổi, băng qua đèo tới tận bờ hồ Horican. Tại đây, chúng tôi tập hợp lại sau hàng rào cây đổ và dưới quyền chỉ huy của Ngài William (Ngài được phong tước nhờ có chiến tích này), chúng tôi phản công thắng lợi và đã trả được mỗi hận khi sáng. Ngày hôm ấy có mấy trăm tên Pháp nhìn thấy mặt trời lần cuối cùng; và cả tên chỉ huy Dieskau cũng rơi vào tay chúng tôi. Người hắn đầy vết đạn, đến nỗi hắn phải rút về nước, hết khả năng chiến đấu.”

“Thật là một cuộc phản công gan dạ!” Heyward reo to, sôi sục bầu nhiệt huyết của tuổi thanh niên.

“Chỉ ít lâu sau, tiếng tăm của trận đó đã vang tới đạo quân miền Nam của chúng tôi. Thế nhưng chưa hết chuyện. Theo lệnh của chính Ngài William, thiếu tá Effingham cử tôi men theo sườn quân địch, vượt qua vùng chuyên chở đường bộ để mang tin thất trận của quân Pháp tới một đồn quân bên bờ sông Hudson. Kia kìa, ngay chỗ đám cây mọc trên quả núi, tôi gặp quân tiếp viện của mình và đã dẫn họ đến chỗ quân địch; bọn này đang ăn uống, không nghĩ rằng cuộc chém giết trong ngày chưa kết thúc.”

“Và các bác đã đánh chúng bất ngờ?”

“Phải, nếu chết chóc có thể là điều bất ngờ đối với những kẻ chỉ nghĩ đến ăn cho thích khẩu. Chúng tôi đánh cho bọn nó không kịp thở vì khi sáng chúng đã giáng cho bọn tôi những đòn nặng nề. Quả thật không mấy ai trong chúng tôi không có người thân kẻ thuộc bị sát hại. Sau trận này, người ta vứt xác chết, nghe nói có cả những người còn ngắc ngoải, xuống cái đầm nhỏ này. Chính mắt tôi đã nhìn thấy vũng nước ngầu máu. Nước từ trong lòng trái đất chảy ra không bao giờ đỏ như vậy.”

“Thật là một nơi thuận tiện, và tôi tin là còn yên ổn nữa, để chôn các chiến binh. Thế ra bác đã hoạt động nhiều ở vùng biên giới này ư?”

“Tôi à!” người trinh sát vươn thẳng thân hình cao lớn với một tư thế quân sự hiên ngang, “Không mấy ngọn núi ở đây không vang lên tiếng súng của tôi, và từ hồ Horican đến sông Hudson, cứ mỗi dặm vuông cây súng Sát Hươu này lại hạ được một tên địch hoặc một con thú rừng. Còn sự yên ổn của cái mô này, như anh vừa nói, lại là một vấn đề khác. Có những người nghĩ và nói rằng muốn cho con người nằm xuống yên ổn thì không được chôn khi họ còn hơi thở trong ngực, chắc chắn là trong lúc bối rối chiều hôm đó, các bác sĩ không có nhiều thời giờ để nói cho biết ai còn sống và ai đã chết. Suyt! Anh không thấy có vật gì đang di chuyển trên bờ đầm ư?”

“Không lẽ có người nào không nhà không cửa như chúng ta trong chốn rừng rú âm u này.”

“Những vật như vậy ít cần tới nhà cửa để trú chân, và sương đêm không làm ướt được một hình hài quen sống dưới nước,” người trinh sát đáp, tay run run nắm vai Heyward; viên sĩ quan

trẻ chợt nhận ra rằng con người vốn rất dũng cảm đang bị mê tín làm cho khiếp đảm.

“Lạy Chúa! Có một bóng người đang tiến lại gần! Các bạn hãy nắm chắc tay súng vì không biết chúng ta sẽ chạm trán với ai.”

“Ai?”^[42] một tiếng hô đánh và trầm, như từ thế giới khác vọng tới, vang lên giữa chốn hiu quạnh trang nghiêm này.

“Nó nói gì thế?” người trinh sát thì thầm, “Không phải tiếng Anh điêng mà cũng chẳng phải tiếng Anh.”

“Ai?” tiếng hô lại nổi lên, kèm theo là tiếng súng lách cách và một dáng vẻ nạt nộ.

“Nước Pháp.” Heyward hét to; anh bước ra khỏi đám bóng cây và tiến về phía bờ đầm, cách người lính gác vài thước.

“Anh từ đâu tới đây... đi đâu sớm thế?” Người lính cận vệ hỏi lại bằng ngôn ngữ và giọng nói của một người sinh trưởng ở nước Pháp cổ kính.

“Tôi đi điều tra tình hình về và kiểm chỗ ngủ đây.”

“Có phải sĩ quan nhà vua không?”

“Đúng vậy anh bạn ạ; anh tưởng tôi là dân vệ Anh hay sao! Tôi là đại úy khinh binh (Heyward biết rõ người lính đứng trước mặt thuộc một trung đoàn ở trên tuyến). Tôi giải theo đây hai người con gái của viên chỉ huy pháo đài William Henry. Hà, hà! Chắc anh đã từng nghe nói về hai người đó. Tôi bắt được họ ở gần pháo đài trên kia và dẫn đến chỗ tướng Montcalm đây.”

“Thưa, quả thực tôi ái ngại cho hai tiểu thư,” người lính Pháp trẻ lịch sự đưa tay lên mũ, nói, “nhưng đó là định mệnh của chiến tranh! Các cô sẽ thấy rằng vị tướng của chúng tôi là con người hào hoa và rất lễ phép với phụ nữ.”

“Đó là đặc tính của con nhà binh.” Cora rất bình tĩnh đáp lại, “Thôi chào anh bạn; chúc anh được làm một công việc khác thú vị hơn.”

Trước câu chúc lịch thiệp của cô gái, anh lính cúi gập người cảm ơn; Heyward cũng nói thêm:

“Chúc anh bạn của tôi ngủ ngon.”

Rồi đoàn người thông thả tiến về phía trước, mặc cho người lính gác đi đi lại lại dọc bờ đầm im lặng, không thể ngờ rằng kẻ thù táo tợn đến như vậy. Hình ảnh hai cô thiếu nữ và có lẽ những kỷ niệm của nước Pháp xa xôi tươi đẹp khiến anh nhớ lại và ngân nga câu hát: “Rượu muôn năm, ái tình muôn năm...”

“May sao anh hiểu được thằng quỷ ấy nói gì!” người trinh sát thì thào khi đã đi được một quãng, và bác đặt lại khẩu súng vào khuỷu tay, “Lúc đó, tôi biết ngay rằng nó là một trong những tên Pháp những nhiều. Phúc cho nó đã biết nói năng lễ độ, nếu không tôi đã quăng xác xuống đầm cùng với các bạn đồng hương của nó.”

Bỗng Mắt Chim Ưng im bật. Một tiếng rên nặng nề vọng tới từ “đầm máu”, như thể linh hồn những người đã khuất đang than vãn dưới mồ ngập nước.

“Chắc chắn đó là người bằng xương bằng thịt,” người trinh sát nói tiếp, “không một linh hồn nào có thể sử dụng vũ khí mạnh mẽ như vậy.”

“Đúng là người; có điều đáng ngờ là không biết anh lính nọ còn ở trên đời này không.” Heyward đáp, mắt nhìn xung quanh thì thấy thiếu Chingachgook. Lại một tiếng rên nữa, lần này yếu hơn, tiếp theo có tiếng một vật rơi tòm xuống nước, nặng nề và u uất, rồi tất cả trở lại im lìm như thể cảnh vật xung

quanh đầm nước âm u vẫn chìm đắm trong yên lặng từ ngày khai sinh tới giờ.

Mấy người còn đang băn khoăn do dự thì đã thấy bóng người thủ lĩnh Anh điêng từ trong bụi rậm lướt tới, một tay buộc mảnh da đầu còn nóng hổi của người lính Pháp xấu số vào thắt lưng, tay kia gài con dao và cây rìu đầm máu; bác trở về vị trí cũ với thái độ của một người cho rằng mình đã lập được một chiến công.

Người trinh sát đặt báng súng xuống đất, tì tay vào nòng, trầm ngâm suy nghĩ, bác lắc đầu buồn bã, lẩm bẩm:

“Đối với người da trắng, đó là một việc độc ác và vô nhân đạo, nhưng đây là đặc tính và bản chất của người Anh điêng mà tôi nghĩ rằng chúng ta không thể phủ nhận. Tuy nhiên, tôi vẫn muốn cho chuyện này rơi vào đầu một tên Mingo chết tiệt hơn là vào anh chàng trẻ tuổi vui tính quê tại nước Pháp cổ kính kia.”

“Thôi!” sợ hai chị em Cora biết nguyên nhân vì sao phải dừng lại, Heyward vội gạt đi, và anh cũng lập luận tương tự như người thợ săn để nén sự ghê tởm. Đằng nào cũng lỡ rồi, sửa chữa được tuy rằng không xảy ra thì hay hơn. Ông bạn này, rõ ràng chúng ta đang ở trong vùng địch kiểm soát; theo bác, ta nên đi lối nào?

“Phải,” giọng Mắt Chim Ưng trở lại sôi nổi, “cũng như anh vừa nói, chúng ta không còn thời gian suy nghĩ cho bận óc. Đúng rồi, quân Pháp đã vây chặt pháo đài, lọt được vòng vây khác nào xâu một mũi kim nhỏ vậy.”

“Thế mà chúng ta chỉ có ít thời gian để làm việc đó,” Heyward nói thêm, mắt nhìn lên đám mây che kín mặt trăng đang xuống dần.

“Chỉ có ít thời gian để làm việc đó!” người trinh sát nhắc lại, “Nhờ Thượng đế phù hộ, chỉ có hai cách làm, ngoài ra không còn cách nào khác nữa.”

“Xin nói ngay vì gấp lắm rồi.”

“Một là các cô thiếu nữ dịu hiền kia xuống đi bộ, còn ngựa thì thả rông. Những người Mohican này sẽ đi trước mở một đường nhỏ qua các vọng gác, và chúng ta sẽ bước lên xác chết vào trong pháo đài.”

“Không làm thế được, không làm thế được!” người sĩ quan bất nhẫn, ngắt lời, “Một người lính có thể mở đường theo cách đó, nhưng đi cả đoàn như thế này thì không thể được.”

“Đúng vậy, những bàn chân mềm mại kia sẽ phải bước lên một con đường đầy máu,” người trinh sát đáp, chính bác cũng thấy là không được, “nhưng tôi nghĩ rằng cũng phải nêu ra vì nó thích hợp với tính cách con người tôi. Đã vậy, chúng ta phải quay trở lại thoát khỏi tuyến kiểm soát của địch, quặt về phía Tây và đi vào trong núi, ở đó tôi có thể giấu các bạn kín đến nỗi tất cả lũ chó săn quỷ quái bám gót tướng Montcalm mất bao tháng trời cũng chẳng tìm ra tung tích.”

“Hãy thực hiện ngay,” Heyward bảo.

Không cần phải bàn cãi nữa vì Mắt Chim Ưng đã hô gọn “Theo tôi”, rồi bác đi ngược con đường đã dẫn cả đoàn lâm vào tình thế gay go hiểm nghèo này. Họ bước đi thận trọng, không một tiếng động, vì không ai biết lúc nào có một đội tuần tra của địch đi qua hoặc một lính gác núp đâu đó xuất hiện trên đường. Khi đi men đầm nước, cả Heyward lẫn Mắt Chim Ưng đều liếc nhìn cảnh vật âm u hãi hùng. Họ không còn thấy bóng người lính mới vừa đây đi đi lại lại bên bờ đầm im lặng; sóng gợn lăn tăn, mặt nước chưa trở lại phẳng lặng khiến họ hãi

hùng nhớ tới hành động đâm máu mà họ đã chứng kiến. Tuy nhiên, cũng như cái chết bi thảm của người lính Pháp mờ đi, đâm nước nhòa đi trong bóng đêm và hòa vào cảnh vật tối om phía sau lưng đoàn bộ hành.

Mắt Chim Ưng quặt ngang con đường mà đoàn người đang rút lui và đi vào dãy núi tạo thành một bức tường án ngữ phía Tây bình nguyên nhỏ hẹp. Bác thoăn thoắt dẫn mọi người vào sâu dưới bóng những ngọn núi cao nhấp nhô. Đường đi trở nên gập ghềnh vì có những tảng đá và khe vực cắt ngang khiến họ phải chậm bước. Tuy nhiên những quả núi lạnh lẽo đen ngòm nằm hai bên đường truyền tới mọi người một cảm giác an toàn và một phần nào bù lại những vất vả dọc đường. Cuối cùng, họ chậm chạp leo lên một sườn núi cao và gồ ghề theo một con đường lượn vòng giữa những tảng đá và thân cây. Nhìn con đường thì thấy rằng những người làm ra nó đã quen sống lâu năm ở chốn hoang vu. Càng lên cao thì bóng tối dày đặc của một đêm sắp tàn càng tan dần, dưới đồng bằng cảnh vật đã hiện ra với những màu sắc thiên nhiên mỗi lúc một rõ nét. Khi đoàn người ra khỏi một đám cây cần cỗi mọc chênh vênh trên sườn núi trọc và đặt chân lên một phiến đá bằng phẳng phủ đầy rêu ở đỉnh núi thì trời vừa sáng, tỏa ánh hồng lên những cây xanh tươi trên ngọn núi đối diện với thung lũng của hồ Horican.

Người trinh sát bảo hai chị em Cora xuống ngựa, bác tháo yên cương ở mõm và lưng những con vật mệt mỏi, thả chúng đi kiếm ăn trên vùng núi cao chỉ có cây con và cỏ héo này; bác nói với chúng:

“Hãy đi kiếm ăn ở nơi nào tạo hóa dành riêng cho các người và giữ gìn chớ làm mồi ngon cho bầy sói đói khát lớn vờn trên những quả núi này.”

“Ta không cần đến chúng nữa ư?” Heyward hỏi.

“Hãy xem đây khắc rõ,” người trinh sát vừa nói vừa đi lại bờ vực núi phía Đông, làm hiệu cho cả đoàn đi theo, “nếu nhìn vào trái tim con người ta cũng dễ dàng như từ đây nhìn thẳng vào doanh trại của tướng Montcalm thì những kẻ đạo đức giả sẽ bớt đi nhiều, và thói xảo trá của bọn Mingo không hòng thắng được tính trung thực của người Delaware.”

Khi tới sát bờ vực, mọi người nhận ra ngay là người trinh sát nói đúng và họ thầm phục bác đã biết nơi này và dẫn họ tới khiến họ nhìn được bao quát xung quanh.

Nơi họ đang đứng là một ngọn núi cao chừng ba trăm thước, hình chóp nhọn, hơi nhô ra phía trước dãy núi trải dọc phía Tây bờ hồ lớn. Dãy núi này chạy dài tới bên kia hồ, nhập vào những rặng núi khác và hướng về Canada, tạo thành những khối đá nhấp nhô mờ mờ điểm một vài chòm cây xanh thưa thớt. Ngay dưới chân họ, bờ Nam hồ Horican khoanh một hình bán nguyệt lớn từ núi này sang núi nọ, làm thành một vùng rộng lớn, mấp mô và cao. Từ đỉnh núi chót vót này nhìn về hướng Bắc thấy dải nước hẹp và trong vắt của “hồ thiêng liêng” với cơ man nào là vịnh lờm xờm ven bờ, với những mũi đất hình thù kỳ quái nom rất ngoạn mục, và không biết bao nhiêu hòn đảo nhỏ. Cách xa chừng vài dặm, mặt nước bị núi non che khuất hoặc chìm trong những đám hơi mù theo gió ban mai bốc lên từ lòng hồ. Nhưng nhìn qua một khe hẹp giữa đỉnh hai ngọn núi, lại thấy dòng nước luồn lách tìm đường về phương Bắc, phơi bày tấm thân trong vắt trước khi trao mình cho hồ Champlain. Ở hướng Nam là vùng bình nguyên hiểm trở mà chúng tôi đã nhiều lần nhắc tới. Núi non trùng trùng điệp điệp ở đây dường như không muốn từ bỏ quyền ngự trị; nhưng rồi chúng cũng phải rời nhau ra, và cuối cùng lẫn vào

vùng đất cát bằng phẳng mà chúng ta đã cùng đi qua với đoàn Mắt Chim Ưng trong hai chuyến trước đây. Dọc hai dãy núi bao bọc hai bên hồ và thung lũng, từ dưới cánh rừng hoang vắng cuộn bay lên những đám mây mỏng tưởng như khói bốc từ những mái nhà tranh núp dưới rừng cây; lại có những đám mây lượn lơ dưới thấp và hòa vào hơi đất. Duy có một áng mây trắng như tuyết bành bồng lơ lơi trên thung lũng, ngay trên đầu “đầm máu” lặng lẽ.

Kề bên bờ hồ, gần mé Tây hơn Đông, trải dài những lũy đất và công sự thấp của pháo đài William Henry. Có hai công sự nhìn bao quát ra hồ, trông như xây trên mặt nước; một hào sâu và những bãi lầy rộng bảo vệ các mặt khác; xung quanh pháo đài cây cối được phát quang trên một khoảng đất khá rộng. Phía ngoài nữa là cảnh vật thiên nhiên màu xanh, trừ những nơi có hồ nước trong veo mát dịu hoặc những hòn đá thẳng đứng nhô đỉnh đen trụi trên những rặng núi nhấp nhô.

Trước mặt pháo đài có lính gác nghiêm ngặt, đề phòng một kẻ địch đông gấp bội; bên trong tường lũy có những người lính ngủ gà ngủ gật sau phiên gác đêm. Phía Đông Nam, tiếp giáp với pháo đài có một cứ điểm đặt trên một gò đá (lẽ ra nên chọn nơi này làm địa điểm xây pháo đài). Mắt Chim Ưng bảo mọi người rằng ở đó có các trung đoàn tiếp ứng đã khởi hành cùng một lúc với bọn họ từ pháo đài Edward. Xa chút nữa về phía Nam, những cột khói đen sì từ trong rừng bốc lên, khác hẳn những làn hơi nước sáng sữa của những con suối. Người trinh sát bảo Heyward rằng đó là những dấu hiệu rõ rệt chứng tỏ quân địch tập trung đông tại đây.

Nhưng cảnh tượng khiến người sĩ quan trẻ chú ý hơn cả đang diễn ra ở bờ hồ phía Tây. Đứng từ trên nhìn xuống, Heyward thấy một dải đất tưởng như quá hẹp để chứa một đạo

quân lớn (thực ra, nó chạy dài hàng mấy trăm thước từ bờ hồ Horican đến tận chân núi). Tại đây có những lều màu trắng và vũ khí đủ dùng cho hàng chục ngàn binh lính. Các cỗ súng đã được bố trí ở phía trước và giữa lúc những người đứng trên đỉnh núi quan sát cảnh tượng hiện ra dưới mắt họ như trên một bản đồ, mỗi người với một tâm trạng khác nhau, tiếng đại bác gầm thét trong thung lũng và vang lên như sấm rền dọc dãy núi phía Đông.

“Trời vừa sáng ở dưới đó,” người trinh sát nói với vẻ trầm ngâm suy nghĩ, “và những kẻ không ngủ muốn đánh thức những người đang ngủ bằng tiếng đại bác. Chúng ta đến chậm mất mấy tiếng đồng hồ. Tướng Montcalm đã tung bọn Iroquois đánh nguyên rũa vào khắp rừng.”

“Quả thật pháo đài đã bị bao vây,” Duncan đáp, “nhưng không có cách nào cho chúng ta vào được sao? Thà bị bắt trong ấy còn hơn một lần nữa rơi vào tay bọn Anh điêng lảng vảng trong rừng.”

“Trông kìa!” người trinh sát kêu lên, vô tình khiến Cora phải chú ý nhìn về phía bản doanh của cha nàng, “Thế nào mà phát đạn kia làm tung cả đá ở mé nhà viên chỉ huy như vậy! Phải, bọn Pháp đã phá nhanh hơn người ta xây cái nhà này, dù rằng tường của nó kiên cố dày dặn.”

“Anh Heyward, lòng tôi quặn đau khi nhìn cảnh gian nguy này mà không chia sẻ được.” Người con gái gan dạ không tìm nỗi lo âu. “Chúng ta hãy đi gặp tướng Montcalm và xin được vào trong pháo đài; chắc ông ta không nỡ từ chối ân huệ này đối với một người con gái.”

“Cô khó tới được lều của viên tướng Pháp với bộ tóc còn nguyên vẹn trên đầu,” người trinh sát xẵng giọng, “Nếu tôi có

được một chiếc thuyền trong số hàng ngàn chiếc bỏ không trên bờ nước kia thì có thể giải quyết nổi. Nhưng kìa, cuộc pháo kích sắp phải ngừng vì có một đám sương mù đang kéo tới làm cho ngày trở thành đêm và khiến cho cây nỏ của người Anh điêng nguy hiểm hơn khẩu đại bác đúc. Bây giờ, nếu mọi người có đủ can đảm đi theo thì tôi sẽ mở một con đường vì tôi đang nóng lòng muốn xông xuống doanh trại Pháp, dù chỉ để đánh đuổi mấy con chó Mingo đang rình mò ven đám cây bulô kia.”

“Chúng tôi có đủ can đảm,” Cora cứng cỏi đáp, “trước tình thế này, chúng tôi sẵn sàng đi, bất chấp nguy hiểm.”

Người trinh sát quay về phía nàng, cười tỏ vẻ tán thưởng thành thực và nhiệt liệt, bác nói:

“Ước gì tôi có được một ngàn người có đôi bắp tay bắp chân nở nang, đôi mắt tinh nhanh và không sợ chết như cô! Chỉ trong vòng tuần lễ, tôi sẽ dồn về tận hang ổ bọn Pháp ba hoa, mặc cho chúng kêu gào như lũ chó bị cùm hay bày sói đói. Nhưng ta đi thôi.” Mắt Chim Ưng quay sang những người khác, nói tiếp: “Đám sương mù đang tỏa xuống nhanh; chúng ta chỉ có đủ thời giờ để gặp nó ở dưới đồng bằng và dùng nó làm bức màn che. Hãy nhớ là nếu tôi gặp tai nạn thì cứ đi về hướng có gió thổi vào má trái, hoặc tốt hơn hết là cứ bám sát hai người Mohican; họ sẽ tìm thấy đường, dù ban ngày hay ban đêm.”

Nói xong, bác vẫy tay ra hiệu cho mọi người đi theo rồi lao mình xuống núi dốc ngược, chân bước nhanh nhưng vẫn thận trọng. Heyward vừa đi vừa dìu hai chị em Cora, lát sau đã tới chân quả núi mà trước đó họ đã vất vả khó nhọc leo lên.

Theo hướng đi của Mắt Chim Ưng, chẳng bao lâu cả đoàn đã xuống tới đồng bằng, gần đối diện với một cái cửa xuất kích

phá vây ở lũy phía Tây của pháo đài Anh; Mắt Chim Ưng dừng lại cho Duncan và chị em Cora tới. Khoảng cách từ chỗ này tới pháo đài chừng tám trăm thước. Mọi người đi khá nhanh và nhờ đường đất bằng phẳng, họ đến trước đám sương mù đang chậm chạp tỏa xuống mặt hồ. Cần phải tạm nghỉ cho tới khi màn sương xấp phủ kín doanh trại Pháp. Tranh thủ thời gian, hai cha con người Mohican trườn ra khỏi cánh rừng, quan sát xung quanh; người trinh sát đi theo phía sau để kịp nghe họ báo cáo lại, đồng thời bác cũng muốn đích thân theo dõi tình hình địch.

Chỉ lát sau bác đã quay trở lại, nét mặt bừng bừng tức giận, biểu lộ sự thất vọng bằng những lời lẽ không dịu dàng lắm:

“Bọn Pháp quỷ quyệt đã bố trí một tốp lính gác gồm cả da đỏ lẫn da trắng ngay trên con đường của chúng ta; trong sương mù, chúng ta có thể đi thoát mà cũng có thể rơi vào giữa cái ổ này.”

“Ta không thể đi vòng thung để tránh nguy hiểm được sao?” Heyward hỏi, “Sau đó lại trở về đường cũ một khi nguy hiểm đã qua.”

“Một khi đã rời khỏi con đường mình đang đi trong sương mù, ai có thể nói được khi nào và bằng cách nào tìm thấy đường cũ! Sương mù ở hồ Horican không giống làn khói tảo thuốc lá hoặc đám khói đồng lửa hun muối đâu...”

Người trinh sát còn đang nói, bỗng đâu một tiếng nổ long trời lở đất vang lên, một viên đạn đại bác rót vào đám bụi rậm, quật vào một cây non rồi nảy xuống đất, sức mạnh lúc này đã giảm nhiều vì vấp phải sự chống đỡ của thân cây. Hai cha con người Anh liền chăm chú quan sát đường bay của viên đạn

đáng sợ, rồi Uncas sôi nổi phát biểu bằng tiếng Delaware, tay chân vung vẩy.

“Có thể được đấy, cháu ạ,” người trinh sát khẽ đáp khi Uncas ngừng lời, “vì chữa những cơn sốt ác liệt không giống chữa đau răng đâu. Nào, ta đi thôi, sương mù đã kéo đến rồi.

“Khoan đã!” Heyward kêu lên, “Trước hết, hãy cho biết ý định của bác.”

“Rồi anh sẽ biết ngay, và hy vọng cũng rất mong manh tuy còn hơn không,” người trinh sát lấy chân đá cục sắt vô dụng, “Viên đạn này đã xới đất trên đường đi tới đây; chúng ta sẽ theo vết cày của các viên đạn vì không còn dấu vết nào khác để định hướng cả. Đừng bàn cãi nữa và hãy theo tôi kéo đám sương mù kia sẽ bỏ rơi chúng ta giữa đường, làm mục tiêu cho cả hai bên nã súng vào.”

Thấy tình thế trở nên nguy ngập và cần phải hành động hơn bàn cãi. Heyward đi vào giữa hai chị em Corai dìu họ tiến nhanh, mắt không rời bóng hình mờ mờ của người dẫn đường. Quả thật Mắt Chim Ưng không phóng đại tác dụng của đám sương mù. Mới đi được vài chục bước, mọi người đều thấy khó mà nhận được nhau trong hơi sương.

Đoàn người vòng sang trái một chút rồi lại ngã về bên phải. Heyward ước lượng đã đi được gần nửa phần trên quãng đường dẫn tới đồn quân thân thuộc, bỗng đâu có tiếng hô dữ dội vang bên tai anh, chỉ cách độ hai chục bước:

“Ai đó?”

“Tiến lên!” người trinh sát khẽ nói và lại tạt sang trái.

“Tiến lên!” Heyward nhắc lại trong khi hàng chục tiếng hô lại vang lên, đầy hăm dọa.

“Tôi!” người sĩ quan trẻ kêu to; anh không dắt mà kéo tuột hai chị em Cora lên phía trước.

“Con khỉ! Tôi là ai?”

“Bạn của nước Pháp.”

“Xem ra mi là kẻ thù của nước Pháp thì đúng hơn. Đứng lại, nếu không tao cho làm bạn với quỷ sứ! Không à! Bắn! Các bạn, bắn!”

Lệnh được thi hành tức khắc và năm chục phát súng nổ vang làm rung chuyển đám sương mù. May sao bọn địch bắn trượt, những viên đạn xé không khí đi hơi chệch hướng bọn người đang chạy trốn. Tuy nhiên, đạn bay gần đến nỗi đối với những đôi tai ít kinh nghiệm của David và hai cô gái, tưởng như tiếng réo chỉ cách vài đốt ngón tay. Tiếng hô lại nổi lên, rồi nghe thấy rất rõ tiếng người ra lệnh không những tiếp tục bắn mà còn phải đuổi theo. Sau khi Heyward nói lại vắn tắt nội dung những câu tiếng Pháp, Mắt Chim Ưng đứng lại quyết định một cách nhanh chóng và táo bạo, bác nói:

“Hãy nổ súng; bọn chúng sẽ nghĩ là quân ta ở trong pháo đài thọc ra, và chúng sẽ bỏ cuộc hoặc sẽ chờ lực lượng tăng cường.”

Kế hoạch thì hay nhưng không mang lại kết quả. Khi quân Pháp thấy súng nổ, tưởng như khắp cánh đồng rộn bóng người, tiếng súng trường lách cách mọi nơi từ bờ hồ tới ven rừng.

“Tình hình này thì chúng sẽ huy động toàn quân tổng công kích ta mất thôi.” Heyward nói, “ông bạn, vì sự sống còn của bác và của chúng tôi, hãy đi trước dẫn đường.”

Người trinh sát có vẻ muốn thực hiện lắm nhưng trong lúc bối rối thay đổi vị trí, bác đã mất hướng. Bác quay hết má phải đến má trái về phía gió thổi nhưng vô hiệu vì cả hai má đều

cảm thấy mát. Giữa lúc tiến thoái lưỡng nan, Uncas phát hiện thấy dấu vết đường đạn đại bác trên ba tổ kiến nằm liền nhau.

“Để ta xem nào!” Mắt Chim Ưng cúi liếc nhìn đường đạn rồi lập tức tiến lên trước.

Lúc này, tiếng hò hét chửi rủa, gọi nhau và tiếng súng tay ran ran khắp bốn bề. Bất thành linh một làn chớp lóe sáng làm đám sương mù vọt lên tan ra nhiều mảnh, các khẩu đại bác khạc đạn trên cánh đồng, và núi non vọng lại tiếng súng gầm nặng nề.

“Súng trong pháo đài bắn ra rồi!” Mắt Chim Ưng reo to, quay ngoắt trở lại, “Thế mà chúng mình lại đâm đầu vào rừng như những kẻ ngốc mất trí để nộp mạng dưới lưỡi dao của bọn Maqua!”

Sau khi nhận ra sai lầm, mọi người khẩn trương sửa ngay. Heyward trao Cora cho Uncas dắt dìu, cô gái cũng nhận sự giúp đỡ của người da đỏ không chút ngại ngùng. Sau lưng, quân địch hùng hổ đuổi theo, và họ có thể bị bắt hoặc bị giết bất cứ lúc nào.

“Quyết không để cho lũ khốn kiếp thoát!” một tên có vẻ chỉ huy cuộc săn đuổi, đang ra sức chạy theo và hét to.

Bỗng nhiên một tiếng hô nổi lên ngay trên đầu những người đang chạy trốn:

“Hãy giữ vững vị trí và sẵn sàng chiến đấu, hỡi các dũng sĩ trung đoàn 60 của ta! Chờ cho quân địch xuất hiện, hãy bắn thật thấp, quét sát khoảng đất trống trước pháo đài!”

“Cha ơi, cha!” một tiếng kêu thất thanh từ trong đám sương mù vang lên, “Con đây! Alice đây! Chính Elsie của cha đây! Chớ bắn vào chúng con! Ôi, hãy cứu hai đứa con gái của cha!”

“Dừng lại!” tiếng kêu lúc này lại nổi lên, giọng đầy lo âu của một người cha hốt hoảng, vang tới tận khu rừng rồi vọng lại một cách nghiêm trang, “Đứng con gái ta rồi! Chúa đã trả hai đứa con cho ta! Mở ngay cổng xuất kích! Trung đoàn 60 hãy xông ra ngoài đồng! Chớ nổ súng kéo giết phải hai con cừu của ta! Hãy đánh đuổi lũ Pháp bằng gươm giáo!”

Heyward nghe thấy tiếng then cửa sắt rít lên; anh lao về hướng đó thì gặp một hàng dài binh sĩ, quân phục màu đỏ sẫm, đang băng nhanh tới khoảng đất trống trước pháo đài. Nhận ra tiểu đoàn của mình, anh xông tới đầu hàng quân và trong chốc lát, quét sạch quân địch khỏi khu vực trước pháo đài.

Người sĩ quan trẻ đột nhiên bỏ đi khiến hai chị em Cora run sợ hoang mang, nhưng hai nàng chưa kịp định thần thì một võ quan có tầm vóc cao lớn, tóc đã bị thời gian và nghề nghiệp làm bạc trắng nhưng vẫn giữ được vẻ oai phong của người quân nhân, lao ra khỏi đám sương mù, chạy lại ôm gọn hai con gái vào vòng tay. Hai hàng nước mắt nóng hổi lăn trên má răn reo, người đó reo to bằng giọng nói riêng biệt của xứ Scotland:

“Lạy Chúa, xin cảm tạ Người đã ban ơn này. Giờ đây, kẻ tội tở của Người sẵn sàng chờ đón mọi gian nguy!”

CHƯƠNG 15

Vậy chúng ta hãy vào để biết mục đích chuyên công cán của sứ thần Pháp mà tôi đã đoán được trước khi ông ta nói ra.^[43]

• SHAKESPEARE

Mấy ngày sau đó, binh sĩ ở pháo đài William Henry sống trong thiếu thốn, giữa những tiếng hò hét của quân địch và trong cảnh bao vây nguy khốn. Trước sức uy hiếp mạnh mẽ của đối phương, Munro không có biện pháp đối phó nào hữu hiệu. Dường như tướng Webb và quân của ông ta nằm dài bên bờ sông Hudson đã quên rằng những người đồng hương của họ đang lâm vào một tình trạng khốn quẫn. Tướng Pháp Montcalm đã tung người da đỏ đẩy các khu rừng nằm trong vùng chuyên chở đường bộ, và tiếng hò hét của họ vang vọng trên khắp các doanh trại Anh, làm lạnh tim những kẻ vốn đã quá khiếp nhược.

Nhưng quân lính bị vây hãm trong pháo đài William Henry vẫn vững vàng. Được động viên khích lệ bằng lời nói và việc làm gương mẫu của những người chỉ huy, họ can đảm giữ vững thanh danh truyền thống của đơn vị và cố tỏ ra xứng đáng với tính tình nghiêm khắc của người chỉ huy pháo đài. Dường như viên tướng Pháp quá thỏa mãn vì đã bắt gặp quân địch sau một cuộc hành quân gian khổ qua những vùng rừng núi hoang vu; bởi thế, mặc dù nổi tiếng là một nhà cầm quân thao lược, ông

ta đã quên không chiếm lĩnh những quả núi lân cận để có thể thẳng tay tiêu diệt lực lượng bị bao vây. Đó là một việc làm không thể sao nhãng mấy may trong một cuộc chiến tranh hiện đại hơn. Tư tưởng xem thường những cao điểm, nói đúng hơn là ngại leo núi vất vả, có thể được coi là một nhược điểm chung trong chiến tranh thời đó. Nó bắt nguồn từ những cuộc chiến đấu đơn giản trước kia với người Anh diêng. Do tính chất của những trận đánh và địa hình dày đặc của rừng rú nên hiếm có những công sự xây, và pháo binh gần như vô dụng. Tư tưởng này phát sinh từ đó và tồn tại mãi tới cuộc chiến tranh cách mạng của người Mỹ, khiến họ bị mất một vị trí quan trọng là pháo đài Ticonderoga^[44], do đó quân của tướng Anh Burgoyne đã mở được một con đường tiến vào trung tâm nước Mỹ. Chúng ta ngạc nhiên khi nhìn lại hiện tượng này mà ta gọi là dốt nát hay tự mãn đều đúng cả; chúng ta biết rằng giờ đây, việc xem nhẹ một cao điểm (mà người ta đã phóng đại những khó khăn như trường hợp núi Thách Thức) có thể phương hại tới thanh danh của nhà thiết kế những công sự ở dưới chân núi, hoặc của người chỉ huy có nhiệm vụ bảo vệ những công sự đó.

Ngày nay, nhà du hành, người dưỡng bệnh, khách yêu cảnh đẹp thiên nhiên ngồi trong xe ngựa đi qua những vùng chúng tôi tả trên đây để tìm hiểu tình hình, bồi dưỡng sức khỏe hay du ngoạn, hoặc giả lênh đèn trên những dòng nước được tạo nên bởi một nhà cầm quyền táo bạo dám đặt cả sinh mạng chính trị của mình vào một công cuộc đầy may rủi^[45], những người đó chớ nên nghĩ rằng ông cha mình đã vượt qua những ngọn núi hay vật lộn với những dòng nước này cũng dễ dàng như họ bây giờ.

Thời ấy, người ta thường coi việc chuyên chở một khẩu súng lớn ngang với một chiến thắng nếu, may sao, người ta khắc phục nổi khó khăn mang theo được cả đạn dược để không biến khẩu pháo thành một ống sắt vô dụng và nặng nề.

Tình thế bất lợi đè nặng lên số phận của người chỉ huy Scotland có nhiệm vụ bảo vệ pháo đài William Henry. Mặc dù không chiếm lĩnh những quả núi lân cận, Montcalm đã khéo bố trí những cỗ đại bác trên cánh đồng và điều tới những xạ thủ khỏe mạnh tài giỏi. Trước sức tấn công của đối phương, những người bị bao vây chỉ dựa vào một pháo đài mỏng mảnh, được xây đắp vội vã giữa một vùng rừng núi hoang vu.

Lúc đó là chiều ngày thứ năm pháo đài bị vây hãm và cũng sang ngày thứ tư từ khi thiếu tá Heyward nhận nhiệm vụ mới. Tranh thủ lúc hai bên mở cuộc đàm phán, anh trèo lên bờ lũy của một vị trí nằm sát mặt nước để hít thở không khí mát mẻ từ dưới hồ bốc lên và cũng để xem xét tình hình tiến triển của cuộc bao vây. Ngoài anh ra, chỉ có một người lính đi đi lại lại canh gác; những người lính pháo thủ, nhân cơ hội tạm ngừng làm nhiệm vụ nặng nhọc, cũng đã nhanh chân rút lui. Chiều xuống thật êm ả, không khí từ mặt hồ trong vắt dâng lên mát mẻ nhẹ nhàng. Tiếng súng gầm đạn réo đã im bật, thiên nhiên dường như trở lại cảnh thanh bình tươi đẹp. Mặt trời sắp lặn giội xuống vạn vật muôn ngàn tia nắng huy hoàng mà không gay gắt như lúc ban ngày. Núi non xanh mát phô vẻ duyên dáng, lúc ẩn lúc hiện sau những áng mây mỏng lững lờ trôi. Giữa hồ Horican có muôn vàn hòn đảo, hòn thấp lè tè gần ngập nước, hòn nhô lên khỏi mặt hồ như những trái núi xinh xinh phủ nhung xanh mượt, quanh các hòn đảo, trên mặt nước sáng như gương những người lính vây thành ung dung khua chèo quăng lưới hoặc nghỉ ngơi trên con thuyền bênh bồng.

Quang cảnh vừa náo nhiệt lại vừa yên tĩnh. Tất cả những gì thuộc về thiên nhiên đều êm đềm, bao la, mộc mạc; trái lại những gì thuộc về hoạt động của con người lại nhộn nhịp, rộn ràng.

Hai lá cờ nhỏ trắng tinh đã được giương lên, một lá cắm ở góc pháo đài nhô ra phía trước, một lá trên cổ pháo đầu của quân vây thành. Hai lá cờ không những cho phép quân đội hai bên tạm ngừng bắn mà dường như còn khiến cho họ trong chốc lát gạt bỏ mọi hận thù. Phía sau những lá cờ trắng phấp phới là hai lá cờ bằng lụa của hai nước đối địch Anh và Pháp.

Khoảng chừng một trăm anh lính Pháp trẻ trung, vui nhộn và vô tư đang kéo một tấm lưới lên bờ sỏi, chẳng hề sợ những khẩu đại bác lầm lì câm lặng của đối phương đặt ngay gần đó; từ dãy núi phía Đông vọng lại những tiếng hò reo vui đùa. Một số lao xuống hồ chơi những trò dưới nước một số khác tò mò leo lên những quả núi xung quanh ngắm cảnh. Trong lúc mọi người vui chơi, những người lính có nhiệm vụ canh gác hai bên đứng nhìn bằng con mắt đầy thiện cảm. Đó đây có những tốp cất tiếng hát hoặc nhảy múa, và những người da đỏ từ trong rừng sâu kéo tới xúm quanh. Tóm lại, người và cảnh dường như đang sống trong một ngày hội chứ không phải một giờ ngừng bắn với bao gian nguy nhọc nhằn của một cuộc chiến tranh đẫm máu và phục thù đang chờ đợi họ.

Duncan còn đang trầm ngâm ngắm nhìn cảnh tượng này, bỗng đâu có tiếng chân bước lại gần ở phía bãi đất trống trước cổng xuất kích khiến anh quay mặt lại. Anh đến một góc đồn thì thấy người trinh sát đang đi tới pháo đài, có một sĩ quan Pháp áp giải. Nét mặt Mắt Chim Ưng ngơ ngác âu sầu, đáng vẻ buồn nản, như thể bác cảm thấy bị rơi vào tay quân thù là một điều sỉ nhục lớn nhất. Khẩu súng bắt ly thân của bác đã bị

tước, và hai tay bác bị trói quặt sau lưng bằng dây da hươu. Thời gian này thường có các sứ giả cầm cờ trắng tới pháo đài nên khi Heyward vô tình trông thấy cảnh đó, anh tưởng nhầm là cờ tốp sĩ quan nào tới như những lần trước; nhưng khi nhận ra dáng hình cao lớn của người bạn trinh sát, anh giật mình kinh ngạc, vội rời khỏi nơi đang đứng và đi vào pháo đài.

Nhưng có tiếng người nói khiến anh phải chú ý và quên hẳn công việc sắp làm. Tới một góc ở bên trong, anh bắt gặp hai chị em Cora đang đi dọc bờ lũy. Cũng như anh, họ tìm chỗ thoáng đãng hóng mát. Đây là lần đầu tiên ba người gặp lại nhau từ sau khi Heyward phải dứt bỏ hai chị em Cora giữa đồng để bảo toàn tính mạng cho họ. Khi ấy, trông hai nàng tiều tụy bơ phờ, nhưng lúc này anh thấy họ đã trở lại tỉnh táo hồng hào tuy có phần bồn khoăn lo lắng. Trong tình huống ấy, chẳng có gì đáng ngạc nhiên một khi Heyward quên mất công việc anh định làm và đứng lại trò chuyện với hai người. Anh chưa kịp lên tiếng thì cô bé Alice ngây thơ đã cướp lời:

“Đây rồi, chàng hiệp sĩ biếng nhác và bất tín đã bỏ rơi các nàng tiểu thư giữa nơi chiến địa! Đã bao ngày, bao thế kỷ nay, chúng em chờ anh tới quỳ dưới chân để van xin chúng em rủ lòng thương bỏ qua hành động nhát gan, nói đúng hơn là cuộc rút lui của anh vì quả thật, như ông bạn trinh sát đáng quý của chúng ta vẫn thường nói, anh đã bỏ chạy nhanh hơn cả con hươu bị rượt đuổi.”

“Chắc anh cũng hiểu là Alice muốn nói lên lòng biết ơn của chúng tôi,” nàng Cora nghiêm trang và thận trọng hơn, đỡ lời, “Thật ra chúng tôi chỉ hơi ngạc nhiên tại sao anh đi biệt như vậy trong lúc cha con chúng tôi đều rất biết ơn anh.”

“Ngài đại tá có thể nói cho hai cô hay rằng tuy xa cách, tôi không sao nhãng bảo vệ sự an toàn của hai người,” viên sĩ quan

chỉ tay về phía một cứ điểm gần đây. “Quân đội hai bên đã giao tranh ác liệt để giành giật cái xóm có những lều vải kia, và kẻ nào chiếm được chắc chắn sẽ làm chủ pháo đài này và tất cả bên trong. Từ hôm chúng ta xa nhau, ngày đêm tôi có mặt tại đó vì nghĩ rằng nhiệm vụ gọi tôi tới đó. Nhưng,” nói tới đây, Heyward có vẻ không vui, anh cố nén không nổi, “nếu như tôi biết rằng hành động mà tôi coi là nhiệm vụ của người quân nhân lại bị hiểu sai đến như vậy thì một lý do nữa khiến tôi vắng mặt là sự hổ thẹn.”

“Anh Heyward! Anh Duncan!” Alice kêu lên; nàng ngả người về phía trước để nhìn rõ khuôn mặt hơi nghiêng của người sĩ quan, mái tóc vàng xõa xuống gò má đỏ ửng, che gần kín những giọt lệ đang trào, “Nếu em biết những lời nói đùa vừa rồi làm anh phiền lòng, em sẽ không bao giờ làm thế. Chị Cora có thể nói cho biết là chúng em đã đánh giá cao việc làm của anh và biết ơn anh sâu sắc nhiệt thành như thế nào.”

“Thế Cora có công nhận những lời của Alice là đúng không?” Duncan xua đám mây sầu vương trên khuôn mặt bằng một nụ cười cởi mở, “Người chị gái nghiêm khắc của chúng ta bảo sao? Liệu có tha thứ cho chàng hiệp sĩ đã bỏ rơi hai cô tiểu thư vì phải làm tròn nhiệm vụ của người lính không?”

Cora không trả lời ngay; nàng nhìn về phía mặt nước như thể mãi ngắm cảnh hồ Horican; khi nàng quay lại, đôi mắt đen láy chứa đầy u uất khiến chàng sĩ quan trẻ cảm thấy vô cùng áy náy, anh kêu lên:

“Cô không được khỏe, cô Munro thân mến! Thế mà chúng tôi lại bông đùa trong lúc cô đang mệt.”

Thấy Heyward đưa tay ra đỡ, Cora e lệ từ chối và đáp:

“Không sao cả đâu. Nếu tôi không nhìn thấy được khía cạnh sáng sủa của bức tranh cuộc đời như đứa em thơ ngây, sôi nổi và nhiệt tình này,” nàng âu yếm đặt nhẹ bàn tay lên cánh tay em gái, nói tiếp, “đó là do tôi đã trải qua nhiều kinh nghiệm sống và, có lẽ, đó cũng là điều bất hạnh cho tôi. Thiếu tá Heyward,” gạt bỏ những ý nghĩ bi quan, nàng quay về với hiện tại, nói tiếp, “anh hãy nhìn xung quanh và nói cho tôi biết tương lai nào đang chờ đứa con gái của một quân nhân đặt hạnh phúc lớn nhất vào danh dự và tiếng tăm.”

“Danh dự và tiếng tăm không thể bị bôi nhọ trước một tình thế mà người đó không làm chủ được.” Duncan sôi nổi đáp, “Nhưng câu nói của cô nhắc nhở tôi đi làm nhiệm vụ. Bây giờ tôi phải đi gặp người cha dũng cảm của cô để được biết quyết định của ngài về những việc còn phải làm để phòng thủ pháo đài. Cầu Chúa che chở cho cô trong mọi hoàn cảnh, cô Cora, Cora cao quý, cho phép tôi gọi như vậy.”

Cora đưa tay cho Heyward bắt, nhưng đôi môi nàng run run và hai gò má nhợt nhạt; Heyward nói tiếp:

“Tôi biết rằng trong mọi trường hợp, cô sẽ làm đẹp mặt và vinh dự cho phái nữ. Alice, chào em,” giọng Heyward chuyển từ trân trọng sang dịu dàng, “chào em Alice, chúng ta sẽ sớm họp mặt trong niềm vui chiến thắng, anh tin như vậy.”

Không chờ hai cô gái trả lời, người sĩ quan lao xuống những bậc thang mượt cỏ và băng mình qua thảo trường, lát sau đã tới trước mặt người chỉ huy của mình. Đại tá Munro đang dài bước đi đi lại lại trong căn phòng nhỏ hẹp, vẻ bối rối.

“Thiếu tá Heyward! Anh đã đi trước ý muốn của tôi,” ông nói, “tôi đang mong anh tới.”

“Thưa ngài, tôi rất tiếc rằng con người mà tôi đã nhiệt tình giới thiệu với ngài lại trở về đây dưới sự áp giải của quân Pháp. Tôi mong rằng không có lý do gì để ngài nghi ngờ lòng trung thành của anh ta.”

“Tôi biết rõ lòng trung thành của *Súng Dài* vượt lên trên mọi nghi ngờ,” Munro đáp, “tuy nhiên, lần này anh ta đã không gặp may như mọi khi. Montcalm bắt được anh, và theo cái phép lịch sự đáng ghét của người Pháp, ông ta đã gửi trả, bày ra câu chuyện - không có ý định giữ lại vì biết tôi đánh giá cao anh chàng. Thiếu tá Duncan Heyward, đó là một lối giáo quyết để báo tin bất hạnh cho người khác.”

“Nhưng ta còn tướng Webb và viện binh của ông ta!”

“Khi tới đây, anh có nhìn về phía Nam không? Và anh không thấy bọn họ chứ?” người quân nhân già cười chua chát, “Thôi! Thôi! Anh là một người thiếu kiên nhẫn. Phải để cho các ngài ấy có thời gian để tới đây!”

“Vậy ra họ đang trên đường đi tới! Người trinh sát đã nói với ngài như vậy, thưa đại tá?”

“Bao giờ? Và bằng đường nào? Anh chàng ngốc không nói với tôi điều đó. Đâu như còn có một bức thư nữa và đó mới là điểm lý thú trong câu chuyện này. Xưa nay hầu tước Montcalm của anh hay quan tâm tới người khác và, vì lòng tốt, ông người Pháp ấy bắt buộc phải cho chúng ta xem thư nếu trong đó có những tin chẳng lành. Mà này, Duncan, tôi cam đoan người Scotland có thể mua được cả một tá chức hầu tước đó!”

“Vậy ra ông ta giữ thư và thả người mang thư?”

“Phải, ông ta đã làm như vậy chính vì cái mà ông ta gọi là tính nhân hậu của ông ta. Tuy không biết đích xác, tôi dám nói

rằng ông của Montcalm xưa kia làm nghề nghiệp cao quý là dạy nhảy múa.”

“Thế người trinh sát bảo sao? Anh ta có mắt, có tai, có lưỡi, và đã báo cáo những gì với ngài?”

“Ồ! Tất nhiên anh ta không thiếu một bộ phận nào, và có thể kể lại tất cả những điều đã trông thấy và nghe thấy, đại thể chỉ là: trên bờ sông Hudson có một pháo đài của đức vua được đặt tên là Edward để tỏ lòng tôn kính hoàng tử Yorki trong pháo đài có đầy đủ binh lính cho xứng với tầm quan trọng của nó.”

“Nhưng có thấy động tĩnh hoặc dấu hiệu gì chứng tỏ người ta có ý định tới cứu viện chúng ta không, thưa ngài?”

“Sáng chiều có diễu binh, và khi có một tên lính địa phương điên khùng... Duncan này, anh cũng biết đấy vì anh có năm mươi phần trăm máu Scotland... khi một tên trong bọn ăn món cháo đặc và để rơi thuốc súng xuống than hồng thì thuốc súng chỉ cháy mà thôi.”

Đột nhiên Munro bỏ lời nói chua chát châm biếm, giọng ông trở nên nghiêm trang đắn đo, ông tiếp:

“Hẳn trong thư có điều gì mà chúng ta biết được thì tốt.”

“Ta phải quyết định nhanh chóng,” nhân lúc người chỉ huy chuyển thái độ, Duncan bèn đề cập tới những vấn đề quan trọng hơn, “Thưa ngài, tôi không dám giấu giếm rằng cứ điểm của chúng tôi không cầm cự được lâu hơn nữa; và tôi lấy làm phiền lòng nói thêm rằng tình hình pháo đài này cũng không sáng sủa hơn; quá nửa số đại bác đã bị vỡ. Làm sao có thể khác được! Có những khẩu vớt ở đáy hồ lên, một số nằm gổ sét trong rừng từ ngày người ta tìm ra xứ này; lại còn những khẩu chẳng phải đại bác mà là đồ chơi của quân cướp biển! Anh tưởng ở

nơi hoang vu cách nước Anh ba ngàn hải lý này lại có một xưởng đúc vũ khí như xưởng Woolwich Warren hay sao?”

“Những bức tường đổ ụp ngay bên cạnh chúng tôi, và lương thực bắt đầu cạn,” Heyward nói tiếp, mặc cho Munro trở lại thái độ bức dọc lúc trước, “ngay trong binh sĩ cũng có dấu hiệu bất mãn và hoảng hốt.”

“Thiếu tá Heyward,” Munro quay về phía người cộng sự trẻ, giọng nói uy nghiêm của một người cao tuổi và cao chức, “nửa thế kỷ phục vụ đức vua và mái đầu đã bạc này sẽ chẳng là cái gì nếu tôi không biết tới những điều anh vừa nói và hoàn cảnh cấp bách của chúng ta hiện nay. Nhưng chúng ta còn có nhiệm vụ đối với thanh danh nhà vua và cả với bản thân ta nữa. Chừng nào còn hy vọng vào viện binh, tôi còn bảo vệ pháo đài này mặc dù nó được xây bằng sỏi đá nhặt ở bên hồ. Điều chúng ta đang cần là nắm được nội dung lá thư để biết ý đồ của người kế tục bá tước xứ Loudon.”

“Tôi có thể làm được gì trong việc này không, thưa ngài?”

“Có thể được. Ngoài những phép tắc lịch sự khác, hầu tước Montcalm có mời tôi gặp riêng ông ta ở một địa điểm nằm giữa pháo đài và doanh trại Pháp để thông báo thêm một vài tin tức, như lời ông ta nói. Tôi nghĩ rằng ta không dại gì tỏ ra quá sốt sắng muốn gặp, và tôi có ý định cử ông, một quan cấp cao, đại diện cho tôi. Thật là một việc làm xúc phạm tới danh dự xứ Scotland nếu để cho thiên hạ nói rằng một người dân xứ này không được lịch sự bằng một người ở bất cứ nước nào khác trên trái đất.”

Duncan thấy không cần thiết phải tranh luận so sánh phép lịch sự của các quốc gia; anh vui vẻ nhận nhiệm vụ thay chân người chỉ huy lão thành trong cuộc gặp gỡ tới. Hai người bàn

bạc riêng hồi lâu; bằng những kinh nghiệm sắc sảo của mình, Munro dặn dò thêm một số điều, sau đó người sĩ quan trẻ rút lui.

Vì Duncan chỉ là đại diện của chỉ huy pháo đài nên người ta đã bỏ những nghi lễ đáng lẽ phải có trong một cuộc gặp mặt giữa những vị đứng đầu quân đội hai bên. Thời gian tạm ngừng chiến vẫn còn hiệu lực. Mười phút sau khi nhận chỉ thị, Duncan ra khỏi cổng xuất kích, tay cầm một lá cờ trắng nhỏ, giữa tiếng trống đổ hồi. Viên sĩ quan Pháp ở đồn tiền tiêu đón tiếp anh theo thủ tục thông thường và lập tức dẫn anh tới chỗ người quân nhân danh tiếng chỉ huy lực lượng Pháp.

Viên tướng Pháp tiếp người sứ giả trẻ tuổi ngay trong lều của ông, xung quanh có các sĩ quan phụ tá và các thủ lĩnh Anh diêng thân hình rám đen đã cùng với những chiến binh thuộc nhiều bộ lạc da đỏ theo Montcalm ra trận. Heyward sững sờ khi liếc nhìn đám thổ dân, anh nhận ra khuôn mặt gian ác của Magua đang chăm chăm nhìn anh một cách trầm tĩnh lâm lì, một nét đặc trưng của tên da đỏ tinh quái này. Một tiếng kêu kinh ngạc khẽ bật ra khỏi miệng người sĩ quan trẻ nhưng, chợt nhớ tới nhiệm vụ và những người đang đứng trước mặt, anh không để lộ mảy may xúc động, tiếp tục đi về phía tướng Montcalm lúc này đã tiến lên một bước để đón khách. Vào thời kỳ chúng tôi đang kể, hầu tước Montcalm đương độ hoa niên, và có thể nói thêm là đương thời gặp vận. Nhưng mặc dù ở một địa vị đáng ao ước, ông luôn tỏ ra ân cần niềm nở, không những ông nổi tiếng là con người hào hoa phong nhã mà cả về lòng can trường nghĩa hiệp, vì thế mà hai năm sau ông đã bỏ mạng ở miền đông bằng Abraham. Rời khuôn mặt độc ác của Magua, đôi mắt của Duncan khoan khoái ngắm nhìn diện mạo tươi tắn nhã nhặn và dáng điệu uy nghi của viên tướng Pháp.

“Thưa ông,” hầu tước Montcalm lên tiếng, “tôi rất vui sướng được... nhưng kìa, thông ngôn đâu rồi?”

“Thưa ngài, tôi nghĩ là không cần thiết,” Heyward khiêm tốn đáp, “tôi nói được chút ít tiếng Pháp.”

“Vậy thì tiện cho tôi quá,” Montcalm thân mật nắm cánh tay Duncan, dắt anh vào sâu trong lều, không muốn cho ai nghe, “Tôi rất ghét lũ ranh ma này. Thật không biết đâu mà lường được với chúng. Thưa ông,” Montcalm vẫn nói bằng tiếng Pháp, “mặc dù tôi lấy làm vinh hạnh nếu được tiếp vị chỉ huy của ông, tôi cũng rất sung sướng thấy ông ta chọn mặt gửi vàng cử tôi đây một sĩ quan ưu tú và chắc chắn là đáng mến như ông.”

Duncan rap mình đáp lễ. Anh cảm thấy đẹp lòng về lời khen ngợi nhưng vẫn tự nhủ phải kiên quyết không để cho mưu mô của kẻ địch làm cho nhãng quên quyền lợi của đức vua. Sau một lát im lặng như để tập trung suy nghĩ, Montcalm nói:

“Vị chỉ huy của ông là một con người dũng cảm và có đủ tài năng để đẩy lùi những cuộc tấn công của tôi. Nhưng, thưa ông, phải chăng đã tới lúc phải ngồi bàn bạc với nhau về lòng nhân đạo chứ không về lòng can đảm nữa? Lòng nhân đạo là một đức tính của kẻ anh hùng, cũng như lòng can đảm vậy.”

“Chúng tôi nghĩ rằng hai đức tính đó không tách rời nhau,” Duncan mỉm cười đáp lại. “Nhưng một mặt ngài tạo ra bao điều kiện để kích thích lòng can đảm của chúng tôi, mặt khác chúng tôi chưa nghe thấy tiếng gọi nào đặc biệt để vận dụng lòng nhân đạo của mình.”

Đến lượt Montcalm hơi nghiêng mình đáp lễ, nhưng với thái độ của một người đã quá quen những lời nói ngọt ngào khéo léo; trầm ngâm một lát, ông tiếp:

“Có thể chiếc ống kính viễn vọng đã đánh lừa mắt tôi, và những công sự của các ông chống đỡ được pháo binh của chúng tôi hơn là tôi tưởng. Ông biết lực lượng của chúng tôi đây chứ?”

“Những ước lượng của chúng tôi chưa thống nhất,” Duncan trả lời lấp lửng, “tuy nhiên con số cao nhất cũng không vượt quá hai mươi ngàn người.”

Viên tướng Pháp cẩn mõi soi mõi nhìn Heyward như muốn đọc những ý nghĩ trong đầu anh, rồi với tài ứng đối sẵn có, ông làm ra vẻ chấp nhận sự chính xác của con số trên thực tế cao gấp hai lần số quân của ông; ông nói tiếp:

“Thưa ông, đó là một lời khen thật đáng buồn cho sự thiếu cảnh giác của chúng tôi, những người lính. Mặc dù đã làm hết cách, chúng tôi cũng không giấu nổi lực lượng của mình. Nếu cần phải làm việc đó, có lẽ phải đưa hết quân vào rừng. Tuy ông cho rằng còn quá sớm để nghe theo tiếng gọi của lòng nhân đạo,” Montcalm cười hóm hỉnh, “tôi thiết nghĩ một chàng trai trẻ như ông không quên những phép lịch sự đối với phái đẹp. Tôi được biết rằng hai người con gái của ngài chỉ huy đã tới pháo đài từ khi chúng tôi tiến hành cuộc vây hãm.”

“Thưa ngài, đúng như vậy. Nhưng, không những không làm nhụt nhuệ khí của chúng tôi, hai cô đã nêu cao gương dũng cảm bằng sự chịu đựng ngoan cường của chính bản thân họ. Nếu như chỉ cần đến lòng quyết tâm để đánh lui được một vị tướng đầy tài năng như hầu tước Montcalm, tôi sẵn sàng giao phó nhiệm vụ bảo vệ pháo đài William Henry cho cô gái lớn.”

“Trong pháp điển Salique của người Pháp chúng tôi có một điều rất chí lý nói rằng: “Ngôi vua nước Pháp không bao giờ truyền cho đàn bà.”” Montcalm đáp, giọng xẵng và hơi kiêu kỳ,

nhưng lập tức ông trở lại lời nói cởi mở thoải mái. “Tôi sẵn sàng tin lời ông vì rằng những đức tính cao quý mang tính di truyền; tuy nhiên, như tôi đã nói, lòng can đảm có giới hạn, và đừng nên quên vấn đề nhân đạo. Thưa ông, tôi tin rằng ông tới đây với đầy đủ quyền hạn để bàn về việc đầu hàng của pháo đài các ông.”

“Phải chăng ngài thấy sức phòng thủ của chúng tôi quá yếu nên nghĩ rằng biện pháp đó là cần thiết?”

“Tôi sẽ lấy làm phiền lòng nếu các ông kéo dài việc cầm cự điều đó làm cho những người bạn da đỏ của tôi đây nổi giận.” Như thế không chú ý tới câu hỏi của Heyward, Montcalm đưa mắt về phía những thủ lĩnh Anh điêng đang chăm chú theo dõi, “Ngay lúc này đây, tôi đã khó mà giữ cho họ thực hiện đúng những quy định của chiến tranh.”

Heyward lặng yên; bất đắc dĩ anh nhớ lại những nguy hiểm mà anh vừa vượt qua, và hình ảnh hai người con gái yếu đuối đã cùng anh chia sẻ những gian nan vất vả hiện lên trong ký ức.

Nghĩ rằng đã nắm phần thắng, Montcalm thừa thế nói luôn:

“Những ông tướng này lại càng ghê gớm khi bị đánh lừa; thiết tưởng chẳng cần phải nói với ông rằng kiềm chế được cơn thịnh nộ của họ là một điều vô cùng khó khăn. Thế nào, thưa ông! Chúng ta có bàn tới những điều kiện đầu hàng không?”

“Tôi e ngài đánh giá sai lực lượng của pháo đài William Henry và những khả năng quân sự của nó.”

“Không phải tôi đang vây hãm thành Quebec mà là một công sự bằng đất được hai ngàn ba trăm con người dũng cảm bảo vệ,” Montcalm đáp gọn.

“Đúng là công sự của chúng tôi bằng đất và không xây trên nền đá của Mũi Kim Cương^[46]; nhưng nó nằm ngay bên hồ nước đã gây cho Dieskau và quân của ông ta những tổn thất nặng nề. Ngoài ra, cách chúng tôi vài tiếng đồng hồ hành quân còn có một lực lượng hùng mạnh mà chúng tôi coi như một bộ phận của pháo đài.”

“Có sáu hay tám ngàn người gì đó, Montcalm thản nhiên đáp,” nhưng vị chỉ huy khôn ngoan nghĩ rằng họ ở trong công sự an toàn hơn trên đất trống.

Đến lượt Heyward cắn môi bực tức vì Montcalm đã rất lạnh lùng đưa ra một con số mà anh biết là cao hơn thực tế. Hai người lặng yên suy nghĩ một lát, rồi Montcalm trở lại vấn đề lúc trước làm như tin rằng Heyward tới đây với mục đích duy nhất là để thương lượng đầu hàng. Về phần mình, Heyward cũng lựa lời gợi ý để cho viên tướng Pháp tiết lộ nội dung bức thư đã bị rơi vào tay ông ta. Nhưng mưu kế của họ đều không thành. Sau một cuộc gặp gỡ kéo dài vô ích, Duncan ra về với một cảm tưởng tốt về phong thái lịch thiệp và tài năng của viên tướng Pháp, nhưng vẫn không biết thêm điều gì hơn lúc mới tới Montcalm tiễn anh ra tận cửa và một lần nữa, đề nghị người chỉ huy pháo đài sớm cho ông được gặp tại khu đất trống nằm giữa quân đội hai bên.

Hai người chia tay nhau; vẫn viên sĩ quan lúc trước đã đón Heyward, bây giờ đưa anh trở lại đồn tiền tiêu của quân Pháp. Từ đó, anh đi thẳng về pháo đài và tới ngay bản doanh người chỉ huy của mình.

CHƯƠNG 16

Edgar: “Trước khi xuất trận xin ngài hãy đọc bức thư này.”^[47]

• SHAKESPEARE

Thiếu tá Heyward tới nơi thì chỉ thấy Munro với hai con gái. Ngồi trên đầu gối cha, Alice nhẹ nhàng rẽ mở tóc bạc trên trán ông già; mỗi lần ông làm ra bộ khó chịu về trò tình nghịch này, nàng lại âu yếm đặt cặp môi lên đôi má cau có khiến ông hết cả giận. Cora ngồi một bên lặng yên ngắm nhìn những cử chỉ con trẻ của em gái với vẻ trù mến của một người mẹ vì đối với Alice, nàng sẵn mang một tình yêu thương đặc biệt. Trong cảnh sum họp gia đình đầm ấm, ba cha con dường như tạm quên những gian nguy đã qua và cả những gì đang lơ lửng trên đầu tranh thủ thời gian ngừng chiến ngắn ngủi để dành cho nhau những tình cảm trong trắng và tốt đẹp nhất. Tận hưởng những giờ phút an bình, hai người con gái quên hết nỗi lo âu, và người cha cũng gác một bên mọi ưu phiền. Vội báo cáo công việc Duncan đi vào không báo hiệu nên không ai biết, và anh đã được chứng kiến cảnh tượng êm đềm này. Nhưng chẳng mấy chốc đôi mắt tinh nhanh của Alice đã thấy bóng anh trong gương, nàng đỏ mặt nháy mắt xuống đất, reo to: “Thiếu tá Heyward!”

“Thiếu tá Heyward thì làm sao?” Munro hỏi, “Cha đã cử anh chàng đến nói chuyện phiếm với viên tướng Pháp rồi... Kìa

anh, thanh niên có khác, nhanh nhẹn tề! Thôi, bước đi, con ranh; tưởng đâu một người lính chưa đủ bù đầu nếu không có những đứa con gái lấm mồm như con ở đây!”

Thấy sự có mặt của hai chị em lúc này là thừa, Cora liền ra khỏi phòng, Alice theo sau vừa đi vừa cười. Munro không hỏi kết quả chuyến đi công cán của người sĩ quan trẻ; ông đi đi lại lại trong phòng, tay chấp sau lưng, đầu cúi xuống sàn như đang mải mê suy nghĩ. Cuối cùng, ông ngược đôi mắt ngời sáng tình thương yêu của người cha và nói:

“Thật là hai đứa con gái tuyệt vời, anh Heyward ạ; có những đứa con như vậy, ai mà chẳng tự hào.”

“Thưa đại tá Munro, không phải bây giờ ngài mới biết ý kiến của tôi về hai người con gái của ngài.”

“Phải, phải,” Munro vội ngắt lời, “hôm mới tới đây, anh đã định nói nhiều hơn về vấn đề này, nhưng tôi lại nghĩ là không phải lúc để một người quân nhân già nghe những chuyện cười xin vui vậy một khi kẻ thù của đức vua là những vị khách không mời mà đến. Nhưng tôi nghĩ nhầm, anh Duncan ạ, phải, tôi đã nghĩ nhầm. Bây giờ tôi sẵn sàng nghe những điều anh muốn nói.”

“Mặc dù tôi rất sung sướng được ngài cho phép, thưa ngài, lúc này tôi có nhiệm vụ truyền đạt lại ý kiến của ông Montcalm.”

“Quý tha ma bắt viên tướng pháp và cả đám quân quan của lão!” người quân nhân già nổi nóng, “Lão ta chưa làm chủ pháo đài William Henry và sẽ không bao giờ làm chủ nếu như tướng Webb thực hiện nghĩa vụ của mình. Không đâu, nhờ trời, tình thế của chúng ta chưa đến nỗi quá cấp bách, và không ai có thể chê trách Munro này quá lo giải quyết việc

riêng của gia đình. Duncan, mẹ anh là con một của người bạn tâm phúc của ta, và ta sẽ chỉ nghe anh trình bày thôi, dù cho ông thánh Pháp Louis kéo cả đám hiệp sĩ của ông ta tới trước cổng xuất kích van xin ta nói một lời tốt lành. Đẹp thay, thưa ngài, chức hiệp sĩ mà người ta có thể mua được bằng vài thùng đường! Còn chức hầu tước chỉ đáng giá hai xu! Hiệp sĩ dòng Cây Gai mới thật là danh giá và cổ kính, nó mang một tinh thần thượng võ chân chính với phương châm “Kẻ nào tấn công ta ắt bị trừng trị!” Duncan, ông cha anh đã được tấn phong chức hiệp sĩ này, và họ đang làm rạng rỡ cho giới quý tộc Scotland.”

Thấy người chỉ huy của mình còn đang say sưa biểu lộ sự miệt thị đối với những lời nhẩn nhủ của viên tướng pháp, Heyward đành phải chiều theo ý muốn nhất thời của ông; cô giữ bình tĩnh, anh nói:

“Ước vọng của tôi, như ngài biết, là được vinh dự làm con ngài.”

“Ờ, anh tìm được những câu chữ thật dễ hiểu. Nhưng này, cho tôi hỏi, anh có nói cho con bé hiểu như vậy không?”

“Tôi lấy danh dự thừa với ngài là không,” Duncan vội vã đáp, “nếu tôi lợi dụng cơ hội để làm điều đó chẳng hóa ra lạm dụng lòng tin cậy của ngài sao!”

“Thiếu tá Heyward, anh có những suy nghĩ thật cao thượng và nghiêm túc. Nhưng Cora Munro là một đứa con gái rất khôn ngoan và thông minh, ngay cha nó cũng chẳng phải lo bảo ban dìu dắt.”

“Cora!”

“Phải, Cora. Phải chẳng chúng ta đang nói tới việc anh muốn kết hôn với Cora?”

“Tôi... tôi... tôi không nghĩ là đã nhắc tới tên cô ta.” Duncan lắp bắp.

“Thiếu tá Heyward, vậy anh muốn tôi đồng ý cho lấy ai?” người quân nhân già rướn thẳng người như cảm thấy nhân phẩm bị xúc phạm.

“Ngài còn một người con gái khác không kém phần đáng yêu Alice!” người cha kêu lên bằng một giọng cũng sừng sốt như khi Duncan nhắc tới tên Cora.

“Thưa ngài, đó là ước vọng của tôi.”

Chàng thanh niên yên lặng chờ đợi thái độ của Munro sau câu trả lời bất ngờ của anh. Hồi lâu, người cha già đi đi lại lại trong phòng, chân bước dài và nhanh, những đường gân thớ thịt trên khuôn mặt rắn rỏi co giật, toàn thân dường như tập trung vào suy nghĩ. Cuối cùng, ông dừng lại trước mặt Heyward, mắt nhìn thẳng mắt, đôi môi run bần bật; ông nói:

“Duncan Heyward. Từ trước tới giờ ta yêu quý anh vì trong huyết quản của anh có dòng máu người bạn chí thân của ta; ta yêu quý anh vì những đức tính của anh, ta còn yêu quý anh vì nghĩ rằng anh sẽ góp phần mang lại hạnh phúc cho con gái ta. Nhưng tất cả tình cảm thương yêu đó sẽ biến thành căm ghét nếu ta biết chắc rằng điều ta lo ngại có thật.”

“Mong sao không một hành động ý nghĩ nào của tôi khi ngài thay đổi thái độ như vậy!” chàng thanh niên kêu to, mắt vẫn nhìn thẳng vào đôi mắt sắc sảo của người chỉ huy.

Munro quên rằng Heyward không sao hiểu được nỗi lòng uẩn khúc của mình; tuy nhiên, trước sắc mặt không thay đổi của người đối thoại, nổi tức giận của ông dịu xuống và ông hạ giọng nói tiếp:

“Duncan, anh có thể trở thành con ta, vậy mà anh không biết về cuộc đời của một người mà anh muốn gọi là cha. Hãy ngồi xuống đây, chàng trai; bằng những lời thân mật ngắn gọn, ta sẽ vạch cho anh thấy những vết thương của một trái tim khô héo.”

Lúc này, cả người tới truyền đạt ý kiến của Montcalm lẫn người nghe đều quên mất nhiệm vụ của mình. Mỗi người kéo một chiếc ghế, người quân nhân già ôn lại trong ký ức những chuyện xưa, còn chàng thanh niên chăm chú ngồi đợi với một vẻ kính cẩn nhẫn nại. Cuối cùng, Munro cất tiếng nói:

“Thiếu tá Heyward, hẳn anh cũng đã biết gia đình tôi là một gia đình cổ kính và danh giá tuy sự giàu sang phú quý không tương xứng với địa vị xã hội. Có lẽ cũng vào trạc tuổi anh bây giờ, tôi có ước hẹn với Alice Graham, con của một nhà điền chủ ở gần nhà tôi. Nhưng cha nàng không ưng cho chúng tôi đi lại với nhau, không hẳn chỉ vì tôi nghèo. Tôi đã xử sự đúng như một người quân tử, trả lại cho nàng lời hẹn ước, rồi tôi rời bỏ xứ sở ra đi phụng sự đức vua. Tôi đã đi nhiều nơi và đã đổ máu trên nhiều mảnh đất, sau đó được trao nhiệm vụ sang vùng đảo châu Mỹ. Tại đây, số mệnh run rủi cho tôi quen biết một người con gái sau đó trở thành vợ tôi và mẹ của Cora. Cha cô ta là một người tử tể ở vùng đảo này; mẹ cô ta bất hạnh thay, cứ cho là như vậy,” ông già nói bằng một giọng đầy hãnh diện, “xuất thân xa xưa từ một giai cấp xấu số bị đày làm nô lệ để cung phụng cho nhu cầu của đám người xa hoa! Tai họa thay cho xứ Scotland đã kết liên trái lẽ với một dân tộc xa lạ nặng đầu óc buôn bán. Nhưng nếu có kẻ dám đổ tội lên đầu con gái tôi thì hẳn sẽ được biết sự tức giận của một người cha như thế nào! Thiếu tá Heyward, chính anh cũng sinh trưởng ở miền

Nam, nơi mà những người bất hạnh bị coi như một giống người hạ đẳng, không thuộc giai tầng của anh.”

“Tiếc thay điều đó lại có thật, thưa ngài.” Duncan bối rối đưa mắt nhìn xuống sàn.

“Vậy mà anh lại đổ tội đó lên đầu con gái tôi ư? Anh ghê sợ không muốn dòng máu nòi giống Heyward hòa vào với dòng máu thấp hèn, mặc dù con gái tôi đáng yêu và nét na, có phải thế chẳng?” người cha bênh con, giận dữ hỏi.

“Cầu Chúa tránh cho tôi một thành kiến không xứng đáng với sự suy nghĩ của tôi!” tuy nói vậy, Duncan tự nhận thấy ý nghĩ đó đã ăn sâu vào bản chất con người mình, “Tính nết nhu mì, nhan sắc và sức quyến rũ của cô gái út của ngài, thừa đại tá Munro, giải thích vì sao tôi yêu cô ta, đồng thời xóa gở cho tôi tội bất công.”

“Anh nói đúng,” người quân nhân già dịu giọng, “con bé là hình ảnh của mẹ nó khi bà bằng tuổi nó và chưa biết tới những nỗi đau khổ giày vò. Sau khi mẹ của Cora qua đời, tôi trở về Scotland, lúc này đã giàu sang phú quý. Duncan, anh có thể ngờ được rằng người đàn bà tuyệt vời ấy vẫn sống trong cảnh cô đơn lạnh lẽo suốt hai chục năm trời vì nặng lòng yêu thương một kẻ đã lãng quên mình rồi không? Hơn thế nữa, nàng còn tha tội phụ bạc cho tôi và, vì không còn trở ngại gì nữa, nàng đã nhận làm vợ tôi.”

“Và trở thành mẹ của Alice.” Duncan tiếp luôn với một sự sốt sắng có thể bất lợi cho anh nếu như lúc này tâm trí Munro không bị cuốn vào những chuyện xưa.

“Phải,” ông già đáp, “và cũng vì đã mang lại cho tôi niềm hạnh phúc này mà nàng đã phải trả một giá đắt. Nhưng nàng đã hóa thánh trên thiên đàng; còn tôi, giờ đây gần kề miệt lố,

tôi thấy không có gì phải phàn nàn cho một số phận quá may mắn như vậy. Tuy nhiên nàng chỉ làm bạn với tôi được một năm trời, một quãng đời sung sướng quá ngắn ngủi đối với một con người đã để cho tuổi xuân tàn tạ trong đợi chờ vô vọng.”

Trong niềm thương đau của người quân nhân già, có một cái gì đầy cương nghị khiến Heyward không dám ngỏ lời an ủi Munro gieo mình xuống ghế, quên rằng còn có Heyward trong phòng. Nét mặt ông đầy day dứt nuối tiếc, nước mắt giàn giụa lăn trên đôi gò má, rỏ cả xuống sàn. Cuối cùng, ông giật mình như chợt nhớ tới nhiệm vụ trước mắt, đứng dậy đi một vòng quanh phòng rồi lại gần người cộng sự, hỏi với một tư thế oai nghiêm quân sự:

“Thiếu tá Heyward, hầu tước Montcalm có nhờ anh nhắn điều gì cho tôi, phải không?”

Duncan cũng giật mình; anh lúng túng báo cáo lại những ý kiến của Montcalm mà anh hầu như gần quên. Thiết tưởng không cần kể lại dài dòng thái độ lịch thiệp nhưng mập mờ của viên tướng Pháp trước mọi mưu mẹo mà Heyward đã dùng để tìm hiểu nội dung thông báo của Montcalm cũng như những lời nhắn nghe lẽ phép nhưng cương quyết trong đó ông ta hé cho Munro hiểu rằng phải đích thân đi gặp ông ta mới biết được sự thật. Trong lúc nghe Heyward thuật lại tỉ mỉ sự việc, những tình cảm sôi nổi của người cha dần dần nhường chỗ cho những lo lắng của người chỉ huy; khi Heyward báo cáo xong, trước mắt anh là hình ảnh một quân nhân già đang bưng bưng tức giận vì danh dự bị tổn thương.

“Thôi đủ rồi, thiếu tá Heyward,” Munro giận dữ hét to, “đủ để viết một cuốn sách bàn về phép lịch sự của người Pháp. Tóm lại là người ta mời tôi tới để bàn bạc, và khi tôi cử một người

đại diện có đủ khả năng tuy còn trẻ như anh thì người ta trả lời bằng một câu đánh đố.”

“Thưa ngài, có thể ông ta không tin nhiệm người thay mặt; vả lại, xin ngài nhớ cho rằng ông ta muốn mời chỉ huy trưởng pháo đài chứ không phải là chỉ huy phó, như ông ta đã nhắc lại hôm nay.”

“Người thay mặt không có đủ quyền lực và tư cách như người ủy nhiệm sao? Lão ta muốn nói chuyện với Munro. Thực tình tôi cũng muốn chiều theo ý lão nếu chỉ để cho thấy quyết tâm của chúng ta, mặc dù lão có nhiều quân và đang thúc ép ta đầu hàng. Kể ra cũng là một đòn chính trị tấn công vào lão đấy, chàng trai ạ.”

Duncan tán thành ngay ý kiến của người chỉ huy, nghĩ rằng điều tối quan trọng là phải sớm biết được nội dung bức thư do người trinh sát mang từ pháo đài Edward về, anh đáp:

“Nhất định là trước thái độ bình tĩnh của ta, Montcalm sẽ đâm ra hoang mang.”

“Chưa bao giờ anh nói chí lý như vậy. Tôi còn muốn cho Montcalm đến thăm thú những công sự của ta giữa ban ngày và dưới dạng một cuộc tấn công; đó là biện pháp hiệu nghiệm nhất để nắn gân một kẻ địch, nó còn vượt xa những trận pháo kích của lão nhiều lắm. Thiếu tá Heyward, nghệ thuật của ngài Vauban^[48] của anh đã bóp méo vẽ đẹp hùng tráng của chiến tranh. Tổ tiên chúng ta còn vượt lên trên môn khoa học nhút nhát đó nhiều.”

“Điều đó có thể rất đúng, thưa ngài; nhưng lúc này, chúng ta buộc phải lấy nghệ thuật đánh lui nghệ thuật. Về cuộc gặp gỡ tới, ngài định ra sao?”

“Ta sẽ gặp viên tướng Pháp, không nao núng, không chậm trễ, ngay tức khắc cho xứng đáng là bề tôi của vương chủ ta. Nào, thiếu tá Heyward, hãy nghênh tiếp họ bằng một hồi quân nhạc rộn ràng, và hãy cử người sang báo cho họ biết là ai sẽ đến chỗ hẹn. Chúng ta sẽ đi cùng một tốp cận vệ cho tương xứng với một người nắm trong tay danh dự của đức vua. Mà này, Duncan, nghe đây,” Munro hạ thấp giọng mặc dù trong phòng chỉ có hai người, “cũng nên bố trí quân cứu viện sẵn sàng, đề phòng có sự lật lọng trong chuyện này.”

Sau khi nhận lệnh, người sĩ quan trẻ rời khỏi căn phòng. Trời sắp tối, không chút chậm trễ, anh vội đi thu xếp những công việc cần thiết. Chỉ vài phút sau, anh đã lấy đủ số quân hộ tống và cử một người liên lạc cầm cờ để báo cho đối phương biết là người chỉ huy pháo đài sắp tới chỗ hẹn. Làm xong hai việc đó, Duncan dẫn tốp cận vệ tới cổng xuất kích; Munro đã chờ sẵn ở gần đấy. Sau những nghi thức nhà binh thông thường của một cuộc khởi hành, người quân nhân già và người đồng sự trẻ tuổi của ông rời khỏi pháo đài cùng đoàn tùy tùng.

Họ mới đi được chừng một trăm thước thì thấy từ trong một con đường hẻm xuất hiện một toán quân quan hàng ngũ tề chỉnh đưa viên tướng Pháp tới nơi hội kiến. Con đường này nguyên là lòng một con suối nằm giữa trận địa pháo của Pháp và pháo đài Anh. Từ lúc rời khỏi công sự để đối mặt với quân thù Munro luôn luôn giữ tư thế đường hoàng, dáng đi vẻ mặt uy nghi. Khi nhìn thấy nam lông trắng phát phơ trên mũ Montcalm, đôi mắt ông sáng quắc, và tuổi tác không hề làm giảm vẻ oai phong trên thân hình cao lớn vạm vỡ của ông.

“Dẫn quân ta phải đề phòng,” ông nói nhỏ với Duncan, “chuẩn bị gươm súng sẵn sàng vì đối với một kẻ bày tôi của bọn vua Louis, không có gì đảm bảo đâu; đồng thời phải tỏ cho

chúng biết rằng ta rất vững vàng. Anh hiểu tôi chứ, thiếu tá Heyward!”

Trong lúc viên tướng Pháp đi tới, một hồi trống từ phía đó nổi lên ngắt lời Munro; lập tức có một hồi trống đáp lại. Mỗi bên phái một liên lạc viên tiến lên trước, tay cầm cờ trắng. Người quân nhân Scotland thận trọng đứng lại, đội cận vệ bám sát sau lưng. Montcalm tiến lại gần họ, bước đi nhanh nhẹn mà vẫn khoan thai. Ông lịch sự ngả mũ chào người quân nhân già, nạm lông trắng toát cắm trên mũ là là mặt đất. Dáng vẻ của Munro oai phong lẫm liệt nhưng thiếu phong thái thoải mái, bất thiệp và uyển chuyển của viên tướng Pháp. Trong mấy phút đồng hồ, không ai nói gì; họ nhìn nhau tò mò, chăm chú. Cuối cùng, Montcalm cất tiếng phá tan bầu không khí yên lặng, phần vì chức vụ cao hơn, phần vì tính chất cuộc gặp gỡ. Sau những lời chào hỏi xã giao, Montcalm quay về phía Duncan, mỉm cười quen thuộc rồi nói bằng tiếng Pháp:

“Thưa ông, tôi rất vui sướng lại được gặp ông trong dịp này. Sẽ không cần phải dùng một người thông ngôn bình thường vì được ông giúp cho, tôi cảm thấy yên tâm như chính tôi nói tiếng của ông vậy.”

Duncan cảm ơn lời khen ngợi. Sau đó Montcalm quay lại đoàn tùy tùng của mình lúc này cũng bắt chước đối phương đứng sát chủ tướng; ông nói:

“Lùi về phía sau, các con; trời nóng bức, hãy lui ra một chút.”

Trước cử chỉ tin cậy của Montcalm, thiếu tá Heyward cũng định ra lệnh cho quân bên mình lùi lại, nhưng khi đưa mắt nhìn xung quanh, anh lo ngại thấy có nhiều toán da đỏ đứng ở bìa rừng tò mò theo dõi tình hình.

“Chắc hẳn ngài Montcalm cũng nhận thấy ngay sự khác biệt giữa hoàn cảnh của chúng tôi và của các ngài,” anh nói hơi lúng túng, tay chỉ về phía những kẻ thù nguy hiểm rải rác khắp nơi, “Nếu chúng tôi ra lệnh cho quân rút lui, e rằng có thể bị tấn công không kịp trở tay.”

“Thưa ông, tôi lấy danh dự của một người Pháp quân tử đảm bảo an toàn cho các ông,” Montcalm đặt một tay lên trái tim, “điều đó chắc cũng đủ để ông tin.”

“Như vậy là đủ,” Nói rồi Duncan quay lại bảo viên sĩ quan phụ trách đội cận vệ: “Hãy lùi về phía sau, ngoài tầm tai nghe, và đứng đó chờ lệnh.”

Không giấu nổi lo lắng, Munro vội yêu cầu Duncan cho biết lý do.

“Thưa ngài, tỏ ra là ta tin vào họ, phải chăng điều đó có lợi hơn?” Duncan đáp, “Ngài Montcalm cam kết bảo đảm an toàn cho chúng ta, và tôi đã ra lệnh cho người của chúng ta rút về phía sau một chút để tỏ ra rằng ta hoàn toàn tin vào lời cam kết.”

“Cũng được thôi, nhưng tôi không quá nhẹ dạ tin vào lòng thành thực của cái đám hầu tước này như họ vẫn tự xưng đâu. Nhân hiệu quý tộc của họ quá nhàm, chắc đâu mang dấu ấn của danh dự thực sự.”

“Thưa ngài, xin chớ quên rằng chúng ta đang nói chuyện với một vị tướng lừng lẫy khắp châu Âu châu Mỹ về tài cầm quân. Với một quân nhân danh tiếng như vậy, chúng ta không có điều gì phải lo ngại cả.”

Người quân nhân già đành phải đồng ý, nhưng trên khuôn mặt rắn đanh vẫn lộ vẻ hoài nghi; sự hoài nghi đó không nảy sinh từ cuộc gặp gỡ này mà bắt nguồn từ lòng khinh bỉ kẻ thù

từ đời ông cha truyền lại. Montcalm kiên nhẫn chờ cho cuộc hội ý ngắn ngủi giữa hai người kết thúc rồi mới tiến lên gần nữa và đi vào vấn đề; ông nói với Duncan:

“Thưa ông, tôi đề nghị cấp trên của ông cho tôi gặp với hy vọng rằng sẽ thuyết phục để đại tá thấy rằng ngài đã làm tất cả những việc cần thiết vì thanh danh của Anh hoàng và bây giờ, ngài sẽ nghe theo tiếng gọi của lòng nhân đạo. Tôi sẽ mãi mãi chứng nhận rằng ngài đã chiến đấu anh dũng và còn tiếp tục chừng nào còn hy vọng.”

Sau khi Heyward dịch lại câu chào đầu của tướng Pháp, Munro đáp một cách hiên ngang nhưng không kém lịch sự:

“Lời chứng nhận của ngài Montcalm thật quý giá đối với chúng tôi; tuy nhiên, nó sẽ càng quý giá nếu tôi tỏ ra xứng đáng hơn.”

Nghe Duncan dịch câu trả lời, viên tướng Pháp mỉm cười đáp:

“Cho tới giờ thì chiến đấu dũng cảm là một điều rất đáng ca ngợi, nhưng tiếp tục chống cự vô ích có thể lại là một điều không chấp nhận được. Chẳng hay ngài chỉ huy có muốn đi thăm doanh trại và tận mắt quan sát lực lượng của chúng tôi để thấy rằng không thể chống cự được không?”

“Tôi biết đức vua Pháp có binh hùng tướng mạnh,” người quân nhân Scotland không nao núng đáp sau khi Duncan dịch xong, “nhưng vương chủ tôi cũng có những đạo quân vừa hùng hậu vừa trung thành.”

“May sao cho chúng tôi, những đạo quân đó không có mặt tại đây,” Montcalm vội vã trả lời, không chờ Duncan dịch lại, “Trong chiến tranh có định mệnh mà một con người can

trường phải biết phục tùng một cách dũng cảm cũng như khi đứng trước quân thù.”

“Nếu biết rằng ngài Montcalm nói tiếng Anh giỏi như vậy, tôi đã chẳng mất công phiên dịch một cách vụng về.” Duncan phật ý nói xẵng; anh chợt nhớ lại cuộc trao đổi ý kiến vừa qua giữa anh và Munro.

“Xin lỗi ông,” viên tướng Pháp trả lời, đôi má râm đen thoáng đỏ, “hiểu được và nói được một ngoại ngữ khác nhau rất xa; bởi vậy xin ông tiếp tục dịch giúp cho,” ngừng một chút, ông nói tiếp: “Những quả núi này tạo cho chúng tôi mọi thuận lợi để quan sát những cộng sự của các ngài và cũng như các ngài, chúng tôi biết rõ tình trạng suy sụp của chúng.”

“Hãy hỏi viên tướng Pháp là ông nhóm của ông ta có nhìn tới sông Hudson không,” Munro thách thức nói, “và liệu ông ta có biết sẽ gặp quân của tướng Webb ở đâu và vào lúc nào không?”

“Xin nhường cho tướng Webb thông ngôn hộ.” Viên tướng Pháp đa mưu túc trí vừa nói vừa chìa cho Munro một bức thư để ngỏ, “Đọc thư này, ngài sẽ thấy rằng những hoạt động quân sự của ông ta không gây trở ngại cho quân đội của tôi.”

Không chờ Duncan dịch, người quân nhân già vội vàng cầm lấy, một cử chỉ chứng tỏ ông rất quan tâm tới nội dung lá thư. Trong lúc đôi mắt lướt nhanh trên những dòng chữ, nét mặt Munro chuyển từ hiên ngang sang buồn rầu ủ rũ, đôi môi ông run run và trong khi lá thư rời khỏi tay, đầu ông gục xuống ngực như một người đột nhiên mất hết hy vọng. Duncan nhặt thư liếc vội những dòng chữ ác nghiệt, không kịp xin lỗi về cử chỉ đường đột của mình. Người chỉ huy của Munro và Heyward không những không khuyến khích họ cố thủ mà còn khuyên

họ sớm đầu hàng, nói thẳng ra rằng không thể cử được một người, nào tới cứu viện.

“Không còn nhằm gì nữa!” Duncan thét lên, tay lật đi lật lại tờ giấy, “Chữ ký của tướng Webb đây, đúng là bức thư bị mất.”

“Con người ấy đã phản bội ta!” Munro chua chát kêu to, “Ông ta đã làm mất danh dự cho một gia đình chưa hề biết tới sự ô nhục và đã bôi tro trát trấu lên mái đầu bạc của ta!”

“Xin ngài chớ nói thế!” Duncan lên tiếng, “Chúng ta vẫn làm chủ pháo đài và giữ được danh dự của chúng ta. Chúng ta có chết cũng làm cho đối phương thấy rằng họ phải trả một giá quá đắt.”

“Ta cảm ơn con,” người quân nhân già sức tỉnh khỏi cơn bàng hoàng, đáp, “lần này, con đã nhắc Munro nhớ tới bốn phận của mình. Chúng ta hãy quay trở về đào sẵn mồ chôn chúng ta đằng sau những chiến lũy kia.”

“Thưa các ngài,” Montcalm tiến một bước về phía hai người, vẻ sốt sắng bao dung, “các ngài hiểu quá ít về Louis Montcalm này nếu nghĩ rằng tôi định lợi dụng lá thư để làm nhục những con người dũng cảm và để tự bôi nhọ danh của mình. Trước khi rời nơi đây, xin hãy nghe những điều kiện của tôi.”

“Người Pháp đó nói gì vậy?” lão quân nhân nghiêm giọng hỏi, “Phải chăng ông ta coi bắt được người trinh sát và bức thư của bộ chỉ huy là một chiến công? Tốt hơn hết là ông ta bãi bỏ cuộc bao vây này và tới ngồi trước pháo đài Edward nếu muốn dùng lời nói khiến kẻ thù khiếp sợ.”

Duncan thuật lại ý kiến của Montcalm; nghe xong, người quân nhân già nói ôn tồn hơn:

“Thưa ngài Montcalm, chúng tôi xin nghe ngài.”

“Giữ pháo đài lúc này là một việc không thể được,” kẻ thù rộng lượng của Munro nói, “vì lợi ích của chủ tôi, chúng tôi phải phá hủy nó. Còn về phần các ngài và những người bạn dũng cảm của các ngài, chúng tôi sẽ không từ chối bất cứ một quyền lợi thiết thân nào đối với người lính.”

“Quân kỳ của chúng tôi thì sao?” Heyward hỏi.

“Xin mang về Anh quốc và trình lên đức vua của các ngài.”

“Vũ khí của chúng tôi?”

“Hãy giữ lấy, không ai sử dụng những thứ đó giỏi hơn các ngài.”

“Còn việc rút quân của chúng tôi và giao nộp pháo đài?”

“Tất cả sẽ được tiến hành hết sức thỏa đáng đối với các ngài.”

Duncan quay sang thuật lại những điều kiện đầu hàng cho người chỉ huy của mình. Nghe xong, Munro tỏ ra ngạc nhiên và rất xúc động trước sự khoan dung bất thường và cũng bất ngờ này; ông nói:

“Duncan, anh hãy đi theo vị hầu tước; ông ta quả xứng danh là một hầu tước. Hãy đến bản doanh của ông ta để thu xếp mọi công việc. Ta đã sống tới tuổi già để nhìn thấy hai sự việc mà ta không bao giờ ngờ tới; một người Anh sợ không dám giúp bạn, và một người Pháp quá lương thiện không muốn lạm dụng ưu thế của mình.”

Nói xong, lão quân nhân lại gục đầu xuống ngực, chậm chạp quay trở về pháo đài. Dáng điệu bơ phờ của ông báo trước tin chẳng lành cho binh lính đang bồn chồn chờ đợi.

Duncan ở lại bàn cụ thể về các điều khoản đầu hàng. Anh trở về pháo đài vào lúc những phiên gác đầu tiên. Sau khi hội ý

riêng với người chỉ huy, anh lại sang phía bên kia ngay. Tin ngừng chiến được công bố, đại tá Munro đã ký một hiệp định và sáng hôm sau pháo đài sẽ được trao cho đối phương; quân lính trong pháo đài được giữ vũ khí, quân kỳ, quân trang và như vậy là theo quan điểm của các nhà quân sự, họ giữ được danh dự.

CHƯƠNG 17

Chúng ta hãy dệt. Sợi đã xe.
Mạng lưới đã đan. Việc đã xong.^[49]

• GRAY

Đêm mùng 9 tháng 8 năm 1757, quân đội Anh và Pháp đóng tại vùng hồ Horican hoang vu sống trong một khung cảnh giống như trên một chiến trường thực thụ bên trời Âu. Trong khi những kẻ bại trận lạng lẽ, ủ rũ, bơ phờ thì những người chiến thắng hân hoan, phấn khởi. Nhưng vui cũng như buồn đều có giới hạn. Khoảng nửa đêm về sáng, trong khu rừng tĩnh mịch bao la, chỉ còn đôi lúc tiếng gọi vui nhộn của anh lính Pháp trẻ nào đó ở vọng gác tiền tiêu, hoặc tiếng hô nạt nộ từ pháo đài vọng ra, ngăn không cho quân thù tới gần trước thời gian quy định. Nhưng đến những giờ phút đầu hui lúc gần sáng thì cả những tiếng hô đầy uy hiếp và thừa thốt kia cũng im bật, dấu lắng tai nghe cũng chẳng thấy một dấu hiệu nào về sự có mặt của những đạo quân đang thiếp ngủ bên bờ “hồ thiêng liêng”.

Giữa cảnh vật vắng lặng như tờ, bức màn che cửa của một căn lều to trong doanh trại Pháp vén lên, và một người từ bên trong bước ra. Người đó khoác một cái áo choàng có lẽ để che sương đêm ướt lạnh, đồng thời cũng để cho mọi người không nhận ra mình. Anh lính đứng canh giấc ngủ của viên tướng

Pháp để cho người khoác áo choàng đi qua không hỏi han và, theo thường lệ, kính cẩn bồng súng chào trong lúc người đó rảo bước qua khu lều, đi về phía pháo đài William Henry. Trên đường gặp nhiều lính gác hỏi khẩu lệnh, người lạ mặt trả lời gãy gọn và có vẻ trôi chảy vì thấy vẫn tiếp tục đi, không bị ai xét hỏi gì nữa.

Ngoài những lúc phải tạm dừng chân như vậy, người đó cứ lặng lẽ đi từ trung tâm doanh trại tới các vị trí tiền tiêu, đang tiến lại gần người lính canh ở sát vị trí địch nhất thì có tiếng hô vọng tới:

“Ai?”

“Nước Pháp.”

“Khẩu lệnh?”

“Thắng lợi!” người có áo choàng xích lại gần hơn thì thào.

“Được!” người lính gác đặt lại khẩu súng trên vai. “Đi chơi sớm thế, ông!”

“Cần phải cảnh giác, con ạ.” Người lạ mặt hé áo choàng, nhìn vào tận mặt người lính, chân vẫn tiếp tục bước về phía pháo đài Anh.

Anh lính gác giật mình, bồng súng chào hết sức cung kính rồi lại khoác lên vai trở về vị trí, mồm lẩm bẩm:

“Đúng, phải cảnh giác! Thiết tưởng bọn mình có đây một thầy cai không bao giờ ngủ!”

Người sĩ quan làm như không nghe thấy những lời anh lính nọ vừa thốt ra trong cơn kinh ngạc, tiếp tục đi tới bờ hồ mới dừng bước; chỗ này khá nguy hiểm vì ở phía Tây gần đây có một đồn địch nằm sát mặt nước. Ánh trăng đục chỉ đủ để nhìn thấy lờ mờ hình bóng mọi vật xung quanh. Tới nơi, nhân vật nói trên thận trọng nép vào một thân cây, quan sát khá lâu hết

sức chăm chú những thành lũy đen ngòm và im lìm của đôi phương, xem ra không phải vì tò mò hoặc giả nhin vu vơ, trái lại, đôi mắt di chuyển từ điểm này tới điểm khác với một vẻ thành thạo, soi mói, nghi hoặc. Cuối cùng, người sĩ quan tỏ ra hài lòng; sau khi đưa mắt về đỉnh núi phía Đông như mong chờ trời sáng, người đó vừa định quay gót ra về, bỗng đâu có một tiếng động nhỏ từ một góc gần nhất trên pháo đài vẳng lại khiến ông ta phải ngừng bước.

Vừa hay thấy bóng một người đi tới gần bờ lũy thì dừng lại nhìn về khu lều xa xa của doanh trại Pháp, sau đó quay đầu về phía Đông như thể cũng mong trời sáng, cuối cùng tựa vào bờ lũy nhìn xuống mặt hồ sáng như gương phản chiếu bầu trời lấp lánh muôn ngàn vì sao. Dáng điệu ử rữ cùng với tầm vóc cao lớn của con người đang đứng trầm ngâm trên bờ lũy, trong đêm khuya khoắt, khiến cho người đang quan sát nhận ra ngay. Vốn tế nhị và thận trọng, người sĩ quan pháp nhẹ nhàng vòng qua thân cây để ra về; bỗng đâu có một tiếng động khác khiến ông lại phải dừng chân theo dõi. Đó là tiếng khuấy nước rất êm, tiếp theo là tiếng sỏi lạo xạo. Lát sau thấy một bóng đen từ dưới hồ bước lên bờ, không một tiếng động, chỉ cách chỗ ông đứng vài bước. Một nòng súng từ từ nâng lên, chĩa về phía bên kia mặt nước long lanh; nhưng khẩu súng chưa kịp phát hỏa thì bàn tay của người sĩ quan đã đặt lên bộ phận khóa nòng.

Không thực hiện được mưu mô xảo trá vì bị chặn tay bất thành linh, tên da đỏ kinh ngạc thốt lên một tiếng kêu.

Chẳng nói chẳng rằng, người sĩ quan Pháp đặt tay lên vai tên Anh điêng, lẳng lặng dẫn y lánh xa chỗ họ đang đứng vì nói chuyện ở đây có thể nguy hiểm và ít ra cũng có một trong hai người trở thành sát nhân. Rồi vạch áo choàng ra để lộ bộ quân

phục và tấm huân chương thánh Louis đeo trên ngực, Montcalm nghiêm nghị hỏi:

“Như thế nghĩa là thế nào? Con ta không biết rằng người cha Canada của nó và những người Anh đã chôn cây rìu trận rồi sao?”

“Thế người Huron làm gì bây giờ?” tên Anh điêng bập bẹ hỏi lại bằng tiếng Pháp, “Chưa một chiến binh nào lột được một mảng da đầu, vậy mà những người mặt tái đã thân thiện với nhau.”

“Hà! Cáo Tinh Khôn! Ta thấy anh tỏ ra là một người bạn quá sốt sắng tuy cách đây không lâu, anh còn là kẻ thù của chúng ta. Mặt trời đã lặn được bao nhiêu lần từ khi Cáo rời bỏ doanh trại của người Anh?”

“Mặt trời ở đâu?” tên Anh điêng nhăm nhắng đáp, “ở sau núi, tối om và lạnh lẽo. Nhưng khi nó hiện ra thì lại sáng sủa ấm áp. Cáo Tinh Khôn là mặt trời của bộ lạc nó. Trước đây có mây đen núi cao ngăn cách nó với dân tộc nó; bây giờ nó lại chiếu sáng, bầu trời lại trong trẻo.”

“Ta biết lắm, Cáo có uy quyền đối với bộ lạc của nó,” Montcalm nói, “tuy mới hôm qua Cáo còn săn lùng những mảng da đầu của họ, hôm nay họ vẫn nghe lời Cáo trước ngọn lửa của hội đồng.”

“Magua là một thủ lĩnh vĩ đại.”

“Thế thì hãy tỏ ra vĩ đại bằng cách bảo cho bộ lạc của mình phải cư xử như thế nào với những người bạn mới của chúng ta.”

“Thế tại sao viên tướng Canada lại đưa binh lính trẻ của mình vào rừng và bắn đại bác vào các đồn bằng đất?” tên Anh điêng tỉnh quái hỏi.

“Để chinh phục nó. Đất này là của chủ ta, và ta được lệnh đánh đuổi bọn người Anh tới chiếm đoạt. Họ đã bằng lòng đi khỏi đây và bây giờ ta không gọi là kẻ thù nữa.”

“Được, Magua đã đào rìu traten lên để nhuộm máu cho nó. Bây giờ rìu còn sáng; khi nào nó đỏ, lúc đó sẽ chôn.”

“Nhưng Magua không được làm ô danh nước Pháp. Kẻ thù của đại đế trị vì ở bên kia hồ nước mặn là kẻ thù của Magua; bạn của Người là bạn của dân Huron.”

“Bạn à!” tên Anh nghiêng khinh bỉ nhắc lại, “Cha của Magua đưa tay đây.”

Biết rằng chỉ có thể duy trì ảnh hưởng của mình đối với các bộ lạc da đỏ hiếu chiến bằng nhân nhượng chứ không bằng uy lực Montcalm miễn cưỡng phải chiều ý hấn. Tên Anh nghiêng ngón tay của người chỉ huy Pháp lên một vết sẹo sâu hoắm ở trên ngực mình, đặc chí hỏi:

“Cha có biết cái gì đây không?”

“Người chiến binh nào chẳng biết! Đây là vết cắt của một viên đạn chì.”

“Thế còn cái này?” tên Anh nghiêng quay lưng lại, hỏi tiếp; y để mình trần, không mặc áo như thường lệ.

“Cái này ư! Con ta đã bị xúc phạm tàn tệ. Ai đã làm việc đó?”

“Magua ngủ say tít trong lều của người Anh, và những ngọn roi đã để lại vết tích này đây.” Tên Anh nghiêng cười gằn, không giấu nổi cơn giận đang sôi sục như muốn chẹn lấy cổ; nhưng rồi y trấn tĩnh lại, nói tiếp với một vẻ đầy tự tôn của người da đỏ: “Thôi, cha cứ về bảo những người lính trẻ của cha là có hòa bình rồi. Cáo Tinh Khôn đã có cách nói với các chiến binh Huron.”

Chẳng thèm nói thêm nửa lời, cũng chẳng buồn chờ câu trả lời, tên da đỏ đặt súng vào khuỷu tay, lẳng lặng qua khu doanh trại, đi về cánh rừng trú quân của bộ lạc y. Mới đi được vài thước thì lính canh hô đứng lại, nhưng y cứ lừ lừ đi thẳng, bất chấp tiếng hô của những người lính. Sở dĩ y thoát chết là vì họ nhận ra dáng điệu, bước đi cũng như thái độ táo tợn ương bướng của một người Anh điên.

Sau khi Magua bỏ đi, Montcalm đứng tần ngần hồi lâu bên hồ, ngẫm nghĩ về tính tình mà người bạn đồng minh bất tri vừa biểu lộ. Đã có lần thanh danh của ông bị hoen ố vì xảy ra một cuộc tàn sát khủng khiếp trong một trường hợp giống hệt trường hợp hiện tại. Trong lúc suy ngẫm, ông cảm nhận một cách sâu sắc trách nhiệm nặng nề của những người đi tới mục đích bất kể bằng cách nào, và ông cũng thấy rõ tất cả tầm nguy hiểm một khi khởi động một bộ máy mà không có đủ sức để hãm nó lại. Nhưng rồi Montcalm cắt đứt dòng tư tưởng mà ông coi là một sự yếu mềm trong giờ phút chiến thắng này; trên đường trở về lều của mình, ông ra lệnh nổi hiệu trống để đánh thức quan quân đang mơ màng thiếp ngủ.

Từ trung tâm pháo đài Anh vọng lại hồi trống đầu tiên nổi lên trong doanh trại Pháp, tức thì thung lũng âm vang những khúc nhạc hùng tráng, ngân dài, đỉnh tai nhức óc, át cả những âm thanh khác. Tiếng kèn của những người chiến thắng ngân vang, nhộn nhịp rộn rã, cho tới khi người chậm chân cuối cùng đã đứng vào hàng ngũ. Nhưng khi tiếng địch lạnh lạnh nơi hiệu trong pháo đài Anh thì kèn trống im bật. Trời tảng sáng; khi binh sĩ Pháp đã tề tựu đông đủ để đón chào chủ tướng, ánh nắng chan hòa chiếu vào những hàng quân lấp loáng. Tin chiến thắng mà mọi người đã biết, được công bố chính thức; đơn vị được đặc cách phân công canh gác các cổng

pháo đài Anh điều qua trước mặt Montcalm, rồi kéo thẳng sang phía bên kia, tại đó đối phương đã được thông báo. Tất cả những công việc chuẩn bị thông thường cho một cuộc tiếp quản được phổ biến và thi hành ngay dưới mũi súng của các công sự bị giành giật.

Một cảnh tượng khác hẳn đang diễn ra bên trong những phòng tuyến quân đội Anh-Mỹ. Ngay khi hiệu lệnh vừa nổi lên, người ta thấy có tất cả những dấu hiệu của một cuộc ra đi vội vã và miễn cưỡng. Những người lính ủ rũ khoác lên vai những khẩu súng không đạn, uể oải đứng vào hàng ngũ; máu trong người họ còn sôi sục sau cuộc chiến đấu vừa qua, và họ chỉ mong có dịp rửa mối nhục đang làm nhức nhối, lòng tự trọng mà họ phải nén xuống để tuân thủ nghi thức nhà binh. Đàn bà trẻ con chạy nhón nháo, người mang theo bọc hành lý ít ỏi, kẻ tìm kiếm sự che chở trong hàng ngũ những người quân nhân. Munro xuất hiện trong hàng quân lặng lẽ, vẻ mặt kiên nghị nhưng mệt mỏi. Rõ ràng đòn bất ngờ này đã đánh trúng tim ông tuy ông đã đấu tranh để chịu đựng nỗi bất hạnh với tư thế một người lính.

Thấy người chỉ huy của mình vẫn tỏ ra bình tĩnh vững vàng, Duncan vô cùng xúc động. Sau khi giải quyết xong phần công việc được giao, anh tới bên ông già để xem có thể giúp được gì cho ông. Câu trả lời của Munro ngắn gọn nhưng đầy ý tứ:

“Các con gái tôi.”

“Trời ơi! Chưa ai chuẩn bị gì cho các cô ấy ư?”

“Thiếu tá Heyward, giờ đây tôi chỉ còn là một người lính,” lão quân nhân đáp, “Tất cả mọi người ở đây đều yêu cầu tôi coi họ là con cả.”

Duncan chỉ kịp nghe tới đó. Không để mất thời gian lúc này rất quý báu, anh lao tới bản doanh của Munro tìm chị em Cora thì thấy hai người đứng ở ngưỡng cửa ngôi nhà thấp, sẵn sàng lên đường, xung quanh có một đám phụ nữ đang kêu khóc âm ỉ; những người này tụ tập cả ở đây, nghĩ rằng là nơi được bảo vệ tốt nhất. Hai má Cora nhợt nhạt, khuôn mặt đầy lo âu tuy nàng vẫn giữ được bình tĩnh, cặp mắt Alice sưng mọng chứng tỏ đã khóc nhiều. Tuy nhiên, khi trông thấy người sĩ quan trẻ, họ không giấu được vui mừng; trái với mọi ngày, Cola lên tiếng trước:

“Pháo đài đã thất thủ,” nàng cười buồn bã, “nhưng tôi tin rằng thanh danh của chúng ta vẫn còn.”

“Thanh danh của chúng ta ngời sáng hơn bao giờ hết. Nhưng cô Munro thân mến, giờ đây không phải lúc nghĩ nhiều tới những chuyện khác mà phải lo cho bản thân mình. Theo tục lệ nhà binh, vì tự trọng, lòng tự trọng mà cô rất coi trọng, cha cô và tôi phải đi cùng với quân đội một đoạn. Vậy tìm đâu ra bây giờ một người bảo vệ chắc chắn cho hai cô trước tình hình rối ren đầy may rủi này.”

“Chúng tôi không cần tới ai cả,” Cora đáp, “trong hoàn cảnh như thế này, kẻ nào dám xúc phạm tới những đứa con gái của một người như cha tôi!”

Người thanh niên liếc nhìn xung quanh, nói:

“Tôi không muốn để các cô đi một mình dù tôi được chỉ huy trung đoàn chính quy tinh nhuệ nhất của đức vua. Hãy nhớ rằng Alice của chúng ta không được cứng rắn như cô, và chỉ có trời biết nàng sẽ phải chịu đựng sự khùng khiếp tới mức nào.”

“Anh nói cũng phải.” Cora đáp với một nụ cười rầu rĩ hơn lần trước, “Nhưng kìa, vận may đã đem lại cho chúng ta một

người bạn trong lúc đang cần.”

Duncan lắng tai nghe và hiểu ngay ý của Cora. Những âm thanh trầm trầm và trang nghiêm của một bài hát lễ rất quen thuộc đối với những tỉnh miền Đông, đập vào tai anh; lập tức anh đi sang một căn phòng ở khu nhà bên. Chủ nhân của nó đã bỏ đi rồi, chỉ thấy một mình David đang biểu lộ lòng sùng kính bằng những bài hát mà anh vẫn thích thú xưa nay. Chờ cho bàn tay ngừng đánh nhịp và bài ca kết thúc, Duncan mới đặt tay lên vai David để thu hút sự chú ý của anh chàng, rồi nói vắn tắt ý định của mình.

“Được lắm,” người đồ đệ chân thật của vua xứ Israel đáp khi Duncan nói xong, “tôi nhận thấy hai cô gái đó tính tình hòa nhã dễ thương; là những người đã cùng nhau chia sẻ bao gian nguy, chắc chắn chúng tôi sẽ sống hòa hợp với nhau. Tôi sẽ chăm sóc các cô ấy sau buổi cầu kinh sáng. Còn bài tụng ca nữa là xong. Anh bạn có muốn tham gia không? Nhịp bình thường, theo điệu “Southwell”.”

Với một vẻ rất chăm chú, David lại mở cuốn sách nhỏ, lấy giọng tiếp tục hát một mạch khiến Heyward không sao ngắt được, đành phải chờ cho tới khi bài hát kết thúc; thấy David bỏ kính và cất sách, anh nói tiếp:

“Anh có nhiệm vụ coi sóc không cho ai lại gần hai cô gái với những ý đồ thô bạo hoặc phỉ báng chế nhạo số phận không may của người cha dũng cảm của các cô. Gia nhân của họ sẽ giúp anh làm việc này.”

“Được lắm.”

“Có thể là bọn Anh điêng và những tên lính Pháp vô kỷ luật sẽ làm bừa. Trong trường hợp đó, hãy nhắc nhở cho chúng biết

những điều kiện đầu hàng và dọa báo cáo lại hành động của chúng cho tướng Montcalm. Chỉ cần nói thế là đủ.”

“Nếu không, đã có cái này,” David giơ quyển sách nhỏ lên với một vẻ vừa nhẹ nhàng vừa tin tưởng, “Những lời ca trong đây được hát lên, hoặc đúng hơn là được thét lên một cách hùng hồn và đúng lúc, sẽ làm dịu những tâm tính ngổ ngược nhất.”

Để chứng minh cho lời nói của mình, đột nhiên anh cất cao giọng: “Có sao lũ tà giáo kia nổi xung như vậy?”

“Thôi,” Heyward cắt ngang, “chúng ta đồng ý với nhau rồi; giờ là lúc mỗi người phải đi làm nhiệm vụ của mình.”

Chàng Gamut vui vẻ tán thành, rồi cả hai tới gặp các cô gái. Cora tiếp đón người bảo vệ mới và có phần dị thường với thái độ lịch sự cần thiết, còn khuôn mặt xanh xao của Alice thoáng một vẻ hóm hỉnh trong khi nàng cảm ơn sự chu đáo của Duncan. Chàng thanh niên vội thanh minh là anh đã làm hết sức trong hoàn cảnh cho phép, và anh tin rằng như vậy là quá đủ để bảo đảm an toàn cho hai người vì không có gì nguy hiểm cả. Anh hẹn sẽ gặp lại chị em Cora sau khi đã dẫn tiền đội đi được vài dặm về phía sông Hudson, rồi lập tức đi ngay.

Lúc này, lệnh khởi hành đã được ban ra, và khúc đầu của đạo quân Anh đã chuyển động. Hai người thiếu nữ giật mình khi hiệu lệnh nổi lên; đưa mắt nhìn quanh, họ thấy lính cận vệ Pháp, quân phục trắng toát, đã chiếm lĩnh các cổng pháo đài.

Đồng thời, như thể có một đám mây lớn đột nhiên trùm lên đầu; hai người ngược lên thì thấy mình đứng dưới một lá cờ Pháp rộng lớn đang phấp phật tung bay.

“Ta đi thôi,” Cora nói, “nơi đây không còn thích hợp với những người con gái của một sĩ quan Anh.”

Alice nín lấy tay chị, rồi cả hai rời khỏi thao trường cùng với đám đông đàn bà và trẻ con.

Khi đi qua các cổng pháo đài, sĩ quan Pháp lễ phép cúi chào vì biết lai lịch hai cô; rất tế nhị, họ không biểu lộ một cử chỉ khiếm nhã nào. Thấy xe cộ và lừa ngựa chở đầy thương bệnh binh, Cora quyết định đi bộ, thà chịu đựng khó nhọc còn hơn quấy rầy họ. Có những người lính tàn tật đau ốm cũng phải cố kéo lê tấm thân mỗi một phía sau đoàn quân vì ở chốn hoang vu này, phương tiện vận chuyển cần thiết đều thiếu thốn. Và thế là tất cả mọi người lên đường, những người ốm yếu thương tật vừa đi vừa rên la đau đớn, những người khỏe mạnh lạng lẽ lầm lì, đàn bà con trẻ thì khiếp sợ mà không hiểu tại sao.

Khi đám người hỗn độn và sợ sệt đó rời khỏi những chiến lũy đã từng che chở cho họ và đi ra cánh đồng, một bức tranh toàn cảnh hiện ra trước mắt họ. Quân đội Pháp, vũ khí trong tay, đứng cách không xa về bên phải, lùi lại phía sau một chút Montcalm đã tập hợp lực lượng lại ngay sau khi những đơn vị vệ binh của ông chiếm lĩnh các công sự. Quân Pháp chăm chú và lạng lẽ nhìn những người bại trận ra đi, giữ đúng những quy định trong quân lễ; mặc dù là kẻ chiến thắng, không một ai buông lời phỉ báng, chế giễu những kẻ thù đã không gặp may mắn như họ. Những cánh quân Anh, tổng cộng gần ba ngàn người, đang từ từ triển khai qua cánh đồng hướng về nơi tập kết; họ dần dần áp lại gần nhau trong lúc tiến tới địa điểm quy định là một khoảng đất cây cối um tùm; nơi đây là cửa rừng có một con đường dẫn tới sông Hudson. Một đám người da đỏ đứng đen kịt bìa rừng, chòng chọc nhìn những người thù địch đi qua; như những con diều hâu, chúng lảng vảng ở xa xa, không dám vào mỗi vì sự có mặt của quân đội Pháp chặn tay

chúng lại. Có một vài tên đã len lỏi vào đám quân bại trận, về lầm lì bực tức, mắt hau háu mà không có hành động gì.

Tiền quân do Heyward dẫn đầu đã tới hẻm núi và đang khuất dần, bỗng đâu Cora nghe có tiếng cãi cọ giữa một toán lính tụt hậu. Một anh lính địa phương chậm chạp, vì mang quá nặng nên bỏ hàng ngũ, đã phải trả giá cho tính vô kỷ luật của mình và đang bị một tên Anh điêng cướp đoạt hành lý. Anh chàng có thân hình vạm vỡ này tiếc của giằng lại, không chịu để mất. Người của đôi bên xông vào can thiệp một bên ngăn không cho cướp, còn bên kia trợ lực cho kẻ cướp. Hai bên dần dần to tiếng và, như có phép thần, đột nhiên xuất hiện hàng trăm tên da đỏ ngay ở chỗ ít phút trước chỉ thấy có mười tên. Cùng lúc, Cora thấy bóng Magua lướt giữa bọn chúng, đang trở tài hùng biện. Đàn bà con trẻ đứng cả lại, nhớn nhác như bầy chim hoảng hốt xốn xang. Nhưng lòng tham của tên Anh điêng đã sớm được thỏa mãn, và cả đoàn lại chậm chạp tiếp tục đi.

Bọn da đỏ lùi về phía sau, như thể thuận tình để, cho kẻ địch đi, không quấy nhiễu nữa. Nhưng khi đám phụ nữ tới gần chúng, màu sắc rực rỡ của một chiếc khăn quàng đập vào mắt một tên Huron đã man đàn động. Không chút do dự, hắn tiến lên giật lấy. Người đàn bà, khiếp đảm hơn là tiếc của, vội quẩn đưa hài nhi vào trong tấm khăn đã khiến cho tên Huron nộ nổi máu tham, ghì chặt cái bọc đó vào lòng. Cora vừa định khuyên bà ta thí chiếc khăn nhỏ mọn thì tên da đỏ đã bỏ khăn, giằng lấy đứa bé đang khóc thét trong tay người mẹ. Vứt hết đồ đạc cho những tên kẻ cướp tham lam khác, bà mẹ như điên như dại chạy theo đòi con. Tên Anh điêng cười hung ác, chìa một tay ra hiệu đánh đổi; tay kia, hắn túm lấy chân đứa bé vung lên trời như để bắt bí.

“Đây đây... này... tất... cho tất!” người đàn bà vừa hỗn hển kêu vừa lột cả quần áo đang mặc, ngón tay quờ quạng run rẩy, “Lấy hết đi, nhưng trả con cho ta!”

Tên Anh điêng vút lại đồng quần áo rẻ tiền chợt thấy có một tên khác đã chiếm mất khăn quàng, nét mặt đang nhăn nhở bỗng chuyển thành dữ tợn, hấn quật đầu đứa bé vào một tảng đá rồi quẳng cái thân hình bé nhỏ đang giãy giụa ngay dưới chân người đàn bà. Trong hồi lâu, người mẹ đứng ngây như một pho tượng, đầy thất vọng, đôi mắt dại đi nhìn vào đồng thịt nhầy nhụa mới vừa đây còn nép vào lòng mình cười nhoẻn; rồi bà ngửng mặt lên trời như muốn kêu cầu Thượng đế trừng phạt kẻ đã có hành động điên rồ này. Nhưng bà chưa kịp cầu nguyện thì tên Huron nổi xung vì mất chiếc khăn và nhìn thấy máu chảy, đã thẳng tay phang chiếc rìu trện lên đầu bà. Người mẹ gục xuống chết, tay còn quờ lấy xác con mình với một tình thương mãnh liệt như khi đứa bé còn sống.

Giữa lúc tình thế nguy ngập, Magua để hai tay lên miệng hú một tiếng hãi hùng khủng khiếp. Nghe tiếng kêu quen thuộc, bọn Anh điêng rải rác quanh đó xông lên như những con ngựa thi chồm ra khỏi chuồng khi có hiệu lệnh; tức thì tiếng gào thét nổi lên khắp nơi trên bình nguyên, dưới vòm cây rừng, những tiếng ít thấy từ cửa miệng của con người phát ra, những tiếng khiến người nghe cảm thấy con tim giá lạnh vì kinh hoàng, tựa như khi nghe thấy tiếng kèn gọi đến giờ phán xét cuối cùng.

Hiệu lệnh vừa vang lên, với một sự mau lẹ thuộc bản năng, trên hai ngàn tên da đỏ đầy sát khí từ trong rừng ào ra tràn ngập cánh đồng chết chóc. Chúng tôi không tả dài dòng những cảnh khủng khiếp đáng phẫn nộ đã diễn ra. Người chết khắp nơi nơi dưới những dạng kinh khủng gớm ghiếc nhất. Càng

chống cự chỉ càng làm cho lũ sát nhân thêm cuồng bạo; nạn nhân của chúng đã mất hết cảm giác mà chúng còn bồi cho những đòn chí tử. Máu chảy thành sông càng làm cho lũ thổ dân nổi xung, như rồ như dại; có nhiều tên quỳ xuống đất xuống ừng ực dòng nước đỏ ngầu một cách khoái trá như những con quỷ khát máu.

Những đơn vị tinh nhuệ trong đoàn quân Anh vội tập hợp lại thành những khối hình kiên cố hòng chặn tay bọn người tấn công bằng một thế trận nom có vẻ vững chắc. Phương pháp này phần nào có kết quả, nhưng có nhiều người đã phải chịu cho kẻ địch trước những khẩu súng không đạn với hy vọng làm dịu bớt tính hung hăng của chúng, vậy mà cũng không xong.

Trong cảnh đó, không ai biết thời gian trôi nhanh chậm ra sao. Trong khoảng mười phút (tưởng như hàng thế kỷ), hai chị em Cora đứng sững tại chỗ, khiếp đảm và hầu như không đường chống đỡ. Ngay khi những đòn đầu tiên giáng xuống, đàn bà con trẻ kêu khóc như ri, vây chặt hai người khiến họ không sao chạy trốn được. Đến khi vòng người đã dãn, một phần sợ chạy tán loạn, phần nữa bị giết, hai chị em thấy không còn lối nào thoát thân ngoài con đường dẫn tới những lưỡi rìu trận của kẻ thù. Những tiếng kêu thét rên la, những lời khích lệ, những câu nguyện rửa vang vang khắp nơi. Giữa lúc đó, Alice thoáng nhìn thấy vóc dáng cao lớn của cha mình đang băng qua cánh đồng, đi về phía quân đội Pháp. Số là Munro, không quản gian nguy, đang đi tới chỗ Montcalm để yêu cầu viên tướng này phải cử ngay, không trì hoãn, một đơn vị hộ tống như đã thỏa thuận lúc trước. Năm chục lưỡi rìu sáng loáng - và những ngọn giáo có ngạnh vung lên định kết liễu đời Munro, nhưng dù trong cơn cuồng nộ, bọn Anh điên cuồng cũng biết kiêng nể chức tước và sự bình tĩnh của ông. Những vũ khí

giết người đã bị cánh tay còn cứng cáp của ông gạt sang một bên, hoặc tự động hạ xuống trước một hành động chống trả tưởng như không ai có can đảm làm được. May sao tên Huron đầy hằn thù đang lưng kiếm Munro ngay ở chỗ ông ta vừa bỏ đi.

“Cha ơi, cha, chúng con ở đây!” Alice gào to khi thấy cha đi qua gần chỗ mình, nhưng Munro hình như không nghe thấy, “Lại đây với chúng con, cha ơi, kéo chúng con chết mất!”

Nàng gọi nhiều lần, bằng những lời và một giọng khiến một trái tim sắt đá cũng phải mềm lòng, nhưng không có tiếng đáp lại. Tuy nhiên, có một lần hình như ông già nghe thấy tiếng gọi vì ông dừng lại nghe ngóng, nhưng Alice đã ngã xuống đất ngất đi. Cora vội quỳ bên cạnh, lo lắng nâng niu đứa em gái đang mê man. Munro lắc đầu tỏ vẻ thất vọng, rồi lại mãi miết đi làm nhiệm vụ cao cả của mình.

Tuy bất lực và vô dụng, chàng Gamut không hề nghĩ tới bỏ trốn nhiệm vụ được giao phó, anh nói:

“Tiểu thư ơi, nơi đây là đám hội của bảy quỷ dữ, không phải chỗ dừng chân của những con chiên ngoan đạo. Tiểu thư hãy đứng lên đi khỏi chốn này.”

“Anh cứ đi đi,” Cora đáp, mắt vẫn không rời đứa em bất tỉnh, “hãy chạy đi. Anh chẳng giúp được gì cho chúng tôi nữa đâu.”

Thái độ giản dị nhưng đầy ý nghĩa kèm theo lời nói của Cora khiến David hiểu rằng ý kiến của nàng đã dứt khoát. Anh đưa mắt nhìn một lát những thân hình bụi bặm đang tiến hành những nghi lễ của hỏa ngục^[50] xung quanh mình; rồi, toàn thân vươn thẳng, lồng ngực căng phồng, nét mặt nở nang,

dường như để vận dụng sức mạnh của những tình cảm mãnh liệt đang dâng trào trong lòng, anh nói:

“Nếu như chú bé Do Thái đã khuất phục được tính hung bạo của vua Saul bằng tiếng thụ cầm và những lời thánh ca^[51] thì ta đem thử sức mạnh của âm nhạc ở đây cũng không phải chuyện dỡ.”

Nói xong, anh chàng lấy giọng cao nhất tuôn ra một bài. Tiếng hát to khỏe vang lên giữa cảnh hỗn độn ồn ào của cánh đồng đầm máu. Một số tên da đỏ xông tới định cướp áo quần và lột da đầu chị em Cora, nhưng khi nhìn thấy thân hình dị dạng của David đứng ngậy tại chỗ, chúng đứng lại nghe. Từ kinh ngạc, thái độ của chúng chuyển thành khâm phục, và chúng bỏ đi lòng giết những kẻ yếu bóng vía hơn, hài lòng thấy một chiến binh da trắng hát trước giờ chết một cách anh dũng như vậy. Phần khởi trước kết quả thu được, David càng ra sức gào to, làm tưởng bài hát của mình gây được một ảnh hưởng thiêng liêng lớn lao. Những âm thanh khác thường đã lọt vào tai một tên da đỏ ở xa xa đang sục sạo từ tốp này sang tốp khác như muốn tìm giết một người nào cho xứng đáng với uy danh của mình, không thềm để ý tới những kẻ tầm thường. Đó là Magua; trước những tù nhân cũ bây giờ lại rơi vào tay mình, hắn thốt lên một tiếng kêu khoái chí.

“Lại đây,” nó vừa nói vừa để bàn tay nhơ bẩn lên áo Cora, “cái lều của người Huron vẫn để ngỏ; nó không hơn ở đây ư?”

“Bước!” Cora thét to, che mắt không muốn nhìn con người ghê tởm.

Tên Anh điên cười gằn, giơ bàn tay hôi tanh, đáp:

“Bàn tay này đỏ do máu từ trong huyết quản người da trắng chảy ra.”

“Con quái vật! Có máu, cả biển máu trong tâm hồn mi! Chính mi đã gây ra cảnh này.”

“Magua là một thủ lĩnh vĩ đại!” tên da đỏ đặc chí. “Người con gái tóc đen có muốn về với bộ lạc của nó không?”

“Không đời nào! Muốn giết ta thì cứ giết đi mà trả mối thù.”

Ngần ngừ một lát, tên Anh điêng quý quyết bẻ thóc thân hình bé nhỏ và bất động của Alice, băng qua bình nguyên chạy về phía rừng.

“Đứng lại!” Cora vừa gào vừa hốt hoảng chạy theo, “Bỏ con bé lại! Quân khốn kiếp kia không từ một hành động nào ư?”

Nhưng Magua làm thình, nói đúng hơn là hắn thấy rõ ưu thế của mình và quyết giữ vững.

“Dừng lại, tiểu thư ơi; hãy dừng lại!” chàng Gamut gọi theo nhưng Cora không biết gì, “Sức mạnh thiêng liêng đang bắt đầu phát huy, và cảnh hỗn loạn khủng khiếp này sắp kết thúc rồi.”

Thấy Cora cũng chẳng nghe mình, chàng David trung thành chạy theo người chị mất hồn, mồm lại nghe ngao một bài thánh ca, cánh tay dài ngoằng ra sức quét không khí, đánh nhịp. Cứ như thế, cả ba người vượt qua cánh đồng, giữa những kẻ chạy trốn, những người bị thương và những xác chết. Tên Huron hung dữ có đủ sức để bảo vệ mình và cả Alice ở trong tay; nhưng Cora hơn một lần tưởng gục dưới những miếng đòn của bọn da đỏ dã man nếu không có con người phi thường vừa đi vừa hét hiên ngang ở phía sau khiến cho đám thổ dân phải kinh ngạc, ngỡ là một người điên được thần linh che chở.^[52]

Magua biết cách tránh những nguy hiểm trước mắt và cũng giỏi lẫn không cho ai đuổi theo. Hắn đi men một khe sâu rồi đâm vào rừng. Tại đây có một tên da đỏ mặt mũi cũng dữ tợn

quỷ quái, đã chờ sẵn cùng với hai con ngựa Narrangansett do bọn Heyward bỏ lại hôm trước. Magua đặt Alice lên lưng một con ngựa và ra hiệu cho Cora leo lên con kia. Mặc dù sự có mặt của Magua làm cho kinh tởm, Cora không thể không cảm thấy ở chỗ này dễ chịu hơn sau khi đã thoát khỏi cảnh tàn sát diễn ra trên bình nguyên. Nàng ngồi lên ngựa, giơ hai tay về phía em gái với một vẻ cầu khẩn xót xa khiến tên Huron độc ác không nỡ chối từ. Hắn bèn đặt Alice lên ngựa của Cora, nắm lấy dây cương rồi cất bước tiến sâu vào trong rừng. Còn trở một mình, như một kẻ bị bỏ rơi không ai thêm giết, David bèn vắt chiếc cẳng dài qua yên con ngựa còn lại, ra sức đuổi theo Magua trên con đường hiểm trở.

Họ bắt đầu leo dốc; nằm trên mình ngựa lắc lư, Alice dần dần hồi tỉnh trong khi đầu óc Cora bị phân tán vì vừa phải trông nom chăm sóc em gái vừa phải lắng nghe những tiếng kêu thét vẫn đang vọng lại từ dưới đồng bằng để nhận ra hướng đi. Tuy nhiên, khi lên tới khoảng đất bằng phẳng ở trên đỉnh núi và tiến lại gần bờ vực phía Đông, nàng nhận ra rằng đã có một lần người trinh sát tốt bụng dẫn tới chỗ này. Tại đây, Magua bảo hai chị em xuống ngựa, mặc dù đang trong cảnh ngộ bị câu thúc, hai nàng vẫn đưa mắt nhìn cảnh tượng đau lòng đang diễn ra ở dưới kia, vì dường như tính tò mò đi đôi với sự khùng khiếp. Cuộc tàn sát vẫn chưa được dẹp. Khắp nơi có những người chạy trốn và những tên hung bạo đuổi theo, không chút động lòng. Trong khi đó, những đạo quân của ông vua theo đạo Cơ Đốc^[53] vẫn làm ngơ. Việc này không bao giờ được giải đáp và đã để lại cho vị tướng Pháp nổi danh một vết nhơ không gột sạch Những lưỡi gươm của tử thần chỉ ngừng hoạt động khi lòng tham đã thắng chí phục thù. Tiếng rên la của những người bị thương và tiếng hò hét của lũ sát

nhân thừa dân; cuối cùng, những tiếng kêu hãì hùng tất hãì hoặc chìm ngãp trong những tiếng hú dài ãnh tai nhức óc của bọn người da ãỏ chiến thắng.

CHƯƠNG 18

Nói sao cũng được, tùy các người, một kẻ sát nhân đáng trọng; vì tôi giết không phải do căm ghét mà hoàn toàn vì danh dự.^[54]

• SHAKESPEARE

Cảnh chém giết tàn bạo mà chúng tôi không định miêu tả tỉ mỉ, chỉ nhắc qua ở chương trên, được ghi chép rành mạch trong những trang sử thuộc địa mang tiêu đề chính xác là: “Vụ thảm sát ở William Henry”. Nó càng tô đậm vết nhơ đã để lại trước đây cho viên tướng Pháp trong một trường hợp giống hệt, khiến cho cái chết quá sớm và vẻ vang của ông cũng không gột sạch. Bây giờ, thời gian đã làm phai nhòa dần. Nhưng có hàng ngàn người được biết Montcalm đã chết như một anh hùng ở vùng đồng bằng Abraham, cũng phải nhìn nhận rằng ông ta quá thiếu dũng khí, mà thiếu cái đó thì con người không thể thực sự vĩ đại. Từ nhân vật lừng lẫy này, người ta có thể viết nhiều trang sách để chứng minh những nhược điểm ở một con người xuất sắc, để vạch ra rằng những tình cảm cao thượng, thái độ phong nhã tuyệt vời cũng như lòng can đảm nghĩa hiệp dễ mất tác dụng biết bao trước sức tấn công hủy hoại của tính ích kỷ, và cũng để cho thiên hạ thấy rằng một con người có đầy đủ những đức tính thứ yếu đã thiếu sót khi cần phải tỏ ra rằng bảo vệ nguyên tắc còn cao hơn làm chính

trị rất nhiều. Nhưng công việc này vượt quá quyền hạn của chúng tôi. Vì lịch sử, cũng như tình yêu, thường hay tô son điểm phấn cho những nhân vật của mình, chắc hẳn hậu thế chỉ biết tới Louis Montcalm như một người đã dũng cảm bảo vệ đất nước, còn thái độ nhần tâm làm ngơ của ông ta bên bờ hồ Oswego và hồ Horican sẽ bị lãng quên. Chúng tôi rất tiếc rằng ngành sử anh em có nhược điểm này, và xin rút ra khỏi một lĩnh vực bất khả xâm phạm để trở về trong phạm vi nghề mọn của mình.

Ngày thứ ba từ khi pháo đài thất thủ sắp trôi qua, nhưng nội dung câu chuyện vẫn còn giữ chân độc giả bên bờ “hồ thiêng liêng”. Lần cuối cùng chúng ta có mặt tại đó là lúc đang diễn ra cuộc tàn sát náo động xung quanh các công sự. Giờ đây, quang cảnh thật thê lương tang tóc. Những kẻ chiến thắng, máu hoen trên người, đã đi rồi; doanh trại của họ mới vừa đây còn vang tiếng hò reo phấn khởi của đoàn quân thắng trận, chỉ còn lại khu lều yên ắng vắng tanh. Pháo đài William Heruy là một đồng hoang tàn âm ỉ với những chiếc xà gỗ cháy thành than, những mảnh đại bác và những mảnh tường ngổn ngang trên khắp các ụ đất.

Tiết trời cũng thay đổi một cách đáng sợ. Nắng ấm của mặt trời không xuyên qua nổi màn hơi nước dày đặc; hàng trăm thân người bị ánh nắng gay gắt tháng Tám thiêu đen, giờ đây teo cứng trước những cơn gió của một mùa đông đến sớm. Những đám sương mù trắng xóa mới vừa qua còn lượn lờ trên những rặng núi bay về phương Bắc, nay bị gió giật trở lại, hình thành một đám mây xám xịt vô tận. Không còn đâu cảnh hồ Horican sáng loáng và nhộn nhịp bóng người, nước hồ xanh giận dữ xô vào bờ, như muốn trút rác rưởi lên mặt đất hôi tanh. Riêng con suối trong vắt còn vương chút vẻ đẹp, nhưng

nó chỉ phản chiếu một bầu trời ảm đạm. Khí trời mát mẻ nhẹ nhàng làm tôn cảnh đẹp và dịu vẻ hoang vu, cũng không còn nữa; gió Bắc phũ phàng tràn qua mặt hồ đều hiu, cuốn theo bao cảnh ngoạn mục mà trí tưởng tượng của con người không hình dung ra được.

Cánh đồng xanh tươi trở nên xác xơ như bị lửa thiêu trụi. Nhưng lác đác giữa cảnh hoang tàn chồi lên một bụi cây cỏ xanh tốt, sản phẩm mới của một mảnh đất đã được tưới bón bằng máu người. Phong cảnh đó đẹp mắt biết bao trong những ngày sáng sủa đẹp trời; nhưng giờ đây, nó tựa như một bức tranh vẽ cuộc sống trong đó mọi vật được thể hiện dưới những màu sắc tro trụi nhất nhưng cũng chân thật nhất.

Thật khó mà phân biệt được những bụi cỏ lẻ loi và xơ xác đang vươn lên dưới những cơn gió táp, và những ngọn núi đá tro trụi sừng sững như đập vào mắt; nhìn lên khoảng không bao la cho dịu bớt căng thẳng, chỉ thấy mây đen che kín bầu trời.

Gió thổi thất thường, lúc quét sạch mặt đất như rền rĩ bên tai giá lạnh của người chết, khi vọt lên cao thành tiếng rít thẳm sâu, rồi bay vào rừng, cuốn theo từng đám lá và cành cây. Những con quạ đói vật lộn với những cơn lốc, và ngay sau khi bay ra khỏi biển rừng xanh um trải dài dưới cánh, chúng liền sà xuống, lặn xả vào bàn tiệc gớm guốc.

Tóm lại, cảnh vật thật hoang vu hiu hắt, tưởng như tất cả những ai đã dám xâm phạm tới đều bị thần Chết thẳng tay đánh gục. Nhưng bây giờ nơi đây không còn là cấm địa nữa. Từ khi những kẻ gây ra những hành động điên rồ làm cho quang cảnh càng thêm điêu tàn đã đi khỏi, lần đầu tiên thấy có bóng người.

Khoảng chừng một tiếng đồng hồ trước khi tắt nắng của ngày thứ ba đã nói ở trên, có năm người xuất hiện trước cửa rừng, ở chỗ có con đường xuyên sơn đi về sông Hudson; họ tiến về phía những công sự hoang tàn. Mới đầu, họ đi chậm chạp và dè dặt, như thể ghé thăm trước cảnh chết chóc hoặc e ngại những chuyện hãi hùng tái diễn. Người đi đầu, dáng vẻ thận trọng nhanh nhẹn của một thổ dân, leo lên các mỏm cao để quan sát và làm hiệu chỉ cho những người đồng hành con đường đi mà anh ta cho là an toàn nhất. Bốn người đằng sau cũng không thiếu sự thận trọng và phòng bị đối với một cuộc chiến đấu trong rừng.

Một người cũng là Anh điêng, đi hơi lách về một bên, luôn luôn nhìn về ven rừng với con mắt từ lâu quen phát hiện nguy hiểm qua những dấu hiệu nhỏ nhất. Ba người còn lại là da trắng; loại vải cũng như quần áo họ mang trên người rất thích hợp với công việc đầy may rủi của họ là bám sát một đoàn quân rút lui trong rừng rậm.

Cảnh tượng hãi hùng luôn luôn hiện ra trên đường đi tới bờ hồ Horican đã có tác động khác nhau tới tính tình của mỗi người trong đoàn. Trong khi bước nhanh qua cánh đồng, người thanh niên dẫn đầu chỉ dám liếc nhìn những thân người què cụt, cố giữ trang nghiêm cho khỏi lộ xúc động, bởi chừng anh còn quá ít từng trải để có thể hoàn toàn chế ngự tác động mãnh liệt và đột ngột của những tình cảm riêng. Trái lại người da đỏ thứ hai vượt lên trên sự mềm yếu đó; bác vừa đi vừa nhìn thẳng vào đồng tử thi với mục đích rõ rệt và bằng con mắt bình tĩnh của một người từ lâu đã quen với những cảnh tương tự. Ngay cảm giác của ba người da trắng cũng không giống nhau tuy rằng họ đều có vẻ đau buồn. Người có mớ tóc bạc, mặt hằn vết răn, dáng đi con nhà võ mặc dù đã cải trang

thành một người dân đường rừng, tỏ ra quá quen thuộc với chiến trận; vậy mà mỗi khi nhìn thấy cảnh nào quá khủng khiếp, ông ta cũng phải lẩm bẩm kêu than. Người thanh niên đi bên cạnh cũng thấy rừng mình ghê sợ, nhưng dường như anh ta cố nén tình cảm, sợ ảnh hưởng tới người đồng hành. Riêng người thứ ba đi tụt phía sau, không che đậy những ý nghĩ của mình, chẳng sợ ai nhận xét, cũng chẳng quan tâm tới hậu quả. Trước cảnh chết chóc hãi hùng, bác không hề nao núng mà còn hết lời nguyên rủa như muốn tỏ ra rằng bác kịch liệt tố cáo tội ác của quân thù.

Qua những đặc điểm của từng người trên đây, chắc hẳn độc giả đã nhận ra hai người Mohican và anh bạn da trắng của họ là người trinh sát, cùng với Munro và Heyward. Số là người cha đi tìm hai con gái; trợ thủ cho ông là chàng thanh niên có liên quan mật thiết tới hạnh phúc gia đình ông, cùng với ba con người dũng cảm và đáng tin cậy đã tỏ rõ tài năng và lòng trung thành trong những cuộc thử thách kể ở những chương trên.

Khi Uncas, người dẫn đầu, đi tới giữa cánh đồng, anh ta bỗng thốt lên một tiếng kêu khiến tất cả đổ xô tới. Người chiến binh trẻ dừng lại trước những cây đàn bà chồng chất ngổn ngang trên mặt đất. Mặc dù cảnh tượng kinh khủng và đau lòng, Munro và Heyward vẫn chạy lại gần đồng tử thi hôì thối; với một tình thương không gì dập tắt, họ cố phát hiện giữa những mảnh áo quần sặc sỡ một vết tích nào của những người họ đang tìm kiếm. Không tìm thấy gì, người cha và người tình đỡ lo một chút, nhưng họ lại rơi vào một tâm trạng bồn chồn cũng khổ tâm gần như nếu biết rõ sự thật phũ phàng nhất. Giữa lúc hai người thần thờ suy nghĩ thì người trinh sát đi tới. Nhìn cảnh tượng thê thảm bằng cặp mắt đầy tức giận, con

người có thân hình trắng kiện lên tiếng (từ lúc tới cánh đồng, bây giờ mới thấy bác nói to và rành rọt):

“Tôi đã từng có mặt trên nhiều chiến trường khốc liệt và cũng đã tốn nhiều công sức lần theo vết máu quân thù, nhưng chưa bao giờ thấy bàn tay lũ quỷ tàn bạo như ở đây. Người Anh điêng nặng đầu óc phục thù, và tất cả những ai quen biết tôi đều rõ rằng trong huyết quản của tôi không lẫn máu người da đỏ. Nhưng trước thiên địa trời đất và với sự che chở của Thượng đế luôn có mặt tại chốn rừng thiêng nước độc này, tôi phải nói rằng nếu có những tên Pháp dẫn xác tới đây thì khẩu súng này sẽ làm tròn nhiệm vụ của nó chừng nào đá còn xoe lửa và thuốc súng còn cháy! Tôi nhường rìu và đao cho những người có thiên năng sử dụng. Bác nghĩ sao, Chingachgook?” Mắt Chim Ưng nói tiếp bằng tiếng Delaware. “Đến giữa mùa tuyết rơi, liệu bọn Huron da đỏ có khoe khoang việc làm này với vợ con chúng được không?”

Một nét giận dữ thoáng trên khuôn mặt r ám đen của người thủ lĩnh Mohican, bác nới dây buộc con dao nằm trong vỏ, quay nhìn chỗ khác, nét mặt trở lại bình thản như không hề bị một tình cảm nào kích động.

“Montcalm! Montcalm!” người trinh sát tiếp tục, giọng đầy căm hờn, không giữ được bình tĩnh như Chingachgook, “Người ta bảo rằng sẽ có ngày tất cả những hành động đầm máu sẽ bị đôi mắt sáng suốt của Chúa nhìn thấu. Tai họa sẽ giáng xuống đầu kẻ khốn kiếp đã gây ra cảnh này cùng với lời phán xét lơ lửng trên đầu nó! Nhưng kìa, rõ ràng có một người da đỏ nằm chết ở đằng kia, chòm tóc trên đầu đã bị lột. Bác Chingachgook thử xem có phải một người của bộ tộc bác không. Nếu đúng thì phải chôn cất tử tế như đối với một chiến binh dũng cảm. Nhìn mắt bác, tôi biết bác đang nghĩ gì: một

tên Huron sẽ phải trả món nợ này trước khi gió cuốn đi hết mùi máu.”

Chingachgook tiến lại gần xác chết bị chém nát, lật lên; nhìn những dấu hiệu trên thân ma, bác nhận ra một người da đỏ thuộc sáu bộ lạc đồng minh, là những người chiến đấu trong hàng ngũ quân Anh nhưng lại rất thù ghét dân Mohican. Bác lấy chân đá vào cái vật ghê tởm rồi quay gót, thản nhiên như đối với xác một con vật. Người trinh sát hiểu ý, lại tiếp tục kể tội viên chỉ huy Pháp với một giọng đầy căm hờn:

“Chỉ có một trí óc sáng láng và một quyền lực vô hạn mới dám giết sạch ngàn này mạng người, trí óc có sáng láng mới thấy được sự cần thiết phải trừng phạt, và không có quyền lực thì làm sao có thể hủy bỏ những sinh vật mà Chúa đã tạo ra! Tôi cho rằng giết một con hươu thứ hai trong lúc chưa ăn hết con thứ nhất là có tội, trừ phi trong trường hợp hành quân hoặc mai phục. Đối với chiến binh phải chiến đấu ác liệt mặt đối mặt với kẻ thù thì vấn đề lại khác; dù là người da trắng hay da đỏ, họ sinh ra để chết với khẩu súng hoặc chiếc rìu trong tay... Uncas, đi lại đằng này, mặc cho bày quạ rửa xác tên Mingo. Bác có kinh nghiệm là loài quạ ưa thích thịt của bọn Oneidas; vậy cứ để cho chúng thỏa mãn cơn thèm.”

Bỗng người thanh niên Mohican kêu lên một tiếng, kiễng chân nhìn chăm chăm về phía trước khiến lũ quạ hoảng sợ bay đi tìm mỗi nơi khác.

“Cái gì thế, cháu?” người trinh sát hỏi khẽ, thân hình cao lớn thu lại như con chó sấp vồ mồi, “Phải chăng Chúa dẫn đến cho chúng ta một tên lính Pháp đi lang thang kiếm chác. Bác dám chắc hôm nay cây Sắt Hươu này sẽ bắn xa hơn mọi ngày.”

Không đáp, Uncas nhảy vọt lên trước, lát sau đã thấy lòi ở trong bụi ra một mảnh chiếc khăn quàng xanh đi đường của Cora, vung lên một cách đắc thắng. Nhìn cử chỉ vung vẩy của Uncas và thấy anh thốt lên một tiếng kêu nữa, mọi người ùa tới.

“Con ta!” Munro như điên như dại vội kêu lên, “Hãy trả con cho ta!”

“Uncas sẽ cố gắng.” Câu trả lời ngắn gọn và thắm thiết.

Munro hầu như không nghe thấy lời cam kết giản dị nhưng đầy ý nghĩa. Ông cầm mảnh khăn nắm chặt trong tay, cặp mắt hãi hùng nhìn vào đám bụi rậm như vừa lo vừa hi vọng phát hiện ra những bí mật ẩn náu bên trong.

“Không thấy có người chết ở đây,” Heyward nói, “đường như cơn phong ba bão táp không đi qua chốn này.”

“Điều đó đã rõ rồi, và còn sáng tỏ hơn cả bầu trời trên đầu chúng ta,” người trinh sát điềm tĩnh đáp, “nhưng đúng là cô ta, hoặc những kẻ bắt cóc cô, đã đi qua đám bụi cây này vì tôi nhớ có thấy cô ta mang một mảnh vải để che khuôn mặt mà ai cũng muốn nhìn. Uncas, cháu có lý; cô gái tóc đen đã tới chỗ này và, như một con nai hoảng sợ, đã chạy trốn vào rừng; không ai có thể chạy được mà lại đứng chờ chết. Ta hãy đi tìm những dấu vết cô ta để lại vì đối với con mắt của người Anh diêng, đôi khi tôi nghĩ rằng ngay một con chim ruồi cũng để lại vết tích trên không trung.”

Theo lời gợi ý, người thanh niên Mohican vọt lên trước; Mắt Chim Ưng vừa nói hết câu đã nghe thấy tiếng kêu hơn hở của Uncas từ phía ven rừng vọng lại. Tới nơi, mọi người nhìn thấy một mảnh khăn mắc trên một cành thấp của một cây sồi.

“Từ từ, từ từ thôi,” người trinh sát giơ ngang khẩu súng dài trước thái độ hăm dọa của Heyward, “bây giờ chúng ta đã nắm được công việc của mình rồi; nhưng không được làm mất dấu vết quý báu này. Hấp tấp một chút sẽ làm chúng ta vất vả hàng giờ. Tuy nhiên chúng ta chắc thắng, đó là một điều không thể phủ nhận được.”

“Cầu Chúa phù hộ cho anh, hỡi con người dũng cảm!” Munro kêu lên, “Nhưng các con tôi chạy về hướng nào? Chúng ở đâu?”

“Con đường các tiểu thư đi còn tùy thuộc vào nhiều may rủi. Nếu chỉ có hai chị em thì họ quanh quẩn đâu đây thôi, có thể chỉ cách chúng ta trong vòng mười mười hai dặm; nhưng nếu họ rơi vào tay bọn Huron hay những tên Anh điêng theo Pháp thì có thể lúc này họ đã ở gần biên giới Canada. Nhưng không sao,” thấy Munro và Heyward đầy vẻ lo âu thất vọng, người trinh sát lựa lời nói, “hai người Mohican đây và tôi đã tìm thấy đầu này của con đường, dựa vào đó chúng tôi sẽ tìm ra đầu đường bên kia dù có cách đây hàng trăm dặm. Khoan khoan, Uncas, cháu nôn nóng như một người ở vùng đất mới vậy; cháu quên rằng những bàn chân nhỏ nhắn đủ để lại những dấu vết mờ.”

Bỗng Chingachgook thốt lên một tiếng kêu; bác đang mãi xem xét một lối mới mở giữa đám bụi cây thấp ở ven rừng; sau đó bác đứng thẳng lên, chỉ tay xuống đất với thái độ của một người nhìn thấy một con rắn ghê tởm.

“Rõ ràng đây là vết chân của một người đàn ông,” Heyward cúi nhìn vào chỗ Chingachgook vừa chỉ, kêu lên, “kẻ đó đã bước lên bờ cái đầm này; dấu vết còn đây, không thể nhầm được. Hai chị em Cora bị bắt rồi.”

“Như thế còn hơn bị đói trong rừng,” người trinh sát đáp, “và họ sẽ để lại dấu vết rõ hơn. Tôi dám đánh cược năm chục bộ lông hải ly lấy năm chục viên đá rằng chỉ trong vòng một tháng, hai người Mohican và tôi sẽ vào được làng bản của kẻ thù Uncas cúi xuống xem vết giày này có giúp ích gì cho ta không. Rõ ràng đây là giày moccasin chứ không phải loại giày thông thường.”

Người thanh niên Mohican quỳ xuống bên cạnh dấu giày; anh gạt những chiếc lá rơi rụng sang hai bên, xem xét kỹ lưỡng như một người đổi tiền xem xét một tờ giấy bạc khả nghi trong thời kỳ có nhiều giấy bạc giả; cuối cùng, anh đứng dậy tỏ ra hài lòng về kết quả tìm kiếm.

“Thế nào, cháu,” người trinh sát vội hỏi, “dấu giày nói lên cái gì, và dựa vào đó cháu có ý kiến gì không?”

“Cáo Tinh Khôn.”

“Té ra vẫn con quỷ điên ấy! Nó chưa hết nhảy cẫng chừng nào cây súng Sát Hươu này chưa nhắm nhủ cho nó đôi lời thân thiện.”

Heyward không muốn chấp nhận một sự thật ghê tởm, anh nói với một giọng mang nhiều hy vọng hơn lo ngại:

“Chắc có sự nhầm lẫn chi đây; giày moccasin đều giống nhau cả thôi.”

“Giày moccasin giống nhau ư! Nói vậy có khác gì bảo rằng bàn chân con người đều giống nhau cả. Ai cũng biết có bàn chân dài và bàn chân ngắn, bàn chân to và bàn chân thon, có mu bàn chân cao lại có mu thấp, có bàn chân đi vòng kiềng bàn chân đi chữ bát. Giày moccasin không giống nhau cũng như sách vậy, tuy rằng kẻ đọc được sách ít khi phân biệt nổi những dấu giày. Tạo hóa đã xếp đặt tất cả đâu vào đấy, phú cho mỗi

người một vài tài riêng. Uncas, để bác xem nào; dù sách hay giày thì có hai ý kiến vẫn tốt hơn một.” Người trinh sát cúi xuống xem rồi tiếp luôn, “Cháu nói đúng, đây là vết giày mà chúng ta đã thấy quá nhiều trong lần săn đuổi trước. Thằng cha này hay uống rượu mỗi khi có dịp thuận tiện. Những người Anh điêng uống rượu dần ngón chân xuống đất mạnh hơn những người không uống rượu, là vì một người say rượu, dù da trắng hay da đỏ, thường phải đi giạng chân. Vết giày này cũng dài rộng như thế. Chingachgook hãy nhìn xem, bác đã nhiều lần đo dấu giày của hắn, chúng ta săn lùng loài sâu bọ này từ thác Glen tới suối nước bổ.”

Chingachgook cúi xuống quan sát, chỉ lát sau bác đã đứng dậy, điềm điềm đáp gọn:

“Magua.”

“Thế là rõ ràng rồi; như vậy là cô gái tóc đen và Magua đã đi qua đây.”

“Alice không qua ư?” Heyward hỏi.

“Chúng ta chưa thấy dấu hiệu gì của cô ấy cả.” Người trinh sát đáp mắt chăm chú nhìn từ cây cối, bụi rậm đến mặt đất, “Cái gai gì thế kia? Uncas, hãy đem về đây cái vật lủng lẳng ở đám bụi gai đằng kia.”

Khi Uncas mang về, người trinh sát cầm giơ lên và, như mọi lần, cười không thành tiếng nhưng khoái trá.

“Đây là cái còi toe toe của thầy quản hát,” bác nói, “sẽ còn có những vết tích khác khiến cho một ông thầy tu cũng có thể lần ra đường đi. Uncas, hãy tìm dấu vết một chiếc giày đủ dài để có thể mang được một thân hình lẻo khoẻo cao gần hai thước. Tôi bắt đầu đặt chút hy vọng vào anh chàng này từ khi anh ta bỏ hát hồng nghêu ngao để theo một nghề có ích hơn.”

“Ít ra anh ta cũng đã giữ đúng lời hứa,” Heyward nói, “và hai chị em Cora đã có một người bạn đường.”

“Phải,” Mắt Chim Ưng chống súng xuống đất, tựa người vào nói với một giọng khinh miệt rõ rệt, “chắc anh ta lại dạy các cô hát! Nhưng liệu có giết được hươu nai cho họ ăn không? Có biết nhìn rêu trên những cây sồi mà tìm lối đi không? Có cắt được cổ một tên Huron không? Nếu không thì một con chim nhại tiếng còn tinh khôn hơn anh ta... Thế nào, con có tìm thấy dấu vết một bàn chân to như vậy không?”

“Chỗ này có một vết gì giống như chân một người đi giày; liệu có phải của anh bạn chúng ta không?”

“Sờ nhẹ tay vào những chiếc lá thối, kéo làm mất dấu vết. Đây, đây là dấu chân, nhưng là của cô gái tóc đen; nó quá nhỏ đối với thân hình cao kều của thầy quản hát. Gót chân anh ta có thể che kín bàn chân này.”

“Đâu? Cho tôi xem vết chân của con tôi.” Munro vạch bụi cây, triu mền cúi nhìn dấu chân mờ mờ. Tuy bước chân của Cora nhanh và nhẹ, dấu vết để lại vẫn còn khá rõ. Nhìn vết chân, mắt người quân nhân già nhòa đi; khi ông đứng dậy, Heyward thấy vết chân thấm đẫm những giọt nước mắt nóng hổi. Biết Munro đang cố ghìm nỗi đau buồn bùng lên bất cứ lúc nào, người sĩ quan trẻ tìm cách làm cho ông khuây khỏa, anh nói với người trinh sát:

“Ta bắt đầu khởi hành đi thôi, vì bây giờ đã tìm được đúng những dấu vết rồi. Lúc này, một giây lát đối với những người bị bắt dài bằng một thế kỷ.”

“Con hươu chạy nhanh nhất không có nghĩa là cuộc săn đuổi phải lâu nhất.” Mắt Chim Ưng đáp, mắt vẫn nhìn chăm chăm vào những dấu hiệu để lại trên mặt đất, “Chúng ta biết

rằng tên Huron hung dữ đã đi qua đây cùng cô gái tóc đen và thầy quản hát; nhưng còn cô gái tóc vàng mắt xanh đâu? Tuy bé nhỏ và nhút nhát hơn chị nhiều, cô ta đẹp gái và nói năng dễ nghe. Chẳng lẽ không có một người bạn nào, không có ai lo lắng cho cô ta sao?”

“Cầu Chúa phù hộ cho cô ta không bao giờ thiếu những người như vậy! Chúng ta chẳng đang đi tìm cô ấy đấy ư? Riêng tôi sẽ tiếp tục cho tới khi tìm thấy.”

“Nếu vậy, ta phải chia nhau đi bằng nhiều đường; cô ta đã không đi qua đây, dù bước chân có nhẹ và nhỏ mấy chẳng nữa.”

Heyward tụt lại phía sau, tất cả lòng hăm hở dường như vụt tiêu tan; không để ý tới sự thay đổi đột ngột trong thái độ của anh, người trinh sát suy nghĩ một lát rồi tiếp:

“Trong khu rừng này, không có một người đàn bà nào có thể để lại những dấu vết giống như những dấu vết này, trừ cô gái tóc đen hoặc em cô ta. Chúng ta biết rằng cô gái tóc đen đã ở đây, nhưng còn những dấu vết của cô gái tóc vàng thì đâu? Hãy tiếp tục dò theo vết chân; nếu không có gì mới thì sẽ phải quay trở lại cánh đồng và tìm hướng khác. Tiến lên, Uncas, và hãy nhìn kỹ những chiếc lá khô. Bác sẽ lục soát các bụi cây, còn cha cháu sẽ vừa đi vừa gi mũi xuống đất. Tiến lên, các bạn, mặt trời đang lặn sau núi rồi.”

“Tôi có thể làm được việc gì không?” Heyward lo lắng hỏi.

“Anh ư!” người trinh sát nói; lúc này, bác cùng hai người bạn da đỏ đã bắt tay vào việc theo sự phân công, “Được, anh có thể đi sau chúng tôi; cẩn thận đừng làm mất dấu.”

Mới đi được một quãng, hai người Anh điêng đã đứng lại, có vẻ chăm chú khác thường trước những dấu vết ở trên mặt đất;

hai cha con bàn bạc sôi nổi, lúc nhìn vào những dấu đã khiến họ phải chú ý, khi nhìn nhau với một vẻ thích thú rõ rệt.

“Họ đã tìm thấy bàn chân nhỏ!” người trinh sát reo to và tiến lại gần hai người, bỏ cả công việc mình đang phụ trách, “Cái gì thế này? Có một cuộc phục kích ở đây ư? Không, không còn nhằm được nữa, đây chính là những dấu chân của hai con ngựa đi nước kiệu. Bây giờ thì màn bí mật đã mở toang, mọi việc đều sáng tỏ như sao Bắc Đẩu lúc nửa đêm. Phải rồi, họ lên ngựa ở chỗ này. Những con vật đã bị buộc vào thân một cây con trong khi chờ họ tới; đằng kia là con đường rộng thênh thang đi lên phương Bắc, chạy thẳng tới Canada.”

“Nhưng vẫn chưa thấy dấu hiệu gì của Alice, cô gái út của ngài Munro.” Duncan nói.

“Trừ phi cái vật trang sức lóng lánh mà Uncas vừa nhặt ở dưới đất lên là một dấu hiệu của cô ta. Con nhỏ đem lại đây cho chúng ta xem nào.”

Heyward nhận ra ngay sợi dây chuyền mà Alice rất thích mang; với trí nhớ dẻo dai của một người đang yêu, anh nhớ có nhìn thấy sợi dây đựng đưa trên cổ nồn nà của người yêu, sáng hôm xảy ra vụ tàn sát khủng khiếp. Anh loan báo cho mọi người, giật ngay lấy vật quý. Người trinh sát ngạc nhiên không hiểu sợi dây chuyền biến đâu, cứ tìm mãi dưới đất trong lúc Duncan bồi hồi nâng niu vật quý vào lòng.

“Hừ,” Mắt Chim Ưng thất vọng nói sau khi đã lấy súng bởi lá cây, “mắt bắt đầu kém là triệu chứng rõ rệt của tuổi già. Một sợi dây sáng loáng như vậy mà không nhìn thấy đâu! Nhưng không sao; tôi còn có thể nheo mắt ngắm dọc nòng súng mờ khói và như vậy cũng đủ để giải quyết mọi tranh chấp giữa tôi với bọn Mingo. Mong sao tìm thấy sợi dây đó, dù chỉ để hoàn

lại cho chủ nhân. Như tôi đã nói, điều đó có nghĩa là chúng ta sẽ nối liền hai đầu của một con đường dài vì chúng ta còn phải vượt qua sông St. Lawrence to rộng và có lẽ cả miền hồ lớn nữa.”

“Nếu vậy lại càng là lý do để chúng ta không được chậm trễ,” Heyward đáp, “Ta đi thôi.”

“Người ta thường nói rằng máu thanh niên và máu nóng là một. Nhưng không phải chúng ta chuẩn bị đi săn một con sóc hoặc dồn một con hươu tới hồ Horican. Ta sẽ phải đi trong nhiều ngày đêm, qua những nơi hoang vu hầu như không có bước chân người và những tri thức sách vở không giúp anh vượt nổi khó khăn đâu. Một người Anh điêng không bao giờ ra đi nếu chưa hút một môi thuốc trước ngọn lửa của hội đồng. Tuy là người da trắng, về điểm này tôi tôn trọng tập quán của họ và cho họ là những người thận trọng, khôn ngoan. Bởi vậy, chúng ta hãy quay trở lại và đêm nay đốt lửa lên trong pháo đài đổ nát kia; sáng mai, chúng ta sẽ tỉnh táo và sẵn sàng bắt tay vào việc như những người đàn ông chứ không phải như những mục đàn bà lẩm cẩm điều hoặc những đứa con nít xốc nổi.”

Nghe người trinh sát nói, Heyward biết có tranh luận cũng vô ích. Munro lại chìm vào trạng thái vô tri vô giác đè nặng tâm hồn ông từ sau khi gặp phải những bất hạnh quá lớn, chỉ đôi lúc sức bình tĩnh trước những sự việc kích động mạnh mẽ. Cực chẳng đã, người sĩ quan nắm cánh tay ông già, rồi cả hai đi theo cha con người Anh điêng và người trinh sát lúc này trở lại con đường về bình nguyên.

CHƯƠNG 19

Salanio: “Thôi đi, tôi chắc rằng nếu hấn không giữ đúng lời giao kèo, anh cũng sẽ không xẻo thịt hấn ta; xẻo để làm gì?”
Shylock: “Để làm mồi cho cá, nếu nó chẳng nuôi sống được cái gì khác nữa, ít ra nó cũng thỏa mãn lòng trả thù của tôi.”^[55]

• SHAKESPEARE

Khi năm người bước vào pháo đài William Henry đổ nát, bóng tối trùm xuống làm cho cảnh vật càng thêm thê lương. Người trinh sát và hai người Mohican lập tức thu xếp chỗ nghỉ đêm. Thái độ nghiêm trang trầm lặng của họ chứng tỏ những sự việc khủng khiếp quá sức tưởng tượng mà họ vừa chứng kiến đã tác động cả tới những tình cảm đã chai cứng. Họ gác mấy chiếc rìu nhà vào một bức tường cháy đen, rồi Uncas lấy cành cây rải mỏng lên trên làm thành một chỗ trú chân tạm thời. Xong xuôi, người thanh niên Anh diêng chỉ tay vào túp lều thô sơ qua động tác lặng lẽ của anh, Heyward hiểu ý, nhẹ nhàng mời Munro vào. Để người cha già mất con ở lại một mình với bao nỗi đau buồn, Duncan trở ra ngoài, lòng dạ bồn chồn, không sao ngủ được tuy anh vừa khuyên người bạn già của mình đi ngủ.

Trong lúc Mắt Chim Ưng và hai người Anh diêng đốt lửa ăn một bữa tối thanh đạm gồm thịt gấu sấy khô, người sĩ quan trẻ đi lại chỗ bức thành của pháo đài đổ nát trông xuống mặt hồ

Horican. Gió đã dịu; dưới chân anh, sóng vỗ vào bờ đều đều, nhè nhẹ. Những đám mây vỡ ra từng mảng như không còn sức tiếp tục bay xa, những mảng dày kết tụ thành những khối đen ngòm phía chân trời; những mảng mỏng lướt trôi trên mặt hồ hoặc xoáy lộn trên đỉnh những ngọn núi như những bầy chim bay liệng tản mạn quanh tổ ấm. Đó đây, có một ngôi sao rực đỏ rọi qua đám hơi nước đang lững lờ trôi, mang lại chút ánh sáng cho bầu trời u ám. Khoảng không gian bị núi non bao bọc đã chìm trong bóng tối mù mịt; cánh đóng trái ra như một nhà mồ mênh mông hiu quạnh, không một tín hiệu hoặc một tiếng động nhỏ khuấy động giấc ngủ của bao kẻ bất hạnh đang nằm đó.

Trong hồi lâu, Duncan đứng lặng ngắm nhìn cảnh vật lạnh lẽo rất ăn nhập với những sự việc vừa qua. Anh đưa mắt về phía gò đất ở đó những con người của núi rừng đang ngồi quanh đồng lửa bập bùng, rồi lại ngược nhìn những ánh sao mờ nhạt trên trời; anh lo lắng dừng mắt hồi lâu trước khoảng không gian tối tăm ảm đạm ở đó những người chết đang yên nghỉ. Bỗng anh cảm thấy từ nơi ấy phát ra những tiếng động không giải thích nổi, rất nhỏ và khó phân biệt, đến nỗi anh không biết chắc là tiếng gì và có thật hay không. Tự hồ thẹn về thái độ hoảng hốt, người thanh niên quay mặt về phía hồ Horican, tập trung sự chú ý vào những bóng sao mờ chập chờn trên mặt nước lung linh. Nhưng đôi tai tinh tường của anh tiếp tục thu nhận những tiếng động quái ác như muốn báo trước cho anh biết nguy hiểm đang chờ đâu đây. Cuối cùng, anh thấy rõ ràng như có tiếng chân vọt nhanh trong đêm tối. Không nén nổi lo âu, Duncan khẽ gọi người trinh sát tới chỗ anh đang đứng. Mắt Chim Ưng vấp khẩu súng vào cánh tay, đi

lại với một vẻ ung dung bình thản như để tỏ ra rằng mình tin chắc vào sự an toàn của nơi trú chân.

“Hãy nghe xem,” Duncan lên tiếng khi người trinh sát tới, “có những tiếng động nhỏ trên cánh đồng chứng tỏ rằng có thể Montcalm chưa hoàn toàn rút khỏi nơi đây.”

“Nếu vậy, tai nghe tốt hơn mắt nhìn,” người trinh sát vẫn thản nhiên đáp; bác vừa cho một miếng thịt gấu vào mồm thành thử nói năng chậm chạp lúng búng vì phải làm hai việc cùng một lúc, “chính mắt tôi đã nhìn thấy lão ta núp trong pháo đài Ticonderoga cùng với cả đạo quân. Mỗi khi lập được chiến công, bọn Pháp này chỉ muốn trở về nhảy múa mở hội ăn mừng thắng lợi với bọn đàn bà.”

“Điều đó thì tôi không rõ; nhưng người Anh điêng ít khi ngủ trong khi có chiến tranh, và có thể còn một tên Huron ở lại đây kiểm soát sau khi cả bọn đã rút. Có lẽ ta nên tắt lửa mà nghe ngóng. Kia, bác có nghe thấy tiếng động tôi vừa nói đấy không?”

“Người Anh điêng ít khi lãng vãng bên những xác chết. Tuy họ sẵn sàng giết người bất kể bằng cách nào, thông thường họ chỉ cần lột da đầu, trừ phi họ điên máu; nhưng một khi linh hồn kẻ thù đã lìa khỏi xác thì họ cũng hết thù hằn và vui lòng để người chết được yên nghỉ. Thiếu tá này, nhân nói đến linh hồn, anh có cho rằng thiên đường của người da đỏ và của người da trắng chúng ta là một không?”

“Đúng như vậy... Hình như tôi lại nghe thấy tiếng đó! Hay là tiếng lá sột soạt trên ngọn cây sồi?”

“Về phần tôi,” Mắt Chim Ưng quay mặt về phía Heyward đang chỉ, nhưng với một vẻ lơ đãng thờ ơ, “tôi tin rằng thiên đường là một nơi đầy hạnh phúc, và mọi người ở trên đó đều

được hưởng tùy theo sở thích và sở trường của mình. Bởi vậy tôi cho rằng người da đỏ nghĩ đúng khi họ tin vào lời truyền thuyết nói rằng trên đó có những khu săn bắn tươi tốt; hơn nữa, tôi cũng không nghĩ rằng một người da trắng chính cống có điều gì phải xấu hổ khi dùng thời gian...”

“Bác nghe thấy rồi chứ?” Duncan ngắt lời.

“Thấy rồi; lũ sói đi săn ăn khi hiếm mỗi cũng như khi có nhiều,” người trinh sát thân nhiên nói. “Giả như sáng trời và có thời giờ đi săn thì tha hồ chọn những bộ lông sói. Nhưng, này thiếu tá, về cuộc sống trên thiên đường, tôi nghe các nhà truyền giáo ở đất thuộc địa này nói rằng đó là một nơi yên ả. Nhưng ngày nay, mỗi người quan niệm thú vui một cách. Tôi vốn ưa hoạt động và đi săn; đối với tôi, bị giam hãm trong bốn bức tường để nghe truyền giáo là một việc không thích thú gì lắm. Tôi nói ra với tất cả tấm lòng sùng kính đối với sự an bài của Thượng đế.”

Qua lời nói của Mắt Chim Ưng. Duncan đã nhận ra loại tiếng động mà anh đã nghe thấy; lúc này anh mới chú ý hơn tới vấn đề người trinh sát nêu, anh đáp:

“Khó mà biết được con người ta suy nghĩ gì trước cuộc thay đổi lớn lao cuối cùng của mình.”

“Đúng là một cuộc thay đổi đối với một người luôn luôn sống nay đây mai đó,” người trinh sát vẫn theo đuổi ý nghĩ của mình, “một người thường ăn bữa sáng ở thượng nguồn sông Hudson và ngủ tối giữa những tiếng la hét om sòm của bọn Mohawk. Nhưng có điều an ủi là chúng ta cùng phụng sự đáng Thượng đế từ bi, tuy mỗi người làm theo một cách riêng và tuy Người ở cách chúng ta bao miền đất hoang vu... Có tiếng gì vậy?”

“Liệu có phải tiếng sói chạy như bác vừa nói không?”

Mắt Chim Ưng khẽ lắc đầu rồi ra hiệu cho Duncan đi theo đến một chỗ không bị ánh lửa chiếu tới. Sau khi đã đề phòng như vậy người trinh sát hết sức chăm chú lắng nghe hồi lâu để xem có nổi lên tiếng động bất ngờ đã làm bác phải giật mình không, nhưng vô hiệu. Sau một lát chờ đợi không kết quả, bác thì thầm vào tai Duncan:

“Phải gọi Uncas lại đây. Thằng bé có đôi tai của người Anh diêng và có thể nghe được những âm thanh mà tai chúng ta không thấy; tôi là một người da trắng, và tôi không phủ nhận nhược điểm của tôi.”

Đang rì rầm trò chuyện với cha, người thanh niên Mohican nhồm người lên khi nghe thấy tiếng cú rúc, đứng phắt dậy nhìn về phía bờ thành tối om để tìm nơi đã phát ra tiếng kêu. Người trinh sát lại rúc một hồi nữa; giây lát, Duncan đã nhìn thấy bóng dáng Uncas đang thận trọng men theo bờ lũy tiến lại chỗ hai người.

Mắt Chim Ưng nói vắn tắt bằng tiếng Delaware cho Uncas biết ý định của mình. Sau khi đã rõ nguyên nhân vì sao người trinh sát gọi, lập tức Uncas dán người xuống mặt cỏ; Duncan tưởng như anh ta nằm yên bất động. Ngạc nhiên thấy người chiến binh trẻ không nhúc nhích, và tò mò muốn biết anh ta làm cách nào để điều tra tiếng động, Heyward tiến lên mấy bước, mắt vẫn nhìn chăm chăm vào bóng hình đen sẫm của Uncas; tới nơi, anh cúi xuống thì người thanh niên Mohican đã biến mất, chỉ thấy một mô đất lù lù.

“Người Mohican đâu mất rồi?” anh vừa hỏi vừa kinh ngạc lùi lại, “Chính tôi nhìn thấy anh ta nằm xuống chỗ này, và tôi có thể cam đoan rằng anh ta chưa đi đâu.”

“Suýt nói nhỏ chứ, vì chúng ta không biết có những đôi tai nào đang vểnh lên. Bọn Mingo giỏi ứng phó lắm. Còn Uncas đang ở ngoài cánh đồng rồi; nếu bọn Magua quanh quần đâu đây chúng sẽ chạm trán với một địch thủ ngang tài.”

“Bác cho rằng Montcalm chưa rút hết bọn Anh điêng của ông ấy sao? Nếu vậy hãy báo động cho các bạn của chúng ta để mọi người chuẩn bị vũ khí sẵn sàng. Chúng ta có năm người, đều đã quen giáp mặt kẻ thù.”

“Không báo gì hết nếu thiếu tá còn yêu quý cuộc sống này! Hãy nhìn Chingachgook kia. Trông bác ta ngồi bên đồng lửa rõ ra một thủ lĩnh Anh điêng vĩ đại! Nếu có những tên nào rình rập trong bóng tối, nhìn thái độ của bác, chúng sẽ không thể đoán được rằng ta đã đánh hơi thấy nguy hiểm tới gần. Nhưng chúng sẽ nhìn thấy bác ta và sẽ hạ thủ ánh sáng ngọn lửa chiếu vào người quá rõ, chắc chắn bác sẽ là nạn nhân đầu tiên.”

“Không thể chối cãi được điều thiếu tá nói là đúng,” người trinh sát để lộ một vẻ lo âu khác thường, “nhưng làm thế nào được! Chỉ cần tỏ ra một chút nghi ngờ là chúng ta sẽ bị tấn công không kịp trở tay. Nghe tôi gọi Uncas lúc này, bác ấy đã biết rằng chúng ta đã đánh hơi thấy kẻ địch, để tôi báo cho bác ta biết là chúng mình đang theo dõi bọn Mingo; bản chất Anh điêng sẽ báo cho bác ta biết cách thức hành động.”

Người trinh sát đưa mấy ngón tay lên mồm rít một tiếng khẽ làm Duncan giật bắn người, tưởng như có tiếng rần kêu bên tai. Chingachgook đang ngồi tựa đầu vào một tay, suy nghĩ một mình; khi nghe thấy ám hiệu (tiếng kêu của loài bò sát mà bác mang biệt danh), bác ngẩng đầu lên, đôi mắt đen đảo nhanh tứ phía một cách sắc sảo. Ngoài động tác đột ngột và có lẽ vô tình đó, bác không có vẻ gì sửng sốt hốt hoảng. Khẩu súng vẫn nằm

yên bên cạnh, trong tầm tay, như thể bác không để ý tới; cây rìu trận mà lúc trước bác nói đây cho đỡ chặt, chống chọi dưới đất; toàn thân bác có vẻ thư giãn, gân cốt như chùng lại nghỉ ngơi. Rồi bác khéo léo trở về tư thế cũ, chỉ đổi tay chống đầu như thể để cho tay kia đỡ mỏi, ngồi chờ sự việc diễn biến với một sự bình tĩnh gan góc mà chỉ có một người Anh điêng mới biết cách xử sự.

Ai không biết sẽ tưởng người thủ lĩnh Mohican đang thiêu thiêu ngủ. Nhưng Duncan để ý thấy hai lỗ mũi bác phồng lên, đầu hơi nghiêng về một phía như để tai nghe được rõ hơn, đôi mắt tinh nhanh luôn luôn đảo nhìn mọi vật xung quanh.

“Trông kìa, thật là một con người cao quý!” Mắt Chim Ưng siết chặt cánh tay Heyward, nói khẽ, “Bác ta biết rằng chỉ một cái nhìn, một cử động nhỏ sẽ làm vỡ kế hoạch và khiến chúng ta rơi vào tay bọn khốn kiếp...”

Một ánh chớp lóe và một tiếng súng nổ ngắt lời người trinh sát. Ở ngay chỗ Heyward đang nhìn vào bằng con mắt thần phục và kinh ngạc tóe lên những tàn lửa. Anh nhìn lại thì Chingachgook đã biến mất trong cảnh hỗn loạn. Lập tức người trinh sát giơ súng lên, sẵn sàng chờ kẻ thù xuất hiện. Nhưng cuộc tấn công dường như kết thúc sau khi phát súng lẻ loi không đạt được mục đích sát hại Chingachgook. Có một hai lần, hai người tưởng như nghe thấy có tiếng bụi cây sột soạt đằng xa, như thể có vật gì chạy qua. Mắt Chim Ưng nhận ra ngay tiếng chân lũ sói đang vội vã lui trốn vì có những kẻ đột nhập giang sơn của chúng. Sau mấy phút chờ đợi hồi hộp và nín thở, lại có một vật gì rơi tòm xuống nước, theo sau là một tiếng súng nổ khác.

“Uncas hành động rồi đấy!” người trinh sát nói, “Thằng bé có một khẩu súng tuyệt vời. Tôi quen tiếng nổ giòn của nó

cũng như một người cha quen tiếng nói của con mình, bởi vì tôi đã sử dụng nó trước khi được khẩu súng tốt hơn.”

“Thế nghĩa là thế nào?” Duncan hỏi, “Kẻ địch đang rình mò và dường như còn muốn tiêu diệt chúng ta kia mà.”

“Thanh củi vừa bị bắn tung tóe ở đằng kia nói lên rằng nó không có thiện ý gì, và người Anh điêng này chứng minh rằng kẻ đó không hại được chúng ta.” Người trinh sát vừa đáp vừa thản nhiên hạ súng khoác vào cánh tay, đi vào trung tâm pháo đài theo chân Chingachgook lúc này lại hiện ra trong ánh lửa, “Thế nào, thủ lĩnh? Có đúng là bọn Mingo đuổi theo chúng ta không, hay đó chỉ là một trong những con vật bò sát bám gót chân quân đội Pháp để đi lột da đầu người chết và sau đấy trở về khoe khoang với vợ con là đã chiến thắng những người mặt tái.”

Rất điềm đạm, Chingachgook ngồi vào chỗ cũ chẳng nói chẳng rằng, bác xem xét thanh củi bị trúng đạn, viên đạn chỉ thiếu một chút đã sát hại bác, xong xuôi bác mới giơ ngón tay, trả lời cộc lốc bằng tiếng Anh:

“Một.”

“Tôi cũng nghĩ như vậy,” Mắt Chim Ưng ngồi xuống đáp, “chắc nó đã nhảy thoát xuống hồ trước khi Uncas kịp nổ súng. Chắc chắn là quân bắt lương này sẽ bịa ra lắm chuyện, nào là phục kích lớn, nào là bám sát dấu vết hai người Mohican và một người thợ săn da trắng. Trong những cuộc đọ sức như thế này, chúng coi hai viên sĩ quan là những kẻ ngoài cuộc. Mặc cho nó nói. Dân tộc nào cũng có những người chân chính tuy, có Thượng đế biết, số này không nhiều trong bọn Maqua; họ sẵn sàng lật tẩy kẻ huênh hoang khoác lác bất chấp lẽ phải này. Thằng khốn kiếp đã bắn sạt tai bác đây, thủ lĩnh ạ.”

Chingachgook bình tĩnh thản nhiên đưa mắt nhìn vào chỗ bị trúng đạn, rồi bác trở về tư thế ngồi lúc trước, không hề bối rối trước một việc nhỏ nhặt như vậy. Vừa lúc đó, Uncas lướt tới, anh ngồi xuống bên đồng lửa với một vẻ cũng thản nhiên như cha.

Heyward chăm chú và ngạc nhiên quan sát những cử chỉ của hai người da đỏ. Anh cảm thấy những con người của núi rừng này có những phương pháp riêng để hiểu nhau mà anh không tài nào biết được. Một thanh niên da trắng sẽ kể lại sôi nổi ồn ào, có khi còn phóng đại những việc xảy ra trên cánh đồng tối tăm; trái lại, người chiến binh trẻ dường như muốn để cho sự việc tự nói lên. Thực ra, đây không phải lúc và cũng không phải dịp cho một người Anh điêng khoe khoang những chiến công của mình; nếu Heyward không hỏi, chắc là Uncas cũng sẽ không nói một lời nào.

“Kẻ địch của chúng ta ra sao rồi, Uncas?” Duncan hỏi, “Chúng tôi nghe thấy tiếng súng của anh và đã hy vọng rằng anh không bắn uống.”

Người thủ lĩnh trẻ vén vạt áo đi săn, điềm nhiên phô chỏm tóc tượng trưng cho thắng lợi. Chingachgook để tay lên máng da đầu, chăm chú xem xét hỏi lâu. Đột nhiên, bác vụt xuống đất, vẻ ghê tởm hiện lên trên khuôn mặt răn rỏi, thốt lên:

“Oneidas!”

Người trinh sát không quan tâm lắm tới kẻ bị giết; bác giữ một vẻ thản nhiên cũng gần giống như hai người cộng sự da đỏ; nhưng khi nghe Chingachgook thốt ra tiếng kêu, bác vội tiến đến xem món chiến lợi phẩm gồm ghiếc và nhắc lại:

“Oneidas! Lạy Chúa, nếu có cả bọn Oneidas đuổi theo tức là chúng ta bị lũ quỷ sứ bao vây tứ phía rồi. Dưới con mắt người

da trắng; mảnh da đầu này chẳng khác mảnh da đầu của bất cứ một người Anh diêng nào; vậy mà bác Chingachgook cả quyết rằng nó ở trên đầu một tên Mingo; hơn thế nữa, bác ta còn gọi đích danh bộ tộc thẳng quỷ khốn khổ một cách dễ dàng như thể cái mảnh da đầu ấy là một trang sách, còn mỗi sợi tóc là một chữ in. Những người da trắng theo đạo Cơ Đốc có quyền gì khoe khoang học thức của mình khi một người da đỏ đọc được thứ tiếng mà những người da trắng giỏi giang nhất cũng phải bó tay!... Thế nào, cháu bảo sao, tên quỷ quái thuộc dân tộc nào vậy?”

Uncas ngược mắt nhìn vào mặt người trinh sát, cất giọng êm ái đáp:

“Oneidas.”

“Cũng Oneidas ư! Khi một người Anh diêng khẳng định một điều gì, thông thường điều đó phải đúng; nhưng khi lại được một người Anh diêng khác công nhận thì điều đó đúng như Thánh kinh vậy!”

“Anh chàng khốn khổ này tưởng lầm chúng ta là quân Pháp,” Heyward nói, “bằng không hắn đã chẳng định ám hại một người bạn.”

“Nó nhầm những nét sơn của một người Mohican với một tên Huron ư! Thế thì cũng giống như ta nhầm người cận vệ binh áo trắng của Montcalm với người lính áo đỏ của quân đội Anh hoàng tại Bắc Mỹ.” Người trinh sát đáp, “Không, không, con rắn độc biết việc làm của nó; không có chút nhầm lẫn gì trong chuyện này vì rằng người Delaware và người Mingo không ưa nhau lắm đâu, dù cho các bộ tộc này đi chiến đấu cho ai trong một cuộc tra chấp giữa những người da trắng. Về điểm này, mặc dù bọn Oneidas phụng sự Anh hoàng thiêng liêng, vì

chủ tế tối cao, tôi sẽ không ngần ngại nổ súng vào thằng khốn kiếp nếu dịp may dẫn nó đến trước mặt tôi.”

“Như vậy là vi phạm những hiệp ước chúng ta đã ký và không xứng đáng với một con người như bác.”

“Khi một người sống lâu năm cùng với một bộ tộc,” Mắt Chim Ưng nói tiếp, “nếu bộ tộc này tốt và người kia cũng không phải kẻ xấu, tình thân sẽ nảy nở giữa hai bên. Thực ra, sự xảo trá của người da trắng đã làm cho các bộ tộc da đỏ lẫn lộn bạn thù, đến nỗi người Huron và người Oneidas cùng chung một tiếng nói; hoặc có thể coi như vậy, lại đi lột da đầu của nhau; những người Delaware thì bị chia sẻ, một số nhỏ sống quanh quần bên ngọn lửa của đại hội đồng, tại con sông quê hương, và chiến đấu cùng một phía với người Mingo; số đông lại sang Canada vì mối thù sẵn có với người Maqua... Thành thử mọi chuyện đều bị đảo lộn, và cuộc chiến tranh trở nên phức tạp. Tuy nhiên, bản chất người da đỏ không dễ thay đổi trước mỗi biến chuyển của tình hình chính trị, cho nên tình cảm giữa một người Mohican và một người Mingo cũng giống hệt tình cảm của một người da trắng đối với một con rắn.”

“Điều bác vừa nói làm tôi phiền lòng vì tôi vẫn nghĩ rằng những người thổ dân sống trong vùng lãnh thổ Anh coi chúng ta là chính nghĩa và tự do, vì vậy mà họ gắn bó chặt chẽ với cuộc chiến đấu của chúng ta.”

“Tôi lại nghĩ rằng bản chất con người thiên về đấu tranh cho mình hơn là cho người khác. Riêng tôi rất yêu công lý, cho nên tôi sẽ không nói rằng tôi ghét người Mingo vì điều này không hợp với màu da và tôn giáo của tôi... Tuy nhiên, tôi nhắc lại rằng sở dĩ cây Sát Hươu của tôi không bắn chết được tên Oneidas lẫn quất trên cánh đồng là do tối trời.”

Rồi như thể hài lòng về những lý lẽ cứng rắn của mình, mặc dù không biết nó tác động ra sao tới suy nghĩ của người đối thoại người trinh sát chân thiện nhưng cố chấp quay mặt khỏi đồng lửa như để chấm dứt cuộc tranh luận. Heyward đi lại bờ thành; vì lo lắng và ít kinh nghiệm chiến đấu trong rừng, anh cảm thấy không yên dạ trước những cuộc đánh úp có thể xảy ra. Thế nhưng người trinh sát và hai người Mohican lại không nghĩ vậy. Những giác quan nhạy bén và lão luyện có một sức mạnh vượt quá giới hạn tưởng tượng của con người, đã giúp họ không những phát hiện ra nguy hiểm mà còn có thể biết rõ mức độ và thời hạn. Nhìn ba người chuẩn bị ngồi bàn bạc kế hoạch sắp tới, có thể thấy rằng không một ai trong số ba người có chút lo ngại nào về sự an toàn tuyệt đối của họ.

Thời kỳ này, tình trạng rối ren trong các dân tộc và cả trong các bộ tộc mà Mắt Chim Ưng vừa nhắc tới, diễn ra trầm trọng nhất. Tại nhiều nơi, sợi dây thắt chặt các dân tộc là tiếng nói, sự nghiệp và nguồn gốc chung, bị đứt đoạn. Một trong những hậu quả của nó là dân Delaware và dân Mingo (tên gọi sáu bộ lạc đồng minh) lại chiến đấu trong cùng hàng ngũ; trong lúc đó thì người Mingo chỉ rình rình lột da đầu người Huron tuy họ được coi là gốc rễ của cùng một thân cây. Giữa những người Delaware cũng có sự phân liệt, tình yêu nơi quê cha đất tổ đã giữ người thủ lĩnh bộ tộc Mohican ở lại vùng lãnh thổ của Anh hoàng cùng với một số ít người đang phục vụ tại pháo đài Edward, trong khi đó đại bộ phận là đồng minh quân của Montcalm. Mặc dù có thể chưa nắm hết vấn đề qua câu chuyện này, chắc hẳn độc giả cũng rõ rằng dân Delaware, hay Lenape, tự coi là ông tổ của các dân tộc; ngày trước, họ làm chủ hầu hết các miền Đông và Bắc nước Mỹ, và cộng đồng Mohican là một chi lâu đời và có uy tín lớn.

Người trinh sát và hai người bạn Mohican của bác hiểu rất rõ những nguyên nhân tinh vi phức tạp đã khiến cho những người bạn lại đánh lẫn nhau và những kẻ thù lại chiến đấu bên nhau; giờ đây, họ đang bàn cách đối phó với những con người dã man và đầy mâu thuẫn. Vốn biết khá rõ những tập quán của người Anh điêng, Duncan hiểu lý do tại sao đồng lửa được nhóm to lên, và tại sao các người chiến binh, kể cả Mắt Chim Ưng, lại ngồi trong vùng khói một cách trang nghiêm như vậy. Anh bèn đứng vào một góc để có thể vừa nhìn thấy ba người ngồi họp bên trong pháo đài, vừa để mắt canh phòng nguy hiểm phía ngoài, kiên nhẫn chờ đợi kết quả cuộc bàn bạc.

Sau mấy phút yên lặng, Chingachgook châm tẩu thuốc và bắt đầu hút. Cái tẩu nom lạ mắt, nõ làm bằng một thứ đá mềm ở địa phương, dọc là một ống bàng gỗ. Rít xong hơi thuốc thơm tho, bác đưa cho người trinh sát; cứ như thế, ống tẩu được chuyền đi chuyền lại ba lần, trong bầu yên lặng tuyệt đối, trước khi một trong hai người lên tiếng. Sau đó, với tư cách là người lớn tuổi và có thứ bậc cao nhất, Chingachgook nói vài lời ngắn gọn, từ tốn, trang trọng nêu vấn đề thảo luận. Người trinh sát phát biểu; Chingachgook đáp lại khi thấy ý kiến của mình bị phản đối. Chàng thanh niên Uncas vẫn yên lặng ngồi nghe một cách kính cẩn và chỉ lên tiếng khi được Mắt Chim Ưng hỏi ý kiến. Qua cách trình bày của ba người, Heyward thấy rằng hai cha con người Mohican cùng chung một ý kiến, còn người trinh sát có ý kiến khác. Cuộc tranh luận trở nên sôi nổi, rõ ràng mỗi người đã để cho tình cảm riêng xen lẫn vào.

Mặc dù cuộc tranh cãi giữa ba người thân mỗi lúc một thêm sôi động, thái độ ôn tồn và lễ độ của họ có thể là một bài học bổ ích về tính ôn hòa cho những cuộc hội nghị Cơ Đốc giáo nghiêm túc nhất, kể cả những hội nghị của các vị mục sư đáng

tôn kính. Những ý kiến của Uncas cũng được chăm chú đón nghe như đối với những lời phát biểu khôn ngoan già dặn của cha anh; không ai tỏ vẻ nôn nóng, người này chỉ trả lời sau khi đã để một thời gian suy ngẫm về những ý kiến của người kia.

Ngôn ngữ của hai người Mohican có kèm theo những động tác cụ thể và tự nhiên khiến Heyward có thể theo dõi không khó khăn lắm dòng lập luận của họ. Trái lại, thái độ của người trinh sát không rõ rệt; vì tự hào dân tộc, bác giữ bộ mặt lạnh như tiền, một nét riêng biệt của các tầng lớp người Anh. Hai cha con người điêng luôn luôn nhắc tới những dấu vết tìm thấy trên con đường rừng; hiển nhiên là họ muốn đuổi theo bằng đường bộ. Cánh tay Mắt Chim Ưng lại không ngừng gạt về phía hồ Horican, chứng tỏ bác chủ trương đi đường thủy.

Người trinh sát có vẻ đuối lý, và cuộc tranh luận sắp đi tới một quyết định ngược lại ý bác. Trút bỏ bộ mặt lạnh lùng, bác đứng phắt dậy, đột nhiên bắt chước lối nói của người Anh điêng, triệt để vận dụng nghệ thuật diễn thuyết hùng hồn của họ. Bác giơ cánh tay chỉ vào đường vận hành của mặt trời, bao nhiêu lần chỉ là ngần ấy ngày đường phải vượt qua trước khi đạt được mục đích. Rồi bác phác ra con đường dài vất vả qua bao núi sông hiểm trở. Bằng những điệu bộ rất dễ hiểu, bác nêu lý do tuổi tác và sức khỏe của Munro lúc này đang ngủ mê mệt. Người trinh sát còn nêu tới tình trạng sức khỏe của chính Heyward vì anh thấy bác xòe bàn tay nhắc tới tên “Bàn Tay Mở”, biệt hiệu mà các bộ tộc da đỏ đồng minh đặt cho Heyward vì tính quảng đại của anh. Rồi Mắt Chim Ưng mô tả chiếc xuồng bơi lướt nhịp nhàng, tương phản với bước chân run rẩy của một người mỗi mệt, xuống sức. Cuối cùng, bác chỉ tay vào mảng da đầu của tên Oneidas như muốn nêu sự cần thiết phải nhanh chóng lên đường, không để lại một dấu vết.

Hai người Mohican ngồi nghe một cách nghiêm túc, nét mặt phản ánh những ý tứ của diễn giả. Dần dần những lời nói của Mắt Chim Ưng đã thuyết phục được họ; tới phần kết thúc, họ cùng thốt lên một tiếng kêu tán thưởng. Tóm lại, hai cha con Chingachgook ngả theo ý kiến của Mắt Chim Ưng và từ bỏ ý định trước của họ một cách thoải mái, thành thực, giả sử họ là những vị đại diện của một dân tộc lớn và văn minh nào đó thì việc thay đổi ý kiến như vậy sẽ hủy hoại tiếng tăm về lòng kiên định và dẫn họ tới sự phá sản về chính trị.

Khi vấn đề đã được quyết định, không ai nhắc nhở tới cuộc tranh luận nữa mà chỉ nhớ tới điều đã được định đoạt. Chẳng quan tâm đến thắng lợi của mình và những con mắt tán thưởng của hai người da đỏ, Mắt Chim Ưng thản nhiên ngả tẩm thân cao lớn bên đồng lửa tàn, nhắm mắt ngủ liền.

Còn lại hai cha con người Mohican. Lúc này, họ mới có dịp săn sóc cho nhau sau khi đã dành bao thời gian để lo liệu cho những người khác. Trút bỏ vẻ nghiêm nghị khắc khổ của một người thủ lĩnh Anh điêng, Chingachgook nói với con trai bằng một giọng nhẹ nhàng bông đùa đầy trù mến; Uncas đáp lại cử chỉ thân mật của cha. Tóm lại, người trinh sát vừa đặt mình xuống, thái độ của hai người cộng sự da đỏ đã thay đổi hoàn toàn.

Không bút nào tả nổi những âm thanh thánh thót trong ngôn ngữ của họ tuy rằng những người chưa từng nghe giai điệu này cũng có thể hiểu được qua tiếng cười và những biểu hiện âu yếm. Giọng của họ, đặc biệt của Uncas, thật kỳ diệu, chuyển từ âm thanh trầm nhất đến cao nhất mà vẫn êm ái. Người cha ngắm nhìn những động tác mềm mại ngây thơ của con với một vẻ thích thú lộ ra mặt, luôn miệng cười theo tiếng cười nhỏ nhẹ và truyền cảm của con mình. Những tình cảm âu

yếm tự nhiên đã xóa hết vẻ dữ dằn khiến cho khuôn mặt người thủ lĩnh trở nên hiền dịu. Bộ áo giáp vẽ hình thần Chết của bác giống bộ đồ cải trang đóng trò hơn là biểu tượng của sự chết chóc hủy hoại.

Hai cha con bộc lộ những tình cảm tốt đẹp nhất suốt một tiếng đồng hồ. Rồi Chingachgook trèo chần lên đầu, ngã mình xuống nền đất rắn tỏ ý muốn ngủ, Uncas vội ngừng đùa nghịch; anh chăm chút cởi than để sưởi ấm đôi chân của cha, rồi cũng tìm chỗ nghỉ lưng trên đồng hoang tàn.

Thái độ vững vàng của những người đường rừng dày dạn kinh nghiệm khiến Heyward yên tâm, và anh cũng làm theo họ. Còn lâu trước lúc đêm tàn, những người ở trong pháo đài đổ nát ngủ li bì, hết như những xác chết phơi sương la liệt trên cánh đồng ngoài kia.

CHƯƠNG 20

Hỡi xứ sở Anbania! Hãy để ta nhìn người,
Nhũ mầu rần rởi nuôi nấng những con người hung bạo.^[56]

• BYRON

Trời còn đầy sao, Mắt Chim Ưng đã đánh thức những người đang ngủ.

Munro và Heyward tung áo choàng trở dậy trong lúc người trinh sát vẫn cất tiếng khê gọi ở mé ngoài nơi trú đêm sơ sài của họ. Ra khỏi lều, hai viên sĩ quan thấy người trinh sát đang đứng chờ gần đó; người dẫn đường khôn ngoan chào hỏi bằng một động tác ra hiệu cho họ giữ yên lặng.

“Hãy cầu kinh sẽ sẽ thôi,” bác khê dặn khi hai người lại gần, “bởi vì người mà các ông cầu nguyện thông hiểu mọi thứ tiếng, kể cả tiếng nói của trái tim cũng như tiếng nói thốt ra từ cửa miệng. Chớ nói thêm một lời nào vì hiếm có người da trắng biết sử dụng ngôn ngữ trong rừng, tỉ dụ như anh chàng quản hát khốn khổ nọ. Mời các ông lại đây,” vừa nói người trinh sát vừa đi tới một đường hào nổi liền hai công sự, “chúng ta xuống chỗ này, và hãy chú ý đặt chân lên đá và những mảnh gỗ. Mọi người làm theo tuy hai sĩ quan da trắng không hiểu lý do vì sao phải có sự thận trọng đặc biệt như vậy. Khi đã xuống dưới hào (những chiến hào này bao bọc ba mặt của pháo đài bằng đất), họ thấy đường đi gần như tắc nghẽn, đất đá ngổn ngang. Tuy

nhiên họ cố gắng theo gót người trinh sát; lát sau, cả đoàn đã tới bờ hồ Horican đầy cát.”

“Con đường này chỉ có dùng mũi đánh hơi mới thấy được,” người trinh sát nhìn lại con đường vừa đi qua với một vẻ hài lòng, “đi trên thảm cỏ dễ bị lộ. Còn gỗ đá không in dấu giày moccasin. Giả như các vị đi giày ống nhà binh thì có thể còn có điều phải lo ngại, nhưng với đôi giày da hươu làm riêng cho trường hợp này, nói chúng ta có thể đi trên đá an toàn. Uncas, đẩy xuống vào gần bờ nữa đi, kéo cát ở đây in dấu cũng rõ như bơ của người Hà Lan ở Mohawk. Nhẹ tay, cháu! Nhẹ tay thôi! Không được để xuống chạm bờ kéo lũ quỷ quái sẽ biết chúng ta rời khỏi nơi đây bằng đường nào.”

Anh thanh niên da đỏ làm đúng yêu cầu, người trinh sát kiểm trong đồng hoang tàn một tấm ván, bắc lên xuống và ra hiệu cho hai sĩ quan bước xuống. Xong xuôi, mọi vật đều được xếp đặt lại như cảnh hỗn độn ban đầu. Rồi Mắt Chim Ưng cũng trèo lên chiếc xuống con làm bằng vỏ cây bulô, cố không để lại một dấu vết gì mà bác có vẻ rất ngại. Heyward ngồi yên; chỉ khi hai người Anh điêng đã thận trọng chèo khá xa pháo đài và khi bóng đen của những quả núi ở phía Đông đã phủ rộng lên mặt hồ trong vắt, anh mới cất tiếng hỏi:

“Tại sao lại phải ra đi lén lút vội vã như thế này?”

“Nếu máu của một tên Oneidas có thể nhuộm đỏ dòng nước trong vắt trên đó xuống chúng ta đang bơi thì đôi mắt của anh sẽ trả lời câu hỏi anh vừa đặt ra.” Người trinh sát đáp. “Anh đã quên con rắn độc đi rình mò tôi qua và bị Uncas giết rồi sao?”

“Đâu có. Nhưng nghe nói là nó đi một mình, và người đã chết không khiến cho ta phải sợ hãi.”

“Phải, nó làm công việc xấu xa đó một mình! Nhưng một người Anh điêng thuộc một bộ lạc có nhiều chiến binh chẳng mấy khi phải lo ngại máu của mình đổ mà không được bạn bè trả thù cho ngay.”

“Nhưng sự có mặt của chúng tôi... Quyền uy của đại tá Munro cũng đủ để kiềm chế sự giận dữ của các đồng minh da đỏ của chúng ta, nhất là trong những trường hợp này, tên khốn kiếp rất đáng phải chịu số phận đó. Mong rằng bác không đi chệch một bước ra ngoài con đường thẳng của chúng ta vì một lý do đơn giản như vậy.”

“Thế anh cho rằng viên đạn vọt ra từ nòng súng của tên vô lại sẽ chệch sang một bên nếu chính đức vua thiêng liêng đứng trước mặt nó sao?” người trinh sát vẫn khẳng khẳng đáp, “Nếu lời nói của một người da trắng có tác động mạnh mẽ tới bản tính của dân Anh điêng, tại sao viên tướng tổng chỉ huy quân đội Pháp ở Canada không chôn những cây rìu trận của người Huron xuống đất đi?”

Bỗng Munro thốt ra một tiếng kêu than khiến Heyward phải ngừng lời; anh lặng yên một lát vì tôn trọng nỗi đau buồn của người bạn có tuổi, rồi quay về vấn đề Mắt Chim Ưng nêu ra.

“Hầu tước Montcalm chỉ có thể giải quyết sai lầm của mình trước Chúa mà thôi,” người sĩ quan trẻ nghiêm trang nói.

“Phải, phải, những lời anh nói nghe có lý vì nó dựa trên tôn giáo và tính lương thiện. Đáng lẽ phải tung một trung đoàn áo trắng của ông ta để ngăn chặn không cho các bộ lạc da đỏ giết hại tù binh thì Montcalm lại dùng lời nói mở đầu bằng câu “Hỡi con ta” để dỗ dành một người da đỏ nguôi giận và quên con dao khẩu súng ở trong tay mình. Hai việc đó khác nhau xa. Không, không,” người trinh sát nhìn lại phía bờ hồ tối om đang

xa dần, cười không thành tiếng một cách khoái trá, nói tiếp, “tôi đã tạo ra một khoảng cách giữa ta và địch, đó là mặt hồ này. Trừ phi lũ quỷ sứ kết bạn được với bầy cá và nghe thấy ai bơi xuống qua hồ, từ giờ tới sáng, ta sẽ bỏ lại đằng sau cả cái hồ Horican này trước khi chúng quyết định đuổi theo bằng đường nào.”

“Với kẻ địch trước mặt và sau lưng, chuyển đi của chúng ta xem ra nguy hiểm đây.”

“Nguy hiểm ư!” Mắt Chim Ưng bình tĩnh đáp, “Không, tuyệt đối không nguy hiểm vì bằng đôi tai thính và cặp mắt tinh, chúng ta có thể tìm cách đi trước lũ quỷ con vài tiếng đồng hồ. Vả lại, nếu phải dùng tới súng thì ở đây có ba người biết cách sử dụng như bất cứ ai sống trên vùng đất này. Không, không có gì nguy hiểm cả đâu; nhưng có thể xảy ra một cuộc đổ sức ngắn, như ta thường nói, một cuộc chạm trán chớp nhoáng hoặc đụng độ gì đó, song ta có chỗ ẩn nấp tốt và nhiều đạn dược.”

Có lẽ Heyward đánh giá mỗi nguy hiểm hơi khác với người trinh sát, cho nên anh ngồi yên không đáp. Con xuống tiếp tục bơi trên mặt hồ, vượt qua một chặng đường dài. Trời vừa hửng thì xuống đi vào một vùng nước hẹp, len lỏi lướt nhanh và thận trọng giữa vô vàn hòn đảo nhỏ. Chính Montcalm đã rút quân bằng đường này, và không ai biết ông ta có để lại một số quân Anh điêng nằm phục tại đây để bảo vệ hậu quân và thu nhặt những người chậm chân không. Cho nên họ lặng lẽ bơi với tất cả sự thận trọng sẵn có.

Chingachgook gác mái chèo trong khi Uncas và người trinh sát đưa con thuyền mỏng mảnh lướt qua những luồng lạch quanh co khúc khuỷu ở đó mỗi bước có thể gặp những nguy hiểm bất ngờ. Trong lúc xuống tiến lên phía trước, cặp mắt của

người thủ lĩnh da đỏ chăm chú theo dõi các hòn đảo, lùm cây; khi đi trên một vùng nước rộng, bác hướng đôi mắt sắc sảo về phía những hòn núi đá trọc và những cánh rừng nhô ra in bóng rung rinh trên dòng nước hẹp.

Heyward vừa thích thú ngắm cảnh đẹp vừa thấp thỏm trước tình hình hiện tại; anh đang nghĩ rằng nỗi lo sợ của mình bị kích động vô căn cứ thì theo hiệu của Chingachgook, nhưng mái chèo ngừng bơi.

Uncas thốt ra một tiếng kêu ngay sau khi cha anh vỗ nhẹ vào mạn xuồng báo hiệu nguy hiểm tới gần.

“Gì vậy?” người trinh sát hỏi, “Mặt hồ phẳng lặng như thể không có cơn gió nào thổi qua; mắt tôi nhìn được rất xa mà không thấy gì cả, dù chỉ là chấm đen của một cái đầu con cóc trên mặt hồ.”

Người Anh điêng nghiêm nghị giờ bơi chèo, chỉ về phía bác ta đang nhìn chăm chăm; Duncan đưa mắt nhìn theo. Cách vài sải phía trước mặt có một hòn đảo thấp lè tè, cây cối um tùm, trông yên tĩnh như thể nơi hoang vắng đó chưa hề bị bàn chân con người tới quấy rối.

“Tôi chẳng thấy gì ngoài đất và nước,” Heyward nói, “phong cảnh thật ngoạn mục.”

“Suýt!” người trinh sát vội ngắt lời, “Phải, thủ lĩnh ạ, bác làm việc gì cũng có lý. Chỉ có một bóng mây, nhưng sao nó không tự nhiên. Thiếu tá có thấy đám hơi bốc lên từ hòn đảo không? Không thể gọi đây là sương mù vì nó giống như một làn khói mỏng...”

“Đó là hơi nước từ mặt hồ bốc lên.”

“Nói như vậy, trẻ con cũng nói được. Nhưng đường viền phần dưới của làn khói thâm màu hơn, và nếu anh theo dõi thì

thấy nó bay lên từ lùm cây phỉ. Như vậy là thế nào? Theo tôi, đó là khói của một đồng lửa mà người ta giữ không cho nó cháy to.”

“Ta hãy chèo tới đó để đánh tan mọi nghi ngờ!” Heyward sốt ruột nói, “Số người ở trên một khoảnh đất nhô như vậy hẳn không đông.”

“Nếu anh đánh giá mưu mô của người Anh điêng qua những điều đã học trong sách vở hoặc bằng bộ óc sáng suốt của người da trắng thì sẽ nhầm nếu không phải là mất mạng.” Mắt Chim Ưng vừa nói vừa vận dụng sự sắc sảo đặc biệt của mình để quan sát tình hình trên đảo, “Nếu được phép phát biểu về vấn đề này, tôi sẽ nói rằng chúng ta phải chọn giữa hai cách: một là quay trở về và từ bỏ mọi ý định đuổi theo bọn Huron.”

“Không bao giờ!” Heyward kêu lên quá to trong hoàn cảnh lúc đó.

“Được, được,” Mắt Chim Ưng vừa nói vừa vội ra hiệu để ghìm sự nôn nóng của Heyward, “tôi cũng rất đồng ý với anh; tuy nhiên, với kinh nghiệm của mình, tôi thấy cần phải nói cho hết. Đã vậy, chúng ta phải ráng sức chèo; nếu bọn Anh điêng hoặc Pháp ở trong những cái eo này, chúng ta phải len lỏi giữa các hòn núi nhỏ, giờ lưng chịu sự tấn công từ hai bên sườn. Thủ lĩnh thấy tôi nói có đúng không?”

Thay cho câu trả lời, người Anh điêng hạ mái chèo xuống nước, đẩy xuồng tiến lên. Cử chỉ đó cũng đủ nói rõ quyết định của Chingachgook vì bác làm nhiệm vụ điều khiển con thuyền. Cả mấy người mạnh mẽ gạt mái chèo và chẳng bao lâu, họ đã tới một điểm mà từ đó có thể thấy toàn cảnh Bắc của hòn đảo lúc trước bị che khuất.

“Đúng là bọn chúng ở đây,” người trinh sát thì thào, “hai chiếc xuồng và đám khói kia là những vật chứng cụ thể. Lũ khốn kiếp còn chúi đầu vào đồng khói, nếu không ta đã nghe thấy tiếng hú trận đáng ghét. Đều tay lên, các bạn, ta đang bỏ xa chúng và sắp vượt ra ngoài tầm đạn rồi.”

Vừa lúc đó có tiếng súng nổ, một viên đạn nhảy thia lia trên mặt nước phẳng lặng, cắt ngang câu nói của Mắt Chim Ưng, đồng thời trên đảo nổi lên một tiếng gào xé tai; thế là năm người đã bị lộ. Chốc lát, thấy một toán da đỏ ào lên hai chiếc xuồng và lập tức bơi đuổi. Trước tình hình đáng sợ báo hiệu một cuộc chiến đấu sắp nổ ra. Duncan nhận thấy ba người dẫn đường vẫn không hề biến sắc, duy tay chèo của họ dài ra và đều hơn; chiếc xuồng con lao vun vút trên mặt nước như một vật thể sống có đầy đủ ý chí.

“Thủ lĩnh hãy giữ đúng cự ly,” Mắt Chim Ưng lạnh lùng quay đầu nhìn qua vai trái, tay vẫn chèo miết, “thế, giữ cho thật đúng. Cả dân tộc Huron không có một khẩu súng nào bắn được với khoảng cách này; trái lại, ta có thể trông cậy vào cái nòng của khẩu Sát Hươu đây.”

Tin chắc hai người Mohican có đủ sức giữ vững cự ly cần thiết, người trinh sát gác mái chèo giờ khẩu súng lợi hại lên. Ba lần bác tì súng vào vai và mọi người chờ đợi tiếng nổ nhưng cả ba lần bác lại hạ xuống, yêu cầu hai cha con Chingachgook để cho kẻ địch lại gần chút nữa. Cuối cùng cặp mắt chính xác và khó tính của bác có vẻ hài lòng; bác đưa tay đỡ lấy nòng súng và từ từ nâng mũi súng lên, bỗng đâu Uncas ở đằng mũi kêu lên một tiếng khiến bác một lần nữa lại phải ngừng tay.

“Gì thế, cháu?” Mắt Chim Ưng hỏi, “Tiếng kêu của cháu đã cứu một tên Huron thoát chết, tại sao cháu làm như vậy?”

Uncas chỉ tay về phía bờ hồ có núi đá ở ngay trước mặt; một chiếc xuồng chiến đang lao thẳng tới chỗ họ; hiển nhiên là tình hình lúc này vô cùng nguy ngập, chẳng cần phải dùng lời chứng minh. Người trinh sát vội đặt súng xuống, vớ lấy mái chèo trong lúc Chingachgook hướng mũi xuồng bơi chéch sang phía Tây để tránh xa chiếc xuồng địch mới xuất hiện. Đồng thời những tiếng kêu man rợ và đặc thủng phía sau lưng nhắc nhở họ tới những kẻ đang đuổi theo. Tình thế khẩn trương đến mức đại tá Munro cũng phải dứt ra khỏi cơn phiền muộn.

“Hãy bơi tới những hòn núi đá và chiến đấu với bọn man rợ!” Ông nói với dáng vẻ của một nhà cầm quân lão luyện, “Cầu Chúa phù hộ cho con và những người thân của con đừng bao giờ tin vào cam kết của những kẻ theo hầu bọn vua pháp Louis!”

“Muốn giành thắng lợi trong một cuộc chiến đấu với người Anh điêng, ta không nên quá tự phụ không chịu học hỏi những cái hay của người thổ dân.” Mắt Chim Ưng đáp, “Thủ lĩnh hãy cho xuồng bơi sát bờ nữa đi; chúng ta tiến nhanh hơn bọn súc sinh, nhưng rồi ra chúng có thể tìm cách thọc vào sườn ta đấy.”

Người trinh sát đã không nhầm; khi bọn Huron thấy càng đuổi càng tụt lại đằng sau, chúng không bơi thẳng nữa mà hướng dần chiếc xuồng chéch về một bên; chẳng bao lâu hai xuồng đã đi theo chiều song song, chỉ cách nhau gần hai trăm thước. Một cuộc thi tốc độ diễn ra. Hai chiếc xuồng nhỏ lướt nhanh làm mặt hồ gợn sóng, tốc độ bơi làm cho xuồng nhấp nhô. Có lẽ vì cần thiết phải huy động mọi tay chèo nên bọn Huron chưa sử dụng tới hỏa lực. Những người chạy trốn bỏ ra quá nhiều sức nên không thể tiếp tục được lâu, trong lúc đó những kẻ săn đuổi lại có ưu thế về số lượng. Duncan lo lắng

thấy người trinh sát đưa cặp mắt bối rối nhìn quanh như đang tìm một phương kế nào khác giúp họ thoát thân.

“Thủ lĩnh hãy đẩy xuồng tránh phía mặt trời một chút nữa,” người trinh sát nhấn mạnh, “tôi thấy bọn khốn kiếp đang cho một tên nghỉ tay chèo để bắn. Chỉ cần gãy một cái xương là chúng ta có thể mất luôn chòm tóc đấy. Hãy tránh phía mặt trời, hòn đảo kia sẽ ngăn cách ta với bọn địch.”

Kế sách của Mất Chim Ưng không phải là không hữu hiệu. Trước mặt họ không xa có một hòn đảo dài và thấp; khi họ đã tới gần, xuồng đuổi theo đành phải bơi vòng sang phía bên kia. Người trinh sát và hai bạn của bác không bỏ lỡ thời cơ thuận lợi; khi những đám bụi cây trên đảo che mắt kẻ địch, họ ra sức chèo nhanh gấp đôi, một việc tưởng như lúc trước không thể làm được. Hai chiếc xuồng cùng lao tới mồm hòn đảo như hai con ngựa phi nước đại, xuồng của những người chạy trốn dẫn đầu. Vị trí của hai bên đã thay đổi, xong lại gần nhau hơn trước.

“Uncas, cháu tỏ ra thông thạo loại xuồng làm bằng vỏ cây bulô khi chọn chiếc này trong số những xuồng của bọn Huron.” Người trinh sát mỉm cười tỏ vẻ hài lòng, bác hài lòng không phải thấy hy vọng thoát thân đã hé ra cho mọi người mà vì đã thắng trong cuộc đua, “Bọn khốn kiếp lại ra sức khua chèo, và chúng ta phải chiến đấu để bảo vệ mảng da đầu không phải bằng súng đạn và bằng con mắt chính xác mà bằng những mảnh gỗ dẻo mỏng này. Nào các bạn, chèo mạnh nữa và đều tay lên.”

“Chúng chuẩn bị nổ súng,” Heyward lên tiếng, “hai chiếc đi cùng một hàng với nhau như thế này thì ít khi bắn trượt.”

“Anh và đại tá hãy nắp xuống sạp; như vậy càng thu hẹp mục tiêu của chúng lại.”

Heyward mỉm cười đáp:

“Thật là một tấm gương xấu nếu những người chỉ huy lẩn tránh trong lúc các chiến binh giờ mình chịu đạn.”

“Trời ơi! Lòng can đảm của người da trắng là như thế đấy!” người trinh sát kêu to, “Không thể dùng lý để duy trì khái niệm này cũng như rất nhiều khái niệm khác của họ. Anh tưởng rằng trong lúc lâm trận, người thủ lĩnh kia, hay Uncas, thậm chí cả tôi nữa, một người da trắng chính cống, sẽ ngần ngại không tìm nơi ẩn nấp một khi không cần thiết phải phơi mình ra trước hòn đạn sao? Bọn Pháp xây thành Quebec để làm gì nếu những trận đánh luôn luôn diễn ra trên bãi trống?”

“Tất cả những điều ông bạn nói đều rất đúng,” Heyward đáp, “tuy nhiên, tập quán không cho chúng tôi làm theo ý muốn của bác.”

Một loạt súng của bọn Huron cắt ngang cuộc tranh luận. Trong lúc những viên đạn réo quanh mình họ, Duncan thấy Uncas quay đầu lại nhìn anh và Munro. Mặc dù kẻ địch đuổi sát sau lưng và bản thân Uncas cũng đang trong một tình thế hết sức nguy kịch, nét mặt người chiến binh trẻ không lộ vẻ gì xúc động ngoài sự ngạc nhiên thấy có những người hứng đứng nguy hiểm một cách vô ích như vậy. Chingachgook hiểu rõ tính tình của người da trắng hơn vì bác vẫn dán mắt vào cái dụng cụ mà bác đang dùng để điều khiển con xuồng. Bỗng đâu có một viên đạn bắn vào làm cái mái chèo nhẹ và nhả bật khỏi tay bác, văng ra phía trước. Bọn Huron hò reo vang trời, tiện tay bắn luôn một loạt nữa. Uncas lấy mái chèo khoanh một hình vòng cung trên mặt nước; khi chiếc xuồng lướt qua,

Chingachgook với ngay chiếc mái chèo vung lên, mồm hét vang tiếng hú trận của người Mohican, rồi lại mang hết sức lực và tài năng làm nhiệm vụ quan trọng của mình.

Những tiếng kêu “Rắn Lớn!”, “Súng Dài!”, “Hươu Nhanh Nhẹn!” nhất tề nổi lên từ những con thuyền ở phía sau, như thôi thúc lòng hăng hái của những người săn đuổi. Người trinh sát nắm khẩu Sắt Hươu bằng tay trái, giơ lên khỏi đầu, vung tít một cách đặc thắng trước mắt bọn địch. Trước cử chỉ khinh miệt đó, bọn người man rợ gào thét đáp lại và lập tức nổ tiếp một loạt súng. Những viên đạn rơi tòm xuống hồ, nhưng có một viên xuyên vào vỏ chiếc thuyền con. Trong giờ phút gay go như vậy, hai người Mohican không hề mảy may xúc động, khuôn mặt rắn rỏi của họ không biểu hiện một nét hy vọng hay hoảng hốt; người trinh sát lại quay về phía Heyward, cười không thành tiếng, nói:

“Bọn Mingo khôn kiếp thích nghe tiếng súng của chúng; nhưng đồ chúng đào đâu ra một tay súng ngắm bắn chính xác trong khi xuống tròng trành. Anh thấy không! Quân ngu độn tách hẳn một tên để nạp đạn, cứ tính bỏ rẻ thì chúng ta đi ba sải, chúng mới được hai.”

Duncan không biết ước lượng khoảng cách giữa hai thuyền một cách chính xác như các bạn anh; tuy nhiên, anh khoan khoái nhận thấy rằng nhờ họ chèo giỏi hơn và vì kẻ địch phân tán lực lượng nên rõ ràng bọn anh nắm ưu thế. Bọn Huron lại bắn, một viên đạn trúng vào bề mặt mái chèo của Mắt Chim Ưng nhưng không gây tổn hại gì.

“Được thôi; người trinh sát tò mò xem xét vết sứt do viên đạn sượt vào đạn chẳng làm xước da một đứa trẻ con, càng không làm xước da những người dày dạn như bọn ta. Nào, nếu

thiếu tá muốn sử dụng thứ cây chèo bằng gỗ mỏng này, tôi sẽ cho khẩu Sát Hươu nói chuyện với chúng.”

Heyward cầm mái chèo, dốc hết sức lực để bù cho sự vụng về của mình. Mắt Chim Ưng kiểm tra thuốc nổ, ngắm rất nhanh và bắn. Tên Huron đứng đằng mũi chiếc thuyền dẫn đầu, đang nâng súng lên bỗng ngã ngửa ra, khẩu súng rời khỏi tay, rơi xuống nước. Giây lát sau, hấn loạn choạng đứng được dậy. Lập tức bọn Huron nghỉ tay chèo, rồi cả ba chiếc xuồng của chúng chụm lại một chỗ. Thừa dịp, Chingachgook và Uncas cũng nghỉ tay; còn lại Duncan vẫn cầm cúi chèo. Lúc này hai cha con người Mohican mới nhìn nhau bằng con mắt vẫn bình thản nhưng như muốn hỏi nhau xem có ai bị trúng đạn không. Họ đều hiểu rằng, trong những tình huống cấp bách vừa qua, dù bị tai nạn cũng sẽ không có ai kêu la rên rĩ. Có vài giọt máu đang rỏ từ trên vai người thủ lĩnh da đỏ; thấy Uncas chăm chăm nhìn, bác vục nước vào lòng bàn tay, lau sạch vết máu, bằng cử chỉ đơn giản đó muốn nói rằng vết thương không nặng.

“Nhẹ tay, nhẹ tay chứ, thiếu tá,” người trinh sát nói sau khi đã nạp lại đạn, “xuồng của ta hơi quá xa để một khẩu súng bắn trúng đích; anh có thấy không, bọn khốn kiếp đang bàn bạc ở đằng xa. Hãy để chúng vào đúng tầm súng của ta; trong việc này, cứ tin vào sự ước lượng của mắt tôi. Tôi sẽ dẫn cho bọn chúng theo ta suốt dọc hồ Horican, cam đoan rằng đạn của chúng bất quá chỉ làm sây da chúng ta mà thôi, còn khẩu Sát Hươu này bắn ba phát cũng phải hạ được hai tên.”

“Chúng ta quên mất mục tiêu rồi.” Duncan vẫn ra sức chèo, nói, “ơn Chúa, hãy nắm lấy thời cơ này mà bơi xa bọn địch hơn nữa.”

“Tìm con cho tôi,” Munro cất giọng khàn khàn, nói, “chờ đùa giỡn mãi với nỗi đau khổ của một người cha; hãy hoàn lại đứa con bé bỏng cho tôi.”

Vốn quen tôn trọng mệnh lệnh của cấp trên nên người trinh sát có đức tính phục tùng. Bác tiếc rẻ nhìn lại một lần cuối những xuồng địch ở đằng xa và đặt súng sang một bên; rồi bác đổi chỗ cho Duncan lúc này đã thắm mệt, điều khiển chiếc bơi chèo bằng cánh tay không biết mỏi của mình. Hai người Mohican trợ sức cho bác và, chỉ mấy phút sau, họ đã cách bọn địch một khoảng khá xa khiến Heyward có thể yên tâm nghỉ ngơi.

Mặt nước bắt đầu tỏa rộng ra; xuồng bơi dọc bờ hồ có những quả núi cao chót vót và lởm chởm. Quãng này ít đảo nên dễ đi, mái chèo khua càng nhịp nhàng đều đặn. Sau khi thoát khỏi một cuộc săn đuổi thập phần nguy hiểm, ba người lại tiếp tục công việc một cách bình thản như thể họ mới dự một cuộc đua tốc độ chứ không phải vừa lâm vào một hoàn cảnh cấp bách, nói đúng hơn là gần như tuyệt vọng.

Đáng lẽ phải theo hướng bờ hồ phía Tây để truy lùng Magua, Chingachgook lại nghiêng lái về mạn núi, mà phía bên kia là pháo đài Ticonderoga đáng sợ, nơi tướng Montcalm đã kéo quân vào. Xem ra bọn Huron không tiếp tục đuổi theo nữa, và không có lý do gì rõ rệt phải quá cẩn thận như vậy. Tuy nhiên xuồng vẫn bơi theo hướng đó trong mây tiếng đồng hồ liền cho tới khi đến một cái vịnh gần cuối hồ phía Bắc. Cả đoàn lên bộ, xuồng được kéo lên bờ. Mắt Chim Ưng và Heyward trèo lên một bờ dốc cao, sau khi đã quan sát mặt hồ ở dưới chân. Mắt Chim Ưng chỉ vào một vật nhỏ màu đen bập bênh dưới nước, ngay chỗ có một mỏm đất nhô ra, cách nơi họ đứng vài dặm.

“Anh có nhìn thấy không?” người trinh sát hỏi Heyward, “Nếu anh đi một mình và phải dùng kinh nghiệm bản thân để tìm đường ở nơi hoang vu này thì theo ý anh, đó là cái gì?”

“Căn cứ vào khoảng cách và kích thước của nó, tôi đoán là một con chim. Phải chăng một động vật?”

“Đó là một cái xuồng làm bằng một thứ vỏ cây bulô rất tốt, do những tên Mingo hung dữ và quỷ quyết sử dụng. Thượng đế đã ban cho những người sống trong rừng hai con mắt mà các thị dân không cần tới vì đã có những phát minh giúp họ nhìn; tuy nhiên, lúc này đây, không có đôi mắt nào lường được tất cả những nguy hiểm đang chờ ta. Lũ quỷ quái kia làm ra vẻ mãi lo bữa ăn chiều, nhưng hễ tối trời là chúng sẽ theo chân chúng ta như những con chó săn. Phải đánh lạc hướng chúng nó bằng không sẽ phải bỏ dở việc săn đuổi Cáo Tinh Khôn. Những hồ nước này đôi lúc cũng có ích, nhất là khi nào xuất hiện những con chim nước,” người trinh sát nói tiếp, mắt lo lắng nhìn xung quanh, “nhưng ở đây không có chỗ nấp cho chúng ta mà chỉ có cho bầy cá. Có trời biết được quang cảnh ở đây sẽ ra sao một khi những khu định cư trải dài quá xa hai con sông. Cả săn bắn lẫn chiến tranh sẽ mất hết thú vị.”

“Ta không nên chậm trễ một giây phút nào nếu không có lý do chính đáng và rõ rệt.”

“Tôi không ưa lắm cái đám khói đang cuộn bay men vách đá ở phía bên trên chiếc xuồng kia.” Người trinh sát lơ đãng nói, ngắt cả Heyward, “Tôi cam đoan có những con mắt khác cũng đã nhìn thấy và hiểu được ám hiệu đó^[57] Nhưng thôi, lời nói không giải quyết được vấn đề, giờ là lúc hành động.”

Nói xong, Mắt Chim Ưng rời khỏi đài quan sát, đi xuống bờ hồ, trầm ngâm suy nghĩ. Bác dùng tiếng Delaware thông báo

cho hai người bạn da đỏ biết kết quả cuộc thí sát của mình, rồi cả ba người cùng nhau bàn bạc sôi nổi. Sau cuộc hội ý chớp nhoáng, họ lập tức bắt tay thi hành những quyết định mới.

Họ vác xuống lên vai, đi vào trong rừng, cố ý để lại những dấu chân thật rõ, chẳng bao lâu đến một con suối, họ lội qua và đi mãi cho tới khi gặp một quả núi đá to và trọc. Tại đây, thấy những bước chân của họ có thể không để lại dấu vết nữa, họ bèn đi giạt lùi trở lại con suối một cách hết sức cẩn thận, rồi theo lòng suối nhỏ đi ra hồ; tới nơi, lập tức họ hạ xuống xuống nước. Địa điểm này thấp nên bọn địch ở trên mỏm đất xa xa không nhìn thấy; hơn nữa, ven hồ cây cối um tùm rủ xuống nước. Được những thuận lợi thiên nhiên che chở, họ cầm cúi bơi tiếp cho tới lúc người trinh sát có ý kiến là lại lên bờ cho an toàn.

Năm người nghỉ lại cho tới khi bóng chiều làm nhòa mọi vật xung quanh.

Bảy giờ họ mới tiếp tục lên xuống, dựa vào bóng tối lảng lảng ra sức bơi về phía bờ Tây. Nhìn dãy núi lởm chởm in hình lên nền trời, Duncan thấy không có chỗ nào để cập bờ, tuy nhiên, người Mohican đã đưa xuống vào một bến nhỏ với tất cả sự chắc chắn và chính xác của một hoa tiêu lão luyện.

Xuống lại được khiêng lên bờ, đưa vào rừng và giấu kín trong đám bụi cây.

Khi mọi người đã lấy vũ khí và hành lý, người trinh sát bảo cho Munro và Heyward biết là bác và hai người Anh điêng lúc này đã sẵn sàng khởi sự.

CHƯƠNG 21

*Nếu anh tìm thấy một người đàn ông ở đó, hắn sẽ phải chết
một cái chết thảm hại.* ^[58]

• SHAKESPEARE

Năm người vừa đặt chân lên địa đầu một vùng mà, ngay đối với người dân Mỹ ngày nay, còn xa lạ hơn cả những bãi sa mạc của xứ Arabia hay những thảo nguyên ở Tartary. Đó là một miền đất đai khô cằn, núi non lởm chởm, nằm giữa một bên là những nhánh sông chảy vào hồ Champlain và một bên là những nhánh đổ vào các con sông Hudson, Mohawk và St. Lawrence. Từ thời kỳ xảy ra câu chuyện chúng tôi đang kể tới nay, bộ óc năng động của con người đã dựng lên một vành đai khu dân cư trù phú và phồn thịnh, nhưng cho đến nay cũng chưa có ai đi sâu vào những nơi hoang vu hẻo lánh, trừ những nhà đi săn và dân bản địa.

Mắt Chim Ưng và hai người Mohican đã nhiều lần qua lại những ngọn núi và thung lũng của niền rừng rú bao la này, cho nên họ không ngần ngại tiến vào sâu với bước chân mạnh dạn của những người đã từng quen thiếu thốn khó khăn. Trong mấy tiếng đồng hồ, đoàn khách bộ hành vất vả tiến trên con đường gian khổ, theo hướng một ngôi sao hoặc một con suối, cho tới khi người trinh sát bảo dừng lại. Sau cuộc hội ý ngắn,

Mắt Chim Ưng và hai người Anh điêng đốt lửa, chuẩn bị chỗ nghỉ đêm như mọi lần.

Theo gương những người cộng sự giàu kinh nghiệm và đầy tự tin, Munro và Duncan đi nằm, trong lòng không lo sợ nhưng cũng không thoải mái. Sáng hôm sau, vào lúc sương tan và mặt trời đã xua những đám mây mù, trải ánh sáng chói chang lên khu rừng, đoàn người lại lên đường.

Được vài dặm, Mắt Chim Ưng, người dẫn đầu, đi chậm lại và thận trọng hơn. Bác luôn luôn dừng chân quan sát cây cối bên đường; mỗi khi qua một con suối, bác không quên xem xét kỹ càng lưu lượng, tốc độ và màu sắc của nước. Không tin vào sự phán đoán của mình, bác thường hỏi ý kiến của Chingachgook. Có một lần, Heyward nhận thấy rằng trong lúc hai người bàn bạc, Uncas vẫn kiên nhẫn đứng yên tuy anh ta có vẻ chăm chú nghe. Heyward rất muốn bắt chuyện với người thủ lĩnh da đỏ trẻ tuổi để hỏi ý kiến anh về đường đi, nhưng nhìn thái độ bình thản và trang nghiêm của người thổ dân, anh hiểu rằng, cũng như bản thân anh, người thanh niên Mohican hoàn toàn dựa vào sự sáng suốt khôn ngoan của những bậc cao tuổi hơn. Cuối cùng, người trinh sát trình bày bằng tiếng Anh tình thế khó xử của họ:

“Khi phát hiện ra những vết chân của bọn Huron đi về phương Bắc, tôi chẳng cần phải vận dụng tới những hiểu biết tích lũy trong nhiều năm cũng có thể nói được rằng chúng sẽ đi theo những thung lũng và sẽ qua miền đất nằm giữa sông Hudson và hồ Horican cho tới khi gặp những con sông của Canada ở thượng nguồn; những con sông này sẽ dẫn chúng tới trung tâm vùng đất đai của người Pháp. Thế nhưng lúc này đây chúng ta cách con sông Scaroons không xa mà vẫn không thấy

một dấu vết gì. Bản chất con người thật yếu kém, và có thể chúng ta đã không đi đúng hướng.”

“Cầu Chúa phù hộ cho chúng ta không nhầm lẫn như vậy!” Duncan kêu lên, “Ta hãy quay trở lại, vừa đi vừa xem xét kỹ hơn nữa. Uncas có ý kiến gì góp trong bước khó khăn này không?”

Chàng thanh niên Mohican liếc nhìn cha nhưng vẫn giữ một bộ mặt điềm tĩnh và dè dặt, lặng yên không nói. Thấy con nhìn mình, Chingachgook khoát tay làm hiệu, ra lệnh cho nói. Sau khi được cha cho phép, khuôn mặt nghiêm trang của Uncas trở nên sinh động tươi tỉnh. Vọt lên như một con hươu, anh lao tới bên một sườn dốc thấp, cách vài sải ở trước mặt, đặc chỉ dừng lại trên một khoảng đất dường như mới có một con vật to lớn nào đi qua xới tới lên. Mọi người đưa mắt theo dõi những cử chỉ bất ngờ của Uncas; qua thái độ hân hoan của anh, họ biết là đã có kết quả.

“Dấu vết đây rồi,” người trinh sát reo to và tiến lại gần, “ở tuổi của nó, thằng bé thật tinh mắt và sáng dạ.”

“Lạ lùng thay,” Duncan thì thầm vào tai người trinh sát, “anh ta biết từ lâu mà chẳng nói ra.”

“Nếu nó không được phép mà cứ nói mới càng lạ! Không, không, đám thanh niên da trắng chỉ học trong sách vở và đánh giá sự hiểu biết của mình qua những trang sách, tưởng mình đã tài giỏi hơn ông cha cả về bộ giò và bộ óc. Nhưng trong những vấn đề đòi hỏi phải có kinh nghiệm, người học trò phải biết giá trị của tuổi tác và phải kính trọng nó cho xứng đáng.”

“Hãy xem đây!” Uncas vừa nói vừa chỉ vào những vết chân đi từ Nam sang Bắc hằn rõ dưới đất xung quanh mình, “Người con gái tóc đen đã đi về miền băng giá.”

“Chó săn cũng không dò được những dấu vết tuyệt thế này,” người trinh sát lập tức lần theo con đường có những vết chân, “chúng ta gặp may, may lắm,” bác nói, “và bây giờ thì có thể vừa đi vừa hếch mũi lên. Nay, lại còn những vết chân của hai con ngựa đi nước kiệu nữa chứ. Tên Huron này ra đi như một ông tướng da trắng vậy. Nó bị Chúa phạt nên hóa rồ! Thủ lĩnh hãy tìm kỹ những vết bánh xe,” Mắt Chim Ưng quay lại đằng sau, vừa cười vừa nói tiếp, nét mặt trở nên hớn hởi, “rồi còn thấy thằng ngốc ấy đi bằng xe ngựa nữa kia. Thế mà sau lưng nó lại có ba cặp mắt tinh nhất xứ này.”

Câu pha trò của người trinh sát và kết quả không ngờ của cuộc tìm kiếm sau hơn bốn chục dặm đường đi quanh co đã mang lại một phần hy vọng cho mọi người. Họ tiến nhanh, vững tâm như một khách du hành đang đi trên con đường rộng lớn. Khi có một phiến đá, một con suối hay một mô đất rần làm mất dấu, đôi mắt sắc sảo của người trinh sát lại tìm thấy ngay ở phía xa, và ít khi họ phải mất thời giờ dừng lại tìm kiếm. Họ tiến một cách dễ dàng vì biết chắc là nhất thiết Magua phải qua các thung lũng, do đó mà họ xác định được hướng đi. Tuy nhiên không phải tên Huron đã hoàn toàn coi nhẹ nghệ thuật rút lui của những người thổ dân khi bị kẻ địch theo dõi. Gặp một con suối hoặc địa hình địa thế nơi nào cho phép, hắn luôn luôn để lại những dấu vết giả, có khi vờ rẽ sang hai bên; nhưng những người đuổi theo phát hiện ra ngay, không mất nhiều thời gian và sức lực vì những cái bẫy này.

Vào khoảng ba bốn giờ chiều, họ qua sông Scaroons rồi đi tiếp theo hướng mặt trời lặn. Xuống hết một sườn dốc, họ tới một thung lũng có con suối chảy xiết. Bọn Cáo Tinh Khôn đã nghỉ chân tại đây. Những thanh củi tàn ngổn ngang bên dòng nước, những miếng thịt hươu ăn thừa vương vãi trên mặt đất,

cây cỏ còn in những vết răng ngựa gặm. Cách đây không xa, Heyward thấy có một lùm cây râm mát, đoán rằng Cora và Alice đã ngồi nghỉ tại đó, anh lặng nhìn bằng con mắt triu mến bồi hồi. Xung quanh, đất bị giẫm xéo và vết chân người ngựa in lên rất rõ; cũng đến đây, bỗng dừng mất hết dấu vết.

Dò vết chân của hai con ngựa Narrangansett không khó khăn gì, nhưng dường như chúng đi lang thang, không người hướng dẫn, với mục đích duy nhất là kiếm ăn. Cùng với cha, Uncas lần theo lối đi của hai con ngựa; cuối cùng, anh tìm thấy những vết chân còn mới, chứng tỏ chúng quanh quẩn đâu đây. Trước khi tiếp tục lần theo dấu mới, anh thông báo cho Mắt Chim Ưng và cha biết kết quả cuộc tìm tòi; trong lúc hai người còn đang bàn bạc về tình huống mới, anh đã quay trở về, dắt theo hai con ngựa với những bộ yên cương và vải phủ lưng rách mướp lấm láp như thể chúng đã được thả rông bao ngày nay.

“Thế nghĩa là thế nào?” Duncan tái mặt hỏi; anh đưa mắt nhìn quanh quất như lo sợ những bụi cây vòm lá kia sắp tiết lộ điều bí mật khủng khiếp.

“Nghĩa là cuộc hành trình của chúng ta sắp kết thúc, và ta đang ở trên đất địch.” Người trinh sát đáp, “Nếu thằng vô lại bị đuổi gấp và hai cô thiếu nữ dịu dàng kia cần có ngựa để theo kịp thì chắc là nó đã lột da đầu của họ rồi; nhưng vì không có ai bám đuôi, và lại có những con vật khỏe mạnh như thế này nên nó đã không đụng tới một sợi tóc trên đầu họ. Tôi biết anh đang nghĩ gì; thật xấu hổ cho màu da của anh một khi anh có lý do để nghĩ như vậy. Người nào cho rằng ngay cả một tên Mingo cũng ngược đãi đàn bà, trừ phi nó định giết bằng rìu, đã không hiểu một chút gì về bản chất người da đỏ cũng như về các luật lệ của rừng. Không, không, tôi nghe nói rằng bọn Anh điêng

theo Pháp đến vùng núi này để săn hươu nai, và chúng ta đã đánh hơi thấy doanh trại của bọn chúng. Tội gì chúng chẳng đến! Sáng chiều, núi non ở đây vang vọng tiếng súng của pháo đài Ticonderoga vì quân Pháp mới xây một phòng tuyến giữa các tỉnh của Anh hoàng và của Canada. Đúng là ngựa còn đây nhưng bọn Huron đi rồi. Phải tìm con đường chúng đã ra đi.”

Nói rồi, Mắt Chim Ưng và hai người Mohican hối hả bắt tay vào việc. Họ khoanh một vòng tròn chu vi chừng một trăm bộ trên mặt đất, rồi mỗi người phụ trách một khoanh. Tuy nhiên, cuộc tìm kiếm không mang lại kết quả. Có rất nhiều vết chân, nhưng hình như những người này chỉ quanh quẩn tại chỗ, không có ý định đi đâu. Người trinh sát và hai cha con Chingachgook lại đi vòng quanh nơi nghỉ chân của bọn Huron, người nọ chậm chạp theo sau người kia; cuối cùng, họ lại tụ tập giữa cái vòng tròn mà vẫn không biết gì hơn.

“Ma quỷ đã bày ra mưu kế này đây!” Mắt Chim Ưng kêu lên khi thấy vẻ mặt thất vọng của hai người bạn da đỏ, “Thủ lĩnh ạ, ta phải điều tra thật kỹ, bắt đầu từ con suối, dò từng tấc đất, quyết không cho tên Huron trở về khoác lác với bộ lạc rằng nó có bàn chân không để lại dấu vết trên mặt đất.”

Nói xong, người trinh sát hăm hở làm trước, xem xét từng li từng tí. Họ bới từng chiếc lá, soát từng cành cây, nhấc từng hòn đá vì biết rằng dân Anh điêng lắm mưu nhiều kế thường dùng những thứ đó để ngụy trang và che giấu từng vết chân một cách rất tỉ mỉ khéo léo. Vẫn không thấy gì. Uncas hăng hái làm xong trước phần việc của mình; còn thừa thời giờ, anh cào đất đắp ngang dòng nước mạch vẫn đục và hướng nó chảy về phía khác. Khi lòng suối nhỏ ở mé dưới con đập đã cạn khô, anh khom mình đưa cặp mắt sắc sảo nhìn chăm chú. Một tiếng reo mừng bật lên báo hiệu người chiến binh trẻ đã thành công.

Mọi người xúm lại; Uncas chỉ vào những vết giày moccasin in trên đất bùn ẩm ướt.

“Thằng bé này sẽ làm rạn vỡ cho dòng giống,” Mắt Chim Ưng nói, mắt nhìn vết chân một cách say sưa như một nhà tự nhiên học đứng trước chiếc ngà hay chiếc xương sườn của một con voi khổng lồ đời xưa, “phải, nó sẽ là cái gai đâm vào sườn bọn Huron. Nhưng đây không phải là vết chân người Anh diêng. Trọng lượng dồn quá nhiều về gót và các ngón chân lại vuông vức như bước chân của một ông thầy dạy múa người Pháp, nhẹ nhàng vậy thay! Uncas, nhanh nhanh quay trở lại và mang về đây cho bác khổ chân của thầy quản hát. Cháu sẽ thấy một vết chân rất rõ của chàng ta ngay trước tảng đá kê bên sườn núi.”

Trong lúc người thanh niên da đỏ đi làm việc đó, Mắt Chim Ưng và Chingachgook chăm chú xem xét những vết giày. Thấy kích thước khớp với nhau, người trinh sát không trừ trừ kết luận rằng dấu giày chính là của David, và anh chàng lại bị người ta bắt tháo giày đang đi để xỏ chân vào một đôi moccasin.

“Bây giờ tôi đã nắm được hết vấn đề như thể tôi được chứng kiến những hành động khôn khéo của Cáo Tinh Khôn,” người trinh sát nói tiếp, “thầy quản hát là một người có năng khiếu tập trung chủ yếu ở cổ họng và đôi chân, vì thế Magua đã bắt anh chàng đi trước, rồi cả bọn chúng bước lên đúng những vết chân của anh ta.”

“Nhưng tôi không thấy một dấu vết nào của...” Duncan kêu lên.

“Của hai cô thiếu nữ,” người trinh sát tiếp luôn, “thằng khốn kiếp đã tìm ra một cách gì đấy để đưa hai cô đi cho tới khi

hắn nghĩ là đã đánh lạc hướng những người đi sau. Tôi dám cuộc rằng chúng ta chỉ đi một quãng nữa sẽ tìm thấy những bàn chân nhỏ bé xinh xinh của họ.”

Cả đoàn lần theo dòng suối đi tiếp, mắt nhìn lo lắng vì vẫn chỉ thấy những vết chân to. Dòng nước đã chảy về hướng cũ, nhưng vì biết chắc trong lòng suối vẫn còn những vết chân của David nên Mắt Chim Ưng cứ tiến thẳng, mắt không ngừng quan sát hai bờ. Được hơn nửa dặm thì thấy con suối lượn vòng dưới chân một tảng đá to nhẵn thín, họ bèn dừng lại để xem bọn Huron còn tiếp tục đi dưới nước nữa không.

Rất may họ đã làm như vậy. Chàng Uncas nhanh nhẹn và hăng hái đã tìm thấy một vết chân in trên đám rêu, hình như do một tên Anh điêng vô ý đạp lên. Theo hướng vừa phát hiện, anh xông thẳng vào một bụi rậm gần đấy thì thấy những dấu chân còn mới và rõ như những dấu vết tìm thấy trước khi tới con suối. Anh lại kêu lên một tiếng khiến mọi người biết ngay anh đã thành công, lập tức họ ngừng tay.

“Phải có bộ óc của người Anh điêng mới bày ra được trò này,” người trinh sát nói khi tất cả tập trung quanh chỗ Uncas đang đứng con mắt người da trắng làm sao thấy được.

“Ta đi thôi chứ?” Heyward hỏi.

“Từ từ đã, chúng ta biết đường rồi, nhưng cũng nên xem xét vấn đề tận gốc. Tôi được đào tạo theo cách đó, thiếu tá ạ, và nếu ai coi thường nó thì ít có khả năng học được những điều Chúa ban phát cho. Tất cả đều đã rõ ràng trừ một điểm: không biết thằng vô lại làm cách nào đưa hai cô gái đi dọc con suối mà không để lại một dấu chân. Chẳng lẽ một tên Huron cũng có tự trọng không bắt những bàn chân mềm mại của họ phải nhúng xuống nước sao.”

“Cái này có thể giúp bác giải thích thắc mắc không?” Heyward chỉ vào những mảnh của một cái cang chống chơ dưới đất ghép sơ sài bằng cành cây và chằng vào nhau bằng những sợi liễu gai.

“Thế thì giải thích được rồi!” Mắt Chim Ưng vui vẻ reo to, “Bọn khốn kiếp chỉ đi trong mấy phút đồng hồ nhưng đã bỏ ra hàng giờ để tìm cách đánh lạc hướng những người đuổi theo. Tôi đã thấy chúng bỏ cả một ngày làm những việc như thế chỉ để đạt một mục đích nhỏ bé. Đây này, có dấu vết ba đôi giày moccasin và hai đôi của những bàn chân nhỏ. Lạ lùng thay có những con người có thể đi lại được với những bàn chân bé như vậy! Uncas đưa cho bác sợi dây da hoẵng để đo chiều dài vết chân này. Lạy Chúa, nó không dài hơn bàn chân của một đứa trẻ con tuy hai cô gái đều đã trưởng thành và xinh xẻo. Kẻ nào đầy đủ nhất trong chúng ta cũng phải công nhận rằng Thượng đế đã thiên vị trong việc ban phát, tuy Người có lý do chính đáng riêng.”

“Chân tay yếu ớt của các con gái tôi không chịu nổi những nhọc nhằn này đâu.” Munro vừa nói vừa nhìn những vết chân mờ nhạt của con mình với vẻ triu mến của một người cha, “Ta sẽ thấy chúng nằm kiệt sức trong chốn rừng hoang này.”

“Điều đó không đáng ngại lắm,” người trinh sát khẽ lắc đầu, đáp, “đây là những bước chân vững chắc ngay ngắn tuy rằng bước nhẹ và không dài. Đại tá hãy nhìn xem, gót chân chỉ vừa chạm đất; ở chỗ kia, cô gái tóc đen đã nhảy một bước ngắn từ rễ cây này sang rễ cây kia. Không đâu; theo sự hiểu biết của tôi, không cô nào kiệt sức cả. Còn thầy quản hát đã bắt đầu mỗi gỏi chôn chân rồi, cứ nhìn dấu chân thì rõ, chỗ kia anh chàng bị trượt, chỗ này bước thấp bước cao; lại còn đoạn kia nữa cứ như đi giày trượt tuyết vậy. Phải rồi, một con người chỉ quan

tâm đến cái cổ họng của mình thì khó luyện được cặp giò dẻo dai.”

Với những bằng chứng rõ ràng rành, người trinh sát giàu kinh nghiệm tìm ra sự thật, chắc chắn và chính xác như thể bản thân bác đã được mục kích tất cả những sự việc mà bác đã làm sáng tỏ bằng óc suy xét của mình.

Thấy Mắt Chim Ưng nói năng chắc nịch và lập luận vừa rõ ràng vừa đơn giản, mọi người đều phần khởi thỏa mãn. Họ nghỉ lại một lát, ăn uống qua loa rồi lại lên đường.

Người trinh sát đưa mắt về phía mặt trời lặn rồi đi rất nhanh khiến Heyward và ông già Munro tráng kiện phải vận dụng hết gân cốt mới theo kịp. Họ cứ đi dọc con suối mà chúng tôi đã nói ở trên. Từ đây, bọn Huron không nguy trang vết chân nữa nên những người truy lùng không mất thời giờ tìm kiếm.

Tuy nhiên, được chừng một tiếng đồng hồ, Mắt Chim Ưng đi chậm hẳn lại, đầu không nhìn thẳng mà nghiêng ngó hai bên với một vẻ nghi hoặc như cảm thấy nguy hiểm tới gần. Lát sau, bác dừng lại chờ cho mọi người tới.

“Tôi đánh hơi thấy bọn Huron,” bác nói với cha con người Mohican, “nhìn qua những ngọn cây thấy ở đằng xa có một khoảng trời quang đãng, chứng tỏ ta đã đến quá gần nơi đồn trú của chúng. Thủ lĩnh hãy đi men trái núi bên phải, Uncas sẽ lần theo dòng suối bên trái, còn tôi theo những vết chân. Nếu xảy ra chuyện gì thì bắt chước tiếng quạ kêu lên ba lần. Tôi thấy có một con quạ lượn trên trời, ngay trên ngọn cây sồi khô héo kia, thêm một dấu hiệu nữa rằng chúng ta đã tới sát chỗ ở của bọn Huron.”

Hai cha con Chingachgook lẳng lẳng đi, mỗi người một phía; Mắt Chim Ưng cũng thận trọng tiến lên cùng với hai người sĩ quan. Heyward rảo bước theo sát, những mong sớm nhìn thấy kẻ thù mà anh đã bỏ bao tâm lực săn lùng. Người trinh sát bảo anh lên tới ven rừng và đứng chờ trong một đám bụi rậm vì bác còn muốn điều tra một vài dấu hiệu khả nghi. Heyward làm theo; tới nơi, anh thấy một cảnh tượng thật lạ lùng.

Trên một vùng đất rộng, cây cối bị phát quang; bầu trời rực rỡ của một chiều hè êm ả trùm lên khu đất trống, tương phản với ánh sáng nhờ nhờ của cánh rừng. Cách chỗ Duncan đứng không xa, dòng suối trải rộng thành một hồ nước nhỏ lấp gần kín thung lũng, nối liền những quả núi. Nước trong hồ tràn ra thành thác chảy đều đặn và hiền lành như do bàn tay con người tạo ra chứ không phải một công trình của thiên nhiên.

Bên hồ có hàng trăm nóc nhà bằng đất, có những cái nằm ngay trên mặt hồ như thể mực nước dâng lên quá mức. Mái nhà hình tròn, đắp rất khéo để phòng thời tiết, được xây dựng kỹ lưỡng bền bỉ hơn những nhà ở thông thường của dân bản địa hoặc những nơi ở tạm thời khi họ đi săn bắn hay đánh trận. Tóm lại, cái làng đó (gọi là thị trấn cũng được) nom thật ngăn nắp gọn gàng còn vượt cả nhận xét xưa nay của người da trắng về tập quán ăn ở của dân Anh diêng. Tuy nhiên, dường như trong làng không có người, Duncan nghĩ bụng; nhưng lát sau, anh thấy như có nhiều bóng người tiến lại phía anh bằng bốn chân, kéo theo đằng sau một vật nặng mà anh đã vội lo sợ nghĩ là một vũ khí ghê gớm nào đó. Vừa hay có những cái đầu đen ló ra khỏi các nhà; cả khu làng bỗng trở nên nhộn nhịp vì có những bóng người chạy vụt từ nhà này sang nhà khác, nhanh đến nỗi anh không hiểu họ vui chơi hay làm gì. Hốt hoảng trước cảnh tượng khả nghi và khó hiểu, anh định bắt

chước tiếng quạ thì có tiếng lá cây sột soạt gần đây khiến anh quay mặt lại.

Người sĩ quan trẻ giật nảy mình, bắt giắc lùi lại mấy bước khi thấy có một tên Anh điêng lạ mặt cách chừng một trăm thước. Anh vội trấn tĩnh lại và lặng yên chăm chú theo dõi hoạt động của y, vì nếu anh lên tiếng báo động thì có thể sẽ gặp nguy hiểm.

Sau một hồi bình tâm quan sát, Duncan thấy mình chưa bị lộ. Cũng như anh, tên da đỏ có vẻ đang mãi xem xét những túp nhà thấp lè tè và những cử chỉ vội vã của người dân trong làng. Không sao đoán được bộ mặt kẻ đó vì nó bị che lấp dưới một lớp sơn nham nhở, tuy nhiên, Duncan cảm thấy nó có vẻ buồn rầu hơn là dữ tợn. Như thường lệ, đầu y cạo nhẵn, chỉ để lại trên đỉnh một chòm tóc cằm tròn ten ba bốn cái lông cánh chim ưng đã bạc màu. Một chiếc áo khoác rách bươm bằng vải thô che không kín người, bên trong là một chiếc sơmi bình thường, riêng đôi cánh tay được cắt may để làm một công việc cần tới kích thước rộng rãi hơn; đùi để trần và đầy vết gai cào, nhưng chân lại xỏ giày moccasin làm bằng loại da hươu tốt. Nói chung, bộ dạng con người thật thiếu não thẩm hại.

Duncan còn đang chăm chú quan sát tên Anh điêng nọ thì người trinh sát đã trườn tới bên cạnh một cách thận trọng.

“Chúng ta đã tới nơi cư trú hoặc doanh trại của bọn chúng,” người sĩ quan trẻ thì thào, “và tên da đỏ này rất trở ngại cho những hoạt động sắp tới của ta.”

Mắt Chim Ưng giật mình, buông thông khẩu súng khi nhìn thấy tên Anh điêng lạ mặt theo hướng tay Duncan chỉ. Bác hạ thấp nòng súng lợi hại, ngھển cái cổ dài về đằng trước như để trợ lực cho đôi mắt vốn đã tinh tường của mình rồi nói:

“Thằng nhãi ranh này không phải người Huron, và cũng không thuộc một bộ lạc nào ở Canada cả; nhưng căn cứ vào quần áo của nó, ta biết rằng tên vô lại đã trấn lột một người da trắng. Hừ, Montcalm vợ vết khắp rừng để làm cuộc xâm lăng và đã tập hợp được một lũ cướp của giết người. Anh có thấy nó để súng hoặc nỏ ở đâu không?”

“Hình như nó không có vũ khí và cũng không có vẻ gì xấu xa. Trừ phi nó báo động cho đồng bọn của nó đang lẫn lút bên hồ nước kia, nó không đáng để cho ta phải lo ngại mấy.”

Người trinh sát quay lại nhìn Heyward với một vẻ ngạc nhiên lộ ra mặt. Rồi bác há to miệng cười ngặt nghẹo một cách khoái trá mà không thành tiếng (bác tập được kiểu cười đặc biệt này nhờ có nhiều năm lẫn lộn với nguy hiểm).

Bác nhắc lại, “đồng bọn của nó đang lẫn lút bên hồ nước”, rồi nói tiếp: “Những năm ăn học và cả thời niên thiếu sống ở thuộc địa mà chỉ biết có ngân ấy thôi ư! Tên khốn kiếp này không đáng tin cậy vì nó có đôi cẳng dài. Anh hãy giương súng nhắm vào nó, còn tôi sẽ luôn qua đám bụi rậm, bò tới sau lưng nó và bắt sống. Nhất thiết không được nỏ súng đấy.”

Mắt Chim Ưng đã chui nửa người vào trong bụi thì Heyward đưa tay ra giữ lại và hỏi:

“Nếu thấy bác gặp nguy hiểm, tôi có thể đánh liều nỏ một phát được không?”

Mắt Chim Ưng nhìn Heyward một lát như không biết nên hiểu câu hỏi đó như thế nào; rồi bác gật gật đầu cười không thành tiếng và đáp:

“Thieu tá hãy bắn một loạt súng.”

Nói rồi bác biến mất sau đám lá cây. Duncan đứng chờ, lòng như lửa đốt, lát sau mới thấy Mắt Chim Ưng xuất hiện.

Bác đang bò thẳng tới phía sau lưng con người mà bác định bắt sống, bộ áo quần trên người gần hòa lẫn màu đất. Khi còn cách mục tiêu vài thước, bác từ từ đứng dậy, không một tiếng động.

Giữa lúc đó có tiếng đập mạnh xuống nước. Duncan quay mặt về phía hồ thì vừa thấy có hàng trăm hình thù đen trũi cùng lao xuống nước. Anh nắm chặt khẩu súng, quay trở lại theo dõi tên Anh điêng. Đáng lẽ phải hô hoán đồng bọn, tên này lại vươn cổ ra như thể cũng đang quan sát tình hình trên mặt hồ tối om với một vẻ tò mò ngớ ngẩn. Trong lúc đó, Mất Chim Ưng đã giơ tay lên trên đầu y. Nhưng không hiểu sao, bác lại rút về và cười lặng lẽ hồi lâu. Sau khi ngừng tiếng cười đặc biệt và thoải mái, người trinh sát không túm cổ tên Anh điêng mà lại vỗ nhẹ vào vai y, mồm hét to:

“Thế nào, anh bạn định dạy loài hải ly hát đấy ư?”

“Cứ cho là như vậy.” Câu trả lời tiếp liền, “Một khi Thượng đế đã tạo điều kiện cho chúng phát triển năng khiếu đến mức đó, thiết tưởng. Người cũng không từ chối ban cho chúng tiếng nói để chúng ca ngợi Người.”

CHƯƠNG 22

Bottom: “Chúng ta đã tới đông đủ chưa?”

Quince: “Rồi, rồi, và đây là một nơi thuận tiện tuyệt vời cho buổi diễn tập của chúng ta.”^[59]

• SHAKESPEARE

Chúng tôi thấy mô tả sự ngạc nhiên của Heyward chắc sẽ không đầy đủ bằng để độc giả tự tưởng tượng lấy. Vì những bóng đen ẩn ẩn hiện hiện mà anh nghĩ là người Anh điêng bỗng nhiên biến thành những con vật bốn chân; mặt hồ là một đầm nước của giống hải ly, dòng thác hóa ra bờ đất do những con vật khéo léo và chăm chỉ này tạo nên; và người mà anh cứ nghĩ là một tên địch lại chính là thầy quản hát David Gamut, người bạn trung thành của anh. Trông thấy chàng, biết bao hy vọng về hai chị em Cora bỗng bừng lên trong anh; không chút do dự, anh nhảy ra khỏi chỗ nấp và chạy đến chỗ hai nhân vật chính trong khung cảnh lúc bấy giờ.

Mắt Chim Ưng không sao nén được nỗi vui mừng. Chẳng giữ ý tứ và không một chút nường nhẹ, bác nhắc bổng thân hình mềm yếu của chàng Gamut rồi xoay tròn, miệng trầm trầm nhắc đi nhắc lại là cách ăn mặc của chàng Gamut làm dân Huron thêm tự hào về kiểu quần áo của mình. Rồi bác vừa khen ngợi cách hóa trang của David vừa nắm tay anh siết chặt làm anh đau ứa nước mắt. Bác nói:

“Có phải anh sắp sửa lấy giọng dạy bầy hải ly ngâm nga đấy không? Giống vật tinh khôn này cũng am hiểu việc ca Thánh kinh đấy, anh chẳng vừa nghe thấy chúng vẫy đuôi đánh nhịp là gì; hơn nữa, chúng cũng lặn đi rất đúng nhịp, nếu không tiếng nổ của khẩu Sát Hươu này đã là âm thanh đầu tiên mở đầu bài thánh ca của chúng rồi. Tôi thấy nhiều người biết đọc biết viết hản hoi nhưng vẫn không tinh khôn bằng một con hải ly già, duy có việc hò hét là giống vật này chịu vì chúng sinh ra đã câm rồi. Nhưng anh thấy điệu nhạc này thế nào?”

Nói rồi bác bắt chước tiếng quạ kêu lên ba lần. David vội bịt đôi tai khó tính của anh lại, còn Heyward tuy hiểu đó chỉ là âm hiệu, vẫn không khỏi ngước mắt nhìn lên trời xem có con quạ nào bay qua không.

“Thấy chưa,” Mắt Chim Ưng vừa cười vừa nói tiếp, tay chỉ vào tốp người đang theo ám hiệu đi tới, “đấy mới là âm nhạc với một đặc tính tự nhiên của nó, nó đã đưa hai tay súng cừ khôi lại bên tôi, chưa nói đến dao găm và rìu trận của họ. Nhưng thôi, anh vẫn bình yên như thế là được; giờ hãy cho biết các cô thiếu nữ ra sao.”

“Các cô bị bọn vô thần bắt rồi,” David đáp, “họ rất hoang mang lo lắng nhưng thể xác vẫn được thoải mái, an toàn.”

“Cả hai cô à?” Heyward vội hỏi, cảm động tưởng chừng thở.

“Đúng thế. Ngoài việc đi đường vất vả, ăn uống thanh đạm, chúng tôi không có gì phải phàn nàn lắm. Chỉ có việc bị cưỡng bức đi đến một nơi xa lạ làm chúng tôi đau đớn trong lòng thôi.”

“Cầu Chúa phù hộ cho anh vì những lời tốt lành đó.” Munro run run nói, “Vậy là tôi sẽ được gặp lại các con tôi, vẫn trinh bạch ngây thơ như lúc chúng bị bắt đi.”

“Tôi e rằng việc giải thoát cho hai cô không chóng vánh đâu,” David nói, vẻ nghi hoặc. “Thủ lĩnh của bọn man rợ này độc ác vô cùng, chỉ có Thượng đế, Chúa của muôn loài, mới trị được thôi. Suốt ngày, lúc ngủ cũng như khi thức, tôi đã dùng đủ mọi cách nói với hắn, nhưng lời nói cũng như thánh ca đều chẳng làm hắn mủi lòng.”

“Thằng khốn kiếp bây giờ ở đâu?” người trinh sát lỗ mãng ngắt lời.

“Hôm nay, hắn cùng với bọn chiến binh trẻ đi săn hươu; theo tôi biết, ngày mai chúng sẽ còn đi sâu hơn nữa vào trong rừng và tiến gần thêm về phía biên giới Canada. Chúng đã chuyển cô chị đến một bộ tộc lân cận ở phía sau ngọn núi đá đen thẫm kia, còn chúng để cô em ở cùng với đám phụ nữ Huron.”

“Làng của chúng chỉ cách đây chừng hai dặm, trên một khoảng đất phẳng, cây cối đã được đốt trụi. Đám phụ nữ hiện đang chuẩn bị để đón chúng về.”

“Alice, em Alice dịu hiền của anh! Không có chị Cora thì ai là người an ủi em?” Heyward lẩm bẩm.

“Không được gần chị nhưng nỗi đau buồn trong tâm hồn Alice cũng dịu bởi nhờ những bài thánh ca và những lời cầu Chúa!”

“Alice còn bụng dạ để tâm đến âm nhạc kia à?”

“Phải, loại âm nhạc nghiêm trang, trịnh trọng. Nhưng cũng phải nhận rằng tuy tôi đã cố gắng an ủi, Alice vẫn khóc lóc luôn, ít khi tươi tỉnh. Những lúc đó, tôi ngừng các bài thánh ca. Nhưng cũng có nhiều lúc êm đềm thoải mái đồng cảm với nhau, những lúc dân Anh điêng ngày người lắng nghe tiếng hát vút cao của chúng tôi.”

“Thế tại sao anh được phép đi lại tự do, không bị ai theo dõi?”

David cố giữ vẻ mặt khiêm nhường nhũn nhặn, nhỏ nhẹ đáp:

“Không nên quá lời khen ngợi một kẻ hèn mọn như tôi về việc đó. Tuy thánh ca không có tác dụng đối với những sự việc khủng khiếp mà chúng ta đã trải qua trên chiến trường đầy máu, nó đã phát huy ảnh hưởng ở đây, ngay cả đối với tâm hồn của những người vô thần, vì thế tôi mới được phép đi lại tự do.”

Người trinh sát vừa cười vừa gõ tay vào trán mình với vẻ hóm hỉnh, rồi giải thích sự rộng rãi đặc biệt của bọn Huron đối với David một cách có lẽ thỏa đáng hơn như sau:

“Dân Anh điêng không bao giờ làm hại người nào có cái này không được lành mạnh. Nhưng tại sao đường chạy trốn mở rộng trước mặt mà anh không đi theo vết cũ trở về đưa tin tức cho pháo đài Edward? Vết chân anh phải dễ nhận thấy hơn vết chân con sóc chứ?”

Người trinh sát chỉ nghĩ đến sức vóc khỏe mạnh như sắt đá của mình nên không biết là đã đòi hỏi David làm một việc mà chắc không bao giờ anh ta có thể làm được. Nhưng David vẫn giữ vẻ khiêm nhường, đáp lại:

“Thâm tâm tôi sẽ rất vui sướng nếu được trở về anh em bốn đạo, nhưng chừng nào hai cô thiếu nữ tôi có trách nhiệm chăm sóc còn héo hắt trong cảnh giam cầm buồn khổ thì dù phải đi sang tận xứ sở của người dòng Tên, hai chân tôi cũng đi theo các cô chứ không chịu lùi bước.”

Lời nói bóng bẩy của David không được dễ hiểu lắm, nhưng vẻ kiên quyết thật thà trên đôi mắt và vẻ trung thực trong

dáng điệu của anh thì không sao có thể nhầm được, Uncas bước đến cạnh David và nhìn anh đầy khâm phục, còn Chingachgook hài lòng ra mặt, chỉ reo lên một tiếng đồng tình theo cách thông thường của người Anh diêng. Người trinh sát cũng bước lên, lắc đầu nói:

“Thượng đế không bao giờ muốn anh bạn này chỉ trau dồi cái cổ họng mà không quan tâm đến các năng khiếu quý báu khác. Nhưng không may, anh ta đã rơi vào tay mấy mụ đàn bà ngu dốt; đáng lý anh ta phải được giáo dục dưới bầu trời xanh và trong khung cảnh đẹp đẽ của núi rừng. À này anh bạn, tôi đã định dùng ống sáo này để nhóm lửa nhưng lại thấy anh bạn quý nó lắm; vậy hãy cầm lấy và thổi cho thật hay nhé! Chàng Gamut đón lấy cây sáo, vẻ vui sướng hiện rõ trên nét mặt. Anh thử đi thử lại xem có hỏng âm thanh nào không, rồi nghiêm trang dạo vài đoạn của một bài thánh ca dài trong quyển sách nhỏ đã nhiều lần được nhắc tới.”

Nhưng Heyward đã vội ngăn ý định ngoan đạo của David lại; anh hỏi dồn dập về tình trạng đã qua và hiện nay của hai cô thiếu nữ. Các câu hỏi bây giờ đã có hệ thống hơn lúc đầu câu chuyện vì khi đó anh còn đang bồng bột xúc động. David buộc phải trả lời (đôi mắt thêm thuồng của anh vẫn không rời ống sáo quý báu), nhất là khi người cha đáng kính của hai cô gái cũng đặt những câu hỏi một cách rất tha thiết, không thể không trả lời được. Ngay người trinh sát khi có dịp cũng chen vào mấy câu hỏi liên quan. Cứ như vậy, mọi người đã nắm được những điểm chính của tình hình, rất bổ ích cho việc thực hiện nhiệm vụ quan trọng đang thu hút tâm trí mọi người là tìm cho ra hai chị em Cora và Alice. Tuy nhiên, cuộc hỏi chuyện vẫn luôn luôn bị đứt quãng vì tiếng sáo của David nhiều lần đe

dọa mở đầu một bài thánh ca. Câu chuyện của David kể đơn giản, sự việc không có mấy, đại khái như sau:

“Magua đã ở trên núi đợi đến lúc rút lui được an toàn mới xuống, theo con đường ven bờ phía Tây hồ Horican đi về hướng xứ Canada. Vì tên Huron tinh quái thông thuộc con đường này và lại biết chắc là trước mắt chưa có ai đuổi theo nên hắn đi tốc độ phải chăng, không vất vả lắm. Theo lời nói mộc mạc của David, Magua không ưa gì sự có mặt của anh, nhưng không làm thế nào khác được vì hắn chưa hoàn toàn mất hẳn sự kính nể của dân Anh dành đối với những người đã được Thượng đế thâm nhập vào đầu óc. Ban đêm, vừa để giữ cho mấy người bị bắt khỏi bị ốm vì khí ẩm nơi rừng rú, vừa đề phòng họ trốn, chúng coi sóc hết sức cẩn thận. Như ta đã biết, đi đến con suối, chúng thả ngựa và tuy đường còn xa, đi còn lâu, chúng vẫn cẩn thận làm các việc như đã mô tả để cắt đứt mọi manh mối khiến kẻ địch có thể tìm ra chỗ rút lui của chúng. Khi về đến nơi đồn trú của bộ lạc, Magua giam riêng mỗi tù nhân một nơi, việc mà không mấy khi hắn quên thực hiện. Hắn cho đưa Cora sang một bộ lạc đang tạm thời chiếm cứ thung lũng bên cạnh, nhưng vì chẳng hề hiểu biết phong tục và lịch sử của thổ dân nên David không cung cấp được tin tức gì thỏa đáng về tên gọi và tính chất của bộ lạc này cả. Anh chỉ biết bộ lạc này không tham gia vào cuộc tấn công pháo đài William Henry vừa qua và cũng như dân Huron, họ là đồng minh của Montcalm. Do hoàn cảnh xui nên, trong một thời gian họ phải miễn cưỡng tiếp xúc với dân Huron đã man hiêu chiến; họ vẫn giữ quan hệ thân thiện nhưng luôn cảnh giác đề phòng.”

Lời tường thuật của David thiếu sót và không liên tục nhưng hai cha con Uncas và Mắt Chim Ưng vẫn lắng nghe, càng về

sau càng chăm chú. David đang cố nói rõ về hoạt động của bộ lạc giam giữ Cora thì người trinh sát đột nhiên hỏi:

“Anh có trông thấy kiểu dao của họ không? Dao Pháp hay dao Anh?”

“Tôi chỉ lo an ủi mấy cô thiếu nữ, có để ý đến những vật phù phiếm ấy đâu.”

“Rồi có lúc anh sẽ không cho con dao của thổ dân là vật phù phiếm đáng khinh.” Người trinh sát trả lời, vẻ coi thường sự khù khờ của David lộ ra nét mặt, “Họ có mở hội mùa không? Hoặc giả anh có biết gì về totem của bộ lạc này không?”

Về hội mùa thì họ tổ chức nhiều và ăn uống no nê, họ cho mì vào sữa, ăn vừa ngọt miệng vừa dễ chịu cho dạ dày. Còn về totem thì tôi không hiểu ý nghĩa thế nào, nhưng nếu nó có mặt nào liên quan đến nghệ thuật âm nhạc Anh điêng thì không cần phải tìm hiểu gì cả. Họ không bao giờ cùng nhau cầu nguyện; có lẽ họ là những người vô thần nhất trong những người vô thần đấy.

“Thế là anh đã xuyên tạc bản chất người Anh điêng rồi. Ngay cả dân Mingo cũng chỉ thờ chúa sống và có thật thôi. Tôi lấy làm xấu hổ về sự bịa đặt của người da trắng nói rằng chiến binh da đỏ thờ những hình ảnh do chính tay họ vẽ nên. Đúng là người Anh điêng có tìm cách hòa hoãn với quỷ ác, (phải, với một kẻ thù mà mình không chiến thắng nổi thì ai chả muốn hòa hoãn), nhưng họ chỉ cầu xin sự phù hộ và sự giúp đỡ của Thượng đế nhân từ vĩ đại mà thôi.”

“Có thể như thế,” David đáp, “nhưng tôi thấy khi bơi sơn lên mình, họ vẽ những hình vật lạ lùng kỳ quặc, thế mà họ lại tỏ ra hãnh diện, trân trọng, tôn kính hình vật đó, đặc biệt là có một con vật nom thật bẩn thỉu xấu xí.”

“Con rắn phải không?” người trinh sát vội hỏi.

“Cũng na ná. Trông giống như một con rùa bò chậm chạp thiếu não.”

Hai cha con Uncas đang chăm chú nghe, đồng thanh kêu: “À!” còn người trinh sát chỉ lắc đầu với dáng điệu của một người vừa khám phá ra một điều gì quan trọng nhưng không vui. Rồi Chingachgook nói tiếng Delaware; vẻ trịnh trọng, bình tĩnh của bác tức khắc làm cho cả những người không hiểu tiếng cũng phải chú ý. Cử chỉ của bác biểu lộ ý nghĩ, đôi lúc có vẻ kiên quyết. Bác giơ cao tay rồi lại hạ xuống làm phanh chiếc áo mỏng, bác chỉ một ngón tay vào ngực như muốn qua cử chỉ đó nói lên ý nghĩ của mình. Duncan theo dõi cử chỉ đó và nhận thấy trên ngực sạm nắng của người thủ lĩnh có hình vẽ một con rùa màu xanh, không đậm nét nhưng rất đẹp. Tất cả mọi điều anh đã được nghe về sự chia rẽ đáng buồn của bộ lạc Delaware đông đảo lại vụt qua trong trí óc anh. Anh đợi một lúc thích hợp để phát biểu; sự quan tâm của anh đến vấn đề làm phút chờ đợi hầu như không sao chịu được. Nhưng người trinh sát đã đi trước ý định của anh; bác quay lại người bạn da đỏ và nói:

“Điều chúng ta vừa phát hiện có thể là điều lành hoặc điều dữ đối với chúng ta tùy Thượng đế an bài. Thủ lĩnh thuộc dòng máu cao quý của dân tộc Delaware và đứng đầu tất cả mọi giống Rùa của bộ lạc. Theo lời thầy quản hát, trong bộ lạc vừa nói đến nhất định có một vài người thuộc dòng giống Rùa. Nhưng giá anh ta dành một nửa hơi sức phí phạm vào việc ca hát để chịu khó học hỏi một vài câu thì có phải chúng ta đã biết được bọn chúng có bao nhiêu chiến binh rồi không. Chúng ta sắp đi vào một đoạn đường nguy hiểm vì khi một người bạn

trở thành thù thì tư tưởng người đó thường còn khát máu hơn một kẻ đang tìm cách cắt chỏm tóc của chúng ta đây.”

“Xin giải thích rõ hơn,” Duncan nói.

“Đó là một truyền thống đáng buồn có từ lâu đời mà tôi không muốn nghĩ đến nhiều vì không thể phủ nhận rằng tai ương lại chủ yếu do người da trắng gây nên. Vấn đề đã kết thúc bằng việc anh em quay rìu traten bổ vào nhau và dân Mingo lại đi cùng đường với dân Delaware.”

“Thế bác nghĩ là Cora hiện đang ở cùng một nhóm của bộ lạc đó à?”

Người trinh sát gạt đầu tuy vẫn có vẻ còn muốn tiếp tục bàn thêm về vấn đề đau đớn đó. Duncan sốt ruột đã nhiều lần cương quyết đề nghị tiến hành ngay việc giải thoát hai chị em Cora. Còn Munro như đã mất hết vẻ lơ đãng, ông chăm chú nghe và ra vẻ đồng tình với những kế hoạch táo tợn của người sĩ quan trẻ mà đáng lý ra ông phải bác bỏ vì tuổi cao và sức yếu của ông sẽ không cho phép thực hiện. Nhưng sau khi để cho chàng thanh niên đang yêu bộc lộ phần nào sự hăng hái của mình, người trinh sát tìm được lời lẽ phân tích cho anh ta thấy rằng hấp tấp lúc này là điên rồ, và trong vấn đề này phải hết sức bình tĩnh suy xét và gan dạ phi thường.

“Có lẽ cứ nên để David trở lại làng như thường. Anh ấy sẽ la cà trong các lều để báo cho các cô gái biết là chúng ta sắp đến, và sẽ đợi chúng ta làm hiệu gọi ra bàn bạc. Anh bạn phân biệt được tiếng chim kêu với tiếng quạ chứ?”

“Giống chim dẻ thương ấy có tiếng kêu nghe dịu tai và buồn buồn, nhưng nhịp điệu hơi nhanh và không đều.” David trả lời.

“Anh ta nói về giống chim đêm đấy.” Người trinh sát nói tiếp, “Này, anh ưa tiếng hót của nó, vậy ta lấy tiếng ấy làm ám hiệu. Nhớ khi nào nghe chim đêm kêu ba lần thì ra chỗ bụi cây nhé.”

“Khoan đã,” Heyward ngắt lời, “tôi sẽ đi cùng với David.”

“Anh ư?” Mắt Chim Ưng ngạc nhiên kêu lên, “Anh không muốn nhìn mặt trời mọc và lặn nữa à?”

“David chẳng là một bằng chứng sinh động rằng dân Huron cũng còn lòng thương người đó sao?”

“Đúng, nhưng David còn có thể sử dụng cổ họng của mình, không ai tỉnh táo lại dùng sai tài năng.”

“Tôi cũng có thể đóng vai điên, vai hề, vai anh hùng được, nghĩa là có thể làm bất cứ việc gì để cứu người tôi yêu. Bác đừng phản đối nữa, tôi đã quyết tâm rồi.”

Mắt Chim Ưng ngậy người ngạc nhiên nhìn chàng sĩ quan trẻ một lát. Từ trước đến giờ, vì trọng nề tài ba và công lao của Mắt Chim Ưng, Duncan vẫn mặc nhiên phục tùng ý kiến của bác; bây giờ anh nói với tư cách cấp trên, giọng nói làm người ta khó lòng cưỡng lại. Anh khoát tay tỏ vẻ không ưa những lời trách móc, rồi nói tiếp với lời lẽ ôn hòa hơn:

“Bác có phương tiện để hóa trang, vậy hãy thay hình đổi dạng cho tôi; nếu muốn thì vẽ cả sơn nữa; muốn biến tôi thành gì cũng được, một tên hề ngô nghê chẳng hạn.”

“Phận như tôi đâu dám nói rằng một người đã được Thượng đế đầy uy lực tạo nên cũng cần phải đổi dạng.” Mắt Chim Ưng bực dọc lắm bầm nói, “Khi cử đoàn quân xuất trận, ít nhất anh cũng thấy cần cẩn thận quy định dấu hiệu và thu xếp nơi đồn trú cho những người cùng chiến đấu biết được thời gian và địa điểm đợi quân bạn chứ?”

“Thế này nhé,” Duncan ngắt lời, “bác đã thấy anh bạn trung thành đi theo các cô gái bị bắt đây nói là bọn Anh điêng thuộc hai bộ lạc nếu không phải là thuộc hai dân tộc. Cô gái bác gọi là “cô tóc đen” hiện đang ở cùng bộ lạc mà theo ý bác là một chi của người Delaware. Còn cô em chắc chắn ở trong tay bọn Huron thâm thù chúng ta. Việc tìm kiếm cô em thích hợp với tuổi trẻ và cấp bậc của tôi. Vì vậy, trong khi bác bàn bạc với các bạn của bác để giải thoát cô chị thì hoặc tôi sẽ giải thoát được cô em hoặc tôi sẽ chết.”

Tinh thần sôi nổi của người quân nhân trẻ biểu hiện trong đôi mắt long lanh, và cả con người anh toát ra một vẻ kiên quyết khiến không ai cưỡng lại được. Mắt Chim Ưng vốn biết rất rõ các mưu mẹo của dân Anh điêng nên không thể không thấy trước nguy hiểm của công việc đó. Nhưng bác không biết làm thế nào để gạt được quyết định đột ngột này. Có lẽ phần nào ý kiến của Heyward có điểm phù hợp với bản chất gan dạ của bác, với lòng ưa thích thầm kín những chuyện phiêu lưu nguy hiểm ngày một mạnh mẽ thêm theo kinh nghiệm của bác, và đến nay nguy hiểm và may rủi trong chừng mực nào đã trở thành cần thiết để bác thấy cuộc đời thú vị. Bác không phản đối kế hoạch của Duncan nữa, tâm trạng bác đột nhiên thay đổi, và bác cũng góp sức mình vào việc thực hiện kế hoạch đó.

“Thôi được,” bác vui vẻ mỉm cười nói, “khi con nai sắp xuống nước, ta phải đón đầu chứ không chạy theo đuôi nó. Bác Chingachgook cũng có nhiều bột màu chẳng kém gì bà vợ ông sĩ quan công binh; bà ta thu gọn cảnh thiên nhiên trên những tờ giấy làm núi non trông giống như đồng rơm màu nhạt, và trời xanh hạ thấp ở ngay cạnh tay ta. Bác Chingachgook cũng biết sử dụng màu. Anh hãy ngồi lên khúc gỗ này, tôi cược là bác

ấy sẽ biến ngay anh thành tên hề ngu ngốc thực sự theo ý thích của anh.”

Duncan ngồi xuống, Chingachgook từ này vẫn chăm chú theo dõi câu chuyện, liền bắt tay vào việc. Với bàn tay thành thạo mọi nghệ thuật tế nhị của dân Anh điêng, bác thoăn thoắt khéo léo vẽ lên người Duncan những nét kỳ lạ mà thổ dân vẫn coi là dấu hiệu của một tính tình thân ái vui vẻ. Bác cẩn thận tránh những đường nét có thể làm người ta cho rằng, đó là biểu hiện của một khuynh hướng hiếu chiến thâm kín, mặt khác bác nghiên cứu cách vẽ sao cho người ta nghĩ tới tình bạn bè thân thiện. Tóm lại, bác hoàn toàn bỏ qua mọi biểu hiện của một chiến binh để hóa trang Duncan thành một anh hề. Vẽ màu như vậy không phải là chuyện gì lạ lùng đối với dân Anh điêng. Khi Duncan đã trá hình xong trong tấm áo của anh, lại thêm biết nói tiếng Pháp, người ta có căn cứ để tưởng anh là một tên hề ở pháo đài Ticonderoga đi lang thang trong các bộ lạc đồng minh bạn bè.

Thấy Duncan đã được vẽ màu xong xuôi, người trinh sát thân mật dặn dò anh nhiều điều, thỏa thuận mật hiệu, ấn định địa điểm sẽ gặp lại nhau sau khi thành công. Cảnh Munro chia tay với người bạn trẻ lâm ly hơn. Tuy ông vẫn giữ một vẻ bình thản nhưng với bản chất nhiệt tình và chân thực, chắc ông không thể giữ được thái độ như thế nếu tâm trạng ông thư thái hơn. Người trinh sát kéo Heyward ra xa một chút và nói là bác có ý định để Munro ở lại một chỗ an toàn do Chingachgook trông nom, còn bác và Uncas sẽ tiến hành điều tra về bộ lạc mà mọi người tin là dân Delaware. Sau khi căn dặn và khuyên bảo một lần nữa, bác kết thúc bằng những lời lẽ vừa nhiệt tình vừa trịnh trọng làm Duncan hết sức cảm động:

“Bây giờ thì cầu Chúa phù hộ cho anh! Anh đã biểu lộ một tinh thần mà tôi rất quý vì đó là đặc tính của tuổi trẻ, nhất là của một người có tấm lòng quảng đại và bầu máu nóng. Nhưng hãy tin vào lời căn dặn của một người có đủ lý do để biết rằng những điều mình nói đều đúng cả. Anh sẽ có dịp vận dụng tới đa lòng dũng cảm của mình và phải có một tài trí sắc sảo hơn những điều đã thu hoạch trong sách vở trước khi thắng được mưu mô xảo quyệt và vượt được lòng can đảm của một tên Mingo. Chúa phù hộ cho anh! Nếu bọn Huron cắt mất chỏm tóc của anh, xin hãy tin vào lời hứa của một người có hai chiến binh can đảm làm trợ thủ, rằng bọn chúng sẽ phải trả giá đắt thắng lợi của chúng. Mỗi sợi tóc chúng cắt được, chúng sẽ phải đền một mạng. Xin Thượng đế phù hộ việc làm hoàn toàn đúng của anh. Hãy nhớ rằng để thắng trong cuộc đấu trí với bọn khôn kiếp thì làm những việc có thể không phù hợp với đặc tính tự nhiên của người da trắng vẫn là chính đáng đây.”

Duncan siết chặt tay người cộng sự tận tình đã miễn cưỡng phải để anh đi. Một lần nữa, anh dặn bác trông nom cẩn thận ông bạn già Munro, đáp lại những lời chúc của bác, rồi ra hiệu cho David lên đường. Mắt Chim Ưng nhìn theo rất lâu người thanh niên hăng hái và can trường, vẻ khâm phục hiện ra nét mặt. Đoạn bác lắc đầu lo lắng, quay lại dẫn bộ phận của mình đi khuất vào trong rừng.

Duncan và David đi con đường cắt ngang khu đất trống của loài hải ly và chạy dọc theo bờ đầm nước của chúng. Còn lại một mình với David, một người đơn giản và ít có khả năng giúp đỡ được gì trong những trường hợp khẩn cấp, Duncan bây giờ mới cảm thấy hết khó khăn của công việc anh đảm nhiệm. Ánh sáng mờ nhạt càng làm tăng thêm cảnh ảm đạm của nơi hoang dã trải rộng ra bốn phía xung quanh, và trong không khí

im lặng của những lều nhỏ trước đây hải ly ở đông đúc có cái gì rờn rợn đáng sợ. Trong khi ngắm cấu trúc tuyệt diệu của các tổ hải ly và những công trình kỳ khôi của những con vật tinh khôn này, anh lấy làm lạ rằng ngay giống vật ở nơi hoang vu mênh mông này cũng có được bản năng gần ngang với lý trí của bản thân anh. Anh không khỏi e ngại nghĩ đến cuộc đọ sức chênh lệch mà anh đã liều lĩnh chuốc lấy. Rồi anh lại tưởng tượng đến hình ảnh tươi sáng của Alice, đến nỗi đau buồn của nàng, mối nguy hiểm nàng đang trải qua hiện nay. Thế là anh quên hết hoàn cảnh hiểm nghèo của bản thân; anh động viên David, tiến lên với những bước đi nhẹ nhàng hăm hở của tuổi trẻ xông xáo.

Đi được gần nửa vòng đầm nước, hai người rẽ sang phía khác và leo lên một khu đất cao hơn. Chừng nửa giờ sau, họ tới rìa một khoảng trống khác. Các vết tích còn lại chứng tỏ nơi đây cũng do loài hải ly tạo nên, nhưng chắc vì một tai họa nào đấy, những con vật tinh khôn này đã phải chuyển sang chỗ khác thuận lợi hơn. Một cảm giác tự nhiên làm Duncan ngập ngừng một lát không muốn rời khỏi con đường mòn kín đáo có bụi cây che chở, anh như một người dừng lại để tập trung nghị lực trước khi tiến hành một việc nguy hiểm mà người đó thậm biết là sẽ đòi hỏi mọi cố gắng của mình. Nhân lúc dừng lại, anh đưa mắt rất nhanh nhìn tứ phía xem có gì khả nghi không.

Phía bên kia khoảng trống, cao hơn chỗ anh đứng, gần nơi dòng suối đổ trên mấy tảng đá, có chừng năm sáu chục gian lều thô kệch làm bằng những khúc gỗ và cành cây có trét đất sét, sắp xếp không theo một trật tự nào, hình như người làm rất ít chú ý đến sạch sẽ và mỹ thuật. So với cái làng hải ly anh vừa gặp, các gian lều này thua kém nhiều về hai mặt đó; anh đoán thế nào cũng còn được thấy điều ngạc nhiên mới nữa. Quả

nhien, qua ánh sáng mờ mờ, anh thấy ở phía trước các gian lều có hai ba chục hình thù lần lượt nhô lên khỏi ngọn cỏ cao và cứng, rồi lại biến đi như lần mình dưới đất vậy. Chợt nhìn thoáng những hình thù đó, anh tưởng như là những bóng ma thâm màu hoặc những con vật không phải ở nơi trần thế này nên không có thân hình bình thường bằng xương bằng thịt. Một hình dáng gầy gò, trần trụi, giơ tay lên trời một cách man rợ rồi vụt biến mất, để lại khoảng đất trống. Rồi đột nhiên lại thấy hiện ra ở một chỗ đằng xa, cái nọ tiếp theo cái kia, tính chất vẫn bí mật như nhau. Thấy Heyward trì chậm, mắt tiếp tục nhìn về phía anh đang theo dõi, David cất tiếng nói để kéo bạn về với thực tại:

“Đất chỗ này phì nhiêu mà bỏ hoang quá! Không phải khoe khoang, tôi có thể nói rằng ở cùng những người vô thân chưa được mấy ngày, tôi đã gieo được vô khối hạt giống tốt ra hai bên đường đây.”

“Các bộ lạc ở địa phương này ưa đi săn hơn là làm công việc của người lao động.” Duncan bắt giắc trả lời, mắt vẫn không rời những hình thù kỳ lạ.

“Đối với tinh thần, ca ngợi Chúa là điều vui hơn lao động, nhưng những đứa trẻ ở đây quả đã phí phạm tài năng một cách đáng buồn. Ít khi tôi thấy trẻ con trạc tuổi chúng có nhiều khả năng tự nhiên để hát thánh ca như chúng, và cũng không thấy có đứa nào bỏ mặc không trau dồi tài năng bằng chúng. Ba đêm tôi ở đây ba lần tôi tập hợp trẻ con lại để hát thánh ca, và ba lần chúng đáp lại cố gắng của tôi bằng cách gào thét làm tôi rợn cả người.”

“Anh nói ai thế?”

“Nói những đứa trẻ con đang phung phí thời giờ nghịch như quỷ sứ kia. Ôi chao! Dân tộc này không hề biết đến tác dụng tốt lành của sự kiềm chế trong kỷ luật mà chỉ phó mặc cho tự nhiên thôi. Trong một xứ có toàn cây bulô thì làm sao tìm được một cái roi con. Do đó, không lấy làm lạ là những lời chúc phước lành của Thượng đế phí công toi giữa những tiếng kêu thét như thế này.”

David bịt tai khi tiếng thét của trẻ con vang lên the thé khắp cánh rừng, còn Duncan thì bĩu môi như chế nhạo sự mê tín của bản thân và cứng cỏi nói:

“Chúng ta tiến lên.”

Tay vẫn bưng lấy tai, thầy quản hát làm theo, và cả hai người cùng nhau tiến bước về nơi David đôi khi quen gọi là “những gian lều của bọn trần tục”.

CHƯƠNG 23

... Mặc dù chúng ta dành cho con hươu không gian và luật
Pháp;
Chúng ta vẫn tha cho hoặc giương cung,
Mặc cho ai chê trách chúng ta đã đánh bầy hoặc giết con cáo
gian ngoan ở đâu, bằng cách nào và lúc nào.^[60]
• WALTER SCOTT

Khác với những chỗ đóng quân của người da trắng có học thức, ít khi thấy nơi đồn trú của thổ dân có người cầm vũ khí canh gác. Ngay từ lúc mối nguy hiểm còn ở xa, người Anh điêng đã biết nó đang tới, họ sống được an toàn thường là nhờ vào con đường dài và khó khăn ngăn cách họ với những kẻ mà họ có lý do để e ngại nhất. Nếu vì một sự may mắn ngẫu nhiên nào đó, kẻ thù của họ tìm cách tránh được con mắt cảnh giác của những người trinh sát và đến được gần nơi ở của họ thì hiếm khi bị người canh gác bắt gặp và nổi hiệu báo động. Thêm vào đó những bộ lạc thân Pháp này lại biết quá rõ là các bộ lạc đối địch thân phục Anh hoàng vừa chịu một tổn thất nặng nề nên trước mắt, họ càng không sợ có thể gặp nguy hiểm gì.

Vì vậy sự xuất hiện của Duncan và David giữa đám trẻ con đang nô đùa như đã nói ở trên thật là một việc hoàn toàn bất ngờ. Lúc trông thấy hai người, lũ trẻ như có hẹn với nhau từ trước, nhất tề cất lên tiếng rú để báo hiệu rồi như có phép lạ,

đột nhiên biến mất. Thân hình trần trụi, đỏ nâu của chúng nằm lấp trong đám cỏ và hòa vào màu cỏ úa. Thoạt tiên, Duncan tưởng như mặt đất nuốt chửng thân hình chúng, nhưng khi đã hết ngạc nhiên, anh tò mò ghé nhìn xung quanh thì thấy khắp nơi những đôi mắt đen láy tinh nhanh đang chăm chăm nhìn.

Cái nhìn của lũ trẻ báo hiệu rằng người sĩ quan trẻ tuổi của chúng ta rất có thể sẽ phải chịu sự quan sát soi mói già dặn hơn của những người lớn; triệu chứng đáng ngại này không làm anh phần chấn lăm, và đã có lúc anh muốn rút lui. Nhưng bây giờ lưỡng lự cũng không được nữa vì tiếng kêu của lũ trẻ đã làm cho mười chiến binh ở một căn lều gần đây nhất đổ xô ra cửa. Họ đứng tùm lại trong bóng tối, nghiêm nghị chờ những người khách không hẹn mà đến lại gần.

David phần nào đã quen thuộc với cảnh tượng này nên đi trước; anh mạnh dạn bước thẳng vào trong lều, tưởng như không một trở ngại nào có thể cản được. Lều cũng chỉ làm thô sơ bằng cành cây và vỏ cây, nhưng đây là gian nhà chính trong xóm dùng làm nơi hội họp của bộ lạc trong khi tạm thời trú ngụ ở sát cái tỉnh do nước Anh cai trị này. Duncan khó khăn mới giữ được vẻ tự nhiên cần thiết phải có khi đi qua những thân hình sạm nắng và lực lưỡng của đám thổ dân tụ tập hai bên bậu cửa; nhưng biết rằng lạnh trí quyết định sự sống còn của mình, anh nhất nhất làm theo David, bám sát bạn từng bước, vừa đi vừa cố định thần nhận định tình huống. Máu anh đông lại khi anh phải giáp mặt với những kẻ thù hung dữ và nghiệt ngã như thế này, nhưng anh hết sức tự kiềm chế trong lúc đi vào giữa gian nhà, không để lộ chút yếu đuối. Bắt chước David, anh rút một bó cành xạ hương chắt đông ở một góc nhà, lắng lặng ngồi xuống.

Khách vừa vào trong nhà thì chủ, những người chiến binh vẫn để mắt theo dõi khách, cũng từ ngoài cửa ủa vào vây quanh; xem chừng họ kiên nhẫn đợi lúc khách lạ lên tiếng. Số đông đứng tựa vào những thân cột thẳng chống đỡ gian nhà ọp ẹp, dáng điệu lơ đãng uể oải; ba bốn người thủ lĩnh có tuổi và uy tín nhất ngồi xuống mặt đất, trước đám người kia một ít.

Trong căn nhà, một bó đuốc bập bùng cháy, ánh sáng đỏ lay động theo chiều gió, rọi sáng từ mặt người này sang mặt người khác. Nhờ ánh đuốc, Duncan quan sát thái độ của chủ nhà, cố đoán tính chất của buổi đón tiếp. Nhưng trí khôn không giúp anh đối phó với cái xảo quyết lạnh lùng của đám người này được bao nhiêu. Các thủ lĩnh ngồi đằng trước thỉnh thoảng mới liếc mắt nhìn anh, còn chỉ nhìn xuống đất với vẻ mặt có thể là kính trọng nhưng cũng rất có thể là ngờ vực. Những người đứng trong bóng tối tỏ ra ít dè dặt hơn. Duncan hận ngay thấy họ đang lén nhìn thân hình và quần áo anh; họ lặng lẽ soi mói từng li từng tí, không bỏ qua một nét mặt, một cử chỉ, một nét sơn vẽ trên người, thậm chí cả cách ăn mặc của anh nữa.

Sau cùng, xuất hiện một người tóc đã hoa râm nhưng chân tay gân guốc, dáng đi vững chắc, nói lên một sức khỏe còn dồi dào của con người đang ở tuổi già dặn. Từ trước, người đó vẫn đứng trong một góc tối, chừng như để có thể quan sát một cách kín đáo. Người đó nói tiếng Wyandots (còn gọi là Huron) nên Duncan không hiểu, nhưng qua cử chỉ kèm theo câu nói thì những lời lẽ xem chừng có vẻ xã giao nhiều hơn là tức giận.

Duncan lắc đầu ra hiệu là anh không hiểu thứ tiếng này, rồi nói bằng tiếng Pháp:

“Trong anh em có ai nói được tiếng Pháp hay tiếng Anh không?” nói xong, anh đưa mắt nhìn từ người này sang người khác hy vọng thấy có người gật đầu.

Mặc dù có nhiều người quay đầu lại như muốn nắm bắt ý nghĩa của những lời anh nói, nhưng vẫn không có ai trả lời.

“Tôi lấy làm buồn lòng,” Duncan nói tiếp, anh nói thông thả bằng thứ tiếng Pháp đơn giản nhất mà anh rất thành thạo, “khi nghĩ rằng trong bộ lạc dũng cảm và tinh khôn này không có ai hiểu được thứ tiếng của Đại đế dùng khi người nói với con cái. Chắc người phiền lòng lắm khi biết rằng mình bị các chiến sĩ da đỏ coi thường đến mức đó!”

Tiếp theo là một không khí trầm lặng kéo dài. Không ai nhúc nhích chân tay, không ai động đậy khóe mắt, chứng tỏ lời nhận xét của Duncan đã gây ấn tượng. Biết rằng yên lặng vốn là đức tính của thổ dân, Duncan lợi dụng ngay đặc điểm này để sắp xếp ý nghĩ của mình. Sau cùng, chính người chiến binh lúc trước đã phát biểu, bây giờ lại hỏi cộc lốc bằng ngôn ngữ xứ Canada:

“Khi cha vĩ đại của chúng tôi nói với dân chúng, người có dùng tiếng của dân Huron không?”

Duncan trả lời úp mở:

“Người ông phân biệt con cái của mình, dù là da đỏ, da đen hay da trắng, tuy rằng dân Huron anh dũng đặc biệt làm cho Người hài lòng.”

Viên thủ lĩnh nói tiếp:

“Người sẽ nói thế nào nếu được xem số chỏm tóc cách đây năm đêm còn mọc trên đầu bọn Anh?”

Duncan bắt giác rùng mình, nói:

“Bọn Anh là kẻ thù của Người, chắc Người sẽ khen ngợi và nói: “Dân Huron của ta rất can trường”.”

“Người cha xứ Canada của chúng tôi không nghĩ như thế đâu. Người không nhìn về đằng trước để thưởng công cho dân Anh điêng mà lại ngoái nhìn phía sau. Người trông thấy bọn Anh đã chết chứ không trông thấy dân Huron. Như vậy nghĩa là thế nào?”

“Một thủ lĩnh vĩ đại như Người nghĩ nhiều hơn nói. Người nhìn lại để xem có quân thù theo hút sau lưng không.”

“Kẻ thù đã chết thì xuống của nó không thể bơi trên hồ Horican được nữa.” Chủ nhà đáp lại, giọng ảm đạm, “Người còn để tai nghe bọn Delaware, kẻ thù của chúng tôi, thì chỉ được nghe toàn những lời dối trá.”

“Không lẽ nào lại thế. Đây nhé, Người đã ra lệnh cho tôi là người biết nghề chữa bệnh, đến chỗ các con của người là dân Huron da đỏ ở vùng các hồ lớn để xem có ai bị đau ốm gì không cơ mà!”

Yên lặng lại tiếp theo lời tuyên bố của Duncan đang đóng vai thầy thuốc. Mọi con mắt đổ dồn cả về phía anh, vừa soi mói vừa chăm chú, dường như để dò xét xem lời nói của anh thực hay hư, làm anh run lên không biết kết quả sẽ ra sao. Nhưng rồi anh lại thấy yên lòng khi người thủ lĩnh Huron lạnh lùng hỏi tiếp:

“Những con người tinh khôn của xứ Canada có vẽ sơn lên da mình không? Chúng tôi nghe họ huênh hoang rằng da mặt họ màu tái.”

Duncan rần rỏi trả lời:

“Khi một thủ lĩnh Anh điêng đến cùng các cha da trắng, họ cởi áo da trâu của mình ra và mặc chiếc áo của người da trắng

tặng. Anh em Anh điêng đã sơn vẽ cho tôi, và tôi đã giữ lớp sơn đó.”

Có tiếng thì thầm biểu lộ sự đồng tình; thế là lời Duncan ca tụng bộ lạc đã được mọi người vui lòng chấp nhận. Người thủ lĩnh đứng tuổi vẫy tay ra vẻ thỏa mãn; hầu hết các người khác đều hưởng ứng, mỗi người chìa một bàn tay ra và reo lên một tiếng ngắn để bày tỏ sự vừa lòng của mình. Lúc đó Duncan mới cảm thấy dễ thở hơn, tưởng như đã cất được gánh nặng của cuộc hỏi cung. Anh thấy ngời lên niềm hy vọng cuối cùng sẽ thành công vì anh đã chuẩn bị một câu chuyện đơn giản và có vẻ thật để biện minh cho công việc anh đang vờ đảm nhiệm.

Sau một lát yên lặng như để sắp xếp lại ý nghĩ và đáp lại một cách thỏa đáng lời tuyên bố vừa rồi của khách, một chiến binh da đỏ khác đứng dậy với tư thế phát biểu ý kiến. Người đó vừa hé môi thì một tiếng kêu không rõ nhưng đáng sợ vang lên từ phía rừng; tiếp theo là một tiếng rú cao vút, lạnh lạnh như tiếng sói hú, rền rĩ và kéo dài. Câu chuyện bị đứt quãng một cách đột ngột và khủng khiếp làm Duncan giật mình đứng phắt dậy, không còn để ý đến gì nữa ngoài tiếng kêu rùng rợn đó. Cùng lúc, tất cả các chiến binh da đỏ xô ra khỏi lều. Bên ngoài, tiếng la hét âm ỉ hầu như át hẳn những tiếng rú kinh khủng còn đang âm vang dưới lùm cây. Không tự chủ được nữa, Duncan cũng chạy ra khỏi lều đứng lẫn giữa đám đông lộn xộn bao gồm gần hết số người sinh sống trong phạm vi nơi đồn trú này. Đàn ông, đàn bà, trẻ con, người già, người ốm yếu, người mạnh khỏe tráng kiện, tất cả đều tề tựu ở đó. Người thì hò hét, người vỗ tay vui mừng tưởng như điên dại; tất cả đều biểu lộ sự vui sướng man rợ trước một sự kiện gì bất ngờ chưa rõ. Tuy lúc đầu có ngạc nhiên về sự huyền ảo này,

Duncan đã hiểu ngay được nguyên nhân qua cảnh tượng sau đây:

Trên trời hãy còn vương lại đủ ánh sáng nên giữa những chòm cây còn có thể trông rõ những mảng trời sáng ở chỗ các con đường mòn từ làng xuyên vào rừng sâu. Trên một con đường, một hàng chiến binh từ trong rừng hiện ra và từ từ tiến về phía làng xóm. Một người đi đầu vác một con sào ngắn, về sau mới thấy rõ ở trên có treo nhiều chỏm tóc người. Những tiếng kêu rùng rợn mà Duncan vừa nghe là cái mà người da trắng gọi một cách không chính xác là “tiếng hú của thần chết”. Mỗi tiếng kêu là một lần báo cho bộ lạc biết số phận của một kẻ thù. Thế là nhờ am hiểu phong tục của thổ dân mà Duncan đã tự giải thích được; và vì biết rằng câu chuyện bị đứt quãng là do đám người chiến thắng đột ngột trở về làng, anh cảm thấy bớt lo lắng và mừng thầm trong bụng rằng ngẫu nhiên việc này đã khiến cho anh không còn là đối tượng quan sát của mọi người nữa.

Khi còn cách làng chừng vài trăm bước, đoàn chiến binh dừng lại. Tiếng rú rên rĩ và rùng rợn của họ, vừa tượng trưng cho tiếng rên rĩ của người chết vừa là khúc hát khải hoàn của người chiến thắng, bây giờ đã im bật. Một người trong bọn họ cất cao tiếng réo gọi những người chết, tiếng gọi không rùng rợn nhưng vẫn không thể hiểu được, như những tiếng rú khủng khiếp của họ lúc trước. Thật khó mô tả cho đúng sự khoái lạc man rợ của những người thổ dân khi họ nhận được tin chiến thắng bằng cách ấy. Trong chốc lát, cảnh tượng trong làng hết sức náo nhiệt và lộn xộn. Các chiến binh rút dao, vừa vung lên vừa xếp thành hai hàng, dọc theo lối đi từ đám chiến binh đến làng. Phụ nữ vác gậy, cầm rìu hoặc bất cứ thứ vũ khí nào khác mà họ vớ được và hăng hái xông ra tham dự cuộc vui

tàn ác sắp bắt đầu. Cả trẻ con cũng không chịu bỏ qua; không cầm nổi vũ khí lớn, chúng giật chiếc rìu trện ở thắt lưng của cha chúng, rồi cũng lên vào hàng ngũ và bắt chước mọi cử chỉ của bố mẹ.

Cảnh cây chết hàng đông lớn; rải rác trên khoảng trống; một mục già trịnh trọng đi châm lửa hết đồng này đến đồng khác để thắp sáng cho cuộc vui. Khi lửa đã bén, ánh sáng át hẳn ánh hoàng hôn, làm cho sự vật xung quanh càng rõ nét và gồm ghiếc hơn. Toàn cảnh tạo thành một bức tranh đặc sắc, đóng khung trong hàng cây thông cao và đen sẫm. Các chiến binh vừa đến đứng tạt đằng xa; trước họ một chút là hai người đã được chọn lựa làm nhân vật chính trong cảnh sau đây. Lửa không đủ sáng để rõ nét mặt họ, nhưng rõ ràng là mỗi người một ý nghĩ tâm tư. Một người đứng thẳng, vẻ rắn rỏi, sẵn sàng chịu đựng số phận của mình một cách anh hùng; người kia cúi đầu như tê liệt vì khùng khiếp hay vì xấu hổ. Duncan tự nhiên cảm thấy khâm phục và thương hại sâu sắc người thứ nhất, nhưng bây giờ đâu phải lúc biểu lộ những tình cảm quảng đại đó. Tuy thế, anh vẫn chăm chú theo dõi từng cử chỉ nhỏ, ngắm nghía thân hình cân đối và nhanh nhẹn của người đó; anh tự bảo rằng nếu chỉ cần sức người và quyết tâm cao để thoát được thử thách gay go này thì người tù trẻ tuổi kia có hy vọng thắng lợi trong cuộc chạy đua đầy nguy hiểm mà anh ta sắp phải trải qua.

Vô tình Duncan dần dần tiến đến gần đám người Huron da sẫm đỏ đã xếp thành hàng. Anh theo dõi cảnh tượng, chăm chú tưởng đến ngưỡng thờ. Đúng lúc ấy một tiếng thét ra hiệu vang lên. Tức thời tiếng hò la nhất tề nổi dậy, rầm rĩ như chưa bao giờ thấy, phá tan bầu yên lặng tạm thời lúc trước. Nạn nhân có dáng vẻ hèn nhát vẫn đứng ngây, còn người kia khi nghe tiếng

thét hiệu, liền vọt lên, nhanh và mạnh như một con nai. Nhưng trái với điều mọi người mong đợi, anh ta không chạy qua hàng người thù địch, vừa đến đầu dòng người nguy hiểm, không để cho ai kịp đánh mình, anh quật ngang và nhảy qua đầu một hàng trẻ con; thoát khỏi sự bố trí khủng khiếp này. Mọi người nhao nhao chửi rửa mưu chước của anh chàng; hàng ngũ rối loạn, họ chạy nhốn nháo mỗi người một phía.

Lúc này, mười đồng lửa bập bùng tỏa ánh sáng bệch bạc trên bãi rộng, trông giống như một đấu trường ở một thiên la địa võng, ở đó ác quỷ đang tụ tập tiến hành lệ tục giết người cuồng loạn. Những người ở đằng xa trông như bóng ma, lướt đi lướt lại khoa chân múa tay loạn xạ; khi người nào đến gần ngọn lửa, ánh sáng soi rõ những tình cảm man rợ đáng sợ trên khuôn mặt bừng bừng của họ.

Đứng giữa quân địch đang hăng máu phục thù, kẻ chạy trốn sẽ không có thời giờ để thở, điều đó cũng dễ hiểu. Đã có lúc tưởng như anh ta sắp chạy thoát vào rừng thì bị cả đám đông chặn đường buộc anh trở lại giữa những người đang không chùn tay muốn hành tội anh. Anh quay ngoắt như một con nai bị chặn bắt và nhanh như tên bắn, băng qua một cột lưới lửa, luồn lỏi qua đám đông và xuất hiện ở phía bên kia bãi trống. Ở đây anh cũng lại bị mấy người Huron đứng tuổi và thủ đoạn hơn vây bắt; một lần nữa, anh quay lại trà trộn vào đám đông như để tìm sự an toàn trong cảnh rối ren. Nhiều lúc, Duncan tưởng như người thanh niên dũng cảm đã bị quân thù sát hại.

Ngoài khỏi người đen ngòm chạy loạn xạ, lúc nhúc, không còn nhận ra được gì nữa. Vũ khí, dao lấp loáng, rìu trận đáng sợ vung trên đầu mọi người, nhưng rõ ràng là đánh hú họa. Tiếng đám phụ nữ kêu the thé và tiếng hú hung hãn của bọn chiến binh càng làm cho cảnh tượng thêm khủng khiếp. Thỉnh

thoảng, trong bóng tối, Duncan thấy một bóng người nhẹ nhàng nhảy vọt qua trở ngại để chạy trốn; anh chỉ hy vọng chứ không dám tin rằng người tù còn làm chủ được sức mạnh và sự hoạt động kỳ diệu của mình. Đột nhiên, đám đông lùi lại phía sau và đến gần chỗ Duncan đang đứng. Bọn đàn ông lực lưỡng đứng phía sau chen lấn đám phụ nữ và trẻ con đứng trước, xô đẩy họ ngã xuống để vượt lên. Lại thấy tù nhân xuất hiện trong đám người lộn xộn, nhưng sức người không thể chịu đựng được mãi một sự thử thách gay go như thế. Xem chừng anh ta cũng cảm thấy điều đó; lợi dụng một khoảng trống hé mở trong khoảnh khắc anh vọt qua mọi người và trong lúc tuyệt vọng, anh cố gắng một lần cuối cùng để băng vào rừng. Hình như anh ta biết Duncan không phải là người đáng lo ngại nên trong lúc chạy trốn, anh chạy sát ngay bên cạnh.

Một tên Huron cao lớn lực lưỡng đang tập trung hết sức lực đuổi sát nút, một tay cầm vũ khí giơ cao, sẵn sàng bổ xuống một đòn chí tử. Duncan thò chân ra ngáng làm cho tên hung hãn này ngã sõng soài, vượt quá người hấn đuổi nhiều bước. Anh thanh niên không bỏ qua thời cơ đó và nhanh như chớp nhoáng, quay ngược lại, chạy vút như sao đổi ngôi qua mặt Duncan một lần nữa; lát sau, khi Duncan định thần lại và đưa mắt nhìn xung quanh tìm người tù thì thấy anh ta đang bình thản tựa vào một cột sơn nhỏ dựng ngay trước cửa gian lều chính.

E rằng hành động giúp cho tù nhân chạy thoát có thể gây nguy hiểm cho mình, Duncan rời ngay sang chỗ khác. Anh theo đám đông đi lại phía các lều. Dáng điệu dân làng bây giờ ủ rũ buồn bã, đúng như một đám người đi xem hành hình phạm nhân rồi thất vọng vì không được xem nữa. Một tình cảm mạnh hơn tính tò mò thúc đẩy Duncan lại gần người lạ mặt.

Anh ta đang đứng, một cánh tay ôm lấy cây cột che chở cho mình, miệng thở hổn hển sau bao phút cố gắng nhưng vẫn không để lộ một dấu hiệu nào tỏ ra đau khổ vì chạy trốn. Tính mệnh anh thế là đã được một tập quán thiêng liêng và lâu đời bảo vệ cho đến khi hội đồng bộ lạc bàn bạc xong và quyết định số phận của anh. Tuy thế, đoán trước kết quả của sự bàn bạc chắc không phải là điều khó nếu có thể đọc được những tình cảm của đám người đang chen chúc trên bãi rộng.

Bọn phụ nữ bức dọc không từ một lời chửi rủa nào có trong ngôn ngữ của dân Huron để thóa mạ người lạ mặt đã thoát chết. Họ chế giễu những cố gắng của anh ta, vừa cười mỉa mai vừa bảo là cặp chân anh tài giỏi hơn đôi tay, và đáng lẽ phải cho anh đôi cánh mới đúng vì cung tên cũng như dao nhọn, anh đều không biết sử dụng. Người tù làm thinh không đáp, chỉ giữ một dáng vẻ vừa nghiêm trang vừa dửng dưng coi thường. Trước thái độ đó, bọn đàn bà đã tức điên ruột vì sự may mắn của anh, lại càng thêm sôi máu. Lời chửi rủa của họ líu lại nghe không rõ nữa, trở thành những tiếng rú the the đỉnh tai. Đến đây, mục già lúc trước đã châm lửa đốt các đồng cành cây, lách khỏi đám đông và tiến lên đứng trước mặt người tù. Thân hình khô héo và tiêu tụy bần thủ của mục già làm vẻ xảo quyệt của mục vượt quá cái tinh ranh của người thường. Mục bỏ chiếc áo mỏng đang mặc, vươn cánh tay dài khẳng khiu, mỉa mai nói lớn với người tù bằng tiếng Delaware để anh ta hiểu:

“Thằng Delaware kia,” mục vừa nói vừa xĩa xối vào mặt người tù, “dân tộc mày là giống đàn bà, tay chúng mày cầm thuổng đào đất thích hợp hơn cầm súng. Phụ nữ của chúng mày đẻ ra toàn những đứa nhát như hươu nai, nếu có gấu, mèo rừng hay rắn lột vào trong đám chúng mày thì chúng mày chỉ

có chạy trốn. Đàn bà Huron chúng tao sẽ may váy cho chúng mày rồi đem chúng mày gả chồng được đấy.”

Một chuỗi cười man rợ rộ lên hưởng ứng lời phỉ báng, tiếng khúc khích nhè nhẹ thánh thót của đám con gái xen lẫn một cách lạ tai với tiếng ồ ồ của đám mục già tâm địa độc ác hơn. Người tù vẫn trơ trơ, không hề xúc động. Đầu anh không nhúc nhích và anh như không hề để ý đến mọi người xung quanh, chỉ trừ khi nào đôi mắt hiên ngang nhìn về phía những hình thù đen đui của đám chiến binh đang đi lại ở phía sau, yên lặng và lảm lì.

Sự bình tĩnh của người tù làm mục già thêm tức giận, mục chống tay lên háng, tư thế khiêu khích, rồi lại bắt đầu tuôn ra một dòng thác những lời chửi rửa mà nghệ thuật của chúng ta không thể mô tả hết được. Nhưng mục chỉ tốn hơi vô ích vì tuy đã nổi tiếng trong bộ lạc là người tài giỏi trong nghệ thuật chửi bới, mục vẫn phải tức phát điên lên, phải sủi bọt mép mà không làm chuyển được mảy may bộ mặt trơ như tượng của người tù. Thái độ thản nhiên của anh ta đã bắt đầu tác động đến những người đứng xem khác, một chiến binh còn non choẹt xông ra vùng riu trợn trước mặt người tù, chém vun vút trong không khí để trợ lực cho lời nguyện rửa của mục già hung hãn. Quả nhiên, người tù quay mặt về phía ánh sáng và cúi nhìn người chiến binh nói trên, vẻ hết sức khinh bỉ. Rồi anh ta lại tựa người vào cột, thái độ bình tĩnh. Nhưng sự thay đổi tư thế này khiến cho Duncan bắt gặp cặp mắt kiên quyết và sắc sảo của Uncas.

Ngạc nhiên đến ngừng thở và hết sức bối rối về tình thế gay go của bạn, Duncan tránh đôi mắt của Uncas, nín sợ cho số phận của bạn có thể chóng bị kết liễu vì ý nghĩa của cái nhìn đó. Nhưng không, trước mắt chưa có gì đáng lo ngại. Vừa lúc

đó, một chiến binh lách qua đám đông đang tức giận, gạt mạnh bọn đàn bà trẻ con sang một bên và tiến lên nắm cánh tay Uncas dẫn về phía chiếc lều hội nghị. Các thủ lĩnh và chiến binh có tên tuổi nhất đều bước theo. Duncan cũng tìm cách vào được trong lều, không bị ai để ý.

Mất vài phút để sắp xếp những người có mặt theo thứ bậc và uy tín trong bộ lạc. Trật tự chỗ ngồi rất giống như trong cuộc chắt vắn vừa qua; các thủ lĩnh có tuổi và cao cấp chiếm chỗ ở gian lớn, dưới ánh sáng của ngọn đuốc đang cháy rực, người trẻ và cấp dưới ngồi phía sau, khuôn mặt mờ mờ ẩn hiện, xương xẩu và ngăm đen. Uncas bình tĩnh, hiên ngang và chăm chú đứng chính giữa lều, ngay dưới một lỗ hổng qua đó ánh sáng một vài ngôi sao lấp lánh lọt vào. Thái độ đường hoàng hiên ngang của anh không lọt qua mắt của đám người đối địch. Họ luôn luôn nhìn anh bằng những con mắt đầy vẻ hung ác nhưng rõ ràng cũng đượm cả sự thâm phục lòng can đảm của anh. Tình cảnh con người mà lúc trước Duncan thấy đứng riêng ra để cùng Uncas chịu đựng cuộc đua với thần Chết lại khác hẳn. Anh ta đã không chạy; suốt trong lúc mọi người náo nhiệt chạy đuổi, anh cứ đứng trơ như bức tượng biểu hiện sự hổ thẹn và nhục nhã. Tuy không ai đoái hoài đón mời hoặc để ý tới cử chỉ của anh, anh ta cũng vào trong lều, tựa như phải cúi đầu quy phục số phận, không chút cưỡng lại. Thừa lúc thuận tiện, Duncan nhìn thẳng vào mặt anh ta, trong lòng lo ngại lại sẽ nhận ra một người quen biết khác. Nhưng không. Đúng là một người không quen biết, và điều càng khó hiểu hơn nữa là căn cứ vào nét sơn vẽ trên mình thì người này đúng là một chiến binh Huron. Anh ta không ngồi cùng với bộ lạc mình mà ngồi riêng ra, lẻ loi giữa đám đông; tư thế anh ta trông rất thiếu náo, như muốn thu hình cho hết sức nhỏ. Khi

ai này đều yên vị và trong lều đã trở lại yên tĩnh, người thủ lĩnh tóc hoa râm mà chúng tôi đã giới thiệu với độc giả, lại nói lớn bằng tiếng Delaware:

“Anh Delaware kia, tuy là người của một dân tộc đàn bà, anh đã tỏ ra xứng đáng là bậc nam nhi. Ta sẽ cho anh ăn uống, nhưng ăn cùng với dân Huron thì phải trở thành bạn của dân Huron. Anh có thể yên nghỉ cho đến khi trời sáng, lúc đó sẽ quyết định.”

“Ta đã nhịn đói bảy ngày đêm để đuổi theo bọn Huron,” Uncas lạnh lùng trả lời, “con cái của Lenape biết đi theo con đường chính nghĩa, không thèm la cà ăn uống đâu.”

“Hai thanh niên của ta đang truy nã người bạn đường của anh,” viên thủ lĩnh tiếp tục, không để ý đến câu nói ngang ngạnh của Uncas, “khi họ trở về, những người sáng suốt của hội đồng sẽ quyết định sự sống chết của anh.”

“Dân Huron không có tai à?” Uncas khinh bỉ trả lời, “Từ lúc ta bị bắt, đã hai lần ta nghe thấy tiếng súng quen thuộc nổ. Hai thanh niên của các người sẽ không bao giờ trở về nữa đâu.”

Vài phút im lặng nặng nề tiếp theo lời tuyên bố mạnh dạn của Uncas. Duncan hiểu rằng người Mohican trẻ tuổi nhắc tới cây súng lợi hại của Mắt Chim Ưng. Anh rướn người về phía trước để xem phản ứng của hội nghị đối với câu nói, nhưng người thủ lĩnh chỉ trả lời đơn giản:

“Nếu dân Lenape tài giỏi đến thế, tại sao một trong những chiến binh anh dũng nhất của họ lại có mặt ở đây?”

“Chỉ vì ta đuổi theo một tên hèn nhát chạy trốn nên mới bị mắc bẫy. Hải ly là giống vật rất khôn nhưng vẫn có thể bị bắt.”

Uncas vừa trả lời vừa chỉ tay vào người Huron ngồi riêng lẻ ở một góc mà không thèm nói gì thêm về con người không

xứng đáng đó. Lời lẽ của câu trả lời, dáng điệu của người nói gây một cảm xúc mạnh mẽ trong đám người nghe. Mọi cặp mắt đều bức tức ngoài về phía con người đã bị Uncas vạch mặt bằng một cử chỉ đơn giản. Tiếng thì thầm đe dọa lan đi khắp đám đông đến tận cửa ngoài; đàn bà trẻ con chen chúc nhau. Giữa vai người nọ với vai người kia, các kẻ hở đều kín đặc những người tò mò và sốt sắng.

Trong khi đó, các thủ lĩnh có tuổi ngồi ở khoảng giữa bàn bạc với nhau bằng những câu ngắn, nhát gừng; mỗi lời nói ra đều phản ánh đúng ý nghĩ của người phát biểu dưới hình thức kiên quyết và đơn giản nhất. Không khí trong lều lại trở nên yên lặng, trang nghiêm trong hơi lâu. Tất cả mọi người có mặt đều hiểu rằng cuộc bàn luận đó báo hiệu sắp có một quyết định quan trọng. Những người đứng ở vòng ngoài kiễng chân để nhìn; ngay cả kẻ phạm tội trong một lát cũng quên nỗi nhục nhã của mình, ngừng bộ mặt thiếu não bối rối và lo sợ liếc nhìn đám thủ lĩnh. Sau cùng, viên thủ lĩnh có tuổi mà chúng tôi đã nhiều lần nhắc tới, lại phá tan bầu không khí yên lặng. Người đó đứng dậy, đi qua mặt Uncas vẫn đứng trơ trơ, nghiêm nghị dừng lại trước mặt người Huron phạm tội. Đến đây, mục đàn bà khô đét đã nói ở trên bước vào trong vòng người, tay cầm bó đuốc vừa đi chậm chậm vừa múa, miệng lầm bầm như đang niệm thần chú. Tuy mục đã tự động lên vào trong lều nhưng không ai để ý.

Mục lại gần Uncas, giờ ngọn đuốc đang cháy cho ánh sáng của ngọn lửa rơi vào người anh để có thể quan sát được những xúc động nhỏ nhất trên mặt anh. Người thanh niên Mohican của chúng ta vẫn giữ thái độ bình tĩnh hiên ngang, không hề để ý đến cái nhìn soi mói của mục già, mắt vẫn chăm chăm hướng về phía đằng xa, như xuyên qua mọi trở ngại nhìn thẳng vào

tương lai. Xem xét xong, mục già lấy làm vừa lòng, vẻ thích thú hiện trên nét mặt; mục rời chỗ Uncas sang chỗ người đồng tộc phạm tội để lập lại thử thách này.

Hình chiến họa sơn trên mình người thanh niên Huron vẫn còn đậm nét. Thân hình vạm vỡ và cân đối của anh lộ rõ dưới làn quần áo rất sơ sài. Ánh đuốc soi rõ chân tay anh làm Duncan phải khiếp kinh quay mặt đi vì thấy anh ta không nén được sợ hãi, toàn thân run bần bật. Thấy cảnh tượng đáng buồn và nhục nhã đó, mục già bắt đầu cất tiếng thì thầm rên rỉ, nhưng người thủ lĩnh đã giơ tay nhẹ nhàng gạt mục sang một bên, gọi đúng tên người thanh niên phạm tội và nói bằng tiếng Huron:

“*Lau Uôn Cong!* Trời sinh ra mày có mẽ người đẹp mắt, nhưng giá đừng có mày còn tốt hơn. Trong làng bản mày già mồm lắm, nhưng ra trận mạc mày lại im thin thít. Các chiến binh trẻ của ta không ai chém rìu trận vào cột chiến đấu sâu bằng mày, nhưng cũng không ai đánh bọn người Anh yếu ớt như mày. Quân thù biết hình thù cái lưng của mày, nhưng không hề trông thấy màu con mắt của mày. Ba lần quân thù kêu gọi mày tới, ba lần mày quên đáp ứng. Tên mày sẽ không bao giờ còn được nhắc tới trong bộ lạc này nữa. Mọi người đã quên tên mày rồi.”

Người thủ lĩnh nói thông thả, sau mỗi câu lại ngừng một lát, còn phạm nhân ngừng mặt tỏ lòng tôn kính cấp bậc và tuổi tác của thủ lĩnh. Trên nét mặt anh ta vừa biểu lộ sự xấu hổ, sự hoảng sợ, vừa có cả niềm kiêu hãnh nữa; mắt anh nheo lại vì đau xót, rồi đột nhiên sáng lên nhìn những người xung quanh, những người mà nhờ họ anh mới được sống. Trong một lúc, tình cảm này lấn át mọi tình cảm khác. Anh ta đứng dậy, phanh ngực ra, nhìn chăm chăm vào con dao sắc sáng loáng

mà người xét xử nghiệt ngã đang giơ cao. Con dao từ từ cắm sâu vào trái tim anh mà anh vẫn mỉm cười, như thể vui mừng vì thấy cái chết cũng không đáng sợ như anh tưởng, rồi anh nặng nề ngã úp mặt gần ngay chân chàng Uncas vẫn lạnh lùng và cứng cỏi.

Mụ già rú lên một tiếng rên rỉ, ném bó đuốc xuống đất làm cho mọi vật chìm trong bóng tối. Cả đám người rừng mình ra khỏi lều như những bóng ma bối rối. Và Duncan tưởng rằng trong gian lều chỉ còn lại có chàng và hình hài đang thoi thóp của nạn nhân vừa bị dân Anh điên cuồng xét xử.

CHƯƠNG 24

Người hiền phán như vậy, vua chúa giải tán.
Ngay hội đồng, và các thủ lĩnh tuân theo.^[61]

• HOMER

Chỉ một vài giây cũng đủ để Duncan nhận thấy mình đã nhầm. Anh thấy có người nắm chặt cánh tay, rồi nghe tiếng Uncas thì thâm bên tai:

“Bọn Huron là giống chó. Máu một tên hèn nhát không thể nào làm một chiến binh run sợ được. Đầu Hoa Râm và thủ lĩnh của chúng ta vẫn an toàn, còn cây súng của Mắt Chim Ưng không chịu ngủ đâu. Thôi, đi đi... Uncas và Bàn Tay Mở bây giờ là người không quen biết nhau, không được nói thêm gì nữa đây!”

Duncan còn muốn nghe nhiều nữa nhưng Uncas đã khẽ đẩy anh ra phía cửa, nhắc nhở cho anh biết nguy hiểm có thể xảy ra nếu kẻ địch biết hai người nói chuyện với nhau. Vì tình thế bắt buộc, Duncan miễn cưỡng từ từ ra khỏi lều đứng lẫn vào đám người đang tụ tập gần đấy. Các đồng lửa sắp tàn trên bãi trống chập chờn hắt ánh sáng mờ mờ lên những hình người đen sẫm đang yên lặng đi đi lại lại; thỉnh thoảng một ngọn lửa bùng lên, rọi sáng vào trong lều và cho thấy Uncas vẫn đứng ngay gần gần xác người thanh niên Huron.

Một lát sau, vài chiến binh bước vào trong lều; lúc ra, họ không theo xác chết để vứt vào rừng gần đấy. Khi cảnh tượng này đã kết thúc, Duncan lần mò đi quanh các lều, cố tìm xem có thấy vết tích gì của người mà anh phải trải qua bao gian nan tìm kiếm. Anh không bị ai để ý hỏi han gì. Trong tâm trạng hiện nay của dân làng, nếu anh có ý định trốn về với các bạn thì cũng dễ, nhưng ngoài nỗi lo lắng không nguôi về Alice, mối quan tâm của anh đối với số phận của Uncas, tuy có nhẹ hơn, cũng góp phần giữ chân anh lại nơi đây. Anh tiếp tục lang thang từ gian lều này sang gian lều khác, qua mỗi gian liếc mắt nhìn vào lại thêm thất vọng. Đi khắp làng không thấy gì, anh đành bỏ dở cuộc tìm kiếm vô ích và trở lại gian lều hội nghị, định tìm hỏi David cho bớt nỗi lo lắng canh cánh trong lòng.

Khi Duncan về đến gian lều đã dùng làm nơi xét xử và hành hình, cảnh náo nhiệt đã dịu. Các chiến binh đã tụ tập lại, họ vừa bình thảo hút thuốc vừa trình trọng kể những sự kiện chính trong chuyến xuất trận vừa qua ở pháo đài William Henry. Thấy Duncan trở lại, chắc họ cũng nhớ đến vai trò của anh và tình hình đáng ngờ của việc anh tới làng, nhưng vẫn không thấy họ lộ vẻ gì. Cảnh tượng kinh khủng vừa xảy ra đã tạo cho anh một hoàn cảnh thuận lợi, và nghe theo sự thôi thúc của lòng mình, anh không bỏ lỡ dịp tốt không ngờ đó.

Không chút do dự, anh bước vào lều rồi ngồi xuống, dáng điệu trang nghiêm hoàn toàn phù hợp với tâm trạng của chủ nhà. Liếc mắt nhìn quanh một lượt Duncan nhận thấy ngay Uncas vẫn còn ở chỗ lúc hai người chia tay, nhưng David đã biến đâu mất. Uncas không phải chịu sự kiềm chế nào khác ngoài một người thanh niên Huron đứng gần đấy đang chăm chú nhìn anh và một chiến binh cầm vũ khí đứng tựa vào cái cột ở bên khung cửa hẹp. Về mọi phương diện khác, Uncas có

vẻ được tự do, chỉ trừ một điều là không được tham gia nói chuyện với mọi người. Trông Uncas lúc đó giống một pho tượng đẹp hơn một người sống có suy nghĩ.

Heyward vừa chứng kiến một cảnh hình phạt khủng khiếp mà bộ lạc này đã thi hành tức khắc, anh lại đang ở trong tay họ nên phải giữ gìn, không dám có hành động quá liều lĩnh. Nếu dân làng biết anh là ai, chắc anh gặp nguy khốn ngay; cho nên anh muốn được ngồi yên suy nghĩ hơn là phải nói. Nhưng ý định thận trọng của anh không thực hiện được vì chủ nhà lại nghĩ khác. Tuy anh khôn ngoan chọn một chỗ trong bóng tối nhưng chưa được bao lâu thì một người thủ lĩnh già ngồi bên cạnh đã nói với anh bằng tiếng Pháp:

“Tôi cảm ơn người cha của xứ Canada còn nhớ đến các con của người. Con ma đang nhập vào vợ một chiến binh trẻ của chúng tôi, chẳng hay ông khách lạ tài giỏi có thể đuổi nó được không?”

Heyward cũng biết qua loa cách thức cúng bái của dân Anh diêng trong những trường hợp gọi là ma làm này nên không có lời đề nghị nào làm anh vui lòng bằng câu hỏi đó. Anh nhận thấy ngay đây là hoàn cảnh thuận lợi để thực hiện mục đích của mình. Biết rằng cần giữ vẻ nghiêm trang của vai trò mình đang đóng, anh nén tình cảm, trả lời có vẻ bí hiểm:

“Ma mỗi con một khác; trước tài trí của con người, có ma phải nhượng bộ nhưng cũng có ma mạnh lắm.”

“Người anh tôi là thầy thuốc giỏi, cứ thử xem sao,” người da đỏ ranh mãnh nói.

Heyward gật đầu đồng ý. Người Huron hài lòng thấy Heyward nhận lời và lại đưa tẩu lên hút, đợi lúc thích hợp để đi khỏi lều Heyward sốt ruột chờ đợi thối tục lâu đời của dân

Huron lúc nào cũng phải tỏ ra kín đáo trầm lặng; anh cũng phải giữ vẻ lạnh lùng như người thủ lĩnh có họ hàng thân thích với người đàn bà ốm. Mấy phút trôi qua, dài như hàng giờ đối với thầy phù thủy bất đắc dĩ của chúng ta. Người thủ lĩnh Huron để tẩu xuống, kéo áo che kín ngực như chuẩn bị dẫn Heyward đến lều người ốm. Vừa lúc đó, một chiến binh thân hình lực lưỡng hiện ra trước cửa, lảng lảng đi vào giữa đám người chăm chú, rồi ngồi vào một đầu bó cành cây mà Duncan đang ngồi. Duncan sốt ruột liếc nhìn người bên cạnh; anh sồn gáy, khiếp đảm khi thấy người ở gần anh chính là Magua.

Viên thủ lĩnh đáng sợ và xảo quyệt này trở về bất ngờ làm cho ông già Huron nán lại chưa đi. Nhiều điều thuốc đã tắt lại được châm lên; người mới đến chẳng nói chẳng rằng, rút rìu trợn ở thắt lưng ra, nhét đầy thuốc vào nỏ điếu ở đầu rìu rồi rít khói thuốc qua chiếc cán rìu khoan rỗng, vẫn bình thản mặc dù đã qua hai ngày mệt nhọc truy nã quân thù. Mười phút trôi qua, nhưng đối với Duncan tưởng như một thế kỷ. Khói thuốc giống một đám mây trắng bao phủ các chiến binh; không ai nói một lời nào; sau cùng, một người cất tiếng:

“Hoan nghênh, Anh bạn tôi có tìm được con hươu không?”

“Các thanh niên đã quy dưới gánh nặng rồi.” Magua trả lời, “Hãy để *Lau Uôn Cong* tiếp tục đi theo con đường săn bắn thì sẽ gặp họ.”

Nghe nói đến cái tên cấm kỵ đó, mọi người nín thính trong một không khí yên lặng nặng nề đáng sợ. Điếu rời khỏi miệng mọi người như thể họ đã cùng hít phải tạp chất. Khói quện quanh đầu họ thành những đường xoáy ốc nhỏ, rồi cuốn bay ra ngoài qua lỗ hổng trên mái lều. Gian nhà hết khói; những khuôn mặt sẫm đen trông rõ dần. Hầu hết mọi người cúi gằm

mặt xuống đất. Tuy nhiên, vài người còn non trẻ giương cặp mắt man rợ nhìn về phía một người tóc bạc ngồi giữa hai thủ lĩnh được bộ lạc kính trọng nhất. Trông dáng dấp và quần áo người này không có gì đáng phải đối xử đặc biệt; dáng vẻ ử dột hơn những người xung quanh, quần áo cũng giống như của người bình thường. Như hầu hết mọi người trong lều, trong hồi lâu người đó chỉ nhìn xuống đất; nhưng khi liếc mắt lên thấy mình là đối tượng đang được mọi người chú ý, ông lão đứng dậy cất tiếng nói trong không khí im lặng chung:

“Nói dối hết! Tôi không có con trai nào cả. Kẻ mang tên họ của tôi đã bị bỏ quên rồi. Máu của nó màu nhạt, không phải bắt nguồn từ mạch máu của dân Huron ta. Quân khốn nạn Chippewas đã đánh lừa vợ tôi. Đấng Đại Linh muốn dòng Wiss-entush phải diệt vong, nó^[62] vui sướng thấy rằng điều xấu xa của dòng họ sẽ chấm dứt cùng với nó. Tôi đã nói hết.”

Ông lão đang nói là cha của người thanh niên Huron hèn nhát; ông nhìn xung quanh như chờ đợi từ mắt người nghe những cái nhìn hưởng ứng tính khắt kỷ của mình. Nhưng phong tục nghiêm khắc của bộ lạc đã đòi hỏi ở ông già yếu đuối này một sự chịu đựng quá nặng nề! Tình cảm biểu hiện trong mắt ông già tương phản với lời lẽ bóng bẩy khoa trương, mỗi thớ thịt trên khuôn mặt răn reo của ông rung lên vì đau đớn. Sau một phút đứng yên để hưởng sự đắc thắng đầy cay đắng của mình, như bị nôn nao dưới cái nhìn của mọi người, ông lão quay đi, lấy chân trùm lên đầu, lặng lẽ bước ra khỏi lều và trở về nhà để ngấm ngấm đau khổ cùng với người vợ cũng già nua, tuyệt vọng, không con cái.

Mọi người yên lặng để ông già đi ra, tin rằng nét hay tật xấu đều có tính di truyền. Rồi một người thủ lĩnh, dáng điệu tế nhị chẳng kém gì ở các xã hội văn minh, cất giọng vui vẻ trịnh

trọng nói với Magua, làm các chiến binh tạm quên đi sự ươn hèn họ vừa chứng kiến.

“Bọn Delaware lảng vảng quanh làng ta như lũ gấu đánh hơi thấy vò mật ong vậy. Nhưng có ai thấy dân Huron ta ngủ bao giờ không?”

Mây đen trước cơn giông tố cũng không đáng sợ bằng nét mặt sa sầm của Magua lúc đó, hấn kêu lớn:

“Có phải dân Delaware ở vùng hồ không?”

“Không phải, bọn mặc váy đàn bà ấy ở trên bờ sông của chúng kia. Một đứa đã đến tận bộ lạc đây.”

“Thế các chiến binh trẻ của ta đã lột được mảng da đầu của nó chưa?”

“Cặp giò của nó tốt lắm, nhưng đôi tay nó cầm thương đào đất thích hợp hơn cầm rìu trận,” người thủ lĩnh vừa đáp vừa chỉ vào Uncas vẫn đang đứng không động đậy.

Không như đám phụ nữ có tính tò mò, Magua không nhìn người tù thuộc bộ lạc mà y có nhiều lý do để căm thù; y tiếp tục hút thuốc, vẻ trầm ngâm, một tư thế thường thấy khi y chưa có việc gì cần phải vận dụng tài hùng biện hay mưu trí. Nghe người thủ lĩnh cao tuổi kể lại sự việc, trong thâm tâm Magua cũng ngạc nhiên nhưng y nén lòng không hỏi câu nào, chờ lúc thích hợp hơn. Sau một hồi khá lâu, y mới gỡ hết tàn thuốc ở đầu gà, rìu trận ngang sườn, buộc chặt thắt lưng và đứng dậy. Lần đầu tiên y đưa mắt nhìn về phía người tù đang đứng ở đằng sau, cách y không xa. Uncas tuy có vẻ lơ đãng nhưng vẫn chăm chú theo dõi mọi động thái; nhìn thấy cử chỉ đó, đột nhiên anh quay lại phía ánh lửa. Mắt hai người gặp nhau. Trong gần một chút, hai con người bất khuất và hiên ngang nhìn thẳng vào nhau, không ai chịu cúi mặt trước. Thân hình

Uncas như to lên, hai lỗ mũi bạnh ra như lỗ mũi của một con hổ đang bị săn bắt, tư thế hiên ngang cứng rắn, tưởng đâu anh đã biến thành pho tượng thần chiến trận của bộ lạc mình. Nét mặt Magua cũng không kém phần bừng bừng, nhưng vẻ đáng ngạo nghễ dần dần biến đi để lại một niềm vui sướng hung bạo trên nét mặt. Dồn hết hơi trong lồng ngực, Magua lớn tiếng kêu cái tên đáng sợ *Hươu Nhanh Nhẹn*!

Nghe gọi đến cái tên lừng lẫy này, mọi người bật đứng dậy và trong khoảnh khắc, sự ngạc nhiên lẫn át hoàn toàn vẻ mặt bình tĩnh của họ. Tất cả đồng thanh nhắc lại cái tên mà ai cũng vừa căm ghét lại vừa kính phục, tiếng vọng ra tận ngoài lều. Đàn bà trẻ con đang lảng vảng ở cửa cũng nhắc lại như một tiếng vang, rồi cất lên những tiếng hú đỉnh tai rền rĩ. Tiếng hú còn chưa dứt, sự xúc động trong đám đàn ông đã hoàn toàn dịu hẳn. Mọi người lại ngồi xuống như xấu hổ đã tỏ ra hấp tấp; nhưng suốt trong mấy phút liền, ai cũng liếc nhìn một cách đầy ý nghĩa về phía người tù, tò mò ngắm nghía người chiến binh can trường đã bao lần kết liễu đời sống của những người con ưu tú trong bộ lạc Huron.

Uncas thích thú trước sự thắng lợi của mình nhưng chỉ cười mỉm, một biểu hiện khinh bỉ của bất cứ dân tộc nào, ở bất cứ thời đại nào. Hiểu ý nghĩa cái cười mỉm, Magua vung tay đe dọa người tù; đồ trang sức bằng bạc nhẹ buộc liền với các vòng tay kêu lanh canh theo sự rung động của cánh tay. Y nói lớn bằng tiếng Anh, giọng đầy tư tưởng phục thù.

“Thằng Mohican kia, mày phải chết!”

“Nước suối chữa bệnh cũng không bao giờ làm sống lại được những tên Huron đã chết.” Uncas trả lời bằng tiếng Delaware thánh thót, “Nước sông sẽ rửa sạch xương cốt của chúng. Đàn ông Huron nhát như đàn bà, còn đàn bà chỉ là cú vọ. Thôi gọi

tất cả lũ chó Huron lại đây cho chúng xem một người chiến binh. Mũi ta còn đang khó chịu vì mùi máu của tên hèn nhát.”

Câu nói bóng gió của Uncas giáng một đòn nặng và gây phản ứng mạnh mẽ vì nhiều người hiểu được thứ tiếng xa lạ này, trong đó có Magua. Tên Anh điên cuồng quyết thấy rõ điều đó và tận dụng ngay hoàn cảnh thuận lợi này. Để rơi tấm áo da phủ trên vai, y vươn cánh tay, bắt đầu tuôn ra những lời nham hiểm dối giả. Tuy đã mất ảnh hưởng nhiều đối với bộ lạc vì trước đây y đã đôi lúc tỏ ra yếu đuối xa lìa quê hương, Magua vẫn được mọi người coi là can đảm và có tài ăn nói nhất trong bộ lạc. Bao giờ y cũng được nhiều người nghe và cũng lôi kéo được thính giả theo ý kiến mình. Lần này, tài riêng đó lại càng được lòng khao khát trả thù kích thích thêm.

Magua thuật lại mọi việc đã xảy ra trong cuộc tấn công vào hòn đảo ở thác Glen, việc đồng bọn bị giết chết và việc để kẻ thù đáng sợ nhất của dân Huron trốn thoát. Rồi y tả phong cảnh và vị trí của trái núi, nơi y đã dẫn các tù nhân tới. Magua không hề dă động tới ý định độc ác đối với hai chị em Cora cũng như âm mưu đã thất bại của y. Y chuyển nhanh sang trận đánh bất ngờ của nhóm Súng Dài và kể lại kết thúc tai hại của trận đánh. Đến đây, y ngừng lại nhìn xung quanh, ra vẻ thương tiếc những người đã chết nhưng chính là để nhận xét tác dụng của câu chuyện hấn vừa kể. Cũng như mọi khi, mắt mọi người chăm chăm nhìn vào mặt Magua. Họ ngồi bất động, ngây người chăm chú theo dõi, thân hình đen thẫm của họ hết như những pho tượng.

Giọng nói của Magua đang mạnh, trong trẻo, bỗng dưng hạ thấp khi y nhắc đến đức tính của những người đã khuất. Y nêu ra mọi ưu điểm có thể tranh thủ được cảm tình của dân làng. Có người đi săn chưa hề bao giờ phải trở về tay không, người

lòng đuổi kẻ thù không biết mệt. Người này anh dũng, người kia hào hiệp. Tóm lại Magua đã đưa ra những hình ảnh để, trong một bộ lạc có ít gia đình như thế này, mỗi hình ảnh đều có thể làm rung động một trái tim nào đó trong số những người có mặt. Để kết thúc, y nói:

“Xương cốt các chiến binh trẻ của chúng ta có được chôn cất ở mộ địa của dân Huron ta không? Chắc mọi người đều biết là không. Linh hồn họ đã bay về phía mặt trời lặn và đang băng qua đại dương để bước vào vùng đất săn bắn đầy hạnh phúc. Nhưng bọn họ ra đi không lương thực, không súng, không dao, không giày dép, trần trụi và nghèo nàn như lúc mới đi. Có thể để như thế được không? Liệu họ có đi vào xứ sở của những người chính trực như dân Iroquois đói khát hay dân Delaware nhút nhát không? Liệu khi đi gặp bạn hữu, họ có vũ khí trên tay và quần áo trên mình không? Cha ông chúng ta sẽ nghĩ như thế nào? Họ sẽ cho là các bộ lạc Wyandots đã biến chất rồi, sẽ nhìn con cháu mình bằng con mắt khinh bỉ và nói: “Thôi cút đi, chúng mày là những tên Chippewas đội lốt dân Huron để đến đây chứ gì!” Thừa tất cả anh em, chúng ta không được quên những người đã mất, dân da đỏ không bao giờ quên như thế cả. Chúng ta sẽ chất nặng lên từng tên Mohican này cho đến khi nó quy xuống, và phải nhanh nhanh cho nó đi theo các chiến binh trẻ của ta. Tuy tai chúng ta không nghe thấy tiếng họ nhưng họ đang kêu gọi chúng ta giúp đỡ đây; họ nói: “Đừng quên chúng tôi. Cho nên khi họ trông thấy linh hồn của tên Mohican này vất vả vác nặng chạy theo, họ sẽ hiểu rằng chúng ta không quên họ; họ sẽ tiếp tục đi lên, trong lòng hể hả. Và con cháu chúng ta sau này sẽ nói: “Ta phải theo gương ông cha ta đã đối xử với đồng đội như vậy.” Một tên Anh có nghĩa lý gì? Chúng ta đã giết được nhiều tên, nhưng màu đất hãy còn nhạt

lắm. Một khi danh dự của dân Huron có vết nhơ, chỉ có máu từ huyết mạch của dân Anh điêng mới gột sạch được thôi. Vì vậy, tên Delaware này phải chết.”

Chắc cũng dễ tưởng tượng được tác dụng của lời kêu gọi, lời lẽ đã hùng hồn lại kèm theo điệu bộ mạnh mẽ. Magua đã khéo léo kết hợp tình cảm tự nhiên và lòng mê tín tôn giáo của người nghe. Giết nạn nhân để tế vong linh của người cùng tộc vốn là phong tục của họ, và trong lúc tư tưởng còn đang khao khát báo thù, lòng nhân đạo của họ càng thêm khô cạn. Đặc biệt có một người nét mặt hung tợn và man rợ từ nãy vẫn lắng nghe từng lời của Magua.

Nét mặt hắn thay đổi theo nỗi xúc động trong lòng và cuối cùng, toát ra một vẻ tinh quái khát máu. Magua vừa dứt lời, hắn đứng phắt dậy, thét lên một tiếng ma quái, vung chiếc rìu trện nhỏ lên đầu làm lưỡi rìu lóng lánh dưới ánh đuốc. Tiếng kêu và động tác quá đột ngột, không ai kịp thốt một lời ngăn chặn ý định tàn bạo của hắn. Lưỡi rìu như một tia sáng từ tay hắn bắn ra, nhưng cùng lúc đó, một vật đen mạnh mẽ vút chặn ngang, Magua đã kịp vung cánh tay làm chệch đường rìu. Cử chỉ nhanh nhẹn và chắc chắn của Magua không phải hoàn toàn quá chậm; lưỡi rìu sắc lẹm như vọt ra từ một chiếc máy ghê gớm nào đó, chỉ cắt ngang chiếc lông vũ trên chòm tóc của Uncas, rồi xuyên thủng bức vách mỏng mảnh của túp lều.

Trông thấy hành động đe dọa đời sống của Uncas, Duncan đứng phắt dậy, tim đập tưởng bật khỏi lồng ngực, hồi hộp với ý định cao quý cứu bạn. Nhưng khi nhìn thấy lưỡi rìu đánh hụt, từ kinh hoàng anh lại cảm thấy thán phục Uncas vẫn đứng yên lặng nhìn thẳng vào mắt đối phương, nét mặt không mấy may xúc động. Trước một đòn báo thù đột ngột như vậy, tượng bằng đá chắc cũng không có được một vẻ sắc lạnh lùng, bình

tĩnh và thản nhiên hơn Uncas lúc đó. Anh mỉm cười như thương hại sự vụng về của kẻ địch, tuy sự vụng về đó là một điều rất may mắn đối với bản thân, rồi lẩm bẩm mấy câu khinh bỉ bằng tiếng Delaware.

“Không được.” Magua nói khi thấy người tù vẫn an toàn, “Mặt trời phải rọi sáng lên sự nhục nhã của tên này, đám đàn bà phải được nhìn thấy da thịt hằn run lên, nếu không cuộc trả thù của chúng ta sẽ chỉ là trò trẻ. Thôi, hãy mang hắn tới nơi tối tăm yên lặng để xem một tên Delaware sáng mai phải chết liệu đêm nay có còn ngủ được không.”

Các thanh niên có nhiệm vụ canh gác tình nhân tức khắc lấy chèo bằng vỏ cây trói tay Uncas và dẫn anh ra khỏi lều, trong không khí yên lặng nặng nề báo hiệu những chuyện chẳng lành. Uncas mạnh dạn bước đi, chỉ khi ra đến cửa bước chân mới ngập ngừng; anh quay lại đưa mắt hiên ngang nhìn một lượt khắp mặt kẻ thù. Duncan cũng gặp cái nhìn đó; anh thấy như đôi mắt của Uncas muốn bảo anh rằng hy vọng vẫn chưa phải hoàn toàn mất hẳn.

Magua vui sướng với thành công hoặc đang quá vẩn vơ với những mục đích thâm kín của mình nên không hỏi han gì thêm. Hắn giữ chiếc áo da, khoác lên người che kín ngực rồi cũng đi ra, không nhắc gì tới một vấn đề có thể nguy hiểm đến tính mệnh của người đứng ngay cạnh là Duncan. Mặc dù nổi cảm phẫn mỗi lúc một dâng cao, mặc dù bản chất kiên quyết và trong lòng đang hết sức lo lắng cho Uncas, Duncan cũng cảm thấy nhẹ hẫng khi bớt được một kẻ thù nguy hiểm tinh quái như Magua. Sự kích động do lời kêu gọi của Magua dần dần cũng dịu đi. Các chiến binh lại ngồi xuống, khói thuốc lại tỏa bay khắp lều. Trong gần nửa giờ đồng hồ, không ai nói một tiếng hoặc ngược mắt nhìn lên; mọi người nghiêm nghị yên

lặng ngời suy nghĩ, điều thường xảy ra mỗi khi có việc gì náo động dữ dội trong đám người rất hung hãn nhưng cũng rất kín đáo lắm lì này.

Cuối cùng, khi hút xong liều thuốc, người thủ lĩnh lúc trước đã yêu cầu Duncan giúp đỡ, đứng dậy để đi ra. Ông ta vẫy tay bảo người thầy thuốc giả hiệu đi theo. Lần bước trong làn khói thuốc, Duncan sung sướng vì nhiều lẽ, nhưng một phần cũng vì được thở không khí trong lành của một đêm hè mát dịu.

Người thủ lĩnh không theo con đường len lỏi giữa các nhà trong xóm, con đường Duncan đã đi để tìm kiếm mà không thấy gì; ông ta rẽ sang một bên rồi đi thẳng về phía chân một ngọn núi cao sát cái làng tạm thời này. Bụi rậm mọc kín chân núi, hai người phải đi quanh co theo một con đường mòn hẹp. Bọn trẻ con đã tiếp tục chơi đùa trên bãi trống. Chúng cũng bắt chước chơi trò săn đuổi lúc nãy của người lớn. Để trò chơi của chúng đúng như thật, một đứa mạnh bạo nhất trong bọn cũng ném vài bó đuốc vào mấy đồng củi chưa châm. Ngọn lửa soi sáng bước đi của Duncan và người thủ lĩnh, làm cho cảnh tượng càng thêm hoang dại hãi hùng. Đi khỏi tảng đá trọc một quãng ngắn, hai người bước vào một bãi cỏ nhỏ đối diện với tảng đá. Đúng lúc đó, lũ trẻ con lại ném thêm cành củi vào các đồng lửa. Ánh sáng bùng lên tràn đến tận chỗ họ, chiếu lên vách núi trắng rồi hắt xuống một vật đen trông thật kỳ quái đột nhiên lù lù trên đường đi.

Người thủ lĩnh dừng lại như do dự không biết nên tiến hay lùi; Duncan bước lên sát bên cạnh. Một khối tròn lớn, màu đen, lúc đầu tưởng như tĩnh, bây giờ bắt đầu di chuyển làm Duncan không đoán được là gì. Ánh lửa lại bùng sáng, chiếu lên vật tròn rõ ràng hơn trước. Lúc đó, nhìn con vật cứ len lén sang một bên, phần thân trên luôn chuyển động còn phần dưới

như ngôi yên, Duncan mới nhận ra đó là một con gấu. Con vật gầm gừ, to và hung dữ, nhưng lúc nhìn được đôi mắt long lanh của nó thì không thấy có biểu hiện nào tỏ ra nó muốn làm hại ai cả. Sau khi xem xét kỹ càng thấy con vật kỳ lạ này có vẻ hiền lành, người thủ lĩnh Huron yên tâm bình tĩnh tiến lên.

Biết dân Anh điêng thường vẫn thuần dưỡng gấu, và nghĩ rằng đây là một chú gấu quen thuộc của bộ lạc vào rừng kiếm ăn, Duncan cũng bước theo. Hai người đi qua bên gấu được an toàn. Lúc trước, người thủ lĩnh Huron xem xét tính nết của gấu cẩn thận là thế, vậy mà bây giờ phải đi sát bên cạnh con vật khổng lồ, ông ta cứ bước thẳng, không thèm ngó nhìn nó nữa. Nhưng Duncan không thể không ngoái đầu lại, cảnh giác đề phòng gấu tấn công sau lưng; sự lo lắng của anh tăng lên khi thấy con vật bước theo hai người. Anh định nói nhưng người thủ lĩnh đã đẩy cánh cửa bằng vỏ cây sang một bên và bước vào một cái hang trong lòng núi.

Không bỏ qua cách rút lui dễ dàng này, Duncan bước theo, định đóng chiếc liếp mỏng mảnh che cửa hang lại thì con vật đã giật liếp khỏi tay anh, thân hình lồm chồm lông của gấu che đen ngòm cửa hang. Lối đi trong hang hẹp và dài nằm giữa hai vách đá, không có cách nào đi ra và tránh con gấu cả. Không một phút chậm trễ, Duncan rảo bước bám sát người dẫn đường. Con gấu vừa theo sau vừa gầm gừ, đôi lúc quờ bàn tay khổng lồ vào người Duncan như muốn giữ anh lại, không cho đi sâu thêm vào trong hang.

Không biết thần kinh của Duncan có thể chịu đựng được bao lâu tình trạng độc đáo này. May sao, liền sau đó anh thở phào nhẹ nhõm: anh đã tới nơi phát ra một ánh sáng le lói mà anh đã luôn luôn nhìn thấy từ lúc vào hang.

Hang núi rộng, được chia thành nhiều ngăn một cách đơn giản nhưng khéo léo bằng đá, cành cây, vỏ cây xen kẽ với nhau. Ban ngày, những lỗ hổng ở trên đỉnh để ánh mặt trời lọt vào chiếu sáng trong hang, còn ban đêm phải đốt lửa hoặc dùng đuốc. Hang này là nơi bộ lạc Huron chứa của cải, nhất là những tài sản chung của bộ lạc. Bây giờ Duncan mới hiểu vì sao người đàn bà ốm được mang vào đây; mọi người cho rằng chị ta bị một sức mạnh siêu nhiên làm hại nên đưa vào hang, ma quỷ muốn tấn công phải xuyên qua vách núi, khó hơn lách qua mái lều bằng lá. Duncan và người dẫn đường bước vào một ngăn dành riêng để kê giường người đàn bà ốm. Người thủ lĩnh bước lại gần giường bệnh có phụ nữ đứng lơ nhô xung quanh. Duncan ngạc nhiên thấy trong số họ có cả anh bạn David từ lúc này vẫn vắng mặt.

Chỉ liếc mắt nhìn cũng thấy rằng bệnh nhân ốm nặng, quá khả năng chữa chạy của ông thầy thuốc giả hiệu. Người đàn bà nằm tê liệt, mắt như không còn trông thấy mọi vật xung quanh, nhưng cũng may là dù đã mê man không còn biết mình đau ốm ra sao. Duncan cũng mừng là những câu thần chú mà anh sắp đọc dành cho một con bệnh đã quá nặng không còn quan tâm xem phép thuật của anh thành công hay thất bại. Lương tâm anh cũng đỡ thắc mắc về ý định lừa dối của mình; anh đang suy nghĩ để đóng vai trò cho đạt tinh thần thì đã có một người đi trước anh, sắp trở tài chữa chạy cho người ốm bằng sức mạnh của âm nhạc.

David chuẩn bị cất tiếng hát thì thấy Duncan và người thủ lĩnh bước vào. Anh bèn ngừng lại, rít một hơi thuốc rồi mới cất tiếng ngân nga một bài ca. Nếu chỉ cần có lòng tin để bài ca có được phép lạ, chắc là tiếng hát của David đã có thể cứu được người bệnh rồi. Mọi người để cho anh hát hết bài vì dân Anh

điêng tôn trọng sự tàn tật tưởng tượng của anh, còn Duncan tất nhiên hoan nghênh sự kéo dài này nên không dám cắt ngang. Tiếng ngân của lời ca sắp tắt trong tai, Duncan bỗng giật mình thấy có ai nhắc lại bài ca, giọng hát nửa trần gian nửa âm phủ. Nhìn xung quanh anh chỉ thấy con gấu gớm ghiếc lồm chồm lông ngòi trong bóng tối của hang, mình đứng đưa một cách vụng về. Nó khẽ gầm gừ nhắc lại âm thanh, nếu không phải lời nói, tựa tựa như điệu hát của David.

Độc giả tự mình tưởng tượng tác dụng kỳ lạ của tiếng vang này đối với David, chắc sẽ đầy đủ hơn chúng tôi mô tả. Anh mở tròn hai mắt, ngờ ngợ không biết thực hay hư, tiếng hát của anh đột nhiên im bật vì kinh ngạc. Một sự xúc động gần như sợ hãi, nhưng có lẽ là sự thán phục, làm David quên phắt mấy câu đã chuẩn bị trước để thông báo cho Duncan những tin quan trọng. Anh chỉ kịp kêu to mấy tiếng: “Cô ấy đợi anh đấy, cô ấy hiện ở đây đây”, rồi chạy vụt ra khỏi hang.

CHƯƠNG 25

Snug: “Đoạn về con sư tử, ông đã viết chưa? Nếu viết rồi, xin
hãy đưa đây vì đầu óc tôi chậm hiểu.”

Quince: “Ông có thể ứng khẩu được vì chỉ có tiếng gầm
thôi.”^[63]

• SHAKESPEARE

Cảnh tượng có cái gì vừa ngộ nghĩnh vừa trang nghiêm, lẫn lộn với nhau một cách kỳ lạ. Con gấu vẫn tiếp tục đứng đưa như không biết mỗi tuy rằng khi David chạy ra khỏi hang, nó cũng không cố gắng bắt chước hát nữa. Như ta biết, David đã nói với Duncan bằng tiếng Anh. Duncan cảm thấy mấy tiếng đó bao hàm một ý nghĩa kín đáo, nhưng lúc này không có gì giúp anh đoán ra người mà David ám chỉ là ai. Tuy nhiên, anh cũng không phải suy tính lâu nhờ cử chỉ của người thủ lĩnh.

Ông ta bước đến bên giường bệnh, vẫy tay ra hiệu cho đám phụ nữ đang tụ tập ở đó để xem tài năng của người khách lạ, yêu cầu họ rút lui. Họ vâng lời yên lặng đi ra nhưng vẫn có vẻ miễn cưỡng. Tiếng họ đóng cánh cửa hang âm vang nhẹ nhẹ trong con đường hầm thiên tạo lúc này đã tắt; người thủ lĩnh chỉ vào người đàn bà đang mê man bất tỉnh, nói:

“Bây giờ, người anh tôi hãy trở tài đi.”

Thế là Duncan đã được yêu cầu bằng lời lẽ rành rọt phải tiến hành công việc của vai thầy thuốc anh đang đóng giả. Thấy trì

chậm lúc này có thể nguy hiểm, anh cố gắng tập trung tư tưởng, chuẩn bị bắt đầu bài thần chú, những lễ tục kỳ quặc mà các phù thủy Anh diêng thường dùng để che đậy sự dốt nát và bất lực của mình. Trong tâm trạng đang rối bời, chắc anh sẽ khó tránh được một động tác hoặc một sai lầm tai hại có thể làm cho người thủ lĩnh sinh nghi nếu con gấu không gầm gừ một cách dữ tợn khiến anh phải ngừng công việc sắp làm. Ba lần anh cố gắng bắt đầu lại, ba lần anh vấp phải sự phản đối không hiểu nổi của con gấu, mỗi lần gấu lại tỏ vẻ đe dọa và hung tợn hơn.

“Người tinh ranh thường hay ghen mà! Thôi, tôi đi vậy. Đây là vợ của một chiến binh can đảm bậc nhất của tôi, xin người anh em chu đáo cho. Ngoan nhé,” người thủ lĩnh Huron vừa nói vừa ra hiệu cho con gấu bắt màn ngồi yên, “ta đi đây.”

Nói xong, người thủ lĩnh đi ngay, để Duncan ở lại một mình trong cái hang vắng vẻ hoang dại này với một người vô phương cứu chữa và một con vật nguy hiểm dữ tợn. Ta đều biết gấu là loài vật thông minh. Nó lắng nghe bước đi của người thủ lĩnh; đến khi tiếng liếp lại âm vang lần nữa, báo hiệu người thủ lĩnh đã rời khỏi hang, con gấu quay lại, nặng nề tiến về phía Duncan rồi ngồi xuống trước mặt anh trong tư thế tự nhiên, thẳng như người vậy. Duncan lo lắng nhìn quanh xem có thứ vũ khí gì có thể giúp anh chống cự vì anh chắc thế nào gấu cũng sắp sửa tấn công.

Nhưng con vật hình như đột nhiên đổi hẳn tính tình; nó hết bực bội gầm gừ và không có dấu hiệu nào tỏ ra đang tức giận nữa. Toàn thân lổm chổm lông của nó rung lên dữ dội như thể nội tạng đang bị một cơn co giật lạ lùng, hai chân trước to hơn và vung về cứ quờ quạng cái mõm nhe hai hàm răng nhọn. Duncan chăm chăm theo dõi cử chỉ của con vật, đề phòng nó

hành hung. Bỗng nhiên cái đầu đen sì của gấu rơi ra một bên, và bộ mặt trung thực rắn rỏi của người trinh sát hiện ra, biểu lộ niềm vui sướng xuất phát từ đáy lòng.

“Khẽ chứ!” người trinh sát cảnh giác ngăn không cho Duncan thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc, “Bọn khốn kiếp ở quanh đây, bất cứ âm thanh nào không đúng với lời khấn của thầy phù thủy đều có thể thúc đẩy chúng nhất tề xông tới chúng ta ngay.”

“Bác hãy cho biết vì sao phải trá hình như thế này? Tại sao phải mạo hiểm một cách tuyệt vọng như vậy?”

“Ôi, ngẫu nhiên thường vượt quá lý trí và sự tính toán của con người! Nhưng chuyện thì phải có đầu có đuôi, bởi vậy để tôi tuần tự kể lại cho mà nghe. Sau khi chia tay, tôi để đại tá Munro và bác Chingachgook ở lại trong một tổ hải ly cũ; như vậy an toàn hơn ở pháo đài Edward trước sự đe dọa của bọn Huron. Dân Anh điêng vùng thượng Tây Bắc chưa có nhiều người đi buôn nên hãy còn tôn thờ hải ly, Làm xong việc đó, như đã thỏa thuận, tôi và Uncas thẳng tiến tới nơi đồn trú kia. Anh đã gặp thằng bé chưa?”

“Tôi rất buồn phiền là Uncas đã bị bắt và đến sáng sẽ bị giết.”

“Tôi có linh cảm rằng đó là số phận của nó,” Mắt Chim Ưng nói tiếp, giọng kém tự tin và buồn rầu hơn, nhưng rồi tiếng nói của bác trở lại kiên quyết như thường lệ, “Chính số phận không may của Uncas đã dẫn tôi tới đây vì tôi không đành lòng để người thanh niên can đảm ấy rơi vào tay bọn Hulon. Nếu bọn khốn kiếp có thể trói được Hươu Nhanh Nhẹn và Súng Dài, như chúng thường gọi tôi, vào cùng một cột thì chúng sẽ vui sướng biết bao! Tôi cũng không hiểu tại sao chúng gọi tôi là

Súng Dài vì khẩu Sắt Hươu của tôi so với những cây súng carbin Canada chính cống khác nhau một trời một vực, chẳng khác gì đem so sánh đá làm tẩu hút với đá lửa vậy.”

“Bác kể nốt đi,” Duncan sốt ruột nói, “bọn Huron có thể trở lại đây bất cứ lúc nào.”

“Không sợ gì hết vì một thầy phù thủy phải có đủ thời gian để làm phép chữ, ông thầy tu lưu động ở các vùng định cư cũng vậy thôi. Chúng ta có thể yên trí không bị ai ngắt lời cũng như không ai ngắt lời một nhà truyền giáo khi ông ta bắt đầu bài giảng đạo dài hai tiếng đồng hồ. Tôi xin kể tiếp: Uncas và tôi chạm trán một bọn địch đang trở về làng. Đi trinh sát như Uncas thì quá bông bột, nhưng trong trường hợp này không thể chê trách sự hăng hái của cậu ta được. Vì đuổi theo một tên Huron hèn nhát nên cậu bị tên này lừa vào nơi phục kích.”

“Tên này đã đền tội hèn nhát của nó một cách xứng đáng rồi.” Mắt Chim Ưng đưa tay ngang cổ họng mình, gật đầu hóm hỉnh như muốn nói “Tôi hiểu ý anh.” Rồi cao giọng hơn một chút nhưng nghe vẫn không rõ hơn trước mấy: “Sau khi Uncas bị bắt, tôi quay lại theo hút bọn Huron, chắc anh cũng đoán như vậy, tôi đã đụng độ với một hai tên ở vòng ngoài, nhưng việc ấy không quan trọng. Sau khi bắn chúng chết, tôi đến gần sát các lều mà không ai hay biết. Rồi ngẫu nhiên, sao tôi lại gọi là ngẫu nhiên nhỉ, phải nói là Thượng đế run rủi tôi đến đúng chỗ người phù thủy danh tiếng nhất của bộ lạc đang hóa trang để đánh một trận quyết liệt với quỷ Xa tăng. Một báng súng phang đứng đầu làm tên đó bất tỉnh một thời gian. Để nó khỏi làm toáng lên, tôi vứt ít quả óc chó làm bữa ăn tối cho nó rồi treo nó giữa hai cây con, tước bỏ da gấu của nó để trá hình tiến hành công việc.”

“Bác giả làm gấu tài lắm, gấu thật thấy bắt chước giỏi như thế chắc cũng phải hổ thẹn.”

“Thưa thiếu tá,” người trinh sát trả lời, có vẻ khoái trá vì lời khen, “đối với một người đã nghiên cứu núi rừng lâu như tôi mà không bắt chước được cử chỉ và tính chất của một con gấu chẳng hóa là một đứa học trò tồi lắm sao. Nếu giả dạng làm một con mèo rừng hay một con báo, tôi còn có thể biểu diễn được nhiều trò đẹp mắt hơn nữa, đáng để anh thưởng thức; con như bắt chước con vật chậm chạp và đần độn này, đâu phải chuyện gì ghê gớm. Tuy thế, đóng giả gấu cũng khó cho thật đúng tự nhiên; thường người ta hay cường điệu lên. Nhưng thôi, hãy bàn việc chính của chúng ta đã. Cô thiếu nữ đâu rồi?”

“Có trời biết được, tôi đã quan sát tất cả các lều trong làng mà không thấy dấu vết nào của cô ta trong bộ lạc này cả.”

“Hắn anh nghe thấy thầy quản hát khi chạy ra khỏi hang có nói là cô ấy ở đây và đang đợi anh?”

“Tôi cứ tưởng anh ta định nói người phụ nữ ốm đáng thương này.”

Anh chàng ngốc hốt hoảng nên nói không rành mạch, “nhưng câu đó đầy ý nghĩa đấy. Hang này có vách ngăn cách thành nhiều khoang; là gấu thì phải biết trèo, để tôi trèo lên xem. May ra có vò mật ong nào giấu trong khe đá chẳng, gấu vốn thích của ngọt mà.”

Người trinh sát nhìn lại đằng sau vừa cười hóm hỉnh vừa bắt chước cử chỉ nặng nề của gấu, bước đến bên vách và trèo lên. Leo đến hết, bác ra hiệu bảo im rồi vội vàng tụt xuống, thì thào:

“Cô ấy ở đây rồi, qua cửa này sẽ thấy. Tôi đã định nói mấy câu an ủi tâm hồn đau buồn ấy nhưng e rằng khi thấy con vật

gốm ghiếc này, cô ấy hoảng sợ nên thôi. Nhưng với những nét sơn thể kia, bản thân thiếu tá cũng không lấy gì làm duyên dáng lắm đâu.”

Duncan đã nhảy đến bên cửa rồi, nhưng trước những lời làm nản lòng ấy, anh bèn dừng lại ngay và buồn rầu hỏi:

“Trông tôi xấu xí lắm sao?”

“Có lẽ cũng chưa đến nỗi làm chó sói phải giết mình và Trung đoàn Hoàng gia của anh phải ngừng tấn công, nhưng đã có lúc tôi thấy anh đẹp trai hơn nhiều. Đàn bà Anh điêng không chê những vạch sơn kia đâu, nhưng các thiếu nữ da trắng thường vẫn ưa người cùng màu da hơn. Đây,” Mắt Chim Ưng nói tiếp, tay chỉ vào một dòng nước trong suốt róc rách chảy quanh co từ kẽ đá ra rồi lại thoát đi theo một chỗ nứt khác trong vách đá, “anh có thể dễ dàng rửa sạch các nét sơn do bác Chingachgook vẽ; khi nào trở về tôi sẽ trang điểm lại cho. Đối với người phù thủy, thay nét sơn trên mặt cũng là chuyện thường thôi, chẳng khác gì giống vật thay lông vậy.”

Mắt Chim Ưng chẳng cần phải viện ra nhiều lý lẽ để Duncan nghe theo lời khuyên của mình. Bác chưa nói hết lời, Duncan đã vục mặt vào dòng nước. Trong chốc lát, các vết sơn gốm ghiếc đã được rửa sạch và chàng thanh niên Duncan lại hiện ra dưới bộ mặt đẹp đẽ mà tạo hóa đã phú cho. Công việc chuẩn bị gặp người yêu xong xuôi, Duncan vội vã từ biệt bạn và biến mình sau chiếc cửa ngách. Mắt Chim Ưng vui sướng nhìn theo, đầu gật gù, mồm lẩm bẩm chúc mấy lời tốt lành. Rồi bác thản nhiên bắt đầu xem xét kho thực phẩm của dân Huron vì, như ta đã biết, chiếc hang này, ngoài các mục đích khác, còn dùng làm nơi chứa thức ăn của bộ lạc.

Duncan hướng về phía có ánh sáng lập lờ ở đằng xa, bước tới như được ngôi sao Bắc Đẩu chỉ đường. Người thanh niên lần đến ngăn hang đã được chuyển thành nơi giam cầm một tù nhân quan trọng là con gái viên chỉ huy pháo đài William Henry, tất cả niềm hy vọng của anh. Nơi đây đầy rẫy chiến lợi phẩm thu được ở pháo đài vừa bị thất thủ; giữa đồng hồ xiềng, quần áo, vũ khí lộn xộn, anh thấy Alice đang ngồi, khuôn mặt xanh xao, lo lắng, hoảng sợ, nhưng vẫn đáng yêu. Nàng đã chuẩn bị đợi cuộc gặp gỡ này vì đã được David báo trước.

“Anh Duncan!” nàng kêu lên, giọng như run sợ vì âm thanh tiếng nói của chính mình.

“Em Alice!” Duncan đáp lại rồi nhẹ nhàng nhảy qua đồng chiến lợi phẩm chạy lại bên người yêu.

“Em biết là không bao giờ anh bỏ em mà!” Alice ngược nhìn lên và nói, đôi mắt đột nhiên ngời sáng trên khuôn mặt ủ dột, “Nhưng anh chỉ có một mình ư? Anh nhớ đến em thế này, em rất biết ơn, nhưng giá như có ai đi cùng thì vẫn hơn.”

Thấy Alice run rẩy như không đứng vững được nữa, Duncan dịu dàng bảo nàng ngồi xuống. Anh tóm tắt kể lại những sự việc chính đã được trình bày với độ giả ở trên. Alice nín thở chăm chú nghe; tuy Duncan ít nói đến những đau buồn của Munro để khỏi chạm lòng tự ái của nàng, nước mắt nàng vẫn trào ra rùng rùng trên đôi gò má, tưởng đâu nàng chưa hề khóc như vậy bao giờ. Nhưng sự an ủi triu mến của Duncan cũng chóng làm nàng dịu bớt thổn thức; nàng tập trung sự chú ý, bình tĩnh nghe đến hết câu chuyện.

“Em Alice,” Duncan nói tiếp, “bây giờ, phần em phải làm sẽ lớn lắm. Với sự giúp đỡ của người bạn giàu kinh nghiệm và vô

cùng quý giá là Mắt Chim Ưng, chúng ta có thể tìm lối thoát ra khỏi bộ lạc dã man này, nhưng em phải hết sức can đảm. Nên nhớ là người cha đáng kính của em sẽ được dang cánh tay ra đón em, sẽ hết sức vui sướng cũng như em sẽ vui sướng, nhưng việc đó tùy thuộc vào sự cố gắng của em đây!”

“Làm sao em có thể làm khác được đối với một người cha đã hết lòng vì em!”

“Và cả vì anh nữa,” Duncan nói tiếp, hai tay siết nhẹ bàn tay anh đang nắm.

Alice không nói, chỉ ngược đôi mắt ngây thơ nhìn lên, vẻ ngạc nhiên làm Duncan cảm thấy cần phải giải thích rõ ràng hơn.

“Đây không phải chỗ và cũng không phải lúc nói với em những ước vọng riêng của anh, nhưng một khi tâm tư nặng trĩu, người nào chẳng mong được trút nhẹ nỗi lòng. Anh cũng vậy.”

Trong lúc hoạn nạn, người ta thường gắn bó với nhau hơn, cho nên những đau khổ chung từ khi em bị bắt đã làm cha em và anh không phải nói nhiều mà vẫn thông cảm với nhau hơn.

“Còn chị Cora thân yêu đâu, anh Duncan? Chị Cora không bị quên chứ?”

“Tất nhiên là không quên. Cha em đã khóc thương, lo lắng cho Cora. Người cha đáng kính của em không phân biệt con nọ với con kia đâu. Nhưng đối với anh, xin em đừng giận nhé, những ưu điểm của Cora có phần bị lu mờ chút ít.”

“Thế thì anh không hiểu chị em rồi,” Alice rút tay ra và nói, “chị Cora luôn nhắc đến anh và coi anh như một người bạn thân mến nhất của chị.”

“Anh rất sung sướng được biết điều đó,” Duncan vội trả lời, “anh còn ước ao được quan hệ với chị Cora gần gũi hơn là bạn nữa kia. Còn đối với em, Alice ạ, cha em đã cho phép anh hy vọng được gắn bó với em bằng mối ràng buộc chặt chẽ và thân thiết hơn.”

Alice run lên; không kìm được xúc động theo tình cảm tự nhiên của phụ nữ, nàng phải quay mặt đi một lát; nhưng rồi nàng cũng nhanh chóng trấn tĩnh lại, cử chỉ đã bình tĩnh tuy tình cảm chưa được kiềm chế. Nàng nhìn thẳng vào mặt Duncan vẻ ngây thơ yếu đuối trông thật cảm động.

“Anh Heyward hãy đưa em về với cha em để xin ý kiến người đã, rồi anh hãy nói thêm.”

“Tuy không dám nói thêm, nhưng làm sao anh có thể nói ít hơn...” Duncan vừa định trả lời, bỗng có ai đập khế vào vai làm anh ngừng lại. Anh giật mình vụt đứng thẳng lên, quay lại thì chạm trán ngay với hình dáng sạm đen và bộ mặt ác độc của Magua. Tiếng cười khàn khàn, trầm trầm của hắn vang lên như tiếng ma hồn quỷ khóc. Nếu không nén được lòng bùng bột lúc đó thì Duncan đã lao vào tên Huron này, phó mặc số mệnh cho kết quả của một cuộc tử chiến. Nhưng trong tay không một tác sát lại không rõ địch thủ có trợ lực nào quanh đây không, và nhất là anh còn có nhiệm vụ bảo vệ an toàn cho người mà anh yêu dấu hơn bao giờ hết, nên vừa nảy ra ý nghĩ tuyệt vọng đó, anh đã vội rút ngay.

“Anh vào làm gì?” Alice bình tĩnh khoanh tay trước ngực hỏi Magua; nàng cố giấu nỗi lo sợ cho số phận của Duncan và giữ một vẻ lạnh lùng, cách biệt để tiếp mỗi khi hắn đến thăm.

Đang đắc chí, Magua đột nhiên trở lại nghiêm khắc; tuy nhiên, trước đôi mắt nảy lửa đầy hăm dọa của Duncan, hắn

cũng phải chùn. Hắn chăm chăm nhìn hai tù nhân của mình một lát, rồi bước sang một bên, chặn một đoạn cây ngang khung cửa khác cái cửa mà Duncan đi vào lúc trước. Duncan bây giờ mới hiểu lý do vì sao anh đã bị bắt ngờ, chắc mình không sao thoát chết, anh kéo Alice vào lòng, sẵn sàng đương đầu với số phận. Dù có thể nào, được người yêu cùng chia sẻ, anh cũng chẳng lấy gì làm ân hận. Nhưng Magua không có ý định dùng vũ lực ngay; công việc đầu tiên là làm sao giữ chắc được người tù mới rơi vào tay. Hắn không thèm để ý đến hai người đứng không động đậy ở giữa hang chừng nào hắn chưa hoàn toàn cắt đứt mọi hy vọng rút lui của họ qua đường ngách hắn đã dùng để vào đây. Duncan theo dõi mọi cử chỉ của hắn; anh vẫn đứng yên ôm lấy thân hình mảnh dẻ của Alice, quá tự trọng và quá tuyệt vọng nên không van xin gì thêm tên tử thù mà anh đã nhiều lần đánh bại. Khi Magua làm xong việc, hắn đi lại gần hai người và nói bằng tiếng Anh:

“Bọn mặt tái có thể đánh bầy được giống hải ly tinh khôn, nhưng người da đỏ lại biết cách bắt được bọn Anh chúng mày.”

“Tên Huron kia, hãy thực hiện dã tâm của mi đi,” Duncan tức giận kêu lớn, quên rằng lúc này càng có thêm lý do buộc anh phải sống, “tao coi khinh cả mày lẫn sự báo thù của mày.”

“Khi bị trói vào cột, liệu người da trắng có còn nói được những lời lẽ ấy không?” Magua cười chế nhạo hỏi, vẻ mặt tỏ ra nghi ngờ quyết tâm của Duncan.

“Ở ngay đây, trước mặt mình mày hay trước toàn bộ lạc mày cũng thế thôi.”

“Cáo Tinh Khôn là một thủ lĩnh lớn; nó sẽ đi gọi các chiến binh trẻ của nó đến xem một tên mặt tái có thể can đảm chịu đựng nhục hình tới mức nào.”

Magua vừa nói vừa quay đi, định ra khỏi hang bằng lối Duncan đã vào thì một tiếng gầm gừ làm hắn phải lắng tai, do dự. Con gấu xuất hiện trong khung cửa; thì ra nó vẫn ngồi ở đấy, đứng đưa thân hình như không bao giờ chịu yên. Cũng như cha của người đàn bà bị ốm, Magua chăm chú nhìn con gấu một lát như để xét đoán tính nết của nó. Không mê tín dị đoan tầm thường như những người khác trong bộ lạc nên khi nhận rõ sự hóa trang quen thuộc của thầy phù thủy, Magua khinh bỉ định lách qua gấu bước ra. Nhưng y đã phải dừng lại vì gấu gầm gừ to hơn và dữ dội hơn trước. Cuối cùng, y dứt khoát tiến lên như đột nhiên quyết định không dằn dai thêm nữa. Thấy vậy, con gấu giả không tiến lên nữa và lùi dần đến tận đầu đường hầm dẫn ra cửa hang; nó đứng thẳng trên hai chân sau, hai chân trước vờn không khí, hết dáng điệu của gấu thật.

“Con khỉ!” Magua quát bằng tiếng Huron, “Đi mà dọa trẻ con đàn bà, để đàn ông người ta làm việc.”

Nói xong, Magua lại bước tiếp, coi thường người phù thủy giả hiệu nên không thèm rút dao nhọn hay rìu trần đeo bên cạnh sườn ra để dọa. Bỗng nhiên, con gấu dang hai cánh tay, hay nói đúng hơn là hai chân trước, ôm chầm lấy Magua, ghì chặt chẳng kém gì đôi tay gấu thật vốn nổi tiếng khỏe nhất trong các loài vật. Từ này Duncan vẫn nín thở chăm chú theo dõi hành động của Mắt Chim Ưng. Anh buông Alice ra, cởi sợi dây da buộc ở một kiện đồ vật, lao vào Magua lúc này đã bị những bắp thịt rắn như sắt của Mắt Chim Ưng ghì chặt hai cánh tay vào hai bên sườn. Trong chớp mắt, nhanh hơn thời gian cần thiết để ghi lại diễn biến này, chân tay và đuôi Magua đã bị trói chặt bằng hai mươi vòng dây da. Khi Mắt Chim Ưng buông tay và Duncan đặt Magua nằm ngửa trên mặt đất, tên

Huron đáng gờm này không còn cựa quậy được nữa. Suốt trong thời gian xảy ra sự việc bất ngờ và phi thường này, Magua đã chống cự dữ dội cho đến khi y hiểu rằng mình đã rơi vào tay một địch thủ có gân cốt mạnh hơn nhiều, nhưng hắn vẫn không hé răng kêu một tiếng. Đến khi Mắt Chim Ưng bỏ đầu con gấu lồm chồm lông ra, để lộ bộ mặt gân guốc lạnh lợi của mình, Magua mới hiểu được sự tình, y không tự chủ được nữa và thốt lên một tiếng kêu kinh ngạc.

“Thế nào, đã mở miệng rồi à?” Mắt Chim Ưng bình thản nói, “Nhưng để mày không dùng cái lưỡi làm hại chúng tao, tao phải bịt miệng mày lại.”

Vì phải hết sức tranh thủ thời gian, Mắt Chim Ưng bắt tay làm ngay công việc cần thiết đó. Bác nhét đầy giẻ vào mồm địch thủ loại hắn ra ngoài vòng chiến đấu. Công việc xong xuôi, người trinh sát mẫn cán hỏi:

“Tên nhãi ranh này vào bằng lối nào thế? Từ lúc anh chia tay với tôi, không ai qua khoang bên tôi mà.”

Duncan chỉ vào cái cửa ngách đã mở lối cho Magua vào, nhưng lúc này rút lui cấp tốc bằng lối đó sẽ gặp rất nhiều trở ngại.

“Anh hãy đỡ cô thiếu nữ lên,” Mắt Chim Ưng nói tiếp, “ta phải rút vào rừng bằng lối kia.”

“Không thể được! Cô ấy bủn rủn hết chân tay vì khiếp sợ và không đứng lên được. Alice, em Alice yêu quý của anh hãy đứng lên, đã đến lúc trốn đi thôi. Không xong rồi! Cô ấy nghe thấy nhưng không theo chúng ta được đâu. Thôi bạn cao quý và tài giỏi ơi, hãy trốn đi để mặc tôi.”

“Con đường mòn nào cũng có chỗ tận cùng, tai họa nào cũng cho ta một bài học! Đây, hãy lấy tấm vải Anh điêng này phủ lên

cô ấy và che cho kín thân hình nhỏ bé, đôi bàn chân kia không thể có được ở nơi hoang dã này, để hở như thế thì lộ cả. Hãy che cho hết rồi bế cô ấy lên và theo tôi. Mọi việc khác cứ để cho tôi lo.”

Hiểu ý Mắt Chim Ưng qua lời lẽ của bác, Duncan sốt sắng làm theo ngay. Anh bế trong tay thân hình nhỏ bé và đi theo người trinh sát, qua chỗ người đàn bà ốm, hai người thấy chị ta vẫn nằm trơ một mình như trước. Họ bèn bước nhanh vào con đường hầm thiên tạo thông ra cửa hang. Đến gần cánh cửa bằng vỏ cây, thấy có tiếng người nói rì rầm ở bên ngoài, thì ra bạn hữu và họ hàng người bệnh đang tụ tập ở đây, kiên nhẫn chờ lúc được gọi trở lại trong hang.

“Bây giờ nếu tôi mở miệng nói tiếng Anh là tiếng của người da trắng,” Mắt Chim Ưng khẽ bảo Duncan, “thì lũ khốn kiếp này biết ngay trong bọn chúng đang có kẻ thù lẫn quất. Thiếu tá, anh phải dùng ngôn ngữ phù thủy khó hiểu của anh mà bảo chúng rằng ta đã nhốt được con ma ở trong hang và đem bệnh nhân vào rừng để tìm lá lầu làm thuốc bổ. Hãy mang hết tài khôn khéo ra vì trong hoàn cảnh này, đánh lừa là chính đáng.”

Cánh cửa bỗng hé mở như có ai đứng ngoài đang lắng nghe hai người bàn bạc ở bên trong làm Mắt Chim Ưng phải ngừng lời. Nhưng một tiếng gầm gừ dữ tợn làm anh chàng nghe lỏm phải lùi ngay. Rồi người trinh sát mạnh dạn đẩy cánh cửa liếp bằng vỏ cây và bước ra khỏi hang, vừa đi vừa bắt chước điệu bộ của gấu. Duncan đi theo sát đằng sau và đã tới giữa một đám chừng hai mươi người là bạn bè và họ hàng của con bệnh; họ đang nóng lòng muốn biết tình trạng của người ốm ra sao.

Đám đông lùi lại một chút nhường lối cho người cha và một người có vẻ là chồng của bệnh nhân tiến lên.

“Người anh em đã đuổi được con ma chưa?” người cha bệnh nhân hỏi, “Anh mang cái gì trong tay đây?”

“Con ông đây,” Duncan nghiêm nghị đáp, “cơn bệnh qua rồi và con ma đã bị nhốt ở trong hang. Bây giờ tôi đưa bệnh nhân đi một nơi để làm cho mạnh lên, và có thể chống chọi ma hoành hành trở lại. Lúc mặt trời mọc, con ông có thể trở về với chồng được.”

Người cha dịch câu này ra tiếng Huron; trong đám đông có tiếng rì rầm tỏ vẻ vui sướng vì tin này. Người thủ lĩnh vẫy tay cho Duncan đi rồi nói to, giọng rắn rỏi và có vẻ trịnh trọng:

“Thôi đi đi; là bậc nam nhi, tôi phải vào trong hang để đánh ma.”

Làm theo lời người thủ lĩnh, Duncan đã sắp ra khỏi đám đông thì những tiếng cuối cùng làm anh giật mình dừng lại, anh kêu lên:

“Người anh tôi điên đây à? Sao lại hủy hoại bản thân thế? Định đi gặp ma để chuốc lấy bệnh tật vào người ư? Hay định vào đuổi ma ra khỏi hang để ma đuổi bắt người ốm lại? Thôi, mọi người hãy chờ bên ngoài, nếu ma ra thì hãy đập chết nó đi. Nhưng ma khôn lắm; khi thấy có nhiều người lăm le đánh nó thế này, nó sẽ ở lì trong hang thôi.”

Câu nói đó gây được tác dụng mong muốn. Người cha và người chồng bệnh nhân không vào trong hang nữa mà rút rìu trận đứng gác với tư thế sẵn sàng báo thù cho người thân bị ma ám; đàn bà trẻ con cũng bẻ cành cây, nhặt đá với ý định góp phần đánh ma cùng với đám đàn ông. Thừa lúc thuận tiện, hai thầy phù thủy giả hiệu biến mất.

Mắt Chim Ưng biết lợi dụng lòng mê tín của dân Anh điêng nhưng cũng hiểu rằng những thủ lĩnh khôn ngoan nhất của họ

tuy không phản đối nhưng cũng chẳng tin gì những thói mê tín đó. Trong tình hình này, bác rất hiểu giá trị của thời gian. Kẻ thù đã tự lừa mình, điều đó tuy có tạo thuận lợi cho kế hoạch của bác, nhưng chỉ một người trong bọn họ có chút nào nghi ngờ cũng đủ tai hại vô cùng rồi. Vì thế, bác đi vào con đường hẻm để có thể tránh được sự theo dõi, đi vòng quanh chứ không đâm thẳng vào làng. Đàng xa, dưới ánh sáng đang lụi dần của các đồng lửa, hãy còn trông thấy các chiến binh đi đi lại lại từ lều này qua lều khác; trẻ con ngừng chơi đùa và đã ngủ yên trên những chiếc giường da của chúng. Sự yên tĩnh của đêm khuya bắt đầu đẩy lùi cảnh sôi nổi, nhộn nhịp của buổi tối đầy sự kiện quan trọng vừa qua.

Được ra nơi thoáng khí, Alice dần dần tỉnh lại, và chẳng lúc trước chỉ có thể xác bị suy nhược chứ đầu óc nàng vẫn tỉnh táo nên nàng nhớ lại ngay những sự việc vừa xảy ra, không cần phải giải thích gì thêm.

Khi đã vào trong rừng, Alice nói: “Để em cố gắng tự đi lấy. Em bình phục hoàn toàn rồi”. Tuy không ai nom thấy, Alice vẫn e thẹn vì đã phải để Duncan bế lâu như vậy.

“Không được đâu, Alice em còn yếu lắm.”

Cô thiếu nữ vẫn dịu dàng đòi Duncan buông tay nên anh buộc lòng phải đặt thân hình quý báu của nàng xuống đất. Còn người trinh sát đội lốt gấu chắc chắn không hiểu chút gì về những xúc động say sưa của một kẻ đang yêu khi được ôm trong vòng tay người mình yêu dấu. Có lẽ bác cũng không hiểu nổi e thẹn ngây thơ của Alice đang run lên vì cảm động. Khi đã đi cách làng khá xa, Mắt Chim Ưng dừng lại và nói về vấn đề bác hoàn toàn thành thạo:

“Con đường này dẫn tới suối; đi dọc bờ phía Bắc sẽ đến một thác nước; leo lên ngọn núi ở bên phía tay phải, sẽ trông thấy ánh lửa của một thôn xóm thuộc bộ lạc khác. Hãy đến đây mà nhờ che chở. Nếu đúng là dân Delaware thì các bạn sẽ được an toàn. Đi cùng với cô thiếu nữ này thì không chạy xa được; chỉ đi mười dặm bọn Huron đã theo kịp và cắt chỏm tóc ta ngay. Thôi các bạn đi nhé, cầu Thượng đế phù hộ cho hai người.”

“Thế còn bác?” Duncan ngạc nhiên hỏi, “Lẽ nào ta lại chia tay ở đây?”

“Dân Huron hiện đang giam giữ niềm tự hào của dân Delaware. Chúng đang nắm trong tay người cuối cùng của dòng máu Mohican cao quý. Tôi phải trở lại, xem có giúp được gì cho anh ta không. Thiếu tá ạ, như tôi đã hứa, nếu chúng cắt được chỏm tóc của anh thì bao nhiêu sợi tóc là ngần ấy tên khốn kiếp phải đền mạng. Nhưng nếu người thủ lĩnh trẻ tuổi bị dẫn tới cột hành hình, bọn Huron cũng sẽ được chứng kiến một người có dòng máu không pha tạp chất như thế nào.”

Duncan không hề phật ý vì thấy Mắt Chim Ưng tỏ ra quan tâm hơn tới Uncas mà, trong chừng mực nhất định, bác coi như con nuôi của bác. Anh chỉ cố đưa hết lý lẽ khuyên Mắt Chim Ưng không nên có hành động tuyệt vọng như vậy. Alice cũng góp lời khuyên can bác từ bỏ một việc làm có nhiều nguy hiểm mà hy vọng thành công lại quá mỏng manh. Nhưng mọi lý lẽ chân tình đều vô ích. Mắt Chim Ưng chăm chú nghe hai người, tuy cũng tỏ vẻ sốt ruột. Cuối cùng, để chấm dứt tranh luận, bác trả lời bằng một giọng làm Alice không nói vào đâu được, và Duncan hiểu rằng có khuyên nhủ gì thêm cũng vô hiệu quả.

“Tôi có nghe nói tình cảm trẻ trung gắn bó nam nữ với nhau còn chặt chẽ hơn cả cha gắn bó với con. Có thể là như vậy. Bản thân tôi ít khi sống gần nơi ở của phụ nữ cùng màu da với tôi nhưng có thể điều đó thường thấy ở nơi thị thành. Anh đã dám đem cả tính mạng và những gì quý nhất của mình để cứu cô thiếu nữ đây. Tôi nghĩ rằng trong lòng anh cũng một tình cảm ấy thôi. Còn tôi, tôi đã dạy cho Uncas sử dụng súng thành thạo, và nó đã không phụ công tôi. Tôi đã chiến đấu bên cạnh Uncas trong bao trận đẫm máu, và chừng nào một bên tai còn nghe thấy tiếng súng của Uncas, tai kia thấy tiếng súng của Chingachgook thì tôi biết chắc là kẻ thù không ở đằng sau lưng tôi. Hết đông sang hè, hết ngày lại đêm, chúng tôi đã cùng nhau lặn lội qua bao rừng núi, ăn chung uống chung, người ngửi người canh, cho nên để Uncas bị đem hành hình mà tôi ở gần đó thì... Hỡi đáng Tội cao trị vì tất cả chúng ta dù là màu da nào, xin hãy chứng giám cho là nếu tôi để Uncas phải chết vì không có bạn bè giúp đỡ, trên đời này sẽ không còn lòng trung thành nữa, và cây Sát Hươu này cũng vô dụng như cây sáo nhỏ bé của thầy quản hát mà thôi.”

Duncan buông cánh tay người trinh sát; Mắt Chim Ưng quay gót rảo bước trở lại làng da đỏ. Đứng lặng một lát nhìn bóng bác xa dần, Duncan cùng với Alice tiến về phía làng của dân Delaware. Tuy đã cứu được người yêu, chàng thanh niên vẫn cảm thấy buồn rầu trong dạ.

CHƯƠNG 26

Bottom: “Để tôi cũng đóng vai sứ tử.”^[64]

• SHAKESPEARE

Mặc dù rất quyết tâm, Mắt Chim Ưng hiểu rõ mọi khó khăn nguy hiểm bác sắp phải đương đầu. Vì thế, trên đường trở lại nơi cư trú của dân Huron, bác tập trung trí tuệ tìm cách nào để thoát được sự theo dõi và nghi ngờ của đối phương mà bác biết là cũng từng trải và tinh khôn chẳng kém. Vì sự an toàn của bản thân, lẽ ra bác phải giết Magua và tên phù thủy, nhưng bác đã tha chết cho chúng chỉ vì bác là người da trắng; bác nghĩ rằng giết một tên địch thủ không có điều kiện tự vệ là chuyện thường tình đối với dân Anh điêng, nhưng đối với bác, một người vẫn tự hào có dòng máu không pha tạp; hành động đó không xứng đáng. Tin vào những sợi dây bác đã dùng để trói Magua và tên phù thủy, bác tiến thẳng vào giữa xóm của dân Huron.

Khi đến gần các lều, người trinh sát bước thận trọng hơn, không để một dấu hiệu nào dù dù hay lành có thể lọt được đôi mắt cảnh giác của mình. Trước hết, bác thấy một chiếc lều riêng lẻ nhô ra trước các lều khác một chút, dường như chưa làm xong đã bị bỏ dở, rất có thể vì thiếu vật liệu tốt cần thiết như gỗ hoặc nước chẳng hạn. Tuy nhiên, ánh sáng leo lét vẫn lọt qua các khe hở chứng tỏ mặc dù chưa hoàn thành, chiếc lều

vẫn có người ở. Bác bèn tiến lại gần, như một vị tướng thận trọng đi thăm dò một vị trí tiền tiêu của địch trước khi mở trận tấn công lớn.

Lấy lại tư thế của gấu mà bác đang đội lốt. Mắt Chim Ưng bò đến một lỗ hổng nhỏ để nhìn vào trong lều. Thì ra đây là nơi trú chân của David Gamut. Thầy quản hát trung thành này đã về đây, ôm theo nỗi buồn rầu lo lắng, chỉ còn biết trông cậy vào sự che chở của Thượng đế. Mắt Chim Ưng nhìn thấy con người vụng về này như vừa kể, đúng vào lúc anh ta đang ngồi một mình lao lung suy nghĩ về con gấu do bác đội lốt.

Tuy David còn tin tưởng mạnh mẽ vào những phép màu nhiệm cổ xưa, anh không tin rằng có thể lực siêu nhiên nào trực tiếp chi phối các quy luật hiện tại. Nói cách khác, anh mặc nhiên tin rằng con lừa của Balaam^[65] có thể nói được, nhưng anh vẫn nghi ngờ hoặc hoặc việc gấu biết hát tuy rằng các giác quan rất nhạy bén của anh đã được chứng kiến việc đó. Qua cử chỉ và dáng vẻ của David, Mắt Chim Ưng thấy ngay đầu óc anh chàng đang có điều gì bối rối lắm. Anh ta ngồi trên một bó cành cây, thỉnh thoảng lại lấy một vài cành bỏ vào đồng lửa leo lét. Đầu anh gục xuống cánh tay trong tư thế đắm chiêu suy nghĩ. Quần áo anh không có gì thay đổi so với lúc trước, chỉ có điều khác là anh đã chụp lên cái đầu hói của mình một chiếc mũ tam giác bằng da hải ly, xấu xí đến mức không còn khêu gợi được lòng tham lam của một tên Huron nào nữa.

Mắt Chim Ưng nhớ lại lúc thầy quản hát vội vã bỏ dở công việc ở bên giường người đàn bà ốm nên cũng mang máng đoán được nội dung vấn đề hiện đang làm anh ta phải trầm lặng tự lự như vậy. Bác đi quanh lều một vòng; thấy chiếc lều đứng lẻ loi một mình và tính chất của người ở bên trong có thể đảm bảo sẽ không ai đến thăm, bác bèn bước qua cái bậc thấp và

đến ngay trước mặt chàng Gamut. Do vị trí của chỗ ngồi nên David chỉ cách bác đồng lửa. Mắt Chim Ưng ngồi xuống. Một phút im lặng trôi qua, hai bên chỉ nhìn nhau không nói. Sự xuất hiện đột ngột của gấu vượt quá - chúng tôi không dám nói cái triết lý của David - mà vượt quá sự tin tưởng và kiên định của anh. Anh quờ quạng tìm ống sáo, rồi đứng dậy định thổi một bài thần chú.

“Con quái vật bí mật và đen sì kia!” anh kêu lên, hai tay run rẩy đeo cặp kính, rồi lại giở cái trò muôn thuở mỗi khi gặp khó khăn là đọc kinh: “Ta không biết ý định và tính chất của mi, nhưng nếu mi âm mưu xâm phạm đến thể xác và quyền hạn của một kẻ tôi đòi hèn mọn của thánh điện thì hãy nghe lời răn dạy của vua xứ Israel và sám hối đi.”

Con gấu ôm bụng cười phá lên, rồi có tiếng quen thuộc ít đáp:

“Thôi để cái sáo xuống, đừng làm khổ cổ họng nữa. Cứ nói dăm ba câu đơn giản, dễ hiểu bằng tiếng Anh còn hơn là lải nhải cả giờ như thế này.”

“Mi là ai?” David hỏi, hơi thở như bị tắc lại, không sao tiếp tục ý định ban đầu được nữa.

“Cũng là người như anh thôi. Máu tôi cũng không pha giống gấu hoặc giống Anh điêng, chẳng khác gì máu anh. Anh quên ai đã đưa cho cây sáo anh đang cầm trong tay kia rồi ư?”

“Có thể thế được chăng?” David trả lời, lúc này đã thở được dễ dàng hơn vì sự việc bắt đầu sáng tỏ, “Trong suốt thời gian ở với bọn vô thần, tôi đã gặp nhiều chuyện kỳ lạ, nhưng chưa bao giờ kỳ lạ như lần này.”

“Đây, xem đây,” Mắt Chim Ưng vừa nói vừa bỏ cái đầu gấu ra cho bạn yên lòng và thêm tin tưởng. “Anh sẽ thấy rằng nước da

tôi không được trắng trẻo như da các cô thiếu nữ, nhưng màu da đỏ này cũng chỉ do nắng gió phú cho thôi. Bây giờ ta bàn công việc nhé.”

“Trước hết, hãy cho biết tin về cô thiếu nữ và người thanh niên can đảm đi tìm cô ta,” David ngắt lời.

“À họ thoát được lưới riu trận của bọn khốn kiếp rồi. Còn anh có thể cho biết tung tích của Uncas không?”

“Anh thanh niên đó đã bị bắt và tôi e bọn chúng đã quyết định giết anh ta. Tôi rất ân hận rằng một người như thế mà phải chết khi còn chưa được sáng lòng sáng dạ; tôi đã chọn một bài kinh hay...”

“Anh có thể dẫn tôi đến chỗ Uncas được không?”

“Việc đó chẳng khó gì,” David ngập ngừng trả lời, “nhưng tôi e sự có mặt của anh sẽ không giúp ích được gì, chỉ làm cho Uncas thêm đau khổ thôi.”

“Không nói nhiều, hãy dẫn tôi đi,” Mắt Chim Ưng trả lời; bác chụp cái lót gấu vào đầu và đứng ngay dậy bước ra khỏi lều để David làm theo.

Trên đường đi, Mắt Chim Ưng biết thêm là David đã đến được chỗ Uncas bằng cách giả vờ mắc bệnh điên và nhờ sự giúp đỡ của một người gác mà trước đây anh đã chọn làm đối tượng truyền đạo vì anh này võ vế chút ít tiếng Anh. Không biết người gác Huron này nắm được ý định của David đến mức nào, nhưng vì người dã man hay người văn minh đều thích thú như nhau khi được người khác đặc biệt chú ý nên David mới vận động được anh ta. Chúng tôi sẽ không kể lại Mắt Chim Ưng đã khôn khéo moi những chuyện này ở anh chàng David chất phác như thế nào; chúng tôi cũng không dài dòng về những lời Mắt Chim Ưng chỉ thị cho David khi đã biết mọi điều cần thiết,

vì những chuyện xảy ra dưới đây sẽ giúp độc giả hiểu được tất cả những điểm đó.

Uncas đang bị giam trong một chiếc lều ngay giữa làng, ở một vị trí mà, hơn bất cứ chỗ nào khác, một người đi đến lều hay từ lều ra đều khó thoát được sự quan sát. Nhưng chủ trương của Mắt Chim Ưng tuyệt nhiên không phải là lén lút. Vững tin ở bộ da gấu và khả năng bắt chước điệu bộ của gấu, bác theo con đường phẳng đi thẳng đến nơi giam Uncas. Vả lại đêm tối cũng che chở cho bác một phần, điều mà hình như bác không quan tâm lắm. Trẻ con đã ngủ yên giấc và đàn bà cùng hầu hết các chiến binh đã trở về lều riêng, chỉ còn bốn năm người lảng vảng gần cửa nhà giam, theo dõi sát hành động của Uncas.

Trông thấy chàng Gamut đi cùng với thầy phù thủy cao tay nhất trong làng trá hình trong bộ lông gấu quen thuộc, họ dẫn ngay ra để nhường lối cho hai người nhưng không tỏ dấu hiệu gì là sẽ đi nơi khác. Họ vẫn ở lại tại chỗ như thích thú thấy hai người đến đây thì thế nào cũng sắp được xem niệm những bài thần chú bí hiểm. Vì không thể dùng tiếng Huron nói với những người này, Mắt Chim Ưng đành để David nói chuyện với chúng. David tính tình đơn giản nhưng cũng đã thực hiện đầy đủ mọi lời dặn dò của Mắt Chim Ưng, vượt quá mong ước của bạn rất xa.

“Bọn Delaware như đàn hát,” David nói với người gác Huron hiểu biết chút ít tiếng Anh, “Đồng bào người Anh của tôi thật điên rồ khi bảo chúng cầm rìu trận đánh cha ông của chúng ở xứ Canada; và chúng đã quên rằng chúng là đàn ông.”

“Người anh em có muốn nghe Hươu Nhanh Nhẹn xin vấy mặt và thấy hấn ta phải khóc trước mặt dân Huron khi bị trói vào cột không?”

Tên gác cao giọng thốt lên một tiếng đồng tình, tỏ ý hẳn sẽ rất khoái chí được chứng kiến sự yếu hèn của một kẻ địch mà dân Huron đã từ lâu căm ghét nhưng cũng rất đổi khiếp sợ.

“Vậy hãy tránh ra một chút để cho con người giỏi giang này phù phép vào con chó ấy nào. Nói hộ với anh em như vậy.”

Tên Huron nói lại ý kiến của David với các bạn hẳn. Bọn này cũng rất vui thích khi được biết ý định độc ác tinh vi này; thái độ đó cũng dễ hiểu đối với đầu óc dã man của chúng. Chúng lùi khỏi cửa một chút, nhường lối cho phù thủy giả hiệu bước vào. Nhưng con gấu không vào mà vẫn ngồi yên tại chỗ gầm gừ.

“Con người giỏi giang này sợ phù phép phải các anh em và làm cho lòng can đảm của anh em sẽ bay đi mất,” David phát triển thêm lời dặn dò của Mắt Chim Ưng, “phải đứng xa hơn nữa mới được.”

Bọn Huron coi việc mất can đảm là tai họa nặng nề nhất nên lùi cả ra một chỗ xa. Ở đó chúng không nghe được tiếng nói trong lều nhưng vẫn quan sát được cửa lều. Như đã chắc chắn không còn điều gì đáng e ngại nữa, Mắt Chim Ưng đứng dậy từ từ đi vào. Trong gian lều yên lặng và ảm đạm, chỉ có một mình người tù; trên đồng lửa đã được đốt lên để đun nấu, ánh than tàn lụi chập chờn chiếu sáng.

Uncas đang ngả người ở một góc đằng xa, chân tay bị siết chặt bằng những sợi dây mây chắc. Thấy con gấu gớm ghiếc bước vào, người thanh niên Mohican không thém để ý. Mắt Chim Ưng bảo David đứng canh ở cửa đề phòng có ai quan sát; bác vẫn giữ nguyên bộ da gấu, nghĩ bụng phải cẩn thận cho đến khi chắc chắn trong lều không còn ai khác. Bác không nói mà bắt chước gấu múa may. Lúc đầu, người thanh niên Mohican tưởng bọn Huron cho gấu đến dọa để thử lòng can

đảm của mình, nhưng khi thấy trong cử chỉ của gấu mà lún trước Heyward khen là rất chính xác, có những điểm vụng về, anh biết ngay là gấu giả. Nếu biết anh thanh niên tài ba Uncas khinh thường trò giả gấu của mình, chắc Mắt Chim Ưng sẽ tự ái kéo dài, cuộc biểu diễn hơn nữa; nhưng vẻ khinh bỉ trong đôi mắt Uncas có thể hiểu theo nhiều cách nên người trinh sát khôn ngoan không bị day dứt một khi khám phá ra sự khinh thường đó. Và khi David làm ám hiệu như đã thỏa thuận là không có ai để ý, bỗng dừng tiếng rần phì phì vang lên khe khẽ trong lều thay cho tiếng gầm gừ dữ tợn của gấu.

Uncas nắm ép vào vách, hai mắt nhắm nghiền như muốn xua đuổi hình ảnh con vật đáng kinh tởm này. Nhưng khi nghe tiếng rần kêu, anh ngồi ngay dậy nhìn hai bên mình, rồi anh cúi đầu xuống quay sang bốn phía. Cặp mắt sắc sảo của anh dừng lại ở con gấu gớm ghiếc lồm chồm lông, chòng chọc vào con vật như bị nó thôi miên vậy. Anh lại nghe thấy tiếng rần, rõ ràng từ mõm con gấu phát ra. Một lần nữa, anh lại đảo mắt nhìn khắp lều một lượt rồi anh trở lại tư thế nằm ngả người, nén giọng khẽ kêu lên: “Mắt Chim Ưng!”

“Cắt dây trói,” Mắt Chim Ưng bảo David lúc này đã lại gần hai người.

Thầy quản hát thi hành ngay mệnh lệnh, chân tay Uncas lại được tự do. Cùng lúc đó, bộ da gấu kêu loạt soạt và người trinh sát hiện ra trước mặt. Uncas hiểu ngay ý định của bạn nhưng anh vẫn không nói một tiếng hoặc lộ một vẻ ngạc nhiên nào. Sau khi cởi vài sợi dây và trút được bộ da gấu. Mắt Chim Ưng rút một con dao dài sáng loáng đặt vào tay Uncas và nói:

“Bọn Huron ở bên ngoài lều đây! Ta hãy sẵn sàng.”

Đồng thời bác cũng cầm lấy một con dao khác tương tự, hai con dao này bác đã cướp được trong cuộc chạm trán với quân thù lúc tối.

“Chúng ta đi thôi,” Uncas nói.

“Đi đâu?”

“Về xóm Rùa. Dân ở đó là con cháu ông cha tôi cả.”

“Phải đấy, cháu ạ,” người trinh sát nói bằng tiếng Anh, thứ tiếng mà mỗi khi bác có điều gì mãi suy nghĩ lại bật ra cửa miệng, “vì cháu với họ cùng một dòng máu; nhưng thời gian và xa cách có thể làm cho màu máu biến sắc chút nào chẳng. Còn bọn Mingo ở ngoài kia thì sao đây? Chúng nó có sáu người, còn thầy quản hát này có cũng như không.”

“Bọn Huron chỉ giỏi khoác lác.” Uncas khinh bỉ nói, “Totem của chúng là con nai nhưng chúng chạy chậm như sên. Dân Delaware là con cháu của Rùa nhưng lại nhanh hơn hươu cơ đấy.”

“Phải, cháu nói có phần đúng. Bác tin rằng trong một cuộc chạy đua, cháu sẽ ăn đứt cả bộ lạc chúng; và trong một cuộc chạy thi hai dặm, cháu có thể đến đích ở làng kia và nghỉ ngơi chán chê rồi mới nghe thấy tiếng bọn chúng đến gần. Nhưng tài năng của người da trắng tập trung vào tay nhiều hơn vào chân. Riêng bác có thể bỏ võ sọ một tên Huron chẳng kém gì ai; nhưng trong một cuộc chạy đua, bọn Huron khôn kiếp giỏi hơn bác nhiều.”

Uncas đã đi về phía cửa sẵn sàng dẫn đầu mở đường, nhưng nghe nói thế, anh lùi ngay lại và trở về phía cuối lều. Mắt Chim Ưng mãi theo đuổi ý nghĩ riêng của mình nên không nhận thấy cử chỉ đó; bác vẫn nói tiếp, nói với bản thân nhiều hơn là nói với bạn: “Dù sao, nếu cứ để người nọ bị lệ thuộc vào tài năng

của người kia thì thật vô lý. Vì vậy, Uncas ạ, có lẽ cháu cứ chạy đi thì hơn, để bác lại mặc bộ da gấu vào và dùng mưu trí bù cho sự chậm chạp này.”

Người thanh niên Mohican không đáp, anh lặng lẽ khoanh tay tựa mình vào một chiếc cột chống đỡ vách lều.

“Thế nào?” Người trinh sát đưa mắt nhìn Uncas và nói, “Cháu còn chần chừ gì nữa. Bác sẽ còn khá nhiều thời giờ vì bọn Huron sẽ đuổi bắt cháu trước.”

“Uncas sẽ ở lại,” người thanh niên Mohican bình tĩnh trả lời.

“Để làm gì?”

“Để cùng chiến đấu với người anh em của cha nó và cùng chết với người bạn của dân Delaware.”

“Phải rồi,” Mắt Chim Ưng trả lời, bàn tay rắn như sắt của mình nắm chặt bàn tay Uncas, “chỉ có bọn Mingo mới bỏ ta ở đây còn dân Mohican không bao giờ có hành động đó. Nhưng bác đã phát biểu như vậy vì bác nghĩ thanh niên thường tha thiết với cuộc sống. Thôi được, trong chiến tranh, việc gì không làm được bằng dũng cảm thì dùng mẹo mà làm vậy. Cháu mặc da gấu vào, chắc cháu bắt chước gấu cũng giỏi như bác thôi.”

Không biết Uncas nghĩ gì về tài bắt chước gấu của mỗi người, nhưng trên bộ mặt nghiêm nghị của anh không thấy gì tỏ ra anh cho rằng mình hơn Mắt Chim Ưng cả. Anh nhanh nhẹn lẳng lặng mặc bộ da gấu rồi đợi lệnh của người bạn đường hơn tuổi.

“Anh bạn,” Mắt Chim Ưng nói với David, “bây giờ hãy đổi quần áo cho tôi thì lợi hơn vì anh không quen loại quần áo nhẹ nơi rừng núi này đâu. Đây, hãy mặc cái áo đi săn và đội chiếc

mũ này của tôi rồi đưa tôi cái chăn và cái mũ của anh. Đưa quyển sách, cặp mực kính và cả ống sáo nữa đây, nếu chúng ta gặp lại nhau trong một hoàn cảnh tốt đẹp hơn, tôi sẽ hoàn lại đầy đủ và hết sức cảm ơn.”

David vui vẻ đưa ngay những thứ Mắt Chim Ưng yêu cầu; điều đó tỏ rõ tính hào phóng của anh một khi trong cuộc trao đổi này, anh không được lợi về nhiều điểm. Trong nháy mắt, Mắt Chim Ưng đã mặc xong quần áo của David; khi bác đeo kính vào để che đôi mắt sắc sảo của mình và chụp chiếc mũ hình tam giác làm bằng da hải ly lên đầu, dưới ánh sao trông bác hết như thầy quản hát vì hai người tầm vóc ngang nhau. Công việc chuẩn bị xong xuôi, trước lúc chia tay người trinh sát quay lại căn dặn David; như một người thầy thuốc muốn biết rõ căn bệnh người ốm trước khi kê đơn, bác hỏi một cách sỗ sàng:

“Anh không phải người hèn nhát chứ?”

“Công việc tôi làm là công việc hòa bình và tính tình tôi, xin nói thật, thiên về lòng thương và tình yêu nhiều hơn.” David trả lời hơi phật ý vì câu hỏi của Mắt Chim Ưng đánh thẳng vào nhân cách của anh, “Nhưng ngay trong lúc hiểm nghèo nhất cũng chưa ai có thể nói là tôi quên mất lòng tin vào Chúa cả.”

“Nguy hiểm chủ yếu đối với anh bây giờ là khi bọn man rợ biết được rằng chúng đã bị đánh lừa. Nếu lúc đó anh không bị chúng bớ rìu trện vào đầu có thể vì chúng kính trọng trí óc của anh, anh sẽ có đủ lý do để hy vọng được chết trên giường của mình. Nếu anh ở đây thì phải ngồi kín trong bóng tối đóng vai Uncas cho đến khi bọn Huron tinh quái phát hiện được mưu mẹo của chúng ta.”

“Như tôi đã nói, đó là lúc thử thách gay go nhất đấy. Thôi chạy đi hay ở lại đây, tùy anh tự chọn.”

“Nếu vậy,” David rần rở nói, “tôi sẽ ngồi vào chỗ của Uncas. Một khi anh ấy đã can đảm và không quản hiểm nghèo chiến đấu vì tôi, tôi sẽ làm được điều anh yêu cầu hay làm hơn thế nữa vì Uncas.”

“Khẩu khí của anh xứng đáng bậc mây râu, đúng là của một người có thể làm nên việc lớn nếu được rèn luyện nhiều hơn. Nào, cúi đầu xuống, co chân lại, chân dài thế kia có thể bị lộ tẩy quá sớm đấy. Cố kín tiếng càng lâu càng tốt. Nhưng đến khi nào phải nói, tốt nhất hãy đột nhiên hát một bài thánh ca để nhắc nhở bọn Huron là anh hoàn toàn không chịu trách nhiệm về những sự việc xảy ra như một người bình thường^[66] Tuy nhiên, nếu chúng cắt chỏm tóc của anh, mà tôi tin là chúng không cắt đâu, Uncas và tôi sẽ không quên công và sẽ báo thù cho anh, đúng như những chiến binh chân chính và những người bạn trung thực.”

“Khoan đã!” David nói; khi nghe các bạn hứa hẹn như vậy, anh biết đã sắp đến lúc chia tay, “Tôi là môn đệ hèn mọn của một người hằng dạy tôi không được báo thù vì đó là một điều tội lỗi. Nếu tôi ngã xuống, xin các người đừng vì tôi mà giết ai, hãy tha lỗi cho những kẻ đã sát hại tôi. Và nếu có nhớ đến họ, hãy cầu xin cho trí óc họ được sáng suốt, cho họ được vĩnh viễn sung sướng.”

Người trinh sát do dự, có vẻ suy nghĩ, rồi nói:

“Nguyên tắc anh nêu ra hoàn toàn khác với luật lệ của núi rừng, nhưng đó là nguyên tắc cao đẹp đáng để ta phải ngẫm nghĩ.” Nói tới đó, người trinh sát thở dài, có lẽ vì luyện tiếc nguyên tắc của xã hội văn minh mà từ lâu bác đã không theo.

Rồi bác nói tiếp: “Chính tôi đây, một người có dòng máu không pha tạp, tôi cũng muốn thực hiện nguyên tắc đó; nhưng với dân Anh diêng, không phải bao giờ cũng xử sự dễ dàng như với một người theo đạo Cơ Đốc đâu. Chúa phù hộ cho anh bạn. Xét cho kỹ vấn đề này và nhìn vào tương lai lâu dài, tôi nghĩ rằng anh đã đi đúng hướng. Nhưng tất cả còn tùy thuộc vào tài năng con người và vào sức mạnh của sự cảm dỗ nữa.”

Nói rồi, người trinh sát quay lại, thân mật bắt tay David; sau cử chỉ biểu lộ tình bè bạn này, bác đi ngay ra khỏi lều, theo sau là người đội lột gấu mới.

Khi Mắt Chim Ưng bước vào trong tầm quan sát của bọn Huron, bác vươn người lên, điệu bộ trở nên cứng nhắc hết David, một tay giơ lên đánh nhịp, mồm bắt chước hát một bài thánh ca. Cũng may công việc tế nhị này thành công được vì những đôi tai của bọn Huron rất ít quen thuộc với sự hòa hợp của những âm thanh du dương, bằng không sự cố gắng vụng về này khó lòng không bị bại lộ. Điều nguy hiểm là hai người phải đi gần đám Huron và càng lại gần, người trinh sát càng gào to hơn. Khi hai người đi qua mặt chúng, tên Huron nói được tiếng Anh đưa cánh tay ra chặn thầy quản hát giả hiệu và hỏi:

“Con chó Delaware ra sao?” hấn nghiêng người về phía trước như muốn xuyên qua màn đêm mờ mờ cố nhìn cho thấy nét mặt của người đối thoại, “Nó có hoảng sợ không? Liệu dân Huron có được nghe tiếng rên rỉ của nó không?”

Con gấu gầm lên một tiếng hết sức hung dữ hết như thật khiến người thanh niên Anh diêng phải buông tay ra, bước sang một bên nhìn lại cho chắc xem có phải là một con gấu thật đang lù lù trước mặt mình không. Mắt Chim Ưng sợ kẻ thù tinh khôn sẽ phát hiện ra giọng nói của mình nên vội lợi dụng

lúc đứt quãng này để càng hát to đến mức ở một xã hội tinh tế hơn, người ta sẽ gọi là gào. Còn đối với đám thánh giả ở đây, người hát càng được kính nể vì dân Huron không bao giờ ngăn trở những người họ cho là mất trí. Cả bọn lùi lại, nhường lối cho hai người mà họ tưởng là thầy phù thủy và người giúp việc đầy hưng phấn của ông ta.

Mắt Chim Ưng và Uncas phải hết sức bình tĩnh mới có thể đường hoàng tự nhiên bước qua trước các lều, nhất là khi thấy bọn gác Huron đã hết sợ và tò mò lại gần lều để xem tác dụng của việc phù phép đối với tù nhân ra sao. Chỉ một cử chỉ sót ruột chỉ một động tác không thận trọng của David cũng có thể làm họ bị lộ; thế mà thời gian lại vô cùng cần thiết để bảo đảm an toàn cho người trinh sát. Để không ai nghi ngờ, bác vẫn tiếp tục cao giọng ngâm nga làm cho nhiều người tò mò xô ra cửa xem khi hai người đi qua. Một đôi lần, có một chiến binh bước ra ngăn đường, hoặc vì cảnh giác hoặc vì mê tín, nhưng hai người không bị chặn lại. Hành động táo bạo của họ lại được bóng đêm trợ lực.

Hai người đã ra khỏi làng và đang rảo bước tới ven rừng, bỗng đâu từ phía gian lều giam Uncas lúc trước vang lên một tiếng kêu to và dài. Uncas rướn mình và rung bộ da gấu lồm chồm lồm, như thể con vật sắp tiến hành một cố gắng tuyệt vọng gì vậy.

“Gượm đã!” Mắt Chim Ưng nói, tay nắm chặt vai Uncas, “Đây chỉ mới là tiếng kêu ngạc nhiên, đợi chúng kêu lần nữa đã.”

Người trinh sát không có lý do gì để trì hoãn vì ngay sau đó, những tiếng kêu hò vang rộn bầu không khí và lan ra khắp làng. Uncas lột bộ da gấu và bước lên để lộ một thân hình cân

đôi đẹp để Mắt Chim Ưng khẽ vỗ vào vai anh rồi nhẹ nhàng đi lên trước.

“Bây giờ tha hồ cho bọn quỷ sứ đuổi theo vết chúng ta.” Mắt Chim Ưng vừa nói vừa lấy ở trong bụi ra hai khẩu súng với đủ thuốc và đạn. Bác vung khẩu Sát Hươu và đưa cho Uncas một khẩu rồi nói tiếp: “Ít nhất cũng phải có hai đứa chết.”

Hai người cầm súng theo tư thế bắn như những nhà thể thao sẵn sàng chờ thú, rồi họ lao về phía trước và hào mình vào bóng tối của rừng thẳm.

CHƯƠNG 27

Antoni: “Tôi sẽ nhớ khi Caesar nói ‘Hãy làm việc này’, việc đó
được thi hành ngay.”^[67]

• SHAKESPEARE

Bọn gác lắng vẳng quanh nơi giam Uncas sốt ruột nên bất chấp cả hơi phù phép của thầy phù thủy mà chúng rất sợ. Chúng thận trọng rón rén đi lại một khe vách, trông ngược đánh thành thành; ánh sáng yếu ớt leo lét của đồng lửa lọt qua khe vách. Trong hồi lâu, chúng vẫn tưởng David là Uncas, nhưng rồi điều Mắt Chim Ưng dự đoán đã xảy ra. Vì người đã dài lại phải nằm co quắp, dần dần David thấy môi, phải duỗi cả hai cẳng khiến cho một bàn chân quá khổ của anh chạm vào đồng lửa, gạt cả than tro sang một bên. Mới đầu bọn Huron tưởng phép lạ của thầy phù thủy đã làm tù nhân của chúng thay hình đổi dạng. Đến khi David không biết là có người đang theo dõi mình, quay đầu lại và để lộ bộ mặt hồn nhiên, hiền lành, khác với diện mạo hiên ngang của Uncas, bọn Huron dù có cả tin đến đâu cũng phải nhận thấy mình đã nhầm lẫn. Chúng nhất tề xông vào trong lều; chẳng nề nang gì nữa, chúng túm lấy thầy quản hát và biết ngay là đã mắc lừa. Chúng hét lên một tiếng mà Mắt Chim Ưng và Uncas đang chạy trốn đã nghe thấy lần thứ nhất. Chúng điên cuồng hùng hổ dọa sẽ báo thù làm cho David tưởng giờ tận số của mình đã điểm; tuy

nhiên anh vẫn kiên quyết giúp cho các bạn chạy trốn. Không còn cuốn sách và ống sáo trong tay, anh đành dựa vào trí nhớ ít khi sai sót của mình, đọc to bằng một giọng tha thiết đoạn mở đầu của bài kinh an táng, hy vọng được bước sang thế giới bên kia một cách nhẹ nhàng thanh thoát. Bọn Huron nhớ ngay đến bệnh tật của anh; chúng bèn chạy ra khỏi lều và đánh thức cả làng dậy.

Ngay lúc ngủ, dân Anh điêng cũng để vũ khí cạnh mình nên khi tiếng kêu báo động vừa dứt, thì hai trăm con người đã vùng dậy sẵn sàng giao chiến hay săn đuổi, tùy theo yêu cầu. Chẳng bao lâu mọi người đã biết chuyện tù sống; toàn bộ lạc tụ tập quanh chiếc lều hội nghị, nóng lòng đợi lệnh của các thủ lĩnh. Trong lúc đột nhiên cần phải vận dụng tài trí như thế này, tất cả đều cảm thấy thiếu con người đa mưu là Magua. Có ai nhắc đến tên hắn, và tất cả nhìn quanh, ngạc nhiên thấy thủ lĩnh này vắng mặt. Họ bèn cử người chạy đến lều Magua để mời hắn tới.

Trong lúc chờ đợi, một vài thanh niên nhanh nhẹn và cẩn thận nhất được lệnh đi quanh thung lũng và nấp trong rừng để dò xem dân Delaware đáng nghi ngờ ở gần đây có âm mưu ác ý gì không. Đàn bà trẻ con chạy loăng quăng, cả làng lại diễn lại cảnh lộn xộn man rợ và cuồng loạn, rồi tình trạng đó cũng dịu dần đi. Một phút sau, những thủ lĩnh già nhất và xuất sắc nhất đã hội họp ở trong lều, nghiêm trang bàn bạc với nhau.

Có tiếng nói ồn ào của những người đang đi lại; mọi người hy vọng sẽ biết được manh mối sự việc bất ngờ và bí hiểm vừa mới xảy ra. Đám đông dân ra nhường lối cho một số chiến binh bước vào; bọn này đưa về người phù thủy không may bị Mất Chim Ưng trói cứng suốt từ bao lâu đến giờ.

Tuy dân Huron có ý kiến khác nhau về thầy phù thủy, có người vững tin ở sức mạnh của lão ta, người cho là lão đã lừa dối, nhưng lúc này mọi người đều hết sức chăm chú nghe lão nói. Khi thầy phù thủy đã kể vắn tắt sự việc, cha của người đàn bà ốm bước ra và bằng lời lẽ rất hùng hồn, cũng thuật lại những điều đã được chứng kiến. Câu chuyện của hai người đã giúp tìm ra phương hướng điều tra thêm, và bây giờ dân Huron tiến hành tìm tòi với tất cả sự tinh ranh đặc biệt của họ.

Họ không xô đến hang thành một đám đông lộn xộn, rối loạn mà chọn ra mười người khôn ngoan kiên quyết nhất trong số các thủ lĩnh để tiến hành điều tra. Vì không thể để mất thời gian nên ngay sau đó, những người được chỉ định nhất loạt đứng dậy, chẳng nói chẳng rằng rời khỏi nơi họp. Đến cửa hang, người thanh niên đi đầu phương lối cho những người già lên trước, rồi tất cả tiến vào con đường hầm tối và thấp với lòng quyết tâm của những chiến binh sẵn sàng hy sinh cho lợi ích chung. Tuy nhiên trong bụng, họ cũng nghi hoặc không biết sắp phải đấu tranh với một sức mạnh nào đây.

Gian ngoài của hang vẫn im lặng tối tăm. Người đàn bà ốm vẫn nằm nguyên ở chỗ cũ mặc dù một số người có mặt khẳng định đã trông thấy người “thầy thuốc da trắng” giả hiệu mang bệnh nhân vào rừng. Thấy trong lời kể của người cha bệnh nhân có sự mâu thuẫn cụ thể và rõ rệt như vậy, mọi người đưa mắt nhìn ông ta. Bứt rứt trước một sự buộc tội yên lặng và trong lòng bối rối không hiểu vì sao có chuyện này, ông lão bước đến bên giường cúi xuống đưa cặp mắt nghi ngờ nhìn người bệnh như không tin vào sự thật. Con gái ông đã chết.

Trong một lúc, tình cảm tự nhiên lấn át mọi tình cảm khác của người chiến binh già, ông ta buồn rầu đưa tay che mắt.

Nhưng rồi tự chủ lại, ông quay về phía các bạn cùng đi, chỉ tay vào xác chết và nói bằng tiếng Huron:

“Vợ con tôi đã bỏ chúng tôi rồi! Thượng đế đã ghét bỏ các con của Người.”

Nghe tin buồn này, mọi người đều trang nghiêm im lặng. Lát sau, khi một người cao tuổi sắp sửa nói, họ thấy từ gian bên cạnh có một vật gì đen đen lặn ra tận giữa nơi họ đang đứng. Chưa biết rõ phải đối phó với cái gì, tất cả lui lại kinh ngạc nhìn. Đến khi vật đen lặn đến chỗ có ánh sáng và đứng dậy, mọi người mới nhận ra nét mặt nhăn nhó nhưng vẫn dữ tợn lắm lì của Magua. Họ đồng thanh reo lên một tiếng ngạc nhiên.

Thấy Magua còn đang bị trói, mấy người vội lấy dao cắt dây, chân tay Magua lại được tự do, lưỡi lại cử động được. Hắn đứng thẳng lên, rùng mình như một con sư tử rời khỏi hang. Hắn không nói một tiếng, tay nắm chặt cán dao, đưa mắt nhìn tất cả mọi người như muốn tìm xem có ai thích hợp để hắn trút mối căm hờn.

Lúc này, thật may cho Uncas và người trinh sát, thậm chí cả David nữa không ở gần hắn vì, đang cơn tức giận đến gần nghẹt thở, hắn sẽ chẳng mất thời giờ suy nghĩ cách sát hại tàn ác tinh vi. Nhưng thấy toàn những bộ mặt quen thuộc, hắn nghiêng răng ken két như tiếng giữa sắt, nuốt giận vì không có đối tượng để trút cơn thịnh nộ. Mọi người đều nhận thấy tâm trạng đang sôi sục của hắn; sợ khuấy thêm tính nóng nảy của hắn lúc này đã gần như điên dại nên trong mấy phút, không ai nói gì. Sau cùng, một người cao tuổi nhất lên tiếng:

“Anh bạn tôi đã gặp địch thủ rồi. Nó có ở gần đây để dân Huron ta báo thù không?”

“Thằng Delaware phải chết” Magua thét vang như sấm.

Mọi người lại yên lặng hồi lâu, rồi vẫn ông già lúc trước lại thận trọng nói:

“Thằng Mohican chạy nhanh và nhảy dài, nhưng các thanh niên của ta đang đuổi theo.”

“Nó đi rồi à?” Magua hỏi, giọng trầm và khàn như từ trong lồng ngực phát ra.

“Con ma ám ảnh chúng ta, và tên Delaware đã bịt mắt chúng ta.”

“Ma à!” Magua mỉa mai nhắc lại, “Chính con ma ấy đã giết bao người Huron, đã sát hại các chiến binh trẻ của ta ở “thác nước”, đã lột da đầu họ ở “suối chữa bệnh” và bây giờ đã trói tay Cáo Tinh Khôn!”

“Anh bạn tôi nói về ai thế?”

“Về con chó Súng Dài mang trái tim và đầu óc tinh khôn của dân Huron dưới làn da tái.”

Như thường lệ, cái tên khủng khiếp đó tác động mạnh đến người nghe. Sau một lát suy nghĩ, các chiến binh nhớ lại rằng kẻ thù ghê gớm và liêu lĩnh của họ đã lọt vào tận nơi họ đồn trú để hoành hành. Từ ngạc nhiên họ chuyển thành căm giận, và những tình cảm hung dữ nung nấu trong lòng Magua truyền sang mọi người. Kẻ nghiêng rặng tức tối, người la hét, có người điên cuồng vung tay đánh vào không khí như thể đối tượng căm thù của họ đang giơ đầu chịu đòn. Nhưng sự tức giận đột nhiên bùng nổ này cũng chóng dịu đi, và đám người lại lâm lì yên lặng như thường lệ, trong những lúc không hoạt động.

Về phần mình, Magua cũng lợi dụng thời gian đó để suy nghĩ. Y thay đổi điệu bộ, làm ra vẻ một người biết hành động

và suy nghĩ sao cho xứng đáng với một vấn đề nghiêm trọng như thế này. Y nói:

“Ta hãy đi ra chỗ mọi người họp, họ đang đợi chúng ta.”

Mọi người yên lặng nghe theo và ra khỏi hang để trở lại lều hội nghị. Khi đã ngồi yên chỗ, ai nấy đều quay mắt về phía Magua làm y hiểu rằng y có nhiệm vụ kể lại những việc đã xảy ra đối với bản thân. Y đứng dậy kể lại mọi chuyện, không thêm bớt, dè dặt. Tất nhiên y vạch trần sự lừa lọc của Duncan và Mắt Chim Ưng. Nghe y nói, người mê tín nhất trong bộ lạc cũng không còn nghi ngờ tính chất của những việc xảy ra. Thật quá rõ ràng là họ đã bị đánh lừa một cách láo xược, nhục nhã, xấu xa! Khi Magua nói xong và ngồi xuống, toàn thể bộ lạc (vì thực ra tất cả các chiến binh của bộ lạc đã tụ tập ở đó) nhìn nhau kinh ngạc trước sự gan dạ cũng như thành công của kẻ thù. Tuy vậy, họ cũng bàn tính cách thức và thời gian trả thù sao cho thuận lợi nhất.

Họ cử thêm một số chiến binh đuổi theo những người chạy trốn; các thủ lĩnh hăng hái để hết tâm trí vào việc bàn bạc. Các chiến binh già lần lượt đưa ra các biện pháp khác nhau. Magua chỉ yên lặng chăm chú nghe. Tên Anh điên cuồng quyết này bây giờ đã trở lại bình tĩnh và tự chủ. Y theo đuổi mục đích của mình một cách khéo léo và thận trọng như thường lệ. Khi mọi người đã nói hết ý kiến, y mới chuẩn bị phát biểu. Lời nói của y càng thêm có trọng lượng vì có vài chiến binh trở về báo cáo đã tìm tung tích kẻ địch và biết chắc chắn họ đang nung nấu ở làng của những đồng minh đáng ngờ của người Huron là dân Delaware lảng giềng. Biết được tin quan trọng này, Magua trình trọng trình bày kế hoạch của mình. Chắc độc giả cũng đoán được là với tài hùng biện và trí khôn ngoan, Magua có thể

làm mọi người chấp nhận kế hoạch của y không một lời phản đối. Vấn tất ý kiến và mục đích của y như sau:

Chúng ta đã biết là theo một chủ trương mà bọn Huron không mấy khi xa rời, hai chị em Cora và Alice vừa đến làng đã bị tách khỏi mỗi người một nơi ngay. Magua sớm nhận thấy rằng nếu giữ được Alice, hẳn có thể chắc chắn chi phối được Cora. Cho nên khi hai chị em phải chia tay, y giữ Alice ở gần mình và trao con người mà y rất quý cho dân Delaware, bạn đồng minh của bộ tộc Huron. Sắp xếp như vậy cũng chỉ là tạm thời, một phần để cho dân Delaware được vui lòng, một phần để theo đúng một nguyên tắc bất di bất dịch của dân Anh diêng.

Ý kiến của Magua không những xuất phát từ tư tưởng báo thù không bao giờ nguôi trong một người Anh diêng mà còn xuất phát từ quyền lợi bản thân thường xuyên ám ảnh đầu óc của y. Những sai lầm điên rồ y đã phạm lúc còn trẻ đòi hỏi phải có công lao vất vả lâu dài mới có thể chuộc lại và tái tạo được lòng tin trong bộ lạc cũ. Vả lại, không gây được lòng tin thì không thể nào có uy quyền được. Trong hoàn cảnh khó khăn tẻ nhị như vậy, tên Huron xảo quyết không từ một thủ đoạn nào để tăng cường ảnh hưởng của mình. Và một trong những sách lược hữu hiệu nhất của y là khéo léo gây cảm tình với bộ lạc láng giềng vừa mạnh vừa nguy hiểm. Kết quả của biện pháp này đã đáp ứng lòng mong muốn của y vì, giống như mọi người khác dân Huron cũng không thoát được thường tình là đánh giá tài năng một con người dựa theo sự phê phán của kẻ khác.

Nhưng trong lúc phải uốn theo hoàn cảnh chung như thế, Magua không bao giờ quên mục tiêu riêng của mình. Kế hoạch của y đã bị phá vì có những sự việc bất ngờ giúp cho các tù

nhân thoát khỏi tay y, và bây giờ y bắt buộc phải nhờ vả những người bấy lâu vẫn được y giúp đỡ.

Nhiều thủ lĩnh đã đưa ra những kế hoạch thâm độc hòng tấn công bất ngờ dân Delaware và chiếm lấy nơi đồn trú của họ để bắt lại các tù nhân. Mọi người nhất trí là vì danh dự và quyền lợi của bộ lạc, vì sự yên ổn và hạnh phúc của những người Huron đã khuất, nhất thiết phải giết vài tên địch mới rửa được hận. Nhưng việc thực hiện những kế hoạch này có nhiều nguy hiểm mà kết quả lại không chắc chắn nên bị Magua gạt bỏ một cách dễ dàng. Như mọi khi, Magua khéo léo vạch ra tính chất bấp bênh và nguy hại của các kế hoạch, và chỉ sau khi đã gạt hết mọi trở ngại bằng cách can ngăn mọi người, y mới trình bày ý định của mình.

Mở đầu, để thu hút sự chú ý của mọi người, y dùng phương pháp rất hiệu nghiệm là tâng bốc lòng tự ái của người nghe. Y nhắc lại rất nhiều những trường hợp dân Huron đã tỏ ra can đảm và hiên ngang khi trừng phạt kẻ địch để rửa nhục, rồi y không tiếc lời tán dương sự khôn ngoan của dân làng. Y mô tả đức tính này như một đặc điểm lớn phân biệt hải ly với các loài vật khác, phân biệt loài vật với giống người và nhất là phân biệt dân Huron với mọi người khác trên trái đất. Sau khi ca ngợi tính thận trọng của mọi người, y nói đến cách vận dụng đức tính đó trong hoàn cảnh hiện nay của bộ lạc. Y nói: một mặt người cha da trắng vĩ đại cai quản xứ Canada không ưa gì dân Huron vì riu trận của họ đã vấy quá nhiều máu, mặt khác dân Delaware cũng đông như dân Huron, lại nói tiếng khác, có quyền lợi khác, hơn nữa lại không thích dân Huron và chỉ chờ dịp để làm cho dân Huron bị viên tướng da trắng vĩ đại ghét bỏ. Rồi y lại nói về những khó khăn của bộ lạc, về những tặng phẩm mà bộ lạc có quyền được hưởng vì công trạng trước đây,

về nơi đồn trú hiện tại cách quá xa làng bản và các khu rừng săn bắn của họ. Y làm cho mọi người thấy rằng trong hoàn cảnh gay go này, cần phải thận trọng bàn bạc, không nên tùy hứng. Thấy những người già tán thành ý kiến ôn hòa của mình, nhưng có nhiều chiến binh vào loại xuất sắc và hung hãn nhất cau mày khi nghe những kế hoạch chính trị, y khôn khéo quay trở về vấn đề mà họ ưa thích nhất. Y lớn tiếng ca tụng những kết quả do tài trí của họ đã đem lại, khẳng định rằng với tài trí đó, cuối cùng họ sẽ hoàn toàn chiến thắng kẻ thù. Y còn nói bóng gió rằng nếu biết thận trọng, họ có thể mở rộng chiến thắng, tiêu diệt tất cả những kẻ nào mà dân Huron căm ghét. Tóm lại y kết hợp tính hiếu chiến với mưu mẹo, lời lẽ khi úp khi mở cho vừa lòng cả hai bên và để mỗi bên đều có điểm hy vọng tuy không bên nào dám nói rằng đã hiểu rõ ý định của y.

Diễn giả hay nhà chính trị nào có thể tạo ra được một tình huống như vậy thường được quần chúng đương thời tin phục, còn hậu thế đánh giá ra sao lại là chuyện khác. Ai cũng thấy lời lẽ của Magua bao hàm nhiều ý chưa diễn đạt hết, ai cũng nghĩ rằng chỉ có mình mới hiểu được những ẩn ý và cho là dự kiến của mình hoàn toàn phù hợp với thâm ý đó.

Trong tình hình thuận lợi như vậy, không có gì lạ một khi kế hoạch của Magua được mọi người tán thành. Toàn thể bộ lạc đồng ý hành động theo như đã bàn bạc và đồng thanh ủy nhiệm toàn bộ công việc điều khiển cho người thủ lĩnh đã đề ra những biện pháp khôn ngoan và dễ hiểu như vậy.

Thế là Magua đã đạt được những mục đích chính mà y đã để hết trí tuệ xảo quyết và tháo vát vào. Y hoàn toàn lấy lại được uy tín đã bị mất, thậm chí còn được giao quyền chỉ huy mọi công việc. Thực tế y là thủ lĩnh của họ và chừng nào y còn giữ

được lòng tin yêu của dân làng, không vị để vương nào có thể độc đoán hơn, nhất là khi bộ lạc còn ở trên đất địch. Vì thế, y chuyển ngay từ vẻ dáng của một người đang cùng bàn bạc với dân làng sang phong thái nghiêm nghị, đạo mạo cần thiết để trợ lực cho vai trò quan trọng đầy quyền lực của y.

Y cử liên lạc đi khắp nơi để dò la tình hình, ra lệnh cho trinh sát đến dò xét nơi đồn trú của dân Delaware. Y cho các chiến binh trở về nhà và báo trước là họ có thể được gọi đi công cán bất cứ lúc nào. Y ra lệnh cho đàn bà trẻ con rút lui và dặn họ phải kín tiếng. Khi đã sắp xếp mọi việc xong xuôi, Magua đi khắp làng, dừng lại chỗ này chỗ kia, vào thăm những gia đình mà y cho là sự có mặt của y có thể làm vui lòng chủ nhà. Y củng cố lòng tin cho các bạn, trấn an những kẻ dao động, làm vui lòng mọi người. Rồi y đi về lều riêng. Người vợ mà y bỏ lại khi bị đuổi khỏi bộ lạc này, đã chết. Y không có con, và bây giờ y sống một mình trong chiếc lều, không người thân thích. Đây chính là chiếc lều xiêu vẹo lẻ loi ở đó ta đã gặp David. Magua chấp nhận cho David ở chung, nhưng trong những lần ít ỏi hai người gặp nhau, y giữ vẻ lạnh lùng khinh miệt của một người bề trên kiêu ngạo.

Magua trở về lều khi đã làm xong những công việc chính trị. Nhưng trong khi mọi người khác ngủ, y không thấy buồn ngủ và cũng không muốn ngủ. Nếu có ai tò mò theo dõi cử chỉ của người thủ lĩnh mới được bầu thì sẽ thấy y ngồi trong một góc lều đang suy nghĩ về những kế hoạch tương lai, từ lúc y rút lui về lều cho đến lúc y triệu tập những chiến binh lại. Thỉnh thoảng gió lại rít qua khe vách, lửa chập chờn yếu ớt trên đồng than hồng hắt ánh sáng lên con người cô độc lầm lì. Lúc này chẳng khó khăn lắm cũng có thể tưởng tượng được rằng

Magua là Hoàng Tử Đêm Tối đang nghiền ngẫm những kế hoạch ác độc và âm mưu thâm hiểm.

Trời còn lâu mới sáng, các chiến binh đã lần lượt kéo vào túp lều lẻ loi của Magua, tập trung được hai mươi người. Người nào cũng có súng và các chiến cụ khác nhưng không ai mang hình vẽ chiến tranh trên mình. Những con người đầy vẻ hung dữ này lặng lẽ bước vào lều, người ngồi lấp vào bóng tối, kẻ đứng trở như tượng. Chờ đến khi số người đã được chỉ định đến đông đủ, Magua mới đứng dậy ra hiệu xuất phát, và y đi trước dẫn đầu. Mọi người nối đuôi nhau sau người thủ lĩnh theo một trật tự được gọi là “hàng lối Anh điêng”^[68] Khác với binh lính ra trận lúc xuất phát thường rộn ràng sôi nổi, họ lặng lẽ ra khỏi làng, kín đáo bí mật, giống như một hàng bóng ma lướt trên đường hơn là những chiến binh theo đuổi một hư danh bằng những hành động hy sinh liều lĩnh.

Magua không dẫn mọi người theo con đường đâm thẳng đến nơi đồn trú của dân Delaware mà đi xuôi dòng suối quanh co và dọc theo đầm nước nhỏ do loài hải ly tạo nên. Trời hửng sáng khi tới khoảng trống do những con vật chăm chỉ và tinh khôn này làm ra. Magua đã khoác bộ quần áo cũ, trên tấm da áo có vẽ hình một con cáo. Lại có một thủ lĩnh khác trong bọn lấy con hải ly tượng trưng cho bản thân (còn gọi là totem).

Cho rằng đi qua một tập thể hải ly thân thích đông như thế mà không có lời chào hỏi là vô phép, người này dừng lại nói những câu dịu dàng thân mật như nói với người vậy. Y gọi hải ly là các em, nhắc nhở chúng là nhờ có mình che chở nên giống hải ly mới được sống yên ổn, trong khi có biết bao con buôn vụ lợi xúi giục dân Anh điêng bắt hải ly. Y hứa sẽ tiếp tục che chở cho hải ly và khuyên chúng phải nhớ ơn. Rồi y nói đến chuyến xuất trận lần này, bằng lời lẽ tế nhị bóng bẩy khuyên chúng

truyền cho bà con một phần tinh khôn của giống hải ly mà ai cũng biết tiếng.^[69]

Trong khi người thủ lĩnh phát biểu những câu lạ lùng như vậy mọi người khác đều nghiêm trang chăm chú nghe như tin rằng việc làm đó cần thiết. Một hai lần thấy có những hình thù đen đen nhô khỏi mặt nước, người Huron nọ tỏ ra thích thú, cho rằng lời nói của mình không phải vô ích. Khi y vừa dứt lời, một con hải ly lớn nhô đầu ra khỏi cửa một chiếc lều có những vách bằng đất đã hư nát nên mọi người tưởng là lều bỏ không. Người thủ lĩnh coi dấu hiệu tin người của hải ly như vậy là điềm tốt đặc biệt, và tuy hải ly thấy người vội vàng thụt vào ngay, y vẫn không ngớt lời cảm ơn và khen ngợi.

Thấy đã mất khá nhiều thời giờ cho người chiến binh này bộc lộ tình cảm, Magua ra hiệu tiếp tục lên đường. Trong lúc cả bọn cùng tiến lên, bước đi yên lặng khiến tai người thường không sao nghe thấy được, con hải ly già lại ló đầu ra khỏi chỗ nấp.

Nếu trong bọn có ai quay đầu lại, chắc sẽ được thấy con vật theo dõi cử chỉ của họ một cách chăm chú, sắc sảo như có ý thức rõ rệt. Thực ra, mọi hành vi của con hải ly hình như tập trung vào công việc theo dõi đó nên người quan sát giàu kinh nghiệm nhất chắc cũng không giải thích nổi hành vi của nó. Mãi đến khi bọn Magua đã khuất vào rừng, tất cả mới rõ ràng. Ta thấy con vật ra khỏi lều và lột cái đầu hải ly, để lộ khuôn mặt nghiêm nghị của Chingachgook.

CHƯƠNG 28

Leonato: “Xin nói ngắn thôi; anh thấy đây, thời gian này tôi
bận lắm.”^[70]

• SHAKESPEARE

Bộ lạc Delaware (đúng hơn là một nửa bộ lạc) mà chúng ta đã nhiều lần nhắc tới, định cư tại một nơi gần làng tạm thời của dân Huron, quân số hai bên bằng nhau. Cũng như những người láng giềng, họ đã theo Montcalm tiến vào lãnh thổ của Anh hoàng, đã xâm nhập sâu và nghiêm trọng vào đất sản bản của dân Mohawk. Tuy vậy, đúng vào lúc viên tướng Pháp cần đến sự giúp đỡ của họ nhất, với tính dè dặt khó hiểu rất thông thường đối với thổ dân, họ đã quyết định ngừng sự ủng hộ. Người Pháp đã giải thích theo nhiều cách việc đồng minh của họ bất ngờ trở mặt. Đa số ý kiến cho rằng dân Delaware tôn trọng một hiệp ước cũ đã làm cho họ bị lệ thuộc và chịu sự bảo trợ quân sự của dân Iroquois nên không muốn đụng đầu với các chủ cũ. Tuy nhiên, dân Delaware cũng phải người đến thông báo với tướng Montcalm rằng riu trận của họ đã cùn, cần phải có thời gian để mài sắc; lời lẽ của họ gọn lỏn có thể, theo đúng tập quán của dân Anh điêng. Và vì tướng cao tay xứ Canada chủ trương chấp nhận dân Delaware là bạn thụ động còn hơn biến họ thành kẻ thù trực tiếp bằng những hành động nghiêm khắc và thiếu chín chắn đối với họ.

Sáng hôm đó, khi Magua dẫn đội chiến binh lặng lẽ đi từ những lều hải ly vào rừng như chúng tôi đã mô tả, mặt trời vừa hiện ra trên nơi đồn trú của dân Delaware, như đột nhiên giội ánh sáng lên bộ lạc chăm chỉ này đang tíu tít làm việc như thể mặt trời đã đứng bóng. Đàn bà chạy từ lều này sang lều khác, người chuẩn bị bữa ăn sáng, người lo những công việc nội trợ khác; gặp bạn, họ dừng lại thì thầm trao đổi vài ba câu vội vàng. Các chiến binh túm tụm từng tốp, họ suy nghĩ nhiều hơn nói, và khi phát biểu, rõ ràng họ đã suy đi tính lại cẩn thận mới thốt ra dăm bảy tiếng. Trong các lều thấy có rất nhiều dụng cụ săn bắn nhưng chưa ai sử dụng. Đây đó, một chiến binh đang kiểm tra vũ khí với thái độ của một người đỉnh ninh rằng trong rừng không có kẻ địch nào khác ngoài thú dữ. Thỉnh thoảng, mọi người lại liếc nhìn một chiếc lều lớn nằm yên tĩnh ở giữa làng, như thể trong lều có vật gì thu hút ý nghĩ chung của họ vậy.

Trong khung cảnh đó, đột nhiên một người xuất hiện ở mỏm xa của một mặt phẳng núi đá làm nền cho dân Delaware dựng làng. Người đó không cầm vũ khí, và nét sơn vẽ làm dịu bớt vẻ khắc khổ tự nhiên của khuôn mặt. Khi biết dân Delaware đã nhìn rõ mình, người đó dừng lại, giơ tay lên trời rồi lại hạ xuống đặt vào ngực để biểu lộ tình thân thiện. Dân làng chào đáp lại, ào ào hoan nghênh và mời người lạ mặt tới, cũng với những cử chỉ đầy hữu nghị. Sau một lúc dừng lại, thân hình nổi bật trên nền trời rực hồng buổi ban mai, người khách lạ có nước da đen sạm cảm thấy vững lòng, rời khỏi rìa núi và trịnh trọng bước vào giữa làng. Không khí im phăng phắc, chỉ còn nghe thấy tiếng đồ trang sức nhẹ bằng bạc đeo ở cổ và cánh tay người khách chạm vào nhau cùng tiếng lanh canh của mấy quả chuông nhỏ buộc quanh đôi moccasins bằng

da hươu của người đó. Gặp ai khách cũng làm hiệu chào rất lịch sự, nhưng tuyệt nhiên không để ý đến đám đàn bà, dường như cho rằng trong công việc lúc này của mình, cảm tình của họ không chút nào quan trọng. Khi đi tới nhóm người mà khách đoán là những thủ lĩnh chủ yếu của bộ lạc qua nét mặt có vẻ kiêu hãnh của họ, người khách dừng lại. Lúc đó dân Delaware mới nhận ra người khách lạ trắng kiện và nhanh nhẹn đứng trước mặt họ chính là người thủ lĩnh Huron nổi tiếng Cáo Tinh Khôn.

Cuộc đón tiếp diễn ra trang nghiêm, yên lặng và thận trọng. Các chiến binh đứng phía trước tránh ra một bên nhường lối cho người nói năng giỏi nhất của bộ lạc; người này có thể nói được tất cả các thổ ngữ của dân Bắc Mỹ.

“Xin hoan nghênh người bạn Huron tài giỏi,” người đó nói bằng tiếng Magua, “xin mời đến ăn “succotash”^[71] với anh em ở miền hồ.”

“Tôi đến ăn đây,” Magua cúi đầu trả lời, trịnh trọng như một ông hoàng phương Đông.

Người thủ lĩnh Delaware cầm cổ tay Magua và hai người lại thân mật chào nhau lần nữa. Chủ mới khách về lều riêng của mình dùng bữa ăn sáng. Khách nhận lời rồi cùng với chủ khoan thai bước đi, kèm theo có ba bốn người trong số các thủ lĩnh già.

Những người còn lại trong bộ lạc nóng lòng muốn biết ngay lý do của việc thăm viếng bất thường này, nhưng họ vẫn không để lộ một nét mặt hay một lời nói nào tỏ ra sốt ruột.

Trong bữa ăn thanh đạm và ngắn ngủi, họ nói với nhau hết sức dè dặt, toàn bàn về các sự kiện của chuyến săn bắn vừa qua của Magua. Trong lúc nói chuyện, một người dù có lịch thiệp

đến mấy chắc cũng không thể nào giữ được vẻ mặt như các chủ nhà; tuy bề ngoài họ vẫn ra vẻ coi cuộc đi thăm này như chuyện bình thường nhưng thực ra ai cũng đoán rằng nó phải liên quan đến một vấn đề gì bí ẩn và chắc là quan trọng đối với họ. Khi mọi người đã ăn uống no nê, đàn bà vào dọn mâm và cất rượu, rồi hai bên chuẩn bị bước vào một cuộc đấu trí tinh vi.

“Mặt người cha vĩ đại xứ Canada của tôi lại quay về phía con cái Huron của người chẳng?” Người có tài ăn nói của dân Delaware hỏi.

“Có bao giờ người không nhìn chúng tôi đâu.” Magua đáp, “Người gọi chúng tôi là bộ lạc “yêu quý nhất” mà!”

Tuy trong bụng thừa biết Magua nói láo, người thủ lĩnh Delaware vẫn gật đầu nghiêm trang và nói tiếp:

“Riù trận của các chiến binh trẻ Huron đã vấy máu quá nhiều!”

“Đúng thế, nhưng bây giờ riù trận của chúng tôi đã cùn tuy vẫn sáng, vì bọn Anh chết rồi và láng giềng của chúng tôi lại là dân Delaware.”

Chủ nhà vẫy tay tán đồng câu nói hòa bình đó nhưng không nói gì thêm.

Thấy nhắc đến vụ thảm sát ở pháo đài William Henry, Magua làm như chợt nhớ tới, bèn hỏi:

“Chẳng hay tù nhân của tôi có làm phiền các anh em không?”

“Chúng tôi hoan nghênh cô ta.”

“Từ làng Huron sang làng Delaware, đường đi không xa và dễ dàng, nếu cô ta làm phiền anh em, xin cứ cho đưa về với đám đàn bà của chúng tôi.”

“Chúng tôi hoan nghênh cô ta,” người thủ lĩnh Delaware nhấn mạnh.

Magua từng hưởng lặng yên một lát, tuy bề ngoài y vẫn làm ra vẻ đứng đưng trước thất bại trong cố gắng đầu tiên định lấy lại Cora. Lát sau, y mới nói tiếp:

“Không biết các chiến binh trẻ của tôi có dành đủ chỗ trên núi cho người Delaware săn bắn không?”

“Dân Lenape vẫn làm chủ núi đồi của mình,” người thủ lĩnh đáp lại vẻ hơi kiêu kỳ.

“Tất nhiên rồi, người da đỏ tôn trọng công lý. Tại sao ta lại đánh bóng riu trận, mài sắc lưỡi dao đánh nhau làm gì? Liệu bọn mặt tái có đông hơn chim sẻ trong mùa hoa nở không?”

“Hay!” hai ba người Delaware đồng thanh reo.

Magua đợi một lát để cho lời nói của mình làm mềm yếu tình cảm của đối phương rồi mới tiếp:

“Phải chăng trong rừng có những vết moccasin lạ? Anh em không phát hiện thấy vết chân người da trắng ư?”

“Xin người cha xứ Canada của tôi cứ đến,” người thủ lĩnh trả lời úp mở, “các con của người săn sàng đón chờ.”

“Vị thủ lĩnh vĩ đại này đến là để hút thuốc với dân Anh điêng trong lều của họ. Người Huron chúng tôi cũng tuyên bố hoan nghênh người. Nhưng bọn Anh có cánh tay dài và cặp giò không bao giờ biết mỏi. Các chiến binh trẻ của tôi đã nằm mơ thấy vết tích của bọn Anh ở gần làng người Delaware.”

“Nhưng người Anh sẽ không thấy dân Lenape ngủ đâu.”

“Thế thì tốt lắm. Một chiến binh không ngủ sẽ nhìn thấy kẻ thù.” Magua nói, y nhận thấy không sao tìm được chỗ sơ hở của đối phương nên một lần nữa lại phải chuyển sang chuyện

khác. “Tôi có mang sang biếu anh tôi một số quà. Dân tộc của anh tôi không muốn đi vào con đường chiến tranh vì cho rằng như thế không tốt, nhưng các bạn của anh tôi lại không quên được nơi họ đã sống.”

Sau khi nói lên nhã ý của mình, người thủ lĩnh Huron khôn khéo đứng dậy, trình trọng bày quà tặng trước những cặp mắt ngời sáng của chủ nhà, chủ yếu là đồ nữ trang rẻ tiền cướp được của đám đàn bà bị giết ở pháo đài William Henry. Trong lúc chọn tặng phẩm cũng như lúc chia phần, Magua tỏ ra rất khôn khéo. Y biếu hai chiến binh cấp cao nhất (trong đó có một người là chủ nhà) những vật có giá trị lớn hơn. Hắn còn chia quà cho thủ hạ của hai người, đối với ai cũng tìm được những lời khen ngợi thích hợp đúng mực khiến cho không ai ca thán được điều gì. Tóm lại, y đã khéo léo vừa tâng bốc chủ nhà vừa làm ra vẻ hào phóng, và y đã nhận thấy ngay tác động của lời khen và quà biếu trong mắt những người được quà.

Thủ đoạn chính trị khôn khéo của Magua mang lại kết quả tức thì. Một số người Delaware không còn nghiêm nghị nữa mà có vẻ thân mật hơn, nhất là chủ nhà sau khi đã ngắm nghía phần quà chiến lợi phẩm có giá trị của mình, cứ nhắc đi nhắc lại mấy tiếng: “Người anh tôi là một thủ lĩnh tài giỏi. Xin hoan nghênh!”

“Dân Huron chúng tôi yêu quý các bạn Delaware.” Magua đáp, “Mà làm sao không yêu được? Da chúng ta do cùng một mặt trời nhuộm màu, và những người chân chính của chúng ta sau khi chết sẽ đi săn ở cùng một cánh rừng. Người da đỏ chúng ta phải thân thiện với nhau, nhưng phải tinh mắt đối với người da trắng. Người anh tôi có phát hiện thấy do thám trong rừng không?”

Người chủ nhà mang tên là “Trái Tim Sắt Đá” lúc này đã mất hết tính sắt đá có thể đã làm người ta gọi ông bằng cái tên đó. Về mặt dịu đi rõ rệt, ông ta trả lời thẳng hơn vào câu hỏi:

“Xung quanh nơi đồn trú của chúng tôi quả có mấy vết moccasin lạ. Vết giày đã vào tận các lều trong làng.”

“Thế người anh tôi có đánh đuổi bọn chó ấy đi không?” Magua hỏi, không hề tỏ vẻ chú ý tới câu trả lời của chủ nhân.

“Làm thế không ổn. Con cái của Lenapebao giờ cũng hoan nghênh khách lạ.”

“Hoan nghênh khách lạ nhưng không hoan nghênh kẻ gian.”

“Liệu người Anh có cử đàn bà đi do thám không? Người thủ lĩnh Huron chẳng nói rằng đã bắt được đàn bà trong trận đánh đó sao?”

“Người thủ lĩnh Huron không nói dối đâu. Bọn Anh đã từng trình sát ra đây. Chúng đã vào làng chúng tôi nhưng không được ai hoan nghênh nên mới chạy về với dân Delaware. Chúng nói dân Delaware là bạn của chúng, dân Delaware đã quên người cha xứ Canada của họ rồi.”

Câu nói bóng bẩy khéo léo đã trúng đích. Trong một tình trạng xã hội tiên tiến hơn, chắc Magua sẽ được nổi tiếng là một nhà ngoại giao tài giỏi. Chủ nhà hiểu rõ rằng sự bất hợp tác mới đây của bộ lạc Delaware khiến cho những người đồng minh Pháp trách cứ họ nhiều, và họ cảm thấy rằng rồi đây mọi hành động của họ sẽ bị người Pháp nghi ngờ cảnh giác. Không cần phải phân tích sâu nguyên nhân và kết quả cũng đoán được rằng tình hình như vậy rất có thể bất lợi cho họ sau này. Nhà họ ở, nơi họ thường săn bắn, hàng trăm đàn bà, trẻ con và sức mạnh vật chất của họ đều ở trên phạm vi lãnh thổ Pháp. Hoàn

cảnh này làm cho họ không thích thú gì, nếu không phải là lo lắng, khi nghe Magua nói.

“Xin cha tôi cứ nhìn thẳng vào mặt tôi,” Trái Tim Sắt Đá nói, “người sẽ thấy không có gì thay đổi cả. Đúng, các chiến binh của tôi không đi vào con đường chiến tranh vì họ đã được báo mộng là không được làm như vậy. Nhưng họ rất yêu quý và kính trọng vị tướng da trắng vĩ đại.”

“Khi người biết kẻ thù lớn nhất của mình được chính con cái mình nuôi dưỡng, khi người nghe tin một tên Anh khát máu ngồi hút thuốc ở ngay bếp lửa của người anh em tôi, khi người biết tên mặt tái đã giết chết bao bạn bè của người lại được ra vào tự do giữa những người Delaware, liệu người có nghĩ như thế không? Thôi đi, người cha Canada vĩ đại của tôi chẳng ngu ngốc đâu.”

“Tên Anh mà dân Delawre kinh sợ bây giờ ở đâu?” chủ nhà hỏi lại, “Ai đã giết thanh niên của chúng tôi? Ai là kẻ tử thù của người cha vĩ đại của tôi.”

“Súng Dài!”

Nghe cái tên quen thuộc ấy, các chiến binh Delaware giật mình. Họ không giấu được ngạc nhiên vì lần đầu tiên họ được biết con người lừng danh trong đám dân Anh điêng đồng minh với Pháp lại đang nằm trong tay họ.

“Người anh tôi định nói gì vậy?” Trái Tim Sắt Đá ngạc nhiên hỏi, giọng nói đã mất hết vẻ uể oải thường lệ của giống nói.

“Một người Huron không bao giờ nói dối!” Magua vừa lạnh lùng đáp vừa tựa đầu vào vách lều và kéo vạt áo mỏng che kín bộ ngực đỏ nâu, “Người Delaware cứ điếm lại các tù nhân xem, họ sẽ thấy một tên da không đỏ không trắng.”

Mọi người yên lặng suy nghĩ một lúc lâu. Người thủ lĩnh trao đổi riêng với các bạn và cử liên lạc đi mời thêm một số người xuất sắc nhất trong bộ lạc tới.

Lần lượt các chiến binh bước vào trong lều; tất cả được thông báo tin quan trọng Magua vừa nói ra. Người nào cũng sửng sốt, và kêu lên một tiếng khe khẽ từ cổ họng phát ra. Tin truyền khẩu từ người nọ đến người kia, cho đến khi cả làng trở nên hết sức bối rối. Đàn bà ngừng công việc để nghe lỏm đàm ba tiếng vô tình lọt ra từ cửa miệng các chiến binh đang bàn tán xôn xao.

Trẻ con bỏ cả chơi đùa; chúng chẳng biết sợ hãi, len chân cùng đi với cha chúng; chúng tò mò ngược mắt nhìn lên khi nghe người lớn thốt ra những tiếng kêu ngắn đầy kinh ngạc trước sự táo bạo của kẻ thù đáng căm ghét. Tóm lại, tất cả ngừng hết công việc, gạt hết mọi chuyện khác và, mỗi người một cách, biểu lộ tình cảm chung của toàn thể bộ lạc.

Khi không khí náo động đã dịu đi chút ít, các người già nghiêm túc ngồi lại để xem xét những việc mà danh dự và sự an toàn của bộ lạc đòi hỏi phải làm trong hoàn cảnh hết sức tế nhị và khó khăn này. Suốt trong lúc mọi người náo động xôn xao, Magua không những chỉ ngồi nguyên tại chỗ mà còn giữ nguyên tư thế lúc đầu, mình tựa vào vách lều, không cử động, bề ngoài lạnh lùng như không hề quan tâm đến kết quả cuộc bàn bạc của đám người già.

Tuy nhiên, không một dấu hiệu nhỏ nào về ý định tương lai của chủ nhà lọt được cặp mắt sắc sảo của y. Hiểu được sâu sắc bản chất của những người y phải tiếp xúc, y đoán trước được mọi hành vi của họ và có thể nói rằng trong nhiều trường hợp,

y nắm được cả ý định của họ trước khi ý định đó nảy ra trong đầu họ.

Cuộc bàn bạc ngăn ngủi của dân Delaware vừa chấm dứt, cả làng lại nhốn nháo, báo hiệu một cuộc tập hợp chính thức và trang nghiêm của toàn bộ lạc sắp được tổ chức. Ít có những cuộc triệu tập như thế này, trừ khi có việc gì tối quan trọng. Tên Huron tinh khôn, từ nãy vẫn ngồi tách riêng để quan sát mọi việc một cách kín đáo và chăm chú, biết ngay đã đến lúc quyết định kế hoạch của y thành công hay thất bại. Y bèn đứng dậy, ra khỏi lều, yên lặng đi lại chỗ các chiến binh đã bắt đầu tụ tập ở trước làng.

Có lẽ phải mất nửa giờ, mọi người, kể cả đàn bà trẻ con, mới về chỗ của mình. Sở dĩ lâu như vậy vì còn phải chuẩn bị nhiều việc quan trọng cần thiết cho một cuộc hội họp bất thường và trang nghiêm như thế này. Nhưng khi mặt trời lên đến đỉnh trái núi (dân Delaware đã dựng làng ở chân núi này), hầu hết mọi người đã ngồi yên vị. Những tia nắng ban mai từ sau hàng cây mọc trên đỉnh núi chiếu xuống đám người nghiêm nghị, chăm chú và quan tâm hơn bất cứ bao giờ trước đó. Số người lên tới trên một nghìn.

Trong một cuộc họp trang nghiêm như thế này, không có ai nóng lòng muốn vội vàng phát biểu để được chú ý, không ai muốn lôi cuốn người khác vào một cuộc tranh luận hấp tấp, thiếu chín chắn, để tỏ ra mình xuất sắc. Một hành động nông nổi và tự cao như vậy sẽ làm cho kẻ đó suốt đời mang tiếng yếu kém về trí tuệ. Chỉ có người cao tuổi và giàu kinh nghiệm nhất mới được nêu với dân làng vấn đề cần bàn bạc. Trước lúc có một người như vậy phát biểu, dù ai có nhiều thành tích chiến đấu, có năng khiếu bẩm sinh, có tài ăn nói đến đâu cũng không dám phá vỡ bầu không khí yên lặng. Người thủ lĩnh già có đặc

quyền phát biểu lúc này cũng lặng yên, như bị kiềm chế trước tộc trưởng, mọi người lùi về chỗ, và sự yên lặng lại bao trùm khắp nơi đồn trú.

Một lát sau, một vài chiến binh trẻ đứng dậy theo lệnh của một cụ già đi cùng với Tamenund. Họ rời hàng ngũ, đi lại chiếc lều từ sáng đến giờ đã thu hút sự chăm chú của mọi người. Vài phút sau, các chiến binh trở ra và dẫn tới nơi xét xử những người đã làm cho cả bộ lạc phải chuẩn bị buổi lễ trang nghiêm này. Đám đông rẽ ra thành một lối cho nhóm người này đi vào, rồi lại khép kín, dần thành một vòng đai người rộng lớn dày đặc.

CHƯƠNG 29

Khi hội đồng đã yên vị, Achilles, dáng vóc cao lớn khác thường, tâu với ông vua của muôn người. ^[72]

• HOMER

Cora khoác tay Alice đứng đầu trong số tù nhân, hai chị em trùu mến quần quýt lấy nhau. Mặc dù xung quanh toàn những bộ mặt man rợ, đầy hăm dọa, cô gái cao thượng Cora không hề lo cho bản thân, mắt vẫn không rời đứa em gái đang run lẩy bẩy, mặt mày tái nhợt lo âu. Đứng cạnh hai chị em Cora là Heyward, anh quan tâm chăm chút cả hai cô thiếu nữ vì trong lúc gay go bất trắc này, anh hầu như không nghĩ tới việc dành ưu tiên cho người yêu nữa. Mắt Chim Ưng đứng lui về phía sau một chút, tuy lúc này cùng chung cảnh ngộ khó khăn, bác vẫn không quên cấp bậc cao hơn của những người cùng đi với bác.

Uncas không có mặt.

Khi không khí đã trở lại hoàn toàn yên lặng, và sau một lúc lâu trầm lặng trang nghiêm như thường lệ, một trong hai vị thủ lĩnh già ngồi bên cụ tộc trưởng đứng dậy, hỏi to bằng tiếng Anh rất rành rọt:

“Trong số tù nhân của ta đây, ai là *Súng Dài*?”

Cả Duncan lẫn Mắt Chim Ưng đều không trả lời. Tuy nhiên, Duncan lùi lại một bước, đưa mắt nhìn khắp mọi người da đỏ đang ngồi yên lặng và bắt gặp bộ mặt thâm hiểm của Magua.

Biết ngay tên Anh điêng xảo quyết này đã xúi giục gì đây nên bọn anh bị đưa ra trước toàn bộ lạc, anh định tâm tìm hết cách ngăn chặn, không cho những âm mưu đen tối của y được thực hiện. Anh đã có dịp chứng kiến cách xử tội đơn sơ của dân Anh điêng nên lo cho bạn có thể bị chọn ra để chịu cực hình. Trong lúc gay go này với rất ít hoặc không có thời gian suy nghĩ, anh đột nhiên quyết định che chở cho người bạn quý, dù bản thân có gặp nguy hiểm gì cũng không quản. Nhưng anh chưa kịp nói thì vị thủ lĩnh già đã nhắc lại câu hỏi, giọng mạnh hơn và thôi thúc hơn lần trước.

“Hãy đưa vũ khí cho chúng tôi,” Duncan hiên ngang đáp, “và cho chúng tôi vào trong rừng kia. Hành động sẽ trả lời thay cho chúng tôi.”

“Đây chính là người chiến binh chúng ta hằng nghe danh!” Vị thủ lĩnh nói tiếp, mắt nhìn Heyward với vẻ tò mò chăm chú của người lần đầu tiên gặp một nhân vật lừng tiếng vì chiến công hoặc thất bại, “vì đạo đức hoặc tội ác - Cái gì đưa người da trắng vào nơi đồn trú của dân Delaware?”

“Nhu cầu tôi đến để kiếm cái ăn, để tìm nơi trú chân và để gặp bạn.”

“Không đúng. Trong rừng đầy thú săn. Ngoài một khoảng trời quang mây, cái đầu người chiến binh không cần nơi che chắn nào khác; hơn nữa, dân Delaware là kẻ thù chứ đâu là bạn của người Anh. Thôi đi, cái mồm đã nói nhưng lòng chưa nói gì hết.”

Duncan còn lúng túng chưa biết trả lời ra sao thì người trinh sát từ nãy vẫn chăm chú nghe hai người đối đáp, mạnh mẽ bước lên và nói:

“Nếu tôi không trả lời khi nghe gọi đến tên Súng Dài không phải tôi xấu hổ hoặc sợ hãi, vì xấu hổ và sợ hãi đều không xứng đáng với một người chính trực. Nhưng tôi không chấp nhận bọn Mingo có quyền đặt tên cho một người có những năng khiếu đã được bè bạn công nhận, đặc biệt là môn bắn súng. Vả lại, chúng gọi như vậy không đúng vì khẩu Sát Hươu là loại súng nòng xé rãnh, đâu phải loại súng nòng dài. Tôi có tên là Nathaniel, do bố mẹ đặt cho; người Delaware sống ven con sông quê hương của họ tặng cho tôi biệt danh Mắt Chim Ưng, còn bọn Iroquois đã tự động đặt cho tôi cái tên Súng Dài tuy rằng người đương sự không đồng ý chút nào.”

Đang nghiêm nghị nhìn chăm chăm vào Duncan, mọi cặp mắt độ tiên cùng hướng vào thân hình vững chắc rắn rỏi của Mắt Chim Ưng, người mới đứng ra tự nhận lấy cái tên lừng lẫy đó. Hai người cùng muốn vỗ về mình niềm vinh dự lớn lao, chuyện này không có gì lạ vì kẻ lừa dối tuy hiểm nhưng không phải không có trong thổ dân; nhưng dân Delaware muốn biết cho được sự thật để có thể xét xử vừa công bằng lại vừa nghiêm khắc. Mấy người già trao đổi ý kiến riêng với nhau rồi quyết định đem vấn đề ra hỏi khách; một thủ lĩnh hỏi Magua:

“Người anh tôi nói là có một con rắn bò vào làng chúng tôi nó là ai?”

Tên Huron chỉ tay về phía người trinh sát.

“Một người Delaware khôn ngoan lại tin vào tiếng hú của sói ư!” Duncan càng thêm chắc chắn về những ý định độc ác của địch thủ cũ của mình, lớn tiếng nói, “Con chó không bao giờ nói dối, nhưng có ai thấy con sói nói thật bao giờ không?”

Mắt Magua nẩy lửa; nhưng sức nhớ cần phải tỉnh trí, y khinh bỉ lạng lẽ quay đi, tin chắc rằng sự sáng suốt của dân

Anh điêng nhất định sẽ làm sáng tỏ vấn đề đang tranh chấp. Y đã không làm vì sau vài phút trao đổi ý kiến thêm, người Delaware thận trọng lại quay sang nói cho y biết quyết định của các thủ lĩnh ông cân nhắc từng câu từng chữ:

“Người anh tôi bị gọi là kẻ dối trá, và điều đó làm chúng tôi bức tức. Nhưng chúng tôi sẽ chỉ ra rằng người anh tôi đã nói thật. Hãy trao súng cho các tù nhân để họ tự chứng minh ai là Súng Dài.”

Magua thừa biết dân Delaware áp dụng biện pháp đó chỉ vì họ không tin lời y nhưng vẫn làm bộ coi việc đó như một biểu hiện của lòng kính nể đối với y. Y gật đầu đồng ý biết chắc rằng với một tay thiện xạ như người trinh sát, câu nói của y sẽ được xác nhận. Tức khắc hai đối thủ rất thân nhau là Duncan và Mắt Chim Ưng được phát súng và được lệnh bắn (qua đầu đám đông đang ngồi) vào một chiếc vò bằng đất không biết ai đã ngẫu nhiên đặt trên một thân cây cụt, cách chỗ họ đứng chừng năm chục thước.

Heyward cười thầm khi nghĩ mình phải đo tài bắn súng với người trinh sát, nhưng anh vẫn quyết tâm đánh lừa mọi người cho đến khi nào biết được thâm ý của Magua. Anh thận trọng giơ súng lên và sau ba lần ngắm kỹ càng, anh nổ súng.

Viên đạn xuyên vào thân cây, cách vò đất vài phân, mọi người vui mừng reo lên, cho rằng tài bắn súng như thế đã là rất cao.

Ngay Mắt Chim Ưng cũng gật đầu như muốn nói rằng bắn như vậy đã vượt quá sự mong đợi của bác. Tuy nhiên bác không tỏ vẻ định đua tài với người xạ thủ vừa thành công, bác đứng tựa vào cây súng đến hơn một phút như một người đang mải mê suy nghĩ. Người thanh niên Anh điêng đã đưa súng cho

bác lúc này khẽ đập vào vai làm bác sức tỉnh khỏi cơn mơ màng, anh ta nói bằng tiếng Anh nhát gừng:

“Liệu người mặt tái có thắng được không?”

“Tên Huron kia!” người trinh sát lớn tiếng, tay phải vung khẩu súng ngắn ngửi về phía Magua, nhẹ nhàng chẳng khác gì đang cầm một cây lau, “Phải, nếu lúc này ta muốn hạ sát mi, không sức mạnh nào trên trái đất này có thể ngăn cản ta làm việc đó được. Một con chim ưng đang giương cánh cũng không thể nắm chắc con chim cu bằng ta nắm mi lúc này nếu ta định gửi một viên đạn vào trái tim mi! Nhưng vì sao ta không làm? Vì sao? Vì luật lệ của giống nòi ta không cho phép; vả lại việc đó có thể gây tai họa cho những con người vô tội yếu đuối. Nếu ai biết Thượng đế là người như thế nào, hãy hết lòng cảm tạ. Người vì mi làm như thế là đúng.”

Mặt người trinh sát bừng đỏ, hai mắt giận dữ, toàn thân nở ra làm cho những người nghe cảm thấy một nỗi lo sợ thâm kín.

Dân Delaware nín thở chờ đợi, còn Magua tuy không tin vào lời tuyên bố của địch thủ, vẫn bình tĩnh đứng trơ trơ giữa đám đông như bị chôn chân tại chỗ.

“Bắn giỏi hơn thế đi.” Người thanh niên Delaware đứng cạnh Mắt Chim Ưng lại nhắc.

“Bắn cái gì chứ, đồ ngốc! Bắn cái gì?” Mắt Chim Ưng nói lớn tay vẫn vung khẩu súng trên đầu một cách giận dữ, nhưng mắt không nhìn vào Magua nữa.

“Nếu người da trắng đúng là người chiến binh mà mình tự nhận, hãy bắn trúng đích đi,” vị thủ lĩnh già nói.

Người trinh sát cất tiếng cười vang, tiếng cười tạo ra một âm thanh ác thường làm Heyward giật mình, rồi bác buông cho

khẩu súng nặng nề rơi xuống và xòe bàn tay trái ra đỡ. Đạn nổ vang, trông ngoài tưởng như súng bị cướp cò. Chiếc vỏ bằng đất vỡ tan từng mảnh, tung đi bốn phía. Liên sau đó, Mắt Chim Ưng khinh bỉ ném khẩu súng xuống đất, tiếng kêu loảng xoảng.

Cảm tưởng đầu tiên của mọi người trước cảnh tượng kỳ lạ này là khâm phục, rồi tiếng rì rầm mỗi lúc một to dần trong khắp đám đông, sau cùng trở thành tiếng bàn cãi sôi nổi giữa những người được chứng kiến sự kiện này. Một số người vui sướng ra mặt vì được thấy một tài năng có một không hai, còn phần lớn cho rằng phát đạn trúng đích do ngẫu nhiên. Heyward vội vàng xác nhận ngay ý kiến này vì nó có lợi cho sự mạo nhận của anh, anh kêu lớn:

“Hù họa đó thôi, không ai có thể bắn mà không ngắm!”

“Hù họa ư?” người trinh sát bức bối nhắc lại: dù sao bác cũng phải chứng minh bằng được bác là ai, cho nên những ám hiệu của Heyward bảo bác đồng ý với sự mạo nhận của anh đều vô ích, “Liệu tên Huron đứng đằng kia cũng cho là hù họa không? Nếu có, xin hãy phát cho nó một khẩu súng khác, rồi đặt nó đứng đối diện với tôi, cả hai người không được che ẩn tránh nấp gì cả; rồi hãy để Thượng đế và mắt của chúng tôi quyết định vấn đề giữa hai chúng tôi. Thưa thiếu tá, tôi không đề nghị việc đó với ông vì máu chúng ta cùng một màu, và chúng ta cùng phụng sự một chủ.”

“Tên Huron nói dối, điều này đã rõ ràng,” Heyward lạnh lùng trả lời, “chính ông đã nghe hẳn xác nhận ông là Súng Dài.”

Không biết Mắt Chim Ưng sẽ tranh cãi hăng đến đâu để chứng minh cho được rằng mình là Súng Dài nếu người thủ lĩnh Delaware già không đứng ra can thiệp:

“Con chim ưng từ đám mây sà xuống có thể trở lại mây cao khi nó muốn. Đưa súng cho họ.”

Lần này người trinh sát hăm hở cầm lấy khẩu súng. Tuy vẫn chăm chú theo dõi từng cử chỉ của nhà thiện xạ. Magua tin là không có gì đáng e ngại cả.

“Nào, trước bộ lạc Delaware này, ta hãy thử xem ai là người bắn giỏi.” Người trinh sát vừa gõ gõ ngón tay đã bao lần bóp cò sát hại kẻ địch vào báng súng vừa lớn tiếng nói, “ông thiếu tá, chắc ông trông thấy cái bầu treo trên cây đằng kia chứ, nếu ông là thiện xạ của vùng này thì hãy bắn vỡ nó đi cho tôi xem nào.”

Duncan để ý nhìn mục tiêu và chuẩn bị độ tài lần nữa. Cái bầu, một dụng cụ nhỏ thông thường của dân Anh điêng, treo trên cành khô của một cây thông con bằng một sợi da hươu, cách chỗ anh đứng chừng một trăm thước. Tính tự ái phức tạp lạ thường, nó làm người sĩ quan trẻ quên mất mục đích của cuộc độ sức này mà chỉ nghĩ đến thắng cuộc, tuy anh cũng chẳng hề quan tâm đến những lời khen ngợi của dân Anh điêng đang đứng làm trọng tài.

Chúng ta đã thấy tài bắn súng của anh không phải dở, lần này, anh lại định trở tài thiện xạ của mình. Nếu như tính mạng anh phụ thuộc vào phát súng này, chắc anh cũng không thể ngấm kỹ càng thận trọng hơn.

Anh bắn; ba bốn thanh niên Anh điêng nhảy bổ lên và kêu to rằng đạn trúng vào thân cây, ngay sát bên cạnh mục tiêu. Các chiến binh đồng thanh reo mừng rồi đưa mắt nhìn như thăm dò cử chỉ của Mắt Chim Ưng.

“Đối với Trung đoàn Hoàng gia, bán như thế cũng khá đấy!” Mắt Chim Ưng vừa nói vừa cười không thành tiếng nhưng rất khoái trá. “Nhưng nếu súng của tôi luôn luôn chệch mục tiêu

chừng ấy, chắc rằng ở trong rừng còn nhiều con sóc mà ta lấy da làm bao ủ tay cho các bà, và nhiều tên Mingo khát máu đã ở dưới âm phủ chắc hôm nay đây còn đang hoành hành ở các tỉnh của chúng ta. Tôi hy vọng rằng bà chủ cái bầu này còn có cái khác trong nhà, vì cái này sẽ không bao giờ đựng được nước nữa đâu.”

Vừa nói người trinh sát vừa nạp đạn lên cò; dứt lời bác lùi một chân về phía sau, từ từ nâng mũi súng lên khỏi mặt đất, động tác mạnh, đều và theo một hướng nhất định. Khi đã đứng tầm, bác giữ vững tư thế trong một lát, không rung rinh động đậy, tưởng đâu cả người lẫn súng được tạc bằng đá. Trong khoảnh khắc bất động ấy, súng khạc đạn thành một vệt lửa sáng dài. Mấy thanh niên Anh điêng lại nhảy bổ lên, hấp tấp tìm kiếm, nhưng vẻ mặt thất vọng của họ nói lên rằng họ không tìm thấy viên đạn đâu cả.

“Thôi đi” vị thủ lĩnh già khinh bỉ bảo người trinh sát, “anh chỉ là con sói đội lột chó thôi. Bây giờ ta phải nói chuyện với Súng Dài của người Anh.”

“Ôi! Giá như tôi có khẩu súng mà cụ vừa nhắc tới tên, tôi sẽ bắn đúng sợi dây cho cái bầu rơi xuống chứ không bắn nó thủng.” Mất Chim Ưng trả lời, không chút nao núng trước thái độ của ông già, “Lũ ngốc, nếu muốn tìm vết đạn của một tay súng cừ khôi trong khu rừng này thì phải tìm ngay tại mục tiêu, chứ đừng tìm xung quanh.”

Mấy thanh niên Anh điêng chợt hiểu ý nghĩa câu nói vì lần này người trinh sát dùng tiếng Delaware; họ giật cái bầu ra khỏi cành cây giơ lên rồi khoái trá reo mừng. Họ chỉ vào đáy bầu đã bị viên đạn xuyên thủng thành một lỗ tròn sau khi đã lọt qua miệng bầu, chệch về phía trên. Trước thành tích không ngờ đó, tất cả các chiến binh có mặt đều vui mừng reo to. Thế

là vấn đề đã được giải quyết, và Mắt Chim Ưng được công nhận là người mang biệt hiệu nổi tiếng *Súng Dài*. Những cặp mắt tò mò và thán phục trước dồn vào Heyward, giờ lại tập trung vào thân hình dày dặn sương gió của người trinh sát. Đột nhiên bác đã trở thành đối tượng chính thu hút sự chú ý của những con người chân thật và giản dị đang vây quanh. Khi sự sôi nổi huyền ảo đã dịu đi chút ít, vị thủ lĩnh già lại tiếp tục hỏi:

“Tại sao lại định bịt tai ta?” ông cụ nói với Duncan, “Dân Delaware có ngu ngốc đến nỗi không phân biệt được con báo non với con mèo đâu.”

“Nhưng họ vẫn coi tên Huron kia là một con chim hót,” Duncan cố bắt chước cách nói bóng gió của thổ dân.

“Được, chúng ta sẽ biết ai là kẻ bịt tai mọi người. Người anh tôi ời,” vị thủ lĩnh quay sang phía Magua nói tiếp, “dân Delaware chúng tôi nghe anh nói.”

Được vị thủ lĩnh trực tiếp đích danh yêu cầu phát biểu, Magua đứng dậy, đường hoàng thong thả bước vào giữa vòng người rồi đứng đối diện với các tù nhân, trong tư thế sẵn sàng nói. Tuy nhiên, trước khi cất tiếng, y từ từ đưa mắt nhìn khắp lượt vòng người đang chăm chú chờ đợi như để tìm cách phát biểu cho thích hợp với người nghe. Y nhìn Mắt Chim Ưng với con mắt vừa đối địch vừa kính phục, với Duncan, y biểu lộ một vẻ căm thù không sao dập tắt; y hầu như không để ý tới Alice đang đứng co ro, nhưng khi bắt gặp thân hình cứng cỏi hiên ngang nhưng vẫn yêu kiều của Cora, đôi mắt y ngừng lại một lát, biểu lộ một tình cảm khó tả. Rồi với đầy ý định đen tối trong đầu, y nói bằng tiếng Canada mà y biết rằng hầu hết mọi người nghe đều hiểu.

“Thượng đế tạo ra con người và nhuộm màu da mỗi người một khác,” tên Huron xảo quyết bắt đầu nói, “có người đen hơn cả con gấu chàm chạp. Có những người bị Thượng đế bắt phải sống kiếp nô lệ và làm việc suốt đời như giống hải ly. Các người ngồi đây có thể nghe tiếng họ rên rỉ mỗi khi gió nồm thổi, tiếng rên rỉ của họ to hơn cả tiếng trâu kêu, dọc bờ hồ lớn nước mặn có những chiếc thuyền lớn đi đi về về, chở đầy ắp những người da đen đỏ. Có những người được Thượng đế ban cho màu da trắng hơn lông cây trắng ở trong rừng và được cho làm người đi buôn; đối với đàn bà chúng như con chó, nhưng đối với nô lệ chúng như những con sói. Thượng đế ban cho chúng những đặc tính của chim câu, cho chúng đôi cánh không hề biết mỏi, con cái nhiều hơn lá trên cây, và lòng tham để nuốt chửng cả trái đất này. Thượng đế cho chúng cái lưỡi lừa lọc của mèo rừng, trái tim của thỏ, tính xảo trá của dím (chứ không phải cáo), và đôi cánh tay dài hơn cả chân hươu. Với cái lưỡi, chúng bịt tai dân Anh diêng, trái tim của chúng dạy chúng thuê chiến binh để đánh trận thay cho chúng; tính xảo trá bảo cho chúng biết cách vơ vét của cải trên trái đất, và cánh tay của chúng giúp chúng gom đất đai từ bờ hồ nước mặn đến những hòn đảo ở vùng hồ lớn. Lòng tham của chúng thật không đáy. Thượng đế đã cho chúng nhiều nhưng chúng còn muốn được tất cả. Đây, những người mặt tái như vậy đó.”

Đến đây, Magua chỉ tay lên mặt trời chói lòa đang vươn qua đám mây mờ ở phía chân trời, rồi nói tiếp:

“Một số người được Thượng đế ban cho màu da tươi hơn, đỏ hơn mặt trời đang kia. Thượng đế đã tạo ra họ theo ý của mình, ban cho họ hòn đảo này với bao cây cối và thú săn. Gió tạo cho họ những khoảng đất quang, nắng mưa làm chín hoa quả của họ, và tuyết đến nói cho họ biết không được quên ơn

Thượng đế. Họ cần gì phải có đường sá để đi lại! Núi non không che được mắt họ! Khi giống hải ly làm việc, họ ẩn trong bóng râm và nhìn. Gió làm họ mát trong ngày hè, da thú che ấm họ trong mùa đông. Nếu họ đánh lẫn nhau thì cũng chỉ để tỏ ra mình xứng đáng là những người đàn ông. Họ can đảm, họ công bằng, họ sống hạnh phúc.”

Nói đến đây, diễn giả ngừng lại đưa mắt nhìn xung quanh xem câu chuyện của mình có đánh đúng tình cảm người nghe không. Từ bốn phía, mọi người chăm chăm nhìn vào mắt Magua, ngẩng đầu héch mũi như thể ai ai cũng thấy chính mình có khả năng và mong muốn uốn nắn lại những bất công đối với dân tộc mình. Magua lại nói tiếp, giọng trầm trầm, êm êm, buồn buồn:

“Nếu Thượng đế cho con cái da đỏ của mình nhiều tiếng nói khác nhau, chính là để tất cả các giống vật đều có thể hiểu được họ. Người cho một số ở vùng có tuyết cùng với giống gấu là anh em của họ. Người cho một số khác ở vùng mặt trời lặn, trên đường đi tới đất săn bắn đầy hạnh phúc. Một số nữa về những miền đất xung quanh vùng nước ngọt rộng lớn; còn số đông mà Thượng đế yêu quý nhất thì được về những vùng cát bên hồ nước mặn. Anh em có biết tên dân tộc được ưu đãi ấy không?”

“Đó là dân tộc Lenape!” hai chục người nhanh nhẩu đồng thanh trả lời.

“Đó là dân Lenni Lenape!” Magua đáp, đầu cúi xuống như để tỏ lòng tôn kính đối với thời huy hoàng đã qua của họ, “Đó là các bộ tộc của Lenape! Mặt trời mọc từ phía có nước mặn, lặn ở vùng có nước ngọt, và không bao giờ khuất mắt họ. Nhưng tại sao tôi, một người Huron của núi rừng, lại nói với một dân tộc khôn ngoan về những truyền thống lâu đời của họ? Tôi nhắc

lại với họ làm gì những đau khổ, nhưng thời oanh liệt đã qua của họ, những thành tích, những quang vinh, những vui sướng của họ... những thua thiệt, những thất bại, những khổ cực của họ? Chẳng lẽ trong bọn họ không có ai được chứng kiến tất cả những điều đó và biết đó là sự thật sao? Tôi đã nói hết. Lưỡi tôi không nói được nữa vì tim tôi nặng như chì. Tôi xin nghe anh em.”

Khi tiếng Magua đột nhiên im bặt, mọi người quay mặt nhìn về phía người tộc trưởng Tamenund đáng kính. Từ lúc ngồi yên chỗ đến giờ, ông cụ không hề hé môi, cũng không có một dấu hiệu gì của người còn sống. Cụ ngồi gục xuống vì sức yếu, bề ngoài như không biết gì đến mọi việc xảy ra xung quanh suốt khoảng thời gian của cảnh mở đầu khi tài thiện xạ của người trinh sát được xác nhận rõ ràng. Nhưng khi nghe tiếng nói lúc bỗng lúc trầm của Magua, cụ tỏ ra cũng để ý nghe, một hai lần còn ngẩng cả đầu lên như để nghe cho rõ. Khi tên Huron đa mưu nhắc đến tên của dân tộc mình, ông cụ mở mắt nhìn đám đông, cặp mắt lơ lơ tê dại như một thây ma vậy. Rồi được những người ngồi bên giúp đỡ, ông cụ gắng gượng đứng dậy, lấy lại tư thế cần thiết rồi cất tiếng yếu ớt run run nói:

“Ai nhắc đến con cháu của Lenape đây?” giọng cụ trầm trầm, khàn khàn, khó khăn mới nghe được tuy rằng đám đông yên lặng nín thở, “Ai nói đến những chuyện quá khứ đây? Cái trứng thành con sâu, con sâu thành con ruồi, rồi con ruồi cũng phải chết. Tại sao lại nói với dân Delaware về những điều hay đã qua rồi? Tốt hơn hết là hãy cảm ơn Manitou^[73] về những gì còn lại.”

“Đó là một người Wyandots, một người bạn của Tamenund.” Magua vừa nói vừa bước lại gần cái bục thô sơ nơi ông cụ đang đứng.

“Một người bạn ư!” Ông cụ nhắc lại, đôi mày trên trán nhú lại để lộ vẻ nghiêm khắc (lúc còn trai trẻ, chắc đôi mắt ông cụ rất đáng sợ), “Dân Mingo có còn là chủ đất đai này không? Cái gì đã đẩy người Huron đến đây?”

“Công lý. Tù nhân của tôi hiện đang ở trong tay những người anh em, và tôi đến để đòi chúng lại.”

Tamenund quay đầu sang một người đứng đỡ ở bên cạnh để nghe giải thích mấy câu vắn tắt, rồi lại chăm chú nhìn Magua một lát, sau đó cụ cất tiếng nói, nhỏ và miễn cưỡng:

“Công lý là nguyên tắc của Manitou vĩ đại. Các con, hãy đem lương thực cho người lạ mặt. Còn người Huron kia, hãy lấy đi những gì của mình, rồi rời khỏi nơi này.”

Tuyên bố xong câu xét xử trịnh trọng này, tộc trưởng ngồi xuống, nhắm mắt lại như thích thú với những hình ảnh của quá khứ phong phú của mình hơn cả những của cải vật chất ở trên thế gian này. Không một ai có đủ mạnh dạn xù xào chống lại một mệnh lệnh như thế, lại càng không dám chống lại tộc trưởng. Tộc trưởng vừa dứt lời, bốn năm chiến binh trẻ xông ngay tới phía sau Mắt Chim Ưng và Heyward, quần thường quanh cánh tay hai người, nhanh và khéo đến nỗi chỉ trong nháy mắt họ đã bị trói chặt. Heyward còn đang bận đỡ Alice lúc đó gần như mê man bất tỉnh, anh chưa kịp đoán được ý định của bọn Anh diên thì đã bị trói; Mắt Chim Ưng chịu trói không kháng cự vì ngay đối với các bộ lạc đối địch của dân Delaware, bác cũng coi họ thuộc một giống người thượng đẳng. Tuy nhiên, nếu bác hiểu lời đối đáp trên đây giữa Magua và Tamenund, chắc bác không thụ động đến mức đó.

Magua đắc thắng đưa mắt nhìn toàn thể hội nghị một lượt trước khi thực hiện mục đích của mình. Thấy Heyward và Mắt

Chim Ưng không còn khả năng chống cự, y bèn quay sang phía cô gái mà y yêu quý, nhưng khi bắt gặp đôi mắt bình tĩnh và kiên nghị của Cora, lòng quyết tâm của y có phần lung lay. Nhớ lại mưu mẹo trước đây đã áp dụng, y đỡ Alice lúc đó đang dựa vào cánh tay một chiến binh, ra lệnh cho Heyward đi theo và làm hiệu cho đám đông xung quanh rẽ ra. Nhưng Cora không chịu làm theo ý của y; bất thành linh nàng chạy đến phục dưới chân người tộc trưởng và cất tiếng kêu to:

“Thưa tộc trưởng Delaware công bằng và đáng kính, chúng tôi cầu xin người hãy sáng suốt dùng quyền lực của mình che chở cho chúng tôi! Xin đừng nghe lời con quỷ xảo quyệt và vô lương tâm này vì nó làm ô uế tai người bằng những lời giả dối để thỏa mãn lòng khát máu của nó. Người đã sống lâu năm, đã nhìn thấy những điều xấu xa trên trần thế này, chắc người phải biết giảm bớt đau khổ cho kẻ khốn cùng.”

Cụ tộc trưởng khó nhọc mở mắt ra và lại ngược nhìn mọi người. Tiếng kêu van xé lòng còn vang trong tai, cụ từ từ đưa mắt về phía người con gái, chăm chú nhìn không chớp. Cora quỳ dưới đất, hai tay chấp chặt trước ngực trông như một hình mẫu phụ nữ tuyệt đẹp. Với một vẻ trang nghiêm thành kính, nàng ngược mắt lên khuôn mặt nhợt nhạt nhưng đường bệ. Nét mặt Tamenund chuyển dần, không còn lơ đãng ngơ ngác nữa mà trái lại đầy trí tuệ; cách đây một thế kỷ, chính trí tuệ đó đã truyền ngọn lửa thanh xuân cho bộ lạc Delaware đông đảo. Ông cụ đứng dậy, không cần ai đỡ và không có vẻ gì khó khăn, rồi hỏi bằng giọng rắn rỏi làm mọi người phải ngạc nhiên:

“Người là ai?”

“Một người đàn bà thuộc một chủng tộc có thể bị cụ căm ghét, là người Anh. Nhưng tôi chưa hề làm hại cụ và dù muốn

cũng không thể làm hại dân tộc cụ được. Xin cụ cứu vớt cho.”

“Các con cho ta biết dân Delaware hạ trại ở đâu?” Tộc trưởng cất giọng khàn khàn nói tiếp với những người xung quanh, mắt vẫn không rời khỏi thân hình của Cora đang quỳ dưới đất.

“Trong dải núi của người Iroquois, phía bên kia nguồn nước trong của hồ Horican.”

“Biết bao mùa hè nung nấu đã tới rồi lại qua đi kể từ khi ta uống nước ở dòng sông của ta.” Hiền nhân nói tiếp, “Con cháu của Minquon^[74] là những người da trắng chính trực nhất, nhưng họ khát nước nên chiếm dòng sông đó cho bản thân họ. Họ có theo chúng ta đến tận đây không?”

“Chúng tôi không theo ai cả, không thêm khát gì cả,” Cora đáp, “Chúng tôi bị bắt và bị cưỡng bức đưa đến đây, chúng tôi chỉ xin được yên ổn trở về nhà. Cụ có phải là Tamenund, người cha, người xét xử, và nghe nói còn là người tiên tri của dân tộc này không?”

“Ta là Tamenund đã từ lâu lắm rồi.”

“Cách đây khoảng bảy năm, có một người trong bộ lạc cụ bị một viên tướng da trắng bắt ở ranh giới tỉnh này. Người đó nói là cùng dòng máu với Tamenund tốt bụng và công bằng. Nghe nói thế, vị tướng da trắng bèn tha cho về vì nể Tamenund. Cụ có nhớ tên người sĩ quan Anh đó không?”

“Hồi còn rất trẻ, ta nhớ có lần đứng trên bãi cát ở bờ biển,” người tộc trưởng đáp lại với một trí nhớ đặc biệt của tuổi già, “ta thấy một chiếc thuyền lớn có cánh trắng hơn cánh thiên nga, to hơn cánh phượng hoàng, từ hướng mặt trời mọc đến...”

“Không phải, tôi không nói đến một thời xa xôi như thế đâu; việc người của chúng tôi tha chết cho bà con của cụ thì những chiến binh trẻ nhất của cụ cũng còn nhớ được.”

“Thế có phải hỏi dân Anh và dân Hà Lan đánh nhau để giành đất săn bắn của dân Delaware không? Lúc đó Tamenund là thủ lĩnh và là người đầu tiên bỏ cung tên để dùng cái máy chộp lửa của những người mặt tái...”

“Cũng không phải,” Cora lại ngắt lời, “thời ấy cũng hãy còn xa. Tôi nói về một việc xảy ra gần đây thôi. Nhất định cụ chưa quên được đâu.”

“Gần đây thì con cháu của Lenape làm chủ cả thế giới này,” cụ già nói tiếp, giọng hỗn hển cảm động. “Cá ở hồ nước mặn, chim muông, thú vật và dân Mingo ở vùng rừng núi đều công nhận họ là thủ lĩnh.”

Cora cúi đầu thất vọng, trong một lát cô phải đấu tranh với nỗi đau buồn của mình. Rồi cô ngược đôi mắt long lanh nói tiếp, giọng tha thiết cảm động không kém gì ông cụ:

“Xin cho biết Tamenund có phải là một người cha không?”

Từ trên cao, cụ già cúi xuống nhìn cô gái, miệng nở một nụ cười hiền hậu trên khuôn mặt nhăn nhúm; rồi cụ từ từ đưa mắt nhìn khắp hội nghị một lượt và đáp:

“Cha của một dân tộc.”

“Tôi không cầu xin gì cho riêng tôi cả.” Cora nói tiếp, hai tay run rẩy đặt ngang trái tim, đầu gục xuống làm cho mớ tóc đen óng ả lòa xòa rũ tận vai, che gần kín đôi má ửng hồng, “Thưa tộc trưởng tôn kính, cũng giống như cụ và con cháu cụ, lời nguyện của tổ tiên tôi đã đè nặng lên vai con cháu. Nhưng người con gái nhỏ bé kia chưa hề biết cơn thịnh nộ của Thượng đế bao giờ. Cha nó đã già yếu và sắp đến ngày lìa đời

rồi. Nó được nhiều người, rất nhiều người yêu thương và cũng là nguồn vui sướng của nhiều người; nó tốt quá, quý giá quá, không đáng phải làm vật hy sinh cho tên khốn nạn kia.”

“Ta biết những người mặt tái là một chủng tộc tự hào và tham lam. Ta biết họ không chỉ muốn có cả trái đất này, mà người hèn hạ nhất cùng màu da với họ cũng còn giỏi giang hơn những thủ lĩnh của dân tộc da đỏ.” Cụ già nói tiếp, không quan tâm đến tinh thần bị tổn thương của Cora lúc này cúi đầu gần sát đất vì xấu hổ. “Con chó, con quạ của họ cũng sửa cũng kêu trước khi họ để một người đàn bà da màu vào trong lều của mình. Nhưng họ đừng quá khoe khoang trước mặt Manitou. Họ vào đất này lúc mặt trời mọc và có thể phải ra đi lúc mặt trời lặn. Ta đã thấy châu chấu nhiều lần ăn trụi lá cây, nhưng rồi mùa hoa nở vẫn trở lại.”

“Đúng thế,” Cora nói, nàng thở một hơi dài như sức tỉnh cơn mê, ngẩng mặt lên, gạt mớ tóc óng ả ra phía sau để lộ cặp mắt sáng ngời tương phản với màu da mặt tái nhợt như không còn hạt máu, “nhưng tại sao như thế? Điều đó tôi không được phép hỏi. Nhưng hãy còn một người thuộc bộ lạc của cụ chưa được đưa ra đây trình diện. Trước khi cụ cho tên Huron kia ra đi một cách đắc thắng, xin cụ hãy nghe anh ta nói.”

Thấy Tamenund nghi hoặc nhìn xung quanh, một cụ già ngồi bên cạnh nói:

“Nó là một con rắn, một tên da đỏ làm tay sai cho bọn Anh. Chúng tôi giữ lại để bắt hắn chịu nhục hình.”

“Đưa nó ra đây,” cụ tộc trưởng ra lệnh. Nói xong, Tamenund lại để rơi mình xuống ghế, một không khí yên lặng bao trùm trong khi mấy người thanh niên chuẩn bị thi hành lệnh của tộc trưởng, yên lặng đến nỗi có thể nghe rõ tiếng xào xạc của lá cây

run rẩy theo làn gió nhẹ buổi sớm mai trong khu rừng xung quanh.

CHƯƠNG 30

Shylock: “Nếu ngài từ chối thì tôi chẳng cần tới pháp luật của ngài! Các sắc lệnh của Venice chẳng có sức mạnh gì nữa. Tôi muốn được xét xử, hãy trả lời đi, có được không?”^[75]

• SHAKESPEARE

Không khí lo âu và yên ắng tiếng người kéo dài hồi lâu. Một lần nữa, đám đông rẽ ra lấy lối cho Uncas vào đứng giữa vòng người, rồi lại khép kín. Mọi cặp mắt lúc trước tò mò ngắm nghía nét mặt tộc trưởng, nguồn gốc cho sự tinh khôn của cả bộ lạc, giờ đây đột nhiên hướng về phía tù nhân, thán khen thân hình cao lớn, nhanh nhẹn tuyệt mỹ của anh. Nhưng, tuy đứng giữa đám đông và thu hút sự chăm chú của mọi người, anh thanh niên Mohican vẫn bình tĩnh không lộ vẻ gì luống cuống. Anh ung dung đưa mắt quan sát bốn phía, bình thản trước những nét mặt đối địch rõ rệt của các thủ lĩnh cũng như trước cái nhìn tò mò của những đứa trẻ chăm chú. Cuối cùng, khi bắt gặp Tamenund, cặp mắt hiên ngang soi mói của anh dừng lại, chăm chăm nhìn như quên hết mọi sự vật khác ở xung quanh. Anh nhẹ nhàng thông thả bước lên đứng ngay trước bục cao của tộc trưởng, mắt vẫn không rời ông cụ. Tamenund không biết Uncas tới; mãi khi một thủ lĩnh ngồi bên nhắc là tù nhân đã có mặt, ông cụ mới hỏi, hai mắt vẫn nhắm nghiền:

“Tù nhân sẽ nói với Manitou bằng tiếng gì?”

“Tiếng của cha nó,” Uncas đáp, “tiếng của dân Delaware.”

Nghe lời tuyên bố bất ngờ, cả đám đông cùng khê kêu lên một tiếng dữ tợn có thể ví với tiếng gầm gừ của con sư tử bị chọc tức báo hiệu một cơn thịnh nộ cao độ và đáng sợ. Lời tuyên bố cũng tác động mạnh đến tộc trưởng tuy cách biểu lộ tình cảm của cụ có khác mọi người. Ông cụ đưa tay lên che mắt như để xua đuổi một hình ảnh cụ thể của sự nhục nhã, miệng nhắc lại những tiếng cụ vừa được nghe bằng một giọng khàn khàn và nhỏ:

“Một người Delaware à! Ta đã sống lâu để nhìn thấy các bộ lạc của Lenape bị buộc phải rời các đồng lửa hội đồng và tan tác như đàn hươu lìa bầy vào các núi rừng của dân Iroquois! Ta đã thấy lưới riu của một dân tộc lạ phát trụi rừng cây ở các thung lũng, những rừng cây mà gió trời cũng còn phải tránh! Ta đã thấy con thú chạy trên núi, con chim bay trên trời được nuôi trong lều của con người ta, nhưng ta chưa bao giờ thấy một tên Delaware đồn mạt đến mức lén vào làng của dân tộc mình như một con rắn độc.”

“Chim đã cất tiếng hót và tiếng chim đã lọt vào tai Tamenund rồi đây.” Uncas đáp bằng những âm thanh rất êm dịu thánh thót.

Người tộc trưởng giật mình nghiêng đầu về một bên như cố nắm bắt những âm thanh đang bay đi của một giai điệu quá khứ.

“Tamenund có đang mơ không?” Cụ kêu lên, “Tai ta đang nghe tiếng của ai đấy? Mùa đông đã qua rồi chẳng? Mùa hè sẽ trở lại với con cháu của Lenape chẳng?”

Tiếp theo những lời nói rời rạc bật ra từ cửa miệng nhà tiên tri Delaware là một không khí yên lặng, trang nghiêm và kính cẩn. Họ cho những lời nói khó hiểu của tộc trưởng là ngôn ngữ thần bí mà cụ thường dùng để trao đổi với Thượng đế, và họ lo lắng đợi chờ kết quả cuộc bàn bạc đó. Nhưng sau một lúc lâu kiên nhẫn chờ đợi, một cụ già thấy tộc trưởng đã quên mất vấn đề đang xem xét và sự có mặt của tù nhân nên lại nhắc:

“Tên Delaware giả mạo chỉ run sợ khi nghe tiếng nói của Tamenund. Nó là một con chó săn chỉ biết sủa khi bọn Anh chỉ đường cho nó đánh hơi.”

“Còn các người,” Uncas đáp lại và đưa mắt nghiêm khắc nhìn xung quanh, “các người là những con chó nằm phủ phục xuống đất khi bọn Pháp ném cho những mẩu thịt nai thừa của chúng.”

Hai mươi chiến binh bật đứng dậy, hai mươi lưỡi dao sáng loáng vung lên trong không khí khi nghe câu đối đáp chua cay - nhưng có lẽ xứng đáng. Nhưng một thủ lĩnh đã giơ tay ngăn - không cho cơn tức giận của họ bùng nổ và khôi phục lại vẻ yên tĩnh bề ngoài. Tuy thế, việc này chắc khó khăn hơn nếu như Tamenund không làm hiệu tỏ ra cụ sắp phát biểu.

“Tên Delaware kia!” tộc trưởng nói, “Người thật không xứng đáng với cái tên của mình. Đã bao mùa đông dân tộc ta không được thấy mặt trời trong sáng, và một chiến binh rời bỏ bộ lạc mình trong lúc bộ lạc này bị bóng mây bao phủ, kẻ đó phải chịu tội phản bội nặng gấp đôi. Luật lệ của Manitou công bằng và còn công bằng mãi chừng nào sông còn chảy, núi còn đứng hoa còn nở và tàn trên cây. Các con, tên này là anh em của các con, hãy đối xử sao cho công bằng với hắn.”

Không ai nhúc nhích chân tay, không ai thở mạnh, nhưng khi tiếng cuối cùng của mệnh lệnh trên vừa phát ra khỏi miệng tộc trưởng Tamenund, lập tức một tiếng thét báo thù vang lên từ cửa miệng mọi người, dấu hiệu đáng sợ báo trước những ý định ghê tởm của họ. Giữa những tiếng kêu kéo dài và man rợ đó, một thủ lĩnh lớn tiếng công bố tù nhân sẽ phải chịu hình phạt khủng khiếp là thiêu sống. Vòng người trở nên lộn xộn, tiếng kêu vui thích xen với tiếng ồn ào nhộn nhạo của công việc chuẩn bị khẩn trương. Heyward điên cuồng chống cự lại bọn người đang bắt giữ anh; Mắt Chim Ưng lo âu nhìn xung quanh với một vẻ chăm chú đặc biệt, còn Cora một lần nữa quỳ xuống bên chân tộc trưởng cầu xin clemency thương.

Suốt trong giờ phút gay go này, Uncas là người duy nhất vẫn giữ thái độ bình thản. Anh rắn rỏi nhìn đám người chuẩn bị thi hành cực hình, và khi mấy tên đao phủ đến bắt, anh vẫn giữ một tư thế hiên ngang, cứng cỏi. Một đứa hung hãn và man rợ nhất trong bọn túm áo anh và giật mạnh làm áo rách tuột khỏi mình người chiến binh trẻ. Y kêu lên một tiếng khoái trá điên dại, nhảy đến bên nạn nhân không còn khả năng chống cự, định lôi ra giàn lửa. Nhưng đúng lúc tên man rợ này tỏ ra không còn chút tình người thì hành động của y bị chặn đứng lại như có một sức gì thần bí che chở cho Uncas vậy. Mắt y trợn trừng như lôi khỏi hốc mắt, mồm há hốc, toàn thân cứng đờ trong tư thế đầy kinh ngạc. Hắn từ từ giơ tay lên và chỉ một ngón vào ngực tù nhân. Các bạn hắn cũng ngạc nhiên xúm quanh và cũng như hắn, mọi con mắt đều đổ dồn vào hình một con rùa nhỏ màu xanh tươi, trog chàm rất đẹp trên ngực tù nhân.

Trong một lát, Uncas vui thích với sự đắc thắng của mình và bình tĩnh mỉm cười trước cảnh tượng đó. Anh vẫy tay một

cách rất kể cả cho mọi người dân ra, rồi khoan thai như một đức vua bước ra trước bộ lạc; anh cất tiếng nói to, át cả tiếng xì xào chiêm ngưỡng đang lan khắp đám đông.

“Hỡi dân chúng của Lenni Lenape! Giống nòi ta đỡ cả trái đất này! Bộ lạc yếu đuối của các người chỉ đứng trên một cái vẫy của ta thôi! Có ngọn lửa nào của dân Delaware đốt lên lại có thể thiêu cháy được người con của ông cha ta!” Uncas nói tiếp, tay chỉ rất hãnh diện vào cái dấu hiệu đơn giản ở trên ngực mình: “Máu thuộc dòng giống này sẽ dập tắt ngọn lửa của các người! Dòng giống ta là thủy tổ của các dân tộc.”

“Người là ai?” Tamenund đứng dậy hỏi, có lẽ giật mình vì giọng nói nhiều hơn vì ý nghĩa lời phát biểu của tù nhân.

“Uncas, con của Chingachgook, một người con của Unamis vĩ đại.” Uncas quay mặt đi, nhũn nhận đáp; anh cúi đầu để tỏ lòng kính trọng cương vị và tuổi tác của tộc trưởng.

“Giờ của Tamenund sắp điểm rồi!” tộc trưởng kêu lên, “Cuối cùng, đời ta đã đến lúc chiều tàn! Ta cảm ơn Manitou đã cử người thay chân ta bên ngọn lửa hội đồng. Thế là đã tìm thấy Uncas. Nào, hãy để cho mắt con phượng hoàng hấp hối được nhìn thấy mặt trời mọc.”

Uncas nhẹ nhàng nhưng hiên ngang bước lên bục để tất cả đám đông đang xôn xao ngạc nhiên đều trông thấy được. Trong hồi lâu, Tamenund giơ tay nắm lấy Uncas, ngắm nghía những nét đẹp đẽ trên khuôn mặt anh, với cái nhìn không biết mỏi của một người đang nhớ lại những ngày hạnh phúc.

“Tamenund có phải là một đứa trẻ không?” cuối cùng tộc trưởng phấn khởi kêu lên, “Có phải trong bao mùa tuyết rơi, ta đã mơ thấy dân tộc ta tan tác như cát trên sa mạc, mơ thấy dân Anh nhiều hơn lá trên cây? Mũi tên của Tamenund không làm

con thú phải sợ, cánh tay của Tamenund khô cằn như một cành sồi đã chết, con sên bò nhanh hơn Tamenund chạy, thế mà bây giờ Uncas ở trước mặt ta, như khi trước chúng ta cùng xuất phát đi đánh lũ mặt tái. Uncas, con báo của bộ lạc, người con cả của Lenape, người thủ lĩnh khôn ngoan nhất của dân Mohican! Hỡi các con Delaware, có phải Tamenund đã ngủ một trăm mùa đông không, các con cho ta biết đi.”

Sau những câu nói của tộc trưởng, một bầu không khí yên tĩnh và sâu lắng bao trùm, biểu lộ sự tôn trọng có được chút kính sợ của mọi người khi nghe tin tộc trưởng công bố. Không một ai dám trả lời, ai cũng nín thở chờ xem sự việc tiếp diễn ra sao. Uncas vẫn nhìn vào mặt tộc trưởng với vẻ vừa tôn kính vừa triu mến của một đứa cháu yêu; thấy mình ở cương vị cao và được mọi người công nhận, anh bèn đáp lại:

“Bốn chiến binh thuộc dòng họ Uncas đã sinh ra và chết đi từ khi người bạn của Tamenund chỉ huy dân chúng chiến đấu. Máu của giống Rùa chảy trong huyết quản của nhiều thủ lĩnh, nhưng tất cả đều đã trở về với đất như đã từ đất mà ra, trừ hai cha con Chingachgook.”

“Đúng thế, đúng thế,” tộc trưởng đáp, quá khứ vụt trở lại xua tan những ý nghĩ viễn vông của ông cụ và đột nhiên làm cụ nhớ lại lịch sử của dân tộc Delaware, “những người sáng suốt trong dân ta thường nói rằng có hai chiến binh thuộc giống nòi “bất biến” vẫn còn ở trong núi rừng của bon Anh. Tại sao chỗ của họ bên đông lửa hội đồng của dân Delaware bị bỏ trống lâu như vậy?”

Nghe tộc trưởng nói, Uncas ngừng đầu lên (từ này anh vẫn hơi cúi đầu để tỏ lòng tôn kính) cất cao giọng cho mọi người đều có thể nghe rõ lời anh giải thích về chính sách của gia tộc.

“Đã có thời chúng ta ngủ ở một nơi có thể nghe được tiếng nói của hồ nước mặn trong cơn giận dữ. Lúc đó, chúng ta là chủ và là thủ lĩnh của đất đai này. Nhưng khi ở ngọn suối nào cũng thấy có người mặt tái xuất hiện, chúng ta đành phải theo con hươu con nai trở về với dòng sông của dân tộc. Rồi người Delaware đi cả, chỉ có vài chiến binh ở lại để được uống nước ở dòng sông họ yêu dấu. Lúc đó cha ông tôi bảo: “Chúng ta sẽ săn bắn ở đây. Nước con sông này chảy ra hồ nước mặn. Nếu ta đi về phía mặt trời lặn, chúng ta sẽ gặp những dòng suối chảy vào các hồ nước ngọt; ở đây, dân Mohican sẽ chết mất thôi, chẳng khác gì con cá biển bị chết ở dòng suối trong. Đến khi nào Manitou sẵn sàng và ra lệnh, chúng ta sẽ theo dòng sông trở ra biển chiếm lại đất đai cũ của chúng ta.” Hỡi dân chúng Delaware, đây chính là niềm tin tưởng của con cháu giống Rùa. Mắt chúng ta nhìn về hướng mặt trời mọc chứ không nhìn về phía mặt trời lặn. Chúng ta biết rõ mặt trời từ đâu đến, nhưng chúng ta không hiểu mặt trời đi về nơi nào. Tôi đã hết lời.”

Con cháu của Lenape nghe Uncas nói với tất cả niềm kính trọng của những người mê tín; họ cảm thấy có cái gì đẹp đẽ thâm kín ngay cả trong lời lẽ bóng bẩy mà người thủ lĩnh trẻ tuổi dùng để diễn đạt ý kiến của mình. Đôi mắt thông minh của Uncas cũng nhận thấy tác dụng những lời giải thích vắn tắt của mình, dần dần anh trút bỏ vẻ uy nghiêm khi thấy người nghe tỏ vẻ vừa lòng. Anh đưa mắt nhìn đám đông yên lặng tụ tập xung quanh bục cao của Tamenund. Thoạt tiên, anh nhìn thấy Mắt Chim Ưng đang bị trói; anh vội vàng bước xuống khỏi bục và đến bên người bạn đồng hành, lấy ngay con dao của mình đưa nhanh một nhát mạnh cắt dây trói. Rồi anh ra hiệu cho đám đông tản ra. Mọi người yên lặng tuân lệnh và lại

đứng thành vòng tròn như trước lúc Uncas xuất hiện. Uncas cầm tay Mắt Chim Ưng, dắt bác đến trước tộc trưởng và nói:

“Thưa cha, xin hãy nhìn người mặt tái này; đây là một người chính trực, một người bạn của dân Delaware chúng ta.”

“Bác ta có phải là con của Minquon không?”

“Không phải, đó là một chiến binh mà người Anh biết rất rõ và bọn Maqua rất sợ.”

“Những chiến công đã đem lại cho bác ta biệt hiệu gì?”

“Chúng con gọi bác là Mắt Chim Ưng,” Uncas đáp lại bằng thành ngữ của dân Delaware, “vì đôi mắt bác không bao giờ nhầm. Bọn Mingo biết rõ bác hơn vì nhiều chiến binh của chúng đã bác giết, chúng gọi bác là *Súng Dài*.”

“*Súng Dài*!” Tamenund kêu to và mở mắt nhìn người trinh sát một cách nghiêm khắc, “Con gọi là bạn không đúng đâu.”

“Nhưng bác ta xứng đáng là bạn nên con phải gọi là bạn.” Người thủ lĩnh trẻ trả lời rất bình tĩnh, nét mặt cương quyết, “Nếu Uncas được dân Delaware hoan nghênh, Mắt Chim Ưng và bạn hữu của bác cũng phải được hoan nghênh.”

“Người mặt tái đã sát hại các chiến binh trẻ của ta, sở dĩ người đó nổi tiếng như thế chính là nhờ những đòn đánh vào Lenape.”

“Nếu một tên Mingo nào nói mãi điều đó vào tai dân Delaware, nó chỉ tỏ ra là một tên lừa đảo thôi.” Người trinh sát nói bằng tiếng Delaware, nhưng những hình ảnh trong ngôn ngữ Anh diên được thay đổi theo những khái niệm riêng biệt của bác; bác cho là đã đến lúc phải đá phá những lời buộc tội xúc phạm đó, “Rằng tôi đã giết bọn Maqua, tôi không chối, dù tôi ở trước đồng lửa hội đồng của bọn chúng; nhưng tay tôi chưa hề bao giờ chủ tâm làm hại dân Delaware; việc đó trái với

lý trí và tình cảm của tôi, tôi yêu mến người Delaware và tất cả những gì thuộc dân tộc họ.”

Một tiếng hoan hô nhỏ truyền đi trong đám chiến binh, người nọ nhìn người kia như bây giờ mới nhận ra sai lầm của mình.

“Người Huron kia đâu rồi?” Tamenund hỏi, “Có phải người đã bị tai ta không?”

Trước cảnh Uncas giành được thể thắng, tâm trạng của Magua ra sao, chúng ta tự tưởng tượng còn dễ hơn mô tả ra đây; chỉ biết khi nghe gọi đến mình, Magua mạnh dạn bước ra trước mặt tộc trưởng.

“Tamenund công bằng sẽ không giữ lại những gì một người Huron đã cho mượn.” Magua nói.

“Cháu ơi,” tộc trưởng nói tiếp, tránh không nhìn khuôn mặt đen sạm của Cáo Tinh Khôn mà quay sang ngắm nghía nét mặt chân thật của Uncas, “hãy cho ta biết người lạ mặt này có quyền của kẻ chiến thắng đối với cháu không?”

“Không có chút nào. Con báo có thể rơi vào bẫy đặt của đám đàn bà, nhưng nó khỏe và biết cách vùng ra khỏi bẫy.”

“Thế còn Súng Dài?”

“Súng Dài coi khinh bọn Mingo. Thôi, tên Huron kia, hãy về hỏi bọn đàn bà nhà mi xem giống gấu màu gì. Còn người lạ mặt và người con gái da trắng cùng nhau đến doanh trại của ta thì sao?”

“Họ phải được tự do đi lại.”

“Thế còn người đàn bà mà tên Huron gửi các chiến binh của ta?”

Uncas không trả lời.

“Thế còn người đàn bà mà tên Huron đã mang đến doanh trại ta thì sao?” Tamenund nghiêm nghị nhắc lại.

“Người đó thuộc về tôi!” Magua kêu lớn, đắc thắng vung tay về phía Uncas, “Mohican, anh biết là cô ấy thuộc về tôi.”

“Con ta lặng yên,” Tamenund nói, cố đọc những tình cảm trên nét mặt người thanh niên đang buồn rầu quay đi.

“Đúng vậy,” Uncas khe khẽ trả lời.

Tất cả lặng yên một lát. Điều đó chứng tỏ mọi người đều phải miễn cưỡng công nhận yêu cầu của tên Mingo là chính đáng. Quyết định thuộc về tộc trưởng; cuối cùng, cụ nói bằng một giọng kiên quyết:

“Huron, người đi đi.”

“Đi tay không như lúc đến ư, Tamenund công bằng?” tên Magua xảo quyết hỏi, “Hay là đi và mang theo trong tay lòng tin của dân Delaware? Lều của Cáo Tinh Khôn hiện còn bỏ trống, xin trả lại vật sở hữu cho hắn.”

Người tộc trưởng già suy nghĩ một lát rồi nghiêng đầu về phía một cụ già đáng kính ngồi bên, hỏi:

“Tai ta có nghe rõ không?”

“Đúng như vậy đó.”

“Tên Mingo này có phải là thủ lĩnh không?”

“Thủ lĩnh đứng đầu bộ lạc.”

“Cô gái kia, còn muốn gì nữa? Một chiến binh lấy lừng muốn lấy con làm vợ. Nhận lời đi, nòi giống con sẽ không bị tuyệt chủng.”

“Dù tuyệt chủng một nghìn lần còn hơn phải chịu nhục nhã như thế!” Cora ghê tởm kêu lớn.

“Anh Huron kia, tâm chí cô ta còn vương vấn quanh lều của cha mẹ. Một người vợ không tự nguyện sẽ không mang lại hạnh phúc cho gia đình đâu.”

“Cô ta nói theo giọng lưỡi của dân da trắng,” Magua đáp lại và đưa mắt nhìn nạn nhân của mình một cách mỉa mai cay độc. “Cô ta thuộc dòng giống con buôn nên còn muốn cò kè cho được nhiều. Xin Tamenund quyết định cho.”

“Hãy lấy của báu và nhận lấy tấm lòng quý mến của chúng tôi.”

“Magua chỉ lấy những thứ nó đã mang đến đây thôi.”

“Vậy hãy mang vật sở hữu của người đi. Manitou vĩ đại cấm dân Delaware không được bắt công.”

Magua tiến lên nắm chặt cánh tay Cora; những người Delaware lùi lại, yên lặng, còn Cora hình như hiểu rằng mắng nhiếc lúc này cũng vô ích nên chuẩn bị tuân theo số mệnh không chút chống cự.

“Khoan đã, khoan đã!” Duncan xông tới kêu lên, “Người Huron kia, hãy rủ lòng thương! Tiền chuộc cô ta sẽ làm người giàu hơn bất cứ ai có tiếng giàu có trong bộ lạc Mingo.”

“Magua là người da đỏ, không cần đến những hạt đá quý của người mặt tái.”

“Vàng bạc, thuốc súng, chì, tất cả những thứ cần thiết cho một chiến binh sẽ có trong lều của người, tất cả những gì thích hợp với một thủ lĩnh vĩ đại nhất.”

“Cáo Tinh Khôn mạnh lắm.” Magua kêu to và nắm chặt cánh tay yếu ớt của Cora, lắc mạnh. “Nó đã trả được thù!”

“Ôi Thượng đế đầy uy lực!” Heyward nắm chặt hai tay la lớn trong cơn tuyệt vọng. “Có thể dễ như vậy được không? Thừa

Tamenund công bằng, tôi cầu xin người đoái thương.”

“Người Delaware đã có ý kiến rồi.” Tộc trưởng đáp lại, nhắm hai mắt và ngồi xuống ghế như mệt mỏi sau một cố gắng cả thể xác lẫn tinh thần, “Đàn ông không nói hai lần.”

“Một thủ lĩnh không mất thời giờ cải chính những lời đã nói, điều đó đúng và hợp lý,” Mắt Chim Ưng vừa nói vừa ra hiệu cho Duncan im lặng, “nhưng một chiến binh cũng cần thận trọng xem xét trước khi bỏ rìu vào đầu tù nhân. Tên Huron kia, ta không yêu mến gì người cũng như bàn tay này chưa bao giờ biết nương nhẹ với một tên Mingo. Cho nên có thể đi tới kết luận rằng nếu cuộc chiến tranh này không chóng kết thúc, các chiến binh của người sẽ còn gặp ta ở trong rừng. Vậy hãy suy nghĩ đi, muốn đưa một tù nhân như cô gái này hay đưa một người như ta về doanh trại của người. Cả bộ lạc người chắc rất vui mừng khi thấy ta trong tay không có súng.”

“Súng Dài định thế mạng cho một người đàn bà ư?” Magua ngập ngừng nói vì hắn đang sắp sửa cùng Cora rời khỏi nơi này.

“Không, không, không hẳn như vậy.” Mắt Chim Ưng trả lời dè dặt hơn khi nhận thấy Magua tỏ ra rất sốt sắng với đề nghị của mình, “Đem một chiến binh đang độ sung sức và đắc dụng đổi lấy một người đàn bà tài đức nhất trong vùng này, sao có thể gọi là công bằng. Ta có thể đồng ý sẽ nghỉ một thời gian, ít nhất là sáu tuần trước khi lá non lại mọc, với điều kiện người phải trả tự do cho cô gái.”

Magua lắc đầu, sốt ruột làm hiệu cho đám đông dân ra.

“Nếu vậy, ta thêm cho người khẩu súng Sát Hươu,” người trinh sát nói tiếp với dáng điệu suy nghĩ của một người chưa quyết định xong. “Người có thể tin lời nói của một người thợ

sẵn dày kinh nghiệm; trong khắp các tỉnh, không có khẩu súng nào tốt như khẩu này đâu.”

Magua vẫn không thèm trả lời, y tiếp tục yêu cầu đám đông rẽ ra.

“Có lẽ ta phải nhận dạy cho các chiến binh của người biết những ưu điểm thực tế của khẩu súng thì mới đẹp được những khác biệt nhỏ giữa chúng ta trong sự đánh giá khẩu súng,” người trinh sát nói thêm, thái độ bình tĩnh của bác giảm dần khi thấy Magua tỏ vẻ lạnh lùng với cuộc thương lượng.

Magua giận dữ ra lệnh cho dân Delaware dành đường cho y đi nhưng họ cứ vây quanh, hy vọng y sẽ nghe lời đề nghị ôn hòa của Mắt Chim Ưng; y đưa mắt nhìn như dọa sẽ kêu gọi một lần nữa sự công bằng không hề lay chuyển của tộc trưởng.

“Lệnh đã ra rồi thì sớm muộn cũng được thi hành.” Mắt Chim Ưng đưa cặp mắt buồn rầu thất vọng nhìn Uncas và nói tiếp: “Thằng khốn kiếp hiểu rõ lợi thế của nó nên không chịu nhân nhượng. Cầu Thượng đế phù hộ cho cháu; cháu đã tìm thấy những người anh em ruột thịt, và ta mong rằng họ cũng chân tình với cháu như một vài người da trắng chính cống mà cháu đã gặp. Còn ta, trước sau rồi cũng phải chết; cũng may là chỉ có ít người kêu khóc thương tiếc ta. Vả lại những tên quỷ này thế nào cũng tìm hết cách để làm chủ chỏm tóc của ta; cho nên sống thêm một vài ngày nữa cũng không có ý nghĩa gì so với thời gian vô cùng vô tận. Thượng đế phù hộ cho cháu.” Người trinh sát ngừng đầu đưa mắt trù mến nhìn người bạn trẻ của mình rồi lại nói: “Uncas, ta yêu mến cả hai cha con cháu tuy rằng chúng ta không cùng màu da, không cùng tính tình. Cháu hãy nói với thủ lĩnh - cha cháu - rằng trong những lúc khó khăn nhất ta vẫn không quên người; còn cháu, khi gặp may mắn hãy nghĩ đến ta. Cháu có thể tin chắc rằng dù có một

hay hai thiên đàng ở thế giới bên kia thế nào cũng có một con đường cho những con người chân chính gặp nhau. Cháu sẽ tìm thấy khẩu súng ở chỗ chúng ta giấu nó; hãy vì ta mà giữ lấy nó, và hãy triệt để sử dụng nó đối với bọn Mingo vì tính tình bầm sinh của cháu không cảm cháu báo thù; như vậy cháu sẽ đỡ đau buồn vì ta chết, cháu sẽ được thư thái trong lòng. Tên Huron kia, ta chấp nhận điều kiện của người; hãy thả người con gái ra, ta là tù nhân của người.”

Tiếng xì xào trong đám đông tuy đã nén lại nhưng vẫn nghe rõ, biểu lộ sự tán thành của mọi người đối với đề nghị cao cả này. Những chiến binh Delaware sắt đá nhất cũng thấy mủi lòng trước ý định hy sinh dũng cảm của người trinh sát. Magua đứng lại, do dự một lát, tỏ vẻ hoài nghi; y nhìn Cora với đôi mắt vừa hung ác vừa ngưỡng mộ, rồi nhất định không chịu thay đổi ý kiến.

Y nguẩy đầu khinh bỉ từ chối lời đề nghị, nói bằng một giọng kiên quyết:

“Cáo Tinh Khôn là một thủ lĩnh tài giỏi, nó chỉ nói một lần. Đi thôi,” vừa nói y vừa đặt tay lên vai Cora như thân thuộc từ lâu và đẩy nàng đi, “một chiến binh Huron không nói đi nói lại, ta đi thôi.”

Cô gái lùi lại, vẻ dửng dưng vừa hiên ngang vừa đoan chính, hai mắt như nẩy lửa, hai thái dương bừng đỏ tựa ánh mặt trời, công phần trước cử chỉ xúc phạm của Magua.

“Ta là tù nhân của người và khi nào phải đi, ta sẽ sẵn sàng đi theo người dù phải chết. Nhưng không cần thiết dùng bạo lực,” nàng lạnh lùng nói rồi quay sang phía Mắt Chim Ưng, nàng tiếp tục: “Hỡi người thiện xạ nghĩa hiệp! Tự đáy lòng, tôi xin cảm ơn bác. Lời đề nghị của bác không đem lại kết quả, và tôi

cũng không thể nào chấp nhận được. Nhưng bác vẫn có thể giúp tôi, giúp nhiều hơn là với ý định cao quý vừa rồi của bác. Hãy nhìn cô bé đáng thương ử rữ kia! Xin bác đừng bỏ nó chừng nào bác chưa đưa được nó về ở cùng với những người văn minh. Tôi không dám nói là cha tôi sẽ thưởng công cho bác,” vừa nói Cora vừa nắm chặt bàn tay rắn chắc của người trình sát, “vì những người như bác đứng trên mọi phần thưởng, nhưng cha tôi sẽ cảm ơn bác và cầu phúc cho bác. Hãy tin tôi rằng lời cầu phúc của một ông già chính trực có hiệu lực trước Thượng đế. Ước gì tôi được nghe một lời cầu phúc từ miệng người trong giờ phút kinh khủng này!”

Nói đến đây, tiếng nàng nghẹn lại, nàng lặng yên một lát rồi tiến một bước đến gần Duncan đang đỡ em gái nàng còn đang bất tỉnh nhân sự, nàng nói bằng một giọng trù mến, cố nén những tình cảm và thói thường của nữ giới đang sôi nổi trong lòng.

“Tôi không cần nhắc anh phải yêu thương người con gái quý báu sẽ thuộc về anh. Anh Heyward, anh yêu Alice nên không nhìn thấy nhược điểm của em tuy rằng em có rất nhiều nhược điểm. Em dịu dàng, thùy mị, hiền lành, tốt bụng không kém một ai. Tâm hồn cũng như thể xác em tôi đều trong trắng. Ôi, em tôi đẹp quá, đẹp không ai sánh kịp!” Nói tới đây, Cora đặt bàn tay xinh đẹp lên vầng trán nõn nà của em gái, buồn rầu trù mến gạt mở tóc vàng còn vương trên trán em, rồi tiếp: “Tâm hồn em trong trắng, da dẻ em nuột nà!... Tôi có thể nói nhiều nữa vào một lúc bình tĩnh hơn, nhưng tôi muốn tránh cho anh và cho tôi...”

Tiếng Cora tắt dần, mặt nàng áp vào mặt em, và sau một cái hôn dài, tha thiết, nàng đứng dậy, da mặt tái nhợt, đôi mắt

hừng hực nhưng vẫn không khóc. Nàng quay lại, nói với tên Huron dã man, giọng nói trở lại hiên ngang:

“Nào, để chiều lòng ngài, tôi sẵn sàng theo.”

“Phải, đi đi!” Duncan đặt Alice trong vòng tay một cô gái Anh điên và hét to, “Nào, Magua, đi đi. Luật lệ của người Delaware không cho phép họ giữ mi lại, nhưng ta không hề bị ràng buộc. Đi đi, con quái vật độc ác... còn chần chừ gì nữa?”

Thật khó mô tả những tình cảm biểu hiện trên mặt của Magua khi nghe Duncan dọa sẽ đi theo. Thoạt tiên, y tỏ vẻ vui mừng độc ác rõ rệt, nhưng rồi sự vui mừng đột nhiên dịu đi và chuyển sang lạnh lùng xảo quyệt.

“Cửa rừng rộng mở,” y bình thản trả lời, “Bàn Tay Mở cứ việc đi vào.”

“Khoan đã,” Mắt Chim Ưng nắm tay Duncan giật mạnh lại và kêu to, “anh không biết tính xảo quyệt của tên khốn kiếp. Nó sẽ dẫn vào nơi phục kích rồi sát hại đấy.”

“Tên Huron kia!” Uncas từ này tuân theo phong tục khắc nghiệt của bộ lạc nên chỉ nghiêm nghị chăm chú ngồi nghe, đến giờ mới lên tiếng, “Công lý của dân Delaware do Manitou đặt ra. Hãy nhìn mặt trời hiện đang ở trên những cành cao nhất của cây độc cần. Con đường mi đi không xa và rộng mở. Nhưng khi mặt trời ra khỏi ngọn cây, sẽ có người đuổi theo mi đó.”

“Ta đang nghe thấy tiếng quạ kêu!” Magua thét lớn và cười ngạo nghễ, rồi hấn vẩy tay cho đám đông từ từ rẽ ra để mở lối cho hấn đi và nói tiếp: “Bọn đàn bà Delaware đâu rồi? Cứ mang cung tên súng ống đến cho dân Wyandots thì sẽ được thịt ăn và ngô làm giống. Đồ chó, đồ thỏ, đồ ăn cắp, ta nhổ vào mặt chúng mày.”

Mọi người lặng thinh nghe những lời chào phỉ báng. Magua vừa nói những câu chua cay vừa dắt thặng đi vào rừng, theo sau là người tù ử dột. Những quy tắc bất khả xâm phạm về lòng mến khách của dân Anh điêng đã che chở cho y yên ổn ra đi.

CHƯƠNG 31

Flue: “Giết hại người hầu và cướp phá hành lý! Rõ ràng là trái với luật lệ chiến tranh! Hãy nhớ rằng đó là hành động vô cùng xấu xa mà ta có thể thấy trên trái đất này.”^[76]

• SHAKESPEARE

Chừng nào Magua và nạn nhân của y còn ở trong tầm mắt, mọi người không nhúc nhích, như thể có một sức mạnh che chở cho Magua, làm mê hoặc và ghìm họ tại chỗ; nhưng khi bóng tên Huron đã khuất, tất cả đều náo động, lộn xộn trong một không khí căm giận bùng bùng. Uncas vẫn đứng trên bụi cao nhìn theo Cora cho đến lúc áo nàng hòa vào màu lá cây rừng; lúc đó anh mới bước xuống, lặng lẽ đi qua đám đông và biến mình trong chiếc lều anh đã ở trước khi ra gặp bộ lạc. Một vài chiến binh trong số những người nghiêm nghị và chăm chú nhất nhận thấy đôi mắt người thủ lĩnh trẻ nảy những tia lửa phản nộ khi anh đi qua, bèn đi theo vào nơi anh đã chọn để suy nghĩ. Sau đó, Tamenund và Alice cũng rời đi chỗ khác, đàn bà trẻ con được lệnh giải tán. Trong những giờ phút quan trọng tiếp theo, cả đồn trú giống như một tổ ong bị quấy rối, chỉ chờ ong chúa xuất hiện và nêu gương là cả bầy bắt đầu một cuộc di chuyển quan trọng xa xôi.

Cuối cùng, một chiến binh trẻ từ trong lều của Uncas bước ra. Anh thông thả, trịnh trọng đi đến một cây thông thấp mọc

ở kẽ một phiến đá phẳng, tước bỏ vỏ cây, rồi lại trở về lều, chẳng nói chẳng rằng. Được một lát, lại có một chiến binh khác ra bề hết cành, để lại thân cây chặt cụt trơ trụi. Một người thứ ba vẽ lên thân cây những vạch sơn đỏ thẫm. Tất cả những biểu hiện tuyên chiến đó của các thủ lĩnh trong bộ lạc được mọi người đứng bên ngoài tiếp nhận trong bầu không khí yên lặng, ảm đạm đáng sợ. Sau cùng, chính Uncas bước ra, quần áo bỏ lại hết, chỉ giữ cái thắt lưng và dây quần bấp chân. Một lớp sơn đen che kín một bên khuôn mặt đẹp đẽ của anh, nom thật dữ tợn.

Uncas thông thả, trang trọng tới thân cây trụi và bắt đầu đi đều bước vòng quanh như nhẩy một điệu cổ xưa, đồng thời cất tiếng hát bài ca chiến trận, âm thanh trầm bổng không đều, man rợ. Tiếng ca khi vang lên cao vút, lúc hạ xuống thật trầm, rền rĩ véo von như chim hót, rồi đột nhiên chuyển giạt thành những tiếng thét dữ dội làm người nghe phải run sợ. Lời không dài dòng, thường nhắc đi nhắc lại, bắt đầu bằng lời cầu khẩn hay ca ngợi Thượng đế, rồi chuyển dần sang những lời nhắc nhở mục tiêu của người chiến binh và cuối cùng cũng như lúc đầu, là lời xác nhận sự phụ thuộc của mọi người vào Thượng đế. Lời ca du dương, giản dị, không thể dịch cho đúng được, đại khái nội dung như sau:

“Manitou, Manitou, Manitou!

Người vĩ đại, Người tốt lành, Người sáng suốt;

Manitou, Manitou!

Người công bằng!

Trên trời cao, trong mây thẳm, ôi!

Ta nhìn thấy nhiều khoảng - khoảng đen, khoảng đỏ rất nhiều;

Trên trời cao, ôi! Ta thấy nhiều đám mây.

Trong rừng, trong không trung, ôi!
Ta nghe thấy tiếng thét, tiếng hú dài, tiếng kêu;
Trong rừng, ôi! Ta nghe thấy tiếng thét lớn!
Manitou, Manitou! Manitou!
Ta yêu đuổi...
Người hùng mạnh; ta chậm chạp...
Manitou, Manitou!
Cầu xin Người giúp ta.”

Cuối mỗi câu thơ, nếu ta có thể gọi là thơ, Uncas ngừng lại giọng nâng cao và kéo dài thêm nên đặc biệt thích hợp với tình cảm diễn đạt. Đoạn đầu trang trọng biểu lộ ý nghĩ tôn kính; đoạn hai mô tả, đi gần đến giờ báo động; sang đoạn ba, tiếng kêu chiến trận nổi tiếng và khùng khiếp từ miệng người chiến binh trẻ bật ra, giống như sự phối hợp của các âm thanh kinh khủng trong chiến trận. Đoạn cuối cũng như đoạn đầu, khiêm nhường và cầu khẩn. Uncas hát đi hát lại ba lần và nhảy vòng quanh cây cột cũng ba lần.

Cuối vòng thứ nhất, một thủ lĩnh nghiêm nghị và có uy tín cao của bộ lạc, nhảy theo Uncas; ông ta cũng hát, làn điệu giống như bài của Uncas nhưng khác lời. Lần lượt, các chiến binh đều tham gia, cho đến khi tất cả những ai có chút uy tín và quyền lực đều nhảy. Cảnh tượng bây giờ trở nên hãi hùng man rợ, bộ mặt của các thủ lĩnh càng thêm dữ tợn và đầy sát khí vì những lời ca rợn người từ cổ họng khàn khàn thốt ra. Đến đây, Uncas bỏ rìu trận vào thân cột, thét lên một tiếng, tiếng kêu chiến trận của anh. Cử chỉ đó nói lên rằng anh đã đảm nhận quyền chỉ huy trong cuộc xuất trận sắp tới.

Hiệu lệnh của Uncas đã thức tỉnh mọi tình cảm sâu lắng của bộ lạc. Một trăm thanh niên từ nãy vẫn e dè vì ít tuổi, lúc này hùng hổ nhất tề xô vào thân cột tượng trưng quân thù của họ; họ bầm cây cột ra từng mảnh cho đến khi chỉ còn rễ ở dưới đất. Trong cảnh huyên náo, những hành động khốc liệt nhất của chiến tranh trút lên những mảnh gỗ của thân cột, hung hãn như thể trút lên chính kẻ thù bằng xương bằng thịt. Mảnh bị gọt đầu, mảnh bị lưỡi rìu sắc bổ xuống, mảnh bị lưỡi dao nhọn đâm thủng. Tóm lại, sự hăng hái và thích thú hung bạo của mọi người biểu lộ rất rõ rệt và mãnh liệt đến mức ai cũng hiểu rằng lần xuất quân sắp tới là một cuộc chiến tranh của cả bộ lạc.

Sau khi chém rìu trện vào thân cột, Uncas chạy ra khỏi vòng người ngược mắt nhìn mặt trời lúc đó đã sắp tới điểm chấm dứt khoảng thời gian hòa hoãn với Magua. Rồi có một tiếng thét báo hiệu mặt trời đã lên đúng điểm quy định, toàn thể đám người đang hăng máu liền ngừng cuộc chiến đấu giả, kêu lên những tiếng thích thú đình tai nhức óc và chuẩn bị bước vào cuộc chiến đấu thực tế đầy may rủi.

Toàn cảnh nơi đồn trú đột nhiên thay đổi. Các chiến binh, vũ khí đã sẵn sàng, mặt mày đã vẽ sơn, bây giờ đứng yên không nhúc nhích, như hể họ đã trút hết những tình cảm sôi sục trong lòng. Ngược lại, đàn bà ụa ra khỏi lều người hát bài vui, kể ca bài buồn, vui buồn lẫn lộn một cách kỳ quặc, khó nói được tình cảm nào mạnh hơn. Có điều là không ai rời tay cả. Người mang theo của quý giá, người ôm con nhỏ, người đỡ cụ già, kẻ tàn tật. Họ đưa tất cả vào rừng, cánh rừng nom như một tấm thảm màu xanh tươi bên sườn núi. Tamenund cũng rút lui vào rừng, thái độ bình tĩnh, sau một cuộc gặp gỡ ngắn ngủi và cảm động với Uncas mà cụ phải chia tay với vẻ miễn

cưỡng của bậc cha mẹ phải xa cách đứa con thất lạc đã lâu ngày vừa tìm lại được. Trong lúc đó, Duncan đưa Alice đến một nơi an toàn, rồi hối hả đi tìm người trinh sát. Điều đó chứng tỏ anh cũng hết sức nóng lòng đợi chờ cuộc họp sức sắp tới.

Mắt Chim Ưng đã quá quen với những bài ca chiến trận và cảnh thổ dân tham gia vào cuộc xuất phát nên bác không hề tỏ ra quan tâm tới những sự việc đang diễn biến. Thỉnh thoảng bác chỉ đưa mắt xem xét số lượng và chất lượng của các chiến binh, bác hài lòng thấy họ tỏ ra sẵn sàng theo Uncas ra chiến trường và thấy uy thế của người thủ lĩnh trẻ đã nhanh chóng thu hút được mọi người có khả năng chiến đấu trong bộ lạc. Sau khi xác nhận điều đáng mừng này, bác cử một em bé Anh điêng đi tìm khẩu Sắt Hươu và cây súng của Uncas ở chỗ họ đã cất giấu trước khi đến gần nơi đồn trú của dân Delaware. Khi đó, họ giấu súng với hai mục đích, thứ nhất là đề phòng họ bị bắt thì súng vẫn còn, thứ hai là một khi tới xóm lạ, họ có vẻ là những người đang gặp khó khăn chứ không phải những người có phương tiện tự vệ và sinh sống. Chọn một người khác đi tìm hộ khẩu súng quý, Mắt Chim Ưng đã hành động theo tính thận trọng xưa nay của mình. Bác biết là Magua không đi một mình khi tới nơi đồn trú này của người Delaware, bác cũng biết rằng dọc ven rừng có quân do thám Huron đang theo dõi hành vi kẻ thù mới của chúng. Vì vậy, đích thân bác hay một chiến binh nào khác đi làm việc đó chắc sẽ không tránh được nguy hiểm. Còn đối với một em bé, nguy hiểm chắc chỉ xảy ra lúc hành động của em đã bị bại lộ. Khi Heyward tới, người trinh sát đang bình thản chờ đợi kết quả công việc của em bé.

Em này khá tinh khôn, sau khi được chỉ dẫn chu đáo, em ra đi, trong lòng đầy tự hào vì được tín nhiệm và chứa chan hy vọng của tuổi mới lớn. Em thản nhiên đi qua bãi trống rồi vào

rừng ở một điểm cách chỗ giấu súng một quãng. Lúc này, được bụi cây che chắn, thân hình nâu thẫm của em trườn lên như một con rắn đến chỗ giấu của quý. Em đã thành công. Lát sau em lại xuất hiện; nhanh như mũi tên bay, em băng qua khoảng trống hẹp nằm ở chân khu đất cao, nơi dựng làng em, mỗi tay cầm một khẩu súng. Em đã đến được các tảng đá và đang thoăn thoắt leo lên thì một phát súng từ trong rừng bắn ra chứng tỏ dự đoán của người trinh sát rất chính xác. Em bé chỉ đáp lại bằng một tiếng hét yếu ớt đầy khinh bỉ. Lập tức có một phát súng thứ hai bắn đuổi theo em từ một góc rừng khác. Nhưng liền sau đó, em bé đã xuất hiện trên khu đất cao, đắc thắng giơ hai khẩu súng lên rồi, với dáng điệu của kẻ chiến thắng, chạy đến người trinh sát nổi tiếng đã trao cho em công việc đầy vinh quang này.

Mặc dù hết sức lo lắng cho số phận của em bé, Mắt Chim Ưng cũng không giấu nổi vui mừng khi nhận khẩu Sát Hươu và trong chốc lát, bác quên hết mọi ý nghĩ khác. Sau khi xem xét khẩu súng với con mắt thành thạo, mở ra đóng vào, nổ súng tới mười mười lăm lượt, thử đi thử lại bộ phận cò súng nhiều lần, bác mới quay sang phía em bé, tròng mắt hỏi em có bị say sát gì không. Em bé hãnh diện ngược mắt nhìn vào mặt bác, không trả lời.

“À! Cháu tôi, ta thấy rồi! Quân khốn kiếp đã bắn sứt cánh tay cháu!” người trinh sát vừa nói vừa nhắc cánh tay em bé lên thì thấy một viên đạn đã trúng cánh tay, làm thành một vết thương sâu ở phần thịt, “Nhưng một ít lá dầu như tám bùa tiên sẽ làm cháu khỏi ngay thôi; giờ, ta hãy buộc vết thương lại cho cháu đã. Cháu can đảm của ta, cháu đã sớm bắt đầu cuộc đời chiến binh, và chắc từ giờ tới lúc nhắm mắt, cháu còn được mang trên mình nhiều vết sẹo vinh quang nữa. Ta biết nhiều

chiến binh trẻ cắt được chỏm tóc của kẻ địch mà vẫn không có một dấu vết như thế này.” Sau khi băng xong vết thương, bác bảo chú bé: “Thôi, cháu đi nhé, cháu sẽ trở thành một thủ lĩnh.”

Chú bé chạy đi, tự hào về vết máu chảy ra từ vết thương hơn cả một viên quan khôn ngoan nhất triều đình được tặng thưởng một dải băng đỏ; em đi trong đám trẻ cùng lứa tuổi và được tất cả các bạn thèm muốn. Trong một lúc thanh thoi hơn, chắc chắn mọi người đã chú ý khen ngợi hành động can đảm của em bé, nhưng lúc này không ai quan tâm tới vì có bao nhiêu nhiệm vụ quan trọng đang chờ họ. Tuy nhiên, việc làm của em cũng giúp cho những người Delaware hiểu được vị trí và ý định của quân thù; một tổp trinh sát tức khắc được cử đi đánh đuổi bọn Huron ẩn nấp trong rừng, một nhiệm vụ thích hợp với họ hơn với em bé yếu đuối tuy rất can đảm nói trên. Công việc này cũng chóng hoàn thành vì hầu hết bọn Huron thấy bị lộ đã rút lui Các người Delaware đuổi thêm một quãng xa nữa rồi dừng lại chờ lệnh vì sợ bị dử vào ổ phục kích. Cả hai bên đều rút vào bí mật, và núi rừng vắng vẻ lại trở nên yên ắng bình lặng như các buổi sáng hè mát dịu khác.

Uncas, bề ngoài bình tĩnh nhưng trong lòng như lửa đốt, tập hợp các thủ lĩnh lại để phân chia lực lượng. Anh giới thiệu Mát Chim Ưng là một chiến binh đã được thử thách nhiều và luôn luôn đáng tin cậy. Thấy mọi người tỏ vẻ hoan nghênh, anh bèn giao cho bác chỉ huy hai mươi tay súng cũng nhanh nhẹn, tháo vát và kiên quyết như anh. Anh cho mọi người biết cấp bậc của Heyward trong quân đội Anh hoàng và cũng muốn giao cho chỉ huy một số người tương tự, nhưng Heyward từ chối và tình nguyện sẵn sàng chiến đấu bên cạnh người trinh sát. Sau khi đã sắp xếp cho hai người, Uncas chỉ định các thủ lĩnh Delaware

đảm nhiệm các trọng trách khác rồi, vì thời gian cấp bách, anh ra lệnh xuất phát ngay. Hơn hai trăm người vui vẻ nhưng yên lặng tuân theo lệnh của vị thủ lĩnh trẻ tuổi.

Đoàn quân vào rừng hoàn toàn yên ổn; suốt dọc đường cho tới chỗ tập trình sát, họ không gặp một bóng người khả dĩ cung cấp tin tức cần thiết hoặc báo động cho họ. Uncas ra lệnh dừng chân; các thủ lĩnh lại tụ tập trong một “cuộc họp thì thầm.” Có nhiều người đưa ra kế hoạch hành động, nhưng không kế hoạch nào phù hợp với ý muốn của người thủ lĩnh đầy nhiệt huyết. Nếu chỉ nghe theo lòng mình, chắc rằng Uncas đã tức khắc dẫn mọi người tấn công ngay, và trận đánh thắng bại ra sao sẽ được quyết định nhanh chóng, nhưng hành động như vậy sẽ hoàn toàn trái ngược với tập quán và ý kiến của tất cả bộ lạc. Vì vậy anh phải theo một đường lối thận trọng mà anh rất ghét trong tâm trạng hiện nay và phải nghe lời khuyên của mọi người, tuy trong lòng anh hừng hực sự sôi khi nhớ tới mối nguy hiểm Cora đang chịu đựng và sự lão yếu của Magua.

Hội nghị họp một lúc lâu vẫn chưa đạt kết quả, chợt đâu thấy một người lẻ loi từ phía quân địch tiến đến, dáng điệu vội vã làm ai cũng nghĩ người đó là sứ giả tới đề nghị giảng hòa. Nhưng khi còn cách chỗ mọi người đang kín đáo họp chừng trăm thước, kẻ lạ mặt do dự như không biết đi đường nào, sau cùng đứng lại. Mọi người đều quay nhìn Uncas như muốn hỏi nên xử sự ra sao.

“Bác Mắt Chim Ưng,” người thủ lĩnh trẻ tuổi thì thầm nói, “tên này nhất định không còn dịp gặp lại dân Huron nữa.”

“Giờ tận số của nó đã tới rồi.” Người trình sát nói cụt lủn rồi đưa nòng súng qua kẽ lá, ngắm bắn. Nhưng bác không bóp cò mà hạ mũi súng xuống, vẻ đột nhiên hết sức vui mừng và nói:

“Chết thật! Cứ tưởng đó là một tên Huron khôn kiếp! Đang ngắm dọc theo xương sườn nó tìm chỗ gửi một viên đạn vào, có thể nào ngờ được không, Uncas, bác nhận ra cái ông thổi gió của anh chàng nhạc sĩ mà chúng ta vẫn gọi là chàng Gamut! Cái chết của anh ta chẳng có lợi gì cho ai, nhưng anh ta sống lại có ích cho công việc của chúng mình nếu ngoài việc hát hổng, cái lưỡi anh ta còn làm được việc gì khác nữa. Tôi sẽ nói chuyện với con người trung thực này; nếu tiếng nói của tôi vẫn còn tác dụng, anh ta sẽ thấy tiếng tôi dễ nghe hơn tiếng của khẩu Sắt Hươu.”

Nói xong, Mắt Chim Ưng đặt súng sang một bên, trườn qua bụi cây về phía David. Đến khi đã có thể nghe được nhau, Mắt Chim Ưng cố gắng nhắc lại điệu nhạc đã giúp bác qua được doanh trại Huron một cách an toàn và kỳ diệu.

Nhưng không dễ gì đánh lừa giác quan nhạy bén của David (thật ra ngoài Mắt Chim Ưng, khó có ai phát được những âm thanh như thế). Vì đã nghe âm điệu đó một lần, David nhận ra tiếng hát từ đâu vọng tới. Anh như thoát được một tình trạng vô cùng lúng túng, chạy về hướng có tiếng hát, một việc dễ dàng hơn nhiều so với hành động của một chiến binh khi phải xông lên trước mũi đại bác của địch, và anh đã tìm ngay thấy chỗ nấp của người hát.

“Không biết bọn Huron sẽ nghĩ gì về việc này!” Vừa nói vừa cười, người trinh sát dắt tay bạn đưa về chỗ dân Delaware. “Nếu bọn khôn kiếp nghe được chúng ta, chúng sẽ nói có hai thằng điên chứ không phải là một. Nhưng ở đây an toàn rồi.” Bác chỉ vào Uncas và các bạn của anh rồi nói tiếp: “Giờ anh hãy kể cho nghe về những mưu mô của bọn Mingo đi, kể bằng tiếng Anh và cứ nói tự nhiên, đừng có lên bổng xuống trầm làm gì.”

David yên lặng, ngạc nhiên thấy xung quanh toàn những bộ mặt hung dữ và man rợ của các thủ lĩnh nhưng yên tâm vì có cả những người quen biết; anh bình tĩnh lại để trả lời được rõ ràng.

“Bọn vô thần đang tập trung rất đông,” David nói, “và tôi sợ chúng có ác ý. Chúng hò hét, nhảy múa lung tung như điên dại, đồng thời chúng la hét tục tằn rầm rĩ ở trong nhà, thật đúng là quân vô đạo. Cảnh tượng đã diễn ra được một tiếng đồng hồ, đến nỗi tôi phải trốn sang với dân Delaware cho yên thân.”

“Dù anh có nhanh chân hơn một chút, tai anh cũng chẳng được lợi gì hơn.” Người trinh sát trả lời, hơi sỗ sàng, “Nhưng thôi, ta hãy mặc chuyện đó. Bọn Huron hiện giờ ở đâu?”

“Chúng nấp trong rừng, suốt từ đây tới làng chúng; lực lượng chúng mạnh, cẩn thận thì nên quay ngay về thôi.”

Uncas đưa mắt nhìn hàng cây che giấu quân mình, rồi hỏi:

“Magua đâu?”

“Magua đi với bọn chúng. Nó đưa cô gái đã ở cùng với dân Delaware về làng, nhốt cô ta vào hang, rồi như con sói điên, cầm đầu bọn Anh điêng ra trận ngay. Không biết có chuyện gì làm nó cuồng lên như thế?”

“Nó nhốt Cora vào trong hang à?” Heyward ngắt lời, “Cũng may chúng ta đã biết địa thế của hang. Có thể làm gì cứu cô ta ngay được không?”

Uncas nhìn chăm chăm vào người trinh sát rồi hỏi:

“Mắt Chim Ưng bảo sao?”

“Cho tôi hai mươi tay súng, tôi sẽ rẽ sang phải, dọc theo con suối, vượt qua các tổ hải ly đến nơi trú chân của bác Chingachgook và ông đại tá. Các anh sẽ nghe thấy tiếng kêu

chiến trận ở phía đó; với chiều gió này, cách một dặm cũng dễ dàng nghe thấy. Uncas, cháu hãy đánh vào phía trước mặt; khi nào bọn chúng lọt trong tầm súng, chúng ta sẽ giáng một đòn khiến cho trận tuyến của chúng cong lại như cây cung bằng gỗ hộc vậy; xin cứ tin vào lời nói của người lính biên phòng già này. Sau khi đã giải quyết xong việc với bộ lạc Huron bằng một đòn quyết thắng, hoặc theo lối đánh trận của người da trắng, hoặc bằng cách ẩn núp của người Anh diêng, chúng ta sẽ xông vào làng và cứu cô gái. Thừa thiếu tá, kế hoạch không có gì thông thái lắm, nhưng với lòng can đảm và kiên nhẫn, ta có thể thực hiện được.”

“Tôi rất tán thành.” Duncan kêu lên; anh thấy giải phóng Cora là mục tiêu đầu tiên trong ý nghĩ của người trinh sát, “Tôi rất tán thành kế hoạch đó. Ta hãy bắt tay thực hiện ngay.”

Sau một cuộc hội ý ngắn, kế hoạch được bàn kỹ thêm và được phổ biến rõ ràng hơn cho mọi người; các khẩu hiệu tín hiệu được quy định, và các thủ lĩnh chia tay, mỗi người về vị trí mình phụ trách.

CHƯƠNG 32

Bệnh dịch lan tràn và lửa táng cứ nhiều thêm, chừng nào đức vua vĩ đại chưa trả cô hầu mắt đen cho Chryna mà không đòi chuộc.^[77]

• HOMER

Trong thời gian Uncas bố trí lực lượng, núi rừng vẫn yên lặng và, trừ số người có mặt trong cuộc họp, bề ngoài vẫn vắng vẻ như vừa mới từ bàn tay đáng Tạo hóa nặn ra. Ta có thể phóng mắt nhìn bốn phía, qua các hàng cây cao râm mát, mà tuyệt nhiên không thấy một vật gì không phù hợp với cảnh tượng yên bình như đang ngủ này. Đây đó có tiếng chim vỗ cánh trên những cành sồi, thỉnh thoảng một con sóc đánh rơi một quả hạt để làm đám người giật mình nhìn lên trong chốc lát; nhưng khi yên lặng trở lại, chỉ còn nghe tiếng rì rào trên suốt khoang rừng xanh um, mênh mông, phẳng lì, chỉ đứt quãng ở những nơi có dòng suối hay mặt hồ. Từ chỗ quân Delaware đang tụ tập đến làng Huron, cánh rừng dường như chưa có người đặt chân tới vì không khí yên lặng im lìm quá. Nhưng Mắt Chim Ưng, người có nhiệm vụ đi đầu trong trận đánh, không tin vào bề ngoài yên lặng dối giả này vì bác hiểu quá rõ bản chất của kẻ địch mà bác sắp phải chạm trán.

Khi thấy tốp chiến binh của mình đã tự tập xong, người trinh sát cặp khẩu Sát Hươu vào nách, lặng lẽ ra hiệu cho mọi

người đi theo. Bác dẫn họ lùi về phía sau một đoạn, đi vào lòng một con suối mà lúc trước họ đã lội qua. Đến đây, bác dừng lại, chờ cho tất cả các chiến binh nghiêm nghị và chăm chú đến gần mới hỏi họ bằng tiếng Delaware:

“Trong các chiến binh trẻ của ta đây, có ai biết con suối này dẫn tới đâu không?”

Một thanh niên Delaware chìa một bàn tay với hai ngón xò ra, rồi chỉ vào chỗ hai ngón giao nhau ở mu bàn tay. “Trước khi mặt trời đi trọn một vòng, dòng nước nhỏ sẽ hòa vào dòng nước lớn. Hai dòng hợp lại đủ rộng cho hải ly vùng vẫy.” Vừa nói anh vừa chỉ tay về phía địa điểm mà anh nói tới.

“Tôi cũng nghĩ như thế.” Người trinh sát đưa mắt nhìn khoảng trời giữa các chòm cây và đáp, “Căn cứ vào hướng của dòng suối và vị trí của dãy núi thì phải như vậy. Chúng ta sẽ đi nép vào bờ suối cho đến khi đánh hơi thấy bọn Huron.”

Các chiến binh biểu lộ đồng tình bằng một tiếng kêu ngắn như thường lệ, nhưng thấy người chỉ huy sắp sửa đích thân dẫn đường một hai người làm hiệu rằng còn có việc chưa được giải quyết chu đáo. Mắt Chim Ưng hiểu những cái nhìn đầy ý nghĩa của họ, bác quay lại thì thấy thầy quản hát từ nãy vẫn đi theo mọi người.

“Bạn ơi,” người trinh sát hỏi, dáng điệu nghiêm trang và có lẽ hơi tự hào về vinh dự được giao phó, “bạn có biết rằng đây là đội tiên tiêu được cử đi làm một công việc hết sức gian nguy không? Đội này được đặt dưới quyền chỉ huy của một người có thể nói năng không được văn hóa nhưng nhất định không để quân lính ngồi chơi đâu. Có thể không đầy năm phút và nhất định không quá ba mươi phút nữa, chúng ta sẽ giẫm lên một tên Huron còn sống hoặc đã chết.”

“Tôi chưa được nghe nói về kế hoạch của bác,” David trả lời, mặt hơi ửng đỏ, hai mắt lúc thường hiền lành lơ lơ, giờ đây sáng quắc một cách khác thường, “nhưng các chiến binh của bác làm tôi nghĩ đến con cháu của Iacôb xuất trận đánh quân của tướng Shechemites tai ác cứ đòi lấy một người đàn bà thuộc chủng tộc được Chúa che chở. Phải, tôi đã cùng đi, đã cùng trải qua nhiều lúc vui buồn với cô gái bác đang tìm kiếm; và tuy tôi không phải là một người của chiến trận với đầy đủ kiếm sắc, thất lưng, bao đạn, tôi cũng sẵn sàng vì cô ấy mà đánh địch.”

Người trinh sát do dự như cân nhắc hậu quả của việc chiêu binh kỳ quặc này, rồi bác đáp:

“Anh không biết sử dụng một vũ khí nào, lại không mang súng ống, còn bọn Mingo là những kẻ ăn miếng nào trả miếng nấy, anh có thể tin như vậy.”

“Tuy không được liêu lĩnh và hung hãn như Goliath,” David đáp lại và rút một cái ná giấu dưới bộ quần áo loang lổ kỳ lạ của mình, “nhưng tôi vẫn chưa quên gương sáng của em bé Do Thái. Với chiến cụ cổ xưa này mà lúc còn trẻ tôi sử dụng rất thành thạo, tôi chắc chưa hoàn toàn quên mất tài mọn đâu.”

“Phải?” Mắt Chim Ưng vừa nói vừa nhìn sợi dây và bộ phận kẹp đá bằng da hươu với đôi mắt lạnh lùng không chút khích lệ, “Cái đó có thể được việc nếu chọi với cung tên hay dao nhọn, nhưng bọn Mingo này được Pháp cung cấp cho mỗi tên một khẩu súng nòng có rãnh hằn hơi kia. Tuy nhiên, hình như anh có phép lạ, đi trong lửa đạn vẫn thoát chết, và vì từ trước đến giờ anh vẫn luôn luôn được may mắn nên... Kia, thiếu tá, sao lại để súng không hãm cò thế kia. Chỉ một phát súng nổ trước giờ là có thể mất toi hai mươi chòm tóc đấy... nên, anh

David ạ, anh có thể đi theo. Chúng tôi sẽ giao cho anh việc hò hét uy hiếp.”

“Xin cảm ơn.” David đáp và đi nhặt những hòn sỏi lớn làm đạn cho cái nã, “Tuy không có ý muốn giết người, tôi sẽ thắc mắc nếu không cho tôi đi theo.”

“Nhưng xin đừng quên,” người trinh sát nói tiếp, tay gõ gõ lên đầu mình, với một vẻ đầy ý nghĩa, đúng chỗ chàng Gamut còn đau nhức, “rằng chúng ta đi đánh trận chứ không phải ca hát đâu nhé. Và từ giờ cho đến lúc mọi người hò hét tiếng hú trận, chỉ được nổ súng chứ không được nói gì hết.”

David gật đầu như để tỏ vẻ đồng ý với điều kiện đó. Mắt Chim Ưng lại đưa mắt nhìn toán quân một lần nữa rồi ra hiệu tiến bước.

Mọi người đi chừng một dặm trong lòng suối. Tuy không có nguy cơ lớn bị quân địch quan sát vì hai bờ suối dốc ngược và rậm rạp, toán quân vẫn thận trọng theo đúng quy tắc tấn công của người Anh diêng. Mỗi bên bờ suối có một chiến binh đi lom khom, thỉnh thoảng lại liếc nhìn vào trong rừng, cứ vài phút tất cả lại dừng bước, lắng nghe xem có tiếng động gì đáng ngờ không, các giác quan căng thẳng đến mức người không ở trong hoàn cảnh đó khó tưởng tượng nổi. Tuy thế, họ đi được yên ổn, tới chỗ con suối chảy vào dòng sông to vẫn không có dấu hiệu gì tỏ ra họ đã bị lộ. Người trinh sát lại cho dừng chân để nghiên cứu dấu vết trong rừng.

“Hôm nay có vẻ đẹp trời cho một trận đánh đấy,” bác bảo Heyward bằng tiếng Anh và ngược mắt nhìn mấy đám mây lơ lửng bay thành những mảng lớn trên cao, “trời nắng to và nóng súng lóng lánh làm cho khó ngắm trúng. Mọi điều kiện đều thuận lợi cho ta; gió thổi từ phía kẻ địch lại, do đó chúng ta

sẽ nghe được những tiếng động của chúng, và khói súng của chúng sẽ bay trước làm chúng khó nhìn, đó là một thuận lợi không nhỏ; còn bên ta bắn xong là khói bay về phía sau, không có gì cản trở mắt ngắm. Nhưng đến đây hết chỗ ẩn nấp rồi; giống hải ly đã chiếm cứ bờ sông này hàng trăm năm nay, vừa làm tổ vừa kiếm ăn, thành ra có bao nhiêu thân cây trụ mà chẳng còn mấy cây sống được, cứ trông đây khắc biết.”

Quả thật bằng mấy câu nói đó, Mắt Chim Ưng đã mô tả được khá đúng triển vọng đang bày ra trước mắt họ. Chiều rộng của dòng suối không đều, lúc chảy xiết qua các khe đá, lúc trải rộng hàng mẫu như mặt hồ. Khắp nơi dọc hai bên bờ, la liệt thân cây mục ở mức độ khác nhau, từ những cây chỉ còn trơ thân không ra hình thù gì đến những cây mới bị bóc hết vỏ xù xì chứa đựng nguyên lý bí hiểm của sự sống. Một vài ụ đất dài và thấp, phủ rêu xanh rải rác đó đây như nói lên rằng trước kia đã có những thế hệ ở nơi này nhưng từ lâu đã rời đi nơi khác.

Người trinh sát xem xét tất cả mọi chi tiết đó một cách kỹ càng chăm chú hơn bao giờ hết. Bác biết rằng doanh trại của dân Huron ở ngược dòng suối cách đó chừng nửa dặm; vốn rất e ngại bị phục kích, bác rất bối rối vì vẫn chưa phát hiện ra một vết tích nào chứng tỏ sự có mặt của quân địch. Một đôi lần bác đã định ra lệnh xông lên, bất ngờ tấn công vào làng, nhưng kinh nghiệm bản thân nhắc nhở bác ngay rằng làm như vậy nguy hiểm vô ích; bác chăm chú lắng nghe xem từ phía Uncas có tiếng gì chứng tỏ ở đó đang đánh nhau không, ruột nóng như lửa đốt. Nhưng ngoài tiếng gió thổi mạnh từng cơn trên khoảng rừng như báo hiệu sắp có giông tố, không còn mấy tiếng động nào khác. Sau cùng, không giữ được kiên nhẫn như mọi khi và không nghe theo lý trí của mình nữa, bác quyết

định tung lực lượng ra và thận trọng nhưng kiên quyết ngược dòng suối tiến lên.

Khi quan sát tình hình người trinh sát ẩn mình sau một bụi cây, còn các chiến binh vẫn đứng trong lòng khe có con suối nhỏ róc rách chảy. Nghe hiệu lệnh khẽ nhưng rõ ràng của bác, cả toán quân leo lên bờ và, như những bóng ma, yên lặng vây quanh người chỉ huy. Mắt Chim Ưng chỉ cho họ biết hướng tiến, rồi bác đi lên trước, mọi người đi hàng một, bước đúng vết chân bác như chỉ để lại vết chân của một người (nếu như không kể Heyward và David).

Nhưng toán quân vừa ra khỏi chỗ nấp thì một loạt hàng chục tiếng súng nổ ở phía sau; một chiến binh Delaware chồm lên như một con hươu bị thương rồi ngã xuống chết thảng thảng.

“Ôi ta vẫn lo ngại rồi vào quỷ kế này!” người trinh sát kêu lớn bằng tiếng Anh, rồi nhanh như cắt, hô tiếp bằng tiếng Delaware, “Nấp ngay, bắn!”

Theo tiếng hô, mọi người tản ra; Heyward chưa hết kinh ngạc đã thấy chỉ riêng anh với David còn đứng chơ vơ. Cũng may bọn Huron đã rút lui nên hai người mới thoát không ăn đạn của chúng. Nhưng tình trạng ngừng bắn đó không lâu vì người trinh sát đã nổ súng đuổi theo; bác lao từ cây nọ sang cây kia, còn kẻ địch cứ lùi dần.

Dường như chỉ có một số rất ít quân Huron tham gia vào cuộc tấn công vừa qua, nhưng dần dần càng rút lui quân số của chúng càng tăng, cuối cùng hỏa lực địch bắn trả lại nếu không bằng thì cũng chẳng kém hỏa lực của quân Delaware bao nhiêu. Heyward lao theo các chiến binh, anh cũng bắt chước họ hành động cẩn thận và bắn rất nhanh. Trận đánh trở nên ác

liệt và ở thế giằng co. Hai bên đều có ít người bị thương vì họ đều cố lợi dụng cây cối để ẩn nấp và chỉ để lộ người khi ngắm bắn. Nhưng tình thế dần dần trở nên bất lợi cho phía quân Mất Chim Ưng. Người trinh sát nhanh mắt nhận thấy nguy cơ đó nhưng chưa biết khắc phục ra sao. Bác thấy rút lui còn nguy hiểm hơn là giữ nguyên vị trí, trong lúc đó địch quân lại điều người đánh vào bên sườn làm cho việc ẩn nấp của các chiến binh Delaware rất khó khăn, đến nỗi gần như không còn bắn được nữa. Mọi người đã nghĩ rằng có lẽ toàn thể bộ lạc định sắp khép chặt vòng vây; đúng lúc bối rối đó, tiếng hò hét và tiếng súng nổ vang dưới vòm cây rừng, ở chỗ Uncas bố trí quân, so với nơi Mất Chim Ưng đang chiến đấu, nơi đó thấp hơn nhiều.

Cuộc tấn công của Uncas có tác dụng tức khắc là làm vững lòng người trinh sát và đồng đội. Hình như kế hoạch đánh bất ngờ của người trinh sát bị bọn địch biết trước nên đã thất bại; ngược lại, do nhầm về đối tượng và không nhầm đúng quân số đối phương, bọn Huron đã để một lực lượng quá mỏng để chống đỡ cuộc tấn công vũ bão của người thủ lĩnh Mohican trẻ. Điều này rất rõ ràng vì trận đánh ở trong rừng chuyển nhanh về phía làng và số quân địch tham chiến giảm đi tức khắc. Bọn chúng phải rút bớt về trợ lực cho đồng đội và để giữ vững điểm phòng ngự chính của chúng.

Mất Chim Ưng động viên mọi người bằng lời nói và bằng hành động của bản thân, rồi bác hạ lệnh bám sát quân địch. Lối đánh này khá vất vả vì phải tiến từ chỗ nấp này đến chỗ nấp khác ngày càng gần kẻ địch; tuy nhiên mệnh lệnh được tuân theo tức khắc và triệt để. Bọn Huron buộc phải rút lui, và trận địa chuyển nhanh từ chỗ quang đãng, nơi trận đánh bắt đầu, đến một chỗ có lùm cây có thể làm chỗ dựa cho địch. Tại

đây trận đánh kéo dài, gay go và kết quả ai thắng ai bại chưa rõ. Phía Delaware ở vào địa thế không thuận lợi nên đã có nhiều người bị thương tuy chưa ai chết.

Trong lúc gay go này, Mắt Chim Ưng tìm cách đến được đằng sau gốc cây Heyward đang nấp; hầu hết các chiến binh đều ở cách bác một ít về phía bên phải, gọi nhau có thể nghe thấy được. Họ vẫn nổ súng rất nhanh nhưng không có hiệu quả vì địch quân có chỗ ẩn nấp tốt.

“Này thiếu tá, anh còn trẻ,” người trinh sát vừa nói vừa đặt khẩu Sắt Hươu xuống đất, tựa mình vào đầu nòng súng, hơi mệt vì những cố gắng vừa qua, “có thể có ngày anh sẽ cầm quân đánh bọn Mingo khốn nạn này. Ở đây anh đã thấy chiến thuật của người Anh điêng chủ yếu là nhanh tay, tinh mắt, và ẩn nấp tốt. Nếu có một đại đội quân Anh-Mỹ trong tay lúc này, anh sẽ điều khiển họ chiến đấu thế nào?”

“Tôi sẽ cho mở đường bằng lưỡi lê.”

“Đúng là cách suy nghĩ của người da trắng; những người chỉ huy phải tự hỏi mình có thể đỡ được bao nhiêu sinh mạng trong chốn hoang vu này chứ. Không được... phải có ngựa.” Bác lắc đầu trầm ngâm suy nghĩ rồi nói tiếp: “Tôi xấu hổ mà nói rằng sớm muộn ngựa sẽ quyết định trong những trận đánh như thế này. Giống vật đó còn có tác dụng hơn người, và cuối cùng phải dùng đến ngựa thôi. Cứ cho vó ngựa bám sát moccasin của dân da đỏ thì dù súng hết đạn, chúng cũng không dám dừng chân để nạp đạn đâu.”^[78]

“Vấn đề này thảo luận lúc khác có lẽ tốt hơn.” Heyward đáp, “Ta xung phong chứ?”

“Tôi thấy suy nghĩ điều có ích trong lúc nghỉ lấy hơi không có gì trái cả.” Người trinh sát trả lời, “Còn việc xung phong, tôi

không ưa lắm vì sẽ phải hy sinh một hai mảnh da đầu vào đó.” Bác nghiêng đầu lắng tai nghe tiếng ồn ào của trận đánh phía xa rồi nói tiếp: “Tuy nhiên, nếu chúng ta muốn giúp Uncas thì phải quét sạch những tên khốn nạn trước mắt kia!”

Rồi với một cử chỉ mau lẹ và kiên quyết, bác quay lại các chiến binh Anh điêng và gọi to bằng tiếng địa phương. Một tiếng kêu đáp lại rồi theo hiệu lệnh, mỗi chiến binh chạy rất nhanh vòng quanh thân cây mình đang ẩn nấp. Bọn Huron thấy nhiều người hiện ra trước mắt cùng một lúc, vội vã nổ súng nhưng vô hiệu quả vì quá hấp tấp. Không kịp ngừng lại để thở và như những con báo vồ mồi, các chiến binh Delaware nhẩy quân Anh điêng bị xua ra khỏi chỗ ẩn nấp trước khi kịp nạp đạn. Một trong những chỉ huy nổi bật nhất trong trận Miami đã bảo đảm với tác giả rằng dân da đỏ không thể đánh bại những chiến binh có trang bị “dao dài và xà cạp da”. tức là kỵ binh mang kiếm và đi ủng da.

Vọt vào trong rừng. Mắt Chim Ưng dẫn đầu, tay vung khẩu súng lợi hại, bằng hành động đã lôi kéo được mọi người. Một vài tên Huron đứng tuổi và khôn ngoan đã không bị động tác giả của đối phương đánh lừa nên không nổ súng; lúc thấy địch thủ đến gần chúng mới nhả đạn. Điều e ngại của người trinh sát đã trở thành sự thật; ba chiến binh đi đầu ngã xuống. Tuy nhiên, việc đó cũng không làm nhụt khí thế xung phong của các chiến binh Delaware. Với bản chất hung tợn, họ lao vào chỗ nấp của bọn Huron và quét sạch mọi sức kháng cự bằng một đòn tấn công dữ dội.

Trận đánh chỉ diễn ra trong chốc lát, giáp lá cà. Rồi bên Huron lùi rất nhanh đến rìa đối diện của lùm cây; đến đây, chúng bám chặt nơi ẩn nấp như những con thú bị dồn tới đường cùng. Đúng vào lúc gay go đó, khi kết quả trận đánh

một lần nữa lại trở nên không rõ rệt, bỗng nghe có tiếng súng nổ từ phía sau lưng quân Huron, một viên đạn rít lên từ đám tổ hải ly trên khoảng trống, tiếp theo là tiếng hú trận dữ dội khủng khiếp.

“Thủ lĩnh Chingachgook lên tiếng ở phía ấy rồi!” Mắt Chim Ưng reo to rồi đáp lại bằng một tiếng hô vang như lệnh võ, “Thế là ta đánh địch ở cả mặt trước lẫn mặt sau.”

Cuộc tấn công bất ngờ này ảnh hưởng tức khắc đến quân địch. Bị đánh từ phía sau lưng và không có điều kiện ẩn nấp, bọn chúng mất tinh thần, đồng thanh kêu lên một tiếng thất vọng rồi chạy tán loạn qua khoảng trống, chỉ còn nghĩ đến việc thoát thân. Trong khi chạy trốn, nhiều tên gục dưới làn đạn mũi dao của quân Delaware đuổi theo sau.

Chúng tôi không ngừng lại đây để tả chi tiết cuộc gặp gỡ giữa người trinh sát và Chingachgook hay cuộc hàn huyên giữa Duncan và Munro. Một vài câu ngắn gọn, vội vàng, đủ cho hai bên biết được tình hình của nhau. Sau đó, Mắt Chim Ưng giới thiệu Chingachgook với tập quân của mình và trao lại quyền chỉ huy cho bác. Người thủ lĩnh Mohican già lãnh cương vị đó với vẻ dáng nghiêm nghị, trịnh trọng thường vẫn làm cho uy lực của một thủ lĩnh da đỏ thêm lớn mạnh; với nguồn gốc và kinh nghiệm của mình, bác thật xứng đáng với nhiệm vụ quan trọng này. Theo chân người trinh sát, bác dẫn toán quân luôn qua lùm cây quay trở lại. Trên đường đi, các chiến binh cắt chỏm tóc của những tên Huron bị giết và chôn cất những đồng đội đã hy sinh. Mọi người tiếp tục đi cho đến lúc Mắt Chim Ưng dừng lại.

Các chiến binh đã lấy lại hơi sức sau trận chiến đấu vừa qua; lúc này họ ở trên một khoảng đất phẳng có khá nhiều cây cối để ẩn mình. Trước mặt là sườn đồi dốc ngược, rồi đến một

thung lũng hẹp, tối, cây cối rậm rạp trải dài hàng mấy dặm dưới tầm mắt họ. Chính ở trong khu rừng rậm và tối đen đó, Uncas còn đang đánh nhau với đại bộ phận lực lượng Huron.

Chingachgook và đồng đội tiến ra ven đồi; vểnh đôi tai thành thạo lắng nghe những tiếng ồn ào của trận đánh. Một vài con chim bị khuấy động ra khỏi tổ, đang bay liệng trên thung lũng cây cối um tùm; đây đó một làn khói nhẹ gần như hòa lẫn vào không khí, lơ lửng trên ngọn cây, cho thấy rõ những nơi trận đánh đã diễn ra gay go và ở thế giằng co.

“Trận đánh đang chuyển lên đây,” Duncan vừa nói vừa chỉ về phía mới có tiếng súng nổ, “chúng ta ở quá gần trung tâm trận tuyến của họ nên hành động sẽ không có hiệu quả.”

“Họ sẽ đi chuyển về chỗ hôm kia kia, cây cối ở đó rậm rạp hơn,” người trinh sát nói, “lúc đó chúng ta sẽ ở bên sườn họ. Thủ lĩnh này, sắp tới lúc bác thét tiếng hú trận và dẫn đồng đội tiến lên rồi đây. Tôi sẽ chiến đấu tiên, những người cùng màu da với tôi. Bác biết tính tôi đấy, sẽ không có một tên Huron nào lọt được khẩu Sát Hươu để qua sông đánh vào sau lưng bác đâu.”

Người thủ lĩnh Anh điêng đứng thêm một lát để quan sát tình hình trận đánh đang chuyển nhanh ngược lên dốc, chứng tỏ rõ rệt là quân Delaware thắng thế. Khi thấy cả bạn lẫn thù đã lại gần và đạn của phía Delaware đã bắt đầu rơi lớp lớp trên lá khô như những hạt mưa báo hiệu một cơn bão sắp tới, bác mới chịu rời khỏi chỗ đứng. Mắt Chim Ưng và ba người bạn da trắng nấp vào sau một bụi rậm cách đó vài bước, bình tĩnh đợi sự diễn biến của trận đánh, một sự bình tĩnh hoàn toàn chỉ những người dày dạn lắm mới có được trong những lúc thế này.

Không bao lâu, tiếng súng không còn vang âm trong rừng mà nghe như nổ ở ngoài trời vậy, rồi thấy đây đó có những chiến binh Huron bị dồn ra bìa rừng. Chúng chụm lại trên khoảng trống như để quyết chiến một trận cuối cùng. Số người tập hợp mỗi lúc một đông làm thành một hàng dài, những thân hình màu nâu sẫm bám riết nơi ẩn nấp với tất cả sự ngoan cường của kẻ tuyệt vọng. Heyward đã bắt đầu thấy sốt ruột, đưa mắt lo lắng nhìn về phía Chingachgook. Người thủ lĩnh Delaware ngồi trên một mỏm đá, nét mặt vẫn bình tĩnh, nhìn cảnh tượng với đôi mắt thản nhiên như thể bác chỉ ngồi quan sát trận đánh.

“Đã đến lúc bác Chingachgook ra tay rồi đấy!” Duncan nói.

“Chưa đâu, chưa đâu,” người trinh sát đáp, “khi nào đánh hơi thấy các bạn mình, bác ấy mới xuất đầu lộ diện. Trông kìa, trông kìa, bọn khốn kiếp bám lấy lùm thông kia, chẳng khác gì một đàn ông tập hợp sau khi bay. Lạy Chúa, một người đàn bà cũng có thể bắn một phát trúng giữa đám da đỏ ấy!”

Vừa lúc đó, một tiếng hú trận vang lên, và một chục tên Huron gục xuống dưới làn đạn của Chingachgook và đồng đội. Từ trong rừng có tiếng hú trận đáp lại, tiếp theo là một tiếng thét vang trời như thể có hàng ngàn người đồng thanh kêu lên. Bọn Huron lung lay, hàng ngũ tan vỡ ở phía giữa, rồi Uncas từ trong rừng xuất hiện, dẫn đầu một trăm chiến binh.

Vung tay sang hai bên, người thủ lĩnh trẻ tuổi chỉ cho đồng đội thấy quân thù và chia nhau truy kích. Trận đánh bây giờ phân làm hai nơi. Quân Huron bị cắt đôi, cố bám rừng cây làm chỗ dựa để chống lại sự uy hiếp dữ dội của các chiến binh Delaware đang thắng thế. Chưa đầy một phút sau, tiếng súng ở bốn phía xa dần và nhỏ dần dưới vòm cây âm vang. Tuy nhiên

có một tốp Huron không chịu tìm nơi ẩn nấp, chúng cứ lảng lảng rút dần lên quả đồi như những con sư tử bị dồn tới chỗ bí. Lúc này Chingachgook và đồng đội đã xông lên tham gia vào trận đánh. Trong tốp Huro, Magua nổi bật, phần vì vẻ mặt hung hãn man rợ, phần vì dáng điệu hiên ngang quyền thế mà y vẫn giữ được.

Trong lúc hăng hái chỉ huy cuộc truy kích, Uncas gần như một mình vọt lên trước, khi trông thấy Cáo Tinh Khôn, anh cũng kịp suy tính, cất lên một tiếng hú trận để gọi sáu bảy người lại, rồi bất chấp sự chênh lệch về số lượng, anh lao theo kẻ thù. Thấy vậy, Cáo bèn dừng lại đón đánh, trong bụng mừng thầm. Nhưng giữa lúc hấn nghĩ rằng đã nắm chắc tính mệnh của người thủ lĩnh trẻ liều lĩnh đang say sưa đuổi theo, một tiếng thét vang lên và Súng Dài đã cùng với các bạn da trắng xông ra tiếp viện. Lập tức tên Huron quay người lại, vội vã tháo lui ngược lên ngọn đồi.

Không ai kịp chào hỏi khen ngợi nhau; vả lại Uncas không biết có các bạn đến giúp sức, vẫn tiếp tục đuổi địch nhanh như gió thổi. Mắt Chim Ưng cố nhắc anh phải chú ý đến việc ẩn nấp nhưng vô hiệu; người thanh niên Mohican vẫn xông pha dưới làn đạn nguy hiểm của kẻ địch và buộc chúng phải chạy trốn nhanh không kém gì người đang đuổi chúng. Cũng may cuộc chạy đua không kéo dài và nhờ có vị trí thuận lợi, những người da trắng cũng theo được sát Uncas, nếu không người thủ lĩnh Delaware này đã vượt tất cả đồng đội và có thể gặp nguy hiểm vì sự khinh suất của mình. Nhưng trước khi tai họa đó xảy ra, kẻ chạy trốn cũng như người đuổi theo đều vào đến làng Wyandots, bên nọ cách bên kia một tầm súng.

Trông thấy làng xóm của mình, tinh thần bọn Huron được kích động lên, vả lại chạy cũng đã mệt, chúng bèn dừng lại

chiến đấu xung quanh lều hội nghị một cách điên cuồng tuyệt vọng. Trận đánh mở đầu và kết thúc nhanh chóng như một cơn lốc tràn qua tàn phá. Rìu trận của Uncas, báng súng của Mắt Chim Ưng và cả cánh tay còn cứng cáp của Munro vung lên tới tấp trong khoảnh khắc đó; xác quân thù đã la liệt trên mặt đất. Riêng Magua, tuy liều lĩnh và rất xông xáo mà vẫn thoát được mọi miếng đòn quyết liệt định kết liễu đời hắn, như thể tính mệnh được một sức mạnh thần kỳ bảo hộ, giống như các anh hùng trong chuyện cổ tích của thơ ca thời xưa vậy. Khi thấy các đồng đội đã bị giết, hắn thét lên một tiếng đầy giận dữ và tuyệt vọng rồi vụt chạy khỏi nơi đó cùng hai chiến binh còn sống sót, mặc cho những người Delaware cắt chỏm tóc chiến lợi phẩm trên xác quân thù.

Uncas từ nãy vẫn để ý tìm Magua trong cuộc hỗn chiến mà không thấy, giờ đây xông lên đuổi theo; Mắt Chim Ưng, Heyward và David cũng băng theo Uncas. Người trinh sát cố gắng hết sức giữ cho tầm súng của mình vượt qua đầu Uncas, bác sử dụng khẩu súng như một tấm mộc có phép lạ để bảo vệ bạn. Đã có lúc Magua định quay lại chiến đấu một lần cuối cùng để trả thù cho đồng đội đã hy sinh, nhưng rồi lại phải bỏ ý định ấy ngay khi sắp thực hiện; hắn lao mình vào giữa một bụi cây rậm rồi đột nhiên chạy tọt vào cái hang mà độc giả đã biết. Mọi người vẫn bám riết. Mắt Chim Ưng từ nãy vẫn không dám nổ súng vì sợ bắn phải Uncas, thấy vậy đắc thắng reo lên là đã nắm chắc quân thù trong tay. Mọi người băng mình vào cửa hang dài và hẹp, vừa kịp để theo hút mấy tên Huron đang chạy trốn. Họ vào đến đường hầm thiên nhiên và các gian trong hang thì đã nghe thấy hàng trăm đàn bà trẻ con la hét kinh hoàng. Dưới ánh sáng lơ mờ, lòng hang lúc đó giống như

một nơi thiên la địa võng với những bóng ma quỷ đang chạy tán loạn.

Uncas vẫn theo hút bóng Magua, như thể tâm trí dồn vào mục tiêu duy nhất đó. Heyward và Mắt Chim Ưng theo sát sau lưng; hai người cùng chung một mong muốn với Uncas, tuy mức độ có thể thấp hơn. Nhưng lối đi mỗi lúc một khó khăn, tối tăm âm u; bóng ba tên Huron mỗi lúc thêm khó nhận và đã có khi gần như mất hút thì đột nhiên thấy một tấm áo trắng, thấp thoáng ở cuối đường hầm dẫn ngược lên núi.

“Đúng Cora rồi!” Heyward kêu lên, giọng anh đờm một vẻ vừa khùng khiếp vừa vui sướng.

“Cora! Coral” Uncas cũng vừa gọi vừa lao lên như một con hươu.

“Đúng cô ấy rồi!” người trinh sát cũng reo to, “Can đảm lên, cô gái; chúng tôi đến đây! Chúng tôi đến đây!”

Sau khi bóng dáng cô gái bị cầm tù xuất hiện, cuộc đuổi bắt lại tiếp tục, khẩn trương gấp bội. Nhưng đường hầm trở nên khắp khểnh, lởm chởm, có những chỗ gần như không vượt qua được. Uncas vút súng, vọi vàng nhẩy vọt lên phía trước. Heyward cũng liều lĩnh nhẩy theo, nhưng cả hai đều nhận ra ngay sự điên rồ của mình khi nghe thấy tiếng súng nổ; bọn Huron đã có đủ thời gian từ phía trên bắn xuống làm người thủ lĩnh Mohican bị thương nhẹ.

“Phải bám sát!” người trinh sát vừa nói vừa lấy hết sức vọt lên trước, “Với khoảng cách này, bọn khốn kiếp sẽ tĩa hết chúng ta thôi! Trông kìa, chúng lại còn dùng cô gái làm mộc nữa.”

Tuy không ai chú ý tới câu nói của Mắt Chim Ưng, không nghe thấy thì đúng hơn, nhưng ai cũng làm theo; bằng những

cố gắng ngoài sức tưởng tượng, họ đã đuổi gần kịp bọn Huron và trông thấy Cora đang bị hai tên lôi đi, còn Magua đang chỉ phương hướng và cách thức cho chúng chạy trốn. Đúng lúc đó, bóng bốn người nổi bật trên nền trời ở cửa hầm, rồi biến mất. Bực mình phát điên, Uncas và Heyward cố chạy nhanh hơn, tuy lúc trước họ đã cố gắng phi thường. Hai người ra khỏi hang ở một chỗ bên sườn núi, vừa vặn để nhận thấy bọn chạy trốn đang theo con đường lên núi, khó khăn và hiểm trở.

Còn vương khẩu súng và có lẽ tình cảm đối với cô gái bị bắt không sâu sắc bằng của Heyward và Uncas nên người trinh sát đành để cho hai người vượt lên trước một chút; lúc này, đến lượt Uncas vọt lên trên Heyward. Cứ như thế, đá tảng, vực sâu, khó khăn, họ đều vượt qua rất nhanh; vào một lúc khác và trong hoàn cảnh khác, có thể họ không sao làm nổi. Nhưng công sức của hai người thanh niên sôi nổi không uổng công vì bọn Huron bận bịu với Cora nên chạy chậm đi nhiều.

“Đứng lại, con chó của dân Wyandots kia!” Uncas vừa vung rìu trợn sáng loáng về phía Magua vừa hét lớn, “Một cô gái Delaware đang gọi mi đứng lại đó.”

“Ta không đi nữa đâu.” Cora đột nhiên dừng lại ở một tảng đá ven vực sâu, cách đỉnh núi không xa, “Tên Huron đáng căm ghét kia, có giết ta thì cứ giết, nhất định ta không đi nữa đâu.”

Hai tên Huron từ nãy vẫn kèm Cora giờ cao rìu trợn định bổ xuống, trên khuôn mặt biểu lộ một niềm vui sướng độc ác ma quỷ. Nhưng Magua đã giữ tay và giật vũ khí của chúng quăng xuống vực; rồi y rút dao, quay lại cô gái, trên mặt biểu hiện những tình cảm rất mãnh liệt và trái ngược nhau, hấn bảo:

“Cô hãy chọn đi, muốn chiếc lều hay lưỡi dao của Cáo Tinh Khôn?”

Cora không nhìn y; nàng quỳ xuống, ngược mắt giơ hai tay lên trời, nói bằng một giọng dịu dàng nhưng đầy tin tưởng:

“Hỡi Thượng đế, con thuộc về Người! Người muốn sao con cũng xin chịu.”

“Cô kia, chọn đi!” Magua nhắc lại, giọng khàn khàn, cố bắt gặp cái nhìn từ đôi mắt trong sáng và long lanh của Cora nhưng vô hiệu.

Cora vẫn không thềm để ý nghe lời hắn. Toàn thân run lên vì tức giận, tên Huron giơ cao lưỡi dao rồi lại hạ xuống với một vẻ bối rối như lưỡng lự. Một lần nữa, y phải đấu tranh với bản thân, lại giơ dao lên thì vừa lúc đó, một tiếng kêu xé tai vang dội trên đầu và Uncas hiện ra, nhảy phắt từ mỏm đá cao ghê người xuống ven bờ vực sâu. Magua lùi lại một bước, thừa cơ lúc đó, một tên Huron đứng cạnh cầm phập lưỡi dao vào ngực Cora.

Như một con hổ dữ, Magua xông tới tên Huron đã làm trái ý hắn và đang rút chạy, nhưng Uncas đã nhảy vào giữa hai tên Huron đang găm ghè nhau. Nổi xung vì thấy Cora bị sát hại ngay trước mắt, lại bị Uncas cản trở mình hành động đối với kẻ vừa giết cô gái, Magua đâm ngập lưỡi dao vào lưng người thủ lĩnh Delaware lúc đó chưa kịp đứng dậy; cùng với hành động hèn nhát đó, y hét lên một tiếng vô cùng khủng khiếp. Nhưng Uncas còn đủ sức vùng lên. Như một con báo bị thương xông tới kẻ thù, anh thu hết toàn lực giáng cho tên Huron vừa giết Cora một rìu làm y ngã gục dưới chân mình. Rồi anh quay lại Magua, hai mắt gườm gườm kiên nghị như muốn nói anh sẽ làm gì nếu không kiệt sức. Tên Huron nắm cánh tay đã yếu lả của Uncas và đâm luôn ba nhát vào ngực anh. Chỉ khi đó,

Uncas mới gục chết bên chân Magua, mắt vẫn trừng trừng nhìn kẻ thù một cách khinh bỉ.

“Tên Huron kia, hãy rủ lòng thương! Hãy rủ lòng thương!” Heyward từ trên cao kêu to, giọng hầu như tắc nghẹn vì khùng khiếp. “Hãy thương người, người khác sẽ thương mi.”

Tên Magua thắng thế vừa vung lưỡi dao vấy máu về phía Heyward đang khấn khoản cầu xin vừa thét lên một tiếng dữ dội man rợ nhưng đầy vui sướng, như để truyền tiếng kêu thắng trận đến tai những người đang chiến đấu dưới thung lũng cách đó chừng vài trăm thước. Người trinh sát thét lên một tiếng đáp lại và thoát chạy tới, thân hình cao lớn của bên vững chắc và liêu lĩnh băng qua những mũi đá nhọn nguy hiểm như có tài bay bổng trong không khí. Nhưng khi bác đến chỗ đã diễn ra cuộc thảm sát tàn khốc, bên mồm đá chỉ còn lại những người đã chết.

Bác nhìn qua xác các nạn nhân rồi đưa mắt nhìn lên đốc núi sừng sững trước mặt. Một người đang đứng ở rìa núi chênh vênh chót vót hai tay giơ lên trời, dáng điệu đầy hăm dọa. Mắt Chim Ưng vừa tiếp tục quan sát người đó, vừa giơ súng lên ngắm; nhưng một hòn đá lớn đã rơi trúng đầu một tên Huron đang chạy ở dưới và khi ấy bác mới thấy rõ vẻ dáng hùng hực căm phẫn của chàng Gamut trung thực. Lúc này Magua mới từ một khe đá nhô ra, lạnh lùng bước qua xác người đồng đội cuối cùng, rồi y nhảy qua cái vực rộng, leo lên một nơi có thể tránh được vũ khí của David. Chỉ một cái nhảy nữa sẽ đưa y sang bờ vực bên kia và y sẽ được an toàn. Nhưng trước khi nhảy, y còn dừng lại, giơ nắm tay đe dọa người trinh sát và kêu lớn:

“Bọn mặt tái là đồ chó! Bọn Delaware là một lũ đàn bà! Magua bỏ mặc chúng mày trên núi đá cho quạ xé!”

Rồi y cười gằn, lấy hết sức nhảy vọt một bước nhưng không tới; tuy vậy tay y đã nắm được một bụi cây bên bờ vực. Mắt Chim Ưng thu người lại như một con thú sắp nhảy, toàn thân run bần bật vì xúc động, đến nỗi mũi súng đã nghếch lên và vẫn rung như tàu lá lung lay trước gió. Không để phí sức vô ích, tên Magua xảo quyết buông thông mình xuống và tìm một mỏm đá để tựa chân vào. Rồi tập trung hết sức lực, y cố gắng một lần nữa kéo được đầu gối lên rìa núi. Đúng lúc thân hình Magua thu gọn lại, khẩu súng rung rinh được đưa về đến vai người trinh sát, ở một tư thế cố định hơn cả các tảng đá xung quanh, chỉ trừ giây phút súng khạc đạn. Hai cánh tay của tên Huron chùng lại, người y ngã về đằng sau một chút tuy hai đầu gối vẫn ở tư thế cũ. Quay cặp mắt độc ác về phía kẻ thù, y giơ một bàn tay lên đe dọa và thách thức. Nhưng tay chân y rời ra và trong nháy mắt, thân hình đen sẫm của y xé không trung lao thẳng xuống vực sâu, đầu lao xuống trước, lướt qua đám bụi cây mọc bên vách núi.

CHƯƠNG 33

Họ chiến đấu bền bỉ và giỏi giang như những con người dũng
cảm,
Thầy của bọn Moslem chắt thành đồng trên đất,
Họ đã thắng - nhưng Bozzaris đã ngã xuống,
Máu tuôn ra từ các huyết quản.
Một vài chiến hữu sống sót đã nhìn thấy,
Anh mỉm cười khi tiếng hò reo của họ vang lên,
Và khi chiến trường đầm máu đã bị chiếm lĩnh.
Họ nhìn thấy đôi hàng mi anh vĩnh viễn khép lại,
Bình thản như trong giấc ngủ đêm,
Như những bông hoa khi trời rạng. ^[79]
• HALLECK

Ngày hôm sau, khi mặt trời hiện ra, cả bộ lạc Lenape sống trong cảnh tang tóc. Những âm thanh của chiến trận đã chấm dứt; bộ lạc đã rửa được mối hận thù trước đây và thanh toán được sự xích mích vừa qua với dân Mingo bằng cách tiêu diệt cộng đồng của chúng. Bầu không khí tối tăm ảm đạm bao trùm nơi đồn trú của dân Huron cũng đủ nói lên số phận của bộ lạc sống lang thang này; hàng trăm con quạ đang tranh mồi trên các đỉnh núi trọc hoặc bay từng đàn huyền ảo qua các khoảng rừng rộng lớn chỉ rõ những nơi đã diễn ra trận đánh hôm trước. Tóm lại, bất cứ một con mắt nào đã quen thuộc với các biểu hiện của một cuộc chiến tranh ở vùng biên giới cũng có

thể nhận ra những bằng chứng không thể nhầm lẫn về hậu quả tàn khốc của một cuộc trả thù giữa những người Anh điêng.

Tuy nhiên, mặt trời vừa mọc lên đã thấy cả bộ lạc Lenape trong không khí đau buồn. Không một tiếng kêu thắng trận, không một bài ca khải hoàn để mừng thắng lợi. Người chiến binh chậm chân nhất cũng đã từ chiến trường trở về sau khi đã cắt hết các chỏm tóc của quân thù. Anh ta chỉ kịp gột rửa những vết tích kinh khủng trên mình sau công việc đầm máu vừa qua để rồi cùng khóc than với mọi người vì cả bộ lạc anh vừa phải chịu một tổn thất nặng nề. Vẻ đáng khiêm nhường đã thay thế niềm tự hào, hăng hái trước đây của họ, và một nỗi đau buồn sâu sắc rõ rệt trùm lên những tình cảm mãnh liệt nhất của con người.

Các lều đều trống rỗng, nhưng trên một khoảng đất gần đây, tất cả những người còn sống sót tụ tập thành một vòng tròn trong một không khí yên lặng, hãi hùng. Mọi người, tùy cấp bậc, tuổi tác và công việc khác nhau, đàn ông cũng như đàn bà, đều đứng tại đó thành một bức tường sống, ai nấy đều cùng chung một niềm xúc động. Tất cả đều dán mắt vào chính giữa vòng tròn, nơi đặt thi hài những người mà cả bộ tộc xót thương sâu sắc.

Sáu cô gái Delaware, tóc dài đen nhánh rủ lò xo ngang ngực, đứng riêng một chỗ, không động đậy. Thỉnh thoảng họ mới ném một ít cỏ hương và hoa rừng lên một chiếc nệm bằng cây thơm có trải một tấm chăn liệm bằng vải Anh điêng trên đó đặt thi hài của nàng Cora cao quý, nhiệt tình và độ lượng. Thi thể cô gái được bọc nhiều lần cũng bằng thứ vải giản dị đó, và vĩnh viễn sẽ không ai được thấy mặt nàng nữa.

Đại tá Munro ủ rũ ngồi ở phía chân thi hài con gái. Đầu con người có tuổi này gục xuống đất như phục tùng ý muốn của

Thượng đế, ông đã cố nén lòng nhưng nỗi đau đớn vẫn hiện ra trên vầng trán nhăn nheo, và mớ tóc hoa râm không chải rũ hai bên thái dương chỉ che đậy được phần nào nỗi buồn thương đó. Chàng Gamut đứng bên cạnh, đầu để trần dưới nắng, đôi mắt lo âu hết nhìn quyển Thánh kinh nhỏ có biết bao nhiêu câu cách ngôn kỳ lạ lại nhìn ông bạn già mà anh muốn đem hết tâm hồn ra để an ủi Heyward cũng đứng tựa mình vào một thân cây gần đấy, anh cố đem hết tính cứng cỏi của đấng nam nhi để nén nỗi đau thương đang dậy lên trong lòng.

Cảnh tượng ở nhóm trên đây đã buồn thảm nhưng ở một nhóm khác đối diện với chỗ đó, cảnh tượng còn cảm động hơn nhiều. Uncas được đặt ngồi như còn sống, mình và chân tay sắp xếp theo một tư thế nghiêm trang chỉnh tề. Tất cả những đồ trang sức rực rỡ quý báu nhất của bộ lạc được đem ra điểm tô cho thi hài. Trên đầu anh có những chiếc lông chim rực rỡ đính nghiêng nghiêng, mình đeo đầy những chuỗi vỏ sò, vòng cổ, vòng tay và mề đay. Tuy nhiên, đôi mắt lơ đãng và nét mặt không hồn tương phản hẳn với vẻ long lẫy của đồ trang sức.

Chingachgook đứng ngay trước thi hài, tay không cầm vũ khí mặt không vẽ sơn và không đeo đồ trang sức gì khác ngoài cái phù hiệu màu xanh tươi không bao giờ phai nhạt của chủng tộc in hằn trên bộ ngực để trần. Suốt trong khoảng thời gian dài bộ lạc tập trung ở đó, người chiến binh Mohican chăm chăm nhìn với một vẻ lo âu khuôn mặt lạnh lùng, vô tri vô giác của đứa con trai mình. Đôi mắt bác chăm chú, trừng trừng, tư thế bất động. Người lạ đến đây chắc sẽ khó phân biệt được người sống với người chết nếu như trên khuôn mặt sạm đen của bác không thỉnh thoảng ánh lên những nét đau buồn và nếu như vẻ mặt của Uncas không vĩnh viễn biểu lộ sự lạnh lùng của chết chóc.

Ngay gần đây, người trinh sát tư lự đứng tựa vào khẩu súng lợi hại đã trả được thù cho bạn. Tamenund tựa vào mấy ông già, đứng ở một chỗ cao để có thể nhìn thấy toàn thể bộ lạc đang tụ tập đông đủ trong bầu không khí buồn rầu yên lặng.

Một quân nhân mặc quân phục ngoại quốc đứng trong vòng người; con ngựa chiến của anh ta ở phía ngoài đang được mấy kỹ sĩ tùy từng chăm sóc như để chuẩn bị sẵn sàng cho một chuyến đi xa sắp tới. Trông trang bị của khách lạ có thể đoán anh là người giữ một trọng trách bên cạnh vị chỉ huy quân sự xứ Canada, hình như anh đến đây để làm một sứ mệnh hòa bình, nhưng sự liều lĩnh hung hãn của các đông minh đã làm đảo lộn cả và bây giờ anh đành yên lặng buồn rầu chứng kiến hậu quả của một cuộc xung đột mà anh không đến kịp để ngăn chặn.

Mặt trời đã lên cao mà mọi người vẫn đứng yên như lúc mới tụ tập từ tảng sáng. Suốt khoảng thời gian dài và đau thương đó, không ai nói to, chỉ thấy những tiếng thốn thức ghen ngào, không ai nhúc nhích chân tay ngoài việc đơn giản nhưng cảm độ là thỉnh thoảng dâng đồ lễ để tưởng nhớ người đã khuất. Chỉ có lòng kiên nhẫn và tính chịu đựng của dân Anh điêng mới có thể làm cho con người quên mình tới mức đó, tưởng đâu những thân hình đen sạm không nhúc nhích kia lúc này đã biến thành đá.

Cuối cùng tộc trưởng Delaware dang tay ra tựa vào vai những người ở bên cạnh và đứng dậy, yếu đuối như thể đã có hàng thế kỷ trôi qua đè nặng lên con người hôm qua còn chủ trì cuộc họp của bộ lạc và giờ đây đang run lẩy bẩy trên bục cao.

“Hỡi con cháu Lenape!” tộc trưởng nói, giọng phều phào như sắp phát biểu những lời tiên tri quan trọng, “Mặt của Manitou bị một đám mây che phủ, mắt Người không nhìn các con, tai Người không nghe các con, miệng Người không nói với các con. Các con không trông thấy Người nhưng Người đã hạ lời phán quyết rồi đó. Các con phải cởi mở lòng mình, phải nói thật mọi điều. Hỡi con cháu của Lenape! Mặt của Manitou bị một đám mây che phủ.”

Lời tuyên bố đơn giản nhưng khủng khiếp lọt vào tai mọi người, ai nấy lặng yên kinh sợ như thể đó chính là lời của vị thần tôn kính trực tiếp nói ra vậy. Ngay cả Uncas bất động cũng như sống lại giữa đám người đang cúi đầu khuất phục. Tuy nhiên tác dụng câu nói của vị tộc trưởng dần dần cũng qua đi và tiếng thì thầm ca ngợi người chết bắt đầu nổi lên. Đó là những tiếng hát của đàn bà con gái, nghe êm ái thiết tha. Ý của lời hát không liên tục gắn bó với nhau, nhưng người nọ vừa ngừng thì người khác lại tiếp tục ca ngợi hoặc xót thương, mỗi người ứng khẩu đặt lời hát theo xúc động của lòng mình và phù hợp với hoàn cảnh. Thỉnh thoảng người hát lại bị tiếng thổn thức kêu than của mọi người ngắt lời. Trong những lúc đó, các cô gái vây quanh thi hài Cora bứt những cây hương và hoa rừng phủ linh sàng, như điên dại vì buồn thương.

Nhưng đến lúc tiếng than khóc lắng dịu chút ít, các cô lại đặt những vật tượng trưng cho sự dịu hiền và trong trắng đó vào chỗ cũ với vẻ đầy xót thương triu mến. Tuy luôn luôn bị đứt quãng như vậy, từ những lời hát vẫn toát ra một nội dung có ý nghĩa và có đầu đuôi rõ rệt.

Một cô gái đức độ và cấp bậc cao nhất trong đám được chọn ra để ngợi ca tài đức của người thủ lĩnh đã khuất. Lời hát của cô được tô điểm bằng những hình tượng trong ngôn ngữ

phương Đông có lẽ đã du nhập theo dân Anh điêng từ những địa cầu châu Á và là cái cầu nối liên lịch sử thời cổ của hai thế giới. Cô gọi Uncas là “con báo của bộ lạc”, mô tả anh như một người có thể lướt trên sương sớm không để lại dấu giày, nhảy nhanh như một con nai non, có đôi mắt sáng như sao trong đêm tối và trong chiến trận, có tiếng thét to không kém gì tiếng sấm của Manitou. Cô nhắc đến người mẹ đã thai nghén và sinh ra anh, cô dành nhiều lời để ca ngợi hạnh phúc của bà mẹ có được người con như vậy. Cô nhờ anh nói với bà, khi nào mẹ con gặp nhau ở thế giới bên kia, rằng các cô gái Delaware đã khóc thương rất nhiều trên nấm mồ của con bà và coi bà là người mẹ hạnh phúc.

Rồi đến những cô gái khác hát tiếp, giọng dịu dàng tha thiết hơn. Với chất tế nhị và nhạy cảm riêng của phụ nữ, các cô nhắc đến người thiếu nữ da trắng đã từ bỏ cõi trần gần cùng một lúc với cuộc ra đi của anh, điều đó đã nói lên ý định của đấng Đại Linh một cách rõ ràng, không thể nhầm lẫn được. Các cô khuyên anh phải tốt bụng với nàng, phải chú ý là nàng còn chưa biết cách ăn ở nhất thiết phải có để làm vui lòng một chiến binh như anh. Các cô hết lời ca ngợi sắc đẹp tuyệt vời, tính kiên quyết cao quý của nàng. Như những thiên thần cảm thấy sung sướng khi có người vượt mình về tài đức, các cô không hề tỏ ra ghen tị, thậm chí còn nói thêm rằng những ưu điểm tự nhiên của cô gái thừa sức bù lại một vài thiếu sót nhỏ trong nền giáo dục cô đã tiếp thu.

Sau đó, một vài cô khác lần lượt nói với Cora bằng một giọng nhỏ nhẹ, vừa trêu mếu vừa thương yêu. Các cô khuyên Cora nên vui vẻ lạc quan và không nên lo ngại gì trong cuộc sống tương lai. Nàng sẽ chung sống với một nhà thiện xạ có thể cung cấp cho nàng mọi nhu cầu nhỏ nhất. Nàng sẽ được một

người chiến binh luôn ở bên cạnh bảo vệ trong cơn hiểm nghèo. Con đường nàng đi sẽ thênh thang và gánh nặng nàng mang sẽ nhẹ nhàng. Nàng không nên quên tiếc các bạn thời niên thiếu, cũng như nơi ở của cha mẹ. Nàng có thể chắc chắn được rằng “đất săn bắn đầy hạnh phúc của dân Lenape” cũng có những thung lũng xanh tươi, những dòng suối trong mát và những đóa hoa thơm ngát như “thiên đàng của người mặt tái”. Nàng nên chăm chút đến các nhu cầu của người bạn đời của mình, và đừng bao giờ quên sự phân biệt mà Manitou sáng suốt đã tạo ra giữa hai người. Đến đây, tất cả các cô gái đều đồng thanh ca ngợi tính tình của người chiến binh Mohican. Anh là một con người cao quý, dũng cảm và độ lượng, anh có tất cả mọi đức tính của một người chiến binh và tất cả mọi điểm để được một cô gái thương yêu. Diễn tả những ý nghĩ của mình bằng những hình ảnh xa xôi và tế nhị, các cô thổ lộ rằng trong những giờ phút ngắn ngủi được tiếp xúc với anh, với cảm tính tự nhiên của nữ giới, các cô đã hiểu được khuynh hướng tình cảm của anh, nghĩa là các cô đã không lọt được vào đôi mắt anh. Anh thuộc một dòng giống trước đây là bá chủ vùng bờ hồ nước mặn, và anh đã theo ước vọng của mình đến với một dân tộc ở gần nơi mồ mả của ông cha. Một ước vọng như vậy chẳng đáng được khuyến khích sao! Còn cô gái da trắng, ai chẳng nhận thấy dòng máu của nàng thuần túy hơn bất cứ người nào cùng dân tộc; bằng hành động, nàng đã tỏ ra có thể chịu đựng được cuộc sống nguy hiểm gian nan nơi rừng núi. Và giờ đây, “con người sáng suốt của trái đất” đã chuyển nàng về một nơi ở đó nàng sẽ gặp những người tốt và vĩnh viễn được hưởng hạnh phúc.

Đến đây, một lần nữa, các cô lại chuyển giọng và nội dung lời ca. Các cô nhắc tới người con gái đang khóc than ở một

chiếc lều gần đây là Alice. Các cô ví Alice như một bông tuyết trong trắng, lóng lánh, dễ tan trong mùa hè oi ả, dễ đông trong mùa gió lạnh. Họ biết rõ mối tình đôi với nàng của người sĩ quan trẻ tuổi cũng có màu da trắng như nàng và cũng đang đau buồn như nàng. Họ không có ý kiến gì về sự lựa chọn của người sĩ quan nhưng rõ ràng họ coi nàng không bằng người con gái đã chết mà họ rất thương xót. Tuy nhiên, họ thấy nàng xứng đáng được hưởng hạnh phúc vì vẻ duyên dáng của nàng cũng vào bậc hiếm có. Họ ví tóc nàng như những dây nho quấn quýt, mắt nàng như vòm trời trong xanh, và nước da của nàng còn ưa nhìn hơn cả đám mây trắng toát lung linh dưới ánh mặt trời.

Trong lúc các cô gái Delaware hát những bài tương tự như vậy, chỉ nghe thấy giọng của họ trầm trầm vang nhẹ, thỉnh thoảng không khí mới trở nên hãi hùng khi mọi người lên tiếng thốn thức kêu than, nghe như những điệp khúc đông ca. Đám đàn ông Delaware lắng nghe các cô hát như thể bị huyền hoặc; cứ trông sự thay đổi trên nét mặt họ cũng thấy được tình cảm của họ hết sức sâu sắc và chân thành. Ngay David cũng chăm chú nghe giọng hát êm dịu của các cô, và tuy tiếng hát đã ngừng từ lâu đôi mắt anh vẫn lộ vẻ rất hài lòng.

Người trinh sát, người da trắng độc nhất hiểu được lời ca, đã trút bỏ vẻ trầm ngâm tư lự. Trong khi các cô gái hát, bác ngھn đầu lên nghe để nắm nội dung lời ca. Nhưng khi các cô nói đến viễn cảnh đời sống của Cora và Uncas, bác lắc đầu như thấy rõ sự sai lầm ngây thơ của họ. Rồi từ đó, suốt buổi lễ chứa chan tình cảm này, bác lại trở lại vẻ trầm ngâm suy nghĩ. May sao Heyward và Munro không hiểu ý nghĩa của lời ca nên không bị kích động thêm.

Chingachgook là người độc nhất không biểu lộ ra ngoài tình cảm của mình như những người thổ dân khác. Suốt buổi lễ, ngay những lúc mọi người kêu la thảm thiết nhất, mắt bác chỉ nhìn vào một hướng và không một đường gân thớ thịt nào rung động trên khuôn mặt cứng cõi. Đối với bác, thi hài lạnh ngắt và vô tri vô giác của con trai bác là tất cả; ngoài thị giác ra, các giác quan khác của bác dường như đã tê liệt để cho đôi mắt có thể tập trung nhìn lần cuối cùng thân hình mà bác đã bao lâu yêu dấu và sẽ không bao giờ còn thấy nữa.

Đến giai đoạn này của lễ an táng, một chiến binh nổi tiếng vì những chiến công đã qua, đặc biệt trong trận đánh mới đây, nét mặt nghiêm nghị trịnh trọng, thông thả tiến ra khỏi đám đông và đến gần xác Uncas.

“Sao anh lại bỏ chúng tôi, hỡi niềm kiêu hãnh của miền Wapanachki?” anh ta nói với Uncas như thể người thủ lĩnh trẻ tuổi vẫn còn nghe được, “Cuộc đời của anh như mặt trời mới lên tới ngọn cây, nhưng vinh quang của anh rạng rỡ hơn ánh nắng chính Ngọ. Anh đi rồi, hỡi người chiến binh trẻ, nhưng có hàng trăm tên Wyandots đã đi trước và đang dọn sạch gai góc trên con đường dẫn anh đến thế giới của các linh hồn. Trông anh xung trận, ai ngờ được rằng anh có thể chết? Trước anh, có ai chỉ đường ra trận cho Uttawa này bao giờ đâu? Chân anh như cánh chim đại bàng, tay anh mạnh hơn cành thông từ trên cao lao xuống, tiếng anh vang động như tiếng của Manitou từ mây cao dội xuống. Tiếng nói của tôi bây giờ yếu rồi,” người chiến binh vừa nói tiếp vừa đưa cặp mắt buồn rầu nhìn xung quanh, “và trái tim tôi nặng trĩu đau buồn. Niềm kiêu hãnh của miền Wapanachki, sao anh lại bỏ chúng tôi?”

Lần lượt những chiến binh khác cũng làm theo Uttawa; hầu hết những người có tài cán và cấp cao trong bộ lạc đến hát

hoặc nói mấy lời ca ngợi bên linh cữu của người thủ lĩnh đã qua đời. Khi mọi người làm xong công việc đó, không khí yên lặng nặng nề lại bao trùm nơi hành lễ. Bỗng nhiên có những âm thanh trầm trầm, nhỏ nhẹ, nghe như tiếng nhạc từ xa vẳng lại; những tiếng đó bay bổng lên khá cao, tai nghe thấy được nhưng chưa rõ lắm nên không xác định được là tiếng gì và từ đâu bay tới, hết một đoạn lại tiếp một đoạn khác, mỗi lúc một cao dần, lúc đầu là những thán từ kéo dài và nhắc đi nhắc lại, sau cùng mới nghe thấy rõ tiếng người. Lúc này đôi môi của Chingachgook mấp máy chứng tỏ bác muốn nói mấy lời vĩnh biệt đứa con yêu quý. Không một ai đưa mắt nhìn bác hoặc biểu lộ một vẻ gì tỏ ra sốt ruột. Nhưng qua thái độ của họ (người nào cũng ngھn đầu chăm chú như muốn uống từng lời nói của Chingachgook). Rõ ràng là ngoài Tamenund, chưa có ai làm cho mọi người phải chú ý đến như thế. Tuy nhiên, họ không nghe thấy gì. Lúc đầu, tiếng bác to quá nên không rõ, về sau lại yếu dần và trở nên run run rồi tắt hẳn như bị một cơn gió thoảng qua cuốn đi. Cặp môi người thủ lĩnh Mohican mím chặt, hai mắt trừng trừng, thân hình bất động; bác ngồi yên lặng như một người mới được đấng Tối cao ban cho phần xác, chưa có phần hồn. Thấy vậy mọi người biết lúc này sự đau đớn nặng nề đang vượt quá sức chịu đựng của bác nên quyết định để bác ở gần con thêm một lát nữa. Bằng một cử chỉ tế nhị rất tự nhiên, họ làm như chỉ chú ý đến việc an táng cô gái da trắng.

Một cụ già ra hiệu cho đám đàn bà đang đứng gần chỗ đặt thi hài Cora, tức thì các cô gái nâng lên ngang đầu tấm nệm trên đặt thi hài Cora và bắt đầu tiến lên, bước đi chậm chạp, đều nhịp, vừa đi vừa hát những bài bi ai ca ngợi cô gái đã qua đời. Chàng Gamut từ nãy vẫn không ngừng quan sát những

thủ tục mà anh cho là vô thần, bèn ghé đầu vào vai người cha già lúc này gần như mất trí, nói nhỏ:

“Họ mang con ông đi đây; chúng ta có đi theo để giữ cho việc chôn cất theo đúng lễ nghi Cơ Đốc giáo không?”

Giật mình như khi nghe tiếng kèn cuối cùng bên tai, Munro nhón nhác nhìn quanh rồi đứng lên đi theo đám tang đơn giản với nét mặt nghiêm nghị của một quân nhân nhưng nặng trĩu nỗi đau buồn của một người cha mất con. Bạn bè vội xúm quanh ông với niềm xót thương vô hạn, không chỉ đơn giản là sự thông cảm. Ngay cả viên sĩ quan Pháp cũng đi theo đám tang và tỏ ra rất xúc động trước số mệnh non yếu bi thảm của một cô gái đáng yêu như Cora. Khi người đàn bà hèn mọn nhất của bộ lạc cũng đã đi vào đám tang trật tự nhưng đầy vẻ man rợ này, đám đàn ông Delaware lại khép vòng tròn quanh thi hài Uncas và lại đứng yên, nghiêm trang như lúc trước.

Nơi được chọn để chôn cất Cora là một quả đồi nhỏ có những cây thông non và khỏe rủ bóng râm mát, khung cảnh thật thơ mộng và thích hợp. Lên tới đỉnh đồi, các cô gái đặt thi hài Cora xuống và đứng chờ một lúc lâu với vẻ kiên nhẫn e dè đặc biệt của thổ dân để xem những người có liên quan nhất đến người chết có vừa lòng với sự sắp đặt này không. Cuối cùng, Mắt Chim Ưng, người duy nhất hiểu được tập quán địa phương, nói bằng tiếng Delaware:

“Các cô gái đã làm rất tốt, những người da trắng cảm ơn các cô.”

Vui lòng với câu khen ngợi, các cô đặt tử thi vào một chiếc quan tài làm rất khéo và đẹp bằng vỏ cây bulô, rồi hạ xuống huyết tối om, nơi yên nghỉ cuối cùng của Cora. Công việc lấp huyết và phủ kín nấm mồ mới đắp bằng lá cây và những vật

khác theo tập tục cũng được tiến hành một cách đơn giản và yên lặng. Sau khi làm xong công việc buồn thảm đó một cách nhiệt tình thân ái, các cô gái tốt bụng còn đang do dự không biết phải gì nữa thì người trinh sát đã cất tiếng nói:

“Các cô đã làm đủ rồi! Linh hồn người da trắng không cần đến quần áo và thức ăn đâu,” thấy David đang mở cuốn sách nhỏ chuẩn bị đọc một bài kinh an táng, bác nói thêm: “Tôi thấy có một người am hiểu tục lễ Cơ Đốc giáo đang sửa soạn lên tiếng đây.”

Các cô gái khép nép đứng sang một bên; từ cương vị những người giữ vai trò chính trong cuộc lễ, lúc này các cô trở thành những người quan sát chăm chú và thụ động. Suốt khoảng thời gian David biểu lộ những tình cảm thành kính của mình trong bài ca, các cô không tỏ vẻ gì ngạc nhiên hoặc sốt ruột. Họ lắng nghe như hiểu được ý nghĩa và cảm thông với những tình cảm buồn thương, hy vọng và nhần nhục hòa hợp trong những câu nói lạ lùng đó.

Bị kích động trước cảnh tượng vừa được chứng kiến và có lẽ trong lòng cũng có nhiều xúc động, David hát hay hơn mọi ngày. Giọng anh âm vang, sang sảng cũng không thua kém tiếng hát êm dịu của các cô gái; những người da trắng có mặt lại càng hiểu ý nghĩa giọng hát lên bổng xuống trầm của anh. Anh hát suốt từ đầu đến cuối bài ca trong một bầu không khí trang nghiêm im lặng.

Khi đoạn ca cuối cùng vừa dứt, mọi người kín đáo, rụt rè đưa mắt nhìn nhau, tuy không dám nói ra nhưng vẫn lộ vẻ chờ đợi người cha cô gái xấu số phát biểu. Dường như Munro cũng thấy đã đến lúc phải làm công việc gay go nhất mà một người có thể làm được. Ông ngả mũ ra để lộ mớ tóc hoa râm, cứng cỏi

và bình tĩnh nhìn đám người yên lặng e dè đứng xung quanh, rồi vẫy tay ra hiệu cho người trinh sát chú ý, ông lên tiếng:

“Nhờ ông nói với các cô gái tốt bụng và dịu dàng đây rằng con người đang đau đớn đứt ruột đứt gan này xin cảm ơn. Hãy nói với họ rằng Người mà tất cả chúng ta tôn thờ dưới những cái tên khác nhau, sẽ biết đến lòng nhân từ của các cô; và cái ngày chúng ta có thể quây quần xung quanh Người, không phân biệt trai gái, sang hèn và màu da, sẽ không xa đâu.”

Người trinh sát lắng nghe những lời nói run run của người quân nhân già; khi ông nói xong, bác lắc đầu như hoài nghi hiệu quả của câu nói đối với các cô gái Delaware; bác bảo:

“Nói với các cô ấy như vậy chẳng khác gì bảo họ rằng tuyết không rơi vào mùa đông hoặc cây cối trụi hết lá trong những ngày hè nắng gắt vậy.”

Rồi bác quay lại phía các cô gái, chuyển lời cảm ơn của ông bằng lời lẽ phù hợp với khả năng tiếp thu của người nghe. Munro lại gục đầu xuống ngực, chìm đắm trong đau buồn. Vừa lúc đó, người sĩ quan Pháp khẽ đưng vào khuỷu tay ông để lưu ý ông, rồi chỉ vào một tốp thanh niên Anh điêng đang khiêng một chiếc cang nhỏ phủ kín tiền lại gần, xong lại giơ tay chỉ về phía mặt trời.

“Thưa ngài, tôi hiểu ý ngài rồi,” Munro nói, cố lấy giọng cứng rắn, “tôi hiểu ý ngài. Đó là ý muốn của Thượng đế, và tôi xin phục tùng. Cora, con ơi! Nếu lời cầu nguyện của một người cha đang tan nát ruột gan có thể giúp ích cho con, con sẽ được hạnh phúc biết bao! Các ngài, ta đi thôi,” ông cụ nhìn xung quanh và nói tiếp với vẻ hiên ngang nhưng vẫn không giấu nổi nỗi đau đớn quá mãnh liệt lộ rõ trên khuôn mặt nhợt nhạt: “Nhiệm vụ của chúng ta ở đây đã hết; ta đi thôi.”

Heyward vội thi hành mệnh lệnh vì thấy được rời khỏi một nơi ở đó lúc nào anh cũng cảm thấy như không giữ được tự chủ nữa. Tuy nhiên, trong lúc mọi người lên ngựa, anh nắm tay người trinh sát và nhắc lại lời hai người cam kết sẽ gặp lại nhau ở đồn quân Anh. Rồi anh nhảy phắt lên yên và thúc con chiến mã đến bên một chiếc cáng. Những tiếng thốn thức nghẹn ngào từ trong cáng phát ra cho biết là có Alice nằm trong. Munro đi trước, đầu lại gục xuống ngực; Heyward và David theo sau, lặng lẽ và buồn rầu, sau nữa là người sĩ quan tùy tùng của Montcalm và quân hộ vệ. Trừ Mắt Chim Ưng, tất cả những người da trắng đi qua trước mặt dân Delaware và chẳng bao lâu, bóng họ chìm trong khu rừng bát ngát.

Những mối liên hệ trong cơn hoạn nạn đã thắt chặt tình cảm của những con người giản dị ở nơi sơn cước với những người xa lạ có một thời đến với họ. Mối liên hệ ấy không dễ bị xóa nhòa. Năm tháng trôi qua nhưng câu chuyện về cô gái da trắng và người thủ lĩnh Mohican trẻ tuổi vẫn được truyền tụng và làm khuây khỏa các chiến binh trong những đêm dài và trong những cuộc hành quân mệt nhọc, hoặc kích động ý chí phục thù của những chàng trai dũng cảm. Cả những nhân vật phụ trong những sự kiện quan trọng này cũng không bị lãng quên.

Trong bao năm sau, người trinh sát vẫn là sợi dây liên lạc giữa những người da đỏ và cuộc sống văn minh. Qua vai trò trung gian của bác, họ được biết rằng “Đầu Hoa Râm” đã sớm về châu tiên tổ (người ta lầm tưởng ông chết vì đau buồn sau những thất bại quân sự); còn “Bàn Tay Mở” đã cho đưa người con gái sống sót của ông cụ đi xa, đến nơi trú ngụ của những người “mặt tái”; đến đây, cuối cùng nước mắt nàng đã ngừng

chảy và trên mặt nàng đã xuất hiện những nụ cười tươi sáng phù hợp với bản chất vui trẻ của nàng hơn.

Nhưng đó là chuyện xảy ra sau những sự kiện có liên quan đến câu chuyện hiện tại của chúng ta. Sau khi những người đồng chủng đã ra đi, Mắt Chim Ưng quay trở lại nơi cũ, theo tiếng gọi của tình cảm, tiếng gọi mãnh liệt hơn bất cứ sự ràng buộc nào khác về tinh thần. Bác về vừa kịp để nhìn mặt Uncas trước khi ly biệt. Dân Delaware đang khâm liệm thi hài người thủ lĩnh Mohican trong những làn da thú cuối cùng. Họ ngừng tay cho người trinh sát nhìn mặt Uncas, một cái nhìn tha thiết như không muốn rời. Sau đó, thi hài được bó kín, vĩnh viễn không mở ra nữa. Đám tang cũng được tiến hành giống như đám tang Cora; toàn thể bộ lạc tụ tập quanh nấm mồ tạm thời của người thủ lĩnh, tạm thời vì rồi sau đây, hài cốt của anh sẽ được đưa về nơi chôn cất tổ tiên của cả dân tộc.

Động tác cũng như tình cảm của mọi người đều nhất loạt giống nhau. Cũng vẫn cái vẻ đau buồn nghiêm trang, vẻ yên lặng cứng đờ, vẻ tôn trọng đối với người chủ tang như đã mô tả ở trên. Thi hài được đặt theo tư thế nằm, hướng về phía mặt trời mọc, chiến cụ và trang bị sẵn sẵn để bên mình, sẵn sàng cho cuộc ra đi cuối cùng. Chiếc quan tài bảo vệ cho thi hài khỏi tiếp xúc với đất có một lỗ hổng để linh hồn người chết khi cần thiết có thể trở về liên lạc với phần xác ở nơi trần thế, và tất cả đều được những người thổ dân khéo léo giấu kín và bảo vệ cho khỏi bị thú dữ đến phá hoại. Tới đây, phần nghi lễ về vật chất đã xong, và mọi người chuyển sang nghi lễ tinh thần.

Chingachgook lại trở thành đối tượng cho mọi người chú ý tới: Từ này bác vẫn chưa nói, và người ta chờ đợi ở một thủ lĩnh nổi tiếng như bác vài lời phát biểu bổ ích trong dịp quan trọng này. Đoán biết nguyện vọng của bộ lạc, người chiến binh

ng nghiêm nghị và bình tĩnh ngẩng bộ mặt lúc trước vẫn che khuất trong áo và rần rở nhìn mọi người. Đôi môi mím chặt của bác mở ra, và suốt từ đầu buổi lễ đến giờ bác mới nói được rõ ràng:

“Tại sao những người anh em của tôi lại đau buồn?” Bác đưa mắt nhìn đám chiến binh ủ dột đang vây quanh và nói, “Tại sao các con gái của tôi khóc? Vì thấy một thanh niên đi tới nơi săn bắn đầy hạnh phúc ư? Vì thấy một thủ lĩnh đã sống một cuộc đời đầy vinh quang ư? Con tôi tốt bụng, con tôi có trách nhiệm, con tôi can đảm. Ai có thể phủ nhận điều đó? Manitou cần đến một chiến binh như vậy nên đã gọi nó đi. Còn tôi thuộc dòng dõi Uncas và là cha của Uncas này, tôi chỉ là một cây thông cần đã bị người da trắng cắt rễ chặt cành. Dòng giống tôi đã lụi tàn bên bờ hồ nước mặn và giữa núi rừng của dân Delaware. Nhưng ai dám nói rằng Rắn Lớn của bộ lạc đã mất hết sáng suốt? Tôi chỉ còn một mình...”

“Không! Không!” Mắt Chim Ưng kêu lên; từ này bác vẫn đứng yên chăm chú nhìn nét mặt rần rở của bạn và vẫn tự kiểm chế được, nhưng lúc này bác không thể giữ ý kiến riêng trong lòng, “Không đâu, thủ lĩnh ạ, không phải một mình đâu. Chúng ta có màu da khác nhau và có thể có những đặc tính khác nhau, nhưng Thượng đế đã xếp đặt chúng ta cùng đi một con đường. Tôi không có ai thân thích, và cũng như bác, tôi có thể nói là tôi không thuộc dân tộc nào. Uncas là con bác và là một người da đỏ thuần túy. Bác với Uncas có thể gần gũi nhau hơn vì cùng máu mủ. Nhưng nếu có bao giờ tôi quên được người thanh niên đã chiến đấu bên tôi trong trận mạc và ngủ bên tôi trong những lúc yên bình, xin Thượng đế, đáng sáng tạo ra tất cả chúng ta, bất kể màu da và đặc tính của chúng ta thế nào, xin Người hãy quên tôi đi! Cháu Uncas xa chúng ta

trong một thời gian nhưng Chingachgook ạ, bác không lẻ loi đâu.”

Chingachgook nắm chặt bàn tay mà người trinh sát, trong lúc tình cảm dạt dào, chìa ra qua nắm mồ mới đắp. Hai con người tráng kiện can trường của núi rừng ngả đầu vào nhau, thấm thiết tình bạn; những giọt nước mắt nóng hơi của họ rỏ xuống như mưa rơi, tưới lên nắm mồ của Uncas.

Trước tình cảm chứa chan của hai chiến binh nổi tiếng nhất vùng, ai nấy đều yên lặng, một sự yên lặng rộn người. Giữa lúc đó, Tamenund vẫy tay ra hiệu cho mọi người giải tán và nói:

“Hỡi con cháu của Lenape, thôi thế là đủ rồi. Cơn thịnh nộ của Manitou chưa hết đâu. Tại sao Tamenund còn ở lại đây? Những người mặt tái đã làm chủ trái đất này, và thời cơ của người da đỏ chưa trở lại. Ngày của ta đã quá dài. Buổi sáng, ta thấy các con của Unamis sung sướng và khỏe mạnh, vậy mà trước khi đêm xuống, ta đã sống để nhìn thấy người chiến binh cuối cùng của dòng giống Mohican sáng suốt.”

HẾT

• Chú thích •

[1] Người lái buôn thành Venice (hồi 2, cảnh I) của William Shakespeare (1564 - 1616).

[2] Richard II (hồi 3, cảnh hai) của William Shakespeare.

[3] Họ là những người Anh hoặc Pháp di cư sang Bắc Mỹ để khai hoang lập nghiệp.

[4] Đông - Bắc nước Mỹ, dài 125 dặm, nằm giữa hai bang Vermont và New York, mang tên nhà thám hiểm Pháp Champlain, người sáng lập và thống đốc đầu tiên các thuộc địa Pháp ở Canada.

[5] Người dân da đỏ thường đặt những tên có tính miêu tả. Horican có nghĩa là “cái đuôi của hồ”, tên địa lý là hồ George.

[6] Dãy núi này cắt ngang thuộc địa Anh nằm trên bờ Đại Tây Dương và thuộc địa Pháp ở phía Tây, sâu trong lục địa.

[7] Tướng Edward Braddock, chết trong một trận giao chiến với quân Pháp năm 1755.

[8] Chàng trai này chính là George Washington, và sau chỉ huy quân đội Mỹ chống lại nước Anh và trở thành tổng thống Hoa Kỳ đầu tiên (1732 - 1799).

[9] Hầu tước Montcalm chỉ huy đạo quân Pháp ở Bắc Mỹ từ năm 1755 tới 1759, chết trận tại Quebec, Canada.

[10] Theo Thánh kinh, đại giáo chủ Noah đã cứu được gia đình cùng các loài vật trên trái đất thoát khỏi nạn hồng thủy.

[11] Người lái buôn thành Venice (hồi 5, cảnh một) của William Shakespeare.

[12] Các chiến binh da đỏ có tục lệ lột mảng da đầu có chỏm tóc của kẻ địch bị giết để ghi lại chiến thắng.

[13] Thần Ánh sáng, Nghệ thuật và Công lý.

[14] Vua Israel, theo truyền thuyết, thuở trẻ là người chăn súc vật, sau nổi tiếng về chơi đàn thục cầm và soạn thánh ca.

[15] Lời Thánh kinh.

[16] “Một người da đỏ bên phần mộ tổ tiên” của William Cullen Bryant, nhà thơ Mỹ, 1794 - 1878.

[17] Sông Mississippi.

[18] Ý nói là đại dương.

[19] Tức là người da trắng ở châu Âu.

[20] Tức phương Nam.

[21] Từ của thổ dân châu Mỹ dùng để chỉ thần Cơ Đốc giáo.

[22] Ý nói là rượu mạnh.

[23] Ngày trước, người Mohicans sống tại miền này.

[24] Giác mộng đêm hè (hồi 2, cảnh một) của William Shakespeare.

[25] Dã thú thường đến đây liếm muối.

[26] Thời bấy giờ, đồng phục của quân chính quy Anh mang màu đỏ.

[27] Nguyên văn bằng tiếng Pháp.

[28] Người lái buôn thành Venice (hồi 5, cảnh một) của William Shakespeare.

[29] Lời Thánh kinh.

[30] Tối thứ Bảy dưới mái nhà tranh của Robert Burns, nhà thơ Anh ở xứ sở Scotland, 1750 - 1798.

[31] Tức David, vua xứ Israel, khoảng thế kỷ 10 trước Công nguyên.

[32] “Thi sĩ” của Thomas Gray, nhà thơ Anh, 1716 - 1771.

[33] “Thi sĩ” của Thomas Gray, nhà thơ Anh, 1716 - 1771.

[34] Người lái buôn thành Venice (hồi 5, cảnh ba) của William Shakespeare.

[35] Giấc mộng đêm hè (hồi 1) của của William Shakespeare.

[36] Một quân cảng Pháp bị người Anh chiếm vào năm 1758.

[37] Tức là tuyên chiến với nhà vua.

[38] Đêm thứ mười hai (hồi 4, cảnh hai) của William Shakespeare.

[39] Giày đi rừng cho người Anh điêng.

[40] “Một cảnh chết chóc trong đêm” của Thomas Parnell, nhà thơ Ireland, 1679 - 1718.

[41] Vua Henry thứ sáu (hồi 3, cảnh hai) của William Shakespeare.

[42] Đoạn này có nhiều câu nguyên văn tiếng Pháp. Chúng tôi để chữ ngả.

[43] Vua Henry thứ năm (hồi 1, cảnh một) của William Shakespeare.

[44] Pháo đài Ticonderoga do người Pháp xây năm 1755 và bị quân Anh chiếm giữ trong cuộc chiến tranh giành độc lập (1775 - 1783), quân Mỹ đã làm chủ pháo đài này (1775) nhưng hai năm sau lại để rơi vào quân Anh do tướng Burgoyne chỉ huy.

[45] Thời bấy giờ, ở nước Mỹ non trẻ, chủ trương xây dựng kênh đào đã gây ra một cuộc tranh luận sôi nổi trong giới chính trị.

[46] Heyward ám chỉ tới pháo đài xây tại thành Quebec.

[47] Vua Lia (hồi 5, cảnh một) của William Shakespeare.

[48] Nguyên soái Pháp, kỹ sư xây thành lũy rất nổi tiếng, 1633 - 1707.

[49] “Thi sĩ” của Thomas Gray, nhà thơ Anh, 1716-1771.

[50] Những người da đỏ đang lột da đầu các nạn nhân để làm chiến lợi phẩm.

[51] David nhắc tới một điển tích trong Thánh kinh.

[52] Dân da đỏ không giết người điên.

[53] Âm chỉ vua nước Pháp.

[54] Othello (hồi 5, cảnh hai) của William Shakespeare.

[55] Người lái buôn thành Venice (hồi 3, cảnh một) của William Shakespeare.

[56] “Cuộc hành quân của Childe Harold” của George Gordon Byron, nhà thơ Anh, 1788 - 1824.

[57] Người da đỏ thông tin cho nhau bằng cách đốt lửa để khói bốc lên.

[58] Các bà vui tính ở Windsor (hồi 4, cảnh hai) của William Shakespeare.

[59] Giấc mộng đêm hè (hồi 3, cảnh một) của William Shakespeare.

[60] Lady of the Lake (Công nương bên hồ, hồi 4, cảnh 2) của Sir Walter Scott.

[61] Trích trong thiên hùng ca Iliad của Homer, nhà thơ Hy Lạp ở vào khoảng thế kỷ 8 trước Công nguyên.

[62] Trong bản tiếng Anh chỗ này chỉ Lau Uốn Cong chứ không phải ông bố.

[63] Giấc mộng đêm hè (hồi 1, cảnh hai) của William Shakespeare.

[64] Giấc mộng đêm hè (hồi 1, cảnh hai) của William Shakespeare.

[65] Theo Thánh kinh, Balaam là một nhà tiên tri có con lừa biết nói.

[66] David được bọn Huron coi là một kẻ mất trí, và đối với một kẻ mất trí, chúng không giết.

[67] Julius Caesar (hồi 1, cảnh hai) của William Shakespeare.

[68] Tức là đi hàng một.

[69] Dân Anh điêng thường hay nói chuyện với giống vật.

[70] Chẳng có chuyện gì cũng làm rối lên (hồi 3, cảnh năm) của William Shakespeare.

[71] Món ăn bằng ngô và đậu già lẫn với nhau. Người da trắng cũng ăn món này.

[72] Trích trong Thiên hùng ca *Iliad* của Homer.

[73] Đôi khi dân Châu Mỹ gọi thần hộ mệnh của họ là Manitou, biệt âm của tên người thủ lĩnh nổi tiếng được nhắc đến trong truyện, có nhiều truyền thuyết nói về đặc tính và sức mạnh của Manitou.

[74] Dân Delaware gọi William Penn là Minquon vì đối với họ, ông không bao giờ dùng bạo lực hoặc tỏ ra bất công. Tính trung thực của ông đã được truyền tụng. Dân Mỹ châu tự hào một cách chính đáng vì nguồn gốc của dân tộc mình, một nguồn gốc có lẽ có một không hai trong lịch sử thế giới. Nhưng dân Pennsylvanian và Jerseyman càng có lý do để tự hào về ông cha mình hơn dân của bất cứ bang nào khác. Vì họ đã không làm gì hại cho chủ nhân gốc của những đất đai đó.

[75] Người lái buôn thành Venice (hồi 4, cảnh một) của William Shakespeare.

[76] Vua Henry (hồi 4, cảnh bảy) của William Shakespeare.

[77] Trích trong Thiên hùng ca *Iliad* của Homer.

[78] Rừng ở Mỹ cỏ ít bụi rậm và dây leo chằng chịt nên ngựa có thể hoạt động được. Kế hoạch của Mất Chim Ưng luôn luôn giành thắng lợi trong các trận đánh giữa người da trắng và người da đỏ. Trong chiến dịch nổi tiếng trên sông Miami, tướng Wayne bị quân địch dàn thành hàng nổ súng, ông bèn ra lệnh cho kỵ binh chuyển vị trí sang bên sườn.

[79] Marco Bozzaris của Halleck Fitz-Greene, nhà thơ Mỹ, 1790-1867.